Sào Nam **PHAN-BỘI CHÂU**

CHU DỊCH

★

LỜI GIỚI THIỆU

của

MÍNH VIÊN

HUỲNH THÚC KHÁNG

TUYEN-HUU-PHUOC
TU-SÁCH ĐỊNH

TIMSACH.COM.VN

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi — SAIGON

SÀO NAM

PHAN BỘI CHÂU

1T3
CH125(P)

CHU DỊCH

LỜI GIỚI THIỆU

của

MÍNH VIÊN

HUỲNH THÚC KHÁNG

TIMSACH.COM.VN

2944

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ

62 Lê Lợi, Saigon

Lời giới thiệu

Từ Âu-học tràn khắp phương Đông, Học giả phương Đông say mê theo ngọn triều Âu-hóa.

Nói đến triết-học thời kể những Bá-Lạp-Đồ (Platon), Khang Đức (Emma-nuel Kant) Tô-Cách-Lạp-Đễ (Socrate) v.v... nay dẫn sách này, mai diễn thuyết nọ, mà bao nhiêu triết học sẵn có ở bên phương Đông ta, xem như một vật trong viện Tàng-Cổ, mà không ai nhắc đến.

Gần đây các nhà Học-giả Âu-Tây, khảo sát Văn-hóa phương Đông, nhiều người tỏ lòng sùng bái, tìm các sách xưa mà dịch ra để du-nhập tư-tưởng cho Học-giả Âu-Tây.

Xem bài Ký-yết Khổng miếu của Bác-sĩ Ô-Lư người Pháp, thời rõ người Tây yêu chuộng triết-học Đông-phương là dường nào.

(Bài này nguyên Pháp-văn, báo Nam phong số 83 có dịch đăng).

Ký giả có một người bạn tinh-thâm Hán-học, trên hai mươi năm du-lịch nước Nhật và nước Tàu, cùng Học-giả Đông-Tây giao-thiệp cũng nhiều, nay tuổi đã già không muốn chen mình vào trong cuộc đời đáng chán này, xoay lại đóng cửa đọc sách, làm bạn cùng mấy bậc Danh Triết đời xưa. Trong lúc thong thả, nhân đem bản Chu Dịch dịch ra Quốc-văn, lấy tư tưởng cao thượng Dung-hợp, mà giải-thích theo lối Vũ-trụ-quan 宇宙觀 nhân-qanh quan 人生觀 phát-triển được nhiều tinh-diệu, và thích hợp với lẽ tiến hóa.

Thuở nay nhiều người xem bộ Chu-Dịch, như một thứ sách chỉ dùng về việc bói, việc số, đã không ích cho đời, mà lại dẫn người đời vào cõi mê-tín. Nay có bản sách này, không khác gì dọn gai-gốc mà thấy đường bằng, vẹt mây-mù mà thấy mặt trời, làm cho chân-tướng triết-học của Thánh-Hiền Đông-phương, bị che lấp mấy trăm đời, nay được bày tỏ một cách sáng suốt, giá trị của bản sách nầy không phải là ít.

Toàn bản Chu-Dịch Quốc-văn nầy có mười quyển nhỏ, đầu từ quẻ Càn, sau đến quẻ Vị-Tế, gồm **sáu mươi bốn quẻ**, *Hào từ, Tượng, Soán, đều có giải-nghĩa, mà bình-luận một cách rõ ràng.*

Hiện xã hội ta ngày nay, đối với Hán-học có chiều lãnh đạm, mà nhất là triết-học cao sâu thâm thúy như bản Chu-Dịch nầy, lại cũng ít người muốn xem; mà có lẽ cũng ít hiểu nữa. Vì thế, nên chưa dám in vội.

Tuy vậy, ngọc ở trong đá, vàng ở dưới bùn, đầu là ít người thưởng thức đến, song cái giá-trị quí báu của nó, không vì cái cớ che-lập ấy mà tiêu mòn, mà hai mươi triệu con Hồng cháu Lạc nầy, há lại không có người có cái ý-tưởng đối với triết-học phương Đông ta, mà tỏ lòng muốn bảo tồn và phát triển ra hay sao?

Ký giả nghĩ thế, nên trước hết viết mấy lời tỏ cùng đồng bào ta, biết nhà Hán-học ta có người học được thâm thúy, đủ trí thức mà phát triển được những học-thuyết của Thánh-Triết xưa, để cống hiến cho kẻ hậu học, sau xin đăng bài tựa của người làm bản sách **Chu Dịch Quốc Văn** *ấy, Độc giả nếm một miếng, cũng đủ biết mùi toàn đỉnh, còn sự ấn-hành xin đợi ngày khác.*

MÍNH-VIÊN

茗園

QUỐC VĂN

CHU DỊCH

TIMSACH.COM.VN

DIỄN GIẢI

六義伏

一乾　二兌　三離　四震

八純乾	澤天夬	火天大有	雷天大壯
天澤履	八純兌	火澤睽	雷澤歸妹
天火同人	澤火革	八純離	雷火豐
天雷无妄	澤雷隨	火雷噬嗑	八純震
天風姤	澤風大過	火風鼎	雷風恒
天水訟	澤水困	火水未濟	雷水解
天山遯	澤山咸	火山旅	雷山小過
天地否	澤地萃	火地晉	雷地豫

卦四十

巽五	坎六	艮七	坤八
風天小畜	水天需	山天大畜	地天泰
風澤中孚	水澤節	山澤損	地澤臨
風火家人	水火既濟	山火賁	地火明夷
風雷益	水雷屯	山雷頤	地雷復
八純巽	水風井	山風蠱	地風升
風水渙	八純坎	山水蒙	地水師
風山漸	水山蹇	八純艮	地山謙
風地觀	水地比	山地剝	八純坤

PHÁT ĐOAN-TỪ

發端辭

Triết-học Đông phương xưa nay có ba nhà :

Một là : **PHẬT-HỌC**. 佛學

Hai là : **DỊCH-HỌC**. 易學

Ba là : **LÃO-HỌC**. 老學

Nhưng Phật-học thời lý-tưởng quá cao, mà qui-kiết về xuất thế ;

Lão-học thời vẫn một nhà nhập thế, nhưng quá trọng về đường thuật-số mà cũng không thể thông dụng được ở nhân gian.

Chúng ta tham khảo chiết trung 參考折衷 ở trong các nhà Triết-học Đông-phương, vừa tinh-vi 精微, vừa thiết-thực 切實, vừa thấu-lý 透理 vừa thích-dụng 適用, thời chẳng gì bằng Dịch - học.

Lòng ưu thì mẫn thế 憂時憫世 gốc ở một tấm lòng từ bi 慈悲 thời Dịch chẳng khác gì Phật, tùy thì thức-thế 隨時識攷 đủ trăm đường biến hóa, thời dịch có lẽ hay hơn Lão.

Thầy Thiệu-Khang-Tiết 邵康節 có nói rằng Trương-Tử-Phòng đắc Lão chi dụng, Mạnh.-Kha đắc Dịch chi dụng 張子房得老之用.孟軻得易之用.

Nghĩa là : ông Tương-Tử-Phòng thời được cái đại dụng của Lão ; thầy Mạnh-Kha thời được cái đại dụng của Dịch.

Thầy Lục-Tượng-Sơn 陸象山, thầy Vương-Dương-Minh 王陽明 thời đã tinh thông Dịch học, mà học thuyết lại thường cận tự Phật học.Vậy mới biết rằng : đã nghiên cứu Dịch-học, thời Phật học, Lão học, cũng có thể nhất dĩ quán chi.

Gần nay Âu-Châu triết-học thịnh-hành, mà học-giả nước Đức là ông Uy-Lệ-Hiên vào xứ Thanh-Đảo 青島 nước Trung-hoa, mời thầy học Dịch, nghiên-cứu hơn 20 năm, biên thành bản Đức-Văn Chu-Dịch, đưa về nước trình vua Đức, được Uy- Liêm (Guillaumce II) thưởng cho Bác-sĩ Học-vị.

Bây giờ nhà Văn-học Đại-học nước Đức, lấy sách ấy làm một bản chuyên-môn Giáo-khoa.

Thanh-niên Học-giả nước Đức chia làm hai phái :

1.— **LÃO PHÁI** 老派 ;

2.— **DỊCH PHÁI** 易派 ; thảy chú-trọng về Đông-phương triết-học.

Người Tây-phương quý-trọng triết học Đông-phương đến như thế, cớ sao người nước ta sinh ở Đông-phương, lại giòng-dõi con nhà Hán-học, mà nỡ bỏ Dịch-học chẳng ai nhắc tới.

Phật trong nhà không cầu, đi cầu Thích-Ca ngoài đường ; trong túi mình có bảo-châu mà ngửa tay xin người từ hạt gạo 囊中有一串寶珠而張手向人乞一粒米, thế chẳng là sự rất quái gỡ hay sao ?

Bỉ-nhân lúc trẻ theo đòi Khoa-cử, chẳng qua vì tầm chương trích-cú 尋章摘句, nhân đó mà thiệp liệp 涉獵 Kinh-Dịch được hơn mười năm. Nhưng kể đến nghĩa kín lời sâu, thời chẳng qua một người đứng ngoài ngõ ; ơn giời dạy bảo được vào trường trời dạy hơn hai mươi năm, sinh nhai về bể mặn đồng chua, thầy bạn với non xanh nước biếc, mỗi khi u-cư độc xử 幽居獨處 đem mấy pho Nhật-văn Hán-dịch 日文漢譯 ra xem, mới biết một nước phú-cường ở Á-châu như nước Nhật-Bản, mà sách Chu dịch, Tôn-tử, Quản-tử 孫子.管子, tất thảy phiên-dịch làm Nhật-Văn, lại y nguyên-văn đặt làm chuyên-môn Giáo-khoa-thư 專門教科書.

Ôi ! trông người lại gẫm đến ta, trót 4000 năm mà bản sách Chu-Dịch chỉ là một bản sách làm ơn cho bọn Thầy mù gỡ gạo, và mấy chú Văn-sĩ mướn để chiếm áo mũ cân đai mà thôi, óc tinh-vi huyền-bí 精微玄秘 của bốn vị Thánh : **Hy, Văn, Chu, Khổng** 羲文周孔 văn cứu thì thiệp thế hơn 2000 năm, chúng ta vẫn có trong nhà, mà xem bằng tờ giấy loại. Thế chẳng đáng tiếc lắm hay sao ?

Bỉ-nhân kể về Dịch-học, chẳng khác gì vỏ nghêu lường bể, trong ống dòm trời 以蠡測海以管窺天, mà dám nói phát-minh Dịch-lý đâu. Chỉ vì nhất phiến khổ-tâm, đau nỗi thiên-thu tuyệt-học. Ví như đồ ăn, thức uống, miệng mình đã biết là ngon, thời chẳng dám riêng làm mình có. Vậy mới phiên dịch bản sách nầy : nhan rằng : **Quốc-Văn Chu-Dịch Diễn-giải.**

Tri ngã, tội ngã, thời tùy lòng kẻ xem.

PHAN-SÀO-NAM

潘巢南

TIMSACH.COM.VN

PHÀM - LỆ 凡例

PHÀM-LỆ I 凡例一

Trước phải biết những người nào làm ra Kinh-Dịch.

Chú minh 註明 : Bản sách nầy trải qua tay bốn Vị Đại-Thánh làm nên : **Phục-Hy, Văn-Vương, Chu-Công, Khổng-Tử** 伏羲, 文王, 周公, 孔子.

Lúc đầu-tiên ở đời Thượng-Cổ, chưa có Văn-Tự, dân sinh chưa biết gì là lợi, hại, cát, hung.

Nhưng người sinh ngày một đông, không thể hỗn-độn được mãi, mới có vị Đại-Thánh thông-minh trí-tuệ 聰明智慧 thứ nhất là **Phục-Hy**.

/Trên xem văn-trời, dưới xét lý-đất, giữa khảo-sát tình-trạng vạn-vật, mới nghĩ cách mở mang dân-trí, để tăng-tấn văn-minh cho loài người. Bắt đầu chế ra Văn-tự, đặt ra sáu phép viết, mới vạch ra tám quẻ, lại mỗi quẻ gia thêm một tám, tám lần tám là thành ra sáu mươi tư quẻ. Lúc ấy sáu mươi tư quẻ, thành sáu mươi tư dạng chữ.

Lệ như : Ba nét ngang liền ☰ là quẻ **Càn**, tức là chữ Thiên ; sáu nét ngang đứt ☷, là quẻ **Khôn**, tức là chữ Địa v.v...

Đến đời trung-cổ, thánh **Văn-Vương** biết được thâm-ý của Thánh Phục-Hy là cốt lấy sáu mươi tư quẻ ấy, để khai vật thành vụ 開物成務, nghĩa là : mở trí khôn người, làm nên việc đời,

Nhưng sợ chỉ có Quẻ mà thôi, thời chắc người đời không hiểu, nên Ngài mới làm thêm lời Soán vào dưới sáu mươi tư quẻ.

Đến con ngài là **Thánh Chu-Công**, lại làm Hào-từ đặt vào dưới ba trăm tám mươi tư hào.

Lúc bấy giờ bản sách Chu-Dịch mới thành một bản sách có văn-từ, có nghĩa-lý.

Nhưng mà Văn-từ quá giản-áo 簡奧, ý-nghĩa quá tinh-thâm 精深, học giả ít kẻ thông-hiểu. Vậy nên Đức **Khổng-tử** lại thể-ý tùy-thì lập-giáo của ba Thánh trước mà làm thêm bản Thập-dực 十翼.

Dực, nghĩa là cánh con chim, khi Đức Khổng thích nghĩa Kinh-Dịch, nghĩ rằng : nguyên sách của ba Thánh trước, là đủ hình con chim rồi, bây giờ chỉ tổ chức thêm cho thành lông cánh, thời mới gọi là hoàn tuyền.

Vì vậy nên gọi bằng sách Dực.

Bản ấy gồm mười truyện :

1.— **VĂN-NGÔN** 文言

2. - **SOÁN TRUYỆN** 彖傳

3.— **ĐẠI-TƯỢNG-TRUYỆN** 大象傳

4.— **TIỂU TƯỢNG TRUYỆN** 小象傳

5.— **HỆ TỪ THƯỢNG TRUYỆN** 繫辭上傳

6.— **HỆ TỪ HẠ TRUYỆN** 繫辭下傳

7.— **THUYẾT QUÁI TRUYỆN** 說卦傳

8 — **TỰ QUÁI TRUYỆN** 序卦傳

9.— **TẠP QUÁI TRUYỆN** 雜卦傳

2944

Tự quái truyện lại chia làm thượng truyện, hạ truyện gồm thành mười truyện.

Đó là kể những người làm Dịch xong rồi.

PHÀM LỆ II 凡例二

Phải biết nghĩa tên Kinh vì sao mà đặt bằng Dịch. Dịch là nghĩa làm sao ?

Nghĩa chữ Dịch cốt ở tinh thần. Trong chữ Dịch bao hàm ba ý nghĩa : **Bất-dịch, giao-dịch, biến dịch.**

Bất-dịch nghĩa là chẳng thay đổi. Ở trong trời đất : kể dọc là thì-gian, kể ngang là không-gian. Hễ đã có

một vật gì, tất nhiên có một cái chất cố-định của vật ấy, có một việc gì, tất nhiên có một lý nhất định của việc ấy.

Lệ như : **Càn**, là thiên, thiên là trời, trời thời bao giờ cũng khinh thanh tại thượng 輕清在上, **Khôn** là địa, địa là đất, đất thời bao giờ cũng trọng trọc tại hạ 重濁在下.

Lại như : **Khảm** là thủy, thủy là nước, nước thời bao giờ cũng có chất trôi chảy.

Ly là hỏa, hỏa là lửa, lửa thời bao giờ cũng có tia sáng chói v.v.

Vậy nên ở trong Kinh-Dịch đã Càn, thời nhất định là ba nét dương, đã Khôn, thời nhất định là ba nét âm ; đó là nghĩa bất dịch.

Nhưng chân-lý ở trong Vũ-trụ, cái bất dịch ấy, chỉ được một phương diện. Sách Dịch là bao bọc cả sự lý, thiên địa, vạn-vật, không thể chỉ nói bất-dịch mà thôi ; nên lại phải có hai nghĩa nữa : giao-dịch và biến-dịch.

Giao-dịch, nghĩa là trao đổi cho nhau, ở trong vạn-sự, vạn-vật. Bất-dịch là nguyên thể ; giao-dịch là ứng-dụng.

Lệ như : âm-điện giao-hoán với dương-điện, mà sinh điện khí tác-dụng, nam-tinh giao-hoán với nữ-tinh, mà thành được nhân-loại sanh-dục. Lý ấy ở trong Dịch-học, lại càng rõ rệt lắm.

Tức như ba nét dương quẻ Càn giao dịch với Khôn,

thành **Chấn, Khảm, Cấn.** Ba nét âm quẻ Khôn giao dịch với Càn, thành **Tốn, Ly, Đoài.**

Sự vật ở trong thiên-địa cổ kim, muốn xét cho cùng nguyên cực ủy, tự thủy chí chung, thời chỉ một phần giao-dịch cũng chưa hết được chân-lý tác-dụng. Nên phải có một nghĩa nữa là biến-dịch.

Biến-dịch, nghĩa là biến hóa, thay đổi. Sự vật gì theo về phần nguyên-chất, hoặc phần thiên-nhiên, thời vẫn bất-dịch và giao-dịch. Nhưng đã trải qua khi giao-hoán tác-dụng rồi, thời tức có biến-dịch.

Lệ như : Gang Chì vẫn là giống cố thể, mà bỏ vào lò lửa nấu, thời chảy ra nước, hóa thành lưu chất ; tằm vẫn là giống nấp, nhưng khi đã vào kén làm nhộng, hóa ra bướm, thời thành giống bay.

Nghiên-cứu Dịch-học, thời cốt yếu nhất là nghĩa biến-dịch.

Tức như : Dương hào biến ra được Âm hào, quẻ Càn biến ra được quẻ Khôn ; tuyền một bộ sách, không một vạch nào mà chẳng biến-dịch được, ấy là nghĩa rất tinh thông ở trong Kinh-Dịch đó vậy.

Thầy Trình có câu nói rằng : **Dịch chi vi thư, tùy thị biến bịch, dĩ tùng đạo dã** 易之爲書.隨時變易.以從道也.

Nghĩa là : Dịch sở dĩ thành sách ra đó là chỉ cốt ở

theo thì biến đổi cho đúng với đạo mà thôi. Câu nói ấy, chính là lấy nghĩa biến-dịch thích chữ Dịch.

Bàn tóm lại, đủ ba nghĩa như trên ấy, mới hết được nghĩa chữ Dịch, mà ba nghĩa ấy, lại tiếp tục tuần-hoàn đẻ ra nhau.

Lệ như : nguyên chất một người con trai, hoặc một người con gái, thời trai nhất định là dương, gái nhất định là âm, thế là **bất - dịch**. Đến khi trai gái giao hợp với nhau mà sinh ra trai, hoặc gái, thế là nhân giao-dịch mà thành **biến-dịch**. Nhưng đã biến-dịch rồi, thời trai y - nhiên nhất định trai, gái y-nhiên nhất định gái. Thế lại là do biến dịch mà hoàn lại bất -dịch.

Lại như : con tằm hóa ra bướm. Thế là biến-dịch, mà đến khi bướm đẻ ra trứng, trứng nở ra tằm. Thế là do biến - dịch, mà hoàn lại bất - dịch.

Những nghĩa lệ như thế, ở trong Dịch chẳng bao giờ cùng.

Tức như : ba nét dương quẻ Càn vẫn là ba nét dương ; nhưng vì mượn một nét đầu đổi cho Khôn, thành ra Chấn. ☳ Mượn một nét giữa đổi cho Khôn thành ra Khảm ☵ Mượn một nét cuối đổi cho Khôn thành ra Cấn ☶

Đến khi đã biến hết ba nét rồi, thời quẻ Càn thành quẻ Khôn. Khi đã biến ra Khôn rồi, thì Khôn thành bất-dịch.

Giải nghĩa chữ Dịch như thế ; cũng đã lược lược

hiểu qua. Muốn tinh tường sáng-suốt, thì phải xem ở Kinh-văn.

PHÀM LỆ III 凡例三

Hễ học Dịch, tất phải biết chữ Thì 時.

Nghĩa chữ Dịch, cốt yếu nhất là biến dịch, mà cũng qui kiết ở biến dịch.

Nhân vì **thì** có biến dịch, nên Dịch lý cũng phải có biến dịch.

Xưa nay ở trong Vũ-trụ, Không-gian vẫn không biến-dịch, mà thì-gian vẫn thường thường biến-dịch ; một ngày một đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ cho đến một tháng, một năm, một thế-kỷ, một vũ - trụ, biến hóa thay đổi chẳng chốc phút nào dừng, thì-gian hay biến dịch như thế ; nên không-gian cũng thường thường theo thì-gian mà biến-dịch.

Lệ như : thì-gian do Đông mà biến ra Xuân, thời không-gian thường thấy biến nhiều gió hòa mưa ngọt ; thì-gian do Hạ mà biến ra Thu, thời không-gian thường thấy nhiều mù-đen mây trắng ; đêm biến ra ngày, thời không gian thường sáng ; ngày biến ra đêm, thời không gian thường túi. Về phần thiên-nhiên đành như thế,thời phần nhân sự cũng phải như thế.

Thánh - nhân làm sách Dịch dạy người, cốt nhất là tùy thì biến dịch. Vì nghĩa biến-dịch, nên người học Dịch phải tinh nghĩa chữ Thì.

Biến-dịch mà cho đúng với Thì, chính là tinh lý của Kinh-Dịch.

Đổi cũ mà thay ra mới, phá-hoại cái hiện-tại mà kiến-thiết cái tương-lai, nhất thiết nhân sự vô luận hạng người nào, việc nào cũng chỉ đúng thì mà làm thời hay, chưa đúng thì mà làm thời dở. Trong Kinh-Dịch hễ mỗi một quẻ, tất có thì của quẻ ấy. Công-dụng quẻ nào, chỉ làm cho đúng thì của quẻ ấy.

Thầy Thiệu-Khang-Tiết có nói rằng : Chu-Dịch nhất bộ, khả nhất ngôn dĩ tế chi, viết **Thì** 周易一部.可一言以蔽之.曰時 nghĩa là : tuyền bộ Dịch chỉ một chữ mà trùm bọc hết, là chữ Thì 時. Vậy chúng ta học Dịch, tất phải hiểu thấu nghĩa chữ Thì.

Thì, nghĩa là : buổi. Lệ như : buổi trưa thời ăn cơm, buổi đêm thời vào nghỉ.

Thì, nghĩa là : Mùa. Lệ như : Mùa Hạ phải mặc áo cát, mùa Đông mặc áo cầu.

Thì, nghĩa là : giờ. Lệ như : giờ sáng phải mở cửa, giờ túi phải thắp đèn .v.v.

Đoạn này chẳng qua nói đại-lược mà thôi, còn nói kỹ, thời xem ở Kinh-Văn.

PHÀM LỆ IV 凡例四

Học Dịch tất cần phải biết Dịch-số. Tuyền bộ Dịch là một bộ sách số-học.

Nguyên lúc đầu Thánh Phục-Hy vạch ra tám quẻ, là bắt chước ở **Hà-Đồ**.

Hà-Đồ chỉ là một bức số-học, tổng cộng 55 điểm, bày thành số **Cơ, Ngẫu, Âm, Dương**. Cơ là số lẻ, thuộc về Dương số. Ngẫu là số chẵn, thuộc về Âm số. Vậy nên ở trong đồ các khuyên trắng là thuộc về số Cơ, cũng là Dương số ; các khuyên đen là thuộc về số Ngẫu, cũng là Âm-số.

Bây giờ ta hãy theo tượng trong đồ mà xét cho ra nguyên-lý của Vũ-trụ.

Nguyên lúc đầu chưa có trái đất, thời chỉ có không khí ở giữa không gian. Ấy tức là thiên, mà chúng ta gọi bằng trời. Nhưng ở trong không-khí mà gọi bằng trời đó, hàm súc có hai khí :

Giả thiết ra danh-từ mà gọi, thời gọi bằng nhất-âm, nhất-dương. Âm, Dương kiết-hợp với nhau mới ngưng tụ thành hình mà có trái đất, ấy tức là địa, mà chúng ta gọi bằng đất. Đã có trái đất, tức khắc đồng thì ở trong khoảng trời đất 兩間 có luôn Tứ-Tượng (Thủy, Hỏa, Mộc, Kim) cũng gọi bằng **Thái-dương, Thiếu-âm, Thiếu-dương, Thái-âm :** Vậy nên đức Khổng có nói rằng : Thái-cực sinh lưỡng-nghi, lưỡng-nghi sinh tứ tượng, tứ-tượng sinh bát-quái 太極生兩儀.兩儀生四象.四象生八卦.

Thánh Phục-Hy sở dĩ vạch bát-quái, chỉ nhân ở lý-số ấy mà vạch ra. Vậy nên chúng ta muốn hiểu được nguyên-lý của Bát-quái, trước phải tham khảo ở số **Hà-Đồ.**

BẢN-ĐỒ HÀ-ĐỐ 55 ĐIỂM

河圖五十五點

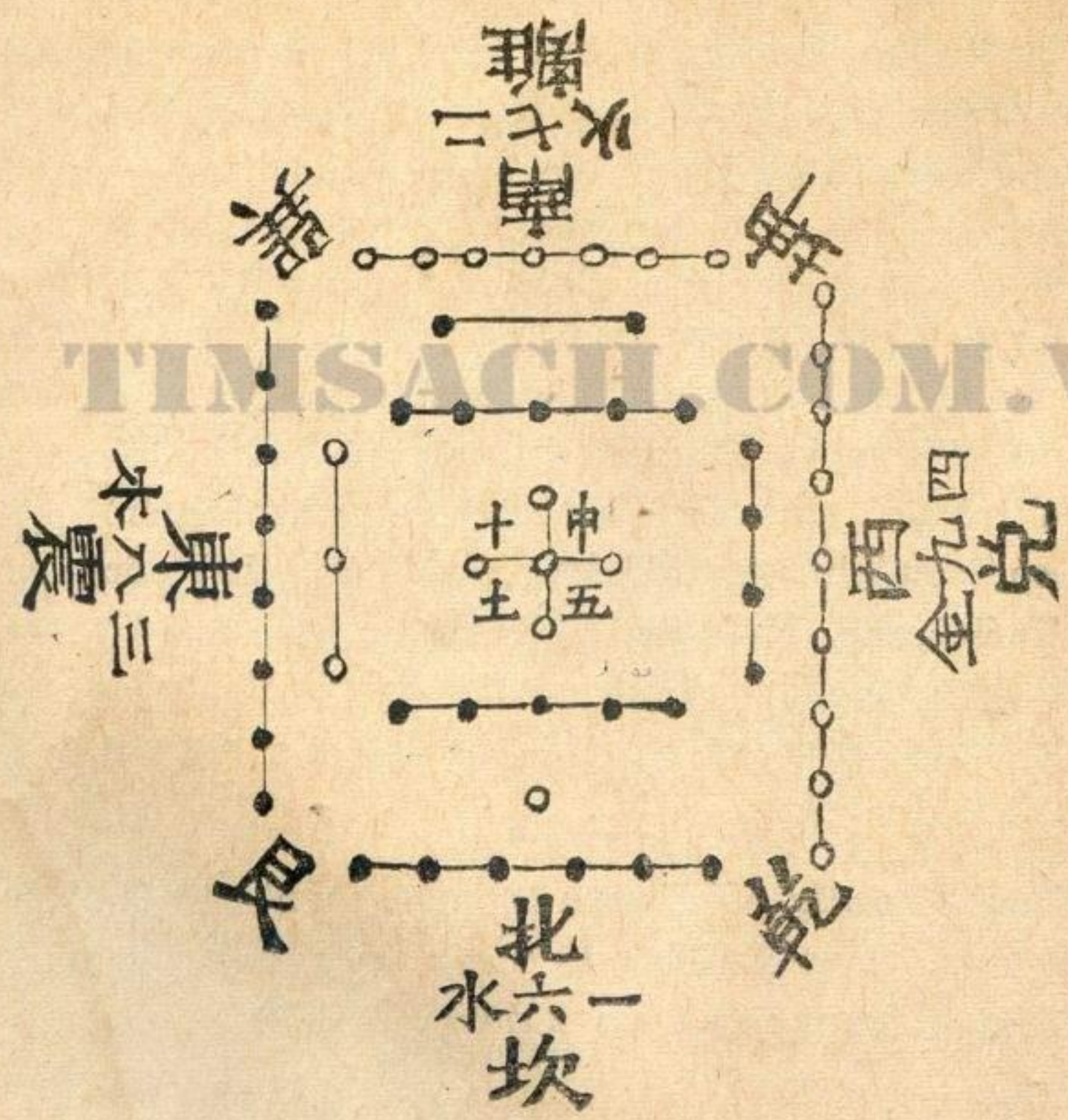

TIMSACH.COM.VN

Xin kê rõ như sau này :

Phương-vị Hà-Đồ bày làm năm bộ : **Bắc, Nam, Đông, Tây, Trung.**

Phương-vị phía Bắc là : **nhất lục thủy** 一六水. Vì lúc đầu ở trong trời đất, có : thủy trước hết, nên lấy số nhất làm số thiên sinh thủy.

Khi đã có Thủy rồi, thời bao nhiêu nhiệt-chất ở trong địa-cầu cũng đồng thì phát hiện, tức là Hỏa. Vậy nên trong đồ-số-vị phía Nam là : nhị thất hỏa 二七火.

Đã có Thủy, Hỏa rồi, thời đồng thì cũng có Mộc, tức là loại thực vật sinh ở trên địa-cầu. Vậy nên trong đồ số-vị phía đông là : **tam bát mộc** 三八木.

Đồng một thì ấy, bao nhiêu những chất ngưng-kiết kiên-cố cũng ở trong địa-cầu nảy nở ra, tức là loài kim, mà chúng ta gọi bằng khoáng-chất. Vậy nên trong đồ số-vị phía tây là **tứ cửu kim** 四九金.

Nhưng đồng-thì Thủy, Hỏa, Mộc, Kim tất phải dựa vào địa-cầu mới phát sinh được, mà tiếp tục bất cùng. Nên bốn giống kia lại phải quán thuộc vào Thổ, mà lại thiên số ngũ, địa số ngũ, phối hợp với nhau mà thành thập. Vậy nên số vị trong đồ đặt **ngũ nhập thổ** 五十土 ở trong cung.

Kể số thời **nhất, tam, ngũ, thất, cửu** là số **Cơ**, mà thuộc về **Dương** gọi bằng **Thiên-số. Nhị, tứ, lục, bát, thập** là số **Ngẫu** mà thuộc về **Âm** gọi bằng **Địa-số.**

Thiên-số ngũ, Địa-số thập, hai số ấy hợp với nhau mà thành thổ ; Tạo thỉ vạn vật, nhờ có số ấy ; chung thành vạn

vật, cũng nhờ có số ấy. Sở dĩ **ngũ, thập thổ** ở chính giữa đồ, mà **ngũ, thập thổ** tức là trung tâm điểm của công dụng Tạo-hóa.

Số năm điểm là số sinh Thổ ; số mười điểm là số thành Thổ. Muốn biết rõ công-dụng của Thổ, thời tất phải lấy số ngũ mà phối-hợp với bốn số kia. Như số Nhất, là số sinh Thủy ; Nhất phối với Ngũ là Lục, tức là số Lục thành Thủy.

Số Nhị là số sinh Hỏa, Nhị phối với Ngũ là Thất, tức là số Thất thành Hỏa.

Số Tam là số sinh Mộc, Tam phối với Ngũ là Bát, tức là số Bát thành Mộc.

Số Tứ là số sinh Kim, Tứ phối với Ngũ là Cửu, tức là số Cửu thành Kim.

Nói tóm lại, nguyên lý của trời đất, hóa sinh vạn-vật, đồng thì chỉ có nhất Âm nhất Dương.

Nhất sinh lưỡng, lưỡng gia lưỡng thành tứ, tứ gia tứ thành bát, bát gia bát, thành bát bát lục-thập-tứ, ấy tức là tinh-ý của Thánh-nhân mượn Số cho rõ Lý, nhưng lại phải mượn Tượng cho rõ Số. Vậy nên trong Dịch-học lại phải xét đến Tượng.

PHÀM LỆ V 凡例五

Nghĩa chữ Tượng ở trong Dịch-học như thế nào ?

Nguyên lý của Vũ-trụ là một giống vô hình, không thể mô-tả được, mà dầu mô-tả được, cũng chẳng bao giờ cùng.

Muốn biểu thị chân-lý, tất nhiên phải mượn những giống hữu-hình, mà chỉ diễn cho ra Tượng nào vào lý ấy.

Lệ như : Càn, tượng là Trời ; Khôn, tượng là Đất ; Chấn, tượng là Sấm ; Tốn, tượng là Gió ; v.v.

Nhưng đó chẳng qua giả thiết ra cái hữu-hình để mô-tả lý vô-hình, cũng như phép trừu-tượng ở trong học-thuyết đời bây giờ.

Nếu học Dịch mà chỉ câu-nệ vào Tượng, mà chẳng nghiên-cứu đến tinh-thần, thời cũng chẳng phải là nhà tinh thông Dịch-học.

TIMSACH.COM.VN

o0o

PHÀM LỆ VI 凡例六

Lại phải biết phương vị và thứ tự ở các đồ.

BẢN ĐỒ BÁT-QUÁI PHỤC-HY

伏羲八卦方位

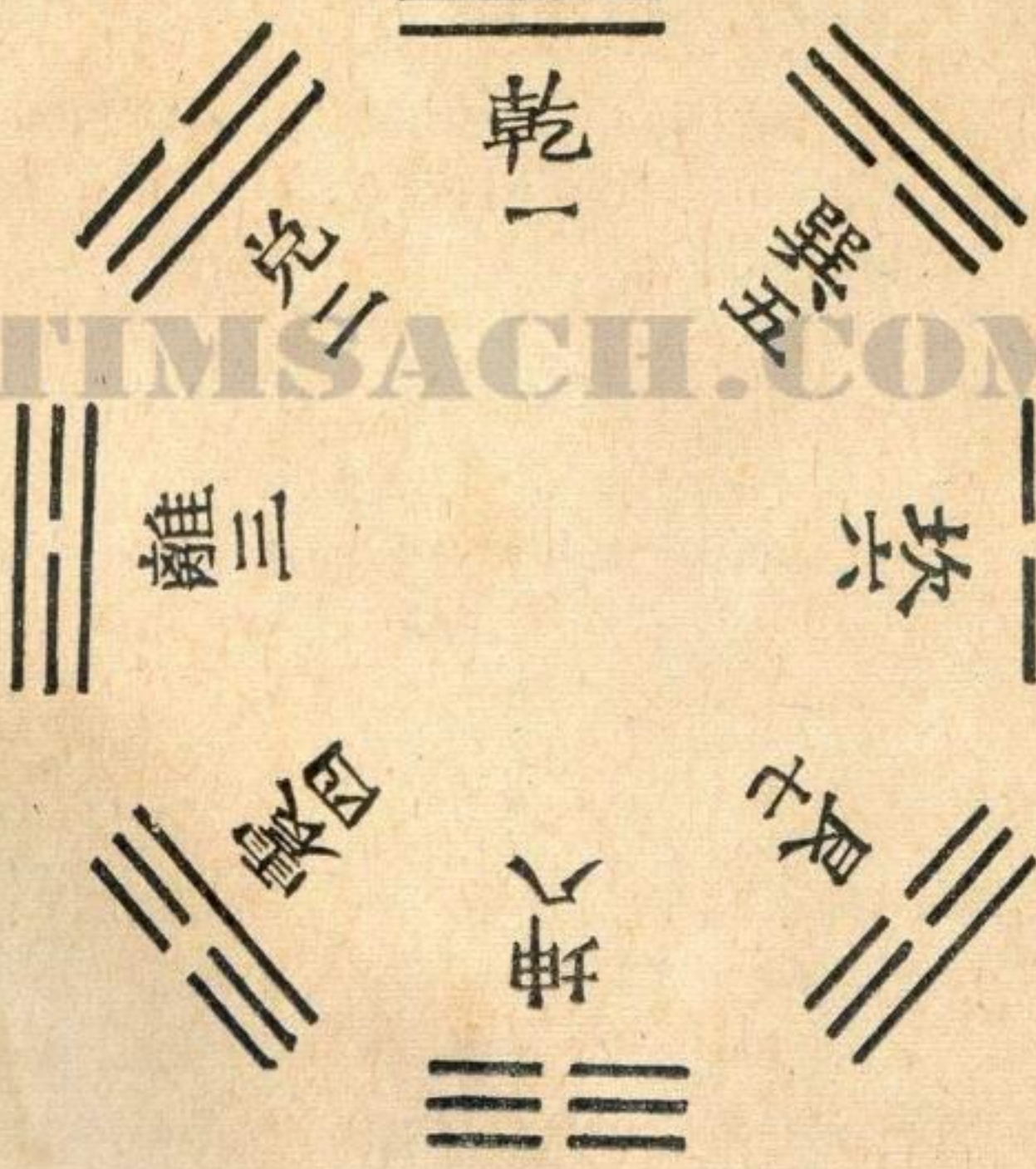

Một là : Đồ phương vị bát-quái của Phục-Hy, đồ nầy là lấy tám quẻ mà hình dung đại tạo-hóa của Thiên Địa.

Càn đóng phía Nam, là tượng trời ở trên ; **Khôn** đóng phia Bắc, là tượng đất ở dưới ; (cái trên dưới đó là

theo hình người ta đứng mà nói, chứ chẳng phải phương vị nhất định của trời đất). **Ly** ở phía Đông, là tượng mặt trời sinh ở phương Đông ; **Khảm** ở phía Tây, là tượng mặt trăng sinh ở phương Tây ; **Chấn** ở phía Đông-Bắc, là tượng sấm động ở phương Đông-Bắc, **Tốn** ở phía Tây-Nam, là tượng gió khi ở phương Tây-Nam ; **Cấn** ở phía Tây - Bắc, là tượng núi trấn ở phương Tây - Bắc ; **Đoài** ở phía Đông-Nam, là tượng nước chằm đổ về phương Đông-Nam.

Lấy Số mà kể, thời : **Càn** nhất ; **Đoái** nhị ; **Ly** tam ; **Chấn** tứ ; **Tốn** ngũ ; **Khảm** lục ; **Cấn** thất ; **Khôn** bát. Lấy tượng mà hình-dung, thời **Càn** là thiên ; **Khôn** là địa ; **Chấn** là lôi ; **Tốn** là phong ; **Khảm** là thủy ; **Ly** là Hỏa ; **Cấn** là sơn ; **Đoài** là trạch. Từ Càn nhất đến Chấn tứ đi thuận ; từ Tốn ngũ đến Khôn bát đi nghịch.

Hai là : đồ thứ tựsáu-mươi-tư quẻ của Phục-Hy, cũng là đồ ngang. Đồ nầy kể dưới kể lên, **dưới cùng đồ trắng không, là tầng đầu hết**, để hình-dung nguyên thỉ của Vũ-trụ, gọi bằng Thái-cực. **Lên tầng thứ hai là** Thái-cực mà sinh Lưỡng-nghi (Lưỡng-nghi là nhất Âm, nhất Dương). **Lên tầng thứ ba** là Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng (Tứ-tượng là : Thái-dương, Thiếu-âm, Thiếu dương, Thái-âm). **Lên tầng thứ tư** là Tứ-tượng sinh Bát-quái ; **Lên tầng thứ năm** là Bát-quái gia gấp, thành thập-lục ; **lên tầng thứ sáu** là thập-lục gia gấp thành tam-thập-nhị ; **lên tầng thứ bảy** là tam-thập-nhị gia gấp thành lục-thập-tứ ; **lên tầng thứ tám,** là kể rõ tên quẻ, mà mỗi một quẻ mẹ nguyên ba nét, gia vào tám quẻ con, thành quẻ sáu nét, cộng thành **bát bát lục thập tứ quái**.

Lệ như : quẻ Càn số nhất, nguyên ba nét ở dưới lại chồng thêm quẻ Càn ba nét ở trên, thành quẻ Càn sáu nét, là **Bát thuần-Càn.** ䷀

Quẻ Càn-nhất ở dưới, chồng thêm vào Đoài-nhị ở trên, thành quẻ **Trạch-Thiên-Quyết** ䷪ (thượng Đoài hạ Càn). Gia Ly-tam vào trên Càn-nhất, thành quẻ **Hỏa Thiên-Đại-Hữu** ䷍ Gia Chấn - tứ vào trên Càn-nhất, thành quẻ **Lôi-Thiên Đại-Tráng** ䷡ Gia Tốn - ngũ vào trên Càn - nhất, thành quẻ **Phong - Thiên - Tiểu-Súc** ䷈ Gia Khảm-lục vào trên Càn-nhất, thành quẻ **Thủy-Thiên Nhu** ䷄ Gia-Cấn thất vào trên Càn-nhất, thành quẻ **Sơn-Thiên-Đại-Súc** ䷙. Gia Khôn bát vào trên Càn-nhất, thành quẻ **Địa-Thiên-Thái** ䷊

Đó là do một quẻ Càn mẹ mà đẻ ra tám con, mà cứ y thứ tự **Càn-nhất, Đoài-nhị, Ly-tam, Chấn-tứ, Tốn-ngũ, Khảm-lục, Cấn-thất, Khôn-bát,** thuận tự mà vẽ ra.

Ở trong hàm có ý thần diệu là : Đầu hết quẻ Càn trên Càn dưới, cuối cùng quẻ Khôn trên Khôn dưới, để tỏ rõ vạn-sự vạn-vật ở trong lưỡng-gian, tất thảy thu nạp vào trong nhất âm nhất dương mà làm nên công-dụng. Theo như trong Đồ-vị, tuy có trước sau, nhưng kỳ thực đồng trong

Bản hoành đồ sáu mươi tư quẻ

伏羲六十四卦次序

橫圖

乾	夬	大有	大壯	小畜	需	大畜	泰	履	兌	睽	歸妹	中孚	節	損	臨	同人	革	離	豐	家人	既濟	賁	明夷	无妄	噬嗑	隨	蠱	益	震	頤	屯	復
坤	剝	比	觀	豫	晉	萃	否	謙	艮	蹇	漸	小過	旅	咸	遯	師	蒙	坎	渙	解	未濟	困	訟	升	蠱	井	巽	恒	鼎	大過	姤	乾

乾	兌	離	震	巽	坎	艮	坤
太陽		少陰		少陽		太陰	
陽				陰			
太極							

một lúc mà nảy ra bấy nhiêu tướng số, chẳng phải tuyệt đối có trước sau.

Ba là : Đồ Phương-vị sáu mươi tư quẻ của Phục-Hy.

Đồ này chia làm hai Đồ. Đồ tròn bọc ở ngoài, đồ vuông đặt ở trong, gọi bằng học lý thuộc về tiên-thiên. Tầng thứ trong quẻ thời cũng y như đồ ngang, nhưng có một đạo lý rất thâm-thúy là miêu tả lý Âm Dương tiêu trưởng. Âm Dương tuy tác dụng chung nhau, nhưng thường có phía tiêu phía trưởng.

Nhất Dương sinh ở quẻ **Phục**, từ đó trưởng lần lần, trưởng đến cùng cực thời là quẻ **Càn**, là quẻ **thuần dương**.

Nhất Âm sinh ở quẻ **Cấn**, từ đó trưởng lần lần, trưởng đến cùng cực thời là quẻ **Khôn**, là quẻ **thuần-âm**.

Trong Đồ tròn đi vòng bên tả là ba mươi hai quẻ, từ quẻ **Phục** đến quẻ **Càn** là miêu tả lý tiêu trưởng thuộc về phần **dương**. Đi vòng bên hữu ba mươi hai quẻ, từ quẻ **Cấn** đến quẻ **Khôn**, là miêu tả lý tiêu trưởng thuộc về phần **âm**. Quẻ **Càn** liên tiếp quẻ **Cấn**, thời biết rằng : Dương cực thời Âm sinh. Quẻ **Khôn** liên tiếp quẻ **Phục**, thời biết rằng : âm cực thời dương sinh, âm dương tuần-hoàn với nhau, không giây phút nào ngớt. Chỉ tranh nhau một tý là : bên nầy trưởng một phân, thời bên kia tiêu một phân ; bên này tiêu một phân, thời bên kia trưởng một phân. Hiểu được quẻ ấy, thời **cuộc đời thịnh suy, việc người lành dữ, nhỏ từ nhất thân, nhất gia, lớn đến nhất quốc, nhất thế giới, cũng** chỉ lẽ ấy mà thôi. Đồ vuông, bốn lớp dưới từ quẻ

Phục đến quẻ Càn, bốn lớp trên từ quẻ Cấn đến quẻ Khôn, cũng ý tứ như đồ tròn. Hễ đồ Thánh Phục-Hy thường hay kể ngược, từ dưới kể lên, nghĩa là nghịch số, là theo hiện tượng tự-nhiên ở trời đất. Từ trên mặt đất kể lên thời vô cùng, từ dưới lòng trời kể xuống thời hữu tận. Dịch lý là vô cùng nên theo về nghịch số.

oOo

TIMSACH.COM.VN

BẢN ĐỒ THỨ TỰ BÁT-QUÁI CỦA VĂN-VƯƠNG

TIMSACH.COM.VN

文王八卦次序

乾
父

坤
母

震 坎 艮
長 中 少
男 男 男

巽 離 兌
長 中 少
女 女 女

BỐN LÀ: Đồ thứ-tự tám quẻ của Văn-Vương, đồ nầy từ trên kể xuống là thuận số.

Tầng thứ nhất, trên hết phía tả là quẻ **Càn**, ba nét thuần dương là cha, tầng thứ nhì, đầu hết quẻ **Chấn**, nguyên thể là Khôn, vì hào Sơ quẻ Càn thay vào, thành quẻ **Chấn là con trai đầu**. Thứ hai quẻ **Khảm**, nguyên thể là Khôn, vì hào chính giữa quẻ Càn thay vào thành quẻ Khảm, **là con trai giữa**. Thứ ba quẻ **Cấn**, cũng nguyên-thể là Khôn, vì hào thượng quẻ Càn thay vào thành quẻ Cấn, là **con trai út**. Đó là Khôn giao-dịch với Càn mà sinh ra được ba trai, là dương phải nhờ có âm đó vậy.

Tầng thứ nhất, trên hết phía hữu là quẻ **Khôn**, ba nét thuần âm là mẹ. Tầng thứ nhì, đầu hết quẻ **Tốn**, nguyên-thể là Càn, vì hào sơ quẻ Khôn thay vào, thành quẻ **Tốn là con gái đầu**. Thứ hai quả Ly, cũng nguyên thể là Càn, vì hào chính giữa quẻ Khôn thay vào, thành quẻ **Ly, là con gái giữa**. Thứ ba quẻ Đoài, cũng nguyên thể là Càn, vì hào thượng quẻ Khôn thay vào, thành quẻ **Đoài là con gái út**. Đó là Âm phải nhờ có dương đó vậy.

Như các đoạn trên kia, là kể qua các đồ-thuyết, còn đoạn dưới nầy mới kể về cương-lĩnh Dịch-học, tức là phàm-lệ cuối cùng.

PHÀM LỆ CUỐI CÙNG

最終之凡例

DỊCH THUYẾT CƯƠNG-LĨNH

易說綱領

Các đoạn trên ấy, chỉ kể qua về Tượng và Số. Bây giờ kể qua về phần Từ (Văn-từ) :

1.— Phải-biết chia loài về nghĩa chữ Âm, chữ Dương.

DƯƠNG là : **Nam, Cương, Thiện, Đại, Chính, Thành, Thực, Quân-Tử, Phú, quý.**

男.剛.善.大.正.誠.實.君子.富.貴.

ÂM là : **Nữ, Nhu, Ác, Tiểu, Tà, Ngụy, Hư, Tiểu-nhân, Bần, Tiện.**

女.柔.惡.小.邪.僞.虛.小人.貧.賤.

2.— Phải biết nhân quả ở trong các chiêm-từ. Lệ như : **Cát**, nghĩa là tốt, cũng là lành ; **Hung**, nghĩa là xấu, cũng là dữ. **Hối**, nghĩa là phàn-nàn, cũng là ăn-năn. **Lẫn**, nghĩa là xấu hổ lắm. **Vô-cựu**, có ba nghĩa : một là : không tội lỗi ; hai là : không trách tội lỗi được ai ; ba là : không biết đổ tội-lỗi vào đâu.

Năm chữ ấy, thảy thuộc về phần kết quả. Nhưng chỉ một chữ **Cát**, là kết quả về phần hay. Ba chữ **Hung**, **Hối**, **Lẫn**, thảy kết quả về phần dở. **Hung**, nặng hơn Lẫn. **Lẫn**, nặng hơn Hối ; **Hối** là trung gian của kết quả dở ; **Lẫn** với **Hung**, là cuối cùng của kết quả dở.

Duy chữ **Vô-cựu**, thời thường không hay, không dở, mà sở dĩ tạo nhân mấy chữ ấy, thời cốt yếu ở **trung** hay **bất trung**, **chính** hay **bất chính**.

Trung, chính thời thường được cát ; bất trung bất chính, thời thường đến nỗi hung, hối, lẫn, mà lại trọng yếu nhất là chữ trung.

Ở trong sáu Hào, chia làm hai quẻ. Một là nội-quái, cũng là hạ-quái, thời lấy hào **nhị** làm trung. Hai là ngoại-quái, cũng là thượng-quái, thời lấy hào **ngũ** làm Trung. Chữ trung, chính là tạo nhân ra chữ Cát, mà chữ Chính cũng cần lắm, nghĩa trong mỗi quẻ sáu Hào, thành ra sáu Vị.

Hào sơ, hào tam, hào ngũ là hào Dương-vị.

Hào nhị, hào tứ, hào thượng là hào Âm-vị.

Hễ đã Dương-vị, thời phải Dương hào ở vào ; hễ đã Âm-vị, thời phải Âm hào ở vào. Thế là đắc chính, nếu Âm hào mà ở vào Dương-vị, Dương-hào mà ở vào Âm-vị, thế là bất chính. Hễ những hào đã bất chính, mà lại bất trung, là tạo-nhân sinh ra Hung, Hối, Lẫn.

Nói tóm lại, tất thảy các lệ như trên, chỉ nói qua đại-cương Dịch-học mà thôi.

Nhưng Dịch-lý biến-hóa vô cùng, xin Học-giả phải hiểu thấu Kinh-văn, mà tìm tòi cho ra chân lý, thời những lệ như trên, cũng chưa phải ấn-định được.

PHÀM-LỆ-CHUNG.

TIMSACH.COM.VN

CHU-DỊCH CHÍNH-VĂN DIỄN-GIẢI

周易正文演解

CHU-DỊCH THƯỢNG KINH

周易上經

TIMSACH.COM.VN

Bây giờ thích vào chính-văn của Kinh.

KINH có **thượng**, **hạ** hai quyển, ở trước khi chưa có văn-tự, thời chỉ có quái hào. Sau khi đã có quái hào rồi, mới có Kinh-văn.

Vậy nên khi chưa thích vào Kinh-văn, trước phải giải thích ba lý-do nầy :

Một là : lý-do sở dĩ có tám quẻ, và lại mỗi quẻ có ba hào.

Hai là : lý do sở dĩ mỗi quẻ thành ra có sáu hào.

Ba là : lý do sở dĩ có tám quẻ, và sáu mươi tư quẻ, ba trăm tám mươi tư hào.

Lý do như thế nầy :

Nguyên lúc đầu Thánh Phục-Hy thoạt thấy được lẽ Vũ-trụ Tạo-hóa, chỉ có nhất Âm nhất Dương. Vậy nên vạch làm một nét cơ (lẻ), cũng là một nét ngang liền, tức là nét dương ; lại vạch ra một nét ngẫu (chẵn), cũng là hai nét ngang đứt, tức là nét âm.

Vạch xong hai nét rồi, lại thấy được ở trong Vũ-trụ, phải có Thiên, Địa, Nhân, mới đủ Tam-tài mà cũng mới thành Vũ-trụ. Vì muốn cho đủ Tam-tài, thời phải âm có ba nét, dương có ba nét.

TIMSACH.COM.VN

Vạch xong hai quẻ ba nét ấy rồi, thời thấy được quẻ **ba nét Thuần-dương là Càn**, quẻ **ba nét Thuần-Âm là Khôn**.

Khi vạch xong hai quẻ Càn, Khôn rồi, lại thấy được ở trong Vũ-trụ chẳng bao giờ cô Dương mà sinh, cũng chẳng bao giờ độc Âm mà Thành. Nếu chỉ hai quẻ Thuần-Dương, Thuần-Âm mà thôi, thời không thể thành được Vũ-trụ, nên phải vạch thêm sáu quẻ. Tức là Dương giao-dịch với Âm, thành ra **Tốn, Ly, Đoài** ; Âm giao-dịch với dương, thành ra **Chấn, Khảm, Cấn**. Sáu quẻ ấy cũng mỗi quẻ ba nét.

Vạch xong tám quẻ ba nét rồi, lại thấy được vạch dưới là **Địa**, vạch giữa là **Nhân**, vạch trên là **Thiên**. Ba

vạch tức là tượng Tam-tài, nhưng mà mỗi tài, tất phải đủ nhất Âm, nhất Dương mới được.

Nếu chỉ quẻ ba nét mà thôi, cũng không thể thành được Vũ-trụ. Vậy nên mỗi nhất phải gia vào nhất thành lưỡng, tam, cái lưỡng thời thành lục. Bây giờ lấy tám quẻ mẹ, tức là quẻ nguyên đầu ba nét, mà mỗi mẹ gia vào tám con, thành bát-bát lục-thập-tứ.

Sở dĩ tuyền bộ Dịch có sáu mươi tư quẻ, ba trăm tám mươi tư hào.

Khi đã đủ mỗi quẻ sáu hào rồi, thời thấy hai hào đoạn dưới (hào sơ, hào nhị), là **tài địa** ; hai hào đoạn giữa (tam, tứ) là **tài nhân** ; hai hào đoạn trên (ngũ, thượng) là **tài thiên**, như thế thời tam tài mới đủ, mà mỗi tài hai nét, tất có nhất Cơ, nhất Ngẫu.

Lệ như : Sơ là số Cơ, Nhị là số Ngẫu, Tam là số Cơ, Tứ là số Ngẫu, Ngũ là số Cơ, Thượng là số Ngẫu. Cơ tức là Dương số, là ngụ ý nhất Dương ; Ngẫu tức là Âm số, là ngụ ý nhất Âm.

Vì mỗi quẻ có sáu hào, mà tam tài mới định. Vạch xong quẻ sáu hào rồi mới chia ra : Ba hào đoạn dưới làm **hạ quái**, với **nội quái** ; ba hào đoạn trên làm **Thượng quái**, với **ngoại quái**. Sở dĩ phải chia ra như thế, là vì Dịch-lý bao bọc cả Thiên-đạo và Nhân-sự.

Nói về Thiên-đạo tất phải có **thi**, có **chung** ; nói về

nhân-sự, tất phải có **thượng, hạ, nội, ngoại**. Vậy nên ư trong sáu hào, phải chia ba hào làm hạ-quái, và nội-quái ; ba hào làm thượng-quái và ngoại quái.

Các lý-do trên ấy, quan hệ nhân-sự cát hung rất nhiều.

Dịch-lý sở dĩ tùy thì biến dịch cũng là vì thế.

oOo

TIMSACH.COM.VN

I.— QUẺ BÁT-THUẦN-CÀN

八純乾

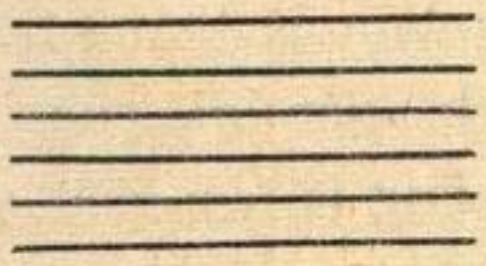

乾上外乾　乾下內乾

Quẻ nầy là quẻ Bát-Thuần-Càn. Càn hạ cũng là nội-càn, Càn thượng cũng là ngoại-càn.

Quẻ nầy sáu nét, tất thảy là nét dương, là tượng về thể trời, mà lại hoàn toàn thuộc về tính cương-kiện, nên đặt tên quẻ bằng Càn; ba nét dưới là Càn hạ, cũng là nội Càn; ba nét trên là Càn thượng, cũng là ngoại Càn.

Nguyên dịch của Phục-Hy chỉ có ngần ấy.

Từ đây sắp xuống là lời Soán của Văn-Vương.

SOÁN TỪ : Càn, Nguyên, Hanh, Ly, Trinh,

乾. 元. 亨. 利. 貞

Soán, nghĩa là đoán. Bởi vì Văn-Vương thấy được quái hào của Phục-Hy mà nghĩ rằng : Nếu chỉ thế mà thôi, thời sợ Học-giả chẳng hiểu được tinh-lý diệu dụng của quẻ.

Vậy nên làm lời soán, sẽ để phán-đoán minh-bạch ý-nghĩa trong quẻ.

Sáu mươi tư quẻ, hễ xem lời soán, tất thảy có thể suy được.

Bây giờ theo chữ một mà thích nghĩa lời Soán quẻ nầy :

TIMSACH.COM.VN

Càn, nghĩa là thuần-dương cực kiện ; **Nguyên**, nghĩa là đầu hết, cũng là lớn ; **Hạnh**, nghĩa là thông thái, cũng là thuận-tiện ; **Lợi**, nghĩa là thỏa thích, tiện-lợi, cũng là nên, là phải ; **Trinh**, nghĩa là chính, cũng là bền-chặt cho đến cuối cùng.

Bây giờ lại thích suốt tuyền Soán từ ý bảo rằng : quẻ Càn nầy in như tính tình của trời, hoàn toàn dương-cương, vả lại trung chính. Tài đức mà cũng được như Càn, thời làm việc gì cũng có thể được to lớn, thông thái, lợi-tiện, thuận-thích mà lại kiên-cố giữ chính cho đến lúc thành-thục, mỹ-mãn.

Nói tóm lại, Nguyên là lúc đầu sinh ra người, mà cũng là lúc bắt đầu làm việc. Người có bản-chất rất tốt, mà khi bắt đầu làm việc, có chủ nghĩa rất hay, mục đích rất tốt, tức là **Nguyên**.

Đã đúng được chữ Nguyên, thời trải qua trung-gian, tất nhiên tấn hành cũng được hanh lỵ, mà đức Nguyên ấy, lại tất phải trì-thủ vững-vàng cho đến lúc kết quả cuối cùng, tức là **Trinh**.

Nay lại đặt một lẽ thí-dụ cho dễ hiểu. Ví như một giống cây, hạt mộng rất tốt, rất chắc-chắn, gieo xuống đất tức khắc nứt ra măng-mậm, ấy là **Nguyên**. Trung-gian sây ngành rậm lá ngậm nụ nở hoa, ấy là **hanh lỵ**. Đến lúc kết thành trái, trái chín, hạt ở trong trái, in như hạt giống nó khi xưa, ấy là **trinh**. Hạt nó đem làm giống gieo xuống đất, lại y nhiên là **nguyên**, bốn đức ấy xây vòng chung thỉ.

Đã **nguyên**, tức nhiên **hanh lỵ**, đã đến hanh lỵ tức nhiên đến **trinh**. Việc lớn như thế, việc nhỏ cũng như thế, làm việc một thân, một gia như thế, làm việc một quốc, một thiên-hạ, một xã-hội cũng như thế.

Nói trái lại, nếu bản chất đầu đã bất trung bất chính, chủ nghĩa đầu đã chẳng tốt, thời tất nhiên bất hanh, bất lỵ, mà cuối cùng bất trinh. Đó chẳng qua theo giữa mặt chữ mà thích, còn thâm-ý của Thánh-nhân, thời nhờ ở học-giả gia tâm suy nghĩ.

Trên ấy là Soán-từ của Văn-Vương. Từ đây sắp xuống là Soán-truyện của Khổng-Tử.

Vì đức Khổng thấy lời Soán của Văn-Vương ý-nghĩa bao hàm quá chừng rộng, đạo lý quá chừng sâu, mà văn-từ lại quá chừng giản, sợ học-giả không hiểu. Đã không hiểu, thời Dịch-lý càng thêm lờ-mờ. Ngài mới làm ra Soán-

truyện, cốt để phát huy lời Soán của Văn-Vương. Vậy nên đầu chương có hai chữ : **Soán viết (Soán truyện,** nghĩa là **truyện để giải thích lời Soán).**

SOÁN TRUYỆN :

Soán viết, đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thỉ, nải thống thiên ; vân hành vũ thí, phẩm vật lưu hình ; đại minh chung thỉ, lục vị thì thành, thì thừa lục long dĩ ngự thiên ; Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trinh ; thủ xuất thứ vật, vạn quốc hàm ninh.

彖曰. 大哉乾元, 萬物資始, 乃統天. 雲行雨施, 品物流形. 大明終始, 六位時成, 時乘六龍以御天. 乾道變化, 各正性命. 保合太和, 乃利貞. 首出庶物, 萬國咸寧.

Truyện Soán nầy chia làm năm tiết để thích cho rõ ý-nghĩa năm chữ : **Càn, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.**

Nguyên năm chữ ấy theo lời của Văn-Vương, thời chỉ nói tóm về đức Càn, với sự nghiệp về đức Càn. Không-Tử mới phân tách bốn chữ ra làm bốn đức, mà Càn thời bao quát cả bốn đức ấy.

1.— Thích riêng về chữ Nguyên 第一節

Soán viết, đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thỉ, nải thống thiên.

彖曰. 大哉乾元, 萬物資始, 乃統天.

Nghĩa lời Soán rằng : lớn vậy thay : đức Nguyên của Càn, bao nhiêu sinh vật ở trong Vũ-trụ, tất thảy nhờ

đức Nguyên ấy, mà bắt đầu nảy nở ra ; đức Nguyên ấy mới thực là thống-quát hết thiên đạo.

2.— Thích nghĩa về chữ Hanh 第二節

Vân hành vũ thí, phẩm vật lưu hình.

雲行雨施. 品物流形.

Nghĩa là : khi vạn vật đã bắt đầu sinh-dục rồi, thời nhờ nguyên khí của Càn, càng ngày càng phát triển, làm ra mây mà có biến-hóa, làm ra mưa mà khắp nhuần thấm, bao nhiêu phẩm vật, nào giống phi, giống tiềm, giống động, giống thực, giống thai-sinh, giống noãn-sinh, giống hóa-sinh, tất thảy thành hình thành sắc, mà trưởng-dục mãi mãi cho đến vô cùng.

Đó là thấy được đức Hanh của Càn. Hai tiết trên ấy chỉ thích nguyên hanh thuộc về phần thiên đạo.

Còn về phần nhân-sự, cũng có Nguyên, Hanh, nhưng mà nhân-sự quá phiền tạp, nhỏ từ thân một người, cho đến những việc gì cũng có nguyên, Hanh ở trong việc ấy, không thể kể ra hết được. Vậy nên Khổng-Tử chỉ lấy cách trừu-tượng mà thích lẽ nguyên hanh của nhân-sự, tức là một bậc người có đức, trời được ngôi trời, chính là một bậc Thánh nhân.

3.— Tiết thứ 3. 第三節

Đại minh chung thỉ, lục vị thì thành, thì thừa lục long, dĩ ngự thiên.

大明終始，六位時成，時乘六龍以御天.

Cứ theo chữ mà thích nghĩa, thời nghĩa là : **bậc Thánh-nhân có đức** sáng-suốt cả chung cả thỉ, thấy được sáu hào vị quẻ Càn, mỗi thì một hào thời thành một vị, Thánh-nhân mới thuận thì trời mà hành đạo, **thì nên ẩn mà ẩn, thì nên hiện mà hiện, thì nên tịnh mà tịnh, thì nên động mà động,** in như cỡi sáu con rồng mà thống ngự khắp cả vùng trời.

Tiết nầy bốn câu : cọng mười lăm chữ, nhưng ý-tứ thâm-diện cốt ở chữ **thì**.

Bởi vì, sáu hào quẻ Càn, hào nào cũng là thể Càn cả, nên gọi bằng **lục long**. Nghĩa là biến hóa bất trắc, thâm diệu vô phương, nên phải mướn chữ lục long để hình dung sáu hào vậy.

Học-giả chớ thấy chữ long mà nhận rằng : con rồng thật, sáu rồng chỉ là sáu hào dương mà thôi.

Nhưng mà sáu hào xử vào sáu địa vị, vị đã khác nhau, nhân đó mà thì cũng khác nhau. Duy Thánh-nhân biết theo **thì** mà xử cho đúng **vị**, lại hay nhân **vị**, mà chuyển đi được **thì**, ấy là **lục vị thì thành**.

Tiết thứ tư sắp xuống thời thích góp hai chữ ly, trinh.

4.— Tiết thứ 4. 第四節

Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lỵ trinh.

乾道變化，各正性命，保合太和，乃利貞.

Thích tóm cả bốn câu, thời nghĩa là : đạo Càn biến hóa, khiến cho những vật gì, thảy chính được tính mệnh, mà lại gìn giữ được đúng nguyên khí thái-hòa, như lúc đầu trời đã phú cho. Thế mới là lý trinh.

Bây giờ lại thích riêng từ câu cho rõ ý-nghĩa.

Càn đạo biến hóa, nghĩa là : đạo Càn là một giống rất hoạt-động, không phải là giống chết.

Ví như : mùa hạ đương rất nóng, bỗng chốc mà mùa Thu mát, mùa đông đương rất rét, bỗng chốc mà mùa Xuân ấm. Lại như : giống ở trong trứng, chẳng bao lâu mà thấy nó hay bay, giống ở dưới nước, chẳng bao lâu mà thấy nó hay nhảy, tất thảy những tình trạng biến-hóa đó, rặt là lẽ tự nhiên của đạo trời, đạo trời chính là đạo Càn. Vậy nên nói rằng : Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh 乾道變化, 各正性命. nghĩa là : đạo Càn tuy hay biến hóa, nhưng mà kết quả, thời mỗi vật gì cứ thành ra vật ấy, trời đã phú cho nó cái lý vô hình, lại phú cho nó cái chất hữu hình, nó cứ giữ được cái lý vô hình, thời thành ra tính. Tỷ như : trâu bò thời hay ăn cỏ, hùm beo thời hay ăn thịt, nó lại được cái chất hữu hình, mà làm cái mệnh của nó, tức là sinh mệnh, như tục ta gọi người bằng nhân mệnh. Bởi vì, nhờ có công dụng của đạo Càn biến-hóa, mà vật nào vật nấy được thỏa thích cái tính, lại hoàn toàn được cái mệnh. Tỷ như : trâu không bao giờ biến ra cọp, cọp không bao giờ biến ra trâu v.v.. ấy là các chính tính mệnh.

Bảo hợp thái hòa 保合太和 nghĩa là : Càn đạo

biến hóa, các chính tính mệnh, thế thời vật nào vật nấy, cũng được đến lúc hoàn thành. Nhưng sở dĩ được hoàn thành, thời gốc nhờ ở lúc nguyên thỉ có hai khí âm, dương hòa hợp ngưng-kết với nhau, mới sinh dục được vạn-vật, nguyên khí ngưng kết đó, tức là thái-hòa.

Thái hòa là cái nguyên thỉ tạo nhân, tạo nhân thế nào, thời kết quả y nhiên thế ấy, tạo nhân của vạn vật, vì có thái hòa, thời kết quả của vạn vật cũng chỉ bảo hợp lấy thái hòa mà thôi. Thí dụ như : loài người lúc đầu sở dĩ kết thai thành hình, là vì có âm dương hòa hợp mà kết thành thai. Đương lúc đầu kết thai, tức khắc có bộ tim con đỏ, bộ tim con đỏ đó, tức là thái hòa ngưng kết mà nên. Tới ngày sinh trưởng ra đời, chống chỏi với hoàn cảnh, tạo thành nên sự nghiệp, kết quả chỉ giữ cho trọn vẹn bộ tim con đỏ mà thôi.

Thầy mạnh có câu rằng : Đại nhân giả bất thất kỳ xích tử chi tâm 大人者,不失其赤子之心. nghĩa là : làm một người lớn, cũng chỉ vì không bỏ mất bộ tim con đỏ mà thôi. Bởi vì, xích tử chi tâm, tức là nhân tâm, mà nhân tâm chính là kết tinh của thái hòa.

Câu nói thầy Mạnh có thể phát minh được nghĩa câu : bảo hợp thái hòa đó vậy.

Tiên kia đã thích lỵ trinh về phần Càn bây giờ lại nói lỵ trinh về phần nhân sự. Mà nói lỵ trinh về phần nhân sự, tất phải chứng vào thánh nhân.

5.— Tiết thứ 5. 第五節

Thủ xuất thứ vật, vạn quốc hàm minh.

首出庶物，萬國咸寧. nghĩa là : đấng Thánh-nhân có đức có tài hơn hết ức muôn vật, thời trong lúc ấy phong hành hưởng ứng, vạn quốc tất thảy nghe theo, mà nước nào cũng tương an vô sự. Thế thời vạn quốc hàm ninh, là ly trinh của Thánh nhân đó vậy.

Bây giờ có một câu hỏi : Cứ như lời đức Khổng thích Soán-từ, thời té ra Nguyên, hạnh, ly, trinh duy Thánh nhân mới được hay sao ?

Không phải thế, Nguyên, Hanh, Ly, Trinh là tứ đức của Càn, thuộc về loài người tức là tứ đoan 仁義禮智.

Nhân, là đức Nguyên ; **Lễ** là đức Hanh, **Nghĩa** là đức Ly, **Trí** là đức Trinh.

TIMSACH.COM.VN

Bản thể lòng người, vẫn ai nấy cũng có tứ đoan, chính là ai nấy cũng có tứ đức.

Thầy Tử-Tư có nói rằng : thất phu thất phụ khả dĩ dữ tri yên, khả dĩ dữ năng yên 子思曰. 匹夫匹婦可以與知焉. 可以與能焉. là nghĩa như thế.

Nhưng đức Khổng sở dĩ chuyên nói về Thánh-nhân là có hai lẽ :

MỘT LÀ : Vì chúng nhân thường bị vật dục dẫn dụ, hoặc hoàn cảnh biến thiên mà tứ đức của bản tâm đến nỗi trước có sau không, mặt người lòng thú. Duy Thánh-nhân mới giữ được quán triệt thỉ chung, mà tứ đức của bản tâm ngày càng viên-mãn.

HAI LÀ : Vì tất được thánh nhân có đức có vị, thời

Nguyên, Hanh, Ly, Trinh lại đạt tư cực điểm. Lại có câu hỏi nữa :

Người có Nguyên, Hanh, Ly, Trinh, chứ như loài vật có hay không ?

Câu hỏi đó theo như ý Soán-truyện, thời dễ giả lời lắm. Nguyên, Hanh, Ly' Trinh ở loài người với Nguyên, Hanh, Ly, Trinh ở loài vật, lý vẫn đồng mà hình-tượng có khác nhau.

Tỷ như : cây lúa khi gieo mộng là Nguyên, khi thành cây mạ là Hanh, khi ngậm sữa thành bòng là ly, khi kết quả thành thục là Trinh.

Cứ lẽ ấy mà suy, thời giống gì cũng có Nguyên, Hanh, Ly, Trinh cả.

Trên ấy là thích Soán-truyện xong rồi, bây giờ lại thích vào Tượng-Truyện.

Tượng-Truyện là ý đức Khổng muốn cho người học Dịch gặp quẻ nào cũng thể nhận được nghĩa quẻ ấy, cốt cho hữu ích với tấm thân, mà chẳng phải đọc suông ở đầu miệng, nên Ngài làm ra Tượng-Truyện.

Tượng-Truyện : có **đại-tượng**, **tiểu-tượng**. Thích-tượng riêng từng hào gọi bằng tiểu-tượng thích-tượng chung của một quẻ, gọi bằng đại-tượng.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.

象曰. 天行健, 君子以自強不息.

Đây là thích tượng quẻ Càn.

Lời tượng-truyện của đức Khổng nói rằng : Quẻ sáu hào dương nầy là quẻ Càn, nội Càn ngoại Càn là cương-kiện rất mực.

Xem quẻ ấy thời biết được trời đi rất mạnh. Theo độ chu thiên, thời mỗi ngày chạy giáp vòng trời một lần, không giây phút nào nghỉ 天行健.

Quân tử học Dịch, nên bắt chước trời, học như cách trời đi mà tự cường bất tức 君子以自強不息.

Tự cường, nghĩa là : mình tự đốc xúc lấy mình, dưỡng thành một sức mạnh ở giữa mình mà chẳng chờ ai giúp đỡ. Ấy là nghĩa chữ tự cường.

Chẳng những một thân nên như thế, mà một Gia, một Quốc, một xã-hội, một thế giới, cũng nên như thế.

Bởi vì mình có tự cường, thời cường ấy mới là cường của mình. Nếu nhờ ai mà cường, thời cường ấy là cường của ai, chứ chẳng phải cường của mình.

Đức Khổng sở dĩ ư tượng đầu Kinh mà yết ra hai chữ tự cường, dạy cho những người học quẻ Càn, mà lại xem vào hai chữ bất tức, lại càng thâm-thiết lắm.

Bất tức, nghĩa là : chẳng nghỉ, là bảo người đã tự cường, tất phải từ trẻ tới già, già tới chết, chẳng bao giờ gián đoạn. Nếu có gián đoạn là mất lực tự cường rồi. Đã mất lực tự cường, thành ra học quẻ Càn mà chỉ thấy có sáu nét ngang dài, thời có ích gì. Đó là thâm ý của đức Khổng làm tượng-truyện vậy. Từ đây sắp xuống là thích hào-từ của Thành Chu-Công.

Hào từ, nghĩa là : lời đoán mỗi hào. Mỗi một quẻ có

sáu hào. Vạch quẻ thời vạch từ dưới vạch lên. Nên hào vạch đầu hết là hào Sơ, vạch chuyển lên thứ hai là hào Nhị, thứ ba là hào Tam, thứ tư là hào Tứ, thứ năm là hào Ngũ, trên hết quẻ là hào Thượng.

Thứ sáu thời đáng lẽ gọi bằng Lục, cớ sao lại gọi bằng Thượng.

Bởi vì, Dịch lý đủ cả thuận nghịch. Vạch quẻ thời theo lối nghịch, từ dưới vạch lên. Xem quẻ thời theo lối thuận, từ trên xem xuống.

Vì ý Thánh-nhân bày cho ta xem quẻ, nên vạch thứ sáu không gọi bằng Lục, mà gọi bằng Thượng. Vạch xong sáu hào rồi, lại phải phân biệt hào-thể và hào-vị.

Nghĩa là : hào vạch đơn là một nét ngang liền, là hào Dương. Hào vạch sách là một nét đứt đôi, là hào Âm. Dương hào thời gọi bằng Cửu. Âm hào thời gọi bằng Lục.

Bởi vì Dịch lý là một giống vô hình, vô thể, tất phải mướn số để minh lý.

Dương có ba số sanh (Nhất, Tam, Ngũ), hai số thành (Thất, Cửu).

Dương kể thuận, thời Cửu là thành số chi chung. Vậy nên lấy số Cửu mà đặt tên hào Dương.

Âm có hai số sanh (Tứ, Nhị), ba số thành (Thập, Bát, Lục). Âm kể nghịch thời Lục là thành số chi chung. Vậy nên lấy số Lục mà đặt tên hào Âm.

Chúng ta đọc đến chữ Cửu, thời biết là Dương hào. Đọc đến chữ Lục, thời biết là Âm hào. Đó là hào thể đã giải rõ rồi. Còn hào-vị, cũng theo như hai hào mà định ra mỗi hào mỗi vị.

Sơ, Tam, Ngũ, thuộc về số Cơ, la Dương vị.

Nhị, Tứ, Thượng,, thuộc về số Ngẫu, là Âm vị.

Đại phàm, thể hao **Cửu** mà ở vào vị Dường, thể hào **Lục** mà ở vao vị âm, thảy đắc chính.

Nếu thể hào Cửu mà ở vào vị Âm, thể hào Lục mà ở vào vị Dương, thảy bất chính.

Lại mỗi hào thảy có ứng đối với nhau.

Sơ, Tứ ứng với nhau; **Nhị, Ngũ** ứng với nhau,v.v...

Người nầy ứng với người kia, gọi bằng tương ứng, nhưng lại phải hào **Âm** ứng với hào **Dương**, hào **Dương** ứng với hào **Âm**, mới gọi bằng tương-ứng được. Nếu hào, thể hai bên Âm cả, hay Dương cả, thời dầu hào vị đối với nhau mặc lòng, cũng không thể tương ứng được. Đó là vô ứng.

Nhưng lại vì mỗi quẻ chia ba vạch dưới làm Hạ-quái, Nội-quái ; ba vạch trên làm Thượng-quái, Ngoại-quái. Nên lại có nghĩa Nội-quái tương ứng. Nội-quái ba hào, Sơ là hào dưới hết, Tam là hào trên hết, duy **Nhị** là hào **chính giữa** là **đắc trung**. Ngoại-quái ba hào, Tứ là hào dưới hết, Thượng là hào trên hết, duy hào **Ngũ** là hào **chính giữa** là **đắc trung**.

Sở dĩ vô luận quẻ nào, hễ Nhị, Ngũ là đắc trung, ngoài ra các hào, đều là bất trung.

Như trên kia thuyết-minh là nói đại-khái về phép xem quẻ, xem hào tuyền bộ Kinh Dịch.

Bây giờ xin thích nghĩa hào Sơ quẻ Càn, thời bao nhiêu hào cũng có thể nhân đó mà suy được.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN :

1.— Sơ Cửu, tìm long vật dụng.

初九, 潛龍勿用.

Sơ là hào-vị ở dưới hết. Cửu là hào thể thuộc về hào Dương. Quẻ Càn là quẻ thứ nhất đầu Kinh Dịch, mà lại là quẻ Thuần dương, hào nầy là vạch thứ nhất của quẻ Càn, bản-thể nó là Dương, mà ở vào vị cũng là Dương vị. Vậy nên đặt tên bằng Sơ-Cửu.

Tiềm long, nghĩa là con rồng còn nấp ngầm ở dưới thấp.

Bởi vì, Dịch lý gốc vô hình, nên Thánh-nhân phải mướn một giống hữu hình để phát minh Dịch lý.

Long là một giống linh-biến bất trắc, mà lại thuộc về loài dương, nên mướn chữ long để phỏng tượng cái đạo biến hóa của Càn.

Vì sao mà nói rằng tiềm ?

Bởi vì, hào nầy là bắt đầu vạch ra, mà ở dưới hết quẻ, in như con long còn nấp nép ở dưới vực sâu, sở dĩ gọi bằng tiềm long 潛 龍 (1)

Vì long đương lúc còn tiềm, thời chưa có thể làm được

(1) *Tiềm : nghĩa là dấu nấp.*

những việc mây mưa biến hóa, cũng như một bậc tiền nhân tại hạ, hoặc khi mới ra đời, sức mỏng thế hèn, chỉ nên trầm tiềm hàm dưỡng 沉潛涵養, chờ đợi thì cơ, chớ nên vội vàng ra gánh việc đời. Sở dĩ hào-từ bảo rằng: vật dụng.

Chữ Vật dụng, là bảo cho bản thân **hào nầy chưa nên thí dụng, và cũng bảo cho những người dụng nhân, gặp bậc tiềm long như hào nầy, cũng chỉ nên bồi dưỡng vun-đắp, sẽ chờ thì mà dụng, chớ nên vội vàng gấp dụng người ta.**

Nói tóm lại, bản-thân hào Sơ, thời là khả tàng tắc tàng, mà người tương ứng với Sơ cũng chỉ nên tài giả bồi chi 裁者培之 mà thôi. Nếu dụng ra làm việc đời cũng thất-ư quá vội. Lời hào nầy chính là thâm-ý của Thánh-nhân, cốt răn cho những người có tài mà cấp tiến chẳng chịu chờ thì vậy.

Trên ấy là giải-thích hào-từ của Chu-Công, bây giờ lại giải-thích tượng-từ của Khổng-Tử. Tượng-từ nầy gọi bằng tiểu-tượng.

Bởi vì, Khổng-Tử sợ học-giả đọc hào-từ Chu-Công mà không hiểu thấu ý nghĩa, nên Ngài theo dưới mỗi hào, đặt vào mỗi bài tiểu-tượng để thích ý nghĩa của hào-từ.

Tượng viết, tiềm long vật dụng, dương tại hạ dã.

象曰. 潛龍勿用. 陽在下也.

Hào-từ nói rằng : tiềm long vật dụng là cớ vì sao ?

Là vì, đức dương-cương, càn kiện, tuy vẫn là long, nhưng vì địa-vị hoàn-cảnh còn ở dưới hết, theo thì nghĩa thời chỉ nên tiềm, thì đương phải tiềm, tất không thể bay nhảy được. Sở dĩ răn rằng : vật dụng.

2.— Cửu nhị, hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân.

九二. 見龍在田, 利見大人.

Hào Cửu-Nhị nầy ở chính giữa nội Càn, là dương cương mà lại đắc trung. Vả lại dương hào ở vào dương quái, trông lên quẻ trên, có hào Cửu-Ngũ là bạn dương-cương, mà chính ứng với mình, thế là cương kiện đắc trung, mà lại đắc thì ngộ chủ, tượng như long đã thoát-ly nơi tiềm-ẩn, mà lại có cơ-hội làm mây mưa, tỏ rõ ra một vật thần linh ở trên mặt đất. Sở dĩ rằng : hiện long tại điền 見龍在田 (1).

Tuy nhiên, việc trong thiên hạ, không bao **giờ chỉ một người mà làm nên, mà cũng không bao giờ làm việc thiên hạ, mà chỉ làm lợi ích cho một mình.**

Cửu Nhị cương kiện đắc trung, chính là một bậc đại-nhân, mà lại tất phải có một bậc cương kiện trung chính, như Cửu-Ngũ cũng là đại-nhân.

Hai bậc đại-nhân đó, đồng tâm đồng đức với nhau, mới có thể làm nên việc lớn trong thiên hạ, tới khi hai bậc đại-nhân ấy đã đồng-thì xuất-hiện, thời thiên-hạ ai nấy cũng trông mong vào. Nên hào-từ rằng: Lợi Kiến đại nhân 利見大人.

Nghĩa là một phương-diện thời : đại nhân là Cửu-Nhị phải hội-ngộ với đại-nhân là Cửu-Ngũ. Một phương-diện : thời thiên hạ mầng thấy được bậc đại-nhân là Cửu-Nhị.

---

(1) Hiện : nghĩa lã rõ. Điền : trên mặt đất, Long : chỉ vào bản thân Cửu-Nhị. Lợi : nên, phải. Chữ Kiến nầy nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp, ý như hội ngộ, hay hoan nghênh. Đại nhân : người có tài đức rất to lớn.

Tượng viết, hiện long tại điền, đức thi phổ dã.

象曰. 見龍在田. 德施普也.

Lời tiểu-tượng của Khổng-Tử nói rằng : Hào từ sở dĩ có câu . Hiện long tại điền, lỵ kiến đại nhân, nghĩa là đức long của Cửu-Nhị đã phát triển khắp mọi nơi, thiên hạ chẳng những lỵ kiến Cửu-Ngũ mà thôi, mà lại lỵ kiến Cửu-Nhị đó vậy.

PHỤ CHÚ 附註 : Chữ Long ở Cửu-Nhị, chính là chữ Long ở Sơ-Cửu, vẫn một bậc Thánh-nhân như nhau. Nhưng vì thì đại hào Sơ là buổi còn phải tu dưỡng, đều thì đại hào Nhị, là buổi đã tiến hành, nên tiềm, hiện có khác nhau, mà Long chỉ là một, chẳng qua tùy địa-vị với hoàn-cảnh, thì đã bất đồng, thời cách tu tiến cũng bất đồng.

Chữ Tiềm, chữ Hiện khác nhau, chính là đúng nghĩa chữ Thì ở trong Dịch-học.

3.— Cửu Tam Quân tử chung nhất kiền kiền, tịch dịch nhược, lệ, vô cựu.

九三. 君子終日乾乾, 夕惕若, 厲, 无咎.

Hào nầy ở trên hết nội-Càn, vạch đơn, thể dương là dương hào ở vào dương vị, nên gọi tên nó bằng Cửu-Tam.

Theo như lệ sáu hào, mà chia ra làm Tam-tài, thời Sơ, Nhị ở đoạn dưới là địa ; Ngũ, Thượng ở đoạn trên là thiên ; Tam, Tứ ở đoạn giữa là nhân.

Lại theo về thể tuyền quẻ, mà chia ra làm quẻ trên quẻ dưới, thời ba hào ở trong là quẻ dưới. Hào nầy ở vị Tam, thời Tam là vị nhân, Theo về thể tuyền quẻ thời Tam ở trên

hạ thể, nghĩa là ở vị chông-chênh. Bảo rằng trên, thời nó vẫn ở hạ thể, bảo rằng dưới, thời nó lại ở trên hết hạ-quái

Người mà ở vào địa vị ấy, là một cảnh rất khó xử. Nếu bản-thân mình mà không thiệt giỏi, thời e đến nỗi dưới kéo trên dằng, mà thành ra một người trụy-lạc.

Hào nầy ở vào địa-vị khó xử như thế, mà tính chất bản-thân nó, đã Cửu là Dương Cương, lại Tam cũng Dương Cương, mà lại ở không được trung vị như Nhị, Ngũ. Thế là một người người trùng cương bất trung, lấy một người quá cực cương như thế, mà xử vào địa vị bán thượng lạc hạ 半上落下, nguy hiểm biết chừng nào ! Sở dĩ Thánh-nhân đặt làm lời răn rằng : Quân-tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược.

Nghĩa là : Quân-tử xử vào địa-vị hào Cửu-Tam, lại xét trong mình cũng tính chất như hào Cửu-Tam, tất phải hết sức tu tỉnh cang trì, suốt ngày từ sáng tới tối, đã thường thường kiền kiền (1), mà lại dịch nhược (2).

Nếu được như thế, thời tuy xử vào địa-vị đáng nguy, mà chắc cũng chuyển họa vi phúc, hóa dữ ra lành, không đến nỗi có tội lỗi, sở dĩ hào từ có ba chữ : lệ, vô cựu (3).

Hào nầy vẫn cũng một người tốt, nên hào-từ có chữ Quân-tử.

---

(1) *Kiền kiền : hằng hái tự cường.*

(2) *Dịch nhược : thường như có điều lo sợ.*

(3) *Lệ : nguyên, mà cũng có tượng nguy hiểm. Vô cựu : không tội lỗi, hai chữ vô cựu là thông lệ chiêm từ ở trong Kinh Dịch.*

Tuy nhiên, đã quân-tử cớ sao kiền dịch tối ngày mà chỉ may được vô cựu. Bởi vì, địa vị hào nầy ở vào trung-lưu.

Tùng lai, quốc-gia nào, xã-hội nào, thế-giới nào, rất quan hệ ở hạng người trung-lưu ; người ở trên mình, thời trách móc vào mình, người ở dưới mình, thời trông mong vào mình. Cơ-quan thành hay bại đã quan hệ rất lớn, mà xử-trí lại rất khó. Nếu mảy may không cẩn thận, thời hung-họa tới nơi. Sở dĩ chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược, mà mới may được vô cựu. Đó là thâm-ý Thánh-nhân dạy người xử-thế vậy.

PHỤ-CHÚ.— Sáu hào quẻ Càn thảy có thể dụng chữ Long được. Bởi vì, hào ở quẻ Thuần-dương, là có tượng Long. Cớ sao hào-từ Cửu-Tam lại không dụng chữ Long, mà lại dụng chữ Quân-tử. Đó là ý Thánh-nhân tỏ cho ta học Dịch, phải biết những chữ thủ tượng ở trong Dịch, chỉ là mượn tượng cho sáng ý mà thôi, chứ không phải thấy tượng nào, là ấn định sự vật ấy.

Giả như : Chữ Long quẻ Càn, mà chỉ nhận nhất định là rồng, thời còn gì là học Dịch nữa đâu. Vậy xin học-giả học Dịch xem ở hào Cửu Tam, thời biết ý-nghĩa chữ Long, ở các hào kia cũng chỉ thế chữ Quân-tử mà thôi. Đó là xem ý không cần xem chữ. Thế mới là biết học Dịch.

Tượng viết, chung nhật kiền kiền, phản phục đạo dã.

象曰. 終日乾乾, 反復道也.

Tượng của đức Khổng-Tử nói rằng :

Hào-từ sở dĩ rằng : chung nhật kiền kiền, là bảo người ta ai xử vào địa vị Cửu-Tam, chính là địa vị làm người, tất phải

ngày nào suốt một đời người, chỉ là trảo đi trở lại, tự thỉ chi chung, bao nhiêu đường lối mình đi, chỉ cốt cho đúng đạo-lý.

PHỤ-CHÚ.— Tượng từ Khổng-Tử suy rộng ý hào-từ Chu-Công, vì hào Cửu-Tam đứng vào vị nhân, nên thống luận loài người ai nấy cũng phải lo cho trọn đạo người, chẳng những một Cửu-Tam mà thôi. Vì vậy nên có câu : Phản phục đạo dã.

Đó là đức Khổng suy rộng ý Chu-Công, chúng ta học tiểu-tượng thảy nên biết ý ấy.

4.— Cửu Tứ, hoặc dược tại uyên, vô cựu.

九四. 或躍, 在淵, 无咎.

Hào này vẫn thể dương ở vào vị Âm, kể thể sáu hào, thời Cửu-Tứ là hào thứ tư, thuộc về số chẵn là số Âm, bản thân nó vạch đơn, là dương hào, nên gọi tên nó bằng Cửu-Tứ. Nghĩa là : dương hào mà ở âm vị, có hiềm nghi vì bất-chính. Kể thể tuyền quẻ, thời nó ở vào quẻ trên, mà lại ở dưới quẻ trên. Thế là xử vị lại bất trung.

Trông lên thời nó không được như Ngũ, ngó xuống thời nó lại không được như Nhị. Thế là bản thân Tứ sở xử, đã bất chính lại bất trung. Nhưng mà ở vào quẻ Càn, thời bản thân nó là chất cương kiện, vẫn cũng là một bậc quân-tử, chỉ vì địa-vị với hoàn-cảnh của nó, muốn tiến mà mà chưa chắc tiến đã hay, muốn thối mà lại e thối cũng dở. Vậy nên thì gian của Tứ, chỉ nên châm-chước thẩm-thận, lựa xem thì-cơ mà tiến-thối cho đúng ; thì nên tiến thời ta tiến ; thì lên thối thời ta thối. Nếu cơ-hội đáng tiến thời tiến ngay, tượng như Long dược, Long đã dược thời chẳng bao lâu cũng đến phi. Nếu thì-cơ chưa đến tiến, tất phải nằm im mà chờ thì,

tượng như Long tại uyên. Vậy nên hào-từ nói rằng : Hoặc dược tại uyên (1), biết tùy thì như thế, chắc không lầm lỗi, ấy là vô cựu.

PHỤ-CHÚ.— Địa vị hào Tứ cũng như địa-vị hào Tam, cũng xử cảnh bán thượng lạc hạ, rặt là ở vào cảnh tiến thối lưỡng nan, chỉ duy khác hơn Cửu-Tam chút đỉnh, là cảnh Tam thời chưa có thể tiến, mà Tứ thời có thể tiến được. Bởi vì, Tam còn ở quẻ dưới, mà Tứ đã bước lên quẻ trên, sở dĩ tiến thối, có khác nhau, Thánh-nhân dạy cho người nên thẩm thận xem thì mới khỏi mắc cái lỗi táo tiến 躁進, nên hào-từ có chữ hoặc, nghĩa là : không nhất định.

Xem tiểu-tượng Không-Tử dưới nầy, lại càng minh bạch.

Tượng viết, hoặc dược, tại uyên, tiến, vô cựu dã.

象曰：或躍，在淵，進，无咎也.

Hào này đã ly khỏi hạ-quái, mà lên gần Cửu Ngũ, thời thế nào cũng tiến mà thôi. Nhưng tất phải tiểu tâm cẩn thận, với có trí biết xem thì mà tiến thời tiến mới vô cựu.

Tượng từ rằng : Tiến vô cựu dã, là chỉ ngậm ý chữ **dược**, mà nuốt được chữ **tại uyên**. Đó là phát-minh ý hào-từ, nghĩa là tất có thì tiến, nhưng không nên cấp-tiến mà thôi, chính là nghĩa tùy thì ở trong Dịch-học.

5.— Cửu Ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân.

九五. 飛龍在天，利見大人.

Cửu là hào dương, Ngũ là vị dương, dương hào ở dương vị là đắc chính.

---

(1) *Dược : nhảy. Tại uyên : ở vực sâu.*

Ngũ là hào ở chính giữa ngoại-quái là đắc trung, vả lại ở vào quẻ Càn là có tính chất cương-kiện Đã. cương-kiện lại trung-chính là tuyền đức của Thánh-nhân, mà ở vị Ngũ lại là địa-vị chí tôn ở trong quẻ, ấy là thánh đức ở thiên vị, tượng như con Long bay giữa trời, thiệt là một hào tốt nhất ở trong sáu hào. Nên hào-từ rằng : Phi long tại thiên 飛龍在天.

Tuy nhiên, việc trong thiên hạ, há chỉ một Thánh-nhân mà làm nên ư ? Có bậc Thánh-nhân ở vị trên, tất phải có bậc Thánh nhân ở vị dưới, dùm giúp với nhau, trao đỡ cho nhau, mới làm nên sự nghiệp to lớn, mà thiên-hạ mới tín-ngưỡng vào mình.

Nên hào-từ lại rằng : Ly kiến đại nhân, nghĩa là : Cửu Ngũ vẫn là đại-nhân, nhưng cũng phải ly kiến đại nhân ở dưới là Cửu-Nhị nữa mới được, cũng như Cửu-Nhị phải ly kiến đại nhân ở trên là Cửu-Ngũ đó vậy.

Hai bậc đại nhân ấy, đồng tâm đồng đức làm nên sự nghiệp của Càn, mà thiên hạ phải vọng phong chiêm ngưỡng 望風瞻仰, ấy là ly kiến đại nhân vậy.

PHỤ CHÚ : Chữ Long ở Cửu Ngũ, với chữ Long ở Sơ-Cửu, nguyên chỉ một Long, mướn mà thí dụ một bậc thánh-nhân, khác nhau chỉ chữ **Tiềm**, chữ **Hiện**. Hiện rồi **Dược**, Dược rồi **Phi**, cũng chỉ là tu dưỡng tích lụy 修養積累 từ nhỏ tới lớn, từ thấp lên cao, vẫn theo thì mà tiến lần, không phải trọn đời cứ **tiến mãi**, cũng không phải bỗng chốc mà **phi ngay**. Chúng ta nếu kiên trì đức hạnh, tích lụy công phu 堅持德行, 積累工夫, bắt đầu **tiềm dưỡng như Sơ**, rồi bước lên **hiện long như Nhị**, lại còn phải **kiền dịch như Tam, hoặc dược như Tứ,**

thì giờ lâu dài, công phu thành-thục, thời sự nghiệp **phi long như Cửu Ngũ**, cũng há phải việc rất khó đâu.

Xưa nay, thánh hiền, hào kiệt, chẳng ai tiềm mãi mà không phi, cũng chẳng ai muốn phi mà không gốc ở tiềm. Thầy mạnh có câu nói rằng : nhân hữu bất vi dã, nhi hậu khả dĩ hữu vi 人有不爲也，而後可以爲也.

Nghĩa là : người ta tất trước có cái không chịu làm, mà sau mới có thể đến lúc làm, lời nói đó rất hợp với nghĩa Kinh Dịnh, **bất vì tức là tiềm, hữu vi tức là phi**, chỉ cốt cho đúng thì nghĩa, là tác dụng của đại nhân đó vậy.

Tượng viết phi long tại thiên, đại nhân tạo dã.

象曰. 飛龍在天，大人造也.

Nghĩa là : đại nhân ở hào Ngũ nầy, cũng là đại nhân ở hào Nhị. Nhưng trước kia mới thấy được thịnh-đức của đại nhân, mà bây giờ thời thấy được đại nghiệp của đại nhân, chính là một bậc đại đức, đại tài, chuyển-di được thời thế, tạo thành được thế giới, sở dĩ rằng : đại nhân tạo giả « Đại-nhân, là thay chữ Long, Tạo là thay chữ Phi. »

PHỤ CHÚ : Đọc hào từ nầy, nếu hạng người bình thường thì thế nào ? Tất phải xét trong mình, quả đã có công phu « tiềm hiệu » được như Sơ, Nhị hay chưa ? Nếu chưa, thời chưa nên đứng vào địa vị « phi long », mà lại phải tìm kiếm cho được bậc đại nhân như Cửu Ngũ, mà mình chỉ là một người lý kiến người ấy mà thôi. Thế mới là người biết học Dịch.

6.— Thượng Cửu, kháng long, hữu hối.

上九. 亢龍有悔.

Hào nầy vạch đơn là hào dương, vạch thứ sáu quẻ Càn là ở trên hết quẻ, nên gọi tên nó bằng Thượng Cửu, hào dương ở quẻ Càn, vẫn có đức cương kiện, cũng là một vị Quân-tử, nên cũng tượng là Long, nhưng địa vị hào ấy ở cuối cùng quẻ Càn, là cao đến tột bực. Thế là thượng chi cực, sự chi chung.

Hễ việc thiên-hạ, cùng thời biến, đầy thời nghiêng. Nếu bậc quân-tử xử vào địa vị hào nầy, tất phải răn đường dinh mầu giữ lối khiếm nhường, mới tránh khỏi họa : thái cương tắc chiết 太剛則折.

Nếu không thế, đầy quá mà chẳng biết dè, tiến hoài mà chẳng biết thôi, ấy là Kháng-Long.

Kháng, nghĩa là : cao cực, cũng nghĩa là cương cực, cương cực thời không thể ôn hoà, cao cực thì không thể thối được, đầy tất phải tràn, cương quá thời gãy, thế nào cũng có việc phải ăn năn. Sở dĩ hữu hối.

Xem như đời xưa, vua Nghiêu nhường vị cho vua Thuấn, đời sau ông Hoa-Thịnh-Đốn không chịu làm Đại-Tổng-Thống lần thứ hai, chính là tránh họa « Kháng long » vậy.

Nã-phá-Luân bị đày ở Hoang đảo. Viên-thế-Khải bị đánh đổ vì đảng Quốc-dân chính là « Kháng long hữu hối », đó chẳng qua chứng vào việc lớn mà thôi, bao nhiêu việc trong thiên hạ, nhỏ từ một thân, một gia, lớn đến một quốc, một xã-hội, một thế giới, cũng lẽ như thế.

PHỤ CHÚ : Chữ Long ở Thượng Cửu, cũng một Long như năm hào kia, hào này sở dĩ hữu hối, là chẳng phải lỗi

tại chữ Long, mà chỉ lỗi tại chữ Kháng, Bởi vì địa vị hào Thượng Cửu, là Dương Cương đã đến lúc thái quá, mà lại tột mực cao, nếu không hay biến thông, tất có hoạ hại. Đó là thâm-ý Thánh-nhân dạy người xử thế.

Tượng viết, Kháng long hữu hối, dinh bất khả cửu dã.

象曰. 亢龍有悔, 盈不可久也.

Hào từ rằng : Kháng long hữu hối, nghĩa là : sáu hào quẻ Càn, hào nào cũng có thể gọi bằng Long, đáng lẽ là vô hối. Nhưng vì hào Thượng Cửu nầy, Càn đạo cũng đã đến lúc cùng cực rồi, địa vị đã đến lúc quá cao rồi. Thế là đã đến hồi Mãn dinh, hễ vật lý đã đến hồi Mãn dinh, thời không thể lâu dài được.

7.— Dụng Cửu, kiến quần long vô thủ, cát.

用九. 見羣龍无首. 吉.

Dụng Cửu vẫn không phải là một hào, nhưng theo về hào-từ của Chu-công, thời cũng giả thiết làm một hào. Bởi vì nguyên-lý của Dịch, trọng yếu thứ nhất là biến-dịch, vả lại đầu tiên Phục-Hy vạch quẻ, thời trong phép xem quẻ có biến động mới vô cùng, hào Dương có thể biến làm hào Âm, hào Âm có thể biến làm hào Dương. Sáu hào Dương quẻ Càn, biến hết thảy thành ra quẻ Thuần Khôn, đó là cơ vi-diệu của tạo-hóa, vẫn gì gì, cũng có biến dịch. Chu-Công muốn cho ta hiểu lẽ ấy, nên ư quẻ Càn, quẻ Khôn thêm vào hai hào. Đặt tên rằng : « Dụng Cửu », « Dụng lục ». Nghĩa là : hễ hào Dương thời dụng số Cửu, mà không dụng số Thất, hào Âm thời dụng số Lục, mà không dụng số Bát. Nên một cái thông lệ cho người là đọc 384 hào vậy.

Vì đã có hai hào ấy, nên Chu-Công lại thêm vào hai hào-từ để cho rõ thâm ý của thánh-nhân thùy giáo 聖人垂教. Đó là thích nghĩa quẻ Càn, còn quẻ Khôn cũng y vậy.

Kiến quần long vô thủ, là nghĩa làm sao ? Long là dương hào, quần long là sáu hào Dương. Vô thủ là sáu hào Dương thảy biến cả.

Bởi vì, dương là tượng long, mà long sở dĩ hoạt động khác thường, là cốt ở cái đầu.

Bây giờ Dương hào đã biến hết cả, là tượng như Long đã tiêu-diệt hết cái hình tích hoạt động 形跡活動, chính là vô thủ, nghĩa là không thấy đầu con Long nào nữa vậy.

Nhưng đó chẳng qua theo ở trên mặt chữ mà giải thích nghĩa đen đó thôi.

TIMSACH.COM.VN

Nếu nhận cho ra ý thâm-diệu của thánh-nhân, thời sâu xa huyền-bí 玄秘 quá.

Nguyên lai, thánh-nhân tác Dịch, gọp cả thiên đạo nhân sự, mà kể suốt từ vô thỉ đến vô chung

Trên kia, trải qua sáu hào quẻ Càn, kể bằng sáu đại-vận hội ở trong vũ-trụ có thể đặng, mà kể bằng sáu thì đại rất dài ở trong xã-hội, sáu tuần tự tiến hóa ở trong nhân loại cũng có thể đặng.

Tỷ như : **Sơ tiềm long**, là thuộc về thì đại còn hỗn-độn 混沌. **Nhị hiện long**, là thuộc về thì-đại đã có Văn-tự thi thư 文字詩書. Tam, Tứ là thuộc về thì đại **trung cổ dĩ hậu** 中古以後.

Ngũ phi long, là thuộc về thì-đại có khoa-học phát minh, nhân loại trải qua một trình tự đại tiến-hóa. **Thượng kháng long**, là thuộc về thì đại cận kim dĩ hậu 近今以後. Tuyền thế-giới phát hiện ra chủng chủng đấu tranh, mà bao nhiêu thịnh cực phải suy, tiêu cực phải trưởng, nhân loại trải qua một thì-gian đại-phá-hoại, mà tiến vào cuộc canh-tân.

Trải qua sáu thì-đại đó rồi, thì bao nhiêu giai cấp cực cao ở trong thế-giới, hoàn toàn tiêu-diệt, mà tất thảy nhân loại mới phát-hiện ra một cách : **Chân chánh, bình đẳng, chân chánh tự do** 真正平等, 真正自由. Thế là kiến quần long vô thủ 見羣龍无首.

Nghĩa là : trước con mắt người ta thấy được tất thảy là Long, mà không thấy đầu là thủ.

Nói cho kỹ, thời cũng như học thuyết mới rằng : đại đồng, rằng vô chính phủ v.v... Đó là rất hoàn-toàn mỹ-mãn ở trong nhân đạo. Vậy nên hào-từ tán rằng : cát.

Cát, nghĩa là : tốt lành.

Trước kia sáu hào không chữ Cát, mà cớ sao chữ Cát chỉ đặt cho hào nầy.

Thế mới biết rằng : lục dương giai biến, chính là chúng tôn giai biến 衆尊皆變. Bởi vì thông lệ trong Dịch, dương là tôn, âm là ty, biến hết thảy dương, tức là biến hết thảy giai cấp tôn quý vậy.

Tượng viết, dụng Cửu, thiên đức bất khả vi thủ dã.

象曰. 用九, 天德不可爲首也.

Ý Khổng-Tử nói rằng : nghĩa hào-từ dụng Cửu đó là bảo :

Long tuy là đức Càn nhưng mà quần Long hãy còn có thủ, thời chưa đúng với đức trời. Nếu thiệt đức trời hoàn-toàn, thời không thấy có ai làm thủ nữa vậy.

Sở dĩ rằng : thiên đức bất khả vi thủ, là vì còn có vi thủ, thời không phải thiếu đức, tất không thấy ai vi thủ, mới thấy là thiên đức.

Phật-Tổ có câu nói rằng : thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ 是法平等, 无有高下, cũng là ý nghĩa ấy.

Từ đây sắp xuống là văn-ngôn quẻ Càn Văn-ngôn chỉ quẻ Càn với quẻ Khôn có mà thôi.

Vì rằng : hai quẻ ấy là làm cha mẹ cho tuyền vạn-vật, mà đứng đầu hết Kinh. Khổng-Tử nghiên cứu hai quẻ ấy, đạo lý quá chừng rộng, ý tứ quá chừng sâu. Ngài sợ rằng : Chỉ soán-truyện mà thôi, thời e học-giả chưa phát-minh được hết ý-nghĩa. Vậy nên làm thêm truyện Văn-ngôn như dưới nầy :

Văn ngôn viết : nguyên giả, thiện chi trưởng dã ; hanh giả, gia chi hội dã ; ly giả, nghĩa chi hòa dã ; trinh giả, sự chi cán dã.

文言曰. 元者善之長也. 亨者嘉之會也. 利者義之和也, 貞者事之幹也.

Nguyên soán-từ Văn-Vương chỉ có năm chữ **Càn, Nguyên, Hanh, Ly, Trinh.**

Khổng-Tử nhận ra được đức Càn của trời, bao quát tự thỉ đến chung, nói tóm lại thời chỉ một chữ Càn là đủ, mới chia ra thời có bốn chữ, mà cũng gọi bằng bốn đức.

Nhất là đức **Nguyên**, nguyên là đức lớn nhất ở trong bốn đức lành.

Kể theo tứ thì, thời Nguyên thuộc về mùa Xuân, đầu hết phát sinh ra vạn vật.

Kể theo đạo người, thời Nguyên thuộc về đức Nhân, là cội gốc của lòng người.

Đạo trời sở dĩ sinh sinh bất cùng, lòng người sở dĩ hợp được thiên-lý, là chỉ vì có đức Nguyên, nên bảo rằng : thiện chi trưởng dã 善之長也.

Nhị là đức **Hanh**, nghĩa là thông.

Kể theo tứ-thì, thời Hanh thuộc về mùa Hạ, bao nhiêu sinh vật đến lúc ấy phát dục rõ ràng.

TIMSACH.COM.VN

Kể theo đạo người, thời Hanh thuộc về đức Lễ, Lễ là hợp với lý, những gì việc gì người làm mà hợp với đạo lý mới là tốt. Nhóm góp hết các chuyện tốt mới là thông, nên bảo rằng : Gia chi hội dã 嘉之會也.

Tam là đức **Lợi**, kể theo tứ thì, thời Lợi thuộc về mùa Thu, bao nhiêu sinh vật đến lúc ấy tất thảy thành thục, ấy là Lợi.

Kể theo đạo người, thời Lợi thuộc về đức Nghĩa. Nhân với nghĩa là một đạo lý nghiêm chỉnh, mà trong nghiêm chỉnh đó, tất cũng làm cho ai nấy được vui vẻ sung sướng, mới điều hòa được nghĩa, chỉnh là nhờ có lợi. Nên bảo rằng: Nghĩa chi hòa dã 義之和也.

Tứ là đức **Trinh**. Trước kia đức Nguyên là tạo đoan khai thỉ cho vạn vật ; đức Hanh là trưởng dưỡng cho vạn vật ; đức Lợi là thành tựu cho vạn vật.

Nhưng hễ đạo lý gì, sự-vật gì, cũng tất phải có kiết-thúc với kiết-quả, xem ở kiết-thúc và kiết-quả mà được hoàn-toàn viên-mãn, mới là hợp với đức trời. Vì vậy, Nguyên, Hanh Ly, rồi, lại phải có đức Trinh, tức là đức Trí.

Kể theo tứ-thì, thời Trinh thuộc về mùa Đông, bao nhiêu sinh vật đến lúc đó vật nào thành vật nấy, mà cũng là kiết quả của vật vậy. Kể theo đạo người, thời Trinh cũng thuộc về đức trí.

Trí là một chất tri-giác linh minh, soi xét được thị phi rành rõi, nhất thiết sự gì hợp với lẽ phải mới làm, sự gì trái lẽ phải thời không làm.

Đức Trinh ấy là căn cán cho người ta làm mọi việc, nên bảo rằng : sự chi cán dã 事之幹也.

Cán, nghĩa là : thân cây, người làm muôn việc tất phải có đức trinh, thời việc mới có kiết-quả, tượng như một giống cây, tất phải có thân cây, thời cây phải có ngành lá hoa quả, cũng một lẽ in nhau.

PHỤ CHÚ : Trong bốn câu tiết đầu, rất thâm-thúy tinh-diệu là câu : Ly giả nghĩa chi hòa dã 利者義之和也.

Xưa nay chữ Ly, chữ Nghĩa, các học giả thường chia nhau ra làm hai đường.

Dầu Khổng Tử cũng có rằng : quân-tử dụ ư nghĩa, tiểu-nhân dụ ư ly.

孔子曰. 君子喻於義. 小人喻於利.

Thầy Mạnh càng biện biệt chữ Ly, chữ Nghĩa rất nghiêm.

Duy đến Văn-ngôn Kinh-Dịch mới có câu : Lợi giả nghĩa chi hòa, là nhập cả nghĩa lợi làm một lẽ.

Bây giờ xin giải-phẫu cho rõ ràng.

Nghĩa, nguyên là phải. Thí dụ : như cha có nghĩa từ với con, con có nghĩa hiếu với cha. Nhưng hiếu từ có phải chỉ nói suông đâu, tất phải làm sao cho cha nuôi được con, con nuôi được cha. Thế tất phải có lợi đó, mục đích cốt ở nuôi cha nuôi con, để cho thành đức nghĩa mà thôi, suy rộng ra, lớn đến yêu nước thương dân, vẫn là nghĩa.

Nhưng đã yêu nước, tất phải làm cho phú quốc cường binh, thương dân tất phải làm cho hậu sinh lợi dụng 厚生利用. Thế là vì cái nghĩa thương nước yêu dân mà trước cần phải có kinh-tế, kinh-tế tức là lợi. Thế là lợi giả nghĩa chi hòa.

Xem như tiết dưới có câu : Lợi vật túc dĩ hòa nghĩa 利物足以和義 lại càng rõ lắm.

Quân-tử thể nhân, túc dĩ trưởng nhân ; gia hội túc dĩ hợp lễ ; lợi vật túc dĩ hòa nghĩa, trinh cố, túc dĩ cán sự, quân tử hành thử tứ Đức giả. Cố viết : Càn, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.

君子體足以長人. 嘉會足以合禮. 利物足以和義 貞固足以幹事. 君子行此四德者. 故曰. 乾. 元. 亨. 利. 貞.

Tiết nầy lại muốn cho đầy đủ ý nghĩa tiết trên, nên phải lấy một bậc Thánh-nhân tuyền bị tứ đức, mà phối-hợp với đức Càn. Nghĩa là : đấng quân-tử lấy đức nhân làm bản thể 體仁, hay suy ra mà trưởng dưỡng được người 足以長人. Tóm góp hết mọi sự tốt 嘉會, thời không việc gì mà không

hợp với thiên lý 足以合禮. Làm lợi ích cho vạn vật 利物, thời điều hòa được đức nghĩa, mà đức nghĩa không phải là giống chết khô 足以和義.

Hằng tâm nghị lực 恆心毅力, bền giữ được đức Nguyên 貞固, thời làm được căn cán cho mỗi việc, việc gì cũng chung thỉ như nhất, mà được có kiết quả 足以幹事.

Quân tử làm đủ bốn đức ấy 君子行此四德. thế là phối hợp được đức Càn. Cho nên rằng : Càn, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh 故. 曰. 乾. 元. 亨. 利. 貞.

Sơ Cửu, tiềm long vật dụng, hà vị dã.

初九曰. 潛龍勿用. 何謂也.

Tử viết, long đức nhi ẩn giả dã, bất dịch hồ thế, bất thành hồ danh, độn thế vô muộn, bất kiến thị nhi vô muộn, lạc tắc hành chi, ưu tắc vi chi, xác hồ kỳ bất khả bạt tiềm long dã.

子曰. 龍德而隱者也. 不易乎世. 不成乎名. 遯世无悶. 不見是而无悶. 樂則行之. 憂則違之. 確乎其不可拔. 潛龍也.

Nghĩa hào-từ Sơ Cửu, là bảo làm sao?

初九曰, 潛龍勿用, 何謂也.

Khổng-Tử theo ý tượng-truyện mà giải thích cho tường rằng 子曰, Hào-từ nầy khen đức một bậc Thánh nhân tại hạ, tượng như Long là một vật hay biến hóa, mà còn tiềm ẩn

đó vậy 龍德而隱者也. Thánh nhân đương lúc ấy, chỉ lo tấn đức tu nghiệp ở trong mình, không vì thế-tục mà thay đổi ý chí mình 不易乎世. không loè-loẹt danh dự với người đời 不成乎名. tránh đời mà không lấy làm buồn 遯世无悶 mặc dầu trong đời không cho mình là phải, mà vẫn cứ không buồn 不見是而无悶. giữ một chí hướng, thờ một chủ nghĩa, chờ có một thì cơ tốt thời ta làm 樂則行之. Nếu thì còn hoạn nạn chưa có dịp làm cho được chí mình, thời dầu mình tránh đời 憂則違之. Cái chi tiết ấy, cái phương châm ấy, bền như đá, vững như đanh, không thể lay động được 確乎其不可拔.

Thế là gọi bằng tiềm long vậy 潛龍也.

Tiềm chi vi ngôn dã, ẩn nhi vị hiện, hành nhi vị thành, thị dĩ quân-tử phất dụng dã 潛之爲言也, 隱而未見, 行而未成. 是以君子弗用也.

Đây là giải thích cho minh bạch ý nghĩa chữ tiềm 潛之爲言也. Nghĩa là : đương thì giờ còn ẩn núp, bao nhiêu sự nghiệp về ngày sau còn đương nấu nướng un đúc. Thế là thân ta còn đương tiềm tàng mà chưa xuất hiện 隱而未見. việc ta còn đương lo sắp đặt mà chưa kịp trình bày 行而未成. Ví như : mậm cây còn ở dưới đất, mũi sắt còn ở trong lò, nên quân-tử chưa đem ra dụng vậy 是以君子弗用也. Vì thế hào từ mới có chữ vật dụng.

Cửu Nhị viết : hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân, hà vị dã.

Tử viết : Long đức nhi chính trung giả dã, dung ngôn chi

tín, dung hạnh chi cẩn, nhàn tà tồn kỳ thành, thiện thế nhi bất phạt, đức bác nhi hóa.

九二曰.見龍在田,利見大人,何謂也.

子曰.龍德而正中者也.庸言之信,庸行之謹,閑邪存其誠.善世而不伐.德博而化.

Nghĩa hào-từ Cửu Nhị là bảo làm sao ?

九二曰.見龍在田,利見大人.何謂也.

Khổng-tử rằng 子曰. một vị Thánh-nhân khi đã thành đức rồi, tượng như long đã tỏ rõ ra một giống thần vật, vả lại Cửu Nhị là hào đắc-trung là nó đức Thánh nhân sở dĩ hợp được đức Càn, mà tốt nhất là chữ trung, Nên rằng : Long đức nhi chính trung giả dã 龍德而正中者也.

Nghĩa hai chữ chính trung phải nhận cho kỹ, đạo lý trong thiên hạ, vẫn có nhiều việc, kể rằng : chính thời vẫn chính, nhưng hoặc thái quá, hoặc bất cập, thế là bất trung. Vì bất trung, té ra mất cả chính.

Tỷ như : hiếu với cha là chính, mà hiếu như Thân-Sinh 申生 té ra làm thành cái tội giết con cho cha, là vì bất trung mà mất cả hiếu.

Lại như : phục thù cho cha là chính, mà làm thái quá như Ngũ-Tử-Tỵ 伍子胥, té ra đem giặc về lấy nước. Thế là vì báo thù cho cha, mà hại đến dân một nước. Ấy cũng là bất trung mà thành ra bất chính.

Khổng-Tử nói hai chữ chính trung, là cốt bảo cho người ta xử việc đời, phải cho chính vào giữa đức trung. Nếu chính mà bất trung, là không phải long đức.

Chữ trung có hai lối. Một là : cho **đúng với thì, thì chưa mà làm gượng, tức là thái quá, thì đã đến nơi mà chậm trễ không làm, tức là bất cập. Thế là không đúng với thì là bất trung.**

Hai là : cho đúng với đạo-lý, đạo lý không bao giờ thiên về một mặt, cũng không bao giờ thái quá với bất cập. Nếu đạo lý chỉ mười phân là đúng, mà làm đến mươi lăm phân là thái quá. Thái quá thời việc cũng hư.

Lại như : Đạo lý đáng mười phân, mà chỉ làm năm phân, thời là bất cập, bất cập thời việc không kiết quả. Lại như : nấu nồi cơm, công phu đốt lửa, đáng ba mươi phút đồng-hồ, mà đốt ba mươi lăm phút, tất nhiên cơm khê ; hoặc chỉ đốt hai mươi phút mà thôi, tất nhiên cơm sống.

Suy một việc rất nhỏ như thế, thời biết được việc thiên hạ dầu to lớn đến thế nào mặc lòng, tất cũng phải đúng với thì là đắc trung.

Trung, cũng nghĩa là trúng, trúng là đúng với thì, lại trúng với đạo lý. Ví như : người bắn bia, tất phải nhắm vào trung-tâm bia, mới gọi là chính, mà chính tức là trung vậy.

Quân tử vì muốn làm cho được đức chính trung, nên công phu tu dưỡng phải thập phần kỹ càng, dầu một tiếng nói tầm thường, mà đạo lý nên tin, thời bao giờ cũng cứ tin 庸言之信, dầu một việc làm tầm thường, mà đạo lý nên cẩn, thời bao giờ cũng cứ cẩn 庸行之謹. Hễ thấy những tư-tưởng gì, mà hơi thuộc về tình dục, tất trước lo ngăn ngừa, không cho

tà tâm phát hiện ra được, cốt để giữ lấy nguyên tắc chí thành của mình. 閑 邪 存 其 誠.

Công phu tư dưỡng đã như thế, thời đại đức tất đắc kỳ danh, mà thiên hạ tất nhờ mình cảm cách được rất nhiều, thịnh đức của Thánh-nhân đã ảnh hưởng khắp trong một đời, mà Thánh-nhân không bao giờ loè-loẹt với đời, ấy là thiện tthế nhi bất phạt 善 世 而 不 伐 (Phạt, là khoe tỏ cho người biết). Tuy Thánh-nhân vẫn không loè với đời, mà đức Ngài ảnh hưởng quá xa, lưu hành quá rộng, tự nhiên thiên hạ bị hóa với thánh nhân 德 博 而 化. Đó là đức bậc đại nhân hào Cửu Nhị vậy.

Chữ đức bác, là thích chữ « đại nhân ».

Chữ hóa, là thích chữ « lỵ kiến ».

Trên ấy, là nói bậc Thánh-nhân đã thành đức rồi.

Còn học giả, muốn học cho đến Thánh-nhân, thời làm như tiết dưới nầy :

Quân-tử học dĩ tụ chi, vấn dĩ biện chi, khoan dĩ cư chi, nhân dĩ hành chi.

君 子 學 以 聚 之. 問 以 辨 之. 寬 以 居 之. 仁 以 行 之.

Dịch việt : hiện long tại điền, lỵ kiến đại nhân, quân đứt dã.

易 曰. 見 龍 在 田. 利 見 大 人. 君 德 也.

Nghĩa là : thịnh đức đại nghiệp bậc thánh-nhân đã nói như trên ấy, chúng ta làm thế nào mà đến được rư ?

Trước cần thứ nhứt là học Học nghĩa là bắt chước, cũng nghĩa là khảo nghiệm 考驗.

Bởi vì, đạo lý trong thiên hạ tán mạn mênh mông, nếu chỉ cậy óc riêng của mình, thời lấy gì mà nhóm góp được hết, nên phải học dĩ tụ chi.

Một phương diện thời so đọ với thánh hiền đời xưa, xem xét với nhân vật đời nay. Khổng-tử có câu rằng : tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư 三人同行.必有我師.

Mạnh-tử có câu rằng : Văn-Vương ngã sư dã 文王我師也.

Theo ý Khổng-Tử, thời ba người đồng đi với nhau, mà hai người ở cạnh mình, có một người thiện, một người ác, người thiện là bảo cho ta theo điều hay, người ác là bảo cho ta bỏ điều dở.Hai người thảy là thầy ta, thầy ta tức là ta học.

Theo như ý Mạnh-Tử, thời Văn-Vương là thánh đời xưa, tuy không đồng thì với ta, nhưng lời nói việc làm của Văn-Vương, ta có thể bắt chước mà làm. Thế là Văn-Vương cũng là thầy ta, ta lấy ông Thánh làm thầy, tức là học.

Lại một phương diện, thời chăm về đường cách vật trí tri 格物致知, bằng cứ vào ở nơi kinh-nghiệm, để chứng-minh cái đều hay đều dở của mình.

Người xưa có câu : kinh nhất biến, trưởng nhất trí 經一變,長一智.

Lại có câu : tiền sự bất vong, hậu sự chi sư 前事不忘,後事之師.

Nghĩa là : những việc thành bại ở lúc dĩ vãng, mình cứ ghi

nhớ mà không quên, tức là làm thầy cho việc tương-lai, như thế cũng là học.

Đủ hai phương diện ấy, xét đời xưa, nghiệm đời nay, tai no nghe, mắt no thấy mới tóm góp được đạo-lý trong thiên-hạ vào trong óc mình, chính là cái lối nhập môn của thánh học 學以聚之.

Nhưng mà đạo lý quá phức-tạp, sở văn sở kiến của một mình. Nếu chỉ học mà thôi, tất không thể tinh thục xác đáng. Nên phải cần tìm thầy kém bạn, mà chất-vấn với kẻ hơn mình. Bởi vì muốn biết đường tốt, phải hỏi kẻ đi quen, mới có thể biết được đường phải đường trái. Đó làcông phu tầng thứ cho tiến đến thánh học. Nên lại rằng : vấn dĩ biện chi 問以辨之.

Học với vấn là công việc tự tư trong mình.

Nhưng mà học làm Thánh-nhân, há phải độc thiện kỳ thân mà thôi đâu, nên phải bàn đến kiêm thiện thiên hạ.

Xưa nay có một hạng người quân-tử, nhưng mà độ lượng chật hẹp, qui mô bé nhỏ, thời chỉ vừa làm tốt một mình mà thôi, mà không kiêm thiện được thiên hạ. Nếu đã học làm Thánh nhân, tất lại phải độ lượng cho rộng rãi, mà không mắc vào tệ dục tốc, qui mô thiệt to lớn, mà không sụp vào bẫy tự-tư, mới có thể chứa chất được đạo lý, dung nạp được cả thảy loài người. Đó là cái bực thang làm sự nghiệp làm Thánh nhân. Nên lại rằng : khoa dĩ cư chi 寬以居之.

Nghĩa chữ khoan này, không phải phản đối với chữ nghiêm 嚴, mà phản đối với chữ hiệp 狹. (Cư, nghĩa là thu trử dung nạp).

Lúc bây giờ có học đã tụ được rồi, có vấn đã biện được

rồi, có khoan đã cư được rồi, chính là bước lên được đường lối làm sự nghiệp Thánh-nhân rồi đó, ấy là hành chi.

Hành-nghĩa là đi, cũng nghĩa là làm. Nhưng trước khi bước lên Vũ-đài thánh nghiệp, lại cần thứ nhất là chữ : nhân. Nhân, nghĩa là chí công vô ty, mà lại kiêm cả bác ái.

Khổng-Tử có câu : Thánh nhân dĩ thiên hạ vi nhất gia, dĩ trung quốc vi nhất nhân 聖人以天下爲一家. 以中國爲一人.

Nghĩa là : tâm tý bậc Thánh nhân xem người thiên hạ như người một nhà, xem người một nước như thân của mình.

Xưa vua Nghiêu có câu nói rằng : nhất dân cơ viết ngã cơ chi, nhất dân hàn viết ngã hàn chi 一民饑曰我饑之. 一民寒曰我寒之.

Nghĩa là : thấy một người dân chịu đói, thời trách mình rằng : chết thôi ! vì ta làm đói đến nó; thấy một người dân chịu rét, cũng trách mình rằng : chết thôi ! vì ta làm rét đến nó. Như thế mới là đức nhân của Thánh-nhân, mà cũng chính là đức nguyên của đức Càn 仁以行之.

Quân-tử vì tu-dưỡng thực-hành được bốn câu trên ấy, chính là hợp với đức đại nhân hào Cửu-Nhị, mà xứng đáng với địa vị một người thống ngự nhân quần đó vậy. Vậy nên Khổng-Tử tán rằng : hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân, quân đức dã 見龍在田，利見大人，君德也.

Chữ quân nầy, không phải hạn định quân là vua, chỉ là như chữ Nguyên-thủ làm Lĩnh-tụ trong một đảng, hoặc làm một vị Su-trưởng trong đám học-trò cũng là quân vậy.

Học Dịch nân cần phải biến hóa, nghiệm ý chớ ăn chữ, mới là thông Dịch.

Cửu-Tam, quân-tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược, lệ, vô cựu, hà vị dã ?

Tử viết : Quân tử tiến đức tu nghiệp. Trung tín sở dĩ tiến đức dã, tu từ lập kỳ thành, sở dĩ cư nghiệp dã, tri chí chí chi, khả dữ ky dã tri, chung chung chi, khả dữ tồn nghĩa dã. Thị cố, cư thượng vị nhi bất kiện, tại hạ vị nhi bất ưu.

九三曰.君子終日乾乾,夕惕若,厲,无咎,何謂也.子曰.君子進德修業,忠信所以進德也.修辭立其誠,所以居業也.知至至之,可與幾也.知終終之,可與存義也.是故,居上位而不驕,在下位而不憂.

Hào Cửu Tam nầy vẫn cũng có đức Long như Sơ-Cửu, Cửu Nhị. Nhưng Cửu-Tam xử vào địa vị bất trung, mà hào Cửu, vị Tam lại là trùng cương, Nên hào-từ rằng : quân-tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược, lệ, vô cựu.

九三曰.君子終日乾乾,夕惕若,厲.无咎,何謂也.

Nhưng hào-từ chỉ nói về mặt tinh thần. Bây giờ Văn-ngôn mới phát huy cho đến sự thực.

Tiến đức tu nghiệp là do ở tinh thần kiền dịch mà ra ; kiền dịch chẳng phải chỉ túi ngày mà run sợ mà thôi, tất phải có sự thật 君子進德修業.

Sự thật là gì ? Chính là công phu học tập của Thánh-nhân.

Công phu học tập của Thánh-nhân tất phải có thể, có dụng, có trong, có ngoài.

Trong thời cốt ở tiến đức, phải làm sao cho đạo đức trong

mình, ngày ngày càng tiến lên mãi, in như lời trong Đại-học.

Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân 苟日新. 日日新. 又日新. Ấy là tiến đức. Nhưng tiến đức thời gốc ở cái gì? Tất gốc ở trung-tin. Hễ làm một việc gì, hoặc nói một lời gì, tất thảy ngoài như trong, trong như ngoài, như nghĩa Trung dung : chí thành bất tức 至誠不息.

Nghĩa là : rất thành thực, không bao giờ nghỉ.

Như nghĩa Đại học : vô tự khi 毋自欺, nghĩa là : chớ dối với lương tâm mình, chẳng những không dối người mà thôi, mà cũng không dối lòng mình.

Như thế, là trung tín. Trung tín ngày chồng tháng chứa, thời đức mình tiến đến cực điểm cao. Đó là thánh học ở phía trong 忠信所以進德也.

Còn thánh học ở phía ngoài, tất phải xem ở nơi công-nghiệp. Vậy nên, lại phải tu nghiệp, mà xem ở nơi công nghiệp, tất phải lo ở nơi tu nghiệp:

Nhưng vì thì giờ với địa vị cửu Tam, đương cần thiết về đường tu dưỡng, nhưng sự nghiệp cũng chưa đến tế-thế an-bang 濟世安邦, mà chỉ cốt ở lập ngôn lập đức 立功立德. Vậy nên, phải tu từ lập kỳ thành. Tu từ, tức là lập ngôn, hoặc làm ra sách vở, hoặc đứng ra diễn thuyết, lấy văn chương cảm động người, lấy lời lẽ dạy dỗ người, rặt là tu từ. Nghĩa là trau chuốt lời của mình, chính là dĩ ngôn vi sự nghiệp 以言爲事業.

Nhưng mà sự nghiệp nói đó, há phải như phường lỵ khẩu xảo ngôn đâu. Tất căn cứ vào đức trung tín của mình từ thuở xưa, viết một chữ, nhả một lời, chỉ là mong mình lập mà người

cũng lập, nói mà chính nhân tâm, nói mà phù thế đạo, không một lời gì mà không căn cứ ở thực lý, thực sự, khiến cho đức thành mình càng ngày càng xác thực kiên cố, công hiệu càng ngày càng rõ rệt. Như thế, là lập kỳ thành. Đó là công phu tu nghiệp của thánh học 修辭立其誠. 所以居業也.

Nhưng mà công phu tiến đức, chỉ nói suông trung tín chưa hết đâu. Công phu tu nghiệp chỉ nói suông tu từ lập thành, cũng chưa hết được đâu. Bởi vì, công phu Thánh học vừa tri vừa hành, vừa hành vừa tri, đã tri tất phải hành, cũng có chân tri mới thực hành được. Nên lại có câu : tri 知 chi 至 chi 至 chi 之. Nghĩa là : biết được như thế mới là đến nơi 知至, đã biết được đến nơi, thời tức khắc phải làm cho đến nơi 至之.

Lại cần cho biết đến nơi, sẽ để làm cho đến nơi, như thế mới có thể thông thấu được đạo lý vi-diệu 道理微妙. Ấy là khả dự ky 可與幾. Ky, nghĩa là ; ky vi. Tỷ như : một việc gì thị phi họa phúc, chưa hiện rõ ràng, mà đã có một ty ky triệu rất nhỏ nhen, duy Thánh-nhân mới biết trước được. Thí như : thấy mũi sừng ở cách bên tường, mà biết bên ấy hẳn có con trâm 隔墻見角, 早知是牛. Thấy ngọn khói ở cách bên núi, mà biết bên ấy hẳn có đám thất hỏa 隔山見煙, 早知是火. ấy là ky. Hễ những người dự được ky, mới là người tri chi, mà tiến đức mới đến tột mực 知至至之. 可與幾也. Trên ấy nói tri chi, là thuộc về phần học tri tri, chỉ cầu một việc ấy biết cho đến nơi, mà chỉ nghiên cứu dĩ vãng, với hiện tại, còn chưa thấu triệt đến tương lai.

Bây giờ phải nghiên cứu cho đến cuối cùng là tương lai, đã biết rằng cuối cùng của việc ấy 知終, mới làm cho đến kiết qảu của việc ấy 終之. Thế là tri chung chung chi. Vì có tri

chung chung chi, mới có thể bảo thủ được chủ nghĩa của mình.

Xưa nay những người thờ một chủ nghĩa, mà trung gian phải bỏ, là vì lúc đầu thờ chủ nghĩa, chưa nghiên cứu kỹ càng. chưa biết kiết quả của chủ nghĩa ấy rồi ra thế nào, lại chưa biết sức mình có chống nổi phản diện của chủ nghĩa ấy đến cuối cùng hay không. Thế là bất tri chung, tất nhiên không chung chi được, tất nhiên chủ nghĩa mình phải bỏ. Nên nói rằng : tri chung chung chi, khả dự tồn nghĩa dã 知終終之, 可與存義也.

Chữ chung trên, nghĩa là cuối cùng, chữ chung dưới nghĩa là kiết-quả, tồn nghĩa là giữ chặt.

Vì mình biết được đến cuối cùng, nên mình mới làm được đến triệt để. Đã làm được đến triệt để, thời chủ nghĩa mình mới viên-mãn hoàn-toàn.

Thí như : đi một lối đường từ Huế đến Hà-nội, thì mình biết trước đến cuối cùng đường Hà-nội phải xuống ga nào ? nhà ga cuối cùng ấy là chung, tất phải biết trung gian trải qua mấy ga, chạy mấy thì giờ, phải dùng đến bao nhiêu tổn phí, phải dùng những đồ hành-lý gì, phải dùng mấy người giúp đỡ với mình, hoặc dùng những giống gì để phòng bị thẳng dọc đường, đến khi tới ga Hà-nội thời trụt nghỉ ở chốn nào ?

Vả lại từ lúc ra đi cho đến khi tới nơi, trung-gian có điều gì nguy hiểm hay không.

Những điều như trên ấy kể, phải tính toán hoàn-bị, mới nhất định ra đi, đi tất đến nơi, đến nơi tất như ý, thế là chung chi, mà chủ nghĩa mình đi Hà nội không bao giờ hỏng.

Nói tóm lại, tri chí chí chi 知至, 至之. thuộc về phần không

gian, tri chung chung chi 知終終之, thuộc về phần thì gian, khả dự ky 可與幾 là : nhân lúc đã hình hiện, xét đến lúc chưa hình hiện. Khả dự tồn nghĩa 可與存義 là : chu mật ở bề ngoài, để gìn giữ ở bề trong. Đạo lý của thánh học, tri hành tịnh tấn, thỉ chung nhất quán là như thế. Vì học của thánh-nhân như thế, nêu ứng sự tiếp vật tùy thì xử thế, chẳng chốn nào mà chẳng hay, dầu khi đắc thì đắc thế ở địa vị trên người, mà không bao giờ dàm nịch vì phú quí 是故居上位而不驕. Dầu khi thất thế ở địa vị dưới người, mà không bao giờ buồn bã vì bần tiện 在下位而不憂,

Trên đó là chuyên nói về học của Thánh-nhân. Nếu những người chưa được đức như thánh nhân, mà xử vào địa vị Cửu-Tam, thời lại nên xem tiết dưới nầy : nghĩa là chỉ cầu cho khỏi lội lỗi là hay.

Cửu-Tam, trung cương nhi bất trung, thượng bất tại thiên hạ bất tại điền, cố kiền kiền, nhân kỳ thì nhi dịch, tuy nguy, vô cực kỳ.

九三. 重剛而不中. 上不在天. 下不在田. 故乾乾因其時而惕, 雖危, 无咎矣.

Ý nghĩa tiết nầy ở trong hào-từ đã thích kỹ, duy chúng ta nên chú ý nhất là câu : nhân kỳ thì nhi dịch. Bởi vì Cửu Tam theo về địa vị với hoàn cảnh. Trên không được như Cửu-Ngũ mà tại thiên 上不在天, dưới không được như Cửu-Nhị mà tại điền 下不在田.

Nếu tài đức mình chưa được như Thánh-nhân, mà biết thập phần cẩn thận ở đường đi nước bước, tất nhân thì mình như

thế mà thì thì lo sợ 故乾乾·因其時而惕, thời tuy có nguy hiểm, mà không tội lỗi 雖危, 无咎.

PHỤ CHÚ : 附註 Văn ngôn thích sáu hào-từ, ở các hào không chữ Thì, duy Cửu Tam, Cửu Tứ lọt vào hai chữ Thì 因其時, 欲及時, là ý rất thâm thiết. Xưa nay thánh hiền ở vào địa vị nguy hiểm, thiệt không thể đại hữu vi được. Nhưng không bao giờ táng triết trụy danh 喪節墜名, chỉ vì biết nghĩa chữ Thì mà thôi, Thì nên thối tàng mà thối tàng, thì nên im lặng mà im lặng ; nhưng mà cái công phu tiến đức tu nghiệp, thời không bao giờ quên.

Xem như lời Văn-ngôn hai hào, thời học thì trung của Thánh-nhân, chỉ là như thế.

Cửu Tử viết, hoặc dược tại uyên, vô cựu, hà vị dã.

Tử viết : quân tử tiến đức tu đức, dục cập thì dã.

九四曰. 或躍在淵, 无咎. 何謂也.

子曰. 君子進德修業, 欲及時也.

Cửu-Tứ nầy với Cửu-Tam tinh chất in như nhau, địa vị cũng tương tự nhau. Tam ở hạ quái chi thượng, Tứ ở thượng quái chi hạ. Kể truyền quẻ thời hai hào ấy ở địa-vị chông-chênh. Vậy nên xem Cửu-Tam cũng có thể suy ra mà biết được Cửu-Tứ. Sở dĩ Văn-ngôn Cửu-Tứ chỉ nhắc lại bốn chữ : Tiến đức tu nghiệp như Cửu-Tam.

Nhưng khác nhau chút đỉnh là Cửu-Tam thời chưa đến địa-vị thượng quái, mà Cửu-Tứ thời đã đứng vào địa-vị thượng quái lại tiếp cận với Cửu-Ngũ. Nếu nhích lên một tý, thời có thể đại hữu vi. Nên hào-từ có chữ Dược, mà Văn-

ngôn có chữ dục cập thì. Chữ dục có ý sắp sửa ; cập thì, nghĩa là: may gặp được thì tiết hữu vi.

Bây giờ lấy việc hai người đời xưa làm chứng. Cửu-Tam thời như ông. Khổng-Minh khi ông còn cày ở Nam dương, nên ông có câu : cẩu tuyền tính mệnh ư loạn thế 苟全性命於亂世.

Cửu Tứ thời như ông Y-Doãn, năm lần tới Kiệt, năm lần tới Thang, chỉ cân lường thì-hội mà tấn thối, hay thời ta được, nếu chưa hay thời ta tại uyên. Vậy nên hào-từ có chữ hoặc. Hoặc là có ý còn ngần-ngại, mà cũng có ý nghi-từ.Công phu tấn đức tu nghiệp Cửu-Tứ vẫn y như Cửu-Tam, mà ý tứ lựa thì tiến hành, thời có khác với Cửu-Tam.

Xem như lời tiết dưới càng rõ lắm.

Cửu-Tứ, trùng cương nhi bất trung, thượng bất tại thiên, hạ bất tại điền, trung bất tại nhân, cố hoặc chi, hoặc chi giả, nghi chi dã, cố vô cựu.

九四.重剛而不中,上不在天,下不在田.中不在人.故或之,或之者,疑之也.故无咎.

Thiên, chỉ vào vào Cửu-Ngũ, điều chỉ vào Cửu-Nhị. Nhân chỉ vào Cửu-Tam.

PHỤ CHÚ.— Cửu Tam sở dĩ vô cựu là vì biết kiền kiền dịch nhược, Cửu Tứ sở dĩ vô cựu, lâ vì nhờ có chữ hoặc, địa vị Cửu Tứ vẫn đã có thể được rồi, nhưng còn phải ngần nghĩ đong lường, nên tiến thời mới tiến. Vậy nên dùng chữ hoặc.

Cửu-Ngũ viết, phi long tại thiên, lỵ kiến đại nhân, hà vị dã.

Tử viết : đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thủy

lưu thấp, hỏa tựu táo vân, tòng long, phong tòng hổ, Thánh nhân tác nhi vạn vật đổ, bản hồ thiên giả thân thượng, bản hồ địa giả thân hạ, tắc các tòng kỳ loại dã.

九五曰. 飛龍在天, 利見大人, 何謂也.

子曰.同聲相應, 同氣相求, 水流濕, 火就燥, 雲從龍, 風從虎, 聖人作, 而萬物覩, 本乎天者親上. 本乎地者親下. 則各從其類也.

Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thủy lưu thấp, hỏa tựu táo, vân tòng long, phong tòng hổ, sáu câu ấy là khách là bồi sấn.

Thánh nhân tác, nhi vạn vật đổ, câu ấy chủ, là chính thich nghĩa hào-từ.

Tác, là thích nghĩa chữ phi, đổ là thích nghĩa chữ kiến. Thánh nhân là thích nghĩa chữ đại nhân.

Chương nầy không thích nghĩa câu một được, nên phải : thích tóm tuyền văn, sẽ cho đầu đuôi quán triệt với nhau, tựu trung cũng phải xáo nguyên văn để cho thông suốt được ý nghĩa của thánh-kinh, xin học-giả nhận kỹ.

Hào-từ Cửu Ngũ sở dĩ rằng : phi long tại thiên, lỵ kiến đại nhân là ý nghĩa như thế nào ?

九五曰. 飛龍在天, 利見大人, 何謂也.

Khổng-Tử sợ người học Dịch chỉ y theo mặt chữ, không thể phát minh được.

Vậy nên dùng cách thí dụ : Ngài nói rằng 子曰 : lẽ trong thiên hạ đã có cảm, tức có ứng, nhưng tức phải đồng loại với nhau, quan hệ với nhau thời cảm ứng mới mau chóng. Cửu-

Ngũ sở dĩ ly kiến Cửu Nhị, Cửu nhị sở dĩ ly kiến Cửu-Ngũ, thiên hạ sở dĩ ly kiến đại nhân, cũng chỉ một lẽ cảm ứng tự nhiên mà nên thế. Vẫn không ai bắt buộc ai, mà cái bắt buộc dẫn dụ đó là chỉ ở tâm đồng đạo hợp mà thôi.

Ví như : con hạc mẹ kêu, thời con hạc con họa lại ngay, đêm khuya một con gà gáy, thời bao nhiêu con gà khác gáy theo ngay. Vì đồng một tiếng nên ứng nhau như thế 同聲相應 Lại ví như : đem gương lấy lửa để dưới bóng mặt trời, thời lửa bén ngay. Vì mặt trời là khí lửa, nên gương lấy lửa dẫn được khí trời ; đem đá nam châm đặt gần chốn có sắt, thời dẫn được đồ sắt ngay. Vì đá nam-châm là mẹ đẻ ra sắt, nên nó thường hút được kim khí, hễ đồng khí thời cầu nhau như thế 同氣相求.

Chốn thấp là hợp với tính nước, nên nước thường chảy xuống chốn thấp 水流濕.

Chốn ráo là hợp với chất lửa, nên lửa thường bén với chốn ráo 火就燥. Hễ hợp tính thời tìm nhau như thế. Long là vật thuộc về loài dương, mà cũng vẫn khí dương un nấu ra, nên vân hay theo long, long hiện thời mây ùn lên 雲從龍. Hổ là vật thuộc về loài âm, mà phong lại là âm khí phát động, nên phong hay theo hổ, hổ tới đâu, thời gió hút theo 風從虎.

Xem như sáu cái chứng ấy, thời cơ cảm ứng rất tự nhiên, cũng rất mau chóng.

Bây giờ thịnh đức chí thành của Thánh nhân, cảm động được lòng người trong thiên hạ, người thiên hạ tất nhiên phải ưng ngay.

Tức như vua Thuấn là một tên dân cày ở Lịnh sơn mà đến

khi vua Nghiêu dắt ra, thời những kẻ ngục tụng âu-ca ở trong thiên hạ, bỏ con vua Nguyêu mà theo vua Thuấn.

Lại như vua Lê-Thái-Tổ nước ta là một người dân cày ở Lam sơn, đến khi khỉ nghĩa đánh Ngô, thời hưởng ứng khắp tuyền quốc, thật là một vị Thánh quân xuất hiện, mà vạn vật đâu cũng nghển cổ trông vào. 聖人作而萬物覩.

Đó là cảm tự nhiên, mà ứng cũng tự nhiên. Nên có thiên đức như Cửu-Ngũ, thời tất thảy người trong thiên hạ ai nấy cũng phải ly kiến.

Bởi vì nguyên lý của loài người, theo lành tránh dữ, nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý, mà Thánh-nhân là một người rất lành trong loài người nên thiên hạ rất vui theo, chẳng phải Thánh nhân hữu tâm cầu thiên hạ, mà thiên hạ tự nhiên theo Thánh nhân. Đó chỉ là tránh người bạo, theo người nhân, xa người dữ, gần người lành, vẫn là tam lý sẵn của loài người, nên cảm ứng được mau như thế. Thử xem bao nhiêu động vật, tất nhiên đầu hướng về phía trên, không thấy động vật nào chân ở trên cả.

Bởi vì, nó là một loài gốc ở trời, đắc dương khí mà phát minh ra. Vậy nên thân thượng 本乎天者親上.

Lại xem như : bao nhiêu thực vật, thời thường đầu hướng xuống dưới, chẳng thấy cây cỏ nào đầu ở trên cả. Bởi vì, nó là một loài gốc ở đất, do âm khí mà phát sinh ra, nên nó thân hạ 本乎地者親下.

Loài người gốc nguyên khí tạo hóa sinh ra vẫn là loài lành, được một người rất lành như Thánh nhân, tất nhiên thiên hạ phải theo, cũng là tùng kỳ loại vậy 則各從其類也.

Phù đại nhân giả, dự thiên địa hợp kỳ đức, dự nhận nguyệt hợp kỳ minh, dự tứ thời hợp kỳ, tự dự-quỉ-thần hợp kỳ cát hung, tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thì, thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ, huống ư quỉ thần hồ.

夫大人者.與天地合其德,與日月合其明,與四時合其序,與鬼神合其吉,凶.先天而天弗違,後天而奉天時.天且弗違,而況於人乎,況於鬼神乎.

Trên ấy là mướn các loài cảm ứng, để thí dụ thiên hạ tất phải lỵ kiến đại nhân. Bây giờ lại hình dung cho tường tận đức của đại nhân. Hễ gọi một bậc đại nhân, tất có đức lớn như trời đất, không chốn nào không che, không vật nào không chở 夫大人者,與天地合其德. có đức sáng suốt như mặt trời mặt trăng, không chốn nào vật nào mà không soi dọi đến nơi 與日月合其明. có trí khôn sắp xếp mỗi việc, tầng thứ trước sau, đúng như thì tiết bốn mùa 與四時合其序. có tính khôn thiêng biết được việc lành việc giữ in như quỉ thần 與鬼神合其吉,凶. Gặp việc gì ý trời muốn làm, đón trước được ý trời mà làm mà trời phải nghe theo 先天而天弗違, thấy được việc gì ý trời đã rõ rệt, làm theo sau trời, mà quả nhiên như trời làm 後天而奉天時. Thế là đại nhân. Đại nhân tức là thiên, nên thiên phải nghe theo. Trời hãy còn nghe theo 天且弗違, mà huống gì người nữa ru 而況於人乎,況於鬼神乎.

PHỤ CHÚ : Lời Văn-ngôn tán tụng bậc đại nhân Cửu-Ngũ, thật là cùng cao cực thâm, tận thiện tận mỹ, chúng ta muốn làm như bậc đại nhân ấy thật không dung dị.

Nhưng chúng ta phải biết, đại nhân Cửu Ngũ, tức là đại

nhân Cửu Nhị, chẳng qua công phu tích lụy từ thấp tới cao.

Nếu chúng ta có học dĩ tụ chi, vấn dĩ biện chi, khoan dĩ cư chi, nhân dĩ hành chi, thời tuần tự bước lên, do hiền mà bắt chước đến thánh, do thánh mà bắt chước đến thiên, thời chúng ta cũng là một bậc đại nhân Cửu Ngũ mà thôi.

Nói tóm lại, công phu ở Cửu-Nhị là tạo nhân, sự nghiệp đến Cửu-Ngũ là kết quả.

Chúng ta học Dịch tất phải có một cái mục-đích sẽ làm đại-nhân. Tức như câu nói Mạnh-Tử : nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn 人皆可以為堯舜.

Thượng Cửu viết, kháng long hữu hối, hà vị dã.

Tử viết : quí nhi vô vị, cao nhi vô dân, hiền nhân tại hạ vị, nhi vô phụ, thị dĩ động nhi hữu hối dã.

上九曰. 亢龍有悔, 何謂也.

子曰. 貴而无位, 高而无民, 賢人在下位, 而无輔. 是以動而有悔也 :

Sáu hào quẻ Càn, tất thảy là có đức Long, đáng lẽ là hào nào cũng tốt. Cớ sao Thượng-Cửu lại rằng : đức Long đến lúc cùng cực thời hữu hối.

上九曰. 亢龍有悔. 何謂也.

Thế mới biết, Dịch-lý thiết yếu nhất là chữ Thì.

Xử địa vị Thượng Cửu, là chỉ đã cùng cực. Ở cao nhất quẻ Càn, mà kỳ thực không được vị tôn.

Bởi vì, hào vị đến Cửu-Ngũ là tôn tột mực, té là Thượng-Cửu là vô vị 貴而无位. Trên hết cả mọi hào vẫn là cao, nhưng mà nhân dân chỉ lý kiến đến Cửu Ngũ mà thôi, té ra Thượng-

Cửu là vô dân 高而无民. Tất thảy hiền nhân ai nấy đều ở vị dưới mình, mà không ai lỵ kiến đến mình, té ra mình cô cao vô phụ 賢人在下位而无輔 (vô phụ là không ai giúp đỡ cho mình).

Hào tượng đã như thế, chính đúng với buổi chặp tối trong một ngày, ngày ba mươi trong một tháng, mặt trời đã đến buổi gần lặng, mặt trăng đã đến buổi khuyết, dầu đức Long tốt đến thế nào, cũng chỉ nên thôi, mới được vô hối.

Nếu động thời tất nhiên hữu hối 是以動而有悔. Thí dụ hào nầy như hai hạng người nầy:

Một người là : ông Thái Thượng Hoàng đời Trần là ông Trần-Thái-Tôn.

Một người là ; ông chồng chồng bà Vực-đa-lỵ-á người nước Anh.

Thế là ; quí, nhi vô vị, cao, nhi vô dân, hiền nhân tại hạ vị, nhi vô phụ.

Kháng chi vi ngôn dã, tri tiến nhi bất tri thối, tri tồn nhi bất tri vong, tri đắc nhi bất tri táng. Kỳ duy Thánh nhân hồ : tri tiến, thối tồn, vong, nhi bất thất kỳ chính dã giả, kỳ duy Thánh nhân hồ.

亢之爲言也. 知進而不知退, 知存而不知亡, 知得而不知喪, 其唯聖人乎. 知, 進, 退, 存, 亡, 而不失其正也者, 其唯聖人乎.

Trên ấy là giải thích lý do sở dĩ hối là vì kháng, nên tiết nầy lại giải thích nghĩa chữ kháng cho rõ ràng.

Kháng là ý nghĩa thế nào 亢之爲言也.

Trong thiên hạ thường có một hạng người, chỉ biết lúc tiến được cứ tiến, mà không biết lúc nên lui mà lui 知進，而不知退. chỉ biết lúc hiện tại là đương tồn, mà không biết tương lai e có lẽ vương 知存，而不知亡. Chỉ biết phía được là đắc, mà không biết đến phía mất là táng 知得，而不知喪.

Vì chỉ biết tiến, biết tồn, biết đắc, mà không xét đến thối, với vương, với táng, cứ tham tiến mà không thối, chắc rằng tồn mà không lo vương, tham đắc mà không sợ táng, thế thời xử đia vị Thượng-Cửu, tất phải như ai mới khỏi hữu hối ru ! Tất phải như bậc thánh nhân 其唯聖人乎, biết được tiến, thối, tồn, vong, mà theo thì thuận xử, vừa đúng được đạo lý. Đương lúc tiến mà sắp sẵn một cách thối, đương lúc tồn mà đã phòng bị đến lúc vong, thấy cái đắc mà răn đe đến cái táng, tác dụng vẫn có cái biến thiên luôn, mà không bao giờ sai đạo lý chính 知進，退，存，亡，而不失其正也. Như thế thời làm gì có kháng, mà cũng còn có việc gì hối nữa ru ?

Than ôi ! địa vị như Thượng-Cửu, mà xử trí được hợp đạo như thế, e chỉ bậc Thánh-nhân mà thôi chăng 其唯聖人乎.

Từ đây sắp xuống, Văn-ngôn dùng bằng cách vận văn.

Tiềm long vật dụng, dương khí tiềm **tàng**, hiện long tại điền, thiên hạ văn **minh**, chung nhật kiền kiền, dự thì giai **hành**

潛龍勿用，陽氣潛藏. 見龍在田，天下文明. 終日乾乾，與時偕行.

« **Tàng, minh, hành,** hiệp thành một vận ».

Hoặc dược tại uyên, càn đạo nải **cách**, phi long tại thiên,

nải vị hồ thiên **đức**. Kháng long hữu hối, dự thì giai **cực**. Càn nguyên dụng cửu, nải kiến thiên **tắc**.

或躍在淵, 乾道乃革, 飛龍在天, 乃位乎天德. 亢龍有悔. 與時偕極. 乾元用九, 乃見天則.

« **Cách, đức, cực, tắc,** hiệp thành một vận ».

Vì Văn ngôn dùng vần, nên dịch nguyên văn cũng phải dùng vần :

Rồng ngầm chớ dụng, là tượng hào Sơ ;

Khí dương ở dưới, rồng chửa mây mưa,

Rồng ra ở ruộng, hào Nhị bây giờ ;

Rõ ràng văn hóa, khắp cả gần xa ;

Nửa trên nửa dưới, buổi phải âu lo.

Triều càn tịch dịch, thì nghĩa rất to.

Qua hào Cửu Tứ, hoặc dược tại uyên.

Đạo Càn sắp đổi, từ dưới lên trên.

Hào Cửu-Ngũ tượng rồng bay.

Đức trời tròn vẹn, đứng ngay ngôi trời.

Hào Thượng-Cửu, Long tột vời.

Ngôi cao nhưng cũng theo thì nên lui.

Sáu dương đã biến cả rồi.

Quần Long bình đẳng, đạo trời hiển nhiên.

Càn nguyên giả, thỉ nhi hanh giả dã ; lỵ trinh giả, tình tình dã. Càn thỉ năng dĩ mỹ, lỵ lỵ thiên hạ, bất ngôn sở lỵ, đại hỷ tai,

乾元者.始而亨者也.利貞者,性情也.乾始能以美,利利天下,不言所利,大矣哉.

Tiết nầy lại thích thêm ý nghĩa Soán từ ở đầu quẻ, Càn nguyên là đức Nguyên của Càn, tạo thỉ vạn vật, mà vạn vật được hanh thông 乾元者,始而亨者也.

Duy đương lúc Nguyên Hanh, thời tính tình của Càn, mà phú dự cho vạn vật, còn chưa phát triển được hết, đến khi lỵ trinh, thời giống gì giống gì cũng thành công kiết-quả, thời tính tình của Càn, mới phát triển đến cực điểm 利貞者,性情也. Bởi vì nguyên hanh là Càn đạo chi thỉ, lỵ trinh là Càn đạo chi chung, có đến lúc cuối cùng thời mới thấy được chân tính chân tình. Vậy nên nói lỵ trinh giả tính tình dã.

Tuy nhiên, ở trong tứ đức, thời đức Lỵ lại là quan kiện 閒鍵 cho ba đức, tiếp tục đức Nguyên đức Hanh mà thành tựu cho đức Trinh, là nhờ có Lỵ. Mà kể đức Lỵ to thứ nhất, thời không gì bằng đức Lỵ của Càn. Càn đào chú ra vạn vật, chế tạo ra vạn loại, lấy những thực lỵ rất tốt làm lỵ ích cho thiên hạ 乾始能以美,利利天下, mà không bao giờ kể công 不言所利. Làm lỵ ích cho vật, chỉ là xuất ư tự nhiên, thiệt là lớn lắm rồi vậy thay 大矣哉.

Đại tai Càn hồ, cương kiện trung chính, thuần túy tinh dã.

大哉乾乎,剛健中正,純粹精也.

Tiết nầy là Khổng-Tử đã giải thích hết quái hào như trên ấy, nhưng Ngài vì tâm túy với đạo Càn, nên lại tán tụng thêm một tầng như tiết nầy :

To lớn thay, đạo Càn vậy ôi! 大哉乾乎. Đã cương kiện mà lại trung chính 剛健中正. mà đức cương kiện trung chính

đó, lại thuần túy mà tinh 純粹精也, đủ được như thế, thiệt duy đạo Càn vậy.

PHỤ CHÚ 附註 : Bảy chữ **Cương, Kiện, Trung, Chính, Thuần, Túy, Tinh,** mỗi một chữ hàm súc một ý nghĩa.

Cương, là đức mạnh, tức là chữ Dũng. Nhưng mạnh mà không bền dai, là không phải Kiện.

Kiện, nghĩa là mạnh, mà lại bền dai, tức là Nghị-lực 毅力.

Người có tánh dũng quyết quả cảm gọi bằng Cương, có tính nhẫn nại, gọi bằng Kiện. Nhưng Cương Kiện có lúc thái quá, có lúc bất-cập, thời là bất trung. Hoặc có lúc chếch mếch về một bên, thời là bất chính. Vậy nên có đức tốt Cương Kiện, lại phải tất tu dưỡng cho được vô quá vô bất cập, bất thiên bất ỷ, mới là Cương, Kiện, Trung, Chính. Nhưng đức Cương, Kiện, Trung, Chính đó, lại tất phải trong như ngoài, ngoài như trong, thỉ như chung, chung như thỉ, mới là Thuần Túy. Đã thuần túy như vậy, nhưng còn lại phải cho Tinh. Nếu Cương Kiện mà chỉ như cách thầy Tử-Lộ, mắc cái tệ bạo hổ bằng hà 暴虎憑河.

Trung chính mà chỉ như ông Bá-Di, ông Liễu-hạ-Huệ, thời mắc cái tệ ải với bất cung. Thế là bất tinh. Vậy nên Khổng-Tử có trách thầy Tử-Lộ mà than rằng : Nhược Do dã bất đắc kỳ tử nhiên 若由也不得其死然. Nghĩa là : như anh Do kia, e đến nỗi kiết quả cái chết anh không được chánh đáng với đạo lý.

Thầy Mạnh lại có câu rằng ; Bá-Di ải, Liễu-hạ-Huệ bất cung, quân-tử bất do dã 伯夷隘, 柳下惠不恭, 君子不由也.

Ải, nghĩa là : chật hẹp. Bất cung, nghĩa là ngạo đời.

Bá-Di vẫn là bậc Thánh chi thanh, nhưng vì tật ác thái thậm, thành ra độ lượng chật hẹp, không dung nạp được người.

Ông Liễu-hạ-Huệ vẫn là bậc Thánh chi hòa, nhưng vì quá lờn lã với người đời, thành ra một cách mục trung vô nhân.

Những thái độ ấy quân tử không chịu làm đó vậy.

Dũng cảm như thầy Tử-Lộ là cương kiện mà bất tinh.

Thanh, hòa như ông Di, ông Huệ, là trung chính mà bất tịnh Vậy nên, Cương, Kiện, Trung, Chính, Thuần, Túy mà lại kiết thúc lấy chữ Tinh. Đó-là thâm ý của Khổng-Tử, học giả học Dịch chớ bỏ lơ những ý ấy.

Lục hào phát huy, bàng thông tình dã.

六爻發揮，旁通情也.

Tiết nầy bảo cho học giả, muốn tu dưỡng được đức Càn, thời cần trước phải có học vấn. Nghĩa như : đọc sáu hào quẻ Càn, phải nhận kỹ hào từ mà biết được ý nghĩa trong sáu hào, đã phát minh khươi móc hết các lẽ, mà suy rộng ra, thời bao nhiêu nhân tình vật tính, có thể tứ bề thông thấu hết cả.

Thì thừa lục long dĩ ngự thiên dã, vân hành vũ thi, thiên hạ bình dã.

時乘六龍以御天也. 雲行雨施，天下平也.

Tiết nầy là ý Khổng-Tử muốn cho những người học Dịch, nên tiêu cái mục-đích cho rất cao, trông làm được như bậc Thánh-nhân Cửu-Ngũ, lục Long là sáu dương hào, thì thừa lục long, là chiếu theo sáu vị dương hào, xử vào thì hào nào, thời đúng như hào ấy.

Ngự, nghĩa là thống trị Ngự thiên, nghĩa là thống trị lấy những công việc trời giao mình 時乘六龍, câu ấy là thủ đoạn của Thánh-nhân.

Vân hành, là mây đi ; vũ thí là mưa rắc rưới khắp ; thiên hạ bình, là các vật các đắc kỳ sở, người trong thiên hạ tất thảy cân bằng như nhau, không một người nào chịu cái khổ bất bình 天下平也.

Đó là công-dụng của Thánh-nhân, mà cũng là công dụng của đức Càn, Càn thỉ nhi hanh, đến lúc đó là lỵ trinh vậy.

Quân-tử dĩ thành đức vi hạnh, nhật khả kiến chi hạnh dã.
君子以成德為行. 日可見之行也.

Nói tóm lại, những người quân-tử, muốn cho đúng với đạo Càn, tất phải tiến tu cho đến thành đức, có thành đức sẵn ở trong, suy ra làm việc thiên hạ, ngày nào ngày nào cũng có thể biểu hiện được đức mình ra ở nơi thức-hành vậy.

o O o

II.— QUẺ BÁT-THUẦN-KHÔN

八 純 坤

坤 上 外 坤　　坤 下 內 坤

Quẻ nầy là quẻ Bát-Thuần Khôn. Khôn hạ cũng là Nội-Khôn, Khôn-thượng cũng là Ngoại-Khôn.

Quẻ nầy sáu nét tất thảy là nét Âm. là tượng về thể đất, mà lại hoàn toàn thuộc về chất nhu-thuận, nên đặt tên quẻ bằng Khôn.

Ba nét âm ở dưới là Khôn-hạ, cũng là Nội-Khôn ; ba nét âm ở trên là Khôn thượng, cũng là Ngoại-Khôn.

Khôn, nghĩa là thuận.

Từ đây sắp xuống là soán-từ của Văn-Vương.

SOÁN-TỪ : Khôn, Nguyên, Hanh, Lỵ, tẩn mã chi trinh ; quân tử hữu du văng, tiên mê hậu đắc, chủ lỵ ; tây Nam Đắc bằng, đông bắc táng bằng, yêu trinh, cát.

坤，元，亨，利，北馬之貞．君子有攸往，先迷後得，主利．西南得朋，東北喪朋．安貞，吉．

Tuyền bộ Dịch, gốc chỉ nhất Âm, nhất Dương. Nhất dương là gốc **ở Càn.**

Nhất âm là gốc **ở Khôn**. Vì có đức Khôn, đức Càn mới tạo thành được vạn vật.

Nên Càn, Khôn đủ cả tứ đức 元. 亨. 利. 貞.

Nhưng mà Cần Khôn có khác nhau chút đỉnh. Càn là hoàn toàn đức Kiện, thuộc về tính chất con trai. Khôn, là hoàn toàn đức Thuận, thuộc về tính chất con gái.

Vậy nên soán từ Văn-Vương có khác nhau. Soán-từ ở quẻ Càn thời rằng : Nguyên, Hanh, Lỵ, Trinh. Bây giờ soán-từ quẻ Khôn thời lại rằng :

Thuần âm cực thuận như đức Khôn, vẫn cũng đủ nguyên khi tại thỉ được vạn vật là Nguyên, vẫn cũng có công dụng, khiến cho vạn vật được phát đạt là Hanh 坤 元 亨.

Nhưng vì bản chất Khôn là âm, bản tính Khôn là thuận, nên chỉ thừa thuận với Càn. Càn kiện hành đến bao nhiêu, thời Khôn cũng phải kiện hành đến bây nhiêu, theo đức kiện hành của Càn mà tiến hành bất tức.

Thí dụ : bằng loài vật, thời tượng như con ngựa cái. Ngựa là giống đi mạnh, nhưng ngựa cái là giống thừa thuận với ngựa đực.

Vậy nên nói rằng : lỵ tẩu mã chi trinh.

Nghĩa là : Khôn thuận theo như Càn, mới là trinh chính, mà làm lỵ ích cho vạn vật được 利 牝 馬 之 貞.

Trên ấy là thích tượng quẻ Khôn.

Từ đây sắp xuống lại bày dạy cho người học quẻ Khôn.

Những người quân tử xem xét ở nơi mình, nếu đứng

vào địa vị quẻ Khôn, thời mình có làm những việc gì, 有攸往, mà thủ-xướng trước người ta, tất nhiên lầm lỗi 先迷, mình chờ có người thủ xướng trước mà theo làm sau, tất nhiên được thuận tiện 後得, với trong khi mình tiến hành đó, chỉ cốt làm lợi ích cho vạn vật. Nên rằng : chủ lợi 主利, nghĩa là : chỉ tuân theo chương trình, mà không phải sắp đặt kế-hoạch vậy.

Còn như đường lối phương hướng, thời Khôn không thể phân bì được Càn. Càn là thông ngữ được cả trời, nên đi vào chốn nào, cũng không quản ngại.

Còn như Khôn, thời địa vị tự nhiên với chức vụ dương nhiên thảy phải có hạn lượng, nên đường đi nước bước, phải nhìn theo cho đúng loài mình.

Tỷ như : đi vào phương tây-nam là âm phương, thời được bầy bạn 西南得朋, đi vào phương đông-bắc là dương phương, thời mất bạn bầy 東北喪朋. Vậy nên có câu : Tây nam đắc bằng; đông bắc táng bằng.

Hai câu ấy là nói : Đi phải chọn phương, ngồi phải xem hướng, tìm cho được bạn đồng tâm đồng đức với mình thời mới theo, chính là phương dĩ loại tụ 方以類聚. Không phải là hạn định tây-nam với đông bắc đâu. Bởi vì tính âm nhu thuận, xu hướng thường hay không vững vàng, không nhất định, nên Thánh nhân mới thiết ra câu răn này, trông cho những người tánh khôn, thể khôn, xu hướng cần phải kén chọn cho chắc-chắn. Nếu không thế, thời mắc cái lỗi táng bằng, mà kiết quả không đắc bằng.

Xem Soán-từ cuối cùng có câu : Yên trinh cát, thời càng rõ lắm.

Yên trinh, nghĩa là bền giữ đức trinh chính. Bởi vì, đức khôn tuy vẫn nguyên hanh như Càn, nhưng mà tính chất riêng của Khôn, là **thuần-âm cực-nhu**, nên phải thừa thuận với Càn, tự thỉ chí chung, kiên cố bất dịch. Ấy là an trinh.

Nếu được như thế, thời Khôn nhờ có Càn mà vạn vật tạo thỉ. Càn lại nhờ có Khôn, mà vạn vật hoàn thành viên mãn, không còn gì là khuyết điểm, ba chữ **an, trinh, cát**, là nghĩa vụ của Khôn, mà chính là bổ trợ cho Càn. Càn nhờ có Khôn, mà công việc sinh thành vạn vật mới hoàn mãn.

Vậy nên ở quẻ Càn chỉ nói **Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh**, mà không chữ Cát ; đến quẻ Khôn mới thêm vào chữ **Cát**, nhưng mà Cát lại nhờ ở **An, Trinh**, ấy là Càn Khôn hộ trợ nhau, mà làm nên công nghiệp rất lớn, suy từ một nhà, một nước, đến một Xã-hội, một thế giới, thảy phải như thế. Nếu chỉ có Càn mà không Khôn, thời không bao giờ Cát, nếu chỉ có Khôn, mà không thừa thuận với Càn, thời cũng không bao giờ Cát.

Chúng ta nghiên-cứu cho kỹ Soán-từ hai quẻ, thời biết được thâm-ý của Thánh-nhân rất chú trọng vào chữ **Trinh**.

Trinh, nghĩa là chính, mà bền vững. Nếu hoặc không chính, hay là chính mà không bền vững, thời Càn bất thành Càn, mà Khôn cũng bất thành khôn, làm họa hại cho Xã-hội quốc-gia chỉ vì cớ ấy.

Từ đây sắp xuống là soán truyện của Khổng-Tử :

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh, nải thuận thừa thiên.

彖曰.至哉坤元,萬物資生,乃順承天.

Khôn hậu tai vật, đức hợp vô cương ; Hàm hoằng quang đại, phẩm vật hàm hanh ; tần mã địa loại, hành địa vô cương, nhu thuận lỵ trinh, quân tử du hành. Tiên mê thất đạo, hậu thuận đắc thường, tây nam đắc bằng, nải dự loại hành, đông bắc táng bằng, nải chung hữu khánh, an trinh chi cát, ứng địa vô cương.

坤厚載物，德合无疆．含弘光大，品物咸亨．牝馬地類，行地无疆．柔順利貞，君子攸行．先迷失道，後順得常．西南得朋，乃與類行．東北喪朋，乃終有慶．安貞之吉，應地无疆．

Soái viết, chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh, nải thuận thừa thiên.

彖曰，至哉坤元，萬物資生，乃順承天．

Tiết nầy là thích đức Nguyên của Khôn, Khôn là đất, vậy nên lấy địa đạo làm giải thích quẻ Khôn.

Trước kia thích đức Nguyên của Càn rằng : Đại tai, nghĩa là to lớn không chừng mực ; mà khôn thời không được như Càn, vẫn có chừng mực, nhưng chừng mực thế nào, thời đến thế ấy, không một phân một ly sót thiếu. Nên Soán truyện tán rằng : Đến nơi vậy thay ! là đức Nguyên của khôn 至哉坤元 vạn vật nhờ đức Nguyên của Khôn mà sinh nở 萬物資生, mới là thuận thừa đức nguyên của trời 乃順承天．

PHỤ CHÚ : Trên kia nói vạn vật tư thỉ, đây thời nói vạn vật tư sinh, đạo lý có một gốc, mà công dụng thời có hai tầng. Thỉ là gây tạo ở vô hình, thuộc về phần khí. Sinh là vật nắn ra cái hữu chất, là thuộc về phần hình. Thí như : Khí đứa con là công của cha, hình đứa con là công ở mẹ, xem đó thời biết

được nghĩa tư sinh. (Tư, nghĩa là nhờ cậy ; thỉ, nghĩa là gây đầu ; sinh, nghĩa là đẻ ra).

Khôn hậu tải vật, đức hợp vô cương, hàm hoằng quang đại phẩm vật hàm hanh.

坤厚載物，德合无疆．含弘光大，品物咸亨．

Tiết nầy là thích đức Hanh của Khôn, Khôn vì có đức dày, chở đỡ được muôn vật 坤厚載物, cái đức dày đó, không thể đo lường được, cũng to lớn in như đức Càn. Vậy nên Khôn phối hợp với Càn 德合无疆.

Vì đức Khôn phối hợp với Càn, mà vạn vật ở trong Vũ-trụ, chứa trữ rộng rãi, rực rỡ lớn lao 含弘光大, tất thảy bao nhiêu phẩm vật, nhờ sinh khí tự nhiên, mà trưởng thành phát đạt 品物咸亨. Ấy là nhờ đức Hanh của Khôn vậy.

Tẩn mã địa loại, hành địa vô cương, nhu thuận lỵ trinh.

牝馬地類，行地无疆，柔順利貞．

Soán từ sở dĩ có câu : Lỵ tẩn mã chi trinh. Bởi vì, Khôn là tượng đất, tính Khôn vẫn thuận, mà thể đất vẫn lăn chuyển không nghỉ, tượng như ngựa có tính đi đường xa không nghỉ. Khôn là chất thuận, mà có tính kiện, tượng như con ngựa cái. Vẫn tẩn mã là thuộc về loài địa 牝馬地類, mà được đi trên mặt đất, không chừng nào nghỉ 行地无疆. Vì đức Khôn như thế, mà quân-tử bắt chước lấy Khôn, thời cũng nhu thuận và lỵ trinh, in như đức Khôn vậy 柔順利貞. Tiết nầy là thích chữ lỵ trinh trên soán-từ.

Quân tử du hành, tiên mê thất đạo, hậu thuận đắc thường, tây nam đắc bằng, nải dự loại hành, đông bắc táng bằng, nải

chung hữu khánh. An trinh chi cát, ứng địa vô cương.

君子攸行，先迷失道．後順得常，西南得朋，乃與類行．東北喪朋，乃終有慶．安貞之吉，應地无疆．

Bây giờ soán truyện lại dạy cho những người học Dịch, y theo soán-từ mà rằng : quân-tử có hành-động việc gì 君子攸行, nên thủ xướng trước thời mê, mà đến nỗi lạc đường 先迷失道, biết thừa thuận ở sau, thời được đạo lý thường 後順得常. Tây nam thời đắcbằng là đi với người đồng loại cùng mình 西南得朋，乃與類行. Nếu đi về phương đông bắc, thời táng bằng 東北喪朋. Biết kén chọn phương hướng như thế, thời phương lành ta theo, phương dữ ta tránh, mới kiết quả được có phúc tốt 乃終有慶. An trinh chi cát, ứng địa vô cương 安貞之吉．應地无疆. Nhưng mà tất phải an giữ đức trinh, thời mới được cát 安貞之吉, mà in như địa đạo vô cương vậy 應地无疆.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, địa thế Khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật.

象曰．地勢坤．君子以厚德載物．

Xem quẻ Khôn nầy, sáu hào rành âm, từ trên xuống dưới, tầng lớp chồng nhau, tượng như thể đất dày mà lại thuận, cao thấp tầng thứ tiếp nhau, chở đỡ muôn vật, không giống gì ở trên đất mà đất chối từ, ấy là Khôn 地勢坤. Quân tử học chước tượng quẻ Khôn, nên lấy đức rộng lớn sâu dày, mà dung chở loài người 君子以厚德載物.

Hậu, nghĩa là dày ; tải, nghĩa là chở.

PHỤ CHÚ : Đức Càn tốt nhứt, là vì tính kiện, vì kiện nên mạnh bền không mỏi, quân tử học chước Càn, mà tự cường bất tức. Đức Khôn, tốt nhất là vì tính hậu, vì hậu nên bền chặt dày dặn. Quân tử học chước Khôn mà hậu đức tải vật. Ấy là phương pháp chúng ta học Dịch.

Xem hai quẻ Càn, Khôn, thời suy ra các quẻ khác cũng như thế.

HÀO TỪ VÀ TIỂU-TƯỢNG-TRUYỆN

1. Sơ lục, lý sương, kiên băng chí.

初六. 履霜, 堅冰至.

Hào nầy là vạch thứ nhất ở dưới hết quẻ, thế là Sơ, mà lại hào đứt đôi là sách, sách âm hào. Thế là lục, nên gọi nó bằng Sơ-Lục.

Số âm kể nghịch, từ bát nghịch đến lục, Lục là thành số chi chung. Vậy nên, kể hào Âm thời gọi bằng Lục.

Hào Sơ-Lục nầy, là hào Âm đầu hết Kinh-Dịch, nhưng kể vào quẻ Khôn, thời lại là hào âm mới sinh ở dưới hết. Nguyên lai, chân lý trong Kinh-Dịch, thông thường kể dương là thiện, âm là ác, dương chủ sinh, âm chủ sát, dương là quân-tử, âm là tiểu-nhân. Tuy Dịch đạo biến hóa, không phải chấp nhất như thế, nhưng mà theo về lý thường, thời nhất định như thế. Tỷ như : Dương là con trai, âm là con gái, thời vạn cổ bất dịch.

Thánh-nhân thấy hào nầy là một hào Âm mới sinh, một phương diện xem ở thiên đạo, một phương diện xét ở nhân

sự, mà suy ra rằng : Hào âm nầy tuy mới sinh, nhưng tình hình càng ngày càng nảy nở thêm mãi, âm sinh đến Nhượng-Lục, thời tất nhiên cướp hết phần dương, cũng in như bắt đầu mới có một đứa tiểu nhân, thời những loài quân-tử tất có một ngày vì nó mà tiêu diệt. Thánh-nhân biết đạo-lý như thế, mới răn cho chúng ta. Hễ làm một việc gì, dùng một người nào, tất phải cẩn thận ư lúc đầu tiên, đề phòng ư khi mới măng-mậm. Cũng ví như ; dưới chân mới đi đạp dấu sương, mà nghĩ đến âm hàn đã sắp tới nơi, chắc chẳng bao lâu mà giá dày tới đó vậy 履霜，堅冰至.

(Sương, là khí lạnh khi đầu ngưng kiết, mà thành ra từng điểm, chân đi dậm lấy sương, là báo-cáo cho mình biết, âm hàn đã gần tới nơi.

Kiên băng, là hàn lạnh chi cực, nước lạnh đông thành giá cứng.

Từ lúc có sương, đến khi có giá, tuy trải qua thì giờ khá lâu, nhưng mà đã có sương, tất đến khi có giá, có tạo nhân mới có kiết-quả, không bao giờ sai lầm. Thánh-nhân dạy cho người ta, ngăn loài ác, tất phải ngăn ư khi ác còn nấp ; phòng việc họa, tất phải phòng ư khi họa chưa rõ. Vậy có hào từ Sơ-Lục.

Tượng viết, lý sương kiên băng, âm thỉ ngưng dã, tuần tri kỳ đạo, chí kiên băng dã.

象曰. 履霜堅冰，陰始凝也. 馴致其道，至堅冰也.

Hào-từ Sơ-Lục rằng : lý sương là lúc đầu khí âm mới ngưng-kiết mà làm sương vậy 履霜堅冰，陰始凝也. Nhưng

mà dần-dà tích-lụy cho đến khi cùng cực đạo âm, tất cũng, đến nỗi giá bền vậy 馴致其道，至堅冰也.

PHỤ CHÚ.— Ý hào-từ nầy rất vi-diệu, khổ tâm Thánh-nhân vì người rất thâm thiết. Hễ việc thiên-hạ, loạn chẳng phải sinh ở lúc loạn, mà thường sinh ở lúc thịnh-trị. Họa chẳng phải sinh ở lúc họa, mà thường sinh ở lúc phúc.

Bởi vì, trong lúc trị với phúc, thường có một cái măng-mậm rất nhỏ nảy nở ra là cái mầm họa với loạn ở lúc tương-lai.

Cái mầm đó là ý nghĩa chữ Lý-sương. Vì chúng ta không biết phòng vi đậu tiệm 防微杜漸, mà để cho cái mầm ấy càng ngày càng lớn thêm. Thế là gây ra loạn, rước lấy họa, chính từ lúc đó, tức là ý-nghĩa chữ kiên băng chi 堅冰至 đó vậy.

Kinh Thư rằng: nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi 人心惟危，道心惟微. Nghĩa là : lòng thuộc về nhân-dục rất nguy hiểm, lòng thuộc về đạo-lý rất mầu nhiệm.

Chúng ta thường quên lửng ở nơi mầu nhiệm, mà mắc sụp lấy nguy hiểm, ấy là không biết răn ở nơi lý sương, mà mắc lấy họa kiên-băng vậy.

2.— Lục Nhị, trực phương đại, bất tập, vô bất lợi.

六二. 直方大，不習无不利.

Hào nầy Âm hào ở Âm vị, là đắc chính. Nhị ở giữa hạ-quái, là đắc trung, thuộc về thể Khôn là nhu-thuận. Vì ở vào thì tiết địa vị quẻ Khôn nên nhu-thuận, mà lại trung chính, thiệt là một vị quân-tử. Ở trong thời có đức ngay thẳng là

Trực 直, ở ngoài thời có nết vuông-vức, là Phương 方, mà lại qui-mô lớn, độ-lượng rộng 大, là trực phương mà đại. Thịnh đức của bậc người ấy như thế, mà lại nhờ nguyên chất in như đức Khôn tự nhiên nhi nhiên, chẳng cần phải học tập khó-khăn 不習, mà làm việc gì việc gì, cũng thuận với đạo-lý 无不利.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ như hào nầy, vẫn là tận thiện tận mỹ. Nhưng sở dĩ tận thiện tận mỹ, là cốt ở hai chữ « Trung », « Chính ». Nếu nhu-thuận mà không trung-chính, e có lúc thành ra nhu-hiểm tiểu-nhân mà thôi. Chúng ta học Dịch, chớ bỏ suông hai chữ Lục-Nhị. Nhị là trung, Lục cư Nhị là chính.

TIMSACH.COM.VN

Tượng viết, lục nhị chi động, trực dĩ phương dã, bất tập vô bất lợi, địa đạo quang dã.

象曰. 六二之動, 直以方也. 不習, 无不利, 地道光也.

Tượng truyện phát-minh ý của hào-từ rằng : Lục-Nhị nầy chẳng phải thuần nhiên nhu tịnh, thể vẫn tịnh, mà dụng thời động.

Nhân vì có đức trung chính, nên khi hành động 二六之動, chỉ thấy là trong thẳng ngoài vuông 直以方也.

Lại vì đúng với đạo Khôn, hữu chư trung, hình chư ngoại, phát triển rõ ràng 地道光也. Vậy nên bất tập vô bất lợi 不習, 无不利.

PHỤ CHÚ.— Tôn-Chân-Nhân có câu : Hạnh dục phương, trí dục viên 行欲方, 智欲圓. Nghĩa là : tính nết tất muốn cho vuông chính, mà trí khôn lại muốn cho viên hoạt, chữ

phương nầy tức chữ phương ở Lục-Nhị, bất tập vô bất lợi, tức là trí viên-mãn cực điểm. Viên, nghĩa là tròn ; hoạt, nghĩa là trơn chảy.

3.— Lục tam, hàm chương khả trinh, hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung.

六三. 含章可貞, 或從王事, 无成.

Hào-Lục ở vị Tam, theo như quẻ khác, thời là bất chính. Bởi vì, âm hào ở dương vị, không thể gọi bằng chính được. Nhưng ở vào quẻ Khôn, thời hào nào cũng có đức Khôn. Bây giờ âm nhu, mà pha vào tính cương-kiện, lại có thể cho là thêm tốt, đó cũng là lý biến-hóa ở trong Dịch-đạo.

Vậy nên hào-từ rằng : Lục-Tam nầy ngồi trên hạ-quái, đúng vào vị nhân thần, mà bản thân nó lại tính như đá[1] cương, lại là đức tốt.

Duy vì đạo làm tôi, chỉ nên hàm súc lấy điều tốt mình, chớ nên khoe khoang loè-loẹt.

Thế mới là có thường mà được chính 含章可貞, có khi đi theo kẻ trên mình mà làm việc nước, thời phải giữ phần khiêm-nhượng, lo hết nghĩa-vụ của mình mà chớ chuyên thành công 或從王事无成, như thế, thời mới hoàn-toàn là hữu chung 有終.

(Hữu chung, nghĩa là có kết quả mỹ mãn).

Tượng viết, hàm chương khả trinh, dĩ thì phát dã, hoặc tòng vương sự, tri quang đại dã.

象曰. 含章可貞, 以時發也. 或從王事, 知光大也.

Lời tượng truyện bổ túc ý nghĩa hào từ rằng : Hào từ tuy bảo hàm chương khả trinh, nhưng mà đức chương mỹ còn hàm súc lại đó, há phải không phát triển đâu. Hễ đã hữu chư trung tất hình chư ngoại. Duy tự mình phải giữ cho trinh chính, thì đáng hối mà hối, thì đáng hiển mà hiển. Hiểu, nghĩa là . rõ rệt ; hối, nghĩa là : che lấp, chắc cái chương mỹ cũng có thì phát triển tới nơi 以時發行. Hoặc tòng vương sự, mà được hữu chung, là nhờ đức trí của Lục-Tam nầy sáng suốt lớn lao 或從王事，知光大也. Vậy nên, giữ được nghĩa-vụ vô thành, mà hưởng được quyền lợi hữu chung.

PHỤ CHÚ : Đọc tượng truyện hào nầy, nên chú ý vào chữ « thì phát ».

Như lục tam ở quẻ khác là bất chính mà xấu, mà ở vào quẻ khôn thời lại chương mỹ, phát triển được chương mỹ, thời cũng nhờ ở thì quẻ Khôn mới hay. Đó là nghĩa chữ thì ở Dịch.

4. Lục-Tứ, quát-nam, vô cựu, vô dự.

六四. 括囊. 无咎. 无譽.

Theo về tuyền quẻ Khôn mà nói, thời nhu thuận vẫn là đức tốt. Nhưng theo về đạo lý tuyền thể loài người, và theo về địa vị từ mỗi hào, thời âm nhu lại không ví được tính cương kiện. Cương-kiện mới là người có tài, nhu thuận thời chưa chắc đã có tài. Huống gì Lục là âm, mà lại xử vào địa vị bất trung, lại ở vào quẻ Thuần âm, thành ra một hạng người nhu thuận hữu dư, cương đoán bất túc 柔順有餘，剛斷不足. Ấy là hạng người vô tài, mà lại ở vào vị trên gần Lục-Ngũ, tượng là đại thần cận quân, tài quá thấp mà vị quá cao, càng nguy-

hiểm lắm. Ai xử vào địa vị hào nầy, chỉ nên giữ bề thận mặc, an phận thủ thường, cũng như cái đãy mà thắt miệng đãy lại 括囊. Nghĩa là : kín đáo giữ gìn, may ra khỏi ội lỗi 无咎, nhưng cũng không dan dự gì 无譽.

Tượng viết, quát nang vô cựu, thận bất hại dã.

象曰. 括囊无咎. 慎不害也.

Tài hèn sức nhỏ, mà ở vào địa vị nguy nghi, tất phải cẩn thận hết sức, mới được khỏi họa hại. Đó là nghĩa câu quát nang vô cựu vậy.

PHỤ CHÚ : Hào từ quẻ Càn với hào từ quẻ Khôn, tài đức vẫn khác nhau, mà địa vị với hoàn cảnh thời in nhau 上卦之下. 下卦之上.

Duy vì hào Tứ quẻ Càn có đức cương-kiện, còn có thể hữu vi được. Nên hào từ có chữ « hoặc dược », mà tượng từ có câu : « tiến vô cựu dã 進无咎也 ».

Đến như hào Tứ quẻ Khôn, thời âm nhu thái quá, được vô cựu là may. Nên hào từ bảo phải quát nang 括囊.

Mà tượng từ lại có câu : « thận bất hại dã 慎不害也 » Đó là đồng một địa vị mà tài đức khác nhau, thời kiết quả cũng khác nhau vậy.

5. Lục-Ngũ, hoàng thường, nguyên cát.

六五. 黃裳, 元吉.

Hào-Ngũ là vị chí tôn ở trong quẻ. Ngũ lại là đắc trung, âm nhu mà đắc trung, lại là hợp với đức Nguyên của Khôn.

Có đức Nguyên như thế, mà ở vào địa vị rất cao, chắc là đức xứng kỳ vị, tất kết-quả được tốt lành. Nên hào từ rằng: hoàng thường nguyên cát.

Nghĩa là: Lục Ngũ nầy giữ được đức trung. Không thái quá, cũng không bất cập, sở dĩ thủ tượng bằng sắc hoàng. Giữ phận khiêm hạ không tự tôn tự cao, sở dĩ thủ tượng bằng cái xiêm.

Vậy nên hợp với đức đại thiện, mà kiết quả chắc tốt lành.

Hoàng, là sắc vàng, là sắc trung ở năm sắc Thường, là cái xiêm, là đồ mặc ở dưới thấp.

Tượng viết, hoàng thường nguyên cát, văn tại trung dã. 象曰: 黃裳元吉, 文在中也.

Hào từ sở dĩ thủ tượng bằng hoàng thường, mà lời đoán bằng nguyên cát, là vì Lục-Ngũ nầy có đức văn-minh, đốc thực mà lại quang-huy, đức văn tiềm ẩn ở trong, mà phát hiện ra ngoài. Thế mới nguyên cát.

PHỤ CHÚ: Hai chữ Nguyên cát, nghĩa là: đại thiện mà lại cát, là chữ tốt nhất của lời đoán ở trong Dịch.

Nhưng vì sao quẻ Càn chưa thấy, mà lại bắt đầu thấy ở hào Ngũ quẻ Khôn.

Tượng-truyện mới phát minh ý nghĩa rằng: Văn tại trung dã. Thâm ý cốt nhất ở chữ Trung.

Chữ Trung có hai nghĩa: một là; Trung là đức trung, không thái quá, không bất cập.

Lại một nghĩa là: Trung là phía trong, phản đối với chữ

ngoại. Văn tại trung, là có văn-học tài hoa, mà lại không thái quá, không bất cập. Nếu văn mà thái quá, té ra văn thắng chất, mà thường thành ra hạng người phù hoa, sở dĩ văn cốt tại trung, đó là một nghĩa.

Lại còn một nghĩa càng thâm thiết cho người đời. Văn là một giống rất đẹp, văn minh là một giống rất tốt.

Nhưng văn minh ở ngoài, trước phải văn minh ở trong.

Văn minh ở trong, là giống gì? là đạo đức, là tinh thần.

Văn minh ở ngoài là giống gì ? là tài hoa, là vật chất.

Nếu chỉ có tài hoa, vật chất, mà không đạo đức tinh thần, té ra chỉ phấn sức ở ngoài, nên không gọi bằng Văn được. Sở dĩ nói : Văn tại trung dã, nghĩa là văn cốt ở trong vậy. Da cọp vẫn vẻ vang, lông phượng hoàng vẫn rực rỡ, mà không thoát khỏi vòng cầm thú, là vì nó chỉ có văn ở phía ngoài, mà phía trong vẫn lòng chim dạ thú. Vậy nên văn nó chỉ là văn bỏ đi. Chúng ta học ba chữ : Văn tại trung, nên hết sức bồi dưỡng đạo đức tinh thần, trau dồi lấy Văn phía trong, mà sau lại bổ thêm tài hoa vật-chất cho đầy đủ văn phía ngoài. Ấy là trong Văn mà ngoài mới Văn, gốc nhánh tươi tốt, đủ trái đủ hoa. Thế mới là đại-thiện chi cát, chỉ trông mong cho người học Dịch, chớ học thoáng qua một chữ mà thôi.

6.— Thượng Lục, long chiến vu dạ, kỳ huyết huyền hoàng.

上六. 龍戰于野, 其血玄黃.

Lục là âm-hào, hào nầy là vạch trên hết quẻ Khôn, là âm thịnh đến cực điểm.

Tòng lai, âm không bao giờ tranh được dương.

Nhưng mà lý trong thiên hạ, kể hai vật đã địch với nhau, thời tất tranh nhau, huống gì âm lại là tương phản với dương. Bây giờ âm đã thịnh cực, thế lực đã càn-địch với dương, tất đến nỗi tranh thắng với dương. Nhưng vì dương cũng thịnh-cực, cũng chẳng chịu thua âm, âm-dương hai bên tranh nhau, mà hai bên thảy cùng thua cả, thành ra lưỡng bại câu thương 兩敗俱傷, ấy là tượng như « long chiến vu dạ, kỳ huyết huyền hoàng ».

Long là dương, dương tranh với âm. Nên rằng : Long chiến. Khi đã chiến rồi, thời cuối cùng hai bên cũng bị họa lưu huyết. Nên rằng : Kỳ huyết huyền hoàng.

Huyền là sắc trời, hoàng là sắc đất, lấy hai chữ huyền hoàng mà hình dung tượng âm dương. Lúc đánh nhau chảy máu, trộn cả máu huyền máu hoàng, là tượng âm dương đồng thì bị hại. Hào-từ nầy, là thâm ý của Thánh-nhân cốt dạy cho người ta : phàm sự gì cũng xem vừa chừng thời nên thôi, chớ nên để đến lúc cùng cực. Nếu để đến lúc cùng cực, tất có biến tượng phát sinh ra.

Hào-từ quẻ Càn Thượng-Cửu rằng : Kháng long hữu hối, là họa bằng dương thịnh cực.

Hào-từ Thượng-Lục quẻ Khôn có chữ Chiến, chữ huyết, là họa bằng âm thịnh cực.

Nếu chúng ta biết : Càng tắc biến, biến tắc thông, thời tránh khỏi được những họa ấy.

Tượng viết, long chiến vu dạ, kỳ đạo cùng dã.

象曰. 龍戰于野, 其道窮也.

Hào-từ sở dĩ nói : long chiến vu dạ, là vì đạo âm nhu của

Khôn, đã đến lúc thịnh chi cực, ấy là cùng, cùng thời tranh với dương. Vậy nên rằng : long chiến.

PHỤ CHÚ : Nguyên lý ở trong vũ-trụ, âm dương vẫn phải nhờ nhau luôn. Nhưng tất phải dương phần hơn, âm phần kém. Nghĩa là : như quân-tử với tiểu nhân, vẫn có nhờ nhau luôn, nhưng tất phải quân-tử có thế mạnh, tiểu nhân có thế yếu.

Bởi vì, quân tử mạnh mà tiểu nhân yếu, thời tiểu nhân mới phục tòng với quân tử, mà thế-giới mới hòa bình. Nếu tiểu nhân cũng bằng ngang quân-tử, thời tất nhiên tranh nhau, mà thế-giới đến gây ra họa loạn, cũng tượng như dương hơn âm kém, thời âm phải phục tòng với dương, mà vạn vật mới được sinh dục. Nếu âm dương cân địch với nhau, thời âm chống với dương, mà vạn vật cũng bị ảnh hưởng vì họa-loạn.

Tiền hiền có câu : Dịch dĩ thiên đạo minh nhân sự 易以天道明人事.

Nghĩa là : sách Dịch là lấy đạo trời mà tỏ bảo việc người, là nghĩa như thế.

Dụng Lục, lợi vĩnh trinh.

用六. 利永貞.

Càn, Khôn thảy sáu hào thời hết quẻ, dầu quẻ khác cũng vậy. Nhưng đạo Dịch, thời không bao giờ cùng, cùng thời biến, là để cho thông cái cùng. Càn có thể biến làm Khôn, Khôn có thể biến làm Càn. Vậy nên Thánh-nhân mới đặt thêm hai hào. Ở Càn có hào dụng Cửu, ở khôn có hào dụng Lục, là tỏ cho người ta biết đạo Càn, đạo Khôn không phải đến sáu hào là hết.

Bây giờ thích hào từ. Vì cớ sao mà đặt tên bằng Dụng-Lục ?

Bởi vì, thông lệ trong Kinh-Dịch, kể đến Âm, thời dụng số Lục, mà không dụng số Bát. Vì nguyên số Âm là ba thành số (Thập, Bát, Lục), mà kể số Âm lại phải kể ngược, đến Lục là thành số chi chung. Vậy nên Âm hào dụng Lục.

Hào Dụng-Lục nầy là sáu hào Khôn, tất thải biến làm sáu hào Càn, tượng là một người nhu nhược biến làm một người cương-cường, là có đức cương-cường trinh-cố, mới hay biến hoá được khí chất như thế. Vậy nên hào từ rằng : lỵ vĩnh trinh.

Ly, nghĩa là : phải, Vĩnh, nghĩa là : lâu dài. Trinh, nghĩa là : chính vừa bền.

PHỤ CHÚ : Hào từ nầy đã tán rằng : Vĩnh trinh, lại được chữ lỵ, là vì âm mà biến thành dương, tức là nhu mà biến thành cương, mới được như thế.

Sách Trung-Dung có câu : Tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường 雖愚必明, 雖柔必強. Nghĩa là : Một người nguyên vẫn ngu-ám nhu nhược, nhưng vì nhờ công phu học vấn, hết sức lo tri tri lực hành, thời kiết quả ngu-ám mà biến ra thông minh, nhu-nhược mà biến ra cương cường. Học-giả biến hóa được khí chất mình, chính như Dụng-Lục vậy.

Tượng viết, dụng lục vĩnh trinh, dĩ đại chung dã.

象曰. 用六永貞, 以大終也.

Thông lệ ở Dịch-lý, đại thuộc về phần dương, tiểu thuộc về phần âm. Hào nầy sở dĩ thuộc Vĩnh trinh, là vì thuần âm biến làm thuần dương. Thế là nguyên chất vẫn tiểu, mà trải qua biến hóa lần lần, đến cuối cùng thời là đại.

Tiểu mà hóa nên đại, là một hạng người tạo thì thế rất hay đó vậy.

VĂN NGÔN

Từ đây sắp xuống là Khổng-Tử muốn phát-huy cho hết ý nghĩa Soán-truyện.

Nên lại làm thêm Văn-ngôn, cũng như quẻ Càn.

Văn-ngôn viết, Khôn chí nhu nhi động dã cương, chí tịnh nhi đức phương, hậu đắc chủ... nhi hữu thường, hàm vạn vật nhi hóa quang, Khôn đạo kỳ thuận hồ, thừa thiên nhi thi hành.

文言曰. 坤至柔而動也剛, 至靜而德方, 後得主而有常, 含萬物而化光, 坤道其順乎, 承天而時行.

Nguyên văn tiết nầy thảy có sáu câu : nếu thích luôn thời sợ học giả không hiểu nghĩa, nên phải thích chia làm bốn đợt.

Nghĩa là hai câu thứ nhất, **Khôn chí Nhu, nhi động dã cương, chí tịnh nhi đức phương.** Khôn là thể đất, là địa đạo, tính tình tuy rất nhu thuận, mà đến khi tác-dụng, thời lại hay chuyển-động vận hành, chở đỡ được muôn giống, phát sinh được mọi loài, cũng cương kiện không khác gì Càn 坤至柔而動也剛. Thái độ vẫn rất lặng lẽ, mà phú dự các vật hình, vật nào vật nấy, nhất định bất dịch, xem ở nơi con mà biết được đức tính mẹ, thời biết đức Khôn là vuông 至靜而德方.

Vả lại đức nhu tính thuận, nên chí thuận cho theo đạo trời, mà sau được thành công 後得 chủ làm lợi ích cho vạn vật, mà không bao giờ thay đổi 主而有常.

Hàm vạn vật nhi hóa quang. Mấy câu trên là thích chữ lợi trinh ở trên Soán-từ, câu nầy mới thích nghĩa chữ Hanh. Vì có đức Khôn giúp đỡ cho đức Càn. Nên ở trong lưỡng gian

bao bọc chứa trữ khắp cả vạn vật, mà cũng tạo-hóa càng thêm rõ ràng rộng lớn, 含萬物而化光.

Khôn đạo kỳ thuận hồ, thừa thiên nhi thì hành : Hai câu nầy là nói tóm. Xem ở mấy câu đã thuyết-minh như trên kia, thời đạo Khôn là đức thuận đó mà thôi. Thuận thừa với đức nguyên của trời, đức Nguyên của trời tạo thì được vạn vật, đức Nguyên của Khôn thừa tiếp trời mà dưỡng thành được vân vật, mà vẫn cứ theo thì tấn hành luôn. Ấy là đạo Khôn vậy 坤道其順乎, 承天而時行.

PHỤ CHÚ.— Xem ba chữ động dã cương. Thời đất vẫn là tính động, há phải nằm chết một bề đâu.

Xem hai chữ : đức phương, thời vuông là đức của đất, nghĩa là : phú hình cho vật, vật nào cũng có định chất, ấy là đức vuông, há phải hình thể đất vuông đâu.

Cái thuyết địa phương là đất vuông, là người sau nhận lầm ý Khổng-Tử.

Từ đây sắp xuống là thích hào-từ.

Tích thiện chi gia, tất hữu dư khương, tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương, thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất triêu nhất tịch chi cố, kỳ sở do lai giả tiệm hỷ, do biện chi bất tảo biện giả. Dịch viết, lý sương kiên băng chí, cái ngôn thuận (tác thận) dã.

積善之家, 必有餘慶. 積不善之家, 必有餘殃. 臣弒其君, 子弒其父, 非一朝一夕之故, 其所由來者漸矣. 由辨之不早辨也. 易曰. 履霜堅冰至, 蓋言順也, 順作愼.

(Chữ Thận, nguyên văn là chữ Thuận, nhưng giảng

nghĩa khó hiểu. Nên theo lời Chu-Tử đổi làm Thận).

Hễ việc trong thiên-hạ, dầu cao dầu lớn đến bao nhiêu, tất thảy do khi thấp khi nhỏ tích luỵ mà thành. Vậy nên nhà nào tích luỵ điều lành, tất nhiên có phước thừa để đến con cháu 積善之家,必有餘慶. nhà nào tích-luỵ điều chẳng lành, tất có tai-vạ thừa để đến đời sau 積不善之家,必有餘殃.

Thường thường có con cháu nhà kia, không thiện gì lớn, mà hưởng phúc ?

Là nhờ tích thiện từ đời Cha Ông để lại.

Thường thường có con cháu nhà kia, không ác gì lớn, mà mắc họa, là vì tích bất thiện từ đời Cha Ông xưa để lại.

Thử xem việc họa to lớn nhất là tôi giết Vua 臣弒其君, con giết cha 子弒其父. Há phải cái cớ ở trong một mai một hôm mà gây nên đâu 非一朝一夕之故. Gốc sở từng lai vẫn dần dà dây dắc đã lâu ngày rồi đó 其所由來者漸矣, chỉ khốn nạn vì người ta không biện được sớm vậy 由辨之不早辨也. Nguyên đầu măng mậm chỉ một phân một tấc, tích luỵ lâu ngày thành một tầm một trượng. Nếu người ta đương khi một phân một tấc mà xét được măng mậm kia, cắt đứt cho sớm, thời làm gì có tai-họa đâu.

Dịch sở dĩ có câu : Lý sương kiên băng chí, là bảo cho chúng ta cẩn thận từ lúc đầu vậy.

易曰.履霜堅冰至.蓋言順也.

Trên ấy là thích nghĩa hào-từ Sơ-Lục. Quân-tử kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại, kính nghĩa lập nhi đức bất cô, trực phương đại bất tập vô bất lợi, tắc bất nghi kỳ sở hành dã.

君子，敬以直內，義以方外. 敬義立而德不孤，直方大不習无不利. 則不疑其所行也.

Lục-Nhị này là một bậc Quân-tử, lấy mình là hiền-nhân, mà học cho đến Thánh-nhân.

Vì muốn học cho đến Thánh-nhân, tất phải thể dụng hoàn toàn, nội ngoại nhất tri, mới tiến lên được địa vị Thánh-nhân. Vậy nên lấy đức kính mà trì thủ bề trong, thời trong lòng được chính trực luôn luôn 敬以直內, lấy đạo nghĩa mà ràng buộc bề ngoài, thời nết ngoài thường vuông vức luôn luôn 義以方外. Đức Kính, đức Nghĩa đã đứng được vững vàng 敬義立, thời trong lòng không bao giờ tà, nết ngoài không bao giờ khuyết. Lúc bày giờ có thể có dụng, có tri có hình, cặp nhau thảy lên, không phải lo đến nỗi cô-lập 德不孤. Đã được như thế thời trí khôn ngày càng sáng suốt, mà tri bất minh, đạo lý ngày càng thục luyện, mà hành tất thuận có thể không chờ học tập, mà làm việc gì cũng lợi vậy. 不習无不利.

Hào-từ rằng : trực phương đại, bất tập vô bất lỵ, là những việc mình sở hành, không phải nghi ngờ nữa vậy, 則不疑其所行也.

PHỤ CHÚ.— Học-giả nhận kỹ lời Văn-ngôn hào nầy, thời không học Trung-dung, Đại-học mà cũng có thể nhất quán được.

Chữ « thành-ý, thân-độc » là « kỉnh dĩ trực nội ». Chữ « trí trung hòa » là « nghĩa dĩ phương ngoại » chữ đức bất cô, là minh minh đức ư thiên-hạ.

Thành ý, nghĩa là gìn giữ từ lúc ý mình mới nghĩ ra cho được thành thực.

Thận độc, là cẩn thận là cơ vi tự trong bụng mình nghĩ, là chốn một mình mình biết, tức là chữ Kính.

Trí trung hòa, nghĩa là suy rộng đức trung đức hòa của mình, cho đến lúc cùng cực, tức là là chữ nghĩa.

Kính, là căn bản ở bề trong, nghĩa là phương-châm đối bề ngoài, biết như thế mới là cách học Dịch.

Trên ấy là thích nghĩa hào-từ Lục-Nhị.

Âm tuy hữu mỹ hàm chi, dĩ tòng vương sự, phất cảm thành dã, địa đạo dã, thê đạo dã, thần đạo dã ; địa đạo vô thành, nhi đại hữu chung dã.

陰雖有美含之，以從王事，弗敢成也．地道也．妻道也．臣道也．地道无成，而代有終也．

Đây là thích nghĩa hào-từ Lục-Tam.

Hàm chương khả trinh, nghĩa là : âm tuy có đức tốt đẹp 陰雖有美. Nhưng chỉ hàm súc ở bề trong mà không phô-bày ra 含之.

Hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung, nghĩa là : đem thân ra làm việc nước nhà, nhưng không dám chiếm lấy thành công 以從王事，弗敢成也. Như thế là đạo lý thuộc về Khôn đạo vậy 地道也. đạo lý thuộc về phần làm vợ vậy 妻道也. đạo lý thuộc về phần làm tôi vậy 臣道也. Địa đạo tuy không thành, nhưng vì có vô thành, mới hay thay thế đạo trời, mà được hữu chung vậy 地道无成，而代有終也.

Trên ấy là thích nghĩa hào-từ Lục-Tam.

Thiên địa biến hóa, thảo mộc phồn, thiên địa bế, hiền nhân ẩn ; Dịch viết : quát nang vô cựu, vô dự, cái ngôn cẩn dã.

天地變化，草木繁. 天地閉，賢人隱. 易曰，括囊无咎. 无譽，益言謹也.

Đây là thích nghĩa hào-từ Lục-Tứ. Dương khí là thiên, âm khí là địa, âm dương giao cảm với nhau, dương có khi biến làm âm, âm có khi biến làm dương. Thế là thiên địa biến hóa. Lúc bây giờ vạn-vật nhờ thiên địa mà tất thảy trưởng dục, dầu đến cây cỏ. cũng phồn thịnh tươi tốt 草木繁. Nếu đến khi âm cực-tuyệt dương, dương cách tuyệt âm. Thế là thiên địa bất giao 天地閉 (Bế: lấp nghẹt). Lúc bây giờ thế đạo suy-vi, quân tử cùng nhi tại hạ 君子而窮在下, người có tài đức, nên tùy thì mà thối tàng 賢人隱.

Hào-từ Lục-Tứ rằng : quát nang vô cựu, vô dự, là nói người ta xử vào địa-vị Lục-Tứ, nên cẩn thận như thắt miệng đạy vậy.

PHỤ CHÚ.— Văn-ngôn thích hào-từ Lục Tứ, không theo tuyền thể quẻ Khôn, mà chỉ lấy nghĩa riêng một hào-từ Lục-Tứ. Nên nói câu : Thiên địa bế.

Bởi vì, hào-từ là âm hào mà ở vào quẻ vô dương, chính là cô âm bất năng sinh, là âm dương cách tuyệt nhau, không thế nào thành được công sinh dục. Đó là một ý nghĩa đặc biệt.

Thánh-nhân, nhân hào-từ Lục-Tứ mà phát minh ra ba chữ ấy, cũng là ý nghĩa tùy thì biến hóa ở trong Kinh-Dịch.

Suy ra cho rộng, thời có tôi mà không vua, có vợ mà không chồng, có phe gái mà không phe trai, có tiểu nhân mà không quân-tử, dầu quốc-gia xã-hội nào, cũng không thể làm nên tốt được.

Trên ấy là thích nghĩa hào-từ Lục-Tứ.

Quân-tử hoàng trung thông lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung, nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã.

君子黃中通理，正位居體．美在其中，而暢於四支，發於事業，美之至也．

Đây là thích hào từ Lục-Ngũ, nghĩa là : quân-tử như Lục-Ngũ có đức trung ở trong, thông suốt hết đạo lý 黃中通理, tất lên ở ngôi cao, nhưng vẫn xem mình là thể dưới 正位居體. Như thế là : có thịnh đức mà lại hay khiêm, thiệt là chất tốt đẹp ở bề trong 美在其中, mà nở-nang phát-triển ở bề ngoài 而暢於四支, khuyếch trương ra làm sự nghiệp lớn 發於事業. Thế mới là tốt đẹp đến cực điểm vậy 美之至也. Nên hào từ rằng : hoàng thường nguyên cát.

Tứ chi : là hai tay hai chân.

Hoàng trung thông lý, thích nghĩa chữ hoàng. Chính vị cư thể là thích nghĩa chữ thường Mỹ tại kỳ trung, là thích lại chữ chữ hoàng trung. Nhị sướng ư tứ chi, thí lại chữ cư thể. Phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã, thích chữ uguyên cát.

PHỤ CHÚ : Văn ngôn có chữ « hoàng trung », lại có câu : « Mỹ tại kỳ trung », cũng in như câu : Văn tại trung dã, ở trên tượng từ.

Thánh-nhân sở dĩ nói đi nói lại ý ấy, là muốn cho người ta có Văn thái ở bề ngoài, tất trước có mỹ chất ở bề trong.

Sách Trung-dung có câu rằng : Ý cẩm thượng quýnh, ố kỳ văn chi trứ dã 衣錦尚絅, 惡其文之著也 Nghĩa là : mặc áo gấm ở bề trong, mà bề ngoài che-bọc lấy áo vải, là ý quân-tử ghét cái văn suông mà lòe-loẹt vậy.

Lại có câu : quân-tử chi đạo, ám nhiên nhi nhật chương 君子之道, 闇然而日章, Nghĩa là : đạo của quân-tử, tuy kín dấu ở bề trong, mà tự nhiên ngày càng rực rỡ.

Lại có câu : tiểu nhân chi đạo đích nhiên nhi nhật vong 小人之道, 的然而日亡. Nghĩa là : đạo của tiểu-nhân, tuy loè-loẹt ở bề ngoài, mà tự nhiên ngày càng tiêu diệt.

Xem như mấy câu ấy, thời hiểu được ý nghĩa Văn-ngôn của Lục-Ngũ.

Trên ấy là thích hào-từ Lục-Ngũ.

Âm nghi ư dương tất chiến, vị kỳ hiềm ư vô dương dã, cố xưng long yên, do vị ly kỳ loại dã, cố xưng huyết yên, phù huyền hoàng giả, thiên địa chi tạp dã, thiên huyền nhi địa hoàng.

陰疑於陽必戰. 爲其嫌於无陽也. 故稱龍焉, 猶未離其類也. 故稱血焉. 夫玄黃者. 天地之雜也. 天玄而地黃.

Sáu âm đã cân địch với sáu dương, tất đến nỗi tranh nhau 陰疑於陽, 必戰. âm vẫn tranh nhau với dương, nhưng hiềm vì quẻ Khôn là quẻ không dương 爲其嫌於无陽也. Nên xưng chữ long 故稱龍焉. để tỏ ý là có dương.

Quẻ Khôn đến Thượng-Lục là thuần-âm cực thịnh, chốc phút nữa, thế nào cũng biến làm Càn, nhưng vì còn ở Thượng-Lục là âm hào, chưa rồi được khỏi loài âm 猶未離其類

也, vậy nên xưng chữ huyết 故稱血焉, huyết là thuộc về loài âm.

Huyền hoàng là sắc lộn của trời đất âm dương 夫玄黃者, 天地之雜也. trời sắc huyền, mà đất sắc hoàng, khi âm dương đã tranh nhau, thời âm dương thảy bị thương hại nên rằng; kỳ huyết huyền hoàng. 其血玄黃.

Khổng-Tử sở dĩ bất thích dụng lục hào từ giả, phù dương ức âm chi ý dã. Cái nhược phù âm, tắc âm đẳng ư dương, Khôn địch ư Càn, huyết chiến chi họa, vô thì khả tức, cố Văn-ngôn bất tán dụng lục.

孔子所以不釋用六爻辭者, 扶陽抑陰之意也. 益若扶陰, 則陰等於陽. 坤敵於乾, 血戰之禍. 无時可息, 故爻言不贊用六.

TIMSACH.COM.VN

ooo

山水蒙

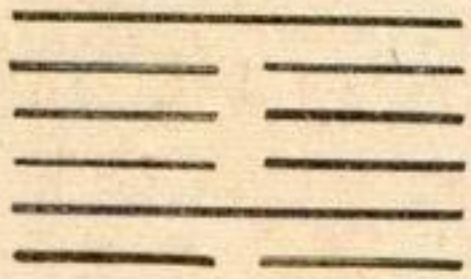

水雷屯

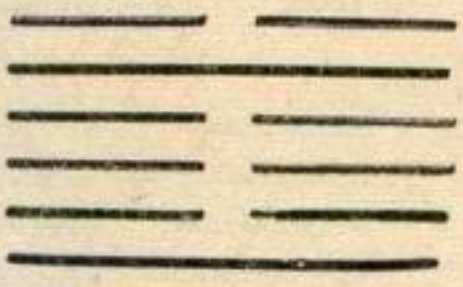

TIMSACH.COM.VN

天水訟

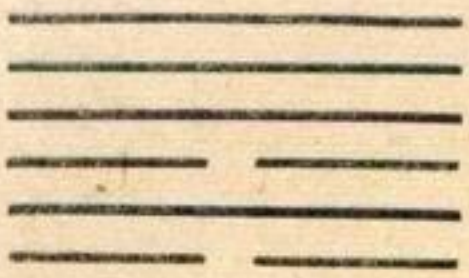

水天需

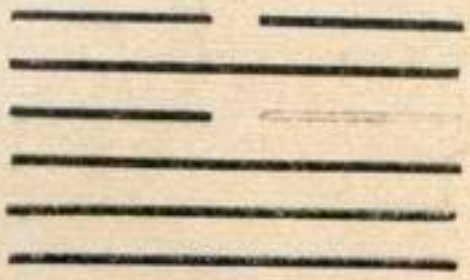

III. QUẺ THỦY-LÔI-TRUÂN

水雷屯

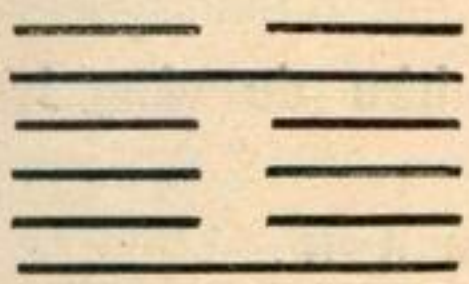

坎 震
上 下
外 內
坎 震

Quẻ nầy là quẻ Thủy-Lôi-Truân.

Ba vạch dưới : Sơ đơn, Nhị sách, tam sách, là quẻ Chấn ở dưới. Chấn là Nội-quái.

Ba vạch trên : Tứ sách, Ngũ đơn, thượng sách, là quẻ Khảm ở trên Khảm là Ngoại-quái.

Chấn là Lôi, Khảm là Thủy, thành ra quẻ Thủy-Lôi-Truân.

TỰ QUÁI

Tự quái, hửu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh yên, doanh thiên địa chi gian giả, duy vạn vật, cố thụ chi dĩ Truân. Truân giả doanh dã, truân dã vật chi thi sanh dã.

序卦. 有天地, 然後萬物生焉. 盈天地之間者. 惟萬物. 故受之以屯. 屯者盈也. 屯者物之始生也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Trên ấy quẻ Càn quẻ Khôn, là có trời có đất rồi ; Có trời đất, vậy sau vạn vật mới sinh nở 有天地, 然後萬物生焉. Đây ở giữa

khoảng trời đất, tất duy vạn vật 盈天地之間者，惟萬物. Vậy sau quẻ Càn, Khôn tiếp lấy quẻ Truân 故受之以屯. Truân nghĩa là đầy 屯者盈也. Truân nghĩa là lúc vạn vật mới sinh ra 屯者萬物之始生也. Vì lúc bắt đầu vạn vật mới sinh ra, còn chưa lấy gì làm hanh thái được. Nên lại có một nghĩa : truân là khốn-nạn 屯者難也.

Bây giờ thích Soán-từ của Văn-Vương.

SOÁN TỪ :

Truân, Nguyên Hanh Lợi Trinh, vật-dụng hửu du vảng, lợi kiến hầu.

屯，元亨，利貞，勿用有攸往，利建侯.

Quẻ Truân nầy ䷂, Ngoại quái Khảm, Khảm là hiểm. Nội quái Chấn, Chấn là động, ở trong lúc hiểm mà hay hành động được, tất nhiên là hạng người có gan mạo-hiểm, có chí tấn-thủ, và có tài hửu vi. Đưa người ấy ra giúp đỡ buổi truân, có lẻ hanh thông lắm 元亨, nhưng vì theo về thì thế, thời đương buổi truân-nạn, nên lại phải cẩn-thận kỹ-càng, đại đởm mà lại phải thường giữ tiểu tâm. Nên bền giữ đức trinh, mà chẳng nên vội vàng khinh tấn 利貞，勿用有攸往. Vảng : nghĩa là tấn hành.

Tuy nhiên, một người có tài đức, mà gặp buổi thiên hạ đương truân, không lẽ chẳng ra cứu đời. Nhưng muốn cứu đời không lẽ một sức mình mà làm xong, tất phải nhờ nhiều người bạn hiền giúp đở. Nói về việc quốc-gia, tất phải nhờ Hiền-thần phụ bật. Suy ra việc xã-hội cũng thế. Nên có câu : Lợi kiến hầu 利建侯. Lợi, nghĩa là nên, kiến, nghĩa là dựng đặt ; Hầu, nghĩa là tước Hầu.

Chữ Hầu nầy chỉ vào Sơ Cửu. Bởi vì, Sơ-Cửu có đức dương-cương, làm chủ cho nội Chấn, là một người

Chủ-yếu ở trong trường chấn động, có tượng làm được Hầu.

Quẻ Chấn nguyên đầu là quẻ Khôn, vì Sơ-Dương đổi vào thành ra Chấn, nên hào Sơ là thành quái chi chủ.

PHỤ CHÚ : Chữ Hầu ở quẻ nầy, Là vì khi văn-vương làm Dịch đương ở đời còn có chế-độ phong-kiến. Nếu chẳng phải Hầu, thời không thế lực mà gánh nổi việc.

Tỷ như : Tề-hầu là Hoàng-Công, Tấn-hầu là Văn-Công, thảy có tài làm nên nghiệp bá, xây đổi được cuộc đời, chẳng qua đương thì phong-kiến thời nói thế vậy. Bây giờ chúng ta chẳng phải ở vào đời phong-kiến, thời Lĩnh-tụ ở trong một đảng hoặc Tổng-trưởng ở trong đám Ủy-viên, cũng có thể thay được chữ Hầu, chỉ cốt hạng người có tài đức đủ tế truân là gọi bằng Hầu được cả Hễ học Dịch nên lấy ý mà suy cho thông, chớ nên câu nệ ở chữ.

TIMSACH.COM.VN

SOÁN-TRUYỆN

Soán viết, truân ; cương nhu thi giao, nhi nạn sanh ; động hồ hiểm trung ; đại hanh, trinh ; lôi vũ chi động, mãn doanh : thiên tạo thảo muội ; nghi kiến hầu, nhi bất ninh.

彖曰. 屯, 剛柔始交, 而難生. 動乎險中. 大亨貞. 雷雨之動, 滿盈. 天造草昧. 宜建侯, 而不寧.

1.— Soán viết, truân, cương nhu thi giao, nhi nạn sanh.

彖曰. 屯. 剛柔始交, 而難生.

Soán-truyện thích ý nghĩa soán-từ của Văn-Vương rằng 彖曰 : Quẻ truân nầy 屯 tiếp ở sau Càn, Khôn. Trên kia, Càn là quẻ thuần-cương, Khôn là quẻ thuần nhu. Cương nhu chia làm hai đường, là Cương nhu chưa giao. Bây giờ vào quẻ truân, quẻ dưới : một hào Cương, hai hào Nhu, quẻ trên : cũng một hào Cương, hai hào Nhu ; thế là Cương Nhu bắt đầu giao

với nhau 剛 柔 始 交. Nhưng vì lúc bắt đầu mới có vạn vật, xử vào thì đai ấy, công việc sinh dục hãy còn gian-nạn lắm 而 難 生. Vậy nên đặt tên quẻ bằng truân.

2. Động hồ hiểm trung 動 乎 險 中.

Đây chỉ nói về tượng quẻ.

Quẻ dưới Chấn là động, quẻ trên Khảm là hiểm, Khảm trên Chấn dưới, thành quẻ Truân, Thế là phát động ở giữa chốn hiểm.

3. Đại hanh trinh 大 亨, 貞.

Đây là nói về đức quẻ.

Đương giữa lúc hiểm mà hành động được, tất là người tài đức phi-thường. Nhưng trong khi làm được sự nghiệp phi thường tất lại kiên tâm trì chính luôn luôn. Nên nói rằng : Đại hanh trinh. Nghĩa là : Vẫn đại hanh, nhưng phải trinh mới được.

4. Lôi vũ chi động mãn doanh.

雷 雨 之 動, 滿 盈.

Đây là theo tượng quẻ mà thích cho hết nghĩa chữ truân. Chấn nội-quái là tượng sấm ; Khảm ngoại-quái là tượng mưa. Hễ âm dương hòa hợp, âm điện dương điện tiếp xúc với nhau, mới thành mưa, sấm. Ở giữa lưỡng gian, chỉ thấy động cơ đầy đặc, tuy là lúc truân mà chính là kỳ hội tốt của trời đất vậy 雷 雨 之 動, 滿 盈.

(Mãn dinh, nghĩa là : đầy tràn, cũng là thích nghĩa chữ truân).

5. Thiên tạo, thảo muội, nghi kiến hầu, nhi bất ninh

天 造 草 昧, 宜 建 侯, 而 不 寧.

Đây là thích riêng nghĩa câu lý kiến hầu.

Thiên tạo, nghĩa là : vận trời. Thảo, nghĩa là hỗn tạp. Muội, nghĩa là : túi mờ. Bốn chữ ấy là hình dung cái tượng thì đương truân nạn.

Thánh-hiền hào-kiệt xử vào địa vị ấy, tất không thể nằm cao an nghỉ, tất phải đa phương cầu trợ, tìm cho được người giúp đỡ với mình, mới thành được công việc tế truân ; ấy là nên kiến hầu, mà chẳng nên an ở vô sự,

(Ninh, nghĩa là an ở).

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, vân lôi, truân ; quân tử dĩ kinh luân.

象曰. 雲雷屯. 君子以經綸.

Khảm, tượng là vân : Chấn, tượng là lôi ; theo hai tượng ấy, thời chỉ thấy mây, nghe sấm mà chưa thấy mưa. Cơ trời còn ở trong lúc sắp đặt un nấu. Nên gọi bằng truân 雷雲屯. Tượng vào việc người, thời là xử vào đời truân nạn, thiên hạ vẫn đương mong trị, mà cuộc loạn còn chưa dẹp xong.

Quân-tử xử vào thời đại nầy, xem tượng ấy mà biết rằng: mây có rồi, sấm có rồi, thế nào cũng đến ngày mưa tới.

Đời đương truân nạn, chính là thì tiết hữu vi của mình, thời phải đem tài đức của mình ra, mà kinh luân việc thiên hạ 君子以經綸.

Kinh luân, nghĩa là: sắp đặt sửa sang, vi như : dệt tơ, chỉnh lý ra đường ngang sợi dọc, kiết hợp tất thảy sợi tơ, mà tổ chức cho thành một tấm, ấy là nghĩa chữ Kinh-luân.

Kinh, nghĩa là phân cho ra từng sợi.

Luân, nghĩa là dệt thành tấm.

Tỷ như : tổ chức cho thành một đoàn-thể, kiến-thiết cho được một quốc-gia, xã-hội, tuy lớn nhỏ có khác nhau, mà tất thảy là có tài kinh-luân mới làm được.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1. Sơ cửu, bàn hoàn, lợi cư trinh, lợi kiến hầu.

初九. 盤桓, 利居貞. 利見侯.

Cửu là Dương hào, Sơ là vị ở dưới hết, hào Dương thời sẵn tài có cương-minh. Vẫn là người có thể tế truân. Nhưng vì còn ở hạ-vị thời chưa tấn hành được, tài tuy đủ hữu-vi, chí tuy muốn hữu vi. Nhưng vì cảnh ngộ bắt buộc mình, nên đi đứng ra hình khó-khăn, muốn lên, nhưng mà cứ dùng-dằng 盤桓. Nhưng há phải quyết chẳng tấn-hành đâu, chỉ chập-chựng lựa thì mà thôi.

Tuy nhiên, lý trong thiên hạ, đã có như lời đức Khổng nói rằng : bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập 不患无位, 患所以立

Người ta xử vào thì đại Sơ-Cửu, chỉ nên lo tấn đức tu nghiệp, tự xử lấy đức trinh 利居貞. Tài đức đã được như Sơ-Cửu, mà lại thiên hạ đương thì Truân, ai chịu để những hạng người ấy nằm không đâu ! tất nhiên cũng gặp bậc thánh minh đặt mình lên ở vị tế truân 利建侯.

Chữ hầu đây, cũng là chữ hầu ở soán-từ. Là bảo : tài đức như Sơ Cửu, nên tiến cử lên làm hầu vậy.

Tượng viết, tuy bàn hoàn, chí hành chính dã ; dĩ quý hạ tiện, đại đắc dân dã.

象曰. 雖盤桓, 志行正也. 以貴下賤, 大得民也:

Tuy vì thì-thế mà phải bàn hoàn, nhưng tâm sự của mình, vẫn đi một đường chính vậy 雖盤桓, 志行正也. Sở dĩ hào-

từ lại có câu : ly kiến hầu. Bởi vì, trong quẻ Truân nầy, tuyền sáu hào, chỉ có hai hào dương, còn bốn hào thảy âm. Dương là qui, âm là tiện. Sơ là dương qui, mà chịu ở dưới bốn hào âm, tượng như người có tài đức đáng qui, mà chịu lún với hạng người đức tài hèn-mọn. Người mà quên hết tài đức của mình, chịu ty-hạ với quần chúng, đức thịnh lệ cung được như thế, đặt lên làm hầu, tất nhiên thiên hạ ai cũng hân duyệt, mà theo mình vậy 以貴下賤, 大得民也.

PHỤ CHÚ : Lời tượng hào nầy, tỷ như người đời xưa, chính như ông Chu-Công một bận ăn ba lần nhổ cơm 一飯三吐哺, một lúc gội đầu, mà ba lần nắm tóc dậy 一沐三握髮, sẽ để gấp tiếp-kiến cái sĩ-phu trong thiên hạ.

Ngụy Vủ-Đế có câu thơ rằng: Chu-Công thổ bộ, thiên hạ qui tâm 周公吐哺, 天下歸心.

Lại như : vua Quang-Trung nước ta, bắt được thầy tớ vua Gia-Long là ông Nguyễn-hoàng-Đức, đặt lên nằm ngủ với mình một giường, đó cũng tượng như hào nầy.

2.— Lục Nhị, Truân như, chiên như, thừng mã ban như, phỉ khấu hôn cấu, nữ tử, trinh, bất tự ; thập niên nải tự.

六二. 屯如. 邅如. 乘馬班如. 匪寇婚媾, 女子貞不字. 十年乃字.

Lục là hào âm, Nhị là vị âm. Nhị lại ở giữa hạ-quái. Thế là một hào âm nhu đắc trung vừa đắc chính. Tượng như một người con gái, tài đức phẩm hạnh đáng được một người chồng rất tốt, mà lại ở trên có Cửu-Ngũ dương cương đắc trung, đắc chính, tượng là một người chồng chính đáng của Lục-Nhị. Nhưng vì ở về thời-đại truân là nhân sự còn bế tắc bất thông.

Huống gì kề cạnh mình có Sơ-Cửu là một hào dương cương cũng muốn làm thân với Lục-Nhị, vì Nhị e né Sơ, tuy đành Sơ chẳng phải chính ứng với mình mà hoàn cảnh lôi thôi. Nếu Sơ là một tay cường bạo, thời thân mình thể nhu chất nhược, e khó ứng phó cho được lưỡng toàn. Vì thế, nên tình hình Lục-Nhị Tấn giả nan, thối giả nan, ra một cách khốn-đốn khó khăn 屯如, 邅如, tượng như người cưỡi ngựa muốn tới mà dùng-dằng luần-quần không dám tới 乘馬班如.

Thánh-nhân lúc bây giờ mới vẽ một phương-châm cho Lục-Nhị rằng: anh Sơ kia cũng vẫn người tốt, sở dĩ thân cận với Nhị, chẳng phải là tay cướp đâu, chỉ là cầu kiết-hôn với Nhị mà thôi 匪寇, 婚媾. Nếu bản thân Nhị thiệt là con gái trinh-chính, thời khăng-khăng giữ mực, chờ người chính ứng với mình là Cửu-Ngũ, mà chẳng chịu gả mình cho Sơ-Cửu 女子貞不字. Lòng mình kiên-cố, cùng cực tất thông, dầu lâu chăng nữa, cũng mười năm mà thôi, bạn tri-kỷ tìm tới mình, thời mình tất là vợ chính đáng Cửu-Ngũ 十年乃字.

Chiên, nghĩa là quanh-quẩn ; ban, nghĩa là dùng-dằng ; Phỉ khẩu, nghĩa là chẳng phải giặc ; hôn cấu, nghĩa là cầu làm vợ chồng ; tự nghĩa là con gái gả lấy chồng.

Hào nầy chỉ là thủ-tượng bằng nam nữ tương cầu. Suy ra thầy trò bạn hữu kiết-hợp với nhau cũng thảy như thế.

Nếu chẳng phải đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thiệt một người chính giao với mình, thời chớ nhẹ dạ non lời, mà mắc phải lỗi thất-tiết.

Tỷ như ; Ông Khổng-Minh đời Tam-quốc, Tào-Tháo, Tôn-Quyền rước ông mà ông chẳng dậy, chờ đến Lưu-Tiên-Chúa ba lần rước ông, ông mới chịu ứng sinh. Đó chính là nghĩa câu : Nữ tử trinh bất tự, thập niên nải tự 女子貞不字, 十年乃字.

Tượng viết, Lục-Nhị chi nạn, thừng cương dã, thập niên nải tự, phản thường dã.

象曰. 六二之難, 乘剛也. 十年乃字, 反常也.

Cảnh-ngộ Lục-Nhị sở dĩ khốn nạn, là vì ở trên Sơ-Cửu, tượng là cưỡi hào dương cương vậy 六二之難, 乘剛也.

Nhưng vì Lục-Nhị kiên trinh giữ tiết cố chờ được kẻ tri-kỷ mình. Tuy vẫn có bước cận với Sơ, mà cuối cùng vẫn kiết hợp với Cửu-Ngũ.

Xưa nay minh-quân hiền-tướng, trinh nữ lương phu, tất nhiên gặp gỡ nhau, đó là lẽ thường. Thập niên nải tự là quay trở lại lẽ thường đó vậy 十年乃字, 反常也.

Phản, nghĩa là quay trở lại, chẳng phải phản nghĩa là trái.

3.— Lục Tam, tức lộc, vô ngu, duy nhập vu lâm trung, quân-tử kỳ, bất như xá, vảng, lẫn.

六三. 即鹿. 无虞, 惟入于林中. 君子幾, 不如舍, 往, 吝.

Lục là âm-hào, Tam là dương-vị. Âm cư dương là bất-chính, Tam lại bất trung. Tính-chất vẫn đã bất-chính bất trung, lại ở vào thì đại-truân, mà người ứng với mình là Thượng-Lục cũng âm-nhu, không thể ứng với Tam được, tượng là một người tài hèn sức mọn, lại không thấy bạn dắt-dìu cho mình, đáng lẽ lo độc thiện kỳ thân, chớ cầu cạnh với ai là phải. Nhưng vì tính-chất Tam bất trung bất chính, nên chẳng khỏi láu táu chạy càn, tượng như người tham ăn thèm thịt hươu, tự mình đi đuổi hươu. Vì không người thầy săn là Ngu-nhân dẫn đường cho, nên hươu chẳng thấy đâu, mà bị sụp vào trong rừng 即鹿, 无虞, 惟入于林中. Nếu Lục-Tam mà là quân-tử, thời tất nhiên thấy được khi còn ky vi, chẳng gì bằng an nghỉ, đừng chạy càn 君子幾, 不如舍. Nếu cứ chạy hoài, thiệt đáng xấu hổ 往, 吝.

Tượng viết, tức lộc vô ngu ; dĩ lòng cầm dã, quân tử xá chi, vảng, lẫn, cùng dã.

象曰. 即鹿无虞, 以從禽也. 君子. 舍之. 往. 吝. 窮也.

Tức lộc vô ngu, vì lòng tham muốn được cầm vậy 即鹿无虞, 以從禽也. (Cầm, là những giống sinh vật ở trong núi).

Quân-tử thời chỉ nên ở an địa vị. Nếu cứ chạy càn, thời đến lúc cuối cùng chỉ xấu-hổ mà thôi 君子. 舍之, 往, 吝. 窮也.

PHỤ-CHÚ,— Hào-từ, tượng-từ chỉ là răn một hạng người táo tấn. Thâm ý tại bốn chữ : tức lộc vô ngu. Hễ giữa mình đã tài hèn khôn cạn, học thức non kém, địa-vị lại dở dang, thời nước bước đường đi, nên chờ có thầy hay bạn tốt đem đường chỉ lối cho mình. Ví như : săn hươu, mà được ngu-nhân làm thầy hướng-đạo. Nếu chẳng thế, thời sụp vào giữa rừng, đến nỗi chẳng biết đường mà ra. Đó là vì tội đi càn, chẳng tránh khỏi được chữ lẫn.

4.— Lục Tứ, thừng mã ban như, cầu hôn cấu, vãng cát, vô bất lợi.

六四. 乘馬班如. 求婚媾. 往吉. 无不利.

Hào Lục ở vị Tứ, là âm Nhu đắc chính. Tính chất vẫn là người hiền ; nhưng vì tài mình âm nhu, mà lại gặp lúc thì truân, không thể chỉ cậy sức mình mà tấn thủ được. Tuy thân cận với Ngũ, nhưng Ngũ đã chính ứng với Nhị rồi. Tứ muốn thượng tấn, mà sợ Ngũ chẳng cần dùng đến mình, nên phải chập-chựng dùng-dằng, muốn lên mà lên chẳng được, tượng như cưỡi ngựa mà dùng-dằng chẳng dám tới 乘馬班如.

Tuy nguyên tượng vẫn như thế. Nếu tứ mà một người minh-triết liệu nhân liệu kỷ được rành rồi, thời chớ nên cầu với Ngũ mà quay xuống cầu với Sơ. Sơ là hào cương-minh có

tài tế truân, lại có đức dĩ quí há tiện. Tứ Cầu với Sơ. Sơ là chính ứng với mình, tất nhiên tâm đầu ý hợp, ấy là cầu được hôn cấu 求婚媾. Khi Sơ đã thuận ứng rồi, thời dề-huề với nhau ra gánh việc cứu đời, tất làm nổi công việc, tới đâu cũng được như ý 往吉，无不利.

Tượng viết, cầu nhi vãng, minh dã.

象曰. 求而往，明也.

Tứ đã âm nhu vô tài. Vẫn chẳng phải người tế truân. Nhưng vì có đức minh tri nhân, biết Sơ là bậc hiền tài, chịu khuất kỷ há hiền, lấy mình là bậc trên, mà chịu hạ cầu với người dưới. Nhờ tài người làm nên việc mình, kiết quả vãng cát, vô bất lỵ, đo là hiệu quả của đức minh vậy 求而往，明也.

PHỤ CHÚ : Xem hào từ tượng từ Lục-Tứ, nên xem cả hào-từ tượng-từ Lục-Nhị, cũng là một hào Sơ muốn làm hôn cấu. Nhưng Nhị thời bất tự với Sơ, Tứ thời vãng cầu với Sơ.

Sở dĩ bất đồng như thế là có hai đạo lý. Một là : duy hiền tri hiền. Dương cương trung chính như Cửu Ngũ, tất có âm nhu trung chính như Lục-Nhị mới kiết-hợp với nhau.

Còn như Tứ, thời âm nhu bất trung, nên chỉ hạ giao với Sơ là đúng, đó là một lẽ. Lại một đạo lý nữa, là nhân dĩ loại tụ. Tứ là chính ứng với Sơ, nên địa-vị tuy cận với Ngũ mà phải cầu với Sơ.

Nhị là chính ứng với Ngũ, nên địa vị tuy cận Sơ, mà phải chờ Ngũ, chính như lời đức Khổng nói rằng : Đạo bất đồng, bất tương vi mưu 道不同，不相為謀. Nghĩa là : chẳng phải người đồng đạo với mình, chớ nên cùng nhau bàn việc, cũng như ý nghĩa hai hào nầy vậy.

5. Cửu Ngũ, truân kỳ cao, tiểu trinh, cát ; đại trinh, hung.

九五. 屯其膏，小貞，吉. 大貞，凶.

Hào Cửu vị Ngũ, dương cương mà lại trung chính lại được ở vị tôn, đáng lẽ là việc gì cũng xong. Nhưng vì ở về đời truân nạn, mà lại ở dưới có Sơ-Cửu, cương minh tài cán thu lược hết lòng dân. Ví như ; minh quân tại thượng, mà hạ hữu quyền-thần, bao nhiêu quyền bính bị quyền thần cướp ráo. Ngũ chỉ hư cư tôn vị, thành ra muốn tuyên bố đức trạch gì, cũng rất khó khăn. tượng như truân kỳ cao 屯其膏.

(Cao, nghĩa là : dầu mỡ, ví vào ơn trạch của người trên. Truân, nghĩa là keo rít, là đức trạch chẳng tuyên bố ra được).

Thời thế tuy vẫn như thế, nhưng vì Cửu Ngũ là dương cương cư tôn, có đức có vị, quyết chẳng chịu khoanh tay ngồi dòm, tất nhiên muốn chỉnh đốn thì cuộc, ra tay đại hữu vi. Nhưng khốn nạn thay ; uy quyền chẳng ở trong tay, mà địa vi lại ở trên Sơ, thành ra thế cưỡi cọp. Nên Thánh-nhân mới bày cho một phương pháp rằng : ông nếu muốn hữu vi, tất phải ủy khúc chu tuyền, làm lần lần từ điều nhỏ làm đi, thời mới được an lành. Tượng là tiểu trinh, thời cát 小貞, 吉. Nghĩa là : chỉnh đốn việc nhỏ mà thôi. Nếu chẳng hàm nhẫn được như thế, mà muốn ra tay chỉnh-đốn những việc thật lớn, e đến nỗi quyền thần chẳng dung nịnh, mà mắc lấy hoạ hoạn, tượng là đại trinh thời hung 大貞, 凶.

Tượng viết, truân kỳ cao, thí vị quang dã.

象曰. 屯其膏, 施未光也.

Hào từ sở dĩ nói rằng : truân kỳ cao, là vì thì thế bắt buộc, nên tuy có đức như Cửu-Ngũ, mà ân trạch mình chưa rõ rệt vậy 屯其膏, 施未光也.

PHỤ CHÚ : Chúng ta đọc hào từ nầy, càng tin lời thầy Mạnh nói rằng . tuy hữu trí tuệ, bất như thừa thế, tuy hữu tỵ kỵ, bất như đãi thì 雖有智慧, 不如乘勢. 雖有鎡基, 不如待時 Nghĩa là, tuy sẵn có trí tuệ, nhưng cũng phải cậy vào thế mạnh. Tuy sẵn có tỵ kỵ, nhưng cũng phải chờ có thì đến.

Việc thiên hạ nếu chỉ trí tuệ, tuy kỳ mà làm xong, Thời Cửu Ngũ quẻ Truân làm gì đến nỗi truân kỳ cao, mà thánh-nhân phải bảo đại trinh hung.

Ngũ là dương cương trung chính, há không trí tuế ru ? Ngũ là tôn vị, há không tỵ kỵ ru ? Nhưng vì ở đời truân nạn là thì đã khó khăn ; tại hạ có quyền thần lăng bức, mà bản thân lại sụp vào giữa nguy hiểm. (Ngũ ở ngoại Khảm là hạm ư hiểm trung), là thế cũng chật hẹp éo le. Thì thế đã chẳng thuận tiện, thời tuy trí tuệ tỵ kỵ nhựng Cửu Ngũ, cũng chỉ là tiểu trinh được, mà đại trinh thời chẳng xong.

Xem sử nước ta như đời hậu Lê, vua Lê bị áp bức với chúa Trịnh, Vua Cảnh Hưng vẫn một ông vua hiền, mà phải **ngồi lặng bốn mươi năm. Đến đời vua.** Chiêu-Thống muốn ức Trịnh phục Lê, thời đến nỗi quốc vong gia táng, đó là đại trinh hung.

6.— Thượng Lục, thừng mã ban như, khấp huyết liên như.

上六. 乘馬班如, 泣血連如.

Hào Thượng là vạch trên hết quẻ Truân, tượng là đời Truân nạn đã đến lúc cực điểm. Ở vào thì-đại ấy, nếu có đại tài đại-trí là rất hay. Là vì : truân cực, tất thông đó vậy. Nếu bất tài bất trí, thời thường bị chết oan, là vì : tài hèn thời chẳng đỡ nổi gánh nặng, gánh đổ thời thân cũng nguy. Thượng-lục âm ám nhu nhược, mà lại ở trên hết quẻ Truân, tượng là một người bất tài bất trí mà xử vào địa-vị khốn cực, tượng như cưỡi ngựa đứng sần, quẹt đôi hàng giọt lệ mà thôi.

Khấp huyết, nghĩa là khóc chảy nước mắt máu. Liên

như, nghĩa là : nước mắt chảy đầm đìa.

Tượng viết, khấp huyết liên như, hà khả tường dã.

象曰. 泣血連如, 何可長也.

Nghĩa là : một hạng người như Thượng-Lục quẻ Truân, chính tà tài hèn, vận ách, đứng vào thiên diên đào thải, không thể sanh tồn được nữa, còn mong gì lâu dài nữa đâu.

PHỤ CHÚ.— Đọc hết lời sáu hào quẻ Truân, phát minh được một đạo lý rất rõ rệt.

Việc thiên hạ nhất thiết phải có thì làm việc thiên hạ nhất thiết phải có người. Có người mà không thì, thời việc chẳng làm nên, có thì mà không ? **người, thời việc chẳng ai làm, té ra không việc** Đạo lý trong Kinh Dịch, mỗi một quẻ, tượng là một đám công việc. Tỷ như : một quốc gia, **một xã-hội, cũng tóm vào ở trong một quẻ, mỗi** một hào là một thì gian ở trong việc ấy. Quẻ có tốt xấu ở từng quẻ, là việc ấy chung, thời tốt xấu cũng chung ; hào có tốt xấu riêng từng hào, là thì mỗihào riêng, nên tốt xấu cũng riêng.

Việc, tỷ như không gian ; thì, tỷ như thì gian. Tỷ như : Chung một quả địa cầu, mà buổi đêm ở Mỹ-Châu trái lại là buổi ngày ở Á-Châu. Buổi nóng ở Phi-Châu, trái lại là buổi rét ở Á-Châu. Việc in nhau, mà thì vẫn khác nhau cũng như thế. Vậy nên, làm việc phải lựa thì. Thì đúng thời việc mới xong.

Xem như quẻ Truân, Sơ-Cửu tuy dương cương vẫn là người có tài. Nhưng ở vào truân sơ là lúc bắt vào thì Truân nạn, còn có thể để chuyển tuyền. Nên hào từ Sơ-Cửu có chữ

Ly. Thượng-Lục âm nhu, vẫn là người vô tài. Lại xử vào thì truân cực, chính là thì khốn nạn đã cực điểm. Nên hào từ có chữ « khấp huyết ». Thế mới biết thì với sự quan hệ rất lớn, nhưng thì lại tất cần có nhiều người, mới xong.

Sơ có Tứ làm hôn cấu. Nhị có Ngũ làm hôn cấu. vị gặp bạn tế Truân, nên Tứ ngũ được chữ cát. Tam vì không thấy bạn nên mắc chữ lẫn.

Thượng cũng vì không thầy bạn, nên mắc chữ « khấp huyết «. Tam, Thượng tuy ứng với nhau, như vì hai hào thảy âm nhu cả. Không ưng viện cho nhau được, ở đời truân nạn mà không thầy bạn, nên hai hào thảy chẳng xong rồi.

Đó lại là một nghĩa nên biết lắm.

TIMSACH.COM.VN

oOo

IV.— QUẺ SƠN-THỦY-MÔNG

山 水 蒙

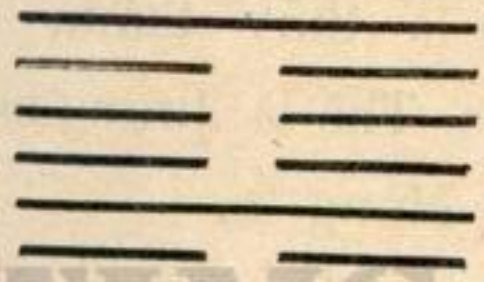

艮上外艮

坎下內坎

Quẻ nầy là quẻ Sơn-Thủy-Mông. Quẻ dưới là quẻ Khảm, cũng là Nội-quái Khảm. Quẻ trên là quẻ Cấn, cũng là Ngoại-Quái-Cấn. Khảm tượng thủy, Cấn tượng sơn. Nên đọc tên quẻ bằng Sơn-Thủy-Mông.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, Truân giả vật chi thỉ sinh dã, vật sinh tất Mông, cố thụ chi dĩ mông Mông giả mông dã, vật chi trĩ dã.

序卦. 屯者, 物之始生也. 物生必蒙, 故受之以蒙, 蒙者蒙也. 物之穉也.

Ý sắp đặt thứ-tự quẻ 序卦. Sau quẻ Truân tiếp lấy quẻ Mông, là vì cớ sao ?

Bởi vì, Truân là lúc vạn vật mới sinh ra 屯者, 物之始生也. Vật mới sinh ra, tất nhiên non yếu mà mù mờ 物生必蒙.

Hễ vật lý đương lúc Truân, tất nhiên Mông. Vậy nên, sau quẻ Truân tiếp lấy quẻ Mông 故受之以蒙. Mông, nghĩa là nom yếu, cũng nghĩa là mù mờ 蒙者蒙也物之穉也.

SOÁN TỪ

Mông, hanh : phỉ ngã cầu đồng mông đồng mông cầu ngã sơ, phê, cốc, tái tam, độc. Độc tắc bất cốc, lỵ trinh.

蒙, 亨. 匪我求童蒙, 童蒙求我. 初筮, 告, 再三. 瀆. 瀆, 則不告, 利貞.

Quẻ nầy sở dĩ đặt tên bằng Mông, có hai ý nghĩa. Một là theo về đức quẻ : Cấn có đức chỉ, Khảm có đức hiểm Khảm nội là nội hiểm, Cấn ngoại là ngoại chỉ. Trong thời hiểm, mà ngoài chẳng tấn được, tỏ ra ý mù mờ Hai là : theo về tượng quẻ : Tượng cấn là sơn cao, Tượng khảm là thủy thâm, ở dưới núi mà lại có nước sâu, là chốn hiểm. Thế là tượng mù tối Vì hai nghĩa ấy, mới đặt tên quẻ bằng Mông 蒙.

Soán-từ thích quẻ nầy, khác với mỗi quẻ, mỗi quẻ lấy nghĩa tuyền quái, mà quẻ nầy chỉ chú trọng vào hào Ngũ, hào Nhị. Lục Ngũ là chủ trong đám Mông, Cửu-Nhị là thấy phát Mông.

Cửu Nhị có đức dương cương đắc trung, làm chủ ở Nội-quái « **Vì nội quái nguyên là quẻ Khôn, thay hào nhị vào, mới thành ra quẻ Khảm** », thiệt là đích đáng một vị thầy phát Mông Lục-Ngũ âm-nhu đắc trung, chịu thuận ứng với Cửu Nhị. Thế là sư chủ rất tương đắc. Thầy sẵn lòng dạy trò, mà trò cũng hết lòng theo thầy, tất nhiên được thông thái 亨. (Hai chữ Mông Hanh là thích nghĩa quẻ).

Bây giờ, lại tường giải lý do cho người học Dịch bắt chước nghĩa là : sở dĩ mông mà được hanh, tất nhờ có đạo lý tri hanh.

Theo về phía làm thầy phát mông, tất phải tôn đức lạc

đạo chớ thấy thế lực Lục-Ngũ mà khuất kỹ vọng cầu. Theo về phía người chủ mông, tất phải quên thế vị của mình, mà khuất kỷ hạ cầu Cửu-Nhị, Chính như nghĩa câu. Hữu lai học. vô vảng giáo 有來學,无往教.

Phỉ, nghĩa là : chẳng phải ; đồng mông, nghĩa là đứa bé con, chỉ vào Lục-Ngũ.

Ngã, nghĩa là : người làm thầy, chỉ vào Cửu-Nhị.

Đạo lý người làm thầy, đã đành như trên nói.

Lại còn đạo lý thuộc về người làm trò, tất phải chí thành chuyên nhất hết lòng tín ngưỡng vào thầy ví như người cầu thần hỏi quẻ mà chí thành như lúc đầu mới bói, mới được thấy dạy bảo cho 初筮,告.

Nếu đến lần tái lần tam, thời là nhàm lờn 再三,瀆. Ý mình đã chẳng chuyên nhất, thời thầy chẳng dạy 瀆,則不告.

« Phệ, nghĩa là bói quẻ, Cốc nghĩa là dạy bảo. Độc nghĩa là nhàm lờn; sơ phệ, nghĩa là : bói lần đầu hết. tái nghĩa là : bói lần thứ hai, tam nghĩa lá bói lần thứ ba «.

Mấy câu ấy chỉ là mướn tượng cho rõ nghĩa là bảo học cầu thầy phải chí thành như cầu thần, chứ chẳng phải dạy người bằng việc bói,

Lại còn một đạo lý chung cả hai phía, hoặc mình còn mông muội mà cầu người phát khải cho, hoặc người có đạo đức học vấn mà phát khải được người mông.

Lại tất thảy phải biết rằng : Công việc phát mông chẳng phải rày mai, hoặc nữa chừng mà xong được, tất hai bên phải tương tín cho thiệt sâu, tương đắc cho bền chặt, thì chung

đúng hợp với đạo chính mới có thể thành công 利貞.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Mông, sơn hạ hửu hiểm, hiểm nhi chỉ, mông ; Mông hanh, dĩ hanh hành thì trung dã ; phi ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã, chí ứng dã. Sơ phệ, cốc. dĩ cương trung dã, tái tam độc, độc tắc bất cốc ; độc mông dã ; mông dĩ dưởng chính thánh công dã.

彖曰. 蒙. 山下有險. 險而止蒙. 蒙亨. 以亨行時中也. 匪我求童蒙, 童蒙求我. 志應也. 初筮告, 以剛中也. 再三瀆. 瀆, 則不告. 瀆蒙也. 蒙以養正, 聖功也.

1.— Soán viết, Mông, sơn hạ hữu hiểm, hiểm nhị chỉ mông.

彖曰. 蒙, 山下有險. 險而止蒙.

Đây là lấy tượng quẻ, đức quẻ, mà thích tên quẻ.

Dưới núi có vũng nước hiểm 山下有險. là nghĩa tên Mông lấy bằng tượng quẻ. Thấy trong hiểm mà ngoài chẳng dám bước vào, là nghĩa tên Mông lấy bằng đức quẻ 險而止蒙. Xem ở trên thicn soán từ thời rõ.

2.— Mông hanh, dĩ hanh hành thì trung dã, phí ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã, chí ứng dã.

蒙亨, 以亨行時中也. 匪我求童蒙, 童蒙求我, 志應也.

Đây là thích nghĩá lời Soán, cũng chỉ chú trọng vào Nhị-Ngũ.

Mông vì sao mà được hanh 蒙亨 ?

Là lấy đạo tri-hanh làm cho hợp thời và đắc trung vậy 以亨行時中也.

Phỉ ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã, là chí hai bèn ứng với nhau vậy.

匪我求童蒙, 童蒙求我, 志應也.

PHỤ CHÚ : đọc lời soán truyện tiết này, nên chú ý hai chữ thì trung.

Hai chữ thì trung nầy, in như chữ thì trung ở câu : «Quân tử nhi thì trung » trong sách trung dung. Làm thầy dạy người với người học tập, thảy cần đúng thì. Nếu **dạy chẳng đúng thời** thì, **người thụ giáo** chẳng vui nghe, mà công dạy cũng quá uổng. người học không có thì, thời công **phu gián đoạn, mà học nghiệp không** thể nên.

Vậy nên thầy dạy người, phải lựa buổi học trò vui học mà dạy cho nó. Sách học ký có câu : « đang 當 kỳ 其 khả 可 chi 之 vị 謂 thì 時 » ;nghĩa là : dạy người, phải lựa cho vừa dịp mà dạy. ấy là chữ thì thuộc về phần người dạy. Còn như người học, lại phải cứ thì, thời làm cho chuyên.

Khổng tử có câu : học nhi thời tập chi 學 而 時 習 之. Nghĩa là : học thánh hiền mà phải buổi cứ tập lại luôn. Đó là chỉ thì thuộc về phần người học. Đã được chữ thì, lại còn phải có chữ trung. Nghĩa là : **làm thầy dạy người, chớ dạy người những điều, thái quá hay bất cập, Nếu dạy người những điều thái quá thời người không thể với tới nơi. Nếu dạy người những điều bất cập, thời người học không thể tiến bộ. Nên làm thầy** dạy phải có một cách tùy tài giáo huấn, cốt cho thích trung, người quá cao ta phải kéo lại, người quá thấp ta phải nhắc lên.

Sách Kinh Thư có câu : «Đoản 允 chấp 執 quyết 厥 trung

中». Nghĩa là : thật hay cầm giữ đạo trung, đó là phương pháp của nhà phát Mông vậy. Mà những người cầu thầy phát mông, cũng đều chú ý vào chữ **thì trung** mới được.

3. Sơ phê, cốc, di cương trung dã, tấi tam độc, độc tắc bất cốc, độc mông dã.

初 筮, 告. 剛 以 中 也. 再 三, 瀆. 瀆, 則 不 告. 瀆 蒙 也,

Đây là lấy thể quẻ thích lời quẻ, cương trung chỉ vào Cửu Nhị, Cửu Nhị dương cương đắc trung, là một bậc minh sư rất mực, nên hiểu rõ phương phháp dạy người, xem người cầu giáo với mình, có thành tâm chuyên nhất được như người Sơ phệ, thời dạy bảo cho 初 筮 告, 以 剛 中 也. Nếu chí ý đã bất thành, mà phiền sác đến tái tam, thế là độc, độc thời không dạy 再 三, 瀆. 瀆, 則 不 告. Vì nghĩa rằng : nó đương đồng mông nên nuôi ý chí thành của nó, nó đã không thành nhất, mà còn dạy gượng, té ra mở lối bất thành cho nó, tập cho nó bằng một cách lờn lã, ấy là độc mòng 瀆, 蒙 也.

(Độc mông, nghĩa là dạy cách lờn lả cho đứa mông vậy).

4. Mông di dưỡng chánh, tháng công dã.

蒙 以 養 正. 聖 功 也 .

Dưỡng chánh, nghĩa là bồi dưỡng gốc chánh, Cháuh nghĩa à trung trực vô tà. Mông dĩ dưỡng chánh nghĩa là bồi dưỡng các gốc chính ư lúc đồng mông, vậy 蒙 以 養 正.

Tục ngữ có câu : « Dạy con dạy thuở đương thơ », chính là nghĩa ấy. 聖 功 也.

Người ta đương độ đồng mông, tinh chất trời phú cho còn đương thuần nhất, lòng tình dục còn chưa nẩy nở. Đương hồi đó mà lo gấp bồi dưỡng lấy măng mộng thiên

lý, dắt vào đường lành, thời càng ngày càng tiến lên bậc cao minh, công phu làm thành ngày sau chính lúc ấy ,

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, sơn hạ xuất tuyền, mông ; quân tử dĩ quả hạnh dục đức,

象曰. 山下出泉, 蒙. 君子, 以果行育德.

Quẻ nầy ngoại-quái Cấn, tượng núi ; nội quái Khảm, tượng nước suối. Trên Cấn, dưới Khảm, tượng là dưới núi phun ra nước suối 山下出泉.

Suối khi mới phun ra ở dưới núi, chất nước rất trong, mà thế chảy chưa được mạnh, tượng như người còn trẻ nhỏ, là một hạng đồng mông, nên đặt tên bằng Mông 蒙.

Quân tử xem rõ tượng quẻ Mông, mới biết rằng ; phẩm hạnh người phải quả quyết 果行, tượng như nước suối đã ra, tất ào ào chảy ngay, đạo đức tất phải bồi dưỡng cho cực cao 育德, như chất núi không bao giờ lở 君子, 以果行育德.

PHỤ CHÚ.— Lời đại tượng truyện nầy, là chỉ tỏ rõ cho ta bằng cách dưỡng mông, tất phải quả hạnh dục, đức mới nuôi được mông, mà thành được thánh-công.

Nhưng cội gốc lại cốt ở hai chữ dục đức. Đức là cội gốc ở phía trong ; hạnh là nhánh lá ở phía ngoài. Đức có bồi-dưỡng được dày, thời hạnh mới quả-quyết được.

Phép dạy ở nước Văn-minh đời nay, các nước văn-minh trước, chú trọng về đức dục, mà sau mới trị dục thể dục, cũng ám hợp với ý quẻ mông.

HÀO TỪ VÀ TIỂU - TƯỢNG - TRUYỆN

1.— Sơ Lục, phát mông, lợi dụng hình nhân, dụng thoát trất cốc, dĩ vãng, lẩn.

初六.發蒙,利用刑人,用說桎梏,以往,吝.

Lục là âm nhu, Sơ là ở đầu kết quẻ mông, tượng là hạng người hôn ám. Bây giờ muốn khởi phát hôn mông cho nó. Vì tính chất hôn mông của nó bị vật dục ràng buộc, như hình gông cùm dẳng trói nó, ta muốn phát mông cho nó. tất trước phải cởi lột cái gông cùm cho nó.

Nhưng vì nó bị vật dục gông cùm đã quá chừng sâu, nếu chỉ dùng bằng cách nhân ân mà thôi, thời nó không biết sợ, chẳng biết nghe lời dạy của mình. Vì vậy, trong lúc phát mông, có khi phải dùng hình phạt người, mới cởi lột được, cái gông cùm bằng vật dục cho nó 利用刑人,用說桎梏.

Khi đã cởi-lột được gông cùm rồi, thời những cách hình phạt sẻ bỏ đi, chuyên theo một cách bằng giáo-hóa. Ấy là cách phát-mông đúng với nghĩa thì-trung vậy.

Nếu cứ dùng cách hình nhân mà tấn hành hoài 以往. thời trái mất đạo thì trung, mà người mông cũng không bao giờ cảm hóa. Ấy là một việc đáng xấu thẹn cho người phát mông vậy 吝.

Lợi dụng hình nhân, nghĩa là : có khi dùng hình phạt mà trừng trị người.

Trất-cốc, nghĩa là gông cùm ; dụng thoát trất cốc, nghĩa là : cốt để mở cái gông cùm cho nó.

Trất cốc, là thí dụ với một hạng người, hoặc vì tính di-

truyền, hoặc tập-quán theo hoàn-cảnh, mà đến nỗi những tính xấu nết quen bắt buộc nó không giải-thoát được, ấy là gông cùm.

Tượng viết, lợi dụng hình nhân, dĩ chính pháp dã.

象曰. 利用刑人, 以正法也.

Hào-từ sở dĩ nói lợi dụng hình nhân, là cốt làm cho vừa chính được phép tắc dạy người mà thôi. Ở trong khi trừng trị nó, mà thâm ý cốt ở khởi-phát cho nó, không phải hình nhân mà chuyên để làm uy đâu. Vậy nên hào-từ có câu : dụng thoát trất cốc 用說桎梏.

PHỤ-CHÚ.— Sách Luận-ngữ có câu : bất giáo nhi sát vị chi ngược 不教而殺謂之虐. nghĩa là : không dạy dỗ cho nó mà vội đã tru-trách nó, ấy là làm hại nó. Thế thời lợi dụng hình nhân, chẳng phải là bất giáo nhi sát hay sao ?

Không phải. Hình nhân ở quẻ mông là cốt để tháo gông cùm cho nó ; hình, tức là giáo, không phải bất giáo đâu. Giáo hóa mà đụng phải người hôn ngu, lẽ phải như thế cũng là nghĩa chữ thì vậy.

2.— Cửu Nhị, bao mông, cát, nạp phụ, cát, tử khắc gia.

九二. 包蒙, 吉. 納婦, 吉. 子克家.

Hào Cửu vị Nhị đã dương-cương lại đắc trung, vả lại Cửu Nhị làm chủ cho nội-quái, thống trị cả bốn hào âm. Thế thời Cửu-Nhị chính là thầy phát mông. Các hào âm kia là mông tượng là phụ. Cửu Nhị đã đang lấy trách nhiệm phát mông, tất phải độ lượng cho khoan dung, thương lấy người hôn mông, mà hết lòng dạy bảo, tuy nó vẫn hôn mong, mà mình cũng hết lòng bao bọc cho 包蒙,

Tuy nó vẫn nhu-ám tượng như loài đàn bà, nhưng mình cũng sẵn lòng dung nạp cho 納婦 miễn nó chịu phục-tòng giáo-hóa, thời tuy ngu ám, nhưng ta cũng không cự tuyệt nó. Được như thế thời cái trách-nhiệm phát mông mới được hoàn toàn 吉.

Nhị là chính ứng với Ngũ. Ngũ cư tôn ở địa vị quẻ trên, tượng như ông cha ở trong một nhà, Nhị chính ứng với Ngũ là tượng con. Ngũ âm nhu tượng như người cha nhu âm Nhị lấy đức cương minh của mình, mà cảm hóa được cha nhu-ám khải phát được hôn mông cho Ngũ, tượng là người con hay chỉnh lý được việc nhà 干克家.

Tỷ như : vua Thuấn hay hết chức phận làm con, mà cha là Cổ Tẩu, cuối cùng phải cảm hóa với vua Thuấn ; Thầy Mạnh có câu : Thuấn tận sự thân chi đạo, Cổ-Tẩu để dự, Cổ Tẩu để dự nhi thiên hạ hóa 舜盡事親之道, 而瞽叟底豫. 瞽叟底豫, 而天下化. Nghĩa là : Vua Thuấn hết đạo thờ cha, mà Cổ-Tẩu hóa Cổ Tẩu đã hóa rồi, mà thiên-hạ cũng hóa luôn. Đó là nghĩa Hào-Nhị quẻ nầy vậy.

PHỤ CHÚ : Cửu Nhị sở dĩ được hai chữ cát, là nhờ được đức cương trung. Bởi vì, dương vẫn có tài cương minh, nhưng cương minh mà thái quá e có khi uy thắng ân, mà không dung nạp được tiểu nhân, tất nhiên không bao được mông, không nạp được phụ, lấy gì mà cát.

Mông phụ là chỉ hạng tiểu nhân ngu ám, Mà Cửu Nhị sở dĩ bao nạp được, là vì cương minh mà đắc trung vậy.

Tượng viết, tử khắc gia, cương nhu tiếp dã.

象曰. 子克家, 剛柔接也.

Tượng-từ lại bổ thêm ý từ Hào-từ, mà nói rằng : làm con sở dĩ khắc gia được 子克家.

Tuy vì đức hiếu của con là Cửu-Nhị, nhưng cũng nhờ tính từ của Cha là Lục-Ngũ. Cương tiếp đặng nhu, nhu tiếp đặng Cương tượng như con hay cảm hóa được cha, mà cha cũng tín nhiệm con, ấy là cương nhu tương tiếp 剛柔接也.

Cương là Cửu-Nhị, Nhu là Lục-Ngũ. Nếu cương nhu không tương tiếp thời khắc gia không được đâu, trên hào từ chỉ tán tụng Cửu Nhị, tượng từ lại tán thêm Lục-Ngũ, để cho rõ ý thượng hạ phải tương tiếp mới được, cũng như nghĩa chữ «**Chí ứng**» ở trên Soán truyện.

3. Lục tam, vật dụng thú nữ kiếm kim phu bất hữu cung vô du lợi.

六三. 勿用取女, 見金夫, 不有躬, 无攸利.

Lục là âm hào, ở vào quẻ mông, chính là âm nhu mà lại hôn ám, nếu được trung chính thời còn khá, bây gia Lục ở vị Tam là bất trung bất chính chi cực.

Tượng như một người con gái đã nhu nhược mà lại mù mờ, xu hướng không đường lối nhất định, đụng gặp phải anh trai nào nhiều tiền là theo ngay 見金夫, 不有躬. (Cung : thân, bất hữu cung : quên cả thân mình.) Vì vậy, nên hào-từ nói Lục-Tam nầy, là một hạng gái rất dở, người ta chớ nên lấy hạng gái ấy 勿用取女.

Bởi vì, hạng con gái ấy, kiến kim, phu thời bất hữu cung, chẳng đi đâu mà lợi cả 无攸利. (kim phu, là hạng người nhiều vàng).

PHỤ CHÚ : Hào nầy là thủ thượng bằng con gái dở, Nhưng không phải chuyên nói về một phụ nữ mà thôi.

Hễ hạng tiểu nhân, kiến lợi vong nghĩa, thấy ai cho mình tiền, dầu bảo việc làm trái đạo. nghĩa cũng cứ làm mà quên hết nghĩa vụ của mình làm người, đó chính là kiến kim phu bất hửu cung.

Xưa có anh Phùng-Đạo bỏ vua nầy, thờ vua khác, làm quan trải năm đời triều.

Tiên Hiền có câu thơ vịnh Phùng-Đạo rằng : Ngũ giá nhân gian lão ác bà 五嫁人間老阿婆. Nghĩa là : một mụ già gã năm đời chồng chính là đúng với Mông-Tam vậy

Hễ ai có quyền dụng-nhân, thời nhất thiết bỏ hạng người ấy, tức là nghĩa câu : vật dụng thú nữ.

Tượng viết, vật dụng thú nữ, hạnh bất thuận dã.

象曰. 勿用取女, 行不順也.

Nghĩa là : làm người con gái, cốt lấy chữ trinh làm thuận bây giờ Lục-Tam nầy, hễ thấy trai nhiều tiền thời đi theo ngay, là tính nết nó trái đạo gái vậy. (Bất thuận : nghĩa là bất trinh).

4.— Lục tứ, khốn mông, lẫn.

六四. 困蒙, 吝.

Quẻ nầy chỉ hai hào dương, là Cửu-Nhị và Thượng-Cửu, hai hào ấy có tài phát mông.

Lục-Tứ nầy, trùng âm bất trung, vẫn là âm nhu hôn-ám, mà địa-vị sở xử, trên thời xa với Thượng-Cửu, dưới thời xa

với Cửu-Nhị, chung quanh thảy là âm-nhu, tượng là người mông ám mà lại không thầy bạn, suốt một đời người, chỉ nhốt vào trong vòng hôn-ám 困蒙. Người mà đến thế, đáng xấu hổ biết bao 吝.

Tượng viết, khốn mông chi lẫn, độc viễn thực dã.

象曰. 困蒙之吝, 獨遠實也.

Xấu hổ vì tội khốn mông 困蒙之吝, là bởi vì Lục-Tứ nầy, một mình xa cách bạn dương-cương 獨遠實也.

Nguyên tuyền quẻ sáu hào, hai hào dương tượng là quân-tử, có tính chất cương minh ; bốn hào âm tượng là tiểu-nhân, chó tính chất nhu ám. Sơ gần Cửu-Nhị nên phát được Mông. Ngũ gần Thượng-Cửu nên được chữ Cát, duy Lục-Tứ xa cách hai dương, thế là độc viễn thực.

Thực : nghĩa là đặt chính giữa.

Thông lệ trong Kinh-Dịch, nét dương đặt chính giữa là thực, nét tâm trống chính giữa là hư, thực là tượng hạng người có lương lâm ở trong, nên dương thực là quân-tử ; hư, là tượng hạng người không lương-tâm ở trong, nên âm hư là tiểu nhân.

PHỤ-CHÚ.— Hào-từ Lục-Tứ xấu hơn các hào-từ ở trong quẻ, là ý Thánh-nhân dạy cho người phải đo đường **thân-sư thủ hữu**, thời dầu có hôn mông mà may nhờ thầy-hiền bạn tốt khải phát cho, tất nhiên khốn nhi tri chi, như sách Trung-dung nói. Chữ Lục-Tứ nầy đã mông ám mà lại không chịu tìm thầy kén bạn để bổ trợ đường học vấn cho, chính là như lời Khổng-Tử nói : Khốn nhi bất học, tư vi hạ hỷ 困而不學, 斯爲下矣.

Nghĩa là : tư chất đã khốn-nạn, mà lại không chịu học, tất là phường hạ lưu mà thôi. Đó là khốn mông chi lẫn đó vậy.

5.— Lục Ngũ, đồng mông, cát.

六五. 童蒙, 吉.

Hào lục vị Ngũ là âm nhu mà đắc trung, ở vào vị Ngũ, lại là tôn vị. Vì có đức nhu trung, nên biết khuất kỷ há hiền tín nhậm lấy Cửu-Nhị ở dưới, tượng là ông vua biết tín nhậm hiền-thần.

Tỷ như : vua Thang chịu học với ông Y-Doãn. Hoàng-Công chịu học với ông Quản-Trọng, lúc đầu thời nhờ người mà phát mông cho bản thân, cuối cùng thời lại lấy bản thân mà phát được mông cho thiên hạ, nhờ mình được thấy mà tẻ ra thiên hạ thấy được nhờ mình vậy. Thế là đồng mông mà cát.

Đồng mông, nghĩa là mông mà hồi còn bé con. Vì còn hồi bé con, nên tính chất dễ dạy, chỉ biết nghe vào thầy, thầy hay thời mình cũng hay. Lục ngũ có tượng như thế, nên nói rằng : đồng mông cát.

Tượng viết, đồng mông chi cát, thuận dĩ tốn dã.

象曰. 童蒙之吉, 順以巽也.

Lục-Ngũ sở dĩ đồng mông mà cát 童蒙之吉, là vì nhờ có đức nhu-thuận mà lại ty tốn 順以巽也, dốc lòng nghe thầy dạy, vã lại được thầy dạy cương minh như Cửu-Nhị. Vậy nên kết quả được tốt lành :

6.— Thượng Cửu, kích mông, bất lợi vi khấu, lợi ngư khấu

上九. 擊蒙, 不利爲寇, 利禦寇.

Thượng-Cửu có đức dương cương, có tài phát mông, đúng với tư-cách làm thầy, nhưng vì hào nầy ở về cuối cùng quẻ Mông, tượng là Mông chi cực.

Hễ phương-pháp làm thầy. Nếu gặp phải hạng người ngu-mông đã cực điểm, thời cách dạy nó, không thể quá cương mà xong.

Vì hào nầy cương mà bất trung, nên Thánh-nhân phải đặt làm lời răn rằng : dạy hạng người quá ngu-mông, không nên trách móc nó thái quá, chỉ dùng bằng cách công kích 擊蒙. Nếu dụng cách công kích, thời hạng người ngu-mông chi-cực. thường đến nỗi đổ khùng phát bẳn, té ra không nghe lời dạy mình, xui cho nó thành ra tội bất tuân giáo-hóa. Thế là người kích-mông đó chỉ làm hại cho nó mà thôi, ấy là vì khấu mà bất lợi 不利爲寇.

(Khấu, nghĩa là hại, cũng nghĩa là giặc).

Duy thầy hay thời khéo lợi dụng cơ hội mà lần lần khởi phát cho nó, chỉ cốt ngăn-ngừa những giống vật dục ngoại dũ, cải lương hoàn cảnh cho nó, nó khỏi tiêm nhiễm những thói hư. Thế là ngự khấu mà lợi 利禦寇. Ngự, nghĩa là ngăn ngừa ; lợi ngự khẩu, nghĩa là nên ngăn ngừa những giống làm hại ở bề ngoài, trái thế, tức là vi khấu.

PHỤ-CHÚ — Hào nầy tuy chỉ nói riêng bằng một việc dạy người nhưng không phải chuyên về dạy người, mà thôi đâu. Suy ra cho rộng, hễ thống trị loạn dân, hoặc giá ngự tiểu-nhân, tất thảy không nên quá cương chuyên bằng một cách công-kích.

Đức Khổng-Tử có câu : nhân chi bất nhân, tật chi dĩ thậm, loạn dã 人而不仁，疾之已甚，亂也. Nghĩa là : gặp

người bất nhân, mà ghét nó quá thậm, thời đến nỗi kích thành ra loạn, chữ loạn tức là chữ khấu nầy.

Hễ lời trong Kinh-Dịch, tất thảy là ngôn cận nhi chi viễn chúng ta đọc hào nầy nên biết nghĩa ấy.

Tượng viết, lợi dụng ngự khấu, thượng hạ thuận dã.

象曰. 利用禦寇, 上下順也.

Thượng là người phát mông, hạ là người chủ mông, lợi-dụng ngự khấu, thời trên dưới thảy thuận với đạo lý vậy. Người trên không quá chừng cường bạo, người dưới thời nhờ đó mà trừ khử được mông. Thế la trên dưới thảy thuận.

PHỤ-CHÚ.— Chúng ta đọc suốt bốn quẻ : **Càn, Khôn, Truân, Mông,** thời nên phát giác một đạo lý lớn, có Càn, Khôn là có trời đất rồi, đứng giữa trời đất mà thành ra Tam-tài tức là loài người. Vì loài người là giống có cảm-giác, có vật, dục, tất cần phải có dưỡng có giáo, cần có người thống trị-lại phải có cách giáo-hóa. Nèn sau quẻ Càn, Khôn, tức tiếp lấy quẻ Truân, Quẻ Mông.

Ư quẻ Mông thời có những câu : lợi kiến hầu, quân-tử dĩ Kinh luân 利建侯, 君子以經綸. là nói về mặt chính-trị.

Ư quẻ Truân thời có những câu : Mông dĩ dưởng chính, dụng thoát trất cốc, lợi ngự khấu 蒙以養正, 用說桎梏, 利禦寇. là nói về mặt giáo-hóa ; có chính-trị tốt, có giáo-hóa hay, thời loài người mới sinh tồn được. Nếu chính-trị mà không được nguyên hanh như Soán-từ quẻ Truân, giáo hóa mà không được thì trung như Soán-Truyện quẻ Mông, thời nhân loại không bao giờ được hưởng hạnh-phúc, ấy là

thâm-ý của Thánh-nhân sắp đặt quẻ đó vậy. Lại có một đạo-lý riêng về quẻ Mông, sáu hào quẻ Mông, hào nào cũng có chữ Mông, duy Lục-Tam không có chữ Mông, cũng là thâm-ý của Thánh-nhân rất hay.

Vì rằng : trong việc giáo-hóa quan-hệ cả hai bên : Một bên là người chủ giáo-hóa, một bên là người bị giáo-hóa Những hạng người bị giáo-hóa, tất phải có tư cách tốt nhất, là tính dương-cương, thứ nữa là người âm-nhu mà đắc-trung, ấy là hạng người vừa đúng cách Mông, tất nhiên giáo-hóa được, chỉ cốt thầy dạy cho hay nữa mà thôi.

Hào Sơ âm-nhu, bất trung bất chính vẫn là khó dạy, may còn hồi mông chi sơ, nên đến nỗi phải dụng hình mới thoát trất cốc.

TIMSACH.COM.VN

Lục-Tam đã âm-nhu bất trung bất chính, mà lại ở đoạn giữa Mông, là Mông ám đã quá nhiều. Nên hào-từ không đặt chữ Mông vào, mà lai chỉ có chữ vật dụng thú nữ, vô du lợi : nghĩa là : không nên cho những hạng người nầy vào hạng Mông được, chỉ nên đề ra ngoài vòng giáo-hóa vậy, chúng ta xét được ý Thánh-nhân như thế, thời hạng **người tham lợi quên thân** như Lục-Tam, còn lấy gì mà nhận làm đồ đệ nữa ru !

o O o

V. QUẺ THỦY-THIÊN-NHU

水天需

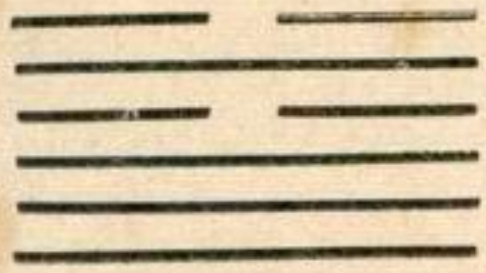

坎 乾

上外坎 下內乾

Quẻ nầy là quẻ Thủy-Thiên-Nhu.

Ba nét dưới là quẻ Càn, là Càn hạ, cũng là Nội-Càn.

Ba nét trên là quẻ Khảm, là Khảm thượng, cũng là ngoài Khảm.

Khảm tượng Thủy, Càn tượng thiên nên tên quẻ đọc bằng Thủy-Thiên-Nhu.

TỰ QUÁI

Tự Quái, Mông giả Mông dã vật chi trĩ dả, vật trĩ bất khả bất dưởng dã, cố thụ chi dĩ Nhu, Nhu giả ẩm thực chi đạo dã.

序卦.蒙者蒙也,物之穉也,物穉不可不養也,故受之以需,需者飲食之道也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Mông tiếp lấy quẻ Nhu, là vì cớ sao? Bởi vì, Mông là giống vật thơ 蒙者蒙也,物之穉也. vật còn thơ yếu tất cần phải nuôi 物穉不可不養也. mà nuôi cần nhất là ăn uống 需者飲食之道也.

Nhu, nghĩa là những việc cung cấp ăn uống ; sách xã-hội có câu : các 各 tận 盡 sở 所 năng 能, các 各 thủ 取 sở 所 Nhu 需. cũng như Nhu ấy. Vì có đạo ăn uống, mới nuôi được sống Vậy nên sau quẻ Mông tiếp lấy quẻ Nhu 故受之以需.

PHỤ CHÚ : Chính nghĩa chữ Nhu có ba nghĩa : 1. Do dự rù rờ ; sách Tả-truyện có câu : « Nhu giả sự chi tặc 需者事之賊. Nghĩa

là : do dự rù rờ rất làm hại cho việc. 2. cần thiết, mà những giống cần thiết ở trong loài người, không chi bằng đồ ăn uống Tự quái có câu : « Nhu giả ẩm thực chi đạo dã. » Nghĩa là Nhu là cái đạo ăn uống. 3. đợi chờ. Chữ nhu có ba nghĩa như trên kể, như theo ý nghĩ tự quái ở đây, thời chỉ lấy nghĩa Nhu là ăn uống. Vì muốn nuôi người mông, trước cần phải có đồ ăn uống.

Sách Luận ngữ có lời : Tiên phú nhi hậu giáo 先富，而後教. cũng là nghĩa ấy.

SOÁN TỪ

Nhu, hữu phu, quang hanh, trinh, cát, lỵ thiệp đại xuyên.
需，有孚，光亨，貞，吉. 利涉大川.

Soán từ quẻ nầy, lấy thể quẻ thích nghĩa tên quẻ, chỉ lấy nghĩa : Nhu là chờ đợi.

Xem thể nội ngoại trong quẻ, nội Càn là cương-kiện, ngoại khảm là hiểm hẳm.

Càn kiện mà đụng lấy hiểm, dầu muốn thượng tiến, nhưng cũng phải chờ đợi. Nên đặt tên quẻ bằng Nhu 需.

Lại xem các hào ở trong quẻ, tốt nhất là Cửu-Ngũ, dương-cương trung chính lại ở ngôi tôn, vã ngũ lại làm chủ cho quẻ Nhu.

Vì rằng : quẻ nầy nếu không Cửu Ngũ thời ngoại quái thành ra ngoại khâu, không thể thành được quẻ Nhu. Vì có Cửu-Ngũ thay vào mà thành ra khảm, mới thành ra quẻ Thủy-Thiên-Nhu.

Có đức cương kiện trung chính, là có đức thành thực ở bề trong 有孚. Đức thành thực đầy đủ ở bề trong, thời đến khi phát hiện ra bề ngoài, tất nhiên quang-minh mà thông-thái 光亨.

Sách Trung dụng có câu : Thành tắc hình, hình tắc trứ, trứ tắc minh 誠則形, 形則著, 著則明. Chính là hữu phu quang hanh đó vậy.

Hữu phu, nghĩa là thành thực. Vì có đức hữu phu, thời chẳng những quan hanh mà thôi, mà lại làm việc gì tất cũng trinh chính, kiên cố mà được tốt lành 貞吉.

Thích tóm lại, hữu phu là tạo nhân kết quả quang hanh trinh cát là sở dĩ tạo nhân kết quả được như thế, là nhờ có đức cương-kiện trung chính. Người ta nếu có đức cương kiện trung chính như Cửu-Ngũ quẻ Nhu, thời chẳng những khi bình thường vô sự mà hanh, nếu gặp lúc hiểm trở gian-nan, mà cũng cán tuyền được thong thả. Vậy nên Soán từ có câu : lỵ thiệp đại xuyên 利涉大川.

Thiệp là : qua, đại xuyên : là sông lớn, là thí dụ việc nguy hiểm · gặp lúc nguy hiểm mà xử trí được như thường là lỵ·

PHỤ CHÚ : Đọc Soán từ quẻ nầy nên nhận kỹ chữ hữu phu, chữ trinh. Xử vào thì đại Nhu, là việc gì cũng còn đương chờ đợi, họa phúc thành bại quan hệ ở lúc ấy, tất phải có đức thành tín làm căn bản, có đức trinh chính làm cơ-sở, thời cơ hội mà mình chờ đợi đó, mới là cơ hội tốt, mà tiến hành mới thuận tiện.

Nói tóm lại, Nhu là khi tâm thì ở trong chốc phút mình còn chờ đợi. Hữu phu, trinh là chứa sẵn khi bình nhật. Ví như

toan qua sông lớn, còn phải chờ gặp thuyền, là Nhu ; có tiền sẵn trong lưng để trả tiền đó là hửu phu, đón cho nhằm bến lên cho nhằm thuyền, là trinh, qua được sông, lên được bờ, là cát. Câu lỵ thiệp đại xuyên, thủ tượng rất tinh diệu.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, nhu. tu dã, hiểm tại tiền dả, cương kiện nhi hãm bất kỳ nghĩa bất khốn cùng kỷ. Nhu hữu phu quang hanh, trinh cát, vị hồ thiên vị, dĩ chính trung dã : lỵ thiệp đại xuyên, vãng hữu công dã.

彖曰，需，須也，險在前也. 剛健而不陷，其義不困窮矣. 需有孚，光亨，貞，吉，位乎天位，以正中也. 利涉大川，往，有功也.

Soán viết, nhu, tu dã, hiểm tại tiền dã, cương kiện nhi bất hãm, kỳ nghĩa bất khốn cùng hỷ.

彖曰，需，須也，險在前也. 剛健而不陷，其義不困窮矣.

Soán truyện lấy đức quẻ, thích nghĩa tên quẻ. Đặt tên bằng quẻ Nhu, nghĩa là chờ đợi 需，須也. Chữ tu cũng là nghĩa chờ đợi. Vì quẻ nầy khảm ở trên Càn, là trước mặt có đám hiểm 險在前也, đụng lấy hiểm, chưa tiến được liền, tất phải chờ đợi, vì biết chờ đợi, chính là trí khôn « thẩm thì đạc thế ». chờ gặp dịp mới lên. Tuy tính Càn cương kiện, mà chẳng bao giờ sụp vào Khảm hiểm 剛健而不陷. (Hảm, nghĩa là sụp).

Khổng Tử thấy có đức dũng, mà lại đủ đức trí như thế, nên lại tán thêm một câu rằng : Người xử thế mà được như nghĩa quẻ Nhu, thời chắc chẳng bao giờ khốn cùng 其義不困窮矣.

PHỤ ChÚ.— Cương kiện vẫn là một tính tốt, nhưng dã cương kiện thời thường hay nhuệ tấn cảm vi, nhiều lúc bị nguy-hiểm

ở trước mặt mình, mà cũng táo tiến, vọng động, chẳng sao tránh khỏi hiểm. Vì thế, nên thánh nhân đặt ra quẻ Nhu.

Nhu, nghĩa là nín nhịn mà chờ đợi. Tỷ như : Đụng lấy một việc gì, chỉ nín nhịn được năm phút đồng hồ, thời tối hậu là quyết thắng. Vì mình không nín nhịn nổi, ư trước khi năm phút đồng hồ mà vội làm ngay, té ra mắc tội dục tốc bất-đạt.

Kinh-Dịch nói rằng : Cương kiện nhi bất hãm, chính là khôn khéo ở chốn ấy.

Kinh-thư có câu : Lự thiện dĩ động, động duy quyết thì 慮善以動，動惟厥時.

Nghĩa là : tính toan cho thiệt lành mà sau mới động, động thời đúng với : thì giờ, chính là nghĩa quẻ Nhu đó vậy.

Nhu hữu phu, quang hanh, trinh cát, vị hồ thiên vị, dĩ chính trung dã.

需有孚，光亨，貞吉，位乎天位，以正中也.

Đây là lấy thể quẻ, thích nghĩa Soán từ. Soán từ sớ-dĩ nói rằng : Nhu, hữu phu, quang hanh, trinh cát, là chỉ vào Cửu-Ngũ với Cửu-Nhị. Cửu-Ngũ ở vào vị chí-tôn, là vào ngôi trời 位乎天位. mà lại có đức chính trung để ứng với Cữu-Nhị, Cửu-Nhị cũng có đức trung, mà ứng với Cửu-Ngũ 以正中也. Vì vậy, nên được Soán từ tốt như thế.

PHỤ CHÚ : Nghĩa quẻ Nhu có hai phương diện. Một phương diện là mình phải chờ đợi người, tức là Nhu nhân 需人.

Tỷ như : Cửu-Nhị phải nhu Cửu-Ngũ. Lại một phương diện là mình có thế lực tài đức, mà người cần phải chờ mình. Tỷ như : Cửu-Ngũ ở quẻ Nhu nầy.

Đại phàm việc quốc gia xã-hội, dụng phải thì đại Nhu, tất phải đủ hai phương diện ấy.

Nên Hán-văn 韓文. có câu : Tương nhu thậm ân, 相需甚殷. Nghĩa là : chờ đợi nhau rất mật thiết.

Lỵ thiệp đại xuyên, vãng hửu công dã.

利涉大川，往有功也.

Quái-từ sở dĩ có câu : Lỵ thiệp đại xuyên, Nghĩa là : dã hữu phu mà lại trinh chính, vã có trí khôn biết cách Nhu, thời dầu trải qua hiểm trở bao nhiêu, mà cũng chắc thành công.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

TIMSACH.COM.VN

Tượng viết, vân thiện ư thiên, nhu, quân tử dĩ ẩm thực yến lạc.

象曰，雲上於天，需. 君子，以飲食宴樂.

Quẻ nầy nội Càn là tượng trời, Ngoại Khảm là tượng mây, dưới Càn trên Khảm là tượng mây ùn lên tột trời 雲上於天 Mây đã ùm lên tột trời, Chắc rày mai cũng mưa, chỉ tranh nhau thì giờ chút đỉnh, phải chờ đợi mà thôi. Vậy nên đặt tên quẻ bằng Nhu 需.

Quân tử ở vào thì đại ấy, thời những việc sắp đặt sẵn sàng rồi, không nên làm rối thêm nữa, chỉ nên : một phương diện thời nuôi thân thể cho bạo mạnh, tượng bằng ẩm thực. Một phương diện : thời nuôi tâm chí cho hòa bình, tượng bằng yến lạc.

Vì thì đã sắp đến nơi, nếu vội vàng biến động, e lỡ hỏng việc, chỉ duy lặng lẹ êm đềm chờ thì đến, Nên tượng truyện

nói rằng : quân tử dĩ ẩm-thực yến lạc.

PHỤ CHÚ : Lời tượng truyện đây, chúng ta nên nghiên-cứu lấy ý, chớ nên câu nệ ở lời. Rằng ẩm thực, há phải say mê rượu chè đâu ! Rằng yến lạc, há phải hát xướng chơi bời đâu. Bởi vì, Nhu chỉ chờ đợi chốc lát thôi.

Nhưng trước khi chờ đợi đó, vẫn đã sắp đặt sẵn sàng, chứa trữ đầy đủ. Duy thì giờ chưa đến. thời chưa động tác được. Vậy ở trong thì giờ chờ đợi đó, chỉ nuôi thể xác cũ cho mạnh thêm, giữ tinh thần cũ cho sung túc thêm, tượng như ẩm thực yến lạc là rồi.

Thầy Mạnh-Tử bàn dưỡng Khí mà răn người ta rằng Vật trợ trưởng 勿助長. Nghĩa là : chớ miễn cưỡng sinh sự giúp làm cho nó mau lớn; chính là nghĩa tượng truyện quẻ Nhu vậy.

Chúng ta lại phải biết, sở dĩ ẩm thực yến-lạc mà nên được Nhu, là nhờ có trư cơ trí tuệ đã sẵn đủ trước khi chưa Nhu. Đến lúc Nhu thời chỉ chờ thời thế nữa mà mà thôi.

Nếu bình thì mà không dự bị gì, thời không gọi bằng Nhu được. Nếu lâm thì mà táo tiến vọng động, thời hỏng cả Nhu. Hễ trúng lấy một tệ ấy, thời không đúng với nghĩa tượng-truyện

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG-TRUYỆN

1. Sơ Cửu, Nhu vu giao, lợi dụng hằng, vô cựu.

初九，需于郊，利用恆，无咎.

Địa vị các hào ở quẻ Nhu. thời Ngoại-Khảm là hiểm vì gặp hiểm nên phải Nhu.

Sơ-Cửu vẫn có tài cương minh, là hạng người tri tiến tri thoái, lại ở vào địa vị Nhu sơ, cách ngoại Khảm còn xa (Khảm là chốn hiểm).

Sơ cách hiểm còn xa, nên trong thì giờ chờ đợi, Sơ chỉ đứng ngoài xa, tượng như chờ đợi ở chốn giao vậy 需于郊 (Giao, nghĩa là : chốn đất xa ở ngoài quốc-thành).

Nhưng vì sơ là tính dương cương, dương cương thời ham tiến, sợ không giữ được thái độ thường chăng. Nên hào tử răn rằng : lợi dụng hằng vô cựu. Hằng, nghĩa là : thường ; lợi dụng hằng, nghĩa là : nên giữ thái độ thường, chớ thấy mình xa hiểm, mà vội vàng khinh tiến, thời mới được vô cựu.

Tượng viết, Nhu vu giao, bất phạm nạn hành giả, lợi dụng hằng, vô cựu, vị thất thường dã.

象曰. 需于郊, 不犯難行也, 利用恆, 无咎, 未失常也.

Thích hào-từ nói rằng ; chờ đợi ở chốn giao 需于郊, là vì thì giờ mình chưa nên xông hiểm nạn mà đi vậy 不犯難行也, đã đành biết thì giờ mình côn nên chờ đợi, nhưng phải : tâm chí cho kiên định 利用恆, chớ để mất thường độ của mình 未失常也. có thể mới khỏi tội lỗi 无咎.

2.— Cữu Nhị, Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung, cát.

九二, 需于沙, 小有言, 終. 吉.

Cửu-Nhị cách hiểm đã gần, chỉ vượt qua Cửu-Tam tức là Khảm hiểm, tượng như đứng ở bãi cát, đã bức cận nước sông. 需于沙 Địa vị Cửu-Nhị như thế, nên hào từ rằng : Nhu vu sa (Sa là bãi cát). Thế thời Cửu-Nhị e sụp vào hiểm chăng ? Không, không. Bởi vì, Cữu Nhị là dương cương ở vào vị Nhu lại đắc trung.

dương cương mà đắc trung, là người thiệp thế rất khôn khéo, tuy vì địa vị gần hiểm mặc lòng, nhưng chắc cũng biết lựa thì rồi mới tiến, không đến nỗi vấp vào hoạn nạn đâu, dầu có tổn-hại chút đỉnh cũng chẳng qua khẩu thiệt mọn mằn mà thôi 小有言.

Kết quả thời một vị nhân tài cương trung như Cửu-Nhị, cuối cùng chắc cũng được tốt lành 終吉.

Tượng viết, nhu vu sa, diễn tại trung dã, tuy tiểu hữu ngôn, dĩ cát chung dã.

象曰, 需于沙, 衍, 在中也. 雖小有言, 以吉終也.

Diễn nghĩa là thung dung khoan khoái.

Diễn tại trung, nghĩa là sở dĩ thung dung khoan khoái, cốt vì có đức trung vậy 衍, 在中也.

Vì có đức trung, mà xử vào thị đại Nhu, nên không tai hại đến mình, tuy có chút khẩu thiệt chi thương 雖小有言, mà cứ giữ lấy đức trung cho đến cuối cùng thời vẫn không thất bại 以吉終也.

PHỤ CHÚ : Chữ trung hào nầy với chữ chính trung ở soán truyện, là phương châm rất tốt cho người ở đời, mà ở vào thì đại Nhu lại càng hay lắm. Bây giờ xin giải thích cho rõ nghĩa chữ trung :

Trung, là nghĩa vừa cân, ý như trung là giữa, lại nghĩa là vừa đúng, nghĩa như chữ trúng là nhằm. **Vẫn nhiệt tâm mà không quá nóng, vẫn trầm tịnh mà không quá nguội**, vẫn thẩm thận mà không phải hồ-nghi, vẫn thung-dung mà không phải là chậm trễ. Thì chưa đến, ai dắt mấy ta cũng không đi, thì đến rồi, ai kéo lại ta cũng cố tới, đủ các phương diện ấy,

chính là đúng nghĩa chữ trung, mà xử về thì đại nhu, không gì hay hơn nữa. Vì vậy nên truyện Soán-từ, tượng hào Cửu-Nhị, thảy có chữ trung, nên thảy được chữ Cát.

3.— Cửu Tam, Nhu vu-nê, trí khấu chí.

九三, 需于泥, 致寇至.

Cửu-Tam nầy bức cận khảm hiểm, tượng như người qua sông, tuy chưa sụp xuống nước, nhưng đã bén chân vào giữa bùn 需于泥. Đã đến hồi đó, không còn gì Nhu được, chẳng bao lâu, sụp vào chốn hiểm, thành ra tự mình đem giặc đến mà làm hại mình 致寇至.

Vậy nên hào từ nói rằng : Nhu vu nè, trí khấu chí, Nê, nghĩa là vũng bùn ; trí, nghĩa là đem dắt : khấu nghĩa là giặc, trí khấu chí, nghĩa là tự đem tai hại vào thân. Hào từ nầy rất xấu ở trong quẻ, tuy cũng là hoàn-cảnh bắt buộc như thế, như không phải tội tại hoàn cảnh, mà chỉ tội tại bản thân Cửu Tam nầy. Cửu với Tam đều là dương cương, mà lại bất trung. Lại ở vào địa vị trên hết Nội-Càn là cương chi cực, thiệt là cương táo đạt ư cực điểm, tất nhiên hay động càn chạy bậy, không sụp hiểm không thôi, đến nỗi tai hại vào thân Tam là Tam tự thủ. Sách binh thư có câu : Tất tử khả lục 必死, 可殺. Nghĩa là : Những người cố liều chết, tất nhiên bị giặc giết, chính là đúng với Cửu Tam nầy. Vậy nên hào từ có câu, trí khấu chí.

Tượng viết, nhu vu nê, tai tại ngoại dã, tự ngã trí khấu, kính thận bất bại dã.

象曰. 需于泥, 災在外也. 自我致寇, 敬慎不敗也.

Tượng-truyện lại bổ túc ý hào-từ, phát-minh cho chúng ta một đạo lý mà dạy rằng : Cửu-Tam tuy bức cận với hiểm, nhưng khảm hiểm còn ở ngoại quái. Thế là người làm tai hại mình, còn ở phía ngoài 災在外也. Nếu mình biết kính thận kỷ càng, lựa đúng thì mà tiến thối, cũng có thể tránh được tai vạ, Cửu Tam thời trái thế, vì cương cấp thái quá, đi đứng không lựa đường, nhắm mắt đi liều, đến nỗi phải sụp vào hiểm hẳm. Thế là tự mình đem tai họa tới mình 自我致寇. Nếu Tam trước biết cẩn thận, thời cũng chẳng thất bại 敬慎不敗也.

Nghĩa chữ kính, chữ thận có khác nhau chút đỉnh Kính là tính nết cung kính ở khi thường : thận là thẩm thận ở khi lâm sự.

Khổng-Tử có câu: Lâm sự nhi cụ 臨事而懼, Nghĩa là : lâm đến việc mà có ý sợ, chính là nghĩa chữ thận.

4.— Lục Tứ, Nhu vu huyết, xuất tự huyệt.

六四, 需于血, 出自穴.

Hào nầy đã bước vào thể Khảm, ấy là thân mình đã sụp vào giữa chốn hiểm, tượng như đã gieo thân vào vùng lưu huyết, xử thì đại Nhu mà đã đến thế, thành ra chờ đợi ở giữa vùng hiểm nạn, theo như hoàn-cảnh hào nầy, thiệt đáng ghê gớm. Nên nói rằng : Nhu vu huyết.

Huyết, nghĩa là máu, là chốn ghê gớm, nhưng vì Lục-tứ mà âm nhu, âm hào ở âm vị là đắc chính, âm nhu đắc chính mà xử vào thì đại Nhu, còn có thể tìm được phương pháp thiện hậu. Vậy nên, lúc trước tuy xử vào vùng nguy-hiểm, mà cuối cùng may cũng thoát khỏi vùng ấy 出自穴. Huyệt, nghĩa là bộng, ở từ trong huyệt thoát ra, tượng là thoát khỏi vùng nguy hiểm.

Tượng viết, nhu vu huyết, thuận dĩ thính dã.

象曰. 需于血. 順以聽也.

Hào-từ đã nói, nhu vu huyết, thời đã là không thể thoát được hoạn nạn, nhưng cớ sao lại nói xuất tự huyệt.

Bởi vì, Lục Tứ nầy tính chất thuần nhu, chỉ biết một mực nhu thuận, mà nghe trời sắp đặt cho mình vậy. Nên cũng chẳng đến nỗi hung họa.

5.— Cửu Ngủ, nhu vu tửu tự, trinh, cát.

九五. 需于酒食, 貞, 吉.

Cửu là hào Dương, mà Ngủ cũng vị Dương, dương cư dương vị là đắc chính, lại ở giữa ngoại quái là đắc trung ; một bậc dương cương trung chính như thế, mà lại ở được ngôi chí tôn làm nguyên thủ trong một nước có đức nầy, cơ vị nầy, lại gặp thì đại nhu, tượng là người truyền quốc ai nấy cũng trông mong chờ đợi vào người ấy.

Lấy đức một bậc thánh nhân, ở vị thánh nhân, tất nhiên thỏa thích được nguyện vọng trong thiên hạ, tượng, như chờ đợi ở giữa trường khoái lạc. 需于酒食.

Tửu tự, nghĩa là ăn no uống say, ý là ai nấy cũng được vui vẻ hạnh phúc.

Kinh-Thi có câu : Ký tuý dĩ tửu, ký bảo dĩ đức 既醉以酒, 既飽以德.

Nghĩa là : đã lấy rượu cho chúng ta say, lại lấy đức cho chúng ta no, chính là tượng hào nầy.

Tuy nhiên, họa thường sinh ư chốn phúc, vã lạc cực thường hay bi-sinh, Thánh-nhân sợ người đời xử vào thì đại an-lạc

hay nảy ra mầm bất-chính. Nên lại có lời răn rằng : Trinh, cát, nghĩa là : tuy được cảnh hạnh phúc, nhưng phải lo bền giữ đức trung chính, thời hạnh phúc mới được lâu dài. Thế là cát.

Tượng viết, tửu tự, trinh cát, dĩ trung chính dã.

象曰. 酒食, 貞吉, 以中正也.

Chữ trung-chính ở tượng truyện đây, có ý nói chung Cửu-Ngũ với Cửu-Nhị, Cửu-Ngũ có đức trung chính, Cửu-Nhị đức cương-trung, minh-quân hiền thần chung nhau làm sự nghiệp nhu, dắt thiên hạ lên vũ-đài hạnh-phúc. Nên hào từ nói rằng : Nhu vu tửu tự, trinh cát.

Thượng Lục, nhập vu huyệt, hữu bất tốc chi khách, tam nhân lai, kính chi, chung cát,

上六, 入于穴, 有不速之客, 三人來, 敬之, 終吉.

Thượng-Lục nầy đã âm nhu, mà lại ở vào địa vị khảm hiểm chi chung. Theo hoàn cảnh có lẽ hiểm cực, mà đến nỗi không đường lên, vã lại hào âm ở trên, e cũng dễ sụp vào giữa hiểm, tượng như rớt vào giữa hang 入于穴.

Nhưng Dịch-lý biến hóa vô cùng, không chấp nhất như các hào, mà cốt yếu nhất là thức thì, Thượng-Lục ở về cuối cùng thì Nhu tượng là thì tiết chờ đợi, bây giờ đã đến nơi rồi, bản thân Thượng-Lục tuy âm nhu, nhưng chính ứng với Cửu-Tam, Cửu-Tam có đồng đảng là Sơ-Cửu. Cửu Nhị tất thảy là bạn dương-cương, họ nghe thì Nhu đã đến, họ hùa nhau kéo lên, tới hào cuối cùng đụng Thượng-Lục, Thượng-Lục nguyên sẵn tính nhu thuận, lấy chính ứng của mình là Cửu-Tam, mà bạn hữu Tam có hai người nữa, thình lình đến trước mặt mình 有不速之客, 三人來. Vì Thượng Nhu thuận, nên hết sức hoan nghênh

敬之, nên được nhiều bạn thần thế kéo dắt mình, chẳng những kéo mình đã ra khỏi vùng hiểm-nạn, mà cuối cùng mình lại được hưởng một phần sung-sướng ở đời Nhu vậy 終吉. (Khách Tam nhân chỉ vào ba hào dương ở hạ-quái. Bất tốc, nghĩa là chẳng mời : kính chi, nghĩa là kính rước lấy ba người khách ấy.

Tượng viết, bất tốc chi khách lai, kính chi, chung cát, tuy bất đáng vị, vị đại thất dã.

象曰,不速之客來,敬之.終吉.雖不當位,未大失也:

Tượng lục tuy âm nhu, mà lên ở vị cao tột, tuy tài không xứng vị 雖不當位. Nhưng biết khiêm tốn tự trì, kính trọng lấy những bạn dương cương, cũng chưa đến nỗi thất-bại lớn vậy. 未大失也.

Nên hào-từ nói rằng : bất tốc chi khách lai, kính chi, chung cát.

Chữ Vị ở tượng-từ nầy, khác chữ Vị ở mọi nơi, chữ Vị ở mọi nơi, là âm dương chi vị.

Nếu theo nghĩa chữ ấy, thời hào nầy âm cư âm vị, không nói bất đáng vị được. Duy lấy nghĩa bằng vị trên, vị dưới, thời âm nhu mà ở vị cao, ấy là bất đáng vị.

PHỤ CHÚ : Đọc suốt hết sáu hào-từ quẻ Nhu nầy, càng biết được đạo biến hóa ở trong Dịch-lý. Nguyên tượng quẻ nầy, chỉ tượng là chờ đợi, mà sở dĩ phải chờ đợi, là vì Khảm hiểm bức ở trước mặt ngoài, nên Sơ-Cửu xa Khảm, thời nói : nhu vu giao.

Cửu-Nhị đã gần Khảm thời nói : Nhu vu sa, Cửu-Tam bức cận khảm thời nói : Nhu vu nê ; Lục Tứ bắt đầu bước vào Khảm, thời có chữ huyết, chữ huyệt.

Thượng-Lục ở trên hết quẻ Khảm, thời nói : Nhập vu huyệt. Thế thời suốt cả năm hào, thì tuy vẫn gần Khảm xa Khảm khác nhau, mà hào nào cũng cay co vì Khảm.

Cớ sao Cửu-Ngũ, là chính giữa khảm, theo thông-lệ mỗi hào, thời Cửu-Ngũ đáng lẽ chôn vào bộng Khảm, mà hào từ lại nói ; Nhu vu tửu tự ; tửu tự ngó ra một cách rất thái bình, là ý làm sao ?

Chúng ta nghiên-cứu cho kỹ ý ấy, thời biết được Dịch lý biến hóa vô cùng, mà ý thánh nhân dạy người hết sức tinh tường.

Bởi vì, trên kia, **Càn**, **Khôn**, **Truân**, **Mông**, là trải qua thì-kỳ không biết bao lâu, thiên địa đã định vị rồi ; bước qua **Truân**, **Mông**, thời là chính trị giáo-dục đã sắp đặt sẵn sàng rồi, bắt đầu vào thì Nhu, cũng ví như cơm đã đến lúc gần chín chỉ ngồi chờ hoả hậu 火候 đến nơi nữa là được ăn.

Vì vậy, ở Cửu-Ngũ. Thánh nhân không lấy nghĩa riêng mỗi hào, mà lấy nghĩa chung cả tuyền quái, : cũng như nghĩa đại tượng-truyện nói rằng : Quân-tử dĩ ẩm-thực yến-lạc :

Vì rằng : có tài dương-cương trung-chính như hào Ngũ, mà ở vào thì đại Nhu, chính là lúc vô vi nhi thiên hạ trị 無爲而天下治.

Lại còn hai ý-nghĩa nữa, là thuộc về ý Thánh-nhân dạy người đời.

Một là : thường lý trong thiên hạ, hoàn cảnh hay xoay-chuyển được người, mà người cũng xoay-chuyển được hoàn-cảnh. Nếu có đức dương-cương trung chính, lại có tài cương-minh như Cửu-Ngũ, thật là một bậc anh hùng tạo thì-thế, mà cũng là một bậc thánh nhân xoay Vũ-trụ. Tuy giữa lúc Khảm-

hiểm, mà xoay chuyển ra làm thái bình, cũng là lẽ tất nhiên.

Hai là : tuy đương giữa lúc Khảm hiểm, nhưng mình có tài dương cương, đức trung chính, thời nên dắt dìu lấy những bạn dương cương ra gánh việc đời, thoát thiên hạ ra ngoài vùng khảm hiểm. Nếu như Cửu-Ngũ biết dắt ba bạn dương-cương dưới lên, mà làm nên công nghiệp ở thì đại Nhu, chớ thấy Khảm hiểm mà kinh sợ mới phải. Vậy nên hào từ Cửu Ngũ nói : Nhu vu tửu tự, cốt bảo cho người ta thấy Khảm hiểm mà vui, chớ thấy Khảm hiểm mà buồn, duy phải thần thận chờ thì, chớ không thể nóng nôn mà sai lầm, mất ý nghĩa Nhu vậy.

TIMSACH.COM.VN

oOo

VI. QUẺ THIÊN-THỦY-TỤNG

天 水 訟

Quẻ nầy là quẻ Thiên-Thủy-Tụng. Khảm dưới cũng là Nội-khảm, Càn trên cũng là Ngoại Càn. Càn tượng thiên. Khảm tượng thủy. Nên tên quẻ đọc bằng Thiên-Thủy-Tụng.

乾 上 外 乾
坎 下 內 坎

TỰ QUÁI

Tự quái, nhu giả âm thực chi đạo dã, ẩm thực tất hữu tụng, cố thụ chi dĩ tụng.

序卦, 需者飲食之道也. 飲食必有訟. 故受之以訟.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Nhu tiếp lấy quẻ Tụng, là vì cớ sao ?

Nhu nghĩa là ăn uống 需者飲食之道也. Vì ăn uống tất sinh ra tranh nhau 飲食必有訟. Tụng, nghĩa là tranh nhau.

Sở dĩ tranh nhau là gốc tại ăn uống. Vì vậy sau quẻ Nhu, tiếp lấy quẻ Tụng 故受之以訟.

TIMSACH.COM.VN

SOÁN-TỪ

Tụng, hữu phu, trất, dịch ; trung, cát, chung hung ; lỵ kiến đại nhân, bất lỵ thiệp đại xuyên.

訟, 有 孚, 窒, 惕. 中, 吉, 終, 凶. 利 見 大 人, 不 利 涉 大 川.

Vì cớ sao đặt tên bằng Tụng. Tụng, nghĩa là tranh biện với nhau, nghĩa là kiện cáo nhau.

Quẻ nầy Càn cương ở trên, Khảm hiểm ở dưới, tượng là người ở trên, lấy thế dương-cương áp-chế người dưới, người dưới lấy lòng hiểm mà đối đãi kẻ trên, không thế mà hai bên chiều nhau được, tất nảy ra kiện.

Lại tượng là hạng người, trong âm hiểm mà ngoài cương kiện, cũng tất nảy ra kiện. Vậy nên tên quẻ gọi bằng tụng 訟.

Bây giờ Soán-từ mới chỉ về cho những kẻ chủ tụng với người bị tụng rằng : Hễ người nào vẫn mình có tin thực 有 孚. mà bị người vu-hãm, mà lại người trên không minh-sát cho. Thế là hửu phu mà bị trất 窒. (Trất, nghĩa là lấp, là có ý oan ức). Đã oan-ức tất sinh ra lo sợ 惕. (Dịch, nghĩa là lo sợ). Đã lo sợ, mà oan ức còn chưa tỏ bày ra được, Thế tất phải kiện.

Nhưng lẽ trong thiên hạ, việc kiện là việc vạn bất đắc dĩ, nên chỉ cầu cho mình được thân khúc trực. Khi khúc trực đã biện minh bạch được rồi, thời nên thôi kiện. Thế là đắc trung, trung thời được lành 中 吉.

Nếu cố theo kiện hoài, cho đến cùng cực, tất cũng tổn hại ấy là chung cực kỳ sự thời xấu 終 凶.

Lỵ kiến đại nhân, bất lỵ thiệp đại xuyên.
利 見 大 人, 不 利 涉 大 川.

Hễ đã có việc kiện, tất có nguyên có bị, có bên khúc bên trực, tất nhờ có bậc đại đức đại tài, lấy lòng công chính, tài thông minh, mà xử đoán cho cả hai bên, thời khúc trực được minh bạch, Cửu-Ngũ quẻ nầy, cương kiện trung chính, lại ở ngôi tôn, chính là một bậc đại-nhân, mà hạng người trong đám tụng, nên tín-gưỡng vào bậc người ấy 利見大人.

Gặp được bậc đại nhân, ấy là việc tốt lành cho đám tụng. Nếu không gặp bậc đại nhân mà đánh liều kiện hoài, thành ra gieo thân vào nguy hiểm, tượng là chân suông lội qua sông lớn kết quả chỉ là không hay 不利涉大川.

PHỤ CHÚ : Quẻ Tụng ở sau quẻ Nhu, nghĩa là những việc tranh tụng, tất gốc ở sự ăn uống mà sinh ra, nhỏ từ trong một nhà, rộng ra đến một nước, một xã-hội. một thế-giới gì gì bao nhiêu việc tranh nhau tất thảy gọi bằng tụng.

Năm 1914 trận Âu-chiến phát-sinh trải hơn bốn năm, kể số người tử thương, ở trong các nước giao chiến có đến ngoài mười triệu (10.000.000) người, mà sau khi chiến-sự xong rồi, các nhà học-giả điều tra nguyên-nhân sở dĩ phát sinh chiến họa, thời có một câu trả lời rất giản đan, rất thiết thiệt : chỉ có bốn chữ « Miến bao vấn đề 麵包問題 ». Nghĩa là chỉ vì tranh nhau cục bánh mì, mà sanh ra trận đại chiến đó thôi. Ừ có thế thực.

Nguyên đầu thế kỷ 20, trước khi đại-chiến toan phát sinh, chính sách Âu-châu tuyền khuynh-hướng về vấn đề kinh tế, là vấn-đề có ăn cho sống.

Trong hồi ấy, nhân số nước Đức đột tăng lên hơn bảy mươi triệu (70.000.000), mà thực-liệu trong nước cơ hồ chẳng đủ ăn. Thế phải gấp lo cầu đất thực dân với khuyếch-trương thương nghiệp ở thế-giới. Nhưng khốn nạn, vì Đức là nước hậu tấn,

bao nhiêu miếng đất qui hóa, giàu có trong thế giới, thảy bị những bọn tiên tiến là Anh, Pháp, Mỹ chiếm trước ráo muốn kiếm ăn trên mặt bể, thời hải-thượng bá quyền, lai bị Hồng Mao độc chiếm. Sau khi vua tội Đức khổ tâm hơn hai mươi năm, mới bùng ra một cuộc đại chiến, toan rằng ở trên mặt đại lục thời dành cùng Pháp, Ý ; còn mặt bể thời dành với Hồng-Mao may mà được thời « Miến bao vấn đề » của Đức giải quyết được xong. Nếu rủi mà thua, thời âu là chết vì đánh, còn hơn chết vì đói. Còn phương diện Anh, Pháp thời sợ một mai nước Đức độc bá, e bao nhiêu miếng ăn của mình nó cướp ráo, nên phải giùm sức cùng nhau kình với Đức.

Nói tóm lại, trận đệ-nhất Âu-chiến, tuy nổ đất rung trời, nhưng truy đến nguyên nhân thời cũng chẳng qua vì hai phương diện.

Một là phương diện thời chực cướp miếng ăn ; một phương diện thời lo giữ miếng ăn. Đó là nguyên-nhân của trận Âu-chiến,chỉ vì miếng ăn mà đến nỗi choảng nhau, máu chảy thành sông, xương chất nên núi, chỉ kết quả của «Miến bao vấn đề» mà thôi.

Thế thời thâm ý của Dịch, đã Nhu tất hữu tụng, thiệt thông thấu thế-sự nhân-tình lắm rư !

Ôi thôi ! Hiện thế giới từ nay về sau, mà « Miến bao vấn đề » còn chưa giải quyết xong, cứ lôi thôi như đầu hồi thế kỷ thứ 20, thời trận đại-chiến thứ hai e ảnh hưởng khắp cả thế giới, không thể nào tránh khỏi, hòa-bình gì, tài-binh gì gì, mà không giải quyết xong vấn-đề ăn, thời chỉ là nói troảng.

Nhu rồi Tụng, Tụng rồi Sư, chúng ta đọc Dịch. lại càng sinh vô số cảm-khái.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, tụng, thượng cương hạ hiểm ; hiểm nhi kiện tụng ; tụng, hữu phu trất dịch trung cát, cương lai nhi đắc trung dã ; chung hung tụng bất khả thành dã. Lỵ kiến đại nhân ; thượng trungchính dã. Bất lỵ thiệp đại xuyên, nhập vu uyên dã.

彖曰. 訟, 上剛下險. 險而健, 訟. 訟, 有孚, 窒, 惕, 中吉. 剛來而得中也. 終凶, 訟不可成也. 利見大人, 尚中正也, 不利涉大川, 入于淵也.

Soán viết, tụng, thượng cương hạ hiểm, hiểm nhi kiện tụng.

彖曰. 訟, 上剛下險. 險而健, 訟.

Đây là lấy đức quẻ thích danh nghĩa quẻ, quẻ trên Càn là thượng cương, quẻ dưới Khảm là hạ hiểm 上剛下險. (Cương, nghĩa là kiện). Một bên hiểm, một bên kiện, tất nhiên không chịu nhau, hoặc bề trong âm-hiểm, mà bề ngoài cương-kiện cũng chẳng khỏi tranh nhau 險而健, 訟. Đã tranh tất nhiên phải kiện, hoặc kiện bằng bút giấy, hoặc kiện bằng miệng lưỡi, hoặc kiện bằng binh đao, tổng chi là tụng, nên đặt tên quẻ bằng Tụng 訟.

Nhưng sở dĩ trí tụng, là vì hiểm nhi kiện, vì hiểm tất nhiên âm mưu, vì kiện tất cậy võ-lực, âm mưu với võ-lực đụng nhau, thời tất tranh được mới tha. Vì thế sinh ra tụng.

Nếu chỉ hiểm mà chẳng kiện, hoặc chỉ kiện mà chẳng hiểm thời chẳng bao giờ có tụng.

Tụng hữu phu, trất dịch, trung cát, Cương lại nhi đắc trung dã.

訟, 有孚, 窒, 惕, 中吉. 剛來而得中也.

Tụng đáng lẽ vẫn chẳng được cát, cớ sao soán-từ lại có chữ trung cát ?

Là vì chuyên chỉ vào Cửu-Nhị, Cửu-Nhị dương cương mà làm chủ cho tụng, lại ở giữa nội-quái là đắc trung. Cương mà đắc trung, thế là hữu phu, nhưng ở vào thì tụng, thế chẳng tránh khỏi tụng. Vì Nhị có đức trung, tất chẳng phải là hạng người lực-tụng đáo để, tụng đã có hơi thắng ý rồi, thời trung chỉ ngay. Thế là cát.

Chung hung, tụng bất khả thành dã.

終凶, 訟不可成也.

Trung cát là chỉ vào Cửu-Nhị, nhưng Thánh-nhân lại sợ những hạng người tụng, không được như Cửu-Nhị, nên lại có lời răn rằng : Chung hung, nghĩa là : tụng vẫn một việc, vạn bất đắc dĩ, nếu một mực kiện đáo để cuối cùng mới chịu thôi, thời tất không lợi ích gì đâu.

(Thành, nghĩa là : cùng tận).

Ly kiến đại nhân, thượng trung chính dã.

利見大人, 尚中正也.

Trên soán-từ bảo cho người ta tranh tụng, tất phải ly kiện đại nhân. Đại nhân là ai ? tức là Cửu-Ngũ.

Vì Cửu-Ngũ cư trung đắc chính, gồm có đức trung chính. Người thỉnh tụng mà được như thế, thời việc tụng mau xong, chúng ta ly kiến người ấy cốt sùng bái đức trung-chính mà thôi.

(Thượng, nghĩa là chuộng, cũng hàm ý là sùng bái).

Bất lợi thiệp đại xuyên, nhập vu uyên dã.

不利涉大川，入于淵也.

Soán-từ lại bảo người ta không nên thiệp đại xuyên, tức là răn cho những hạng người tranh tụng cố liều, không chờ tới kẻ đại nhân, mà gieo thân vào hạng tham-quan ô-lại 貪官污吏, không khác gì bơi suông qua sông lớn, chắc chẳng có gì hay 不利涉大川, chỉ sụp vào vực hẳm mà thôi 入于淵也.

(Uyên, nghĩa là vực sâu).

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên dự thủy vi hành, tụng quân-tử dĩ tác sự mưu thỉ.

象曰.天與水違行，訟.君子，以作事謀始.

TIMSACH.COM.VN

Quẻ nầy trên Càn dưới Khảm.

Cứ theo như tượng quẻ Càn là thiên. Khảm là thủy. Thiên thường xoay hướng về trên, nước thường chảy xuống dưới ; trên dưới không đi chung với nhau, ấy là thiên dự thủy vi hành 天與水違行.

(Vi, nghĩa là trái nhau, cũng nghĩa là cãi nhau.

(Hành, nghĩa là đi ; vi hành nghĩa là bất đồng đạo).

Đã bất đồng đạo tất nhiên tranh nhau, thế là tụng. Vậy nên đặt tên quẻ bằng Tụng.

Hễ lẽ thường trong thiên hạ, có kết-quả, tất trước có tạo-nhân. Kết-quả sinh ra tụng, tất tạo-nhân tự khi bắt đầu, gây múi chỉ có mảy may thường hay nảy nở ra tai-vạ lớn.

Tục-ngữ có câu : Cái trảy nảy ra cái ung, chính là lẽ ấy.

Quân-tử xem tượng quẻ Tụng, mới nghĩ ra phương pháp cho tuyệt tụng, thời nên : Hễ làm một việc tất phải hết sức cẩn thận, tính toan ở lúc đầu 利見大人, 尚中正也. múi kiện đã không gây ra, thời cái tai họa, bằng kiện nhau, tự nhiên tiêu diệt. Nếu không biết cẩn thận tính toan như lúc đầu, thời đến khi việc kiện đã nảy ra, muốn bổ cứu cũng không thể nào kịp nữa,

PHỤ CHÚ.— Tượng-truyện quẻ nầy, theo về mặt chữ chỉ nói việc tụng, nhưng thâm ý của thánh nhân, chẳng phải chuyên nói một việc tụng mà thôi. Hễ những việc họa hoạn ở trong thiên hạ, gia đình sở dĩ đến nỗi tan nát, vợ chồng sở dĩ đến nỗi lìa tan, bạn bầu sở dĩ đến nỗi thù nhau, lớn đến như quốc-tế điều-ước, sở dĩ gây nên nỗi chiến tranh, rất nhỏ nữa, như viết một hàng chữ, nhả một lời nói, thường đến nỗi gây ra họa văn-tự. Tổng chi, vì không biết nghĩa mưu thì đó thôi.

Kinh Thi có câu : Mỵ bất hửu sơ, tiển khắc hữu chung 靡不有初, 鮮克有終. Nghĩa là : thường tình người ta, không ai không có tốt ở khi đầu, chỉ ít hay tốt ở lúc cuối.

Lệ như : đầu siêng mà sau hay nhác đầu thân mà sau hay sơ, đầu lành mà sau hay dữ, đầu hay mà sau hay dở. Nghĩa hai câu ấy so với nghĩa quẻ Tụng, như hình trái nhau, mà kỳ thực thời bổ trợ cho nhau.

Bởi vì, nhân tình thường hay hửu thủy vô chung, như câu Kinh-Thi nói.

Chúng ta kết bạn dùng người, cũng nên thẩm thận ư lúc đầu như tượng quẻ Tụng.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG-TRUYỆN

1.— Sơ Lục, bất vĩnh sở sự, tiểu hữu ngôn, chung cát.

初六. 不永所事, 小有言, 終吉.

Hào nầy âm nhu mà ở Sơ, là ở đầu thì Tụng, vì hào âm nên tính chất nhu-nhược. Vì vị Sơ nên chưa phải là người đang cục mà Sơ lại thượng ứng với Cửu-Tứ là ở trên có thế dựa, Thánh-nhân sợ Sơ ỷ thế sinh sự, nên có lời răn rằng : tài chất như Sơ thiệt chẳng kiện được ai đâu, tuy Sơ có người ứng-viện ở trên, nhưng chỉ nên liệu tài tùy sức, mà cầu cho vô sự là hay, chớ lôi thôi dắt chuyện ra làm gì 不永所事. Nếu sơ được như thế, tuy có bị người chê cười chút đỉnh 小有言, mà kết quả được tốt 終吉.

(Cát, là tuyệt tụng, tức tranh).

Tượng viết, bất vĩnh sở sự, tụng bất khả trường dã : tuy tiểu hữu ngôn, kỳ biện minh dã.

象曰. 不永所事, 訟不可長也. 雖有言小, 其辨明也.

Việc tranh tụng chẳng phải là việc lành, chẳng nên kéo dài ra làm gì vậy 訟不可長也. Nên răn rằng : Bất vĩnh sở sự.

Nhưng mà Sơ được nhờ Cửu-Tứ là người cương minh, ứng viện với mình, nên tuy có bị người trách kiện chút đỉnh 雖有小言, mà kết quả lẽ khúc-trực được biện minh 其辨明也. Vậy nên chung cát.

2.— Cửu-Nhị, bất khắc tụng, quy nhi bô, kỳ ấp nhân, tam bạch hộ, vô sảnh.

九二, 不克訟, 歸而逋, 其邑人, 三百户, 无眚.

Quy, nghĩa là về; bô, nghĩa là trốn tránh; sảnh,

nghĩa là tội lỗi ; bất khắc tụng, nghĩa là không làm nên kiện, quy nhi bô, nghĩa là lui về mà trốn tránh : kỳ ấp nhân tam bách hộ, nghĩa là người trong xóm ấy chỉ có ba trăm nóc nhà ; vô sảnh, nghĩa là không tội lỗi.

Kể suốt sáu hào quẻ Tụng, hào nầy ứng với hào kia, là hai hào đứng vào một phe tụng. Tỷ như : Sơ với Tứ, nên Tứ biện minh cho Sơ. Hai hào mà không ứng với nhau được. Thế là chẳng ưa nhau, đã chẳng ưa nhau, tức là kiện nhau. Tỷ như : Cửu-Nhị với Cửu Ngũ, cứ theo về hào vị, thời Nhị với Ngũ vẫn là ứng nhau. Nhưng vì Nhị dương cương, Ngũ cũng dương cương, Ngũ cũng dương cương, đã không nhất âm nhất dương thời không thể ứng nhau được, chỉ là lưỡng cương tương địch, lưỡng dương tương đối, thành ra hình thế chống nhau, vì vậy mà Nhị muốn kiện với Ngũ.

Tuy nhiên, Nhị ở hạ quái, là phận vi nhân hạ, Ngũ ở thượng quái, là phận vi nhân thượng, người bậc dưới mà kiện với người bậc trên, theo về nghĩa lý, đã có hơi chẳng thuận, vả lại Ngũ là một bậc trung chính cư tôn, thiên hạ đương tín ngưỡng vào.

Cửu Nhị tuy dương cương, nhưng chẳng thể địch nổi thế là muốn kiện, mà chẳng làm song kiện. Như may thay ! Nhị vẫn cương-trung, là một người hiểu nghĩa lý, thức thì thế, tự xét mình không thể kiện nổi 不克訟. Nên tìm đường lui mà tránh trước 歸而逋. Tự xử vào địa vị thấp mọn, ấp mình ở chỉ số người ba trăm nóc nhà mà thôi 其邑人三百戶. Vì Nhị biết tự xử như thế, nên khỏi tội lỗi 无眚.

Tượng viết, bất khắc tụng qui bô, soán dã ; tự hạ tụng thượng, hoạn chí truyết dã.

象曰. 不克訟歸逋, 竄也. 自下訟上, 患至掇也.

Soán, nghĩa là : trốn tránh ; Truyết, N, là : vô lặt.

Hào-từ rằng : bất khắc tụng qui bô, là răn cho người ham kiện, hễ thấy nghĩa đã trái, thế lại khuất, thời trốn tránh là hay 不克訟歸逋, 竄也. Nếu không đạt đức lượng lực, tự mình ở phía dưới mà kiện người trên 自下訟上, thời chỉ là vô lặt lấy họa hoạn mà thôi 患至掇也.

PHỤ CHÚ.— Xem trên Soán truyện, hiểm nhi kiện tụng, Cửu Nhị đã Dương-cương lại ở vào thể Khảm, là đủ cả hiểm và kiện, vẫn là một tay hiếu-tụng, mà sở dĩ bất khắc tụng, là động-cơ tại Cửu-Ngũ, Cửu-Ngũ Dương-cương trung-chính lại ở ngôi tôn đức đã thịnh, thế lại lớn. Nếu-Nhị cố tụng liều, tất nhiên bị họa-hoạn lớn. Nhị biết thế qui bô.

Sách Tả-truyện có câu rằng : tri nan nhi thoái 知難而退, Nghĩa là: biết tình hình khó mà lui trước. Nhị nầy cũng như thế.

Sử ta ở đời Hậu Lê, Nguyễn với Trịnh dành nhau làm chúa vua Lê suy nhược muốn bênh Nguyễn mà bênh chẳng xong. Ý chúa Nguyễn muốn kình với Trịnh, mà thế lực Trịnh lúc ấy quá mạnh, nhân-tâm Bắc-kỳ lúc đó còn đương qui-phụ với Trịnh Chúa Nguyễn sai người tới hỏi mưu-kế với ông Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, ông tỏ ý nên truyền nhượng Bắc-hà cho Trịnh. Nhưng ông chẳng nói rõ, chỉ nói ý một câu : « Hoành sơn nhất đái, khả dĩ dung thân 橫山一帶, 可以容身 ». Ý là nói một giải đèo Ngang trở vào, có thể dung-thân được, chúa Nguyễn mới xin với Trịnh cho vào trấn ở đất Ô-châu, tức là Thuận-hóa ngày nay, đó chính là câu : bất khắc tụng, qui nhi bô ở hào nầy

Qui nghĩa là : thoái lui ; chẳng phải nhất định qui là về mà thôi.

3.— Lục Tam, thực cựu đức, trinh, lệ, chung cát. Hoặc tòng vương sự, vô thành.

六三. 食舊德, 貞, 厲, 終吉. 或從王事, 无成.

Lục Âm-nhu, ở vị Tam là địa vị Dương-cương, tính chất đã Âm-nhu lại ở vị bất chính đáng, là không thể kiện với ai được.

Lục-Tam biết thế, nên an thường thủ phận, ăn nhờ ở đức trạch thuở xưa của mình 食舊德. Nhưng vì ở về thì đại Tụng, tuy mình không kiện ai, mà thường lo có ai kiện mình, nên lại phải giữ lòng trinh chính 貞, mà thường thường để lòng lo sợ 厲. Như thế thời kết quả chắc được lành. 終吉.

PHỤ-CHÚ.— Lục-Tam vẫn một hạng người chẳng ham kiện, nên được chung cát, nhưng hào-từ còn có chữ lệ là cớ sao ?

Vì địa-vị Tam ở trên hết khảm hiểm, mà lại dưới có Cửu-Nhị, trên có Cửu-Tứ, chung quanh rặt là bầy dương cương hí tụng, nên Tam phải ngày đêm lo sợ, hành lự khốn tâm 衡慮困心, mới chống nổi hoàn-cảnh. Vậy nên hào-từ đã có chữ trinh, lại có chữ lệ.

Vậy mới biết hoàn-cảnh bất lương, là khốn nạn cho người đời nhiều lắm.

Hoặc tòng vương sự vô thành. Hào-từ này lại thêm một nghĩa nữa, vì hào nầy tính chẳng ham kiện, nhưng vì chính ứng của Tam là Thượng-Cửu, là người dương cương hí tụng,

e có lúc Thượng-Cửu đứng ra kiện, mà bắt buộc Lục-Tam phải theo hùa. Nên lại có lời răn rằng : Nếu chẳng may mà có lúc chẳng được ngồi an, ra đi theo làm việc với kẻ trên, thời cũng chẳng nên chuốc lấy thành công.

Hoặc là lời giả định, chẳng phải nhất định có. Chữ vương nầy là chỉ người trên mình, chứ chẳng phải nhất định vương là vua, hào-từ thêm câu nầy là muốn cho người ta, hễ xử vào địa vị Lục-Tam, chỉ nên thủ thường là hay,

Tượng viết, thực cựu đức, tòng thượng, cát dã.

象曰. 食舊德, 從上, 吉也.

Lục-Tam vẫn chẳng phải là người hay kiện, chỉ phục tùng với người trên vậy 從上.

Bại đành chẳng can hệ đến mình, mà thành nữa cũng chẳng công cán đến mình, chỉ duy giữ bổn phận cũ của mình. Thế là thực cựu đức mà được cát.

PHỤ-CHÚ.— Sách Văn-tuyển có câu ; Sĩ thực cựu đức chi tính thị 文選有句云, 士食舊德之姓氏.

Lấy câu ấy là thích nghĩa chữ Cựu đức đây thật là đúng lắm.

Lệ như : Sản nghiệp sẵn của cha ông, hoặc nhờ phúc ấm của cha ông, như họ Đức-xuyên của nước Nhật-bản, đời đời được tập công-tước 襲公爵. Như giòng dõi họ Khổng ở nước Trung-hoa, đời đời được làm Diễn-thánh-công 衍聖公. Những hạng người ấy, chỉ là nhờ công đức của người xưa mà giữa bản thân không sự nghiệp gì lạ, ấy là thực cựu đức.

4.— Cửu-Tứ, bất khắc tụng, phục tức mệnh, du an trinh cát.

九四, 不克訟, 復即命, 渝安貞吉.

Cửu là dương cương ở thể Càn là tính kiện, ở Tứ là âm vị, bất trung bất chính, đã cương kiện lại bất trung chính là một tay hăng kiện. Nhưng vì hoàn-cảnh Tứ trên bị Ngũ đè ép, mà Ngũ lại trung chính cư tôn, đức thịnh vị cao Tứ chẳng dám kiện, dưới Tứ là Lục-Tam, lại người nhu thuận, sợ Tứ mà không dám kiện với Tứ, còn Sơ là chính ứng với Tứ vẫn đồng một phe với Tứ ngó xung quanh không biết kiện với ai. Duy Cửu Nhị cũng dương cương như Tứ, e có lẽ kiện với Tứ chăng ? Chẳng dè Cửu-Nhị rất khôn, Nhị đã trước tự liệu bắt khắc tụng. Tứ nầy vì đức cương nên minh, cũng có trí biết thẩm thì đạt thế, ngó tình hình hoàn-cảnh biết không thể kiện với ai, âu là cũng học Cửu-Nhị, mà bất khắc tụng.

Bất khắc tụng, nghĩa là : chẳng làm nên việc kiện. Lúc bây giờ bình tâm hạ khí, lặng nghe mệnh trời 復即命. Mệnh nghĩa là : đạo lý phải mà trời phú cho.

Thánh-nhân thấy Tứ biết đổi lòng theo lẽ phải như thế, mới tán cho rằng : Du yên trinh 渝安貞. Du, nghĩa là biến đổi ; yên trinh, nghĩa là yên xử ở lẽ chính ; Du yên trinh, nghĩa là biến hóa được khí chất mình, mà an theo về đạo lý chính. Như thế thời kết quả được tốt lành 吉.

Tượng viết, phục tức mệnh, du an trinh, bất thất dã.
象曰. 復即命, 渝安貞, 不失也.

Hào-từ nầy có câu : Phục tức mệnh, du, an trinh, là bảo cho người ta xử địa-vị hào nầy, tức phải thuận nghe mệnh trời, biến đổi tính xấu mình, mà an giữ lấy đạo lý chính, thời chẳng đến nỗi thất bại vậy ?

5.— Cửu-Ngũ, tụng, nguyên cát.
九五. 訟, 元吉.

Cửu là hào dương, Ngũ là vị dương.

Ngũ lại ở giữa thượng-quái là đắc trung. Thế là dương cương trung chính mà ở vị chí tôn, tượng là người Nguyên-thủ trong một nước, lấy một người có đức ấy, tài ấy, ở vị ấy, chính là một người thính-tụng rất công-bình, rất minh đoán mà lại kiêm có quyền trì tụng. Thiên hạ ở đời tụng mà gặp người thính tụng như thế, thời tất thảy người oan ức, được soi dọi ở dưới bóng mặt trời tất thảy người thiện lương được an truyền ở trong khuôn phú tái, hạnh phúc biết chừng nào !

Nên hào-từ rằng : Tụng, nguyên cát.

Nguyên, là lớn ; cát là tốt lành ; nguyên cát nghĩa là : tốt lành lớn nhất ở trong thời-đại tụng. Câu nầy giải được hai nghĩa.

Một là : hễ người thính tụng mà có tài cương minh, đức trung chính thời được nguyên cát. Hai là : hễ người đi kiện, mà gặp được bậc đại-nhân như Cửu-Ngũ xử đoán cho, thời người ấy được nguyên cát.

Nói tóm lại, ở thời đại tụng, mà gặp được bậc đại-nhân như Cửu-Ngũ thời trên dưới thảy được Nguyên cát. Trên soán-từ đã có câu : Lợi kiến đại nhân, đại nhân chính là hào nầy.

Tượng viết, tụng nguyên cát, dĩ trung chính dã.

象曰. 訟元吉, 以中正也.

Tụng vẫn là việc không tốt, mà cớ sao hào-từ lại nói nguyên cát, chỉ vì Cửu-Ngũ có đức trung chính mà thôi vậy.

Ở vào thời-đại tụng, là phe nào cũng tranh phần phải, thị phi hắc bách rất hỗn hào. Duy có người trung chính xử đoán bằng một cách trung-chính mới hay. Trung thời chẳng thiên lệch về phía nào, chính thời chẳng gian dối với tư tình.

Thính đoán được công bình, thời trong thiên hạ ai nấy cũng thỏa thiếp 妥帖. Sở dĩ được nguyên cát.

Xưa đời nhà Tống có ông Bao Long Đồ 包龍圖 xử kiện rất công minh, bao nhiêu án ngục oan khuất, đến tay ông thời tức khắc giải phẩu ngay. Lúc đó trong thiên hạ có câu : Bao - Công nhất tiếu Hoàng hà thanh 包公笑黃河清. Nghĩa là : được một tiếng cười của ông cũng vui vẽ bằng gặp dịp, ông Hoàng-hà trong. Bởi vì, sông Hoàng-hà là sông nước đục, mỗi năm trăm năm mới trong một lần, thời khi ấy có bậc Thánh-nhân sinh. Tục-ngữ Tàu có câu : Hoàng-hà thanh Thánh-nhân sinh 黃河清聖人生. Lại có câu : Quan tiết bất đáo, diêm la bao lão 關節不到. 閻羅包老. Nghĩa là : những phường gian ác, sợ ông như Diêm-la-vương. Vì ông quá thanh-liêm không lẽ đút lót tới cửa Ông. (Quan tiết : nghĩa là đường trộ đút lót, ông ấy chính là Cửu-Ngũ quẻ Tụng.

6.— Thượng Cửu, hoặc tích chi bàn đái, chung triệu tam trị chi.

上九. 或錫之鞶帶, 終朝三褫之.

Tích nghĩa là : ban cho ; bàn đái, nghĩa là : dây đai của người quan chức ; chung triên, nghĩa là : trót một buổi mai ; trị, nghĩa là ; cướp lột.

Thượng-Cửu vẫn là dương cương, lại ở cuối thể Cản, là cương kiện chi cực, vả ở cuối cùng quẻ Tụng, tượng là một người thích kiện từ đầu đến cuối. Thánh-nhân ghét những hạng người ấy, nên có lời mắng rằng : Thượng-Cửu là dương

hào cư âm-vị, bản thân đã bất chính, dầu có sức kiện mà kiện được hơn, họa đôi khi nhờ kiện mà được ân thưởng 錫之鞶帶.

Nhưng ác-nhân chẳng bao giờ có thiện quả. Những đồ ân thưởng mà người ta cho anh đó cũng chẳng qua chốc được, chốc mất, chốc vào tay, chốc bể đồ đó thôi, tượng như dầu có người cho mình bàn đái, nhưng chỉ một buổi mai 終朝 mà đã bị ba lần bóc lột 三褫之.

Hào nầy thí dụ như người đời bây giờ.

Làm những việc vô đạo Nghĩa, bất chính đáng, cũng có khi được mề-đay, kim-khánh, nhưng kết quả cũng như đồ bàn đái hào nầy vậy thôi, ý Thánh-nhân rất ghét hạng người lấy độc ác làm công, xem tượng truyện lại càng minh bạch.

Tượng viết, dĩ tụng thụ phục, diệt bất túc kính dã.

象曰.以訟受服,亦不足敬也.

Hào nầy ở cuối cùng quẻ Tụng, là một hạng người chỉ làm ăn bằng nghề tranh tụng, Thánh-nhân quá ghét nên nói rằng : lấy nghề kiện làm sinh nhai, là hạng người đáng rất vô luận thua kiện vẫn chẳng ra gì, hoặc nhờ kiện được mà chức phẩm-phục 以訟受服 cũng chẳng gì đáng kính trọng vậy 亦不足敬也.

Sách Mạnh-Tử có câu : Triệu-Mạnh chi sở qui, Triệu-Mạnh năng tiện chi 趙孟之所貴,趙孟能賤之.

Nghĩa là : làm qui cho anh mà chỉ nhờ thế lực của Triệu-Mạnh, thời Triệu-Mạnh tất cũng làm tiện được anh.

Tức như đồ bàn đái người ta cho, thời người ta cũng cướp lại được, có gì đáng quí đâu.

PHỤ-CHÚ.— Đọc suốt từ đầu đến cuối quẻ Tụng, chỉ tóm vào đạo-lý hai chữ chung hung ở soán-từ, nghĩa là : kiết cục việc kiện chỉ có xấu mà thôi. Vậy nên trong sáu hào, hào Sơ hào Tam chẳng kiện với ai, thời được chữ chung cát ; hào Nhị vẫn muốn kiện mà biết thôi kiện, thời được chữ vô sảnh. Hào Tứ vẫn có sức kiện, mà biết nín nhịn theo việc lành, thời được chữ Cát.

Hào-Thượng chính là tay lực-tụng, thời mắc lấy sỉ nhục, bằng bị lột mất dây đai.

Xem thâm-ý Thánh-nhân, chỉ cốt ngăn đe việc tranh-tụng. Tuy nhiên, quẻ Tụng nầy tiếp ở sau quẻ Nhu là vì ẩm thực mà sinh ra tranh nhau, là sự thế tất nhiên ở trong loài người, muốn khiến cho vô Tụng, thiệt là khó lắm. Nên những kẻ hữu tâm nhân-đạo, đã không thể khiến cho vô Tụng được, thời chỉ trông mong có một Tòa-Án công bình, mà người Chủ-tịch Tòa-Án ấy là ai ? Tất là bậc đại-nhân như hào Cửu-Ngũ. Nên hào-từ Cửu-Ngũ có chữ nguyên cát. Nhân sở dĩ được nguyên cát, là vì có Tòa-Án trung chính.

Tùng lai, nhân dân khốn khổ ở đời tụng, đau đớn biết chừng nào, mà tìm đến nguyên-nhân thảm-họa, thời chỉ vì Tòa-Án bất trung chính, huống gì những người chủ trì trong Tòa-Án, lại bất trung chính thêm.

Đã bất truug, tất nhiên thiên vị mặt cường quyền, đã bất chính thời chẳng hay trong công lý, thảo gì những bọn kiếm ăn như Thượng-Cửu thời lại được bàn đái luôn luôn.

Ôi thôi ! biết bao giờ mặt trời ra, mà mây mù rảnh, sấm xuân dậy mà quỉ vị 鬼魅 tan. giữa thế giới tranh Tụng nầy, hiện ra một Tòa-Án trung-chính, với có một vị đại-nhân trung thinh, sẽ chủ trì lấy Tòa-Án ấy, khiến cho hạng người lương thiện vô cô 良善无辜, khỏi chết oan giữa tay hiểm kiện. Lòng trời nếu đoái thương nhân-loại, họa có một ngài chăng!

oOo

TIMSACH.COM.VN

地水師

水地比

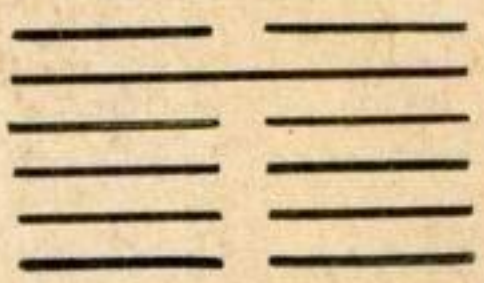

TIMSACH.COM.VN

風天小畜

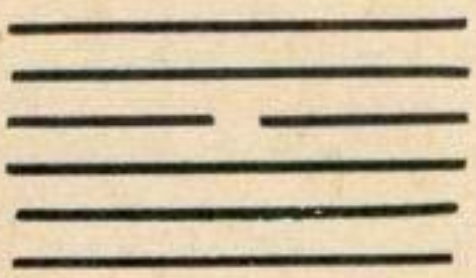

天澤履

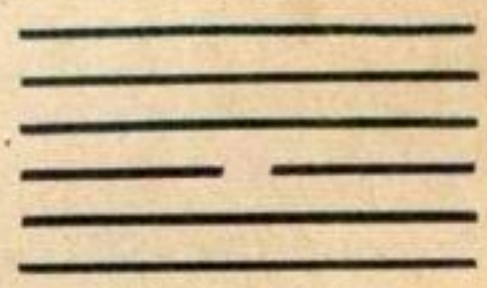

VII.— QUẺ ĐỊA-THỦY-SƯ

地水師

Quẻ nầy là quẻ Địa-Thủy-Sư. Khảm dưới cũng là Nội-Khảm. Khôn trên cũng là Ngoại-Khôn. Khôn tượng địa, Khảm tượng thủy. Nên tên quẻ đọc bằng Địa-Thủy-Sư.

坤 坎
上 下
外 內
坤 坎

TỰ QUÁI

Tự quái, tụng tất hữu chúng khởi, cố thụ chi dĩ Sư, Sư giả chúng dã

序卦，訟必有衆起，故受之以師，師者衆也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tụng tiếp lấy quẻ Sư, là vì cớ sao ?

Tụng nghĩa là tranh nhau, hễ tranh nhau tất nhiên có phe, phe tất nhiên có chúng khởi 訟必有衆起. Nhỏ từ bộ-lạc với bộ lạc tranh nhau lớn đến một nước với một nước tranh nhau. Hễ đã tranh nhau tất nhiên liên-hiệp số đông người lại làm một chúng. Vậy nên sau quẻ Tụng tiếp lấy quẻ sư 故受之以師.

Sư nghĩa là chúng, cũng nghĩa là quân lính 師者衆也.

Theo như hai thể quẻ nầy, Khôn thượng là địa, Khảm hạ là thủy, ở giữa đất có nước nhóm, tượng là quần chúng nhóm họp.

Lại theo về đức quẻ, Nội-quái Khảm là hiểm, Ngoại-quái Khôn là thuận, giữa đường hiểm mà đi bằng cách thuận, tượng là đem quân đi đánh giặc.

Tuyền quẻ năm hào Âm, một hào Dương, một Dương thông suốt năm Âm, tượng là một tướng thông suốt tuyền quân Vậy nên đặt tên quẻ bằng Sư.

SOÁN TỪ

Sư, trinh, tượng nhân cát, vô cựu.

師, 貞, 丈人吉. 无咎.

Sư nghĩa là quân, cũng nghĩa là chúng, quẻ nầy Ngoại-Khôn có tính thuận, Nội Khảm có tính hiểm. Thuận thời an ; hiểm thời bất trắc. Việc trong thiên hạ đương hồi yên lặng, mà vẫn nấp cơ bất trắc, chẳng gì hơn việc binh.

Vì giữa lúc yên-lặng mà có cơ bất-trắc. Vậy khi xuất sư động chúng, trước phải giữ đạo chính 師貞.

Nếu xuất sư mà chẳng phải chính đạo, thời cơ bất trắc, thời nảy ra họa-hoạn lớn. Vậy nên xuất sư, cốt phải giữ chữ trinh.

Binh-thư có câu : Binh xuất vô danh, sự cố bất thành 兵出無名, 事故不成.

Đạo lý bất chính đáng tức là vô danh, muốn cho hữu danh tất phải chính đáng,

Tuy nhiên, xuất sư vẫn chính, mà thông tướng bất đắc kỳ nhân, thời chẳng giá ngự được quần-chúng, kết quả tất nhiên chẳng lành.

Vậy tất phải có một vị Tướng-Suý, tài đức cao, danh-vọng trọng, trí mưu đủ, tam-quân trông thấy mà uy-phục, người ấy gọi bằng tượng, nhân 丈 人.

Tượng nhân : Nghĩa là bậc tôn nghiêm : quẻ nầy duy Cửu-Nhị đắc trung mà có tài dương-cương, trên dưới năm hào Âm, tất phải phục tòng Cửu-nhị, ấy chính là tượng nhân. Xuất sư đã chính, mà lại được tượng-nhân làm Tướng, tất nhiên dẹp được giặc, an được nước. Như thế là cát vô cựu, 吉, 无 咎.

PHỤ CHÚ : Chữ Cát ở mọi nơi, thường chỉ nói về kết-quả, duy chữ Cát ở chốn nầy, lại kiêm cả tạo nhân với kết-quả.

Bởi vì, binh hung. chiến nguy, chẳng bao giờ giết người đổ máu mà bảo rằng tốt lành được.

Duy trong lúc hành-binh mà từ đầu đến cuối, mục đích cốt trừ bạo an dân, dầu đến lúc dẹp giặc xong, mà cũng chẳng dám lấy làm vui vẻ, được như thế, mới chuyển hung vi cát, mới là cát mà vô cựu.

Vô cựu, nghĩa là : may khỏi tội lỗi là hạnh phúc lắm rồi ; chẳng phải thấy cát mà nhận là hạnh phúc.

SOÁN-TRUYỆN

Soán viết, sư, chúng dã, trinh, chính dã ; năng dĩ chúng chính, khả dĩ Vượng hỷ. Cương trung nhi ứng, hành hiểm nhi thuận. Dĩ thử độc thiên hạ, nhi dân tòng chi, cát, hựu hà cựu hỷ.

彖曰，師，衆也，貞正也．能以衆正，可以王矣．剛中而應，行險而順，以此毒天下．而民從之，吉，又何咎矣．

Soán viết, sư, chúng dã ; trinh chính dã, năng dĩ chúng chính khả di vượng hỷ.

彖曰，師，衆也，貞正也，能以衆正，可以王矣．

Sư, nghĩa là chúng ; trinh nghĩa là chính ; hay đem chúng nhân đi vào lối chính, thời có thể làm nên nghiệp vương vậy.

Chữ dĩ đây như Chữ dĩ ở sách Tả-truyện : Năng tả hữu chi viết dĩ 能左右之，曰以．nghĩa là hay sai sử được nó, bảo nó tả, nó tả ; bảo nó hữu, nó hữu : ấy gọi bằng dĩ.

Vì quẻ này chỉ nhất Dương ở hạ-quái, tuyền quẻ năm âm thảy nghe theo, ấy là một dương tả hữu năm âm, lại được vào đường chính. Thế là khả dĩ vượng hỷ, chữ **Vượng** đọc bằng **Vượng** là động-từ **Vượng** nghĩa là thống trị được thiên-hạ.

Cương trung nhi ứng, hành hiểm nhi thuận.

剛中而應，行險而順．

Đây là lấy Nhị-Ngũ mà thích lời quẻ, cương trung là nói Cửu-Nhị, xử vị trung là được đạo trung : ứng là nói Cửu Nhị ; chính ứng với Lục-Ngũ ; tượng như Chính-phủ tín nhiệm một ông Tướng 剛中而應．

Lại thể quẻ, nội-khảm là hiểm Ngoại Khôn là thuận, đi giữa đường hiểm mà cứ thản thuận được, ấy là nhân nghĩa chi binh 行險而順．

PHỤ CHÚ : Hai câu tiết này, là thích chữ trinh cát, nhưng chú trọng vào hai chữ Cương Trung. Bởi vì, không tài cương

minh, thời chúng chẳng úy phục. Nếu cương thái quá thời hay đến nỗi nghiêm bạo, chúng chẳng vui theo, duy cương mà đắc trung ; mới đúng tài làm tướng, chính như sách Tôn-Tử nói : người làm tướng tất phải nghiêm dũng, mà lại cốt nhất là có nhân, chính là ý ấy.

Dĩ thử độc thiên hạ, nhi dân tòng chi, cát, hựu hà cựu hỷ.
以此毒天下, 而民從之. 吉, 又何咎矣.

Đây là lấy thể quẻ, đức quẻ thích nghĩa câu : trượng nhân cát, vô cựu ở Soán từ. Vì sao mà được cát, vô cựu.

Xưa có câu : Sư chi sở chí, kinh cực sinh yên 師之所至, 荊棘生焉. Nghĩa là : quân lính đi tới đâu, thời chông-gai nảy ra đấy.

Duy gặp được bậc trượng-nhân như Cửu-Nhị quẻ Sư, thời hành sư mà vẫn theo đường nhân nghĩa, dầu trong chốn rừng sang mưa đạn, vẫn chẳng khỏi độc hại đến thiên hạ 以此毒天下. Nhưng mà dân cứ vui theo 而民從之, tất nhiên được cát 吉, lại không tội lỗi gì 又何咎矣.

Ngày xưa vua Thang đi đánh phương đông, thời dân phương tây oán, đi đánh phương nam thời dân phương bắc oán, rằng : cớ sao vua không trước đánh ở nước ta, chính là nghĩa câu ấy.

Thầy Mạnh bảo vua Tề-Tuyên-Vương đánh nước Yên, mà răn vua Tề rằng : tru kỳ quân điếu kỳ dân, tắc yêu dân duyệt 誅其君, 弔其民, 則燕民悅. Nghĩa là : giết vua bạo cho nó, thăm hỏi cực khổ cho dân nó, thời dân nó đều vui lòng theo với mình, chính như nghĩa Soán truyện.

PHỤ CHÚ : Chữ độc rất có ý vị, dụng binh cũng như dụng dược (Dược nghĩa là thuốc). Ở trong thuốc vẫn có vị thuốc

độc, binh cũng là một giống thuốc độc, vì gấp trừ bệnh nên phải dùng thuốc độc, vì gấp trừ loạn, nên phải dùng đến binh.

Nếu chẳng phải bệnh đáng công, mà dụng thuốc độc, tẻ ra dụng phụ-tử phê sương 附子砒霜 làm thuốc bổ, thời tai hại rất lớn. Dụng binh mà chỉ một mực tàn hại dân, cũng mắc vào tệ ấy. Hễ những ai có đạn trái-phá, súng cối-xay, có biết nghĩ đến câu nầy không ?

ĐẠI TƯỢNG-TRUYỆN

Tượng viết, địa trung hữu thủy, sư; quân tử dĩ dung dân súc chúng.

象曰, 地中有水, 師, 君子, 以容民畜衆,

Tượng truyện đây lại lấy chữ Sư bằng nghĩa rộng, chỉ nói sư là chúng, mà chẳng nói sư là quân.

Xem các nước văn-minh đời nay, làm phép trưng binh, hễ người trong nước, khi vô sự ở nhà là dân, khi hữu sự trưng tập 徵集 vào dinh, là binh; mà đời Thượng-cổ nước Trung-hoa cũng như thế, khi ở nhà thời **Tỷ, Lư, Tộc, Đảng**, 比, 閭, 族, 黨. Khi trưng binh thời **Tốt, Ngũ, Lử, Quân** 卒, 伍, 旅, 軍. Binh tức dân, dân tức binh. Vậy nên giảng nghĩa sư là chúng, bao bọc được nghĩa sư là quân. Đại-tượng muốn phát-minh nghĩa ấy, nên rằng : Trong đất chứa được nước nhiều 地中有水, là tượng quẻ Sư 師.

Quân-tử xem tượng ấy, thời học chước lấy độ lượng Khôn, mà thu-dung lấy dân, súc tụ lấy chúng 君子, 以容民畜衆.

Bao nhiêu người ở dưới quyền thống-trị, tất thảy khiến

cho hửu giáo hửu Dưởng, ai nấy cũng được lạc nghiệp an cư ; cũng tượng như lòng đất, dung trữ hết thảy nước; nghĩa tượng-truyện như thế, tuy chỉ nghĩa sư là dân chúng.

Nhưng dân chúng ở lúc thường, tức là binh lính, ở lúc hữu sự, không trái với nghĩa chữ sư là quân.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG-TRUYỆN

1.—Sơ Lục, sư xuất dỉ luật, phủ, tàng, hung.

初六. 師出以律, 否, 臧, 凶.

Hào-từ cả sáu hào, tuyền lấy nghĩa bằng sư là quân, nên chỉ phát-minh phương pháp hành sư.

Sơ-Lục ở đầu hết quẻ, chính là lúc bắt đầu xuất-sư. Nên hào từ nói rằng : Hễ hành binh tất phải cẩn thận từ lúc đầu.

Một là : Xuất sư tất phải có danh nghĩa. Hai là : ở trong quân phải có hiệu lệnh tiết chế, như thế là sư xuất dỉ luật, mới đúng với phép hành sư, là cát 師出以律. Trái lại, quân đi mà không pháp luật, ấy là phủ tàng, đã phủ tàng tất nhiên hung 否臧凶.

Phủ, như nghĩa chữ bất. Tàng, như nghĩa chữ thiện. Phủ tàng, nghĩa là chẳng lành.

Tượng viết, sư xuất dỉ luật, thất luật, hung dã.

象曰. 師出以律, 失律, 凶也.

Quân đi ra phải có kỷ-luật 師出以律. Nếu mất kỷ-luật 失律, thời phủ tàng, mà hung 凶也. Chữ thất luật ở tượng truyện, là thay chữ phủ tàng ở hào từ,

2.— Cửu-Nhị, tại sư trung, cát, vô cựu, vương tam tích mạng.

九二, 在師中, 吉, 无咎, 王三錫命.

Cửu-Nhị là một hào dương ở trong quẻ, tất cả năm hào âm thảy thính thuận với một hào dương, tượng là ông Thống-súy ở trong quân lữ. Vả lại, Lục-Ngũ cư tôn, làm chính ứng cho Cửu-Nhị, tượng là người Nguyên-thủ một nước, giao toàn quyền nguyên súy cho Cửu-Nhị. Cửu nhị dương cương đắc trung, xứng chức Nguyên-súy, mà lại được Lục-Ngũ uy quyền chuyên chế ở trong quân 在師中. Thế là Chủ súy đắc nhân, mà trên dưới tín phục, thời kết quả chắc cũng dẹp được giặc, an được dân, tốt lành mà chẳng tội lỗi 吉, 无咎.

Chủ Súy đem quân đi, hết nghĩa vụ được như thế, đã vi sở đang vi, thời được hưởng quyền lợi sở đang đắc. Vậy nên bậc Nguyên thủ trong nước phải hết lòng ưu lễ 優禮, ban phát mệnh lệnh tưởng thưởng đến ba lần 王三錫命.

Chữ tam tích, chỉ nói lệ số trùng điệp, chẳng hạn định tam là ba. Tục Ngữ có câu : lệ bất quá tam. Lại như các sách kinh truyện có chữ tam ấp, tam nhượng, tam cúc cung 三揖, 三讓. 三鞠躬, thường có ý lấy đến tam là nhiều nhất, cũng nghĩa như chữ tam ở hào nầy.

PHỤ CHÚ : Lời đoán thường hay trước vô cựu, mà sau mới cát, hoặc đã cát, thời không nói vô cựu. Duy soán-từ hào-từ quẻ Sư, thảy trước cát, mà sau vô cựu, là ý đặc biệt của Thánh nhân. Bởi vì, việc dụng binh là việc vạn bất đắc dĩ, vả lại tính mệnh của dân chúng, vận mệnh của nhà nước, tất thảy gởi vào trong tay Nguyên súy, trách nhiệm quá chừng

nặng, nghĩa vụ quá chừng lớn. Nếu chẳng thành công, tức là tội lỗi. Vậy nên, tất phải cát, mới được vô cựu.

Cát, nghĩa là thành công, duy việc hành sư mới như thế. Còn như các việc khác thời phần nhiều giữ được khỏi tội lỗi, tức là cát. Nên rằng : vô cựu, cát.

Tượng viết, tại sư trung cát, thừa thiên sủng dã, vương tam tích mệnh, hoài vạn bang dã.

象曰. 在師中, 吉, 承天寵也. 王三錫命, 懷萬邦也.

Tượng truyện lại bổ thêm ý nghĩa hào từ, rằng : Việc binh là việc giết người, mà mục đích cốt ở cứu người, có đánh đổ dân tặc, mới thừa thuận được đạo trời. Sở dĩ nói tại Sư trung cát, chính vì Cửu-Nhị trừ được bạo, an được dân, thuận được lòng trời, mà trời tin yêu vậy 承天寵也.

Sủng, nghĩa là tin yêu ; Vương tam tích mệnh, chẳng phải nguyên-thủ chỉ làm ơn riêng cho Nguyên-súy. Vì Nguyên-súy đem một thân mà gánh việc an nguy cả một nước, bây giờ ưu thưởng một người ấy, chính là ưu thưởng cả vạn bang đó vậy.

Vậy nên bao-tưởng 褒奬 cho nguyên-súy 王三錫命, 懷萬邦也.

PHỤ-CHÚ.- Hễ trong Dịch thường có chữ : thiên tử, vương-hầu, công-hầu, quân, chẳng qua khi Thánh-nhân làm sách còn ở đời chế-độ phong-kiến, nên phải dùng những danh-từ ấy.

Chúng ta ở đời bây giờ đã không chế-độ phong-kiến, thời những danh-từ ấy bất thích dụng. Chúng ta nên hiểu ý của Thánh-nhân, chớ câu nệ ở mặt chữ. Giá như : đổi làm chữ nguyên-thủ, chữ Tổng-Thống hay chữ Lĩnh-tụ v.v. e cũng thông.

Thầy Mạnh dạy cho ta đọc sách có câu : bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại chí 不以文害辭,不以辭害志 Nghĩa là : chớ câu nệ ở chữ, mà làm hỏng mất lời của Thánh-nhân, chớ câu nệ ở lời nói, mà làm hỏng mất chí của Thánh-nhân, chúng ta học Dịch cũng nên hiểu ý ấy.

3.— Lục Tam, sư, hoặc dư thi, hung.

六三. 師, 或輿尸, 凶.

Lục là hào âm, mà ở Tam là vị Dương, là bất chính lại bất trung, nhưng ở trên hết nội-quái, cũng có tượng làm Tướng ở trong một đám quân. Vì tài Tam nhu-nhược, lại bất trung-chính, mà dám đảm nhậm lấy chức cầm quân 師, thời chẳng những đã không nên việc gì, mà e có lẽ bị thất bại lớn nữa kia, thậm đến nỗi tướng thua quân đổ chở thây mà về 或輿尸. (Dư, nghĩa là xe, cũng nghĩa là chở ; Thi, nghĩa là thây xác).

Quân đến nỗi dư thi, là xấu lắm 凶.

Tượng viết, sư, hoặc dư thi, đại vô công dã.

象曰. 師, 或輿尸, 大无功也.

Lục Tam là người rất bất tài, nếu đem ra hành sư, tất đại bại vô công vậy.

4.— Lục Tứ, sư, tả thứ, vô cựu.

六四, 師, 左次, 无咎.

Lục-Tứ âm hào ở âm vị, tuy bất trung, nhưng đắc chính; đem Tứ ra cầm quân, vẫn chẳng đủ tài tiến, thủ, nhưng cũng biết liệu chừng mà lui, chẳng đến nỗi hao quân tổn tướng, tượng là: Sư tả thứ, thời vô cựu. Chữ thứ đây, nghĩa như chữ thứ ở sách Xuân Thu : « Sư thứ vu Thiệu lăng 師次于邵陵,

Nghĩa là : quân lui đóng ở đất Thiệu lăng. Tả, nghĩa : phía sau. Theo như nghĩa ở nơi khác, thời tiền tả là phía trước, hậu hữu là phía sau.

Bát trận đồ của ông Khổng Minh : Thiên tiền xung, địa tiền xung 天 前 衝, 地 前 衝 ở về phía hữu, thiên hậu xung, địa hậu xung 天 後 衝, 地 後 衝 ở về phía tả. Tả thứ, nghĩa là lui về phía sau, liệu sức mình nên lui mà lui, cũng là vô cựu.

Binh-thư có câu : Dĩ thoái vi tiến 以 退 爲 進. Nghĩa là : giữ thực lực cho an tuyền, cũng là một chiến thuật, chứ không phải thoái là khiếp nhược, xem tượng truyện càng rõ.

Tượng viết, tả thứ, vô cựu, vị thất thường dã.

象 曰, 左 次, 无 咎, 未 失 常 也.

Tả thứ vô cựu, không đến nỗi trái mất đạo thường ở trong việc binh 左 次 无 咎 未 失 常 也. Binh-thư có câu : cường tắc tỵ chi 強 則 避 之. Nghĩa là : thế giặc cường hơn mình, thời mình liệu cách tránh nó, chính như nghĩa hào nầy.

5.— Lục Ngũ, điền hữu cầm, lỵ chấp ngôn, vô cựu, trưởng tử suất sư, đệ tử : dư thi, trinh, hung.

六 五. 田 有 禽, 利 執 言, 无 咎. 長 子 帥 師. 弟 子. 輿 尸. 貞 凶.

Điền : ở ruộng; Cầm : những loài thú ở rừng ; Chấp : bắt sống.

Lục-Ngũ ở địa-vị chí tôn trong quẻ, là người có quyền khiển tướng suất sư.

Nhưng vì đức tính hào Ngũ là nhu thuận mà đắc trung, nên không quá hăng việc chinh chiến. Duy chờ có khi nào

giặc ngoài phạm biên cảnh mình, hoặc là nước nọ khiêu chiến với nước mình, thời vì cớ phải ứng địch nên đánh với nó mà thôi. Tượng như giữa đồng ruộng mà có giống cầm rừng về, thời bắt ngay 有田禽, 利執言. Chữ ngôn nầy là đại danh-từ như nghĩa chữ Chi 之.

Hễ xuất sư động chúng, mà chẳng phải lý sự tham công. Tỷ như : người bắt giống cầm giữa ruộng, là mục đích giữ lúa canh đồng mà thôi, chứ không phải dụng công vào rừng để tìm tòi giống cầm thú đâu. Nên vô cựu 无咎.

Tuy đành như thế, nhưng cách nhậm dụng Tướng súy, tất phải kén cho được bậc lão-thành trọng vọng, đáng địa-vị trưởng-tử như Cửu Nhị, mới dùng làm Tướng-súy để cầm quân 長子帥師.

Trưởng-tử : một bậc lão thành đa trí, có danh vọng tướng tài, đáng ở địa vị tôn trưởng, không phải trưởng tử là con đầu đầu.

Chữ trưởng-tử ở đây, tức là chữ trượng nhân ở Soán-từ. Nếu không được trưởng tử suất sư, mà dùng những bọn tuổi trẻ, tài hèn, trí kém, đức mỏng, giá thấp. Suất sư càn, thế là dùng lầm lấy đệ-tử, tất đến nỗi quân thua tướng hỏng, chở thây mà về 弟子輿尸. **Dụng phi kỳ nhân** như thế, thời tuy danh nghĩa vẫn chính đáng, nhưng kết quả cũng hung 貞, 凶.

Tượng viết, trưởng tử suất sư, dĩ trung hành dã, đệ tử dư thi, sử bất đáng dã.

象曰, 師子帥長, 以中行也. 弟子輿尸, 使不當也.

Hào từ sở dĩ có câu : trưởng tử suất sư, là vì có đức trung như Cửu Nhị thời nên khiến cho suất sư 長子帥師, 以中行也. Nếu không được trung chính như Cửu-Nhị mà cũng khiến suất

sư. Thế là **sử phi kỳ nhân**, tất đến nỗi dư thi 弟子與尸, 使不當也.

« Sư : sai khiến ; bất đáng : chẳng nhằm người ».

6.— Thượng Lục, đại quân hữu mệnh, khai quốc thừa gia, tiểu-nhân vật dụng.

上六, 大君有命, 開國, 承家, 小人, 勿用.

Thượng Lục ở cuối cùng quẻ Sư, chính là hành sư đã đến lúc thành công, lúc nầy chỉ cốt người nguyên thủ ở trong một nước, đương khi luận công hành thưởng, phải xem xét những người có công lao đó, ai là quân tử, **ai là tiểu nhân. Kìa hạng người tiểu nhân** thời nên tưởng thưởng nó cho vừa công mà thôi, chớ không nên đặt nó ở địa vị **trọng yếu trong quốc gia. Bởi vì, đương khi hành** trận, tuy tiểu nhân, nhưng hữu tài thì nó cũng lập được chiến-công. Còn khi chiến sự đã xong **rồi, bắt đầu vào thì kỳ kiến thiết, tất phải** người có tài lại có đức, mới gánh được việc thủ thành nổi. Nên hào từ nói rằng: Hễ **khi việc hành sư đã xong rồi, thời đại quân** có những mệnh lệnh gì quan hệ đến việc khai quốc thừa gia, chớ dùng hạng người tiểu nhân 大君有命, 開國, 承家, 小人, 勿用,

Đại quân : tức là người nguyên thủ một nước ; khai quốc : nghĩa là đời sáng nghiệp ; thừa gia : đời thủ thành. Nhưng đó là theo về chế độ phong kiến. Nếu không phải ở đời phong kiến, thời khai quốc thừa gia chỉ kể bằng việc nhà nước cũng thông, chớ nên câu nệ mặt chữ.

PHỤ CHÚ :- Đọc suốt sáu hào quẻ Sư, mới biết thâm ý của Thánh-nhân rất thận trọng về **cách dụng nhân**, mà lại rất có kế hoạch. Trên ấy nói trượng-nhân, hay trưởng-tử thời tốt, là chỉ chú trọng về một vị Thống tướng, mà đến hào Thượng Lục

lại có câu : tiểu nhân vật dụng, thời chỉ chăm ý đề phòng tiểu nhân. Chúng ta mới biết rằng : trì quốc với hành binh, tuy việc trọng đại như nhau, mà qui-mô sắp đặt phải khác nhau.

Các hào trên vì đương khi hành sư, thời chỉ cốt một vị Thống tướng cho giỏi là xong; còn từ Thống tướng dĩ hạ, thời dầu tiểu nhân mà có tài chinh chiến, cũng có thể dùng được, miễn họ biết phục tòng mà thôi.

Đến Thượng-Lục, là hành sư đã xong rồi, bây giờ cốt sắp đặt việc trị-quốc, thời những bọn tiểu nhân ở trong hồi chinh chiến, không thể giao cho họ làm việc quốc gia. Vậy nên có câu răn rằng : **khai quốc thừa gia, tiểu nhân vật dụng.**

Trái lại, thì đương còn chinh chiến, dầu tiểu nhân cũng không thể mạt 抹 sát 煞 được họ.

Xem như sử Tàu : Bành, Kình 彭. 鯨, vẫn là tiểu nhân, nhưng Hán đế dùng nó mà đánh được Sở. 彭越. 鯨布.

Xem như sử ta ; Trần khánh Dư 陳慶餘 vẫn là tiểu nhân, nhưng Trần Hưng Đạo dùng nó mà đánh được quân Nguyên. Binh thư : ông Hoàng Thạch-Công 黃石公 có câu rằng : hễ nhà binh biết dùng người, thời dầu đứa ngu cũng sai sử được, đứa tham cũng sai sử được, đứa gian dối cũng sai sử được, 愚, 可使也, 貪, 可使也, 詐, 可使也.

Đó là cách biến thông của nhà binh, đến như nhà trì quốc, thời không thể được. Nên cuối cùng quẻ Sư có câu : Tiểu nhân vật dụng.

Tượng viết, đại quân hữu mệnh, dĩ chính công dã, tiểu nhân vật dụng, tất loạn bang dã.

象曰. 大君有命. 以正功也. 小人勿用, 必亂邦也.

Tượng-truyện nầy phát minh thâm ý nghĩa hào từ rằng: đại quân hửu mệnh, cốt khảo chính ở giữa những người có công ở lúc hành sư mà thôi 大君有命,以正功也. Đến khi khai quốc thừa gia quan hệ đến việc lớn của nhà nước, thời chớ nên dùng tiểu-nhân ; bởi vì, dùng nó tất làm loạn nước vậy 小人勿用,必亂邦也.

PHỤ CHÚ :- Đọc suốt hào-từ soán-từ quẻ Sư, vẫn chẳng bao lăm chữ, mà có thể địch được một bộ Binh-thư. Bảy chữ ở **Soán-từ; Sư, trinh, trượng nhân, cát, vô cựu,** tóm hết đạo lý hành Sư; danh nghĩa tất phải chính, Tướng súy tất phải có một vị chân chính trượng nhân, còn gì tốt hơn nữa.

Sơ Lục, là bắt đầu mới suất sư, thời rằng: «Sư suất dĩ luật ». **Cửu Nhị** là thống-tướng, thời rằng : trung cát.

Lục Tam là tỳ tướng mà bất tài, thời răn rằng: dư thi, hung. **Lục Tứ** cũng là tướng tầm thường, thời rằng : Tả thứ, vô cựu. **Lục Ngũ** chính là người cầm quyền soái tướng, thời bảo cho, nên dùng trưởng tử, mà chớ dùng đệ tử. Đến **Thượng Lục** là cuối cùng quẻ Sư, công việc chinh chiến xong rồi, dẹp xong loạn phải lo trị, lại bảo cho : khai quốc thừa gia, tiểu nhân vật dụng. Chỉ trong bấy nhiêu lời, mà phương-pháp ở lúc phá hoại, qui-mô ở lúc kiến-thiết, có đầu có đuôi, có gốc có ngọn ; chúng ta đọc suốt lời quái-hào nầy, sẽ tham khảo cả các thức binh-thư ở đông tây, lại bổ-trợ lấy khoa-học chiến-thuật ở đời bây giờ, chắc có lẽ vô địch ư thiên-hạ.

oOo

VIII.— QUẺ THỦY-ĐỊA-TỶ

水地比

坎 坤

上 下

外 內

坎 坤

Quẻ nầy là quẻ Thủy-Địa-Tỷ. Khôn hạ cũng là Nội-Khôn, Khảm-thượng cũng là ngoại-Khảm. Khảm tượng thủy, Khôn tượng địa. Nên tên quẻ đọc bằng Thủy-Địa-Tỷ.

TMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, sư giả chúng dã, chúng tất hửu sở tỷ, cố thụ chi dĩ tỷ, tỷ giả tỷ dã.

序卦，師者衆也，衆，必有所比，故受之以比，比者比也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Sư tiếp lấy quẻ Tỷ, là vì cớ sao ?

Bởi vì, Sư nghĩa là chúng 師者衆也, nhân chúng đông mới thành được sư, nhân chúng đã đông, tất phải liên-lạc thân-phụ với nhau 衆必有所比. Vậy nên sau quẻ Sư, tiếp lấy quẻ Tỷ 故受之以比.

Tỷ, nghĩa là thân-phụ, có ý liên-lạc dây dính với nhau 比者比也.

Theo về thể hai quẻ, khảm trên, khôn dưới, tượng là nước ở trên đất, nước thấm vào đất, đất hấp lấy nước, không gì thân phụ hơn. Vậy nên đặt tên quẻ bằng Tỷ.

SOÁN TỪ

Tỷ, cát, nguyên phệ, nguyên vĩnh trinh, vô cựu; bất ninh, phương lai, hậu phu, hung.

比, 吉, 原 筮, 元 永 貞, 无 咎. 不 寧, 方 來, 後 夫, 凶.

Tỷ cát, nguyên phệ, nguyên vĩnh trinh, vô cựu.

比, 吉, 原 筮, 元 永 貞, 无 咎.

Tỷ cát, nghĩa là đã tỷ, tức là tốt lành rồi 比. 吉.

Nguyên lý ở trong trời đất, không vật gì cô-lập mà nên, nhỏ từ một nhà, lớn đến một nước, một xã-hội, một thế-giới, chẳng bao giờ rời rạc mà thành một đoàn-thể. Vậy nên, tất phải loài nào theo loài nấy, chủng-tộc nào theo chủng-tộc nấy, liên-lạc thân-phụ với nhau. Lại suy ra, loài nầy với loài nọ, chủng tộc nầy với chủng tộc nọ, liên-lạc thân phụ với nhau. Đoàn-thể đông đến bao nhiêu, thời hạnh-phúc lớn đến bấy nhiêu. Đó là nghĩa hai chữ tỷ cát 比 吉.

Tuy nhiên, làm nên được tỷ, há phải dễ đâu, tất phải có đạo-lý, có phương-pháp, có qui-mô, mới mong tỷ được, mà cội gốc lại cốt ở người đầu bầy tỷ

Quẻ nầy năm hào âm, tuyền phụ-thuộc vào một hào dương là Cửu-Ngũ. Ngũ lại ở vị chí tôn, chính là người đầu bầy trong đám Tỷ. Hễ người nào xử vào địa-vị Cửu-Ngũ, tất phải xem xét kỹ càng ở trong mình, trông nom tính toan ở phía người, nghĩ làm sao cho gánh nổi trách nhậm người tỷ

mình, với mình tỷ người. Ví như : người có điều nghi mà phải bói quẻ đến hai lần 原 筮. (Nguyên : hai lần ; Phệ : bói quẻ).

Khi đã suy xét kỹ rồi, thấy được giữa mình có đức Nguyên Vĩnh Trinh, mà những người tỷ với mình, cũng tin mình là có đức Nguyên Vĩnh Trinh 元 永 貞. Nguyên : tốt lành lớn ; Vĩnh : dài lâu, hữu thủy hữu chung; Trinh : chính đáng vững bền.

Trong đám Tỷ, mà đủ cả nguyên vĩnh trinh như thế, thời không tội lỗi 无 咎.

Bất ninh, phương lai, hậu phu, hung.
不 寧, 方 來, 後 夫. 凶.

Trên ấy đã nói : Cửu-Ngũ đủ đức « Nguyên Vĩnh Trinh». Thế là đức tôn vị cao, quần-chúng thân-phụ với người ấy. Nếu trong thì-kỳ đó còn có việc trắc-trở, là bất ninh, thời càng nên tìm cách chiêu-lai lấy nhau, dắt nhau thân tỷ với Cửu-Ngũ 不 寧, 方 來. Nếu không thế, mà hờ-hửng rù rờ, đến nỗi làm một người lạc hậu 後 夫, tất nhiên bị bài xích ra ngoài đám Tỷ 凶.

Thích tóm lại, Tỷ chắc là lành, nhưng phải suy xét cho kỹ. Nếu đã được Nguyên Vĩnh Trinh, thời vô cựu.

Giả phỏng còn có chốn trắc trở, cũng nên gấp lo đến mau; giả phỏng có người nào chậm-chạp để đến nỗi mất cơ-hội; thành ra người đến sau hết người ta, tất mắc lấy hung.

PHỤ CHÚ.- Nghĩa Soán-từ nầy đại ý nói : loài người cần phải thân Tỷ, mà trong đám tỷ, tất phải có người đầu bầy. Xét xem lời trong quẻ, thời chỉ vào người Nguyên-thủ trong một nước. Nhưng đạo-lý Kinh-Dịch há phải chấp nhất đâu. Tức như :

người làm đầu mục trong một hương thôn, người Lãnh-tụ trong một đảng, hoặc làm đầu bầy trong một đám công nhân, thảy gọi bằng người chủ trong đám Tỷ được, mà những người đứng địa vị ấy, tất phải có đức Nguyên Vĩnh Trinh như Cửu-Ngũ, mới gánh nổi công việc Tỷ.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết Tỷ cát dã, tỷ phụ dã, hạ thuận-tòng dã ; nguyên phệ, nguyên vĩnh trinh, vô cựu, dĩ cương trung dã; bất ninh phương lai, thượng hạ ứng dã; hậu phu hung; kỳ đạo cùng dã.

彖曰，比，吉也，比輔也，下順從也．原筮元永貞，无咎，以剛中也．不寧方來．上下應也．後夫，凶．其道窮也．

TIMSACH.COM.VN

Soán viết, tỷ cát dã, tỷ phụ dã, hạ thuận tòng dã.

彖曰，比，吉也，比輔也，下順從也．

Tỷ : thân yêu dùm giúp nhau vậy 比吉也，比輔也. Ngũ ở trên, mà bao nhiêu người dưới tất thảy thuận vậy 下順從也. (Phụ : dùm giúp.)

Nguyên phệ, nguyên vĩnh trinh, vô cựu; dĩ cương trung dã; bất ninh phương lai, thượng hạ ứng dã; hậu phu, hung; kỳ đạo cùng dã.

原筮，元永貞，无咎，以剛中也．不寧方來，上下應也．後夫，凶．其道窮也．

Đây là lấy thể quẻ thích lời quẻ, cương trung chỉ vào Cửu-Ngũ. Vì hào ấy có đức dương cương mà lại đắc trung, mới được như lời quẻ, nguyên phệ, nguyên vĩnh trinh, vô cựu 原筮，元永貞，无咎，以剛中也.

Bất minh phương lai, là bảo năm âm theo Cửu-Ngũ, người trên kẻ dưới ứng với nhau 不寧方來, 上下應也. Hậu phu hung, là vì đều ở lúc sau cuối cùng tỷ, thời đường lối tỷ đã cùng cực rồi 後夫, 凶. 其道窮也.

(Chữ Đạo nầy nghĩa là đường).

Đương lúc người xum nhau thâu Tỷ với Ngũ, mà mình lại chậm chạp đến cuối cùng mới tới, tất nhiên đường lối Tỷ không còn. Thế là đạo cùng.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, địa thượng hửu thủy, tỷ; tiên vương di kiến vạn quốc, thân chư hầu.

象曰, 地上有水, 比, 先王, 以建萬國, 親諸侯.

Khôn dưới; Khảm trên, khôn là đất, khảm là nước, ở trên đất có nước, thời thấm dính chẳng gì hơn, nên đặt tên quẻ bằng Tỷ 地上有水, 比.

Xem tượng ấy, tiên-vương mới nghĩ ra cách làm tỷ. Mà đám tỷ rất lớn tất phải tỷ cả thiên hạ, mà muốn tỷ được cả thiên hạ, tất phải có cơ quan thống nhất, nhóm ngàn vạn đoàn-thể ít nhỏ lại, làm nên đám đông lớn, mới có thể tỷ được cả thiên hạ. Vậy nên, tiên-vương dựng ra vạn-quốc, thân ái lấy chữ hầu, khiến cho những vua chư-hầu bắt chước lấy mà thân ái nhân dân nước họ, mà chư-hầu của các nước lại đại-biểu nhân-dân nước họ, mà thân tỷ với tiên-vương 先王以建萬國, 親諸侯. Đó là đạo-lý của tiên-vương thân-tỷ thiên hạ.

PHỤ CHÚ.- Tượng từ đây cũng chỉ theo về thời-đại còn chế-độ phong-kiến,

Tuy nhiên, bầy giờ ở về đời giai-cấp, chưa tiêu diệt, thời không chế-độ phong kiến mặc dầu, nhưng mà cái cách thượng-hạ tương thân, chính là phương châm duy nhất ở trong thì Tỷ.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, hửu phu, tỷ chi, vô cựu ; hửu phu doanh phẩu, chung lai hửu tha cát.

初六, 有孚, 比之, 无咎. 有孚盈缶, 終來有他吉.

Sơ-Lục ở về đầu hết thì Tỷ, bao nhiêu dây liên-lạc ở tương-lai, thảy múi manh ở lúc ấy, nếu không thật chắc ư lúc đầu, tất chẳng mặn nồng đến lúc cuối ; vậy nên đương địa-vị Sơ-Lục là Tỷ chi thỉ, tất phải gốc ở lòng thành-tín mà thân-tỷ với nhau 有孚, 比之, có cái gốc thành-tín tỷ với người thời không tội lỗi 无咎. (Phu : thành tín).

Tuy nhiên, tòng lai cảm cách được người, chỉ gốc ở đức chí-thành, mà đức chí thành tất phải hoàn-toàn đầy-đủ. Ví như : trử đầy vật ở trong ang, tượng là hửu phu doanh phẩu 有孚盈缶. Phẩu : cái ang ; Doanh : đầy đặc. Tấm lòng hửu phu mà quả được doanh phẩu ; hửu chư trung, tất hình chư ngoại, cơ sở càng dài, thời người tín-tùng càng thêm nhiều mãi, chẳng những công hiệu ở hiện tại mà thôi, mà kết quả ngày sau chắc còn có việc tốt lành khác nữa 終來有它吉.

Chữ tha nầy không phải phản đối với chữ ngã, chử kỷ. như chử lợi kỷ, lợi tha Kinh trong Phật.

Tượng viết, tỷ chi sơ-lục, hửu tha cát dã.

象曰, 比之初六, 有它吉也.

Người ở vào địa vị Sơ-Lục, mà được hửu phu doanh phẩu, tự thỉ chí chung, tất nhiên được cát lâu dài vậy.

2.— Lục Nhị, tỷ chi tự nội; trinh cát.

六二, 比之自內, 貞吉.

Lục ở vị nhị là đắc trung đắc chính, ở trên có Cửu-Ngũ chính ứng với mình. Cửu-Ngũ ở ngoại-quái là phía ngoài. Lục-Nhị ở Nội-quái là phía trong. Vì Lục-Nhị, có đức nhu-thuận trung-chính mà lên Ứng với Cửu-Ngũ. Thế là tự trong mà tỷ với ngoài. Theo như mắt thế tục thời ở dưới với lên trên, e cũng là một phường Mỵ quý cầu vinh 媚貴求榮 chăng.

Nhưng không phải thế, tự bản thân Nhị vẫn trung chính, gặp được Ngũ cũng trung-chính, trung-chính với trung chính ưa nhau, đạo đồng chí-hợp, tự trong mà tỷ đến ngoài 比之自內, chỉ đi một lối chính đáng mà mình được tốt lành 貞吉.

Tượng viết, tỷ chi tự nội, bất tự thất dã.

象曰. 比之自內, 不自失也.

Nhị ở hạ quái là người bậc dưới, Ngũ ở thượng quái là người bậc trên, người bậc dưới lên theo người bậc trên, chẳng phải là khuất-kỷ thất thân hay sao ?

Khổng Tử sợ người nhận lầm như thế, mới nói rằng : Tỷ chi tự nội 比之自內, nhưng không phải tự thất như ai 不自失也.

Duy trung chính kết hợp với trung chính chỉ là đạo lý đương nhiên mà thôi.

PHỤ CHÚ : Ba chữ « bất tự thất » là ý thánh nhân cốt dạy cho ta qui trọng lấy nhân cách (nhân cách là tư cách một con

người). Tất phải: phú qui bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vỏ bất năng khuất 富貴不能淫, 貧賤不能移, 威武不能屈. mới là đúng.

Xưa nay việc trong thiên-hạ, sở dĩ làm nên sự nghiệp lớn tất cần có hai hạng người :

Một là : hạng người có tài đức, lại một hạng là : người có thế lực.

Hai hạng người ấy, tất phải nhờ nhau mà làm nên, người có thế lực, phải chịu khuất với người có tài đức, là biết tôn qui người tài đức, mà quên thế vị của mình. Người có tài đức, phải giúp giùm cho người có thế lực, mà đem thân ra gánh việc đời. Như thế thời hai bên giùm giúp nhau, mới có thể đại hữu vi được.

Nếu một bên thời ỷ có thế lực mà không tôn trọng lấy người có tài đức ; một bên thời tự khinh rẻ tài đức mình, mà cầu cạnh với người có thế lực. Thế thời về phần người có thế lực mắc lấy tội thất nhân, mà về phần người có tài đức, mắc lấy tội thất kỷ « Thất kỷ : mất giá-trị của mình, tức là tự thất). Mình đã tự thất, thời người không qui trọng đến mình, đã không qui trọng mình, tất nhiên nói không nghe, phô không cứ, làm gì nên được việc tỷ thiên-hạ.

Vậy nên, tượng truyện có ba chữ : bất tự thất. Xưa có ông **Y Doãn** chờ vua Thang tam sính 三聘 ; **ông Khổng Minh** chờ Lưu tiên-chúa tam cố, mới chịu ra giúp chúa cứu đời 劉先主三顧.

Hai ông ấy há phải cố ý làm cao đâu, chỉ vì có tôn trọng nhân cách mình, mới mong duy-trì được nhân cách một nước, một thế giới : Lục Nhị chờ Cửu-Ngũ hạ ứng với mình mới chịu tỷ, chính là nghĩa ấy,

3.— Lục Tam, tỷ chi phỉ nhân.

六 三, 比 之 匪 人.

Hào Lục ở vị Tam là tự giữa bản thân mình đã âm nhu lại bất trung chính vã lại, địa vị hoàn cảnh của Tam, cưởi trên mình là Lục-Tứ, đở dưới mình là Lục-Nhị, chung quanh rặt một bầy âm-nhu, chính là một đoàn tiểu-nhân hiểm-ác thân phụ với nhau, còn gì có việc tốt nữa ! Nên hào-từ nói rằng: Tỷ chi phỉ nhân.

Nghĩa chữ phỉ, cũng như nghĩa chư phi ; phỉ nhân : Những hạng người chẳng ra người.

Vì sao mà hào-từ không nói hung, hối, lẫn. Xưa nay đã phỉ nhân, tất nhiên xấu, còn nói hung, hối, lẫn làm gì.

PHỤ CHÚ : Lục Nhị, nguyên là một hào trung chính, vẫn quân tử. Mà theo giữa bản thân Lục-Tam thời lại xem bằng phỉ nhân. Đây là nghĩa đặc biệt, chỉ thủ tượng bằng âm tỷ với âm. Gia dỉ bản thân Lục Tam bất trung bất chính, hễ đã tỷ với Tam tất cũng người bất trung, bất-chính, đồng ác tương tế 同惡相濟.

Thánh-nhân theo mỗi địa vị mỗi hào mà lập nghĩa khác nhau, mới là Dịch-lý biến hóa.

Tượng viết, tỷ chi phỉ nhân, bất diệt thương hồ.

象曰. 比 之 匪 人, 不 亦 傷 乎.

(Thương : thảm hại, cũng nghĩa là tội nghiệp). Ý tượng-truyện nói rằng : ở giữa thì Tỷ, mà đụng lấy phỉ nhân, chẳng cũng đáng tội nghiệp lắm hay sao ?

PHỤ CHÚ : Theo nghĩa chữ Tỷ, chẳng những mình tỷ với người là tỷ, mà người tỷ với mình cũng là tỷ.

Lệ như: chốn ở tất có láng giềng, đi học tất có bầu bạn, làm quen tất có đồng liêu 同僚, làm việc tất có phe đảng, cho đến như vợ kén chồng, chồng kén vợ, tớ kén thầy, thầy kén tớ, tổng chi là tỷ ; vô luận đám nào, hễ đụng lấy phỉ nhân, tất nhiên hỏng. Vậy nên chọn người mà tỷ, chúng ta rất nên chú ý.

4.— Lục Tứ, ngoại tỷ chi, trinh cát.

六四. 外比之, 貞吉.

Hào Lục ở vị Tứ, bổn thân vẫn đắc chính, nhưng vì âm nhu, chẳng đủ tài hữu vi, phải cầu tỷ với bậc dương cương, mới mong có việc làm, là lẽ tự nhiên.

May thay! Vị Tứ được gần Cửu-Ngũ, Cửu-Ngũ dương-cương trung chính, lại ở ngôi-tôn, thiệt là một bậc người đáng thân tỷ : Lục Tứ ngó lên mà thân tỷ với Cửu-Ngũ, ấy là thân với người hiền, và tỷ với người trên. Theo đạo-lý, thời tỷ là được trinh chính mà cát 外比之, 貞吉. Chữ Ngoại chỉ vào Cửu-Ngũ, chữ Ngoại đây chẳng kể bằng quẻ, mà kể bằng hào, hễ xem xuống là Nội, xem lên là ngoại.

Tượng viết, ngoại tỷ ư hiền, dĩ tòng thượng dã.

象曰, 外比於賢, 以從上也.

Lục Tứ tỷ với Cửu-Ngũ, là thân tỷ với kẻ hiền ngoài, mà cũng là phục tòng với bậc trên vậy.

Chữ Hiền, chữ Thượng chỉ vào Cửu Ngũ.

5.— Cửu-Ngũ, hiển tỷ, vương, dụng tam khu, thất tiền cầm, ấp nhân bất giới, cát.

九五. 顯比, 王, 用三驅, 失前禽, 邑人不誡, 吉.

Nghĩa hào này, đạo lý rất lớn, từ ý rất tinh thâm, mà văn-

lý rất vi-diệu, khó dịch cho đúng, đây chẳng qua dịch vừa sáng nghĩa chữ một:

Hiền: quan minh ; dụng : làm ; khu : lùa đuổi ; thất : mất, bỏ ngơ ; cầm : loài thú: ; ấp : xung quanh láng giềng ; giới : ngăn ngừa ; Hiền-tỷ : đạo tỷ rất quang minh, tam khu : đuổi ba mặt ; tiền cầm : giống thú ở mặt phía trước ; ấp nhân : người xung quanh láng-giềng ; bất giới : không dặn bảo ngăn ngừa.

Bây giờ dịch luôn đại ý :

Hào Cửu ở vị Ngũ, là dương cương lại trung-chính, Ngũ là vị chí-tôn ở trong quẻ. Có đức dương-cương trung-chính, mà lại ở vị chí-tôn. Xử đúng vào thì-đại Tỷ, tuyền năm âm trong quẻ, tất thảy phục tòng nhất dương, tượng là bậc Thánh-nhân hữu đức hữu vị, lấy đạo đại-công vô-tỷ mà thân tỷ thiên hạ, vả thiên hạ cũng vui lòng thân tỷ với Thánh-nhân.

Đạo tỷ đến đó, thiệt rất quang-minh chính đại, ấy là hiền tỷ 顯比.

Ví dụ việc đi săn, thời theo tâm-lý của thánh-nhân, giả phỏng có bủa lưới bắt cầm thú, nhưng chẳng bủa tròn cả bốn mặt, chỉ có đuổi ba mặt, là mặt hậu, mặt tả, mặt hữu, còn mặt-tiền thời bỏ trống, để cho những loài cầm thú có đường thoát ra 王用三驅. Nếu loài cầm thú ở mặt trước mà thoát ra hết, ư tâm lý thánh-nhân vẫn cũng bỏ ngơ nó 失前禽, vì sẵn đức hiếu-sanh bất sát, nên chẳng thiết nó vào lưới hết cả, tâm thánh-nhân như thế, nên nỗi những người xung quanh láng giềng ngài, cũng vui lòng chìu ý ngài, mà chẳng dặn bảo nhau đón giống cầm vào lưới 邑人不誡.

Ba câu ấy, chỉ là mượn việc săn mà thí dụ. Nghĩa là : thánh-nhân tự mình tuyên-bố đạo-đức, tu-minh chính-trị, mà

thiên hạ tự nhiên thân tỷ với mình. Nếu có ai bất phục, thánh-nhân cũng chẳng cưỡng ép họ phải phục với mình. Tỷ như : Tam khu mà thất tiền cầm vậy, ấp nhân bất giới, là cảm-hóa ảnh-hưởng rất sâu xa.

Chẳng những giữa bản-thân thánh-nhân đã đại công vô ty như thế, mà lại người ở chung quanh thánh-nhân, thảy đạo-đức-hóa, nên chẳng ai cần cấp về ty lỵ. Như thế thiệt chẳng gì tốt hơn. Nên hào-từ rằng : cát 吉. Nhưng chữ Cát đây chỉ tán tụng cho ấp nhân, còn như thánh-nhân thời chẳng cần nói cát. Chữ Vương chỉ vào bậc Thánh-nhân ở địa vị Cửu-ngũ.

PHỤ CHÚ.- Ở trong loài người tất cần có tỷ, nhỏ thời một người tỷ với một người, suy rộng ra, thời một nước tỷ với một nước.

TIMSACH.COM.VN

Nhưng mà tỷ nhau bằng đạo đức nhân nghĩa, là tỷ bằng thành-tâm. Nếu tỷ nhau bằng uy quyền áp chế là tỷ bằng giả dối.

Hễ thành-tâm thời đao để càng tương thân, giả-dối thời cuối cùng tất tương-phản, tạo nhân tuy giống nhau, mà kết quả thời xa nhau lắm.

Thử xem chính sách thực-dân của các nước văn-minh ở đời nay, chỉ là bọc tròn lưới mà bắt cầm, có đâu mở lưới cầm ra, mặt ngoài tuy nói văn-minh, mà mặt trong cực kỳ u-ám. Thử hỏi cách tỷ người mà như thế, bảo chẳng hung có được chăng ?

Tượng viết, hiền tỷ chi cát, vị chính trung dã; xả nghịch thủ thuận, thất tiền cầm dã. Ấp nhân bất giới, thượng sử trung dã.

象曰，顯比之吉，位正中也，舍逆取順，失前禽也。邑人不誡，上使中也。

Cái tốt vì hiền tỷ mà được đó, là vì Cửu-Ngũ xử vào vị đắc-chính đắc-trung vậy.

PHỤ CHÚ,- Sở dĩ đặt chữ chính ở trước chử trung, là có ý qui hóa chữ trung. Bởi vì đạo lý trong thiên hạ, thường có chính mà không trung, thời chưa chắc đã tốt. Nếu đã trung, thời không bao giờ chẳng chính. Chữ trung bao bọc được chữ chính. Chữ chính chẳng bao bọc được chữ trung. Vậy nên nói chính trung.

Xã nghịch thủ thuận, thất tiền cầm dã.- hào từ rằng : thất tiền cầm, chỉ nói thí dụ, cái gì mà nó tự vào mới lấy, cái gì mà nó tự quay ra, thời thây kệ nó. Nghĩa là : ai thuận với ta, thời ta vẫn hoan-nghênh, mà ai nghịch với ta, ta cũng chẳng đeo đuổi.

Ấp nhân bất giới, thượng sử trung dã-. Ấp nhân bất giới, là vì sao ? Là vì kẻ trên sai sử họ bằng đạo trung, thời họ cũng theo như kẻ trên mà làm đạo trung, chẳng cần phải răn bảo vậy.

Chữ trung nầy, có ý như chữ công, không binh riêng về phe nào, cũng không ghét riêng về phe nào.

6.— Thượng Lục, tỷ chi, vô thủ, hung.

上六,比之无首,凶.

Thượng-Lục nầy ở cuối cùng quẻ Tỷ, là tỷ chi chung, Lục ở vị Thượng, là nhu ám chi cực, lại bất trung. Vì tính chất thượng xấu như thế, thời kết quả chẳng ra gì, dầu Thượng có tỷ với ai, tất nhiên cũng vô chung. Nhưng tòng lai, đạo-lý thân tỷ với nhau, từ vợ chồng bầu bạn, cho đến quốc gia xã-hội; chẳng bao giờ đầu đã tốt lành, mà sau lại xấu dử. Thượng-Lục

nầy sở dỉ tỷ mà vô chung, chính vì lúc tạo-nhân khi đầu đã vô thủ. Vậy nên nói rằng : Tỷ chi vô thủ, chữ thủ cũng như nghĩa chữ thỉ, đầu chuyện là thủ, thủ là đầu, đuôi chuyện là vĩ, vĩ là đuôi, không đuôi là bởi vì không đầu, không đầu là vô thủ, hào-từ là truy nguyên cho đến lúc tạo-nhân.

PHỤ CHÚ. – Chữ vô thủ ở quẻ Càn, với chữ vô thủ nầy khác nhau, chữ thủ ở quẻ Càn, cũng thủ là đầu, nhưng chỉ vào ngôi trên hết như nói đầu bầy. Chữ thủ đây, cũng thủ là đầu, nhưng chỉ vào lúc bắt đầu chuyện, như nói đầu tiên.

Tượng viết, tỷ chi vô thủ, vô sở chung dã.

象曰, 比之无首, 无所終也.

Nghĩa tượng truyện nói rằng : âm nhu bất-trung-chính, như Thượng-Lục mà lại ở vào thời tỷ đã cùng cực, chắc kết-quả chẳng gì hay. Thế là vô sở chung đó vậy.

Theo ở nơi kết-quả mà tìm cho đến tạo-nhân, chắc là lúc Sơ-tỷ cũng chẳng ra gì. Nên nói rằng : Tỷ chi vô thủ.

PHỤ CHÚ.- Đọc suốt sáu hào quẻ tỷ, hào Sơ là đầu hết quẻ Tỷ vì Sơ hửu phu, nên thánh-nhân chắc trước rằng : chung lai hửu tha cát. Đó là nhân tạo-hóa, mà đoán trước được kết-quả. Thượng-Lục ở cuối cùng thì Tỷ, nên thánh-nhân răn rằng : vô thủ, hung. Đó là thấy kết-quả mà quay xét đến tạo-nhân.

Vậy nên, chúng ta nhóm bạn tìm thầy làm những việc thân-tỷ với người. Nên hết sức cẩn-thận ở lúc thỷ mà câu : Tỷ chi phỉ nhân ở Lục-Tam, càng nên chú-ý lắm.

oOo

IX. QUẺ PHONG-THIÊN TIỂU-SÚC

Quẻ nầy là quẻ Phong-Thiên Tiểu-súc.

風天小畜

Càn-hạ cũng là Nội-Càn, Tốn thượng cũng là Ngoại-Tốn.

Tốn vi phong, Càn vi thiên.

Nên tên quẻ đọc bằng Phong-Thiên Tiểu-súc.

巽 乾
上 下
外 內
巽 乾

TỰ QUÁI

Tự quái, tỷ giả tỷ dã, tỷ tất hữu sở súc, cố thụ chi dĩ tiểu-súc.

序卦, 比者比也, 比必有所畜. 故受之以小畜.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tỷ tiếp lấy quẻ Tiểu-súc, là vì cớ sao ?

Bởi vì, Tỷ nghĩa là tỷ-phụ với nhau 比者比也. Dã tỷ với nhau, tất phải có chốn súc dưỡng 比必有所畜.

Vậy nên, sau quẻ Tỷ tiếp lấy quẻ Tiểu-súc 故受之以畜.

Chữ súc có hai nghĩa, một nghĩa, : súc là nuôi nhau, tức

là súc tụ : một nghĩa : súc là ngăn đón, tức là súc chỉ.

Quẻ nầy, Tốn trên Càn dưới, tính Càn cương kiện tính Tốn nhu Thuận, cương kiện mà chịu ở dưới nhu-thuận. Thế là Càn cương bị Tốn thuận ngăn đón, tức là âm súc được dương. Nên đặt tên quẻ bằng Tiểu súc. Tiểu là âm ; Đại là dương tiểu súc được đại, là âm súc được dương.

Suy vào việc người, lệ như : Tiểu-nhân súc được quân tử ; thần súc được quân ; binh súc được tướng, dân súc được quan. Hễ những việc gì nhỏ súc được lớn. Tổng chi, gọi bằng tiểu súc.

SOÁN TỪ

Tiểu súc, hanh, mật vân bất vũ, tự ngã tây giao.

小畜，亨，密雲不雨，自我西郊.

Tên quẻ đặt bằng Tiểu súc, có hai nghĩa : một là âm tiểu mà súc được dương. Hai là : cái sở súc hay còn bé nhỏ. Hai nghĩa ấy có thể dính với nhạu.

Bởi vì, âm thường yếu, dương thường mạnh, dầu có nhân thì-thế ở trong một lúc, mà dương bị âm súc chỉ. Nhưng chẳng qua tạm thời ngăn cản, chứ không thể gây ra sự biến lớn. Nên tên quẻ gọi bằng Tiểu súc, là góp cả hai nghĩa như trên ấy. Nhưng theo về thể quẻ, xem suốt cả sáu hào, tượng là : trong thời cương kiện, mà ngoài thời tốn thuận. Cửu-Nhị, Cửu-Ngũ thảy đắc trung, mà gánh việc thì súc. Súc được như thế, thời việc chắc hanh thông 小畜，亨，Tuy nhiên, việc vẫn hanh thông, mà Sở súc hãy còn hèn mọn, thời hoài-bảo của mình chưa

phát-triển được hết, tượng như trời vẫn sắp muốn mưa, mà vì mây còn đóng khít ở một lúc, chưa tan ra làm mưa 密雲不雨.

Chữ « Mật vân », là thí dụ đạo quân tử còn uất. Chữ « Bất vũ » là thí dụ đức-trạch mình chưa ban-bố được ở đời.

Soán-từ lại có câu : tự ngã tây giao, câu nầy là thủ tượng bằng tượng quẻ. Quẻ ngoại là Tốn, Tốn thuộc về phương âm, chính là phương tây. Nên nói rằng : đám mây khít mà chẳng làm nên mưa đó 密雲不雨, chính tự phía tây của Tốn kết-thành 自我西郊. Tây giao : cõi phía tây, chữ Ngã là chỉ vào tốn âm.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, tiểu súc, nhu đắc vị, nhi thượng hạ ứng chi, viết tiểu súc. Kiện nhi tốn, cương trung nhi chí hành, nải hanh ; mật vân bất vũ, thượng vãng dã, tự ngã tây giao, thí vị hành dã.

彖曰. 小畜, 柔得位, 而上下應之. 曰小畜, 健而巽, 剛中而志行, 乃亨. 密雲不雨, 尚往也. 自我西郊, 施未行也.

Soán viết, tiểu súc, nhu đắc vị, nhi thượng hạ ứng chi, viết tiểu súc.

彖曰, 小畜, 柔得位, 而上下應之, 曰小畜.

Đây là lấy thể quẻ, thích danh nghĩa quẻ. Tuyền quẻ duy một hào âm là Lục Tứ, ở vị quẻ trên, thế là nhu đắc vị, còn trên dưới năm hào dương, thảy bị Tứ súc chỉ, mà năm dương phải nghe theo. Vậy nên đặt tên quẻ bằng Tiểu súc.

Kiện, nhi tốn, cương trung nhi chí hành, nải hanh.

健, 而巽, 剛中而志行, 乃亨.

Đây là thể quẻ đức quẻ, Thích lời quẻ. Thể quẻ nội Càn, Ngoại Tốn. Thế là cương-kiện mà hay tốn thuận 健而巽. Lại trong quẻ Cửu Nhị, Cửu Ngũ ở vị trung. Theo tính dương cương, thời chí ở tiến hành. Thế là dương cương đắc trung, mà chí mình chắc có thể hành được 剛中而志行. Vậy nên soán từ có chữ hanh 乃亨. (Hanh : thông thuận).

Mật vân bất vũ, thượng vãng dã, tự ngã tây giao, thí vị hành dã.

密雲不雨，尚往也. 自我西郊，施未行也，

Sở dĩ mật vân bất vũ, là vì cớ sao ?

Nguyên lai, âm dương nhị khí, tiếp hợp với nhau, thời mới thành mưa. Bây giờ âm súc dương, là có ý bất hòa. Dương chẳng chịu âm súc, mà cứ một mực tấn lên, chẳng chịu hạ tiếp với âm. Vậy nên chẳng thành được mưa 密雲不雨，尚往也. Tự ngã tây giao, nghĩa là : công việc mình chỉ ở phía tây giao của mình mà thôi 自我西郊, chưa có gì phát triển được rộng lớn 施未行也. (Thí : phát triển ; hành : nở rộng).

PHỤ CHÚ : Chúng ta đọc Soán từ, Soán-truyện quẻ nầy, mà phát sinh được hai múi ty tưởng.

Một là : ty tưởng thuộc về lẽ thường. Một là : ty-tưởng thuộc về lẽ biến. Lẽ thường là đạo lý nhất định, lẽ biến là thì thế thay đổi.

Tức như : Quẻ Tỷ, quẻ Tiểu súc liên tiếp với nhau. Bởi vì, không tỷ phụ với nhau, thời không làm nên sư chúng. Nên sư tất phải có Tỷ.

Nhưng đã tỷ phụ với nhau, tất phải có chốn nuôi chứa. Nuôi chứa hời phải cần những giống gì ? Quay lại, cần phải có đồ ăn,

Vậy nên muốn hợp quần, không thể bỏ ngơ được đường kinh tế. Đó chính là nghĩa : tỷ tất hửu sơ súc.

Lại còn một ý nghĩa, quẻ Tỷ thời nhất dương đắc vị, mà năm âm phải nghe theo, đó là thường lệ trong Dịch. Thế mà quẻ Tiểu súc thời trái hẳn, nhất âm đắc vị, mà năm dương phải nghe theo. Nếu như mắt các nhà gắn cột gảy đờn 膠柱鼓瑟, tất nhiên trách Dịch học là mâu thuẫn,

Nhưng chúng ta phải biết. Nếu chẳng mâu thuẫn như thế, thời làm sao gọi được Dịch nữa đâu. Dịch nguyên là giống biến Dịch kia mà ! Ở thì Tỷ vẫn thế lực thuộc về nhất dương, nên nhất dương thống ngự quần âm. Ở thì Tiểu súc, thời lại thế lực thuộc về nhất âm, nên nhất âm súc chỉ quần dương. Chẳng qua vì thời đại có biến hóa, thời nhân sự cũng theo đó mà biến hóa. Duy dương thống âm, thời thế-đạo có tượng vui vẽ, nên Soán từ quẻ Tỷ có chữ : « Nguyên Vĩnh Trinh », lại có câu : « bất ninh phương lai ».

Đến như Âm súc Dương thời thánh nhân có ý ái ngại. Nên Soán từ Tiểu súc có câu : « Mật vân bất vũ », mà tên quẻ đặt bằng Tiểu, chính là tức tối vì chưa được Đại vậy.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, phong hành thiên thượng, tiểu súc ; quân tử dĩ ý văn đức.

象曰，風行天上，小畜，君子，以懿文德.

Ngoại Tốn là phong, nội Càn là thiên, Tốn ở trên Càn, tượng là gió đi trên trời, công dụng gió là cốt để cổ động

vạn vật ở trên mặt đất, mà bây giờ còn đi ở trên trời, thời công dụng ở trên mặt đất còn nhỏ hẹp lắm. Nên đặt tên bằng Tiểu súc 風行天上, 小畜. Nghĩa là : dầu có súc chỉ được vật, nhưng còn nhỏ mà chưa lớn.

Quân tử xử vào thời đại nầy thời chỉ nên trau dồi đức tính, vun đắp nền học vấn, phát triển tài văn chương, chỉ là : Ý văn đức 君子以懿文德 mà thôi.

Ý : tốt ; Văn đức : đức thuộc về văn, tốt bằng văn đức, là uẩn súc còn nhỏ lắm.

PHỤ CHÚ : Làm sách dạy đời, lập ngôn cứu thế, cũng là một việc của thánh hiền, vì cớ sao mà ý văn đức, lại xem bằng Tiểu-súc.

Bởi vì, xưa nay thánh-nhân tu-thân cứu thế, mục đích cốt ở thực hành mà chẳng cần ở hư văn. Chẳng may hoàn cảnh gay go. Thời thế bắt buộc, chưa có thể đại hửu vi, mới quay đầu làm những việc trước thư lập ngôn 著書立言. Tức như : Đức Khổng Tử, thầy Mạnh-Tử viết sách làm kinh, vạn thế bất hủ. Tự ý người sau vẫn xem làm việc lớn, mà tự tâm lý thánh-nhân lúc bấy giờ, thời chỉ xem bằng tiểu súc mà thôi.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, phục tự đạo, hà kỳ cựu, cát.

初九.復自道, 何其咎, 吉.

Sơ là dương, mà lại ở vào thể Càn, là một người có tài cương kiện. Nhưng vì ở trên có Lục Tứ là âm nhu làm chính ứng với Sơ Cửu, vả ở thời đại Tiểu súc là âm súc được dương.

được dương. Hào Sơ tuy vẫn có tài thượng tấn, nhưng bị hào-từ súc chỉ, nên Sơ cũng phải chịu ngồi an, chính là hợp với đạo lý khả chỉ nhi chỉ. Theo về nghĩa tùy thời mà cũng chẳng trái với đạo lý. Thế là phục tự đạo 復 自 道.

Phục : quay trở lại ; tự đạo : đạo lý của bản thân.

Xử vào địa-vị Sơ-Cửu mà biết quay lại đạo-lý của bản-thân, thời còn gì tội lỗi đến mình 何 其 咎. Chẳng những vô cựu mà thôi, lại cát nữa kia 吉.

Tượng viết, phục tự-đạo, kỳ nghĩa, cát dã.

象 曰, 復 自 道, 其 義, 吉 也,

Tượng-truyện bổ thêm ý-nghĩa của hào-từ rằng : có tài dương-cương như Sơ-Cửu, mà biết phục tự-đạo, kể theo nghĩa tùy thì, thời được lành vậy.

PHỤ CHÚ.— Xem hai chữ : nghĩa, cát, thấy được ý thánh-nhân bàn họa-phúc trái với ý thế-tục. Thế-tục bàn họa-phúc, thường chú-trọng về phần lợi hại, lợi thời phúc, hại thời họa. Còn Thánh-nhân bàn họa-phúc, thường chú-trọng về phần phải trái, phải là phúc, trái là họa. Vậy nên, nói rằng : nghĩa, cát. Bởi vì, Sơ-Cửu nầy có tài dương-cương, mà ở thời-đại tiểu-súc chẳng tiến lên được cao, chỉ phải phục tự đạo, cứ như mắt thế-tục thời có lỵ gì mà cát. Nhưng theo mắt thánh-nhân, thời hợp với đạo-nghĩa là cát. Chính như câu thầy Vương-dương-Minh, đạo nghĩa vi phúc 道 義 爲 福.

2.— Cửu Nhị, khiên phục, cát.

九 二, 牽 復, 吉,

Hào Cửu ở vị Nhị là dương-cương đắc-trung, ở trên có Cửu-

Ngũ cũng dương-cương đắc trung. Nhị, Ngũ hai hào ứng với nhau, chính là bạn đồng-chí. Vì ở thời-đại Tiểu-súc, thường lo âm súc chí mình, mà mình chẳng thượng tấn được. Nhưng Nhị với Ngũ chí đồng, tài đồng, mà cảnh-ngộ lại in nhau. Đồng bệnh tương liêu, đồng-tâm cọng-tế 同病相憐, 同心共濟, dắt kéo nhau mà trở lại được bản vị của mình 牽復. Như thế, thời được cát 吉. (Khiên : dắt kéo) là nói Ngũ dắt kéo nhị.

Tượng viết, khiên phục tại trung, diệc bất tự thất dã.

象曰, 牽復在中, 亦不自失也.

Cửu-Nhị sở dĩ khiên phục cát, là cốt nhờ có đức trung, cũng là chẳng tự thất đó vậy.

PHỤ CHÚ.- Chữ « bất tự thất » đây, cũng như nghĩa « bất tự thất » ở hào Nhị quẻ Tỷ. Hào Nhị quẻ Tỷ, Tỷ với hào Ngũ mà chẳng phải thất thân. Hào Nhị quẻ nầy, nhờ có hào Ngũ dắt mình lên, nhưng mà chí-đồng đạo-hợp, tuy Ngũ dắt Nhị mà Nhị vẫn là bạn tốt của Ngũ, giùm giúp được cho Ngũ, cũng chẳng phải là tự-thất, giá trị cân ngang với hào Nhị quẻ Tỷ, nên có chữ diệc. Diệc, nghĩa là cũng. Ngó lại Lục-Nhị quẻ Tỷ mà nói, thời hai hào khác quẻ mà chung nhau ba chữ : bất tự thất. Nên tượng hào nầy thêm vào chữ diệc.

3.— Cửu Tam, dư thoát phúc, phu thê phản mục.

九三, 輿說輻, 夫妻反目.

Hào Cửu ở vị Tam là có tính dương cương, mà lại quá cương bất trung, vẫn là một người rất hăng cầu tiến, gia dĩ ở thời Tiểu-súc là âm súc dương, mà Tam lại bức cận với Tứ là âm hào. Tứ âm nhu hết sức súc-chỉ Tam. Tam muốn tiến, mà

tiến chẳng được, tượng như đi xe, mà rớt mất trục bánh xe 輿說輻.

(Phúc : trục bánh xe; Dư : xe).

Vì Tam đã tính cương mà lại chẳng tiến được, nên căm tức Tứ, thành ra âm dương kình choảng nhau. Tượng như vợ chồng trái mắt nguýt nhau 夫妻反目.

Tượng viết, phu thê phản mục, bất nẵng chính thất dã.

曰象, 夫妻反目, 不能正室也.

Phu thê phản mục, là tượng Tam với Tứ kình nhau, kết quả đến như thế, là tạo nhân vì bản thân Tam, tự mình xử chẳng phải đạo, nên Tứ mới hạn chế được, cũng như chồng chẳng chính được việc nhà. Nên nỗi phu thê phản mục 夫妻反目, 不能正室也.

Thất : nhà, con trai có vợ thời gọi bằng hửu thất, con gái có chồng thời gọi bằng hửu gia. Thất, gia hai chữ thường cặp nhau. Chính Thất : chính được nhà.

4.— Lục Tứ, hửu phu, huyết khử, dịch xuất, vô cựu.

六四, 有孚, 血去, 惕出, 无咎.

Hào Lục vị Tứ là âm nhu đắc chính, ở gần hào Ngũ, là thân cận với bậc chí-tôn, vả lại ở vào thời Tiểu-súc, là nhất âm súc được bầy dương.

Theo như tượng quẻ, thời năm hào dương thảy trông nom vào Tứ. Tứ lấy một mình nhu-thuận mà ứng-phó với năm dương-cương, thế nào khỏi được xung-đột, e đến nỗi có việc lưu-huyết mà tổn thương, vả lại nguy cụ. May Lục-Tứ có đức

nhu-thuận đắc-chính, biết đem hết lòng chí-thành để cam-kết lòng bầy dương 有孚.

Chính ứng với Lục-Tứ, lại có Sơ-Cửu là bạn đồng chí, dắt kéo cả bầy dương mà giúp đỡ cho Tứ, kết quả thời những thương tích được lành 血去. việc nguy cụ tránh khỏi được 惕出, là chỉ vì tấm lòng thành-tín mà cảm động được lòng người. Như thế, cho nên được vô cựu 无咎.

Tượng viết, hửu phu, dịch xuất, thượng hợp chí dã.

象曰, 有孚.惕出, 上合志也.

Ở trên hào-từ nói chung cả năm hào dương, mà tượng-truyện thời chỉ nói riêng cửu-Ngũ. Vậy nên nói rằng : hửu phu, dịch xuất 有孚, 惕出, là vì Ngũ ở trên, đã hợp chí với Tứ 上合志也, thời chúng dương tất phải nghe theo.

5.– Cửu Ngũ, hửu phu, loan như, phú, di kỳ lân.

九五, 有孚, 攣如, 富, 以其鄰.

Quẻ nầy theo về tượng quẻ, thời Ngoại-Tốn súc chỉ Nội-Càn; theo về tượng các hào, thời nhất âm súc-chỉ ngũ dương, làm lĩnh-tụ cho bầy dương chính là Cửu-Ngũ, Cửu-Ngũ đắc-trung đắc-chính lại ở ngôi tôn, hay đem lòng thành-tín dắt kéo bầy dương 有孚, 攣如. Loan, cũng như nghĩa chữ khiên, nghĩa là dắt kéo nhau, chữ như là hoạt động tử. Loan như, là tượng như lấy tay kéo dắt nhau. Vì Cửu-Ngũ có đức thành-tín, mà dắt kéo được bầy dương, thời nhất âm ở cạnh mình cũng bị đức mình cảm-hóa. Tượng như : mình có sức giàu mà sử dụng được láng-giềng mình 富, 以其鄰.

Kỳ lân : lánh giềng mình, cũng nghĩa là lân cận mình, chỉ vào Lục-Tứ.

Dỉ : sử dụng, mình dỉ được người là chủ động, bị người dỉ mình là bị động.

Ở thời Tiểu-súc, Lục-Tứ nhất âm mà súc-chỉ được quần dương, lại ở kề cạnh Cửu-Ngũ, là một nhà láng-giềng rất có thế-lực, há dễ sử dụng được nó.

Nhưng vì Ngũ có đức thành-tín dày dặn, cảm động được Tứ, mà Tứ cũng lấy thành-tín ứng với Ngũ, té ra bị Ngũ sử dụng.

Nên nó rằng: phú dỉ kỳ lân.

Chữ phú đây cũng như chữ phú ở Chiến-quốc sánh, có câu rằng: quả nhân phú hồ tài, tiên sinh phú hồ đức 寡人富乎財, 先生富乎德. Cửu Ngũ vì phú hồ đức, nên kéo dắt được bầy dương, chế phục được nhất âm. Thế mới biết sức mạnh của đạo đức, gấp nghìn gấp trăm hơn uy quyền thế lực, xem tượng truyện lại càng rõ lắm.

Tượng viết, hửu phu, loan như, bất độc phú dã,
象曰. 有孚, 孿如, 不獨富也.

Cửu-Ngũ có đức thành tín chứa trử ở trong mình, vẫn mình đã phú rồi, nhưng chẳng phải phú ở một mình mà thôi. Bởi vì, mình có đức thành tín, mà đức thành tín đó truyền nhiễm đến người, người cũng tất thảy thành tín như mình vậy. Thế là chẳng phải một mình phú mà người cũng phú nữa.

Ba chữ : bất độc phú, là thích cho rõ nghĩa phú dỉ kỳ lân.

PHỤ CHÚ.— Lời tượng truyện đây tham khảo với câu : Đức bất cô, tất hửu lân 德不孤, 必有鄰. Ở trong Luận ngữ, thời càng minh bạch.

6.— Thượng-Cửu, ký vủ, ký xử ; thượng đức tái ; phụ trinh, lệ ; nguyệt ky vọng ; quân tử chinh hung.

上九. 既雨, 既處, 尚德載. 婦貞, 厲. 月幾望, 君子征凶.

Hào từ nầy rất khó giải, trước thích nghĩa chữ một, sau lại thích luôn cả hào từ. Nhưng năm câu thích làm hai tiết như sau nầy :

Ký : đã tới nơi ; ký vủ : đã đến nơi đổ mưa xuống ; Xử : chỉ, cũng nghĩa là an ở ; thượng : chuộng, cũng như nghĩa chữ sùng : tái : chở đầy ; ky : sắp sửa cũng là gần, là ngỏ hầu ; vọng : đêm rằm ; Ky, vọng : sắp sửa đến đêm rằm ; chinh : hành động, cũng có nghĩa là tiến lên.

Thượng-Cửu ở trên hết Ngoại-Tốn, là tốn-thuần chi cực ; lại ở trên hết quẻ Tiểu-súc, là súc chi chung. Thánh-nhân thủ nghĩa, chẳng thủ bằng tượng hào, mà thủ bằng tượng quẻ. Quẻ đã đến hào Thượng, thời công việc âm súc dương đã đến, ngày thành thục, mà dương đã phải chịu hòa với âm, tượng là âm dương đã tương tiếp mà thành mưa 既雨, đã mưa rồi thời hai bên hòa hợp với nhau, chẳng tỷ gì xung đột nhau nữa mà thành tâm an với nhau 既處. Như thế, là đức nhu tốn của Lục Tứ mà làm cho người sùng thượng đã chất chứa đến lúc đầy. (Đức, là đức nhu thuận của Tứ 尚德載.

Tuy nhiên, một hào âm nhu mà súc chỉ năm hào dương cương, đến lúc bây giờ đã đắc chỉ đạt ư cực điểm, chẳng qua vì thời thế mà nên thế há phải hạnh phúc của nhân sự đâu.

Nên thánh-nhân phải có lời răn rằng : Bọn phu-nhân kia, mầy chớ thấy vợ hạn chế được chồng, mà một mực cố-thủ lấy đạo ấy, tất có ngày nguy hiểm 婦貞, 厲.

Phụ, chỉ vào hào âm ; trinh ; giữ chặt, chữ trinh ở đây khác với nghĩa chữ trinh là chính ; lệ : nguy hiểm.

Ba câu trên ấy chuyên chỉ vào phe âm nhu, mà cũng là phe tiểu-nhân.

Tiểu-nhân đắc chí đã đến như cuối cùng quẻ Tiểu súc, nên Thánh-nhân lại lo cho quân-tử mà thêm vào hai câu nói rằng : phường quân-tử ta ơi ! âm đạo trưởng đã sắp sửa tới nơi rồi, tượng như mặt trăng đã xấp xỉ tới đêm rằm 月幾望, chúng ta phải trầm tỉnh thầm thận mà lựa cách ứng phó, chớ nên vội vàng hành động, thời mắc lấy hung 君子征, 凶.

Tượng viết, ký vủ, ký xử, đức tích tái dã ; quân-tử, chinh hung, hửu sở nghi dã.

象曰. 既雨, 既處, 德積載也. 君子, 征凶, 有所疑也,

Ký vủ, ký xử, là đức trạch phe âm đã chất chứa đầy, mà đến lúc hoàn thành vậy 既雨, 既處, 德積載也. Quân-tử chinh hung, là có chốn ưu-nghi mà lo cách phòng bị vậy 君子征凶, 有所疑也.

PHỤ CHÚ : Hào từ Thượng-Cửu đáng chú ý nhất là câu : Nguyệt ky vọng, mà tinh-thần hay nhất lại ở chữ ky. Nguyệt, tượng là tiểu nhân, nguyệt không thể nào chẳng đến vọng, tiểu nhân cũng không thể nào chẳng đến ngày nó đắc chí. Tiểu nhân đắc chí, thời quân tử nguy, vẫn là lẽ tất nhiên, nhưng nếu phe quân-tử biết xét họa ky cho sớm, mà ngăn đón trước ư lúc họa chưa đến nơi, thời chắc cũng chẳng họa chí. Nếu chờ đến lúc họa đã đến nơi ; tức như trăng đã đến rằm rồi, còn phòng bị gì được nữa rư. Nên Thánh-nhân dạy cho phái

tri kỷ mà gấp lo trước. Ky, là ẩn tình ở trước lúc việc chưa phát hiện ; Kỷ, là hiện trạng ở sau việc đã hiển nhiên. Khi việc còn ky, mà chẳng lo giữ phòng, đến khi ky rồi, thời chỉ duy bó tay chịu chết mà thôi.

Hệ-từ cũng có câu : Tri ky kỳ thần hồ 知幾其神乎.

Tri ky, là biết được khi còn ky vi, ky, chính là khi sự tình chưa rõ.

Nếu làm việc mà thiệt tri ky, thời chẳng việc gì đến thất bại.

oOo

TIMSACH.COM.VN

X.— QUẺ THIÊN-TRẠCH-LÝ

天 澤 履

乾 下 外

兌 上 內

乾 下 外

兌 上 內

Quẻ nầy là quẻ Thiên-Trạch-Lý.

Đoái dưới cũng là Nội-Đoái; Càn trên cũng là Ngoại-Càn. Càn là thiên, Đoái là trạch.

Nên tên quẻ đọc bằng Thiên-Trạch-Lý.

TỰ QUÁI

Tự quái, vật súc, nhiên hậu hữu lễ, có thụ chi dĩ lý.

序卦, 物畜, 然後有禮, 故受之以履.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tiểu-súc, tiếp lấy quẻ Ly, là vì cớ sao? Bởi vì, súc nghĩa là chứa nhóm. Hễ giống vật đã chứa nhóm, tất nhiên có lớn nhỏ, cao thấp, tốt xấu, hỗn tạp với nhau, tất phải có trật tự mới chỉnh đốn được.

Trật-tự tất là lễ, đã súc rồi, tất phải có lễ 物畜, 然後有禮. Vậy nên sau quẻ Tiểu-Súc tiếp lấy quẻ Lý 故受之以履.

Nguyện chữ Lý có hai nghĩa. Một nghĩa : lý là dày, tượng như lấy chân giày đạp, nghĩa ấy thuộc về động từ. Lại một nghĩa : Lý là cái giày, là một giống lót đở dưới chân, nghĩa ấy thuộc về danh từ. Tên quẻ nầy kiêm cả hai nghĩa, thích góp bằng lý là lễ.

Nói cho hết ý thời đạo người ta tu thân tiếp vật, nhỏ từ gia đình, lớn đến xã hội, chốn nào tất phải đứng chân trên chữ lễ. Lễ tức là lẽ đang nhiên, mà đở lót cho ta đứng vững chân.

Vậy nên đặt tên quẻ bằng Lý.

SOÁN TỪ

Lý hổ vĩ, bất khiết nhân, hanh.

履虎尾，不咥人，亨.

Quẻ nầy thượng Càn, là trời ở trên, hạ Đoái là chằm nước ở dưới. Càn Thượng, là dương cương ở phía trên. Đoái hạ, là âm nhu ở phía dưới. Theo Tượng quẻ nầy, trời trên, chằm dưới, là phận vị thượng hạ rất phân minh. Cương ở trên, nhu ở dưới, là lẽ âm dương rất tự nhiên, chính đúng với lẽ thường Vủ trụ. Lẽ thường đó tức là lễ. Nên đặt tên quẻ bằng Lý.

Soán từ xem tượng quẻ mà phát minh ra nghĩa quẻ, nói : rằng : Nội Đoài có tính hòa duyệt. Ngoại Càn có tính cương-cường. Lấy tính hòa duyệt mà đứng mặt sau cương cường, dầu người kia cương cường đến thế nào, nhưng đụng phải người hòa duyệt cũng bị cảm-hóa mà phải khuất hạ ngay, dầu dữ mấy cũng đổi mặt dữ ra mặt hiền. Tượng như dậm phải đuôi cọp mà cọp chẳng cắn người 履虎尾，不咥人. Vỉ, nghĩa là đuôi, hổ vỉ là đuôi cọp. Khiết, nghĩa là cắn. Lý hổ vỉ

bất khiết nhân, nghĩa là dậm phải đuôi cọp, mà cọp chẳng cắn người.

Nói rộng ý ra, thời hễ những việc gì dầu đụng phải họa hoạn, mà chẳng thương hại đến mình, ấy là đạo lý được hanh thông 亨.

Sách Trung dung có câu : Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn 素患難行乎患難. Nghĩa là : đụng phải hoạn nạn, thời có đạo lý xử hoạn-nạn, chính như lời Soán quẻ nầy.

SOÁN-TRUYỆN

Soán viết, Lý, nhu lý cương dã ; duyệt, nhi ứng hồ Càn ; thị dĩ lý hổ vĩ, bất khiết nhân, hanh, cương trung chính, lý đế vị, nhi bất cứu, quang minh dã.

彖曰. 履, 柔履剛也. 說, 而應乎乾, 是以履虎尾, 不咥人, 亨. 剛中正, 履帝位, 而不疚, 光明也.

Soán viết, Lý, nhu lý cương dã.

彖曰, 履, 柔履剛也.

Tên quẻ sở dĩ đặt bằng Lý 履, là vì Càn cương ở trên, Đoài nhu ở dưới, Càn cương ở trước, Đoài nhu ở sau, tượng là nhu thuận mà ghép đở dương cương vậy 柔履剛也.

Duyệt, nhi ứng hồ Càn, thị dĩ lý hổ vĩ, bất khiết nhân, hanh.

說而應乎乾, 是以履虎尾, 不咥人, 亨.

Đây là lấy đức quẻ thích lời Soán.

Nội Đoài có đức hòa duyệt, mà ứng phó với tính cương cường, dầu có hoạn nạn, mà cũng chẳng thương hại gì,

Vậy nên Soán từ rằng : Lý hổ vĩ, bất khiết nhân, hanh.

Cương trung chính, lý đế vị, nhi bất cứu, quang minh dã.

剛中正, 履帝位, 而不疚, 光明也.

Trên ấy đã nói chung toàn quái, đây là nói riêng một hào Cửu-Ngũ.

Cửu-Ngũ dương cương đắc trung, mà lại đắc chính 剛中正, có đức ấy mà đứng vào vị chí tôn, thiệt là đức xứng kỳ vị 履帝位. Còn gì tệ bệnh nữa đâu 而不疚. Như thế, mới là có đức thịnh, mà rỡ ràng chói chang vậy 光明也. (Cứu: tệ bệnh).

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thượng thiên hạ trạch, lý ; quân tử, dĩ biện thượng hạ, định dân chí.

象曰. 上天下澤, 履. 君子, 以辨上下, 定民志.

Quẻ nầy, Thượng Càn là thiên, Hạ Đoài là trạch 上天下澤. Thiên ở trên, trạch ở dưới, là phận vị tự nhiên của tạo hóa bày đặt ra, chẳng phải do ý riêng của người làm. Như thế gọi bằng Lý 履 (Lý tức là lễ).

Quân-tử xem tượng ấy, nên phải biện biệt phận vị kẻ trên người dưới 君子, 以辨上下, khiến cho ý chí nhân dân xu-hướng được nhất định 定民志.

PHỤ CHÚ : Tượng tuyện chỉ lấy bằng tượng quẻ. Quẻ nầy trên Càn dưới Đoài, trên dưới có phận vị tiệt nhiên 截然.

Quân tử xem đó mà biện thượng hạ, định dân chí.

Chúng ta phải biết, chữ thượng hạ ở đây chẳng phải phân biệt bằng giai cấp, mà chỉ phân biệt bằng tài năng chức nghiệp.

Tùng lai, nhân đạo vẫn rất công bình, rất bình đẳng, nhưng trong nghĩa bình đẳng, chỉ cốt chẳng phân biệt giai cấp mà thôi. Chứ như tài năng chức nghiệp, thời không thể chẳng phân biệt mà được.

Thử xem như một làng, có thể người nào người nào cũng làm Lý-trưởng được không, hoặc người nào người nào cũng làm seo mõ được không ?

Giá phỏng tuyển người trong làng, ai cũng làm Lý-trưởng hoặc ai cũng làm seo mõ thời việc làng làm nổi được không?

Vì muốn làm nổi việc làng, tất phải theo ở tài năng chức nghiệp mà sắp đặt, có người làm Lý-trưởng, có người làm seo mỏ. Vậy sau chỉ hưởng nhân dân ở trong làng, ai nấy cũng lượng tài mình, an phận mình, mà chẳng đến nổi hỗn hào tranh cạnh, kết quả việc làng mới làm xong. Chẳng qua mỗi người có mỗi phần nghĩa vụ, tất nhiên mỗi người được hưởng mỗi phần quyền lợi, thời người cả làng ai nấy cũng như nhau ; như thế tức là bình đẳng.

Nói tóm lại, thượng hạ chẳng phải là có giai cấp, mà bình đẳng cũng chẳng phải là không thượng hạ. Chẳng qua : thượng hạ chỉ kể bằng tài năng chức nghiệp, bình đẳng chỉ cân nhau bằng quyền lợi nghĩa vụ.

Hai lối ấy như hình tương phản, mà kỳ thực tương thành Sách trung dung có câu : đạo tịnh hành, nhi bất tương bội 道並行，而不相悖. Nghĩa là : đường vẫn hai lối đều đi, mà chẳng chống trái nhau, chính là lẽ ấy. Giả sử có một ngày xã hội

tuyệt nhiên vô thượng hạ, tất phải chờ đến tuyền loài người, ai nấy cũng tài năng in nhau, ai nấy cũng chức nghiệp in nhau, lý tưởng ấy thực hiện được hay không? Nếu lý tưởng ấy mà chưa thực hiện được, thời câu biện thượng hạ, định dân chí, còn đương thiệt dụng ở đời bây giờ.

HÀO TỰ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, tố lý, vãng, vô cựu.

初九. 素履, 往, 无 .

Sơ-Cửu có đức dương cương mà ở vị Sơ là dưới hết tuyền quẻ, tượng như người bắt đầu mới ra đời, bao nhiêu hoàn cảnh với tập quán chưa hệ lụy 繫累 được mình. ấy là Tố.

Người đương buổi đó, chỉ nên gìn giữ lấy bản chất mình cho trong trắng, chớ để những màu đen nét xấu bề ngoài trây nhuộm, ấy là tố lý. Như thế mà ra với đời, là tố lý, vãng; tất không đến nỗi thất thân nhục kỷ, ấy là vô cựu.

PHỤ CHÚ: Chữ tố ở hào nầy, nghĩa như chữ tố ở câu: tố kỳ vị nhi hành 素其位而行 ở sách Trung dung, Nghĩa là: chỉ theo địa vị bản phận của mình mà làm, chẳng trái với đạo lý, cũng chẳng sai nghĩa vụ của mình tức là tố lý. Nghĩa vụ mình là cốt làm cho xứng đáng một con người, nhưng địa vị mình hãy còn ty-hạ, thời tùy theo địa vị mình mà làm cho đúng nghĩa vụ mình, tất phải như Sơ Cửu nầy,

Ngày xưa thấy Nhan-Uyên ở ngõ hẹp, mà bất cải kỳ lạc 不改其樂; ông Khổng Minh cày ở Nam-dương, bất cần văn đạt ư chư hầu 不求聞達於諸侯, chính đúng nghĩa hào nầy.

Tượng việt, tố lý chi vãng, đôc hành nguyện dã.

象曰, 素履之往, 獨行願也.

Sơ Cửu chỉ giữ một cách đạm bạc vô cầu mà bước ra với đời, là chỉ mình làm chí nguyện mình, chẳng đua đuổi ở đường danh lợi đó vậy 素履之往, 獨行願也,

Nguyện : chí của mình sở nguyện, cũng như nghĩa chữ hy 希 (Hy : trông mong). Sĩ hy hiền, hiền hy thánh, thánh hy thiên 士希賢, 賢希聖, 聖希天.

2.— Cửu Nhị, lý đạo thản thản, u nhân, trinh, cát.

九二, 履道坦坦, 幽人貞, 吉.

Hào Cửu vị Nhị, dương cương mà đắc trung, vẫn là hiền nhân, quân-tử. Vì ở trên không chính ứng, độc thân vô viện 獨身无援' tượng là quân-tử bất ngộ thời.

Nếu những phường lưu tục xử vào hoàn cảnh ấy, tất gay go khó chịu, duy Cửu Nhị có đức cương trung, nên lạc đạo tự đắc, xem đường lối mình bước đó, rất bình thản khoan thai, chỉ thấy lý đạo thản thản mà thôi 履道坦坦.

Đạo, nghĩa là đường: lý đạo, nghĩa là đường mình dẫm bước ; thản thản, nghĩa là bằng phẳng lắm.

Tuy nhiên, hoàn-cảnh Cửu-Nhị vì bức cận với Lục-Tam, Tam bất trung bất chính, là một tay xu quyền trục thế. Nhị gần với nó, e gần mực mà đen chăng ? Nên Thánh-nhân có lời răn rằng: Nhị có tài dương-cương, có chí tiến-thủ, nhưng chớ khinh-suất, mà bị Lục-Tam dẫn dụ, phải hết sức êm đềm kín lặng, làm một người u-nhàn trinh-chính 幽人貞,

Thế mới được cát 吉. (U : Kín lặng.)

Tượng viết, u nhân trinh cát, trung bất tự loạn dã.

象曰，幽人貞，吉．中不自亂也．

Cửu-Nhị sở dĩ được u nhàn trinh cát, là vì Cửu-Nhị có đức trung, chẳng bao giờ tự mình rối loạn lòng mình vậy.

PHỤ CHÚ : Hào-từ tượng-truyện xem qua, thời rất tầm-thường, nhưng xét kỹ lại, thời thiệt là một bậc Đại-trượng-phu như lời thầy Mạnh dạy : Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy võ bất năng khuất 富貴不能淫，貧賤不能移，威武不能屈．

3.— Lục Tam, chiếu, năng thị, bý, năng lý, lý hổ vĩ, khiết nhân, hung; võ nhân vi vu đại quân

六三，眇，能視，跛，能履．履虎尾，咥人，凶，武人為于大君．

Hào Lục vị Tam bổn-thể là âm-nhu mà lại ở vị dương-cương. Bổn-thân đã bất-trung-chính, mà lại tiếp liền ba hào dương quẻ Càn, là một bầy dương thượng tiến. Tam tài hèn yếu mà chí cương cường, chẳng biết đạc-đức lượng-lực, toan đùa theo với bầy dương; tượng như người mù một mắt mà tự thị mình hay dòm 眇，能視，người thọt một chân mà tự thị mình hay đi 跛，能履．

(Diếu : một mắt mù; Bí : què. cũng nghĩa là thọt chân.)

Một hạng người vô tài-đức mà táo-suất như thế, chắc cũng dâm đầu vào vùng nguy-hiểm mà bị chết toi. Tượng như dậm phải đuôi cọp, mà bị cọp cắn chết người, chắc hung đó rồi 履虎尾，咥人，凶．Lại nhân vì Lục-Tam ở trên hết Nội-quái là một

người táo-bạo mà ở vị trên người, tất nhiên cũng bị người đánh đổ. Tượng như, người võ phu mà làm việc đại quân 武人爲于大君.

Tượng viết, diêu, năng thị, bất túc dĩ hửu minh dã, bí, năng lý, bất túc dĩ dự hành dã; khiết nhân chi hung, vị bất đáng dã; võ nhân vi vu đại quân, chí cương dã.

象曰, 眇, 能視, 不足以有明也. 跛, 能履, 不足以與行也. 咥人之凶, 位不當也. 武人爲于大君, 志剛也.

Hay dòm mà dòm bằng một cách diếu, còn lấy gì làm sáng đâu 眇, 能視, 不足以有明也.

Hay đi mà đi bằng một cách bí, còn lấy gì mà khiến nó đi được đâu 跛, 能履, 不足以與行也. Bị họa bằng khiết nhân, là vì vị Tam bất trung bất-chính vậy 咥人之凶, 位不當也.

Âm ở vị dương là bất chính, ở vị trên hết nội-quái là bất trung, nói góp lại, là vì bất đáng.

Võ nhân mà làm việc đại quân, là vì chí Tam cương bạo, không nhảy thời không ăn, nhưng chỉ kết-quả là hung mà thôi 武人爲于大君, 志剛也.

4.-Cửu Tứ, lý hổ vỉ, sóc sóc; chung cát.

九四. 履虎尾, 愬愬. 終吉.

Hào Cửu vị Tứ, cũng bất-trung bất-chính như Lục-Tam, vã lại đứng sau một vị dương-cương cư tôn là Cửu-Ngũ, tượng như dậm phải đuôi cọp 履虎尾. Theo hoàn-cảnh cửu Tứ e chẳng khỏi nguy hiểm. Nhưng vì Tứ ở vị nhu, lấy nhu chế cương, nên biết sợ hãi giữ gìn 愬愬, kết quả cũng được tuyền thân miễn họa mà cát 終吉. (Sóc sóc, là ý răn sợ.)

Tượng viết, sóc sóc, chung cát,chí hành dã.

象曰,翛翛终吉,志行也.

Cửu-Tứ theo về hoàn cảnh, vẫn khó được cát. Nhưng Hào-từ lại nói rằng : Sóc sóc, chung cát, là vì Tứ có chí nhu-thuận, mà đi được trôi chảy vậy.

PHỤ CHÚ-.Lục-Tam với-Cửu-Tứ thảy bất trung-chính, nhưng khác nhau là : Lục-Tam thời thể nhu, mà chí cương. Cửu-Tứ thời thể cương mà chí nhu. Thể nhu mà chí cương, thời tài chẳng được như sở nguyện, nên cấp táo mà mắc lấy hung. Thể cương mà chí nhu, nên biết giữ mình tránh họa mà được chung cát. Xem hai hào nầy cũng rỏ được một lẽ biến-hóa ở trong Dịch-học.

Thông thường ở các Hào-Vị thuộc về bản chất, hào-thể thuộc về chí hướng: duy hai hào nầy thời khác thế, hào thể là bản-chất, hào vị là chí-hướng.

5.— Cửu-Ngũ, quyết lý, trinh, lệ.

九五,夬履,貞,厲.

Cửu-Ngũ ở chính giữa Ngoại-Càn, vẫn sẵn có tính dương cương, mà lại Cửu cư Ngũ là đắc chính lại đắc trung.

Có đức dương-cương trung-chính mà ở vị Ngũ là vị chí-tôn. Đức như thế, vị như thế, vả lại những người ở dưới mình là Hạ-Đoài, tất thảy hòa-duyệt với mình, chắc là đường đi nước bước chẳng gì nghi ngại, chí cương-quyết lý hành 夬履. Tuy nhiên, xử vị tôn, lâm cảnh thuận, thường hay đến nỗi ỷ tài cương-minh mà chuyên quyết độc đoán, e có khi lầm lỗi mà gây ra mối nguy hiểm. Nên Thánh-nhân lại răn

rằng : Quyết lý chưa chắc là đã tận-thiện tận-mỹ. Nếu như thế mà cứ một mực thẳng tay, dầu có đắc-chính nữa cũng là nguy đạo 貞, 厲.

Tượng viết, quyết lý trinh lệ, vị chính đáng dã.

象曰, 夬履貞, 厲, 位正當也.

Cửu-ngũ vẫn đáng được tuyền mỹ, cớ sao Thánh-nhân lại bảo rằng : dầu chính cũng nguy. Bởi vì, Cửu-Ngũ chính đang ở giữa vị Chí-tôn, sợ có lúc ỷ-tài thị thế mà thành ra một người độc-tài chuyên-chế chăng ?

PHỤ CHÚ.— **Hào Ngũ ở vị chí-tôn**, chính là vị nguyên-thủ ở trong một nước. Xưa nay quốc-gia xã-hội, sở dĩ mắc họa độc **phu chuyên chế, là chi vì những hạng** người cậy tài thông minh, ỷ-thế sùng cao mà độc đoán chuyên quyết, thường đến nỗi **phạm vào tội chuyên chế. Nên Thánh-nhân** lấy hai chữ trinh lệ răn cho.

Ý nói rằng : dầu cương-minh đến thế **nào, tôn quý đến thế nào, mà cứ một mực** quyết lý hoài, cũng là nguy hiểm.

6.— Thượng Cửu, thị lý khảo tường, kỳ tuyền, nguyên cát.

上九, 視履, 考祥, 其旋, 元吉.

Hào nầy cuối cùng quẻ Lý, tượng là kết thúc lịch sử của một người ; bây giờ phải xem xét nhất sinh sở hành, phải hay trái, lành hay dữ, để đoán định trẩm triệu 朕兆 tương lai của mình 視履, 考祥. Khảo : xét ; tường : điềm ; khảo tường : xét trước họa hay phúc, dữ hay lành.

Nếu xem những điều nhất sinh sở hành mà tất thảy đã hoàn-toàn chẳng gì khuyết điểm, thời tất được tốt lành lớn 其旋, 元吉.

(Kỷ là đại-danh-từ, thay cho việc mình làm ; tuyền, nghĩa là trọn vẹn đầu đuôi.

Tượng viết, nguyên cát, tại thượng, đại hữu khánh dã.

象曰，元吉在上，大有慶也.

Ở trên hết quẻ Lý, mà được chữ nguyên cát, là bởi vì lý chi chung, mà đã tận-thiên tận-mỹ, chắc là có phúc lớn vậy.

Chữ đại, là thích nghĩa chữ nguyên, chữ khánh là thích nghĩa chữ cát.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ Thượng-Cửu quẻ Lý, cách thủ-nghĩa cũng in như Thượng-Cửu quẻ Tiểu-súc ; thông lệ hào-từ mỗi quẻ, thời chỉ thủ nghĩa bản-thân hào ấy. Duy chỉ hai hào nầy, thời thủ-nghĩa bằng toàn quẻ. Thượng-Cửu quẻ Súc là ở cuối cùng thì Súc, nên Thánh-nhân lo cho tiểu-nhân quá thịnh, mà nói rằng : quân-tử chinh hung. Thượng-Cửu quẻ Lý, là lý đạo đã đến lúc hoàn-thành, nên Thánh-nhân mầng cho đạo quân-tử được viên-mãn, mà nói rằng : Kỷ tuyền nguyên cát.

Chúng ta mở pho Dịch, bắt đầu thấy quẻ **Càn**, quẻ **Khôn** là biết rằng có trời đất. Đến quẻ **Truân** thời có vạn vật, mà loài người cũng từ đó phát sinh. Vì mong mỗi mà cần phải dạy, nên có quẻ **Mông**. Vì có ăn uống mà cần phải nuôi, nên có quẻ **Nhu**. Vì ăn uống mà sinh ra tranh nhau nên có quẻ **Tụng**. Vì đấu tranh mà cần có quần chúng nên có quẻ **Sư**. Vì nhân chúng mà cần phải liên-lạc, nên có quẻ **Tỷ**. Vì người đông nhóm, mà cần phải có chốn nuôi chứa, nên có quẻ **Tiểu-súc**. Vì đã súc được đông người, tất phải có trật tự. nên có quẻ **Lý**.

Xem suốt hết tất thảy quẻ, thời thấy được **giáo dưỡng, Kinh-tế, chính-trị, hình phạt, lễ độ,** giống gì, giống gì quan-hệ về việc **nhân-sinh thế-đạo,** đã **đầy đủ hoàn-tuyền.**

Bây giờ mới tiến vào cảnh-tượng thái-bình. Vậy nên sau quẻ Lý tiếp lấy quẻ **Thái.**

o O o

TIMSACH.COM.VN

地天泰

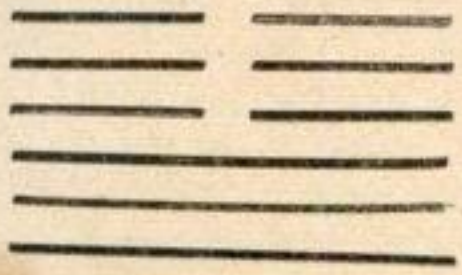

天地否

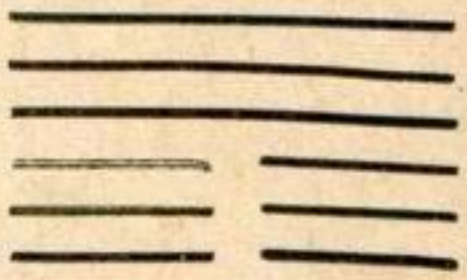

TIMSACH.COM.VN

天火同人

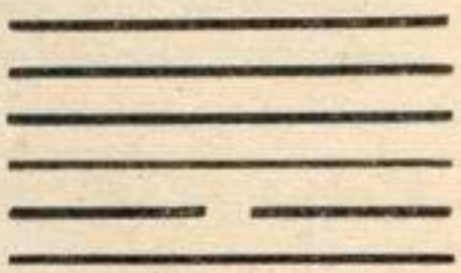

火天大有

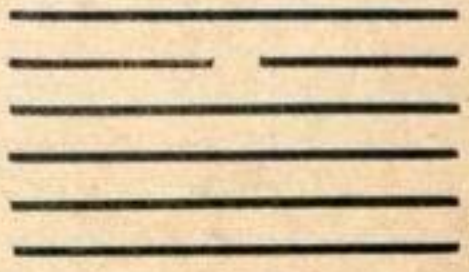

XI. QUẺ ĐỊA-THIÊN-THÁI

Quẻ nầy là quẻ Địa-thiên-Thái. Càn ở dưới cũng là Nội-Càn. Khôn ở trên cũng là Ngoại-Khôn.

地 天 泰

坤 乾
上 下
外 內
坤 乾

Khôn là địa, Càn là thiên.

Nên tên quẻ đọc bằng Địa-Thiên-Thái

TỰ QUÁI

Tự quái, Lý nhi thái, nhiên hậu an, cố thụ chi dĩ Thái, Thái giả thông dã.

序卦，履而泰，然後安，故受之以泰，泰者通也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Lý tiếp lấy quẻ Thái, là vì cớ sao ?

Bởi vì, Lý nghĩa là lễ, cũng nghĩa là giày, là đi: giày đi được an ổn, vậy sau mới thỏa thích 履而泰，然後安. Vậy nên sau quẻ Lý tiếp lấy quẻ Thái

故受之以泰. Thái nghĩa là an thích, cũng nghĩa là thông thuận 泰者通也.

Tượng quẻ nầy Khôn âm ở trên, là khí âm thượng đẳng mà giao tiếp với dương. Càn dương ở dưới, là khí dương hạ giáng mà giao tiếp với âm. Nhị khí giao hòa với nhau, thời vạn vật sinh trưởng mà được thông thái. Nên đặt tên quẻ bằng Thái.

PHỤ CHÚ : Khí âm dương nguyên là vô hình, đã vô hình, thời không chỉ rỏ ra được. Vậy phải mướn ba vạch quẻ để miêu tả khí vô hình.

Ba nét Càn ở dưới, thời thấy là thiên tại hạ, nhưng thiên đó chẳng phải là thiên hửu tượng, mà thiên chỉ là khí dương.

Ba nét Khôn ở trên, thời thấy là địa tại thượng, nhưng địa đó chẳng phải là địa hữu hình, mà địa chỉ là khí âm.

Khí âm thông lên, khí dương thông xuống. Thế là âm dương hòa hiệp thiên địa tương giao. Nên đặt tên quẻ bằng Thái.

Nếu như thiên địa hửu hình, mà địa trên thiên dưới, té ra thiên địa điên đảo, chính như câu người ta thường nói : Huyền hoàng dịch vị 玄黃易位, lại còn thành ra thế giới-gì nữa, xin ai học Dịch chớ nhận lầm. Trái lại, thiên thượng địa hạ, mà nói rằng : Bỉ cũng ý nghĩa như thế.

SOÁN-TỪ

Thái, tiểu vãng, đại lai, cát hanh.

泰, 小 往 大 來, 吉. 亨.

Ý nghĩa tên quẻ sở dỉ đặt bằng Thái, đã thích rỗ như trên ấy. Đây chỉ thích nghĩa quái từ.

Tiểu chỉ vào âm ; địa chỉ vào dương ; vãng là qua ở phía ngoài, lai là lại ở phía trong.

Quẻ nầy : Ba âm ở ngoại quái, là âm qua ở ngoài ; ba dương ở nội quái, là dương lại ở trong. Theo về hình tượng ở trên mặt quẻ, có hai ý nghĩa : một là : dương là khí trời hạ dáng, mà giao với đất, âm là khí đất thượng thăng mà giao với trời, trời đất giao với nhau là âm dương hoà sướng, thời vạn vật sinh thành. Đó là Thái thuộc về thiên đạo. Lại một nghĩa thuộc về nhân sự. Đại, là quân thượng, tượng như Càn ; tiểu, là thần hạ, tượng như Khôn. Khôn thượng tức là phe thần hạ đem hết tinh thành mà cung cấp cho quân thượng. Càn hạ, tức là phe quân thượng ty-dáng thân thể mà chịu đại thần hạ: cũng là tiểu vãng, đại lai, mà thành được Thái ở việc nước.

Lại nói rộng ra đến việc thiên hạ, bao nhiêu dương là quân tử, bao nhiêu âm là tiểu nhân Càn ở Nội quái tượng là quân tử đắc thế, mà dụng sự tại Nội ; Khôn ở Ngoại quái, tượng là tiểu nhân thất thế, mà lánh xa tại ngoại. Đó cũng là tiểu vãng, đại lai, mà thành được Thái ở trong thiên hạ.

Thiên thì nhân sự đã thảy được như thế, mới là tốt lành và hanh thông.

PHỤ CHÚ.— Học giả đọc Dịch đến quẻ nầy, nên nghiên cứu lẽ âm dương tiêu trưởng ở trong Dịch. Ở trong vũ trụ tuần hoàn biến hoá, dầu không-gian hay thì-gian, kể dọc từ vô thỉ đến vô-chung, kể ngang từ Nam cực đến Bắc cực, chẳng biết bao nhiêu là việc phúc họa, lành dữ, thịnh suy, trị loạn, rút thùng lại thời chỉ có âm dương đắp đổi nhau tác dụng mà thôi.

Lệ trong Dịch, dương là minh ; âm là ám ; dương là

thực ; âm là hư ; dương là phú ; âm là bần ; dương là qui ; âm là tiện ; dương là đại ; âm là tiểu.

Ở trên mặt chữ vẫn có phân biệt như thế, nhưng theo về chí ý của Dịch, âm và dương vẫn đắp đổi nhau mà tác dụng, chẳng bao giờ cô-dương mà sinh, cũng chẳng bao giờ độc âm mà thành, âm tất nhờ có dương mới thành, dương tất nhờ có âm mới sinh.

Vẫn là lẽ tự nhiên, vạn cổ bất dịch, nhưng đó chỉ luận lý mà thôi, đến như nói sự thực, thời phúc hay họa, lành hay dữ, lại kết quả vì âm tiêu trưởng tranh nhau mà sinh ra, lẽ ấy quan hệ rất lớn.

Vì cớ sao vậy ? Dương có tượng là quân-tử, âm có tượng là tiểu nhân. Hễ những người nhân cách **quang minh chính đại** là qnân-tử, mà thuộc về phần dương. Hễ những người nhân cách **nhu hiểm ty-tà** là tiểu nhân, mà thuộc về phần âm. Về phần thiên đạo, chẳng bao giờ âm dương thiếu một phía mà thành được ; về phần nhân sự chẳng bao giờ quân-tử tiểu nhân thiếu một phía mà làm được.

Nhưng mà múi manh quan hệ thời cốt ở tiêu trưởng về phía nào ? dương trưởng, âm tiêu thời thiên đạo mới thái được, Quân-tử trưởng, tiểu nhân tiêu thời nhân sự mới thái được.

Trái lại, âm trưởng, dương tiêu, thời thiên đạo bỉ ; tiểu nhân trưởng, quân tử tiêu, thời nhân sự bỉ. Dịch là dỉ thiên đạo minh nhân sự 易以天道，明人事. Vậy nên có hai quẻ Thái và Bỉ.

Hai quẻ ấy thảy ba nét âm ba nét dương, hai bên vẫn cân địch nhau. Nhưng vì quẻ Thái thời dương đương lúc trưởng

thịnh, mà âm đã đến lúc tiêu mòn, tượng là quân tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu, thời thành ra Thái.

Trái lại, quẻ Bỉ thời âm dương lúc trưởng thịnh mà dương đã đến lúc tiêu mòn, tượng là tiểu-nhân đạo trưởng, mà quân-tử đạo tiêu. Nên thành ra Bỉ. Nhân quả rất hiển nhiên, nhưng chúng ta muốn chứng-minh cho rõ lý âm dương tiêu trưởng, thời phải giải thích như thế nầy :

Nguyên Thuần-âm là quẻ Khôn, là âm thịnh chi cực, cực thời phải tiêu, nhân đó một nét dương thay vào dưới **Khôn Sơ**, thành ra quẻ **Phục.** Phục là nhất dương mới sinh, sinh đến hai nét, thành ra quẻ **Lâm.** Quẻ Lâm là quẻ Khôn biến đến hai nét, là nhị dương đã tiệm trưởng, từ đó dương trưởng lần lần, mà Khôn âm biến đến ba nét, thành ra quẻ **Thái.** Nên quẻ Thái có tam dương ở Nội quái, mà thành ra Nội-Càn Ngoại-Khôn. Xem như tắng thứ quái biến, thời dương có thể chiếm phần ưu thắng, âm có cơ chịu đường liệt bại. Vì thế mà dương trưởng hoài, âm tiêu hoài, Dương trưởng đến bốn nét thời thành quẻ **Đại tráng,** âm chỉ còn hai nét mà thôi, dương lại trưởng thêm đến 5 nét thành ra quẻ **Quải**, âm chỉ một nét mà thôi. Chốc thời **Khôn** biến cả sáu nét, mà tuyền sáu nét hóa ra dương, thành quẻ **Bát-Thuần-Càn**Càn là dương trưởng chi cực, trưởng cực tức phải tiêu, mới có một âm thay vào dưới **Càn-Sơ**, thành ra quẻ **Cấu,** Cấu là nhất âm mới sinh, từ đó sắp đi âm sinh lần lần, dương tiêu lần lần, quẻ Cấu sang quẻ **Độn**, quẻ Độn sang quẻ **Bỉ**, đến quẻ Bỉ âm có thể chiếm phần ưu thắng, dương có cơ chịu đường liệt bại, tiêu cứ tiêu lần lần, trưởng cứ trưởng lần lần. Trải qua quẻ **Quán**, quẻ **Bác,** thời đến nỗi dương mòn hết, mà tất thảy sáu nét dương biến hết, thành ra **Bát-Thuần Khôn** ; lại là âm thịnh chi

cực. Nhất tiêu nhất trưởng, nhất trưởng nhất tiêu, thử trưởng tắc bỉ tiêu, thử tiêu tắt bỉ trưởng, chính là diệu dụng của tạo hóa, mà cũng là tinh lý của Dịch-học.

Chúng ta chớ thấy mấy vạch đứt, vạch liền mà xem làm đồ vô dụng.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, thái, tiểu vãng đại lai cát hanh, tắc thị thiên địa giao, nhi vạn vật thông dã, thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã ; Nội dương nhi ngoại âm, nội kiện nhi ngoại thuận, nội quân-tử nhi ngoại tiểu nhân, quân-tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu dã.

TIMSACH.COM.VN

彖曰，泰，小往大來吉亨，則是天地交，而萬物通也. 上下交而其志同也，內陽而外陰. 內健而外順. 內君子而外小人，君子道長. 小人道消也.

Soán viết, Thái, tiểu vãng đại lai cát hanh, tắc thị thiên-địa giao, nhi vạn vật thông dã, thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã.

彖曰. 泰，小往大來吉亨，則是天地交. 而萬物通也. 上下交而其志同也.

Xem Soán-từ rằng : Thái, tiểu vãng đại lai cát hanh 泰，小往大來吉亨. Thế thời trời đất giao với nhau, mà vạn vật được thông vậy 則是天地交，而萬物通也 .

Suy vào việc người, trên dưới giao với nhau, mà chí ý cả hai bên đồng vậy 上下交而其志同也.

Chữ Kỳ : đại-đanh từ cả hai bên.

Nội dương nhi ngoại âm, nội kiện nhi ngoại thuận, nội quân tử nhi ngoại tiểu nhân, quân tử đạo trưởng, tiểu nhân đạo tiêu dã.

內陽而外陰,內健而外順,內君子而外小人,君子道長,小人道消也.

Xem thể quẻ ba nét **Càn** ở trong, ba nét **Khôn** ở ngoài, thế là khí dương ở trong, khí âm ở ngoài 內陽而外陰, tính cương kiện ở trong, mà tính nhu thuận ở ngoài 內健而外順, âm dương là khí của **Càn Khôn**, kiện thuận là đức của **Càn Khôn**. Lại theo thể quẻ mà nói vào nhân sự, thời ba dương ở nội quái, tượng là quân-tử dụng sự tại nội, ba âm ở ngoại quái, tượng là tiểu nhân thừng hành tại ngoại 內君子而外小人, dương càng ngày càng trưởng thêm, là đạo quân-tử càng ngày càng lớn thêm 君子道長, âm càng ngày càng tiêu lần, là đạo tiểu nhân càng ngày càng suy lần 小人道消也.

Có như thế mới thành được Thái.

PHỤ CHÚ : Chữ « **Dương** » « **Âm** » là thuộc về phần khí, chữ « **Kiện** » « **Thuận** » là thuộc về phần đức tính, chữ « **quân tử** » « **tiểu nhân** » là thuộc về phần loài người.

Đọc Soán truyện đây, rất quan hệ là câu : **quân-tử đạo-trưởng, tiểu-nhân đạo tiêu**. Theo tâm lý Thánh-nhân, vẫn trông mong cho người đời rặt là quân-tử, nhưng việc ấy không thể nào làm được. Hễ đạo trời đã có dương tất cũng có âm. Vậy nên loài người đã có quân-tử, tất cũng có tiểu nhân. Chỉ duy quân tử đứng vào địa vị chủ động, thời đạo quân tử được trưởng ; tiểu-nhân đứng vào địa vị bị động, thời đạo tiểu-nhân phải tiêu. Như thế thời đạo đời được hanh thái.

Quân-tử chỉ là người tốt, vì sao lại đặt tên bằng quân-tử ?

Nguyên thuở xưa đặt danh từ ấy, còn chú trọng về luân-lý đời xưa. Ra gánh việc quốc-gia, thời đúng ty cách một người vi quân, ở trong gia đình thời đúng ty-cách một người vi-tử. Thế là hạng người làm bậc trên cũng tốt, làm việc dưới cũng tốt, góp cả hai nghĩa ấy mà đặt tên, nên gọi bằng quân-tử, mà cũng là một người đúng tư cách làm người. Nếu gọi bằng Thánh-nhân cũng có thể được.

Chữ tiểu-nhân thời không ý nghĩa gì sâu xa, chỉ là một hạng người âm hiểm ty bỉ chẳng xứng đáng tư cách làm người. Vậy nên gọi bằng tiểu nhân.

Nguyên lai, ý nghĩa chữ « **nhân** » lớn lắm. Nhân là phối dịch với thiên địa mà làm tam tài kia mà. nay nó chỉ loài tiểu mà thôi, chẳng xứng đáng được nhân. Nên gọi bằng tiểu-nhân. Còn như sách vở các chốn khác, cũng có lúc nói bằng địa vị mà chia làm quân-tử, tiểu-nhân. Nghĩa là : quân-tử là bậc trên, tiểu-nhân là bậc dưới, nhưng đó chỉ nghĩa hẹp mà thôi, chẳng phải thật ý nghĩa quân-tử tiểu-nhân. Chúng ta đọc sách chớ câu nệ những chữ ấy.

Lại theo miệng thế tục, có một danh từ. Tiểu nhân là người bé, tương đối với đại nhân là người lớn, trái hẳn với chữ tiểu nhân ở đây.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên địa giao Thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân.

象曰，天地交泰，后以財成天地之道，輔相天地之宜，以左右民.

Thích nghĩa chữ một, **Tài** : nghĩa là xén cắt : **Thành** : nghĩa là tròn khéo ; **Phụ-tướng** : nghĩa là giúp đỡ ; **Đạo** : nghĩa là nguyên tắc ; **Nghi** : nghĩa là phương pháp ; **Tả hữu** : nghĩa là bênh vực đề huề.

Bây giờ mới thích tuyền văn.

Hình thiên vẫn ở phía trên, bây giờ Càn hạ là thiện khí hạ giao với địa. Hình địa vẫn ở phía dưới, bây giờ Khôn thượng là địa khí thượng giao với thiên. Thiên địa giao mà âm dương hòa, thời vạn vật sướng đạt cả thảy, ấy là Thái 天地交泰.

Người Nguyên thủ ở trong một nước gọi bằng hậu, chính là người có quyền thay gánh của trời đất. Nên phải thể lòng trời đất sinh thành vạn vật, mà lo bổ cứu những chốn khuyết hám 缺憾 cho trời đất, tỷ như : thì trời có nóng lạnh, hình đất có cao thấp, nhưng tựu trung có thái quá, có bất cập, thời thánh nhân nhân đó mà sửa sang xén cắt, khiến cho đâu đó cũng vuông tròn thành tựu, ấy là **tài thành thiên địa chi đạo** 以財成天地之道.

Lại tỷ như : Mùa Xuân phát sinh vạn vật, mùa thu thành thục vạn vật, thánh nhân cũng nhân thiên thì tự nhiên, mà dạy cho người ta mùa Xuân cày, mùa Thu gặt.

Lại tỷ như : chốn đất cao thích trồng cây, chốn nước sâu tiện thủy lợi, thánh nhân nhân địa thế tự-nhiên, mà dạy cho ta cách làm rừng nấu muối, như những việc ấy v.v. là **phụ-trướng thiên địa chi nghi** 輔相天地之宜.

Đạo, là thuộc về nguyên lý tự nhiên ; **nghi** là thuộc về sự lý đang nhiên ; thánh nhân hết lòng hết sức xem xét ở hai lẽ ấy, mà đưa ra thực hành, cốt cho dân sinh được đầy đủ, dân dụng được tiện lợi, sẽ để phù trì cứu hộ dân, ấy là **tả hữu**

dân 左右民. Như thế, là công việc của thánh nhân làm ra Thái, cũng như thiên địa giao mà thành Thái đạo.

PHỤ CHÚ : Xem suốt từ **Càn Khôn** sắp xuống quẻ **Lý**, bình quân nét âm nét dương, bên nào cũng ba mươi nét vạch. Thế là âm dương chẳng bên nào quá, chẳng bên nào bất cập, chung sức với nhau mà thành công tạo hóa. Vậy nên được **Thái**.

Khi đã được Thái rồi, thời chỉ lo : cái gì thái quá thời phải hạn chế lại, cái gì bất cập thời phải bổ trợ thêm. Vạn sự các đắc kỳ trung, vạn vật các đắc kỳ sở, ấy là công hiệu thánh nhân tài thành phụ tướng mà được như thế.

Trái lại, dầu thiên thì làm ích cho người, địa lý làm lợi cho người, nên không phương pháp tài thành phụ-tướng, khiến cho thỏa-thích bình quân, tất nhiên có thái quá, có bất cập, hiện ra vô số tình hình bất bình-đẳng ở trong Xã-hội. Hoặc giàu quá chừng giàu, hoặc đói quá chừng đói, hoặc sướng quá chừng sướng, hoặc khổ quá chừng khổ, hoặc người trên quá chừng áp chế người dưới, hoặc người dưới quá chừng ghen ghét người trên. Tổng chi, vì không cách tài thành phụ tướng để tả hữu dân mà thôi.

Hai chữ tả hữu rất có ý vị. Tỷ như : giống gì quá mếch về tả, thời ta sửa lại cho sang hữu chút đỉnh, giống gì quá mếch về hữu, thời ta sửa lại cho sang tả chút đỉnh, cốt làm cho ai nấy cũng thỏa thích sở-nguyện cho được sở cung vừa cấp sở cầu, chính là nghĩa chữ tả hữu.

Chữ tả hữu, nếu theo danh từ mà giải thích thời có nghĩa : tả là trước, hữu là sau, tả là cao, hữu là thấp. Nhân nhích sắp đặt trước sau cao thấp, khỏi tệ chếnh lệch bất bình, tức là **tả hữu dân.**

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, bạt mao như, di kỳ vị, chính cát.

初九，拔茅茹，以其彙，征吉，

Bạt nghĩa là : tút ; mao, nghĩa là bụi săng ; như, nghĩa là : ngùm rễ ; vị, nghĩa là bầy loài ; chinh, nghĩa là tấn lên.

Hào Cửu ở vị Sơ, là một hạng người có tài cương minh mà còn ở vị thấp.

Vì ở thì **Thái**, ba hào dương ở nội quái, chính là một bầy quân-tử dắt nhau mà lên. Sơ tuy ở vị thấp, nhưng cặp với hai vị trên đồng thì tịnh tấn. Tượng như tút ngùm rễ săng 拔茅茹, vừa tút một cây mà cả ngùm lên hết 以其彙. Quân tử ở đời Thái, cũng dắt nhau lên như thế, còn có việc gì làm chẳng xong 征吉.

Bạt mao như, dĩ kỳ vị, là tỉ dụ bằng quân-tử tịnh tấn, là tạo nhân của thì Thái. Chinh cát, tức là kết quả.

Tượng viết, bạt mao chinh cát, chí tại ngoại dã.

象曰. 拔茅征吉，志在外也.

Bạt mao, chinh cát, là tam dương đồng chí với nhau, muốn thượng tiến ở ngoại quái ; là đảng quân-tử đồng chí tiếng với nhau, muốn ra gánh việc thiên hạ 拔茅征吉，志在外也.

Chữ ngoại theo ở mặt quẻ, thời chỉ quẻ trên, theo về ý thánh nhân, thời ngoại là thiên hạ. Xưa nay thánh hiền quân-tử sở dĩ gặp thì câu tiến, dắt nhau kéo lên, há vị nhất thân nhất gia đâu.

Nguyên hoài bảo các ngài, nhỏ thời việc nhất quốc, lớn thời việc nhất xã-hội ; nhỏ thời việc dân, lớn thời việc cả thế

giới, hoàn toàn ở ngoài thân gia mình, nên nói rằng : chí tại ngoại.

2.— Cửu Nhị, bao hoang, dụng bằng hà, bất hà duy, bằng vương, đắc thượng vu trung hàng.

九二, 包荒, 用馮河, 不遐遺, 朋亡, 得尚于中行.

Hào-từ nầy đạo lý rất hoàn toàn, qui mô rất đầy đủ. Nhưng vì văn tự quá tinh thâm, nên khó giải, xin học giả chịu khó mà nhận cho kỷ.

Bao, nghĩa là bọc ; hoang, nghĩa là uế tạp, cũng nghĩa là phiền rối ; bằng hà, nghĩa là mình truồng lội qua sông ; hà, nghĩa là xa, cũng nghĩa là sơ viện ; bằng, nghĩa là phe phái về mình ; Vương, nghĩa là quên hẳn ; thượng : phối hợp, cũng nghĩa là vừa đúng ; trung ; đắc trung : hàng, nghĩa là đường đi, dùng vào đây thời hàng là đạo.

Cửu-Nhị dương cương đắc trung, vẫn là một bậc quân-tử ; gặp thì Thái, trên có vị Nguyên-thủ là **Lục-Ngũ**, nhu thuận đắc trung, hạ ứng với Nhị, thượng hạ đồng đức mà suy thành tương tín 推誠相信 với nhau.

Vì Lục-Ngũ nhu thuận, tài vẫn thua Nhị, nên phải hết lòng tín nhiệm Nhị, Nhị mới là tay chủ động ở thì Thái.

Sanh gặp hoàn-cảnh như thế, lại chung quanh có hai dương đồng chí với mình, dắt nhau ra gánh việc tế-thế an-bang, trách nhiệm đã quá chừng lớn, tất thủ đoạn phải quá chừng giỏi, mà đạo đức cũng phải quá chừng cao, nên công việc tác dụng có bốn câu như dưới nầy :

Một là : kể về **độ-lượng**, hai là kể về **khí-phách** ; ba là kể về **kế-hoạch** ; bốn là kể về **công đức, công tâm**. Bốn đức ấy lại

phải tất thảy cho đúng với đạo trung.

Nay thích điều thứ nhất.

Bao hoang : vì thì đại mới bước qua vào Thái, mầm mới tuy đương lên, mà rác cũ vẫn chưa quét sạch. Nếu người độ-lượng chật hẹp, e đến nỗi tật ác thái thậm, trừ tệ thái cấp, hay hóa ra dở cũng có lẽ. Vậy nên xử vào thì nầy, gánh công việc trí Thái, tất phải có độ lượng cho lớn rộng, sẽ bao bọc được những loài uế tạp, khử tiểu nhân, trừ tệ chính làm bằng một cách thung dung.

Thế thời dụng nhân mới được đủ tài, mà làm việc mới có thứ tự, ấy là bao hoang 包荒.

Thích điều thứ hai : dụng bằng hà, xưa nay những người độ lượng khoan-hồng, thường mắc tệ nhân nhu bất đoán. Huống gì đương thì Thái, phá hoại vừa xong, bắt đầu kiến-thiết. Những việc đỉnh tân cách cố, nhiều hạng người thủ thường tuần cựu, sinh ra tệ du dự nhân tuần, tất phải dùng bằng một cách cương đoán, đủ cả gan mạo hiểm, rán hết sức tấn thủ. Ngộ việc đáng quyết thời quyết ngay, tượng như người có gan liều, truồng mình qua sông mà chẳng khiếp sợ. Nên nói rằng : dụng bằng hà 用馮河. Câu ấy là mượn cách thi dụ, để hình dung tài cương quả, chứ chẳng phải như câu : bạo hổ bằng hà ở trong sách Luận-ngữ 暴虎馮河.

Thích điều thứ ba : Bất hà duy.

Tùng lai, những người có độ-lượng khoan-hồng, thường hay tính việc lớn mà quên việc nhỏ, có khí-phách cương-quả, thường nóng nảy mà chẳng kịp tinh tường. Muốn tránh khỏi những tệ bệnh ấy, tất phải mưu lự cho cẩn mật, kế hoạch cho tinh tường. Dầu những việc xa khơi nhỏ mọn, mà cũng chẳng

bao giờ để sót thiếu. Ấy là bất hà duy 不遐遺.

Đức Khổng có câu : Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu 人無遠慮,必有憂近. Nghĩa là người không tính nghĩ điều xa, tất có điều nguy-hiểm gần.

Ông Tôn-Chân-Nhân có câu : Đởm dục đại, nhi tâm dục tiểu 膽欲大,而心欲小. Nghĩa là : gan làm việc muốn cho lớn, mà lòng nghĩ việc muốn cho nhặt

Trên ấy nói : dụng bằng hà là đởm đại ; bất hà duy là tâm tiểu viễn lự.

Thích điều thứ tư : Bằng vương.

Công việc xử Thái như ba câu trên, nhưng còn lo sợ vì họa bằng đảng.

Bởi vì, thì Thái đảng Quân-tử tuy vẫn nhiều, nhưng đạo trì Thái, tất phải đại công vô tư 大公無私. Hễ người nào có điều tốt thời ta dùng, người nào có điều xấu thời ta bỏ, cứ một lối công bình chính trực, mà ứng phó với người đời, quên hẳn cả phe phái với mình, mà chẳng tỷ gì thiên ty thiên vị, ấy là bằng vương 朋亡.

Đức Khổng có câu : Quân-tử chu nhi bất tỷ 君子周而不比. Nghĩa là : đạo quân-tử rộng lớn công bình, mà chẳng thiên Ty.

Lại có câu : Quần nhi bất đảng 羣而不黨. Nghĩa là : kết chúng làm bầy mà chẳng phe riêng với ai. Bất tỷ bất đảng, chính là nghĩa chữ bằng vương.

Nay lại thích câu kết thúc :

Đắc thượng vu trung hàng 得尚于中行.

Gánh trách-nhiệm trì Thái mà đã đủ được bốn điều như

trên, vẫn đã hoàn tuyền thiện mỹ. Nhưng thánh-nhân còn lấy làm lo, là vì sự lý trong thiên hạ, quí nhất là đúng chữ trung.

Nếu **bao hoang** mà thái quá, thường đến nỗi phù phiếm hỗn tạp. Dụng **bằng-hà** mà thái quá, thường đến nỗi táo-cấp vọng động.

Bất-hà-duy mà thái quá, thường đến nỗi tẳn-mẳn rù rờ. **Bằng vương** mà thái quá, thường đến nỗi thất quần cô lập.

Thánh nhân mới đinh ninh dặn rằng : **bao hoang** mà chẳng phải không kén chọn, **dụng bằng** hà mà chẳng phải không kỹ lưỡng ; **bất-hà-duy** mà vẫn chẳng làm những việc vu khoác ; **bằng vương** mà vẫn cũng thân người hiền, viễn người gian. Như thế mới thích hợp ư đạo **trung**.

PHỤ CHÚ : Cửu-Nhị với Lục-Ngũ, trung đức tương tế, tâm chí đã đồng, mà cảnh ngộ lại thuận, làm nên việc Thái, chắc chẳng khó gì, nhưng mà hào từ lại phản-phúc đinh-ninh đến như thế. Bởi vì, họa thường nấp ở khi phúc, loạn thường sinh ở khi trị, nên lúc bước lên vũ đài kinh dinh việc xử Thái, tất phải người đủ đức đủ tài như thế mới xong. Nếu chẳng thế, thời giữa phúc mà họa xảy ra, giữa trị mà loạn sinh ra, cũng là lẽ thường.

Tượng viết, bao hoang, đắc thượng vu trung hàng, dĩ quang đại dã.

象曰，包荒，得尚于中行．以光大也．

Tượng truyện trích cử một câu đầu, một câu cuối của Hào-từ, mà thích góp cả tuyền-văn nói rằng : Cửu-Nhị sở dĩ được thế, là vì có đạo quang minh viễn đại, mới làm nên được sự nghiệp Thái vậy.

Nếu những hạng người ám muội hiệp tiểu, thời chẳng làm gì nên Thái.

9.— Cửu Tam, vô bình bất bí, vô vãng bất phục, gian trinh vô cựu, vật tuất, kỳ phu, vu thực hửu phúc.

九三，无平不陂，无往不復，艱貞无咎，勿恤，其孚，于食有福.

Hào-từ Hào nầy cũng một lẽ biến hóa ở trong Kinh Dịch.

Hào-Cửu, vị Tam chính là trùng cương bất trung. Theo như quẻ khác thường chẳng được tốt ; duy Cửu-Tam ở đoạn giữa thì Thái lại ở trên hai hào dương, chính là một bậc đàn anh ở trong quân-tử, vẫn chẳng phải lo có tội lỗi. Nhưng theo về cảnh ngộ Cửu-Tam, thời vừa cuối cùng Nội quái, mà bước lên Ngoại quái. Thái vận đã gần quá nửa rồi, thịnh sắp cực, mà e có khi suy, tấn đã cao mà e có lúc vấp.

Vậy nên Thánh nhân có lời răn rằng: đường đời dặc dặc không lẽ bằng mãi mà chẳng nghiêng 无平不陂, vận nước dào dào không lẽ lên hoài mà chẳng sụt 无往不復, gầm suốt cả thiên thì nhân-sự, chắc gì thái thịnh hoài mà chẳng suy vương. Vậy nên xử vào địa vị Cửu Tam, thường phải để lòng vào cảnh gian nan, đặt thân vào vị trinh chính, thời không tội lỗi 艱貞无咎. Những lời trên ấy là thánh nhân răn cho Cửu-Tam. Tuy nhiên, địa vị Cửu-Tam chính vừa khi Thái đương thịnh, miễn biết hết sức gian trinh, thời làm gì đến nỗi có ưu hoạn 勿恤.

Tuất, cũng như chữ ưu-hoạn ; vật-tuất, nghĩa là : không việc gì phải ưu hoạn.

Chẳng những vật tuất, mà lại chắc chắn lại được hưởng hạnh-phúc nữa kia 其孚，于食有福.

PHỤ CHÚ : Âm dương tiêu trưởng tranh nhau, bỉ thái tuần hoàn nối nhau. Vậy nên bình tất có bí, vãng tất có phục, đó là thiên vận tự nhiên.

Chúng ta đem thân gánh việc đời, tất phải lấy nhân sự đang nhiên mà chống với thiên vận tự nhiên. Vậy có câu : tinh thần di tạo hóa 精神移造化. Lại có câu : anh hùng tạo thì thế 英雄造時世. Chính là lo làm sao cho bình bất bí, vãng bất phục, nhưng muốn khiến cho bất bí tất phải tính trước ư khi còn bình, muốn khiến cho bất phục, tất phải ngăn trước ư khi còn vãng. Vậy nên đến Cửu-Tam mới được nửa Thái, mà Thánh-nhân đã vội răn hai chữ gian trinh, chính là muốn lấy sức người dẳng giữ thiên-vận vậy. Sách xưa có câu : Nhân định giả năng thắng thiên 人定者, 能勝天 Định : nghĩa là chuyên nhất vững vàng.

Tượng viết, vô vãng bất phục, thiên địa tế dã.

象曰, 无往不復, 天地際也,

Hào từ Cửu-Tam sở-dĩ nói rằng : vô vãng bất phục, là đương lúc nửa Thái, hết Nội-Càn sang Ngoại-Khôn vừa đúng trung gian trời đất giao nhau vậy.

Nguyên lai, dương giáng âm thăng, mới thành ra Thái, nhưng theo lẽ tuần hoàn của tạo hóa, có thế mãi đâu, dương giáng xuống dưới, chẳng bao lâu tất phục lại ở trên, âm thăng lên trên, chẳng bao lâu tất phục lại xuống dưới, chắc có một ngày dương thăng âm giáng. Càn thượng Khôn hạ, tức là Bĩ tới ngay.

Chữ thiên địa nầy nói về khí âm dương, chẳng phải nói về hình . . . trời đất.

4.— Lục-Tứ, phiên phiên ; bất phú, di kỳ lân, bất giới di, phu

六四, 翩翩, 不富. 以其鄰. 不戒以孚.

Hào nầy ở dưới hết Thượng quái, là đã quá nửa thì **Thái.** Thể hào đã âm nhu, lại ở vị âm, là có tính chất âm hiểm. Trên Tứ lại có hai âm cũng đồng đảng với Tứ.

Bọn họ vì ở thì **Thái**, nên phải nhượng bộ cho quân-tử mà ra ở ngoài, nhưng tiểu nhân có bao giờ chịu an phận đâu. Bây giờ họ nghe Thái đã quả nửa, họ mới thừa cơ rủ rập nhau vào trong mà lấn phường quân-tử 翩翩. Phiên phiên : nghĩa là kết bầy bay mau.

Kể theo bản thân họ vẫn tài hèn sức yếu, chẳng lấy gì làm phú, nhưng vì họ thân cận đồng loại với nhau, tượng như một đám người thành ra một xóm, mà tất thảy là hạng bất phú 不富, 以其鄰.

Tấm lòng liên tà hại chính, anh nào cũng như anh nấy, nên họ chẳng chờ ước hẹn mà đã tin nhau rồi 不戒. 以孚.

PHỤ CHÚ ; Hào-từ Cửu-Tam là răn cho quân-tử ; hào-từ Lục-Tứ là gớm cho tiểu nhân, chữ Phú ở đây, như chữ Phú ở hào Ngũ quẻ Tiểu súc, nghĩa là đầy đủ, hào dương rằng phú, hào âm rằng bất phú.

Tượng viết, phiên phiên bất phú, giai thất thực dã, bất giới dỉ phu, trung tâm nguyện dã.

象曰, 翩翩不富, 皆失實也, 不戒以孚, 中心願也.

Hào-từ nói rằng : phiên phiên bất phú, là phe tam âm đó, rặt là mất đức thành thực vậy. Bất giới dỉ phu, là vì trong lòng họ đã muốn sẵn vậy.

Thông lệ trong Dịch, dương là phú, là thực. Ba hào âm thảy bất phú, lại thất thực. Chữ **giai** là nói luôn cả ba hào âm.

5.— Lục-Ngũ, Đế ất qui muội, di chỉ, nguyên cát.

六五, 帝乙歸妹, 以祉, 元吉.

Hào Lục là âm nhu, xử vị Ngũ là vị chí tôn, vị Ngũ là đắc trung, âm nhu đắc trung, lại ở vào thì Thái, phía dưới có bậc hiền thần cương-minh như Cửu-Nhị, mà lại chính-ứng với Ngũ. Lục-Ngũ lấy đức nhu trung là hạ ứng với Cửu-Nhị cương-trung, hết lòng tín nhiệm Cửu-Nhị, quên hết thể vị tôn-quí của mình Tượng như bà Công-Chúa, em gái vua Đế-Ất mà hạ-giá với bình dân 帝乙歸妹, là một cách khuất kỷ hạ hiền, tất được kết quả rất tốt. Đã được hưởng phúc chỉ 以祉, mà lại tốt lành lớn hung 元吉.

Đế Ất là hiệu vua đời nhà Thương; qui : gả : muội : em gái; chỉ : phúc.

PHỤ CHÚ : Hào-từ nầy là mượn một việc con gái nhà vua gả xuống làm vợ bình dân, để hình dung thành tâm Lục-Ngũ xuống theo Cửu-Nhị.

Xin Học-giả chớ nhận lầm sự thực. Bởi vì, cứ theo hào tượng, thời một hào âm thuận tòng với hào dương, cũng như người gái thuận-tòng với người trai, Duy Lục-Ngũ là vị chí-tôn nên thủ tượng bằng bà Công-Chúa, không câu nệ bằng sự thực.

Tượng viết, dĩ chỉ nguyên cát, trung dĩ hành nguyện dã.

象曰, 以祉元吉, 中以行願也.

Hào-từ Lục-Ngũ sở dĩ được dĩ chỉ Nguyên cát là vì nhu trung như Lục-Ngũ gặp được cương trung như Cửu-Nhị, hai bên thảy hợp theo chí nguyện nhau mà làm, chẳng bên nào

xuất ư miễn cưởng.

PHỤ CHÚ : Đọc hào từ Lục-Ngũ nầy nên nhắc lại câu dĩ quí há tiện quẻ Truân. Truân Sơ lấy mình là dương mà hạ khuất với âm. Thái-Ngũ lấy mình là âm, mà hạ khuất với dương ; hai bên thảy lấy mình tôn quí mà chịu khuất với người ty tiện. Vui phần đạo đức mà quên phần thế vị. Nên một bên thời tế được Truân, một bên thời thành được Thái, cảnh-ngộ tuy bất đồng, mà thủ đoạn thời in nhau, mới biết « nhân lực hồi thiên » chẳng phải lời nói không.

6.— Thượng-Lục, thành phục vu hoàng, vật dụng sư, tự ấp cáo mệnh, trinh, lẫn.

上六. 城復于隍, 勿用師, 自邑告命, 貞, 吝.

Hào-từ nầy cũng tượng như hào Thượng quẻ Lý, quẻ Tiểu súc. Chẳng lấy nghĩa bằng hào, mà lấy nghĩa bằng tuyền quái. Quẻ Thái đến hào Thượng là Thái chi chung ; Thái đã đến cùng, tất nhiên bỉ tới, huống gì Thượng Lục lại là âm nhu, làm đầu bầy trong bọn tiểu nhân, chính là một tay đánh đổ Thái. Thánh-nhân xem đến đó mà đau đớn cho vận đời, nên có câu : thành phục vu hoàng.

Vận đời thịnh cực mà suy, tượng như thành cao khi đã đổ trúc, lại thành ra đất khối 城復于隍.

Hoàng : đất khối để đắp nên thành ; chữ « Thành » tỷ như Thái ; chữ « Hoàng » tỷ như Bỉ.

Cuộc đời đã đến lúc Thái quay lại Bỉ ; tất nhiên chúng phản, thân ly, thượng hạ hoán tán, còn gì mà dùng được việc quân nữa 勿用師.

Sư : quần chúng.

Lúc bấy giờ, nếu có xuất phát được mệnh-lệnh, cũng chỉ ở nơi chòm xóm mình mà thôi là may 自邑吉命. Tổng chi, vận trời đã hết sức người khó dằng, dầu mình hành động vẫn chính 貞, mà kết quả chỉ là thất bại, tới bây giờ mới toan vãng hồi, cũng chẳng khỏi tủi hổ 吝.

Tượng viết, thành phục vu hoàng, kỳ mệnh loạn dã,

象曰, 城復于隍, 其命亂也.

(Chữ mệnh ở đây theo chữ Mệnh ở trên hào-từ mà nói xuống).

Thành phục vu hoàng, là nói Thái cực mà Bỉ tới nơi, dầu có cáo mệnh cũng chỉ loạn mà thôi.

Thánh nhân nói câu ấy là trông mong cho người dự phòng ư trước lúc chưa loạn.

Nếu đã loạn tới, chẳng tài gì vãn hồi được nữa.

PHỤ CHÚ ; Chúng ta đọc Dịch từ lúc có **Càn, Khôn,** trải qua trung gian, nào **Truân** mà kinh-luân ; nào **Mông** mà giáo dục ; nào **Nhu** mà sinh tụ ; nào **Tụng,** nào **Sư** mà sắp đặt việc hình việc binh, nào **Súc,** nào **Lý** mà chỉnh đốn việc kinh-tế, việc lễ chế ; hao tổn biết bao nhiêu tâm huyết, chứa trử biết bao nhiêu thì giờ. Kể về phần Khảm hiểm, trải qua đến sáu lần :

1.— Truân, Khảm thượng ; **2.— Mông** Khảm hạ ;

3.— Nhu, — — **4.- Tụng,** — —

5.— Sư — hạ ; **6.— Tỷ,** — thượng.

Thoát khỏi sáu lần nguy hiểm rồi. Vậy sau trong có chốn

nuôi ; trử là **Tiểu súc**, ngoài có chốn bằng tạ là **Lý**. Bây giờ mới làm nên **Thái**.

Thái vừa đến cuối cùng tức khắc ra **Bĩ**. Ghê gớm thiệt ! làm nên tốn vô số công phu, mà làm hư chỉ trong chốc-lát, vun đắp biết bao nền tảng, mà đánh đổ chỉ trong nháy mắt,

Chúng ta đọc Dịch, thử xem từ **Càn, Khôn**, trải qua tám quẻ mới đến **Thái**. Vừa **Thái** xong tức khắc tới **Bĩ**.

Than ôi ! thành sao khó thế, bại sao dễ rư ? phúc sao chậm thế, họa sao chóng rư ?

Những người có trách-nhiệm với quốc-gia xã-hội, há chẳng nên lưu tâm vào chốn ấy hay sao ?

Xin ai đọc Dịch, nghiên tinh đàn tứ 研精殫思 những chốn vi-diệu của Vũ-trụ luân chuyển mà tự giác 自覺.

THƯ VIỆN HUMG.COM.VN

oOo

XII. QUẺ THIÊN-ĐỊA-BĨ

天 地 否

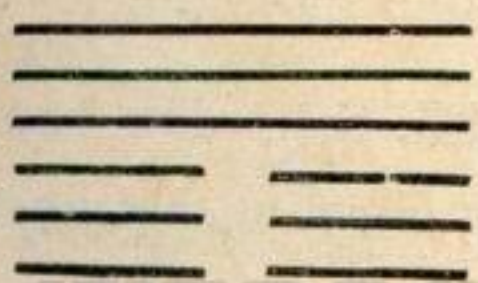

乾上 坤上
外乾 內坤

Quẻ nầy là quẻ Thiên-Địa-Bĩ.

Khôn dưới cũng là Nội-Khôn.

Càn trên cùng là Ngoại-Càn.

Càn là thiên, Khôn là địa; nên tên quẻ đọc bằng Thiên-Địa-Bĩ.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tư quái, Thái giả thông dã, vật bất khả dĩ chung thông, cố thụ chi dĩ Bĩ.

序卦，泰者通也，物不可以終通，故受之以否.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Thái tiếp lấy quẻ Bĩ, là vì cớ sao ?

Thái, nghĩa là thông 泰者通也. Bĩ, nghĩa là lấp, cũng nghĩa là cùng.

Nguyên đạo-lý trong vũ-trụ, chỉ có lẽ tương-đối, mà không lẽ gì tuyệt-đối.

Thông với lấp tương-đối, mà thông với cùng cũng tương-đối. Hễ sau lúc đã Thái,

thông rồi, tất nhiên lấp với cùng tới 物不可以終通. Vậy nên sau quẻ Thái, tiếp lấy quẻ Bỉ 故受之以否.

PHỤ CHÚ : Xem hai quẻ Thái với Bỉ liền nhau, mà bao quát được vô số đạo lý ở trong vũ-trụ.

Tỷ như : quân chúa thịnh cực, tất có ngày quân chúa đổ ; quân chúa đổ thời bình dân lên ; ty bản thịnh-cực, tất có ngày ty bản đổ, ty bản đổ thời lao-động lên, chẳng bao giờ mà Thái mãi, cũng chẳng bao giờ mà Bỉ hoài, chỉ duy vãng phục tuần hoàn, là lẽ tất nhiên. Người ta chớ lấy mắt xem gần, thấy thịnh cực mà vui mầng, thấy suy cực mà chán nản,

Nếu Vũ-trụ-gian chỉ có một lối tuyệt đối, thời duy bao giờ trái đất không xoay, nhật luân không chuyển, mới họa có thế chăng ;

TIMSACH.COM.VN

SOÁN TỪ

Bỉ chi phỉ nhân, bất lợi quân-tử, trinh, đại vãng tiểu lai.

否之匪人，不利君子貞，大往小來.

Bỉ chi phỉ nhân 否之匪人,

Phỉ như nghĩa chữ Phi : Nhân nghĩa là đạo người).

Ở trong trời đất vẫn đủ cả vạn-vật. Nhưng ở trong vạn-vật, thời người là một giống tối linh. Vậy nên chỉ nói người, thời đại biểu được cả vạn vật. Người thiệt là phối với trời đất mà làm tam tài, nên đạo người tức là đạo trời đất, mà đạo trời đất chính gởi vào đạo người.

Đạo trời là gì ? là khí dương.

Đạo đất là gì ? là khí âm.

Âm dương hòa hiệp với nhau, thời sanh thành được vạn-vật, mà đạo người cũng nhân đó mà còn. Âm dương cách tuyệt với nhau thời chẳng sinh thành được vạn-vật, mà đạo người cũng nhân đó mà mất.

Thì Bỉ nầy âm khí ở dưới, chẳng chịu thượng giao với dương, dương khí ở trên, chẳng chịu hạ tiếp với âm. Âm dương cách tuyệt nhau như thế, tất nhiên vạn-vật chẳng sinh thành, còn gì là đạo người nữa. Nên nói rằng : Bỉ chi phỉ nhân 否之匪人,

Phỉ nhân, nghĩa là ; chẳng phải đạo người.

PHỤ CHÚ : Lời phỉ nhân ở Soán-từ, tuy chuyên chỉ về âm dương bất giao, là thuộc về phần thiên địa. Nhưng lấy đạo lý ấy mà suy vào nhân sự. Tỷ như : Thân một người, dương-nhiệt thượng xung, âm-hàn hạ trệ, tất thành ra bệnh quan cách bất thông 關格不通.

Tâm thuật một người, phấn sức thiên lý ở bề ngoài, chất chứa nhân dục ở bề trong, thời chẳng khác gì cầm thú, thảy là phỉ nhân. Thân-thể đã bỉ tất nhiên thân tử, tâm thuật đã bỉ, tất nhiên tâm tử, chẳng phải vô nhân đạo hay sao ?

Bất lợi quân-tử trinh, đại vãng tiểu lai.

不利君子貞，大往小來.

Ở thì Bỉ nầy, chính là thì âm tà đắc chí, tiểu-nhân hoành hành, rất chẳng lợi với đạo chính của quân-tử 不利君子貞, Vì cớ sao quân-tử trinh lại bất lợi ? Vì thì Bỉ nầy trái với thì Thái. Thì Thái tiểu vãng đại lai, mà thì Bỉ đại vãng tiểu lai. Đại vãng, là dương cương qua ra ở ngoài ; tiểu lai, là âm nhu lại vào ở trong : là tượng quân tử, thất vị tại ngoại, tiểu nhân đắc

thế tại nội. Vậy nên, đạo trinh chính của quân tử, gặp hồi nầy chỉ nên tiềm tàng thối ẩn, chẳng làm gì thuận lý được.

Xem lời Soán truyện dưới nầy càng rõ lắm.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, bỉ chi phỉ nhân; bất lợi quân-tử, trinh, đại vãng tiểu lai, tắc thị thiên địa bất giao, nhi vạn vật bất thông dã ; thượng hạ bất giao, nhi thiên hạ vô bang dã. Nội âm nhi ngoại dương , nội nhu nhi ngoại cương, nội tiểu-nhân nhi ngoại quân-tử, tiểu nhân đạo trưởng, quân-tử đạo tiêu dã.

TIMSACHTOMVN

彖曰，否之匪人，不利君子貞，大往小來，則是天地不交，而萬物不通也．上下不交，而天下无邦也．内陰而外陽，内柔而外剛．内小人而外君子，小人道長，君子道消也．

Xem suốt ba câu Soán-từ quẻ Bỉ thời :

Soán viết, bỉ chi phỉ nhân, bất lợi quân tử trinh, đại vãng tiểu lai.

彖曰，否之匪人，不利君子貞，大往小來，則是

Càn ở trên, Khôn ở dưới , âm dương hai khí chẳng giao tiếp với nhau là thiên địa bất giao mà vạn vật không thể sanh thành được 天地不交，而萬物不通也．

Càn là phía trên, Khôn là phía dưới, trên áp chế dưới, dưới cách tuyệt trên, là thượng hạ bất giao, mà thiên hạ không chốn nào thành bang quốc được 上下不交，而天下无邦也．

Chữ thiên hạ vô bang, há phải thiệt vô bang đâu ! chính chẳng ra chính, giáo chẳng ra giáo, trên chẳng thương dưới,

dưới chẳng phục trên, tuy hữu bang mà cũng in như vô bang vậy.

Hai câu ấy chỉ là nói nhân sự hoại loạn đạt ư cực điểm. Vậy nên Soán từ đã nói ; Bĩ chi phỉ nhân, lại nói : bất lợi quân tử trinh.

Soán-từ ở trong tuyền kinh, duy quẻ nầy là xấu hơn hết. Bởi vì, theo như tượng quẻ. Nói về thể quẻ, thời ba âm ở trong, mà ba dương ở ngoài 內陰而外陽. Nói về đức tính quẻ, thời âm nhu ở trong, mà dương cương ở ngoài 內柔，而外剛. Nói về thế đạo, thời tiểu nhân đắc thế ở trong, mà quân tử phải thất thế ở ngoài 內小人，而外君子，đạo tiểu-nhân thời ngày càng trưởng thêm 小人道長，đạo quân-tử thời ngày càng mòn thêm 君子道消也. Thế là thiên đạo bĩ, thời dân sự cũng bĩ luôn.

PHỤ CHÚ : Chúng ta đọc Soán-từ quẻ Thái, quẻ Bĩ, thấy được thiên đạo Thái, thời nhân sự cũng theo mà Thái luôn. Thiên-đạo Bĩ, thời nhân sự cũng theo mà Bĩ nốt. Thế thời chúng ta làm người ở một đời, toan ra gánh việc của một đời, chỉ phải nhường quyền cho thiên đạo mà thôi rư ? Không, không.

Nguyên lai, âm với dương, quân tử với tiểu-nhân, vẫn thường thường có luôn ở giữa Vũ-trụ, chỉ tranh nhau cái Cơ-quan tiêu trưởng mà thôi. Chẳng qua âm tiêu, dương trưởng thời Thái, âm trưởng, dương tiêu thời bĩ; quân tử trưởng, tiểu nhân tiêu thời Thái ; tiểu nhân trưởng, quân tử tiêu thời bĩ. Chính giữa lúc đông hàn mà vẫn có dương, vì thế mà đông qua thời có xuân lại.

Chính giữa lúc đời loạn, mà vẫn có quân-tử, vì thế mà loạn cực thời trị sinh.

Xét cho đến nguyên nhân, thời rất quan hệ là cơ tiêu trưởng, nhưng cái tiêu đó có phải bỗng chốc mà tiêu ngay đâu, cái trưởng đó có phải bỗng chốc mà trưởng ngay đâu.

Nhất đương sinh từ **quẻ Phục**, đến trưởng chi cực, mới thành ra quẻ **Càn**, nhất âm sinh từ quẻ **Cấm**, đến trưởng chi cực mới thành ra quẻ **Khôn**, tuần hoàn tích lụy, há phải một mai một hôm mà nên rư ? Thiên đạo như thế, nhân sự cũng như thế, tiêu chẳng phải tiêu ở khi tiêu, mà chính măng mậm tiêu ở khi đương trưởng. trưởng chẳng phải trưởng ở khi trưởng, mà chính cội gốc trưởng ở khi đương tiêu. Một giọt không ngăn, thời trích trích chảy hoài, có thể thành ra sông bể. Một cây không đốn, thời ầm ầm nứt mãi, có thể thành ra rừng rậm.

Chúng ta nếu để mắt vào một giọt, một cây, mà phòng bị phần trưởng của tiểu nhân, vừa bổ cựu phần tiêu cho quân-tử. Thế đạo làm gì Bỉ mà chẳng Thái. Đó chính là lấy nhân sự mà vẫn hồi thiên đạo.

Xin xem cả hào-từ hai quẻ thời rõ lắm.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên địa bất giao, bỉ ; quân-tử dĩ kiệm đức tỵ nạn, bất khả vinh dĩ lộc.

象曰，天地不交，否．君子以儉德辟難．不可榮以祿．

Thì Bỉ là đương lúc thiên địa bất giao 天地不交. Thiên đạo đã lù mù, nhân sự cũng bế tắc, quân-tử xử thì ấy, thời nên thế nào ? Gặp thì đường đời rắc rối, tính người hiểm sâu, đã không thể tranh thắng với bọn tiểu nhân, thời càng chẳng nên

hy-sinh thân danh vì lợi lộc. Chỉ duy lo dè-dặt đức mình, để tránh khỏi họa vì tiểu nhân mà mắc lấy nạn 君子以儉德辟難, mà lại nhất thiết những lộc vị của người cho mình, tuyệt đối chẳng thèm 不可榮以祿.

Kiệm đức, nghĩa là thao quang hối tích 韜光晦跡. chẳng loè loẹt đức mình cho người thấy. Bất khả vinh dĩ lộc, nghĩa là : dầu đem lộc vị cho mình, mà mình chẳng kể nó là vinh.

Ở trên Văn-ngôn quẻ Khôn có câu : Thiên địa bế, hiền nhân ẩn 天地閉, 賢人隱. chỉ một chữ ẩn vừa đủ thích tượng truyện dày.

PHỤ CHÚ : Quẻ **Truân**, quẻ **Bĩ** thảy là thế đạo dương hồi khốn nạn, nhưng tượng từ quẻ **Truân** thời bảo rằng : **quân-tử dĩ kinh luân**, tượng từ quẻ **Bĩ** thời lại bảo rằng. **quân-tử dĩ kiệm đức tỵ nạn.** Thế chẳng mâu thuẫn lắm hay sao ?

Không phải, Truân là đương lúc hoạn nạn mới manh nha, thời cứu cấp phù nguy là trách nhiệm của quân-tử. Đến như Bĩ là họa-hoạn đã thập phần đáo để. Nếu không thì thế kỵ-hội, thời chẳng nên làm việc gì. Xử thì ấy, chỉ duy ẩn thân dãi thì là minh triết của quân-tử. Hai tượng từ tuy khác nhau, mà đạo lý vẫn thông dụng với nhau.

HAO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

Sơ Lục, bạt mao như, dĩ kỳ vị, trinh, cát hanh.

初六, 拔茅茹, 以其彙, 貞, 吉亨.

Sơ Lục bắt đầu bước vào thì Bĩ, chính là thì làm lỵ cho bọn tiểu nhân, mà Sơ Lục nầy, chất lục là âm nhu, vẫn là đồng đẳng với hai hào trên. Nếu Sơ dắt đoàn kéo lũ liên lạc với hai

hào-trên mà đồng thì tịnh tấn, làm công việc đánh đổ Thái, thời thế đạo chắc bị ngay.

Thánh nhân vì đau lòng cho thế đạo, nên trông mong bọn họ hóa ra quân-tử. Vả lại Sơ Lục còn ở đầu quẻ, tượng là một người mới bắt đầu ra đời, còn mong cảm hóa được. Thánh-nhân mới có lời khuyên dỗ rằng : Thì đại nầy chính là kỳ hội các anh dắt nhau lên. Nhưng trông mong cho các anh thương tiếc lấy đồng bào, giữ gìn lấy phúc sau, bỏ hết tà tâm mà giữ lấy chính đạo, dắt nhau đi vào đường chính. Thế thời tiền đồ của các anh chắc được cát mà hanh.

Nếu các anh không trinh, thời chưa chắc đã khỏi mắc lấy hung họa ; câu : Bạt mao như dĩ kỳ vị, cũng như hào-tử Sơ-Cửu quẻ Thái, mà ý thời khác nhau xa. Thái, là thì quân-tử tịnh tấn, mà Bĩ thời chính là thì tiểu nhân tịnh tấn.

PHỤ CHÚ : Chữ Trinh ở hào Sơ với chữ Trinh ở Soán-từ nguyên chỉ một chữ. Nhưng Soán-từ thời đạo chính thuộc về phe quân-tử, nên nói rằng : quân-tử trinh. Hào-Sơ là Thánh-nhân lấy lẽ chính khuyên miễn cho tiểu-nhân, nên nói rằng : Nếu trinh thời cát hanh, là trông mong cho tiểu-nhân hóa ra quân-tử.

Tượng viết, bạt mao, trinh cát, chí tại quân dã.

象曰，拔茅，貞吉．志在君也．

Nguyên lai, Sơ-Lục là hào-âm vẫn tiểu-nhân, mà thượng ứng với Cửu-Tứ là hào dương. Dương là quân-tử ; Sơ ứng với Tứ là người dưới ứng với người trên. Thế là Cửu-Tứ làm chủ nhân, mà Sơ-Lục làm tôi tớ. Nếu tôi tớ trung thành với chủ-nhân, thời tất nhiên chủ nhân khỏi bị họa. Nên tượng truyện khuyên cho Sơ rằng : Bạt mao trinh cát, nghĩa là cốt trông cho

tâm chí anh lo trung-thành với chủ nhân anh vậy 志在君也.

Quân : chủ nhân, tức là Cửu-Tứ. Tứ là loài quân tử, nên khuyên rằng : chí tại quân.

2.— Lục-Nhị, bao thừng, tiểu-nhân cát, đại nhân bĩ hanh.

六二, 包承, 小人吉, 大人否亨.

Lục-Nhị cũng là tiểu nhân ở trong thì Bĩ, nhưng vì bổn thân Nhị, hào Lục vị Nhị là cư trung đắc chính, một tay hào kiệt trong phường tiểu-nhân. Bổn đẳng nó tuy là tiểu-nhân, mà bổn thân nó lại chẳng muốn làm mất lòng quân-tử, nó cũng phấn sức ra cách đạo đức, khéo bao bọc thừng thuận lấy ba dương trên 包承. Tiểu nhân mà biết như Lục Nhị, thời lỵ đã được, mà danh cũng chẳng mất 小人吉. Tiểu nhân cát, nghĩa là cách tốt lành thuộc về tiểu-nhân.

Tuy nhiên, quân tử với tiểu nhân vẫn bất đồng đạo, tuy tiểu nhân có bao thừng quân-tử đi nữa, cũng chẳng qua mua danh chuốc tiếng mà thôi, có lẽ nào quân-tử chịu thất thân với nó đâu. Nếu quân-tử mà bất tự trọng, cam dựa vào nó để được an thân, thời còn gì là tốt nữa đâu. Nên hào-từ lại có câu rằng : Đại nhân bĩ hanh.

Đại nhân : Người có đạo đức lớn.

Bĩ, hanh : an giữ lấy cùng khốn, thời thân mình tuy Bĩ, mà đạo mình được Hanh. Câu hào-từ nầy cũng như câu : quân tử cố cùng 君子固窮 ở sách Luận ngữ, nghĩa là : quân-tử vẫn giữ lấy cùng, mới là quân-tử.

Tượng viết, đại nhân bĩ hanh, bất loạn quần dã,

象曰, 大人否亨, 不亂羣也.

Bỉ vẫn một cảnh ngộ rất khốn nạn. Vì cớ sao lại nói rằng: bỉ mà hanh.

Bởi vì, quân-tử ở thì Bỉ, thế lực mình đã chẳng đủ tranh với tiểu-nhân, mà đạo mình lại trái với tiểu nhân. Nếu mình hỗn tạp với bầy tiểu nhân, thời đạo của mình hỏng trớt, thân còn mà đạo mất, quân-tử có chịu làm đâu, âu là độc lập bất biến, chẳng chịu tạp loạn với bầy tiểu-nhân 大人否亨，不亂羣也. Thế thời thân tuy cùng, mà đạo vẫn hanh thông vậy.

PHỤ CHÚ : Chữ đại nhân là thay chữ quân-tử ở trên Soán-từ, rất có ý nghĩa, ở trên là nói bằng cách phổ thông, ở đây là nói cách đặc biệt.

Vì muốn cho quân-tử được hoàn-toàn làm quân-tử, nên dùng chữ đại nhân mà phản đối chữ tiểu-nhân,bảo có được như thế, thời đạo mình mới lớn. Chữ Đại đây chẳng phải nói đại bằng thế lực mà đại bằng đạo đức

3.— Lục Tam, bao tu.

六三，包羞.

Hào-Lục vị-Tam, âm nhu bất trung bất chính, ở về thì Bỉ, lại là tiểu nhân chi cực, lại ở trên hai hào âm, chính là người đầu bầy trong đám tiểu nhân. Theo về cách hành động của Tam, thời biết được tâm chí của Tam, chắc được trong lòng nó chất chứa một khối âm hiểm gian tà, mưu hại quân-tử, thiệt đáng xấu hổ mà thôi 包羞,

PHỤ CHÚ ; Đọc hào từ hạ quái quẻ Bỉ, biết được tâm lý thánh-nhân vẫn ghét tiểu-nhân, mà chẳng bao giờ tuyệt tiểu-nhân. Hào Sơ là tiểu nhân mới ra đời, còn trông mong cho nó hóa ra quân tử, mà khuyên rằng : trinh cát, hanh.

Đến Hào Nhị thời trông cho nó bao thừng quân tử mà nói rằng : tiểu-nhân cát. Đến hào Tam, thời tiểu-nhân đã đạt ư cực-điểm, nên hào từ chỉ có hai chữ « Bao tu ». Ngó như hình đau chi cực, ghét chi cực, mà chẳng muốn nói nhiều. Nhưng ở trong thì ấy, thánh nhân rất lo quân tử bị sụp. Nên soán-từ nói rằng : bất lợi quân tử trinh, mà hào từ Lục Nhị lại có câu : Đại nhân, Bĩ hanh. Tiên hiền có câu nói rằng : Dịch vị quân tử mưu, bất vị tiểu nhân mưu 易爲君子謀,不爲小人謀. Nghĩa là : Kinh Dịch chỉ tính toan cho quân-tử, chẳng phải vì tiểu-nhân mà tính toan.

Tượng viết, bao tu, vị bất đáng dã.

象曰,包羞,位不當也.

Lục-Tam sở dĩ đến nỗi bao tu, là vì hoàn cảnh của Tam đương buổi tiểu nhân đạo trưởng, mà địa vị của Tam lại bất trung bất chính, mới đến nỗi khả ố như thế.

PHỤ CHÚ : Chữ vị đây có ý nghĩa hơn mọi nơi. Nguyên tâm lý của người ta lúc đầu, thời ai cũng muốn làm quân-tử, phần nhiều vì hoàn cảnh xô đẩy, những hạng người chí-khí bạc nhược, nên chẳng bao lâu thời biến ra tiểu-nhân.

Ở về thì Bĩ, mà lại xử vào địa vị Lục-Tam, kết quả chỉ là bao tu, cũng vì vị mà xui nên như thế.

4.— Cửu-Tứ, hữu mệnh, vô cựu, trù ly chỉ.

九四,有命,无咎,疇離社,

Mệnh : mệnh trời, tượng như thì vận, cũng nghĩa là số tự nhiên ; trù : loài bạn ; ly : nương nhờ ; chỉ : phúc.

Theo về thể tuyền quẻ, thời nội Tam âm là tiểu nhân,

ngoại Tam dương là quân-tử. Cửu-Từ có đức dương cương ở vào thể Càn kiện, vẫn là một bậc quân-tử, lại vừa lúc vận Bỉ đã quá nửa là vị Tứ, chính là một kỳ hội tốt cho quân tử, ngó thì thế đã sắp sửa hữu vi được, gặp hồi Bỉ đã quá nửa, mà tài Tứ lại có thể xoay được Bỉ. Thánh nhân mừng mà lại nói rằng : Tứ ơi ! thì vận đã tới rồi 有命, ở trên có hai dương là đảng quân-tử của mình, mình hết sức lo một cách tấn hành cho đúng, chớ làm những việc lầm lỗi 无咎 ; thời chẳng những mình được tốt mà thôi, mà phe phái bạn-hữu mình, cũng thảy dựa cậy vào mình mà được phúc chỉ 疇離祉.

Tượng viết, hữu mệnh vô cựu, chí hành dã.

象曰, 有命无咎, 志行也.

Hào-từ nầy Bỉ sắp cực, mà Thái sắp lại, chính là kỳ hội vừa bắt đầu tốt, chỉ cốt cách hành động giữa mình cho được vô cựu, thời chí tế-thế an-bang của mình, chắc được phát-triển vậy.

PHỤ CHÚ : Cửu-Tam quẻ Thái vừa đúng nửa Thái, thánh-nhân sợ Bỉ sắp tới, nên răn rằng · gian trinh.

Hào-từ quẻ Bỉ vừa quá nửa Bỉ, thánh nhân mầng cho Thái sắp đến. Nên nói rằng : hữu mệnh vô cựu.

Tuy nhiên, việc trong thiên hạ từ Thái bước sang Bỉ, làm việc rất dễ, nên phải lo sẵn cho Cửu-Tam, từ Bỉ mà bước sang Thái, là việc rất khó, nên Thánh-nhân chưa dám vội mầng, chờ đến Cửu Tứ thiệt thấy dương cương đắc vị, mới tỏ ra ý mầng.

Chúng ta nếu biết được ý ấy, thời gặp thì Thái chớ nên thị thường tức là gian trinh, gặp thì Bỉ lo rình kỳ hội, tức là hữu mệnh, có thì tiết nào mà chúng ta chán-nản đâu.

5.— Cửu-Ngũ, hưu bĩ, đại nhân cát, kỳ vương, kỳ vương, hệ vu bao tang

九五，休否，大人吉，其亡，其亡，繫于包桑.

Hưu : thôi nghỉ, chữ kỳ nầy là hoạt-động từ ; vương : mất ; kỳ vương : e có lẽ mất đó mà ; hệ : dằng buộc ; bao tang : ngùm rễ dâu. Dầu là giống ăn xuống đất rất sâu, ngùm rễ dâu lại càng khó nhổ. Nên có tượng bền chặt.

Hào nầy ở giữa Ngoại quái. Bĩ còn một hào nữa thời Bĩ hết. Theo về thì vận là Thái vận đã có cơ sắp tới : Cửu-Ngũ có đức dương-cương trung chính lại ở vào vị chí-tôn, mà lại gặp được hồi Bĩ sắp chung, Thái sắp tới.

Tài đức ấy, ky-hội ấy, đứng ra gánh việc đời, chắc là thôi nghỉ được Bĩ cho thiên hạ 休否. Ấy là đạo tốt lành của đại-nhân đó vậy 大人吉.

Tuy nhiên, khi đương trị mà làm ra loạn thời dễ, khi đương loạn mà làm ra trị thời khó. Huống gì hoàn cảnh Cửu-Ngũ thiệt chưa ra khỏi Bĩ, tuy có tài tuyền chuyển, may tạm thì Bĩ hưu, nhưng chưa nên vội mầng, phải nghỉ sâu tính xa, thường để ý vào phòng ưu lự hoạn, tự răn đe trong lòng rằng : E có lẽ mất đây chăng, e có lẽ mất đây chăng 其亡，其亡. Nếu được như thế, thời nền-tảng mình đắp mới thêm bền sự-nghiệp mình làm mới thêm vững, một cách kiên cố như chằng buộc vào ngùm rễ dâu 繫于包桑.

Ý nghĩa hào-từ nầy, xem hệ-từ giải thích càng rõ lắm. Xin tiện biên vào đây.

Tử viết, nguy giả an kỳ vị giả dã; vương giả bảo kỳ tồn giả dã ; loạn giả hửu kỳ trị giả dã. Thị cố quân-tử an nhi bất

vương nguy ; tồn nhi bất vương vương ; trị nhi bất vương loạn. Thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo dã.

子曰, 危者, 安其位者也. 亡者, 保其存者也. 亂者, 有其治者也. 是故君子, 安而不忘危. 存而不忘亡. 治而不忘亂, 是以, 身安而國家可保也.

Hệ-từ nói rằng 子曰 : Sở dĩ đến nỗi nguy, là vì mình chắc an được vị mình đó vậy 危者, 安其位者也. Sở dĩ đến nỗi vương là vì mình thường chắc được tồn đó vậy 亡者. 保其存者也. Sở dĩ đến nỗi loạn là vì mình thường chắc được trị đó vậy 亂者, 有其治者也. Vì vậy cho nên đấng quân-tử 是故君子, xử gặp thì đã an rồi, mà chẳng dám quên những sự nguy 安而不忘危. Gặp thì đã tồn rồi, mà chẳng dám quên cái họa vương 存而不忘亡, gặp thì đã trị rồi, mà chẳng dám quên cái cơ loạn 治而不忘亂. Vì được như thế, nên thân mới an mà nước nhà mới giữ được vững vậy 是以身安, 而國家可保也.

Tượng viết, đại nhân chi cát, vị chính đáng dã.

象曰, 大人之吉, 位正當也.

Đại-nhân ở Cửu-Ngũ với đại nhân ở Lục-Nhị, vẫn in nhau một bậc đại-nhân. Nhưng đại-nhân ở Lục-Nhị, hãy còn tại hạ vô vị, tuy có đức mà không thể hữu vi được, nên phải chịu bỉ mới được hanh 大人否亨. Đại nhân ở Cửu-Ngũ, là địa vị chí tôn 大人之吉, 位正當也. Đức đã thịnh vị lại tôn, nên làm nổi sự nghiệp hưu bỉ 休否.

Đức tuy đồng, mà vị khác nhau, thời công nghiệp làm, cũng nhân cảnh ngộ mà khác nhau. Thế mới biết : thì thế tạo anh hùng, vẫn có lẽ.

6. Thượng Cửu, khuynh bĩ, tiên bĩ. hậu hỷ.

上九, 傾否. 先否. 後喜.

Thượng Cửu cũng lấy nghĩa bằng tuyền quẻ, quẻ Bĩ đến hào Thượng là vị cuối cùng. Thượng là Bĩ đã cùng cực rồi. Hễ vật lý đã cùng cực, tất quay trở lại. Vậy nên bĩ cực tắc thái lai. Thượng Cửu chính gặp cơ hội ấy, mà lại giữa bản thân có tài dương cương, dắt kéo cả hai hào dương ở dưới lên nữa, ra tay tuyền Càn chuyển Khôn đánh đổ được Bĩ 傾否. Duy ở thì cuối cùng Bĩ, thời nửa đoạn trước vẫn còn lo Bĩ 先否, mà đến nửa đoạn sau, rành là hoan hỷ, là vì lúc ấy đã bước lên Thái rồi 後喜.

Tượng viết, Bĩ chung tắc khuynh, hà khả trường dã.

象曰, 否終則傾, 何可長也

Bĩ đến Thượng Cửu là Bĩ chung rồi tất phải khuynh, có lẽ đâu Bĩ dài được. Thiên vận vẫn như thế, mà nhân sự cũng như thế.

PHỤ CHÚ.— Dịch lý cốt ở nơi tinh thần, chẳng phải chỉ xem ở nơi văn tự. Văn tự là một giống mà thánh nhân mượn để tỏ ý nghĩa. Chúng ta phải hội lấy tinh thần ở ngoài văn-tự, mới là biết học Dịch.

Lục-Tam quẻ Thái chính là đương khi quân-tử đạo trưởng, mà thánh-nhân đã lo đến vô bình bất bi. Cửu-Tứ quẻ Bĩ chưa khỏi thì tiểu-nhân đạo trưởng, mà thánh nhân đã chắc rằng : hữu mệnh vô cựu. Thế mới biết Thái chưa cực mà thánh nhân đã nghĩ đến Bĩ lai, Bĩ chưa cực mà thánh nhân đã nghĩ đến Thái lai. Chỉ trông mong cho chúng ta lấy nhân sự mà vãn hồi tạo-hóa

Nếu chờ đến Thượng-Lục quẻ Thái, mới biết được họa

« thành phục vu hoàng », chờ đến Thượng-Cửu quẻ Bỉ mới biết được phúc « khuynh Bỉ hậu hỷ », té ra chỉ ngồi nghe tạo-hóa, có gì là nhân-sự vãn hồi nữa đâu, như thế, thời thánh nhân chẳng cầu làm Dịch.

Thánh-nhân làm Dịch chỉ cốt cho người ta : biết Thái tương cực ư khi còn Cửu-Tam, mà trước phải gian trinh. biết Bỉ tương cực ư khi còn Cửu-Tứ, mà trước lo cho vô cựu, có như thế, mới là mắt đọc Dịch, mà chính là người xử thế biết nhằm ky-hội.

Lại còn một lẽ, nhân sự vẫn vãn-hồi được tạo-hóa, nhưng tất phải có tài đức quân tử mới làm xong. Hào dương ở trong Kinh-Dịch tượng là quân-tử.

Ba hào ở ngoại-quái Thái, tuy dương thì còn Thái, mà vì ba hào ấy rặt là âm hào là tiểu nhân, nên kết quả chẳng giữ được Thái. Ba hào ở ngoại quái Bỉ, tuy đương thì còn Bỉ, nhưng vì ba hào ấy, rặt là dương hào là quân-tử, nên chẳng bao lâu mà đánh đổ được Bỉ.

Đó lại là thâm ý của thánh-nhân bảo cho chúng ta nên qui quân-tử mà tiện tiểu-nhân vậy.

o O o

XIII.— QUẺ THIÊN-HỎA ĐỒNG-NHÂN

天火同人

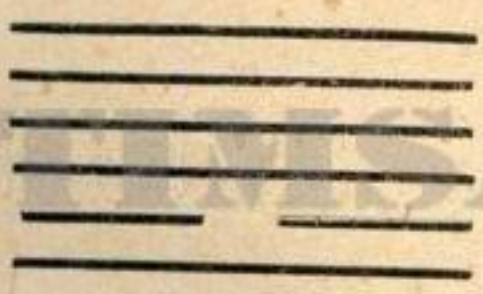

乾 上 外 乾

離 下 內 離

Quẻ nầy là quẻ Thiên-Hỏa Đồng-Nhân.

Ly ở dưới cũng là nội Ly.

Càn ở trên cũng là ngoại-Càn.

Càn là thiên, Ly là hỏa ; nên tên quẻ đọc bằng Thiên-Hỏa Đồng-Nhân.

TỰ QUÁI

Tự quái, vật bất khả dĩ chung Bĩ, cố thụ chi dĩ Đồng-nhân.

序卦，物不可以終否，故受之以同人.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Bỉ tiếp lấy quẻ Đồng-nhân, là vì cớ sao ?

Bỉ nghĩa là bế tắc, cũng nghĩa là cách tuyệt. Xưa nay đạo người không thể bí tắc mà cách tuyệt nhau mãi 物不可以終否. Trái lại, tất phải giao thông hòa hợp với nhau. Vả lại có giao-thông hòa hợp đồng tâm hợp lực với nhau, mới làm nên việc khuynh bỉ. Vậy nên sau quẻ Bỉ tiếp lấy quẻ Đồng-nhân 故受之以同人.

Theo về tượng quẻ, thiên là vị ở trên, hỏa là tính phụt lên trên, là trạng thái Đồng-nhân.

Xem ở hai thể quẻ, hào-Ngũ làm chủ cho Càn, hào Nhị làm chủ cho Ly, hai hào có đức trung chính ứng với nhau là tượng thượng hạ tương đồng. Vì thiên hỏa đồng tượng, thượng hạ đồng tâm. Nên đặt tên quẻ bằng Đồng-nhân.

SOÁN TỪ

Đồng-nhân vu dã, hanh ; lỵ thiệp đại xuyên, lỵ quân tử trinh.

同人于野，亨．利涉大川．利君子貞．

Nghĩa đặt tên quẻ đã giải thích như trên, đây chỉ thích nghĩa Soán-từ.

Nội quái Ly, Ly là hỏa, là nhật, là điện, là một giống rất văn-minh.

Ngoại quái Càn, Càn là thiên, Ly chung một quẻ với Càn, mà Ly lại ở dưới Càn tượng là lửa bén lên tận trời, cũng tượng là mặt trời lên chính giữa trời, soi dọi khắp thế giới.

Đạo đại-đồng của thánh nhân cũng xa lớn như thế. Nên gọi bằng Đồng-nhân, nghĩa là ; tất thảy loài người đại-đồng với nhau. Theo về đạo lý ấy, tất phải chí công lại đại công, chẳng thiên ty về một quốc gia nào, một dân-tộc nào, một xã hội nào, như thế mới gọi bằng Đồng-nhân. Nên Soán từ nói rằng : Đồng nhân vu dạ.

Dạ : đồng không, là đám đồng ở ngoài chốn không làng nước, thủ nghĩa bằng xa, và ngoài, nên nói vu dạ.

Đồng với người, mà lại đồng ở nơi giao dạ khoáng viện, chẳng kỳ người thân cận, chẳng kỳ chốn láng giềng, dầu xa

lạ đến đâu, cũng đồng hết thảy. Như thế mới là đạo chí công đại đồng.

Thiên hạ đã đến lúc đại đồng, còn có chốn nào chẳng thông được 同人于野，亨. mặc dầu đường đời khấp khểnh, lòng người hiểm sâu, nhưng đã đến lúc đại đồng, thời chẳng hiểm trở gì mà chẳng bằng, chẳng gian nguy gì mà chẳng lọt, dầu đại xuyên cũng ly thiệp 利涉大川. Đó chính là cảnh tượng Đại đồng rất vui vẻ.

Tuy nhiên, muốn làm được đến cảnh tượng ấy, há phải phường tiểu nhân chỉ dùng ý riêng đi đường tắc, mà làm nên được ru ? Nên lại nói rằng : Lỵ quân-tử trinh, nghĩa là đạo đồng nhân chỉ lỵ ư đạo chính quân-tử mà thôi 利君子貞.

PHỤ CHÚ ; Chữ dạ, chữ xuyên, chỉ là mượn giống hữu hình mà chỉ về lý vô hình.

Rằng vu dạ thời dầu xa mấy cũng đồng tới nơi. Rằng thiệp xuyên, thời dầu hiểm mấy cũng đồng được thảy. Nếu chỉ hạn chế ở nơi chốn gần, ngăn đón vì nơi chốn hiểm, thời chẳng đồng nhân được, mà lại cốt ở quân tử trinh. Trinh, tức là trung chính. Đồng nhân mà bất trung, tất nhiên có thiên vị, đồng nhân mà bất chính, tất nhiên chẳng lâu dài. Vậy nên muốn được đồng nhân, tất phải có quân tử trinh.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, đồng nhân, nhu đắc vị, đắc trung, nhi ứng hồ Càn, viết đồng nhân, Đồng nhân vu dạ, hanh ; lỵ thiệp đại xuyên, càn hành dã ; văn minh dĩ kiện, trung chính nhi ứng, quân-tử chính dã. Duy quân tử vi năng thông thiên hạ chi chí,

彖曰，同人，柔得位，得中，而應乎乾，曰同人. 同人于野，亨. 利涉大川，乾行也. 文明以健，中正而應，君子正也. 唯君子，為能通天下之志.

Soán viết, đồng nhân, nhu đắc vị, đắc trung, nhi ứng hồ Càn, viết đồng nhân.

彖曰，同人，柔得位. 得中，而應乎乾，曰同 .

Lời Soán truyện đây lấy riêng một nghĩa, chuyên lấy thể quẻ, mà thích chữ đồng nhân, là ý đặc biệt của đức Khổng.

Nhu chỉ vào Lục-Nhị, Nhị là làm chủ quẻ Ly. Bởi vì: Thể Ly nguyên quẻ Càn, vì thay một nét âm vào giữa quẻ Càn, mà thành quẻ Ly. nên gọi bằng chủ quẻ Ly. Tứ một hào Nhị thời bao được tuyền quẻ ly.

Nhị đã âm nhu, ở vào âm vị là đắc vị 柔得位. Nhị là vị giữa hạ-quái, lại hào giữa quẻ Ly là đắc trung 得中, thượng ứng với hào Ngũ quẻ Càn là ứng hồ Càn, 而應乎乾.

Xem hai thể quẻ như thế, là thượng hạ tương đồng, cũng là nội ngoại tương đồng, nên đặt tên quẻ bằng Đồng-nhân 曰同人.

Đồng nhân vu dạ, hanh ; lỵ thiệp đại xuyên, Càn hành dã.

同人于野，亨. 利涉大川，乾行也.

Có đức chí thành vô ty, cất nổi việc : đạo nguy lý hiểm 蹈危履險, hành động như thế, thiệt đáng với đạo Càn vậy.

Càn là thiên, có đức đại công như thiên, che khắp thế giới, mà chẳng riêng một chốn nào, mới đồng được nhân.

Văn-minh dĩ kiện, trung chính nhi ứng, quân tử chính dã.

文明以健. 中正而應，君子正也.

Đây là thích câu : lỵ quân tử trinh.

Theo về thể quẻ, Ly có đức văn minh, Càn có đức cương kiện 文明以健. Nhị Ngũ có đức trung chính, mà ứng với nhau, Ly ở Nội, là văn minh chứa trử ở phía trong ; Càn ở ngoài, là cương kiện tác dụng ở phía ngoài, mà lại vừa trung, vừa chính, mà ứng với nhau 中正而應, Đó là đạo chính của quân-tử 君子正也.

Duy quân-tử, vi năng thông thiên hạ chi chí.

唯君子,爲能通天下之志,

Câu nầy lại tiếp câu trên mà nói.

Duy bậc quân-tử có đức văn minh cương-kiện, trung chính, mới hay thông suốt được tâm chí của thiên-hạ.

Tâm-chí của thiên hạ, thiên trạng vạn thái, vẫn rất khó đồng, nhưng theo về nguyên-lý của loài người, nếu dò xét cho đến chân tính, chân tình.

Tỷ như : đói ai cũng muốn ăn ; rét ai cũng muốn mặc ; khó nhọc ai cũng lấy làm khổ ; sung sướng ai cũng lấy làm vui, thời một lẽ in như nhau. Nếu lấy lòng mình mà đặt vào lòng người, có cớ gì mà chẳng đồng được. Sở dĩ chẳng đồng được, là vì chúng ta chẳng minh lý, nên chẳng xét thấu tâm-lý người chẳng cương kiện nên chẳng cấm được ty-tà mình. Kết quả thời không cảm hóa được tinh thần người. Nên nỗi tâm chí của thiên hạ cách tuyệt nhau, mà chẳng thông được.

Duy quân-tử có đức văn-minh, thời sai lý sáng suốt, mà hiểu thấu nghĩa đại đồng, có đức cương kiện, thời bỏ sạch được ty tâm mà làm đúng đạo đại đồng. Như thế là hợp được đức trời, mà làm nên sự nghiệp trời, còn lo gì tâm chí thiên hạ chẳng thông được nữa ru ?

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên dự hỏa, đồng nhân, quân tử dĩ loại tộc biện vật.

象曰, 天與火, 同人, 君子以類族辨物.

Quẻ nầy Ly với Càn chung làm một quẻ, Càn là thiên, thiên tại thượng, Ly là hỏa, hỏa viêm thượng, có thể xu-hướng đồng với nhau. Nên đặt tên quẻ bằng Đồng nhân 天與火, 同人.

Quân-tử xem tượng ấy mới nghĩ rằng : ở trong Vũ-trụ, hễ mỗi người tài chất chẳng đồng với nhau, hễ mỗi vật tình trạng chẳng đồng với nhau, làm thế nào mà đồng được.

Quân tử mới nghĩ ra phương pháp, phân biệt cho ra những chốn khác nhau, mà thu xếp cho đến đồng nhau, tức là « loại tộc biện vật ».

THMSACH.COM.VN

Loại, nghĩa là tỷ giảo cho rõ ra từng loại.

Tộc, nghĩa là từng giống mà cũng là từng bọn.

Biện, nghĩa là phân biệt cho rành ; vật, nghĩa là việc, cũng nghĩa là cái, như ta nói cái nọ cái kia v.v...

Quân tử muốn làm được đồng nhân, bắt đầu phải phân-biệt từng loại của các chủng tộc 類族, biện minh ra mỗi sự vật 辨物 mà xử trí cho các đắc kỳ sở, ai nấy cũng thỏa thích sở cầu, ai nấy cũng phát-triển sở năng, thủ đoạn tuy vẫn bất động nhưng kết quả thời là đại đồng.

Bây giờ xin thiết ra thí dụ cho rõ nghĩa tượng. Tỷ như : loài cá là chủng tộc ở nước, loài chim là chủng tộc ở rừng, muốn cho nó được thỏa thích, tất phải thả cá xuống nước, phóng chim lên rừng. Xử trí nó bất đồng, mà nó mới đồng được

chốn sung sướng của nó. Đó là một nghĩa hình dụng được « loại tộc biện vật ».

Lại tỷ như : thuộc về sỉ-tộc, thời ta sắp đặt cho hộ việc văn học ; thuộc về nông tộc, thời ta sắp đặt cho hộ việc canh khẩn. Đến lúc kết quả, thời ai nấy cũng phát triển hết sở năng, ai nấy cũng thỏa thích được sở nguyện.

Rút thùng lại, thời in như học thuyết nhà xã hội : các tận sở năng, các thủ sở nhu 各盡所能,各取所需.

Bởi vì, mỗi tộc tất có mỗi sở năng, mỗi vật tất có mỗi sở nhu. Nếu chẳng loại cho rành, biện cho minh, mà xử trí một cách cho hoàn thiện, thời làm gì đến đại đồng được.

Thánh nhân sợ chúng ta chỉ xem mặt chữ đồng, mà nhận lầm nghĩa chữ đồng, toan ép uổng những bọn bất đồng lại làm cho đồng, té ra thả cá lên rừng, đưa chim xuống nước, mời học trò ra cày ruộng, rước phu cày ra làm bài, thời thành nhiễu loạn thiên hạ, mà có làm gì đồng nhân được đâu.

HÀO TỪ VÀ TIỂU - TƯỢNG - TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, đồng nhân vu môn, vô cựu.

初九,同人于門,无咎.

Sơ Cửu ở đầu hết thì Đồng Nhân, là một người mới bắt đầu ra đời, ở trong lòng vẫn trong sạch, trong mắt chưa dây dính với ai, là vì có đức dương cương, nên bắt đầu ra làm việc đồng nhân, có độ lượng khoan hồng mà hợp với công đạo, đồng với người mà đồng bằng một cách chí công. Nên nói rằng ; đồng nhân vu môn 同人于門.

Vu môn, nghĩa là ra ngoài cửa.

Đồng nhân mà được chí công chí đại như thế, thời còn ai trách lỗi được mình 无 咎.

PHỤ CHÚ : Chữ môn là theo cách tượng hình, nguyên chữ hộ là cửa một cánh, cửa ở trong nhà ; dựng hai cánh ở hai bên, tượng thành chữ Môn ở cửa ngoài.

Vu môn là thủ tượng bằng ra ngoài đường mà đồng nhân. Nghĩa là : chẳng phải đồng với người trong một nhà, dầu người một nước, một thế giới, mà cũng đồng cả. Đồng như thế là rộng lớn lắm, chẳng mắc tệ thiên ty chật hẹp, nên vô cựu.

Tượng viết, xuất môn đồng nhân, hữu thùy cựu dã.

象 曰, 出 門 同 人, 又 誰 咎 也.

Ta với người vẫn thông đồng như nhau, sở dĩ sanh ra hạn cách, là vì có môn, mới sinh ra giới hạn kẻ trong người ngoài. Nếu ở trong cửa mà nói đồng nhân, thời ai tin mình. Bây giờ ra khỏi ngoài cửa mà đồng nhân 出 門 同 人, thời sở đồng không phạm vi không giới hạn, đã đồng được rộng lớn như thế, lại còn ai trách lỗi được mình nữa 又 誰 咎 也.

PHỤ CHÚ :— Người đời xưa đặt câu đặt chữ, thường thường chữ in nhau, mà ý nghĩa khác nhau. Tức như câu : Hửu thùy cựu dã ở Lục Tam quẻ Giải, quẻ Tiết, với Sơ Cửu quẻ Đồng nhân, chung một câu ấy mà ý nghĩa khác nhau.

Ở quẻ Tiết, quẻ Giải, hữu thùy cựu dã, nghĩa là còn trách lỗi được ai nữa, chỉ trách lỗi mình mà thôi. Đến như quẻ Đồng nhân, thời câu : hữu thùy cựu dã, lại nghĩa là không ai trách lỗi nữa. Đó cũng là một lẽ xem chữ xem văn của Cổ nhân.

2.— Lục Nhị, đồng nhân vu tông, lẫn.

六 二, 同 人 于 宗, 吝.

Hào Lục ở vị Nhị, tuy đắc trung đắc chính, nhưng ở vào thì Đồng-nhân, thời cốt trọng ở nghĩa đại đồng. Mà Lục Nhị nầy có ứng riêng với Cửu Ngũ, một âm dương riu rít với nhau, thành ra cách đồng chật hẹp lắm. Tượng như đồng nhân mà chỉ đồng với người trong họ mình mà thôi, nên nói rằng: đồng nhân vu tông. Tông : nghĩa là giòng cũng nghĩa là hệ thống 同人于宗.

Đồng nhân mà chỉ đồng trong hệ thống mình là trái hẳn nghĩa đại đồng, thiệt một cách đáng xấu hổ.

Tượng viết, đồng nhân vu tông, lẫn đạo dã.

象曰, 同人于宗, 吝道也.

Đồng nhân mà chỉ đồng với người tông phái mình, đồng nhân mà chật hẹp như thế, thật là một lối đáng xấu hổ đó vậy.

PHỤ CHÚ : Theo về thể tuyền quẻ, thời đức Văn-Vương phát-minh nghĩa Đại đồng, nên lời quẻ nói rằng : Đồng nhân vu dạ hanh. Dạ, nghĩa là rộng lớn chi cực. Đến lời nghĩa từng hào, thời Chu-Công cốt răn những người làm cách tiểu đồng, nên lời hào nói rằng: Đồng nhân vu tông lẫn. Tông ; hẹp chi cực. 吝.

Rộng chi cực, thời được chữ hanh ; hẹp chi cực, thời mắc chữ lẫn.

Nghĩa quẻ, nghĩa hào đắp đổi phát minh cho nhau, chúng ta học Dịch phải nhận kỷ cả hai bên.

3.– Cửu Tam, phục nhung vu mạng, thăng kỳ cao lăng, tam tuế bất hưng.

九三, 伏戎于莽, 升其高陵, 三歲不興.

Hào Cửu vị Tam là dương hào lại cư dương vị, mà vị Tam lại bất đắc trung, tượng là một người cường bạo. Nhưng ở về

thì Đồng nhân, vì phong trào lùa đầy, ai cũng muốn đồng được nhân là thích. Trong quẻ chỉ một hào Nhị là hào âm, mấy hào dương kia rặt muốn đồng với Nhị, Tam lại ở gần cạnh Nhị, nên càng thiết đồng với Nhị. Nhưng Nhị là một người trung chính, đã ứng với Ngũ rồi.

Cửu Tam vì chứng cương cường, ở chen vào khoảng Nhị, Ngũ, muốn cướp Nhị mà dắt về tay mình; nhưng vì lý đã khuất, mà thế cũng thua, nên chẳng dám ra mặt thẳng tay, chỉ là một cách rình lén, tượng như nấp dấu đồ binh khí ở rừng 伏戎于莽. Nhung : đồ binh ; Mạng : rừng ; Phục : nấp.

Nấp dấu đồ binh khí ở rừng, là ý muốn đánh cướp hào Nhị, nhưng vì tự phản bất trực, nên phải sợ hãi rụt rè, thấp thoảng lại đứng lên gò cao, cúi trông tình hình Nhị, chờ có dịp gì hay không 升其高陵.

Tuy nhiên, lẽ trong thiên hạ, tà bất thắng chính, Cửu Tam tuy rình lén đến ba năm, kết quả chẳng dám phát đồng 三歲不興.

Cao lăng : cồn cao ; hào Tam ở trên hết Nội quái, tượng là cồn cao.

Vì thế lực chẳng địch nổi Ngũ, nghĩa lý lại thua Nhị, nên chỉ núp quân mà chẳng dám dậy.

Chữ Hưng là phản đối với chữ Phục. Phục : nấp ; Hưng : dậy.

PHỤ CHÚ : Hào-từ nầy miêu tả tình trạng đứa tiểu nhân thiệt rất đúng. Muốn tranh người mà lại lo sức mình địch chẳng nổi. Biết sức mình địch chẳng nổi, nhưng vẫn cứ lo rình cướp người, một giống sâu mọt ở thì Đồng-nhân chính như bọn Cửu-Tam.

Ở trong quẻ Đồng-nhân mà có hào từ nầy, chúng ta nên biết rằng : làm đồng nhân thiệt rất khó.

Tượng viết, phục nhung vu mạng, địch cương dã, tam tuế bất hưng, an hành dã.

象曰，伏戎于莽，敵剛也，三歲不興，安行也.

Cửu Tam phục nhung vu mạng là muốn kình địch với dương cương là Ngũ vậy 伏戎于莽敵剛也. Tam muốn cướp Nhị, nhưng vì Nhị là chính-ứng với Ngũ, chẳng đánh đổ được Ngũ, thời chẳng cướp được Nhị, chỉ vì thế lực Ngũ quá mạnh, nghĩa lý Nhị quá chính, Tam phải lôi thôi rè rụt, đến nỗi tam tuế bất hưng, thôi thì hành động được cách gì nữa 三歲不興安行也.

Lời hào nầy là lời thánh nhân mắng bọn tiểu nhân, mà cũng may cho nó biết kiên sợ, còn hơn một bọn tiểu nhân nhi vô kỵ đạn 小人而无忌憚. Nên hào từ không chữ hung.

4.— Cửu Tứ, thừng kỳ dung, phất khắc công, cát.

九四，乘其墉，弗克攻，吉.

Hào Cửu vị Tứ là dương cương vã lại bất trung chính. Ở về thì Đồng nhân cũng muốn đồng với Nhị mà ghen với Ngũ như tình hình Cửu-Tam. Vì ở trên Cửu Tam, nên ghen lấy đến Cửu-Tam, toan lăng áp Cửu Tam mà cướp lấy Nhị, tượng là thừng kỳ dung 乘其墉. (Thừng : cưỡi ; Dung : bức tường).

Hào Tam cách giữa khoảng Nhị với Tứ, tượng là bức tường. Tứ toan vượt qua Tam, mà đánh đổ Nhị, tượng là lưỡi bức ường.

Nếu Tứ mà thực hành lý tưởng ấy, là dỉ tà phạm chính, kiết quả cũng như Cửu Tam, còn gì tốt nữa.

May thay ! Cửu tuy thể cương, mà Tứ là chất nhu, vì

dương cương mà pha vào nhu thuận, nên biết hồi đầu nghĩ lại, tự tri mình là bất trực, không thể áp được Tam mà công được Nhị 弗克攻.

Biết được như thế, là chịu phục tùng với công lý mà chẳng mắc cái họa hại bằng tư tình ; một người biết cải quá như thế, sách tả truyện có câu : quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên 退而能改，善莫大焉. Nghĩa là : có điều lỗi mà hay đổi, chẳng điều lành gì lớn hơn vậy.

Nên hào từ được chữ Cát 吉.

Tượng viết, thừng kỳ dung, nghĩa, phất khắc dã, kỳ cát, tắc khốn nhi phản tắc dã.

象曰，乘其墉，義，弗克也，其吉，則困而反則也，

Tứ đã thừng kỳ dung, vẫn có thể công được, vì sao mà phất khắc công ?

Là vì khuất phục với nghĩa, mà đành chịu phất khắc vậy 乘其墉，義，弗克也.

Thế vẫn đánh được, vì nghĩa mà chịu thua, là một người hiểu đạo lý, thất thì vụ, nên kết quả được cát 其吉, Sở dĩ được cát, là vì khốn khó mà quay trở lại đường thiên lý vậy 則困而反則也.

PHỤ CHÚ : Hai chữ « Tắc » có hai nghĩa, chữ tắc trên là chuyển tiếp từ, tắc nghĩa là thời. Chữ tắc dưới là danh từ, tắc nghĩa là đạo lý, cũng như nghĩa pháp tắc nguyên tắc ta thường hay dùng.

Cửu Tam với Cửu Tứ tình hình lúc đầu vẫn giống nhau. Tam cận với Nhị mà tranh Nhị, Tứ cận với Tam mà tranh Nhị, hai hào thảy có tư tưởng xấu. Nhưng vì tứ thời mới phát sinh

tư tưởng mà chưa hiện được sự thực chỉ thừng kỳ dung mà thôi Còn Cửu Tam thời đã phục nhung vu mạng, là sự thực đã phát hiện. Nên ở hào Tam nói rằng : Tam thế bất hưng, mà ở hào Tứ thời nói rằng : phất khắc công.

Kinh Xuân-Thu : Văn-Công thập hữu Tứ niên, Tấn nhân nạp Tiệp-Tri vu Trâu, phất khắc nạp 文公十四年,晉人納捷菑于邾弗克納.

Người nước Tấn lấy binh-lực nạp tên Tiệp-Tri về nước Trâu, ép nước Trâu lập Tiệp-Tri làm vua, nhưng vì nghĩa con thứ không thể đoạt được đích, phải chịu lui mà chẳng nạp, kinh chép : phất khắc nạp, nghĩa cũng như chữ phất khắc công ở đây.

5.— Cửu Ngũ, Đồng nhân tiên hào đào nhi hậu tiếu, đại-sư khắc tương ngộ.

九五,同人,先號咷而後笑,大師克相遇.

Cửu-Ngũ dương cương trung chính, mà kẻ chính ứng với Ngũ tất là Lục-Nhị cũng âm nhu mà trung-chính. Trung-chính với trung-chính ứng nhau, tâm đồng đức đồng, ở vào thì Đồng-nhân như hai người ấy, chắc đồng được tốt lắm 同人. Nhưng vì giữa khoảng Nhị với Ngũ có hai hào dương là Tam với Tứ, chúng nó thấy Nhị âm-nhu, toan muốn cưỡng đồng với Nhị. Nhân hiềm vì Ngũ, nên chẳng khỏi giọng dèm-pha, chê-bai. Ngũ vì thế mà chưa được đồng với Nhị ngay, thấy bạn đồng tâm mình mà bị nghẹn vì hoàn-cảnh, nên lúc trước vẫn cũng có than thở kêu rêu. Nhưng vì nghĩa lý đánh đổ được hoàn-cảnh, bọn Tam, Tứ cũng kết quả phải chịu thua. Nhị, Ngũ kết quả cũng hội-họp được với nhau, gặp nhau mà cười nói vui vẽ 先號咷而後笑. Hào đào nghĩa là : kêu rêu.

Tà bất thắng chính, tuy đánh như thế ; nhưng mà Tam, Tứ hai hào dương cương, đồng ác tương tế mà Lục-Nhị thời âm-nhu, sức chẳng địch nổi được họ. Nên Cửu-Ngũ muốn cứu viện Nhị, tất phải dùng đến sức quân lớn đánh họ, mới có thể ngộ hợp được 大師克相遇.

PHỤ-CHÚ.— Hào-từ Cửu-Ngũ nầy, thánh-nhân chỉ mượn hai hào Nhị, Ngũ, nói sự tương đồng khó khăn như thế, để tỏ rõ được việc đồng-nhân chẳng phải dung-dị.

Xưa nay người đời thiện thường ít, mà ác thường nhiều, chính thường ít, mà tà thường nhiều, canh đời thuận thường ít, mà nghịch thường nhiều, nên bao giờ hòa-bình cũng trải qua vô số chiến-tranh ; tạo phúc cũng thường nhờ có lưu-huyết. Tức như : hào Ngũ, hào Nhị thảy trung-chính ứng với nhau còn gì cay co khốn nạn.

Nhưng vì bị Tam-Tứ sở cách, đến nỗi trước phải hào-đào sau phải đại sư khắc, mới được tương ngộ. Chỉ hai người làm việc đồng mà cay co đến thế, huống gì làm việc đại-đồng cả thiên hạ ư ! Nghĩ cho hết cách, quay đi quẩn lại rồi phải nói đến Cách-mệnh, chủng-tộc cách mệnh chưa xong, quốc-gia cách mệnh cũng chưa xong, tất lại phải tính lên xã-hội cách mệnh, thế-giới cách mệnh, trung gian trải vô số khóc lóc kêu van, thở than hò-hét, mà chúng ta đã bao giờ được một tiếng cười đâu.

Nói tóm lại, chỉ duy đại sư khắc tương ngộ. Đại sư khắc là giống gì ? là cách-mệnh, cách mệnh.

Tượng viết, Đồng nhân chi tiên, dĩ trung trực dã, đại sư tương ngộ, ngôn tương khắc dã.

象曰，同人之先，以中直也，大師相遇，言相克也.

Đồng-nhân đáng lẽ là việc rất thuận dị, vì cớ sao mà trước phải hào đào ?

Chỉ vì Cửu-Ngũ tự xét trong lòng mình vẫn lý-trực, mà bị cách với Tam, Tứ nhị dương, nên chưa gặp Nhị, đó là một việc rất bất bình 同人之先,以中直也.

Hàn-văn có câu : phàm vật bất đắc kỳ bình tắc minh 凡物不得其平則鳴. Nghĩa là : Hễ tình người chẳng được bằng thỏa thời sanh kêu. Hào đào, cũng là minh cái bất bình đó.

Đại sư khắc tương ngộ, là nói thế lực Nhị dương vẫn tay cường địch với Ngũ, tất phải đánh được nhau mới an 大師相遇,言相克也,

PHỤ CHÚ.- Đọc hào-từ, tượng-từ Cửu-Ngũ quẻ Đồng-nhân, mà khiến cho sinh một mối cảm xúc. **Thiên hạ vẫn chẳng gì mạnh hơn công lý nhưng đồng khi chống chọi với cường-quyền, thời công-lý chỉ thành** một vị thần chiếu giám, nếu không tay hộ-pháp 護法 thời công-lý chỉ là miệng tày.

Xưa nay có miệng tày mà chế phục được cường-quyền hay sao ? Thử xem Cửu-Ngũ với Lục-Nhị chính ứng với nhau, lý vẫn trực, từ vẫn tráng, mà bị Tam Tứ nhị dương ỷ cường trở cách phải dùng đến đại sư khắc mới tương ngộ, mới biết công-lý là tay mặt, vũ lực là tay trái. Chẳng đủ hai bàn tay ấy thời chớ nói rằng : hữu công-lý vô cường quyền.

6.— Thượng Cửu, đồng nhân vu giao, vô hối.

上九,同人于郊,无悔,

Giao nghĩa là đám đất ngoài Quốc đô.

Trên Soán-từ nói rằng : đồng nhân vu dạ, giao mà so với dạ hãy còn hẹp, mà so với môn với tông thời đã rộng nhiều.

Thượng-Cửu ở ngoại-quái chi chung, chính là vị ở ngoài mà xa Đồng-nhân đã rộng được như thế, cũng chẳng kể bằng chật hẹp, nhưng còn ở trong quẻ, chưa phải là không phạm vi không giới-hạn, nên nói rằng : đồng nhân vu giao. Giao là chưa được rộng lớn bằng dạ, dạ còn ở ngoài giao kia mà. Vì chưa được rộng lớn như đồng nhân vu dạ, nên kết quả chỉ khỏi ăn năn mà thôi 同人于郊无悔.

Tượng viết, đồng nhân vu giao, chí dị đắc dã.

象曰, 同人于郊; 志未得也.

Quân-tử xử về thì Đồng-nhân, theo chí nguyện của mình, thời dân dai ngộ bào,vật dai ngô dự 民皆吾胞, 物皆吾與. Ở trong bốn bể, tất thảy là anh em mới thích.

TIMSACH.COM.VN

Bây giờ chỉ đồng nhân vu giao mà thôi, thời so với đồng nhân vu dạ, còn chưa lấy gì làm mãn-nguyện.

PHỤ CHÚ.- Đọc suốt tuyền quái Đồng nhân, phát minh được hai đạo lý.

Một là : Đạo lý trong thiên hạ, chẳng bao giờ tuyệt đối, mà chỉ là tương đối (Đồng với Nhị là tương đối). Ở giữa thì Đồng-nhân, mà hào Sơ thời chỉ ra khỏi cửa, hào Nhị thời chỉ ở trong phe phái mình, hào Tam thời nấp lên ở rừng, hào Tứ thời cưỡi lên tường cao, toan kình địch với hào Ngũ. Đến hào Ngũ thời cầu ứng với hào Nhị, mà phải cần đến đại sư khắc. Thế mới biết : nhân dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân 人以類聚, 物以羣分. Nghĩa là : người nhóm theo từ loại, vật chia theo từ bầy.

Cái dị biết bao nhiêu, mà muốn xoay làm đồng, thiệt việc rất khó.

Nhưng lại có một đạo lý nữa, mỗi ở trong tương đối, tất có một cái tuyệt đối gửi ở trong.

Lửa, thời bao giờ cũng tuyệt đối nóng, nước, thời bao giờ cũng tuyệt đối lạnh, nhưng chúng ta nhận định một cách biến dịch, giao dịch ở trong Kinh-Dịch: Đem lửa đốt ở dưới nước, thời nước cũng có lúc sôi mà hóa ra nóng. Đem nước xối lên trên lửa, thời lửa cũng có lúc tắt mà sinh ra lạnh.

Chỉ duy: thông hết vật tình, thấu hết vật lý, điều tệ hòa hợp, chẳng thiên về phía nào, khiến cho việc gì, việc gì các đắc kỳ nghi 各得其宜, giống gì giống gì các đắc kỳ bình 各得其平 thời tóm góp bao nhiêu cái dị mà qui kiết lại làm đồng, vẫn, chẳng phải tuyệt đối chẳng làm được. Vậy nên đức Khổng có câu: thiên hạ vi công, thị vị đại đồng 天下爲公, 是謂大同, mà xã-hội học-giả ở đời nay, cũng bàn đến thế-giới Cách Mệnh

oOo

IV. QUẺ HỎA-THIÊN ĐẠI-HỬU

火天大有

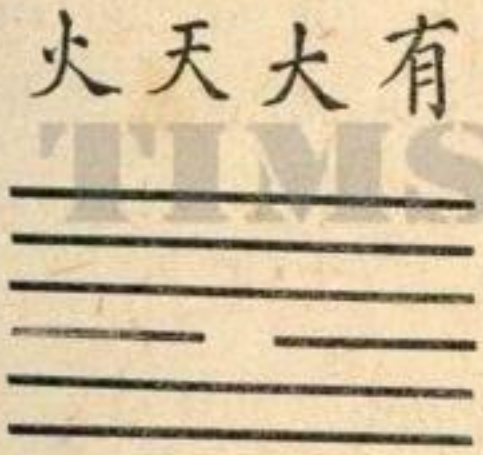

離 上 外
乾 下 內
離 乾

Quẻ nầy là quẻ Hỏa-Thiên Đại-hửu. Càn hạ cũng là Nội-Càn ; Ly thượng cũng là Ngoại-Ly.

Ly là hỏa, Càn là thiên.

Nên tên quẻ đọc bằng Hỏa-Thiên Đại-hửu.

TỰ QUÁI

Tự quái, dự nhân đồng giả, vật tất qui yên cố thụ chi dĩ Đại-hửu.

序卦，與人同者，物必歸焉，故受之以大有.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Đồng-nhân tiếp lấy quẻ Đại-hửu, là vì cớ sao ?

Đồng-nhân là cọng đồng với người, đã làm nên những việc cọng đồng với tất thảy người, thời tất thảy người về với mình, 與人同者，物必歸焉.

Vậy nên sau quẻ Đồng-nhân, tiếp lấy quẻ Đại-hửu. Đại-

hửu nghĩa là sở hửu rất lớn. Quẻ nầy Ly : tượng là mặt trời, là lửa. Càn : tượng là trời, mặt trời với lửa ở tận trên trời, tia sáng đã tột mực cao, thời chói dọi cũng tột mực xa, là tượng Đại-Hửu 故受之以大有.

SOÁN TỪ

Đại hửu nguyên hanh.

大有元亨.

Lời quẻ chuyên thủ tượng bằng thể quẻ, với đức quẻ.

Thể Càn thời có đức cương-kiện, thể Ly thời có đức văn minh. Vì có đức cương-kiện hàm súc ở trong, lại có chất văn minh phát-triển ở ngoài, cương-kiện với văn-minh gồm cả hai đức ấy, thuận với thì trời mà soi dọi với muôn vật, còn làm việc gì mà chẳng tốt lớn thông thuận nữa ru !

Đại-hửu mà được như thế tất nguyên hanh.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, đại hửu, nhu đắc tôn vị, đại trung nhi thượng hạ ứng chi, viết Đại hửu. Kỳ đức cương kiện, nhi văn-minh, ứng hồ thiên nhi thì hành, thị di nguyên hanh.

彖曰，大有，柔得尊位，大中而上下應之，曰大有. 其德剛健，而文明，應乎天而時行，是以元亨.

Soán viết, đại hửu, nhu đắc tôn vị, đại trung nhi thượng hạ ứng chi, viết Đại hửu.

彖曰，大有，柔得尊位，大中而上下應之，曰大有.

Đây là lấy thể quẻ thích nghĩa tên quẻ.

Xem cả sáu hào trong quẻ, hào Ngũ là hào âm nhu, ở vào vị chí tôn 柔得尊位.

Ngũ là vị trung, có đức trung ở vào thì Đại-hữu, thì đức trung ấy lớn lắm 大中. Vì có đức đại trung như thế, nên trên dưới tuyền năm hào dương, tất thảy thuận ứng với Ngũ 而上下應之, nên đặt tên quẻ bằng Đại hữu 曰大有.

Đại-Hữu có hai nghĩa : một là bao nhiêu loài đại về mình có thảy, đại là chỉ vào ngũ dương. một âm thống được năm dương, nên nói rằng Đại-hữu. Đó là nghĩa đặt biệt ở trong Kinh Dịch.

Lại một nghĩa là : sở hữu thiệt lớn. Vì ở sau lúc đã đồng-nhân rồi, mà lại trên dưới thuận ứng với một vị đại trung, là sở hữu bằng một cách rất lớn. Đó là nghĩa thông thường ở trong Kinh-Dịch.

Kỳ đức cương kiện, nhi văn minh, ứng hồ thiên nhi thì hành, thị di nguyên hanh.

其德剛健，而文明．應乎天而時行，是以元亨．

Đức quẻ : Nội Càn, là ở trong có đức cương kiện. Ngoại-Ly, là ở ngoài có đức văn minh. Lại Lục Ngũ ở trong quẻ, tượng là vị Nguyên thủ ở trong một nước, thuận ứng với Cửu Nhị là chủ Càn. Xem góp đức tuyền quẻ như thế, chính là cương kiện nhi văn-minh, ứng hồ thiên nhi thì hành 其德剛健，而文明．應乎天而時行.

Thì hành : nghĩa là đúng với thì mà làm, vì thế mà được nguyên hanh 是以元亨.

PHỤ CHÚ : Nguyên hanh mà được kết quả tốt, nhân sở dĩ tạo nhân ra được nguyên hanh, thời nhờ có cương kiện văn-

minh mà chú trọng nhất là chữ Kiện, kiêm cả chữ Minh. Ông Ty-mã-Quang có nói rằng : kiện nhi bất minh, tắc tiền hửu sàm nhi bất kiến, hậu hửu tặc nhi bất tri. Minh nhi bất kiện, tắc tri thiện nhi bất năng cử, kiến bất thiện nhi bất năng khử dã 健而能明, 則前有讒而不見, 後有賊而不知, 明而不健, 則知善而不能舉. 知惡而不能去也.

Nghĩa là : có đức kiện mà không đức minh 健而不明, thời ở mặt trước có người sàm mà chẳng thấy mặt sau có người tặc mà chẳng biết 則前有讒而不見. 後有賊而不知,

Sàm, nghĩa là người dèm pha.

Có đức Minh mà không đức kiện 明而不健 thời biết người kia lành mà chẳng hay cử lên 則知善而不能舉, biết người kia ác mà chẳng hay trừ bỏ 知惡而不能去也.

Thế là: thiếu đức minh, hoặc đức kiện, thảy làm cái múi cho loạn vương, tất phải có đức minh vừa đủ soi, có đức kiện vừa đủ quyết, xử chẳng bao giờ thất trung, làm chẳng bao giờ thất thì, được như thế mới đại hửu nguyên hanh.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, hỏa tại thiên thượng, đại hửu, quân-tử dĩ át ác dương thiện, thuận thiên (hưu) hửu mệnh.

象曰, 火在天上, 大有, 君子以遏惡揚善, 順天休命.

Ly hỏa ở trên Càn thiên, bao nhiêu loài vật, soi dọi được thấu cả. Thế là đại hửu 火在天上, 大有.

Quân-tử ở về thị Đại-hửu, đã bao bọc chất chứa được rộng lớn, thời phải có một phương pháp thống trị cho rất hay.

Nhưng vì ở trong lúc ấy, loài người có kẻ ác kẻ thiện, nếu chẳng phân biệt xử trí, tất đến nỗi thanh trọc hỗn hào, thị phi điên đảo, mà nghiệp đại hữu đó, trở lại gây nên cuộc đại loạn. Quân tử vì lo như thế. Nên hễ người nào ác tuy chưa rõ, trước phải ngăn đón ngay, hễ người nào thiện còn uất ức gấp lo biểu dương ngay, làm như thế để thừng thuận mệnh tốt của trời 君子以遏惡揚善.順天休命.

Át : ngăn dứt; dương : biểu bạch; hưu : tốt.

Nguyên mệnh trời phú cho người, chỉ có thiện mà không ác, tuyệt loài ác, dương loài thiện, chính là thuận mệnh trời đó vậy.

PHỤ CHÚ.- Tượng truyện hai quẻ Đồng-nhân, Đại-hữu tiếp với nhau, mà cũng thành cho nhau, khi chưa đồng-nhân tất phải loại tộc, biện vật để phân biệt ra được thiện ác.

Khi đã phân biệt được thiện ác rồi, tất phải át ác dương thiện, mới làm nên được Đồng-nhân, mà giữ gìn được Đại-hữu.

Nói tóm lại, loại, biện, là qui mô ; át, dương là thủ-đoạn, mà làm nên Đồng-nhân, Đại hữu chính là mục đích. Muốn cho đạt được mục-đích, tất phải có qui-mô, thủ-đoạn như hai tượng truyện mới hay.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG-TRUYỆN

1.— Sơ Cửu. vô giao hại, phi cựu, gian tắc vô cựu.

初九.无交害,匪咎,艱則无咎,

Ở về đầu thị Đại-hữu mà xử vào địa-vị Sơ-Cửu, tượng như con một nhà phú quí, mà còn đương ở vị ty-thấp, chưa mấy ai xu-phụ với mình, chưa làm nên những việc gì tai hại,

đáng lẽ không việc gì tội lỗi 无 交 害, 匪 咎. Nhưng đã chắc gì, hễ giàu là kho chứa oán 富 者 怨 之 府, áo đẹp người chỉ trỏ càng nhiều 美 服 惠 人 指.

Vậy nên xử vào cảnh thản-thuận, càng nên căng trì khủng cụ, xem như xử lúc gian-nan, thời mới chắc khỏi tội lỗi 艱 則 无 咎.

PHỤ CHÚ.- Hào từ dạy người lấy tâm-lý mà chống với hoàn-cảnh, theo về hoàn-cảnh Sơ-Cửu, bắt đầu ở vào buổi phú-hữu, mà lại chưa dính vào việc đời, chỉ là một hạng người phú qui hưởng phúc, làm gì mà có tội lỗi. Đó là nói về hoàn-cảnh, nên có chữ «phỉ cựu».

Nhưng thường tình, đã qui thời hay sinh ra kiêu, đã phú thường hay sinh ra xỉ. Nếu quên gian-nan chốc phút, thời họa-loạn sinh ra ngay. Nên lại răn cho rằng : gian tắc vô cựu. Thế mới biết : hoàn cảnh tốt, mà tâm lý xấu, thời chớ thấy tốt mà mầng, hoàn-cảnh xấu mà tâm-lý tốt, thời chớ thấy xấu mà sợ. Nghĩa là : lấy tâm lý mà chống với hoàn-cảnh, chớ để hoàn-cảnh lừa gạt mình. Đó là thâm ý của Hào-từ nầy.

Tượng viết, Đại hữu sơ cửu, vô giao hại dã.

象 曰, 大 有 初 九, 无 交 害 也.

Xem tượng truyện hào nầy, thời biết được : chúng ta sinh ở trong vũ-trụ, chẳng bao giờ tránh khỏi thì với vị ! thì, là giờ mình tao-tế 遭 際; vị là chốn mình đứng ngồi; thì, vị là thuận, thời ta được thong thả; thì vị nghịch, thời ta phải khó khăn. Xem như hào nầy thì Sơ là ở thì Đại- hữu 大 有 初 九, là một người gặp vận hạnh phúc, vị Sơ là vị đầu quẻ, lại là một người còn ở ngoài cuộc đời, nên Sơ được «vô giao hại 无 交 害».

2.— Cửu Nhị, đại xa dĩ tái, hữu du vãng, vô cựu.

九二, 大車以載, 有攸往, 无咎.

Hào Cửu ở vị Nhị, là dương cương đắc trung, Cửu là cương-kiện, vẫn có tài hữu vi. Nhị là nhu thuận, lại có đức khiêm-tốn. mà lại ở trên có Lục-Ngũ, hết sức tín-nhậm mình, trao gánh nặng thiên-hạ ở trên vai Cửu-Nhị, thành ra ở đời Đại-hữu, duy Cửu-Nhị có sức lớn đỡ gánh nặng, tượng như cỗ xe lớn đi đường xa chở đồ nặng 大車以載, tài như thế, đức như thế, mà thì vị lại như thế, thời làm việc gì chẳng nên, đi chốn nào chẳng đến 有攸往, 无咎,

Ba chữ «Hữu du vãng», là bảo hào nầy đã gánh trách-nhậm nặng, tất phải có làm sự-nghiệp lớn. Nếu vô du vãng, thời e có lỗi. Hữu du vãng, nghĩa là : có đi chốn nào, hay làm việc gì.

TIMSACH.COM.VN

Du, như nghĩa chữ sở; Vãng, như nghĩa chữ hành vi.

PHỤ CHÚ.— Hào nầy là hào tốt nhất ở trong quẻ Đại-hữu, mà lời đoán thánh-nhân chỉ vô cựu mà thôi, chẳng cho chữ cát, hanh. Đó mới biết thánh-nhân chẳng bao giờ dạy người quá đắc ý, cũng chẳng bao giờ dạy người quên nghĩa vụ.

Một hạng người như Cửu-Nhị, tài cao hơn hết thiên hạ, gánh nặng hơn hết thiên hạ. Tuy đại xa dĩ tái, cũng chỉ là vừa trọn nghĩa-vụ mình mà thôi.

Vậy nên : Hào-từ chỉ có hai chữ : vô cựu.

Tượng viết, đại xa dĩ tái, tích trung bất bại dã.

象曰, 大車以載, 積中不敗也.

Có đức trung như Cửu-Nhị là gánh được việc nặng ở đời Đại-hữu, tượng như cỗ xe lớn đem chở đồ nặng, thời những đồ chứa trử ở trong xe, chắc chẳng đổ bể vậy.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ nầy xem người trong sử Đông-Tây. Về phương Đông thời ông Y-Doãn, về phương Tây thời ông Gia-Phú-Nhỉ (Camille Bensôc Cavour) 加富爾亦作喀富爾, đúng được như Cửu-Nhị nầy. Ông Y-Doãn ra ứng-sính giúp vua Thang mà nói rằng : Ta quyết khiến cho vua ấy làm được như vua Nghiêu vua Thuấn, khiến cho dân ấy được như dân đời Nghiêu Thuấn 使是君爲堯舜之君,使是民爲堯舜之民.

Thầy Mạnh khen ông ấy là Thánh chi nhậm 聖之任. Nhậm nghĩa là : gánh.

Ông Gia-Phú-Nhỉ làm Tướng cho nước Ý-đại-lợi, kinh dinh cho nước thống nhất cường thịnh, ông trọn đời không lấy vợ. Người hỏi ông, ông trả lời rằng : nước Ý-đại-lợi là vợ của tôi 意大利爲妻. Sức lớn gánh nặng như hai ông ấy, thiệt là đại xa dỉ tái.

HMSACH.COM.VN

3.— Cửu Tam, công dụng hưởng vu thiên-tử, tiểu nhân phất khắc.

九三,公用享于天子,小人弗克.

Thiên-tử, nghĩa là một vị Nguyên-thủ ở trong thiên hạ, ở về đời Phong-kiến tức là Hoàng-đế ; không ở về đời Phong-kiến, thời hễ người nào làm Nguyên-thủ của một nước, cũng có thể lấy ý mà thông dụng được. Công : hạng người có tước-vị rất cao, theo về đời chẳng phải Phong-kiến, thời vị Tổng-trưởng hoặc Ủy-viên-trưởng cũng có thể xưng bằng Công được. Hưởng : tiệc yến rất sang trọng, tiệc yến mời được Thiên-tử, tất phải được hạng người như bậc Công.

Hào nầy, Cửu là dương cương, ở vào vị Tam là đắc chính, ở trên hết Nội-quái là có vị cao, tượng như vị Công. Một hạng người có đức cương chính, mà ở vào. vị cao, vẫn là đức

xứng kỳ vị, mà lại ở vào thì Đại hữu tất nhiên có thổ địa có nhân dân, người Nguyên-thủ của một nước, cũng phải thân tiếp với mình, tượng như ông tước Công dọn tiệc mời Thiên tử, mà thiên tử đến ăn tiệc ở nhà tước Công 公用享于天子.

Tuy nhiên, đã qui thời phải bất kiêu, đã phú thời phải bất xỉ, có thế thời phú qui mới được phúc. Tất duy quân tử mới đang nổi hào từ nầy. Nếu tiểu nhân mà được sung sướng bằng hưởng Thiên tử, tất nhiên kiêu xa dâm dật, tội lỗi tới ngay, không thể chịu nổi 小人弗克.

(Phất, nghĩa chữ bất ; khắc, nghĩa là đương nổi).

Tượng viết, công dụng hưởng vu thiên tử, tiểu nhân hại dã.

象曰，公用享于天子，小人害也.

Đương ở thì Đại hữu, mà lại được vinh hạnh Thiên-tử tới hưởng cho mình.

Theo về quân-tử thời vẫn đang nhiên. Nếu tiểu nhân thời chỉ làm hại cho nó.

Bởi vì, nhà đã giàu, vị lại cao, thân lại qui, kiêu xỉ ngày càng thêm, e có lúc sát thân vương gia, thời Đại hữu hóa ra đại hại, nên nói rằng : tiểu nhân hại dã.

4.— Cửu Tứ, phỉ kỳ bành, vô cựu.

九四，匪其彭，无咎.

Bành, nghĩa như chữ Bành ở trong Kinh-Thi. Hành nhân bành bành 行人彭彭. Bành nghĩa là : rầm rột.

Hào nầy ở về thì Đại hữu đã quá nửa rồi, là Đại hữu đã thịnh lắm. Cửu có tính dương cương, mà ở vào vị Tứ, lại là bất trung bất chính.

Hạng người bất trung bất chính như thế, mà xử vào địa-vị phú thịnh, e có nguy họa tới nơi. Thánh nhân mới có lời răn rằng : Tứ nầy nếu xử phú mà in như bần, xử thịnh mà thường lo suy, biết quèn hẳn phú thịnh của mình. Thế là một người có đức khiêm tốn tiết kiệm, không bị hoàn-cảnh xô đổ mình, mới được vô cựu 匪 其 彭, 无 咎.

Tượng viết, phỉ kỳ bành, vô cựu, minh biện tích dã.

象 曰, 匪 其 彭, 无 咎, 明 辨 晰 也.

Ở thì Đại-hửu, hưởng nghiệp Đại-hửu, mà quên sở hửu của mình lớn, chắc những hạng người ấy có trí khôn rất minh, biện biệt thị phi họa phúc được rất rành.

(Tích, nghĩa là rành rỏi, cũng nghĩa là rạch rỏi).

5.— Lục Ngũ, quyết phu giao như, uy như ,cát.

六 五. 厥 孚 交 如. 威 如, 吉.

Lục-Ngũ ở quẻ Đại-hửu, chính là một vị Nguyên-thủ ở trong thiên hạ. Ở vào thì Đại-hửu, xử vào vị chí tôn, trên dưới năm dương, tất thảy tín-ngưỡng vào mình, hoàn cảch thuận biết bao, kỵ nghiệp lớn biết bao, trì dinh thủ thành thiệt là rất khó.

Sách Đại-học có câu : Dự quốc nhân giao, chỉ ư tín 與 國 人 交, 止 於 信.

Thầy Mạnh có câu : Chí thành động thiên hạ 至 誠 動 天 下. Vậy nên xử địa vị Lục Ngũ tất phải đem lòng chí thành giao với bậc đại hiền là Cửu Nhị, và hạng người ở chung quanh mình. Đó là căn bản để thu phục nhân tâm 厥 孚 交 如.

Tuy nhiên, ở vào thì Đại-hửu, xử vào vị chí tôn. Phu giao như, là đạo đức đã đành, nhưng cũng phải có thủ đoạn. Nếu chỉ một mực nhu thuận thiệt thà mà thôi, thời vì mình thống-trị quá

nhiều người, tất có hạng sinh lòng lờn lả, e mệnh-lệnh lúc có bất hành.

Vậy nên cách xử trí lúc ấy, nhu phải pha cương vào cương phải thêm nhu vào ; ân phải kềm pháp vào, pháp phải gia ân vào ; có cách uy nghiêm giúp vào, mới được tốt lành 威如, 吉.

Tượng viết, quyết phu giao như, tín dỉ phát chí dã ; Uy như cát, dị, nhi vô bị dã.

象曰, 厥孚交如, 信以發志也. 威如之吉, 易而无備也.

Quyết phu giao như, là lấy thành tín của một người sẽ phát triển được chí ý cho chúng nhân vậy 厥孚交如. 信以發志也.

Tùng lai, hạ tình bất thông, tội tại thượng nhân chẳng thành tín tiếp với hạ. Thượng nhân lấy thành tín tiếp với hạ, thời hạ nhân cũng phải lấy thành tín thông với thượng. hạ tình có lo uất bế đâu. Thế là phát chí.

Uy như chi cát 威如之吉, nghĩa là : muốn cho được cát, cần phải có uy như. Bởi vì, đời Đại hửu là đời thái bình. Thái bình thời thường hay khinh dị, nhiều lúc chẳng phòng bị, mà đạo tặc thường phát-sinh

Vậy nên phải có uy như 易, 而无備也,

Chữ **Uy** nầy thông dụng như chữ **binh uy, uy vũ.** Binh uy, uy vũ, thảy là giống phòng bị ở đời thái bình.

Dị nhi vô dị, nghĩa là : sợ quá khinh dị, mà chẳng phòng bị.

Chữ **Bị** nầy theo như chữ **Bị ở** trong kinh Thư : duy sự sự, nải kỳ hửu bị vô hoạn 惟事事, 乃其有備, 有備无患.

Nghĩa là : việc gì việc gì cũng phải có đồ phòng bị sẵn. Đã phòng bị sẵn, thời không họa-hoạn sinh ra.

Tỷ như : chưa rét, mà đã lo sắm áo, chưa mưa, mà đã lo sắm tơi. Ở thì Đại hửu là thì đại rất sung sướng. Thịnh chi cực, thời họa hoạn thường hay nhân đó mà sinh ra, nên những tài liệu binh hình, càng nên ư lúc đó gấp mau chỉnh đốn, tất phải uy như mới được cát.

6.— Thượng Cửu, tự thiên hựu chi, cát vô bất lợi.

上九，自天祐之，吉无不利.

Nghĩa hào nầy, ở sau hệ-từ đã giải thích rõ.

Đây xin dịch luôn : Hệ từ vào :

Tử viết, hựu giả trợ dã, thiên chi sở trợ giả thuận dã ; nhân chi sở trợ giả tín dã; lý tín, ty hồ thuận, hựu di thượng hiền dã, thị di tự thiên hựu chi, cát, vô bất lợi dã.

子曰，祐者助也，天之所助者，順也.人之所助者，信也.履信，思乎順，又以尚賢也，是以自天祐之.吉，无不利也.

Thích nghĩa Hệ-từ nói rằng 子曰 Hựu, nghĩa là : giúp đỡ bình vực 祐者助也. Trời chẳng giúp riêng cho ai, duy ai thuận với đạo trời, thời trời giúp cho 天之所助者，順也. Người chẳng riêng giúp cho ai, duy ai có lòng thành tín với người, thời người giúp cho 人之所助者，信也. Dày bấm lấy thành-tín 履信, để lòng in-ngưởng ở lý thuận 思乎順, lại biết sùng thượng bực hiền hơn mình vậy 又以尚賢也. Vì vậy 是以, nên được tự trời giúp cho mình 自天祐之 tốt lành mà không việc gì là chẳng lợi 吉，无不利也.

Nguyên quẻ Đại-hửu nầy, năm hào dương thuận tòng với

một hào âm là hào Ngũ; hào Thượng nầy ở trên hào Ngũ ; Ngũ hư trung là có đức tín, Thượng ở trên Ngũ, mà thuận tùng hào Ngũ là lý tín; Thượng có lòng khuất-kỷ phục-tòng công-lý là ty-thuận.

Nhất tâm theo Lục-Ngũ là thượng hiền, vì những đức tốt ấy, nên trời với người thảy giúp cho.

Tượng viết, đại hửu thượng cát, tự thiên hựu dã.

象曰，大有上吉，自天祐也.

Theo thông lệ ở trong Dịch, đến hào Thượng là cuối cùng, Đại-hửu đã đến lúc cùng; lẽ thường : thời khó được cát. Duy hào Thượng nầy : thịnh mà chẳng đầy, đầy mà chẳng kiêu, thuận hợp với đạo trời, mà trời giúp cho được cát.

PHỤ CHÚ.- Bát quái, thời Càn là tôn nhất; Lục thập tứ quái thời Thái là thịnh nhất. Nhưng kể về vận hội vừa hanh thông, nhân sanh thảy hạnh phúc, thiệt không quẻ nào bằng quẻ Đại-hửu. Hào-Sơ, hào Nhị, hào Tứ, thảy được chữ vô cựu, hào Tam được hanh; hào Ngũ được chữ cát. Đến hào Thượng lại được cát vô bất lỵ. Kìa như : quẻ Càn đến Thượng-Cửu, thời vì kháng cực mà sinh hối, quẻ Thái đến Thượng-Lục, thời vì thái chung mà mắc lận; có quẻ nào tốt bằng Đại-hửu được đâu Tuyền sáu hào không chữ «Hung» «Hối» «Lận» «Lệ» nào cả; chẳng thì-đại nào thịnh-trị bị phúc được như thế.

Vì cớ sao mà thế rư ? thời vì Đại-hửu là ở sau Đồng nhân; khi thiên hạ đã đại-đồng rồi. «chính đức», «Lỵ dụng» «Hậu-sinh» 正德，利用，厚生. Ba việc ấy hoàn-toàn viên-mãn. Triều, không người nào là tiểu-nhân ; dạ, không người nào là phỉ loại; người sinh ở thì-đại ấy, sung-sướng vui-vẽ biết chừng

nào ? cái mùi hạnh-phúc của Đại-đồng đến đó mới đạt ư cực điểm.

Nói tóm lại, đồng nhân là tạo nhân cho Đại-hửu ; mà Đại hửu lại kết-quả của Đồng nhân. Thiên thì nhận-sự giúp nhau làm nên là như thế.

oOo

TIMSACH.COM.VN

地山謙

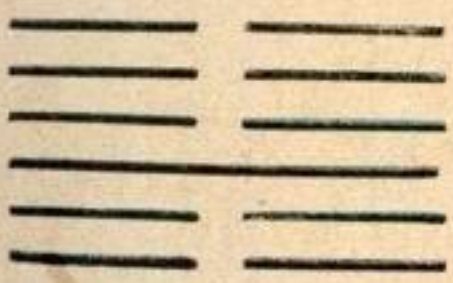

雷地豫

TIMSACH.COM.VN

澤雷隨

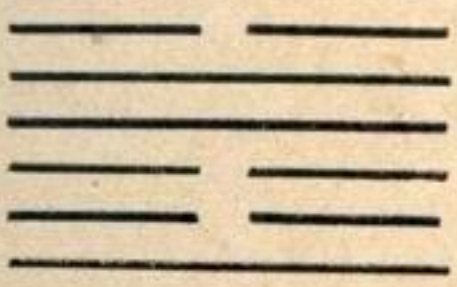

山風蠱

XV. QUẺ ĐỊA SƠN KHIÊM

地山謙

☷☶

坤上 艮下
外坤 內艮

Quẻ này là quẻ Địa-Sơn-Khiêm.

Cấn hạ cũng là Nội-Cấn ;

Khôn-thượng cũng là Ngoại-Khôn.

Khôn là địa, Cấn là sơn ; nên tên quẻ đọc bằng Địa-Sơn-Khiêm.

TỰ QUÁI

Tự quái, Đại-hửu giả, bất khả dĩ dinh, cố thụ chi dĩ Khiêm.

序卦，大有者，不可以盈，故受之以謙.

Ý sắp đặt thứ-tự quẻ 序卦, sau quẻ Đại-hửu tiếp lấy quẻ Khiêm, là vì cớ sao ?

Hễ vật-lý quá đầy thời nghiêng, nghiêng thời đổ. Vậy nên, đã hửu được đại, thời không nên để cho quá đầy, tất phải khiêm ty mới được 大有者，不可以盈. Vậy nên sau quẻ Đại-hửu, tiếp lấy quẻ Khiêm 故受之以謙. Theo về tượng quẻ, thời Cấn sơn là giống sừng cao, mà chịu lún ở dưới Khôn địa, ấy là tượng Khiêm, mà nghĩa Khiêm cũng là thế.

PHỤ CHÚ.— Thông lệ Kinh-Dịch : Hễ những quẻ **ngũ âm nhất dương**, thời lấy **nhất dương** làm chủ quẻ. Bởi vì, quẻ đã năm âm, nếu không nhất dương thời thành ra quẻ **Thuần-Khôn**. Vì có nhất dương mới thành ra quẻ **Khiêm**. Nên lấy nhất dương làm chủ. Quẻ đã **năm dương**, nếu không **nhất âm** thời thành ra quẻ **Thuần-Càn**. Vì có nhất âm, mới thành ra quẻ **Tiểu-Súc**. Nên lấy nhất âm làm chủ.

Quẻ Khiêm nầy cũng là Ngũ âm nhất dương, nên lấy nhất dương là hào **Tam** làm chủ quẻ, các quẻ nữa cũng có thể theo lệ quẻ nầy mà suy được.

SOÁN TỪ

Khiêm hanh, quân tử hữu chung.

謙，亨，君子有終．

Khiêm, nghĩa là : ty tốn, chịu nhường sùng cao người khác, mà mình an ở vị khuất lún.

Thầy TĂNG SÂM có câu nói rằng : hữu, nhược vô, thực, nhược hư, dĩ đa vấn ư quả, dĩ năng vấn ư bất năng 有，若无，實，若虛，以多，問於寡，以能，問於不能，nghĩa là : mình có, mà xem mình như hình không. Mình đầy đủ, mà xem mình như hình thiếu kém, lấy mình là trí-thức nhiều, mà chịu hỏi với người ít, lấy mình là người tài-năng, mà chịu hỏi với người bất năng.

K:nh-Thư khen vua Vũ có câu rằng : nhử duy bất căng, thiên hạ mạc dữ nhử tranh năng; nhử duy bất phạt, thiên hạ mạc dữ nhử tranh công 汝惟不矜，天下莫與汝爭能，汝惟不伐，天下莫與汝爭功，

Nghĩa là : duy mầy chẳng khoe tài mầy, nên thiên hạ chẳng ai tranh tài với mầy; duy mầy chẳng loè công mầy, nên thiên hạ chẳng ai tranh công với mầy.

Góp cả hai đoạn sách ấy, mà thích nghĩa chữ **Khiêm, hanh,** vừa đúng lắm. Hễ hay khiêm-tốn, tất được hanh thông; đạo đức lo cho tốt, học-thức lo cho giàu, mà có đức Khiêm như thầy **Nhan,** công thiệt cao, nghiệp thiệt lớn, mà lại có đức Khiêm như vua Vũ, là quân-tử, mà lại hửu chung 謙亨, 君子有終.

Sở dĩ được hửu chung, là vì : đức Khiêm lên đến từng nào, thời kết-quả lại tốt từng ấy, mình tự ty mình, mà làm cho người phải tôn mình, mình tự giấu-ẩn mình, mà đức nghiệp tự nhiên rỡ rệt, ấy mới là hửu chung; nhưng nếu chẳng phải quân tử, thời chẳng làm được như thế. Vì thường tình người ta có tài thường hay kiêu, có công thường hay loè, khiêm mà lại hửu chung thiệt là khó lắm, đức Khiêm đó há phải tạm thì Khiêm mà được đâu, cũng há phải Khiêm một việc mà được đâu, thì thì thấy Khiêm, việc việc thấy Khiêm, tự tráng chí lão, tự lão chí tử, tự thỉ chí chung, chỉ thấy là Khiêm, mà hanh. Thế là quân tử hửu chung).

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, khiêm hanh, thiên đạo hạ tế nhi quang minh, địa đạo ty nhi thượng hành. Thiên đạo khuy dinh nhi ích Khiêm; Địa đạo biến dinh nhi lưu Khiêm; Quỷ thần hại dinh, nhi phúc Khiêm nhân; đạo ố dinh nhi hiếu Khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ty nhi bất khả du, quân tử chi chung dã.

彖曰, 謙亨, 天道下濟而光明, 地道卑而上行, 天道虧盈而益謙, 地道, 變盈而流謙, 鬼神, 害盈而福謙, 人道, 惡盈而好謙, 謙尊而光, 卑而不可輸. 君子之終也,

Soán viết, Khiêm hanh, thiên đạo hạ tế nhi quang minh, địa đạo ty nhi thượng hành.

彖曰, 謙亨, 天道下濟而光明, 地道卑而上行.

Lời Soán-truyện đây, lấy tuyền thể của tạo-hóa, chân lý của nhân-sự, mà giải-thích hai chữ «Khiêm Hanh 謙亨» nghĩa là ; đạo trời giaɔ tế xuống dưới thấp, ấy là đức khiêm của trời; vì thế, mà phát dục được vạn vật, công tạo-hóa ngày càng quang minh, ấy là hanh 天道下濟而光明; đạo đất chịu ở dưới thấp hết thảy vạn vật là đức khiêm của đất. Vì thế mà khí âm thượng hành giao tế với khí trời luôn luôn, ấy là hanh 地道卑而上行.Hai câu ấy, là nói t trời đất cũng khiêm mà hanh.

Thiên đạo, khuy dinh nhi ích Khiêm.

天道, 虧盈而益謙.

Chữ thiên-đạo ở đây, là chỉ về những chốn hửu tượng. Tỷ như : mặt trăng tròn rồi, thời phải khuyết, mặt trời cao rồi, thời phải xế, mặt trời lặn rồi, thời lại lên cao, mặt trăng khuyết hết thời lại dần dần đến tròn. Thế là đã dinh thời làm cho khuy.(Dinh : đầy; khuy : bớt), hễ hay Khiêm thời lại ích cho.

Địa đạo, biến dinh nhi lưu Khiêm.

地道, 變盈而流謙.

Chữ địa đạo đây, lại chỉ vào công dụng biến-hóa. Tỷ như : cồn cao. là dinh, thời chẳng bao lâu mà sụp xuống; vực sâu, là khiêm, thời bao nhiêu nước cũng chảy xuống thêm vào. Núi cao hơn các gò là dinh, mà lại thường bị họa sơn băng, ấy là dinh thời phải biến. Bể ở dưới bách xuyên là khiêm nhưng bao nhiêu nước cũng đổ vào bể, ấy là khiêm mà chịu được lưu. Lưu : nghĩa là chảy vào.

Sách xưa có câu : Cao ngạn vi cốc, thâm cốc vi lăng 高岸爲谷,深谷爲陵, nghĩa là : bờ cao thường hóa ra vực sâu, hầm sâu thường bồi làm cồn. Đó là chứng được địa đạo biến dinh nhi lưu khiêm.

Qui thần, hại dinh nhi phúc Khiêm.

鬼神,害盈而福謙.

Quỉ thần là dấu thiêng của tạo-hóa. Linh khí của âm dương, vẫn vô hình vô tích, nhưng mà vẫn có một lẽ huyền-bí, nhân quả tuần hoàn, hễ người nào dinh mãn, thời có họa hại đến ngay. Hễ người nào biết khiêm tốn, thời có phúc mệnh giúp cho. Chữ quỉ thần đây là chỉ vào lý tự nhiên, chẳng phải như tiếng quỉ-thần ở trong miệng thế-tục.

Nhân đạo, ố dinh nhi hiếu Khiêm.

人道,惡盈而好謙.

Chữ nhân đạo đây, là theo ở trong đạo người, mà chỉ riêng bằng một loài thường tình. Hễ ai kiêu-căng dinh-mãn thời người ghét, hễ ai biết khiêm-tốn căng-trì thời người ham

(Ố, nghĩa là ghét; hiếu, nghĩa là ham).

Khiêm, tôn nhi quang, ty nhi bất khả du, quân tử chi chung dã.

謙,尊而光,卑而不可踰,君子之終也

Câu nầy là tiếp luôn cả mấy đoạn trên, để giải thích câu : Quân tử hữu chung. Nghĩa là : hễ có đức Khiêm 謙, thời thiên đạo ích cho, địa đạo lưu cho, quỉ thần phúc cho, nhân tình yêu mến. Mình dầu ở vị tôn mà đạo mình càng sáng rệt 尊而光, tự xử tuy ty-khuất, mà thực thời chẳng ai cao hơn 卑而不

可 踰. Thế mới là kiết quả của quân tử 君 子 之 終 也 (Du, nghĩa là vượt qua).

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, địa trung hửu sơn, Khiêm, quân tử dĩ biều đa ích quả, xứng vật bình thí.

象 曰, 地 中 有 山, 謙. 君 子 以 裒 多 益 寡, 稱 物 平 施.

Khôn là địa ở quẻ trên ; Cấn là sơn ở quẻ dưới tượng là núi cao mà chịu ở dưới lòng đất, nên đặt tên quẻ bằng Khiêm 地 中 有 山, 謙.

Quân tử xem tượng ấy, mà biết được lẽ tạo-hóa. Hễ cao thời có lẽ phải lún xuống, hễ thấp thời có lẽ phải nâng lên, mới bày-đặt ra qui mô trì-dinh, tóm bớt chốn nhiều 君 子 以 裒 多, bù thêm chốn ít 益 寡, cân xứng các sự vật 稱 物, theo phân lượng cho nhiều nào ít, lựa cho cân bằng với nhau, mà làm một cách thí dụ cho quân bình 平 施. Biều : rút bớt ; Ích : bù thêm ; Xứng : cân nhắc; Thí : làm ơn cho người; Bình-thí : nghĩa như chữ quân cấp.

Làm ơn cho người mà chẳng được quân bình, tất đến nỗi kẻ nhiều, nhiều quá, kẻ ít ít quả, vậy nên rút bớt chốn nhiều mà bù thêm chốn ít, cốt khiến cho chốn nào, vật nào cũng được cân bằng. Đó là phương pháp tác-dụng của quân-tử, mong khiến cho tất thảy loài người trong thế giới không chốn bất bình, kết quả thời nhất thế nhân thảy Khiêm cả. Đấy là từ ý đặc biệt của Đức Khổng, nói cho cực rộng của nghĩa Khiêm, chữ Soán-từ với Hào-từ không ý ấy.

PHỤ CHÚ.— Lời tượng-truyện đây, nếu thiệt-hành cho

triệt-để, thời cũng như học thuyết xã-hội ở đời nay. Duy bao giờ người trong đời phần nhiều là quân tử, thời mới làm đến nơi : Vậy nên tượng-truyện nói quân-tử.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Khiêm Khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, cát.

初六，謙謙君子，用涉大川，吉.

Sơ-Lục ở thì Khiêm, tính chất nhu-thuận, lại ở vị đầu hết quẻ, là một hạng người có đức Khiêm mà xử vào vị ty-hạ, chính là bậc quân-tử khiêm mà lại khiêm, nên nói rằng : Khiêm Khiêm quân-tử, khiêm mà đến thế, dầu hoàn-cảnh có nguy-hiểm đến thế nào, cũng xông pha được qua 用涉大川, dụng đạo ấy mà thiệp đại-xuyên, chắc là vạn vô nhất thất. Tỷ như : người ta qua đò ngang sang sông, chịu nhường cho người lên trước, mình chịu lên sau, thời khi thuyền vẫn có chậm sau, nhưng đến khi qua bên bờ kia, thời mình lại bước lên bờ trước người ta 後登舟，先登岸, Khiêm Khiêm dụng thiệp đại xuyên, chính là lẽ ấy.

PHỤ CHÚ.— Mỗi quái hào thường có chữ ly thiệp đại xuyên, đây lại nói chữ dụng thiệp đại xuyên, khác nhau chữ «Dụng» với chữ «Ly»; chữ Ly là tài ấy cảnh ấy xứng nhau; chữ Dụng là dụng cách ấy mà làm việc ấy.

Dụng thiệp Đại xuyên, là bảo người ta nên dùng đạo Khiêm mà thiệp đại xuyên.

Tượng viết, khiêm khiêm quân tử, ty dĩ tự mục dã.

象曰，謙謙君子，卑以自牧也.

Tượng truyện nói rằng : quân tử khiêm mà lại tự khiêm 謙

謙君子, là cốt lấy đức khiêm ty sẽ để tự dưỡng lấy mình vậy 卑以自牧也,

Thầy Mạnh có câu : thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí 善養吾浩然之氣. Nghĩa là : khéo nuôi khí hào nhiên của ta chữ Thiện dưỡng ấy, đúng với chữ tự-mục ở đây. Hễ người muốn nuôi đạo đức mình, tất phải tự ở khiêm-ty mà bước lên. Những hạng người trắng- trợn kiêu-căng, kết quả chúng phản thân ly, chỉ là tự hại. Vậy nên muốn tự-mục, tất phải khiêm-ty, ty được bao nhiêu, thời lại cao bấy nhiêu.

Ông Lão-tử có câu : Hậu kỳ thân nhi thân tiên 後其身,而身先. Nghĩa là : mình chịu lún thân mình mà ở lại sau, té ra thân mình lại được trước, chính là lẽ ấy.

2.— Lục Nhị, Minh Khiêm, trinh cát.

六二,鳴謙,貞吉.

Hào Lục vị Nhị, là một **hạng** người nhu thuận, lại đắc trung đắc chính. Đức Khiêm chất chứa ở bề trong, mà tiếng tăm lừng lẫy ở bề ngoài, là Minh Khiêm 鳴謙. Nhị có đức khiêm mà nức ở trong đời, thiệt là có đức trung chính, mà kiết quả được tốt lành 貞吉.

Minh, nghĩa như điểu minh, kê minh, có tiếng để người ta nghe, là nghĩa chữ Minh.

PHỤ CHÚ.— Khiêm là lẽ đáng được cát, vì sao hào-từ lại thêm vào chữ Trinh ?

Bởi vì, Khiêm với Nịnh, bề ngoài thời tương tự, mà tinh thần thời rất khác nhau.

Nịnh, cũng ty tốn như Khiêm, nhưng vì quyền lợi mình thua kém người, nên đối với hạng người hơn mình mà ty

tốn. Đó là hạng người siểm-nịnh, chính là bất trinh ; Khiêm mà trinh thời khác thế. Đạo đức học vấn vẫn hơn người mà tự xử bằng một cách Khiêm, đối với hạng người thua kém mình mà ty tốn. Thế mới là Khiêm trinh.

Sách xưa có câu : Hữu kỳ thực giả, danh tất qui chi 有其實者,名必歸之. Nghĩa là : Hễ người nào có đức thực ở trong mình, danh-dự tất qui vào người ấy. Lục-Nhị nầy minh Khiêm, chính là lẻ ấy.

Tượng viết, minh khiêm trinh cát, trung tâm đắc dã.

象曰,鳴謙貞吉,中心得也.

Lục-nhị có đức Khiêm mà ảnh-hưởng đến trong đời nghe tiếng, đó chẳng phải phấn sức bề ngoài mà được đâu. Bởi vì, chí thành chứa sẵn ở trong lòng, mà được hiệu-quả như thế. Suy cho đến nguyên nhân, vẫn trong tâm đã sẵn tự đắc như thế vậy.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ chữ trinh, tượng-tự chữ trung, là đủ cả nghĩa trung và chính.

3.— Cửu-Tam, Lao Khiêm, quân-tử hữu chung, cát.

九三,勞謙君子有終,吉.

Cửu Tam có đức dương-cương, mà lại làm chủ cho tuyền quái, ở trên hết hạ quái, năm hào âm thảy tin ngưỡng vào, là một hạng người có địa vị, có tài-năng, có công lao lớn ở trong thì Khiêm, nhưng mà giữ một cách khiêm ty, chẳng loè-loẹt tài mình, chẳng khoe-khoang công mình, thiệt là có công lao mà hay giữ đức Khiêm 勞謙, như bậc người ấy rất đúng với câu: Quân-tử hữu chung君子有終, ở trên quái từ. Làm bậc người quân-tử

Khiêm cung tự mục cho đến trọn một đời mình, tất nhiên được tốt lành 吉.

Tượng viết, lao khiêm, quân-tử, vạn dân phục dã.

象曰，勞謙，君子，萬民服也.

Lời tượng-truyện nầy, hệ-từ giải thích kỹ-lắm.

Tử viết, lao nhi bất phạt, hửu công nhi bất đức, hậu chi chí dã, ngữ di kỳ công, há nhân giả dã, đức ngôn thịnh, lễ ngôn cung, khiêm dã giả, trí cung di tồn kỳ vị giả dã.

子曰，勞而不伐，有功而不德，厚之至也，語以其功，下人者也，德言盛，禮言恭，謙也者，致恭以存其位者也.

Hệ từ nói rằng 子曰 : gánh việc khó nhọc mà chẳng khoe-khoang 勞而不伐, có công lớn với đời, mà chẳng nhận làm ơn đức 有功而不德, đức dày đến thế chẳng còn gì hơn 厚之至也.

Hào-từ có chữ « Lao » « Khiêm » là bảo rằng : lấy công lao mình mà chịu hạ-khuất với người đó vậy 語以其功，下人者也. Hệ từ lại nói thêm rằng : kể về đạo đức thời rất thịnh 德言盛, kể về lễ mạo thời rất cung kính 禮言恭, kẻ có đức lao Khiêm mà được vạn dân tín phục cả 謙也者, chính vì mình hết lòng cung kính của mình, tất nhiên giữ được địa vị của mình đó vậy 致恭以存其位者也.

PHỤ CHÚ : Tượng-truyện nói rằng : lao Khiêm quân-tử, vạn dân phục dã. Hệ-từ nói rằng : trí cung dĩ tồn kỳ vị. Đó là chỉ nói lẽ tự nhiên. Hễ đã lao Khiêm, thời vạn dân phục, chứ há phải cầu cho vạn dân phục mà lao Khiêm đâu, trí cung thời tự nhiên tồn được vị, chứ há phải muốn tồn vị mà trí cung đâu.

Người ở Đông-Phương như vua Hạ-vũ, người ở Tây-phương như ông Hoa-Thịnh-Đốn, mới đang được hào-từ nầy.

4.— Lục-Tứ, vô bất lợi, huy khiêm.

六四，无不利，撝謙.

Lục-Tứ có đức nhu-thuận lại ở vào vị chính, xử vào thì Khiêm, đáng lẽ là không việc gì chẳng lợi tiện 无不利. Nhưng vì địa vị hào Tứ ở trên Cửu-Tam, là người có công lao, ở kề gần Lục-Ngũ, là bậc Nguyên-thủ của một nước. Thên trời kiên úc hào Ngũ, dưới lại né nề hào Tam.

Vì địa-vị có ý khó khăn, nếu đức Khiêm chẳng đến nơi, e. chẳng được tuyền mỹ. Nên Thánh-nhân lại răn cho rằng : Tứ hãy nên phát huy đức Khiêm của mình, đức Khiêm phát triển cho đến nơi, mới được tận thiện tận mỹ 撝謙.

Huy ; phát-triển, cũng như nghĩa phát huy 發揮.

Tượng viết, vô bất lợi, huy khiêm, bất vi tắc dã.

象曰，无不利，撝謙，不違則也.

Có đức Khiêm như Lục-Tứ, mà xử vào đia-vị Lục-Tứ, thời dầu đã vô bất lợi, nhưng còn cần phải huy Khiêm, cái đó há phải thái quá Khiêm đâu, chỉ là vừa đúng với pháp tắc vậy.

« Vi : trái, cũng nghĩa là vượt qua. Bất vi tắc : đúng với bổn phận mình, vừa hợp với đạo lý, chẳng phải vượt qua ngoài bổn phận ».

5.— Lục-Ngũ, bất phú di kỳ lân, lợi dụng xâm phạt, vô bất lợi.

六五，不富以其鄰，利用侵伐，无不利.

Hào-Lục, ở vị Ngũ, là nhu thuận lại đắc trung. Ngũ lại là Nguyên-thủ ở vào vị chí-tôn, hay hết lòng Khiêm hư mà tín dụng, Cửu-Tam chính là đắc đạo giả đa trợ 得道者多助.

Chẳng cần vì thế lực giàu có, mà tự nhiên thâu-phục được láng giềng mình, 不富以其鄰.

Tuy nhiên, ở vị chí tôn, có quyền thống trị cả thiên-hạ. Nếu chỉ một mực Khiêm-nhu mà thôi, thành ra nhu mà chẳng cương, đức mà chẳng uy, chưa đủ tư cách làm một bậc Nguyên-thủ, thế tất phải cương nhu tương tế, uy đức tịnh hành

Nếu có hạng người nào ngoan-ngạnh chưa phục, thời cũng phải dùng đến ngón uy vũ mà chinh phục mới xong 利用侵伐. Như thế, thời Khiêm mà chẳng phải quá nhu, chí đức mà kiêm cả đại dũng, mới được vô bất lợi 无不利.

Tượng viết, lỵ dụng xâm phạt, chính bất phục dã.

象曰，利用侵伐，征不服也.

Lục-Ngũ ở vào thì khiêm, mà cần phải lợi dụng xâm-phạt, há phải hý-công sinh sự đâu, chỉ là chinh-phục những người bất phục vậy.

6.— Thượng-Lục, minh khiêm, lỵ dụng hành sư, chính ấp quốc.

上六，鳴謙，利用行師，征邑國.

Thượng-Lục ở cuối cùng quẻ Khiêm, là Khiêm chi cực. Tính chất nhu thuận, mà xử vào vị Khiêm chi cực, là một người chất chứa đức Khiêm quá lâu ngày, nên ai cũng nghe được tiếng đức Khiêm. Nên cũng nói rằng : Minh Khiêm như. Lục-Nhị 鳴謙 Đức Khiêm đã trỗi tiếng như thế, thời người phụ trợ rất nhiều, dùng đạo ấy mà hành sư chắc được thuận lợi 利用行師 nhưng vì địa-vị hào Thượng không được như địa vị hào Ngũ, dầu có hành sư cũng chỉ vừa chinh-phục được

ấp quốc mình mà thôi 征邑國. Ấp-quốc, nghĩa là những nước ở nơi đô ấp mình, nghĩa cũng như chữ bổn-quốc.

Hành sư mà chỉ chinh ấp quốc, là không chinh phục được phương xa. Bởi vì chất nhu mà Khiêm đã cực rồi, nên sự nghiệp cũng chỉ được như thế.

Tượng viết, minh Khiêm chí vị chí dã, khả dụng hành sư, chinh ấy quốc dã.

象曰，鳴謙，志未得也，可用行師，征邑國也.

Thượng-Lục tuy minh Khiêm, nhưng chưa lấy gì làm đắc chí vậy 鳴謙志未，得也, tất phải dụng hành sư 可用行師 sẽ để đỉnh đốn ấp quốc mình vậy 征邑國也. Bởi vì, Khiêm thường thuộc về tính chất nhu Khiêm cực thời thành ra quá nhu, không thể chế phục được những hạng người ngoạn-ngạnh, tất phải thêm vào thủ đoạn hành sư chính quốc, chứ chẳng phải là một mực quá Khiêm mà thôi

PHỤ CHÚ :– Thánh-nhân bàn đạo lý chẳng bao giờ nhất thiên.

Kinh-Thư có câu : mãn chiêu tổn Khiêm thụ ích 滿招損，謙受益. Nghĩa là đầy nhẩy thời sinh ra tổn hại. Khiêm hư thời chịu được lợi ích. Khiêm vẫn là tốt đã đành nhưng mà Kinh-Thư lại có câu : Cao minh nhu khắc trầm tiềm cương khắc 高明，柔克，沉潛，剛克. Nghĩa là : Những người đã cao minh, thời sợ thiếu phần nhu, nên lấy nhu mà khắc chế vào, những người đã trầm tiềm, thời sợ thiếu phần cương, nên lấy cương mà

khắc chế vào. Hào Ngũ, hào Thượng ở quẻ Khiêm, Thánh-nhân phải nói xâm phạt hành sư, cũng là ý trầm tiềm cương khắc, chứ chẳng phải bảo người ta xâm phạt lẫn nhau như hiện thế giới đâu,

Xin ai chớ nhận lầm chữ xâm phạt, mà đổ lỗi cho Thánh-nhân.

ooo

TIMSACH.COM.VN

XVI. QUẺ LÔI-ĐỊA-DỰ

雷地豫

震 上 外
坤 下 內
震 上 外

Quẻ nầy là quẻ Lôi-Địa-Dự.

Khôn hạ cũng là Nội-Khôn, Chấn thượng cũng là Ngoại Chấn.

Chấn là lôi, Khôn là địa. Nên tên quẻ đọc bằng Lôi-Địa-Dự.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, hửu đại nhi năng Khiêm, tất Dự, cố thụ chi dĩ Dự.

序卦, 有大而能謙, 必豫. 故受之以豫

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Khiêm tiếp lấy quẻ Dự, là vì cớ sao ?

Thừng tiếp nghĩa hai quẻ trên, hữu đại rồi mà lại hay khiêm, tất nhiên được an hòa lạc duyệt 有大而能謙, 必豫.

Vậy nên sau quẻ Khiêm tiếp lấy quẻ Dự 故受之以豫. (Dự : vui vẻ sung sướng).

Quẻ nầy Chấn ở trên, Khôn ở dưới, Chấn có tính động, Khôn có tính thuận, hành động mà hòa thuận, có gì vui hơn, nên đặt tên quẻ Dự.

Lại thủ nghĩa bằng Nhị tượng. Sấm ra ở trên đất, khí dương phát động, muôn vật nở sinh cũng là Dự.

SOÁN TỪ

Dự, lợi kiến hầu, hành sư.

豫, 利見侯, 行師.

Quẻ nầy cũng là quẻ Ngũ âm nhất dương, Cửu-Tứ là dương-cương, ở gần Lục-Ngũ là vị chi-tôn, mà trên dưới năm âm thảy thuận-ứng với Tứ, tượng là một người tài đức xuất chúng, lại gặp thì đắc chí ư thì Dự, dụng làm việc gì, cũng thuận thích cả, mà việc lớn thứ nhất là Kiến hầu hành sư, cũng thuận lợi lắm 利見侯行師.

Kiến hầu, nghĩa là : dựng đặt tước hầu, sẽ để quản-trị nhân-dân trong một nước ; hành sư, nghĩa là : đem quân đi. Nhóm hợp quần chúng thinh mệnh lệnh với một ông tướng, cũng in như ; Ngũ âm thuận ứng với nhất dương. Nên quái-từ nói rằng : Ly kiến hầu hành sư.

PHỤ CHÚ :— Ở trong quái hào nói : Kiến hầu hành sư có ba quẻ : **Quẻ Truân**, **quẻ Khiêm** với **quẻ Dự**. quẻ **Truân** có **Chấn** không **Khôn**, nên chỉ nói : **Kiến hầu**, mà không nói **hành sư**. **Quẻ Khiêm** có **Khôn** không **Chấn**, nên chỉ nói **hành sư**, mà không nói **Kiến hầu**. **Quẻ Dự** góp cả **Chấn** với **Khôn**, thời nói góp rằng : **Khiến hầu hành sư**. .Đó chính là thủ bằng tượng quẻ mà khác nhau, Chấn có tượng quân trưởng, nên nói Kiến hầu.Khôn có tượng đại chúng, nên nói hành sư.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Dự, cương ứng nhi chí hành, thuận di động Dự ;

Dự thuận dỉ động, cố thiên địa như chi, nhi huống kiến hầu hành sư hồ. Thiên địa dỉ thuận động, cố nhật nguyệt bất quá, nhi tứ thì bất thắc ; thánh nhân dỉ thuận động, tắc hình phạt thanh nhi dân phục. Dự chi thì nghĩa đại hỷ tai.

彖曰，豫，剛應而志行，順以動豫. 豫順以動，故天地如之，而況建侯行師乎，天地以順動，故日月不過，而四時不忒. 聖人以順動，則刑罰清，而民服，豫之時義大矣哉.

Soán viết, Dự, cương ứng nhi chí hành, Thuận dĩ động Dự.

彖曰，豫，剛應而志行，順以動豫.

Đây là lấy thể quẻ, đức quẻ thích nghĩa tên quẻ. Quẻ Dự nầy 豫, dương-cương được chúng âm ứng theo, mà chí dương gặp được dịp tấn hành 剛應而志行，順以動 thuận với thiên thì nhân sự mà hành động, như thế thời kết quả được hòa lạc, nên đặt tên quẻ bằng Dự 豫. Dự thuận dỉ động, cố thiên như địa chi, nhi huống kiến hầu hành sư hồ 豫順以動，故天地如之，而況建侯行師乎.

Đây là lấy đức quẻ thích nghĩa lời quẻ. Đạo trời đất, lý vạn vật chỉ có lý tự nhiên với đạo đang nhiên. Bây giờ thuận với lý tự nhiên đạo đang nhiên mà hành động mỗi việc 豫順以動, cho nên dầu trời đất cũng nghe theo 故天地如之. mà huống gì kiến hầu hành sư nữa rư 而況建侯行師乎.

Thiên địa dỉ thuận động, cố nhật nguyệt bất quá, nhi tứ thì bất thắc, thánh-nhân dỉ thuận động, tắc hình phạt thanh nhi dân phục.

天地以順動，故日月不過，而四時不忒，聖人以順動則刑罰清，而民服.

Đây lại kể cho tường tận đạo thuận động, mà lại nói rộng thêm.

Trời đất xoay vần nên tạo hóa, chỉ là thuận với lẽ tự nhiên mà hành động 天地以順動, cho nên mặt trời, mặt trăng phần đêm phần ngày hành độ chẳng bao giờ sai lầm 故日月不過, mà Xuân, Hạ, Thu, Đông khí hậu bốn mùa chẳng bao giờ sai suyễn 而四時不忒.

(Quá : sai lầm ; Thắc : sai suyễn).

Sở dĩ được thế, chỉ vì thuận động mà thôi ; Thánh-nhân kinh lý thiên hạ, thống ngự nhân quần, cũng chỉ thích hợp với nhân tình, thuận theo với thì nghĩa 聖人以順動, thời hình phạt chẳng phiền phức 則刑罰清, mà muôn dân phục tùng 而民服. (Thanh : giản lược).

Sở dĩ được thế cũng chỉ vì thuận động mà thôi.

Dự chi thì nghĩa đại hỷ tai.

豫之時義，大矣哉.

Trên kia đã nói : đạo dự thuận. Nay lại ngần nghĩ mà tán tụng thì Dự. Nói rằng : thì nghĩa thuộc về quẻ Dự, lớn lắm vậy thay !

(Thì nghĩa là đạo lý ở thì Dự)

PHỤ CHÚ :— Lời Soán-truyện tán chữ Thì có **mười một quẻ** : quẻ **Dự**, quẻ **Độn**, quẻ **Cấn**, quẻ **Lữ**, nói Thì mà kiêm chữ nghĩa ; quẻ **Khảm**, quẻ **Khuê**, quẻ **Kiển**, nói Thì mà kiêm chữ dụng ; quẻ **Di**, quẻ **Đại-quá**, quẻ **Giải**, quẻ **Cách**, thời chỉ chữ Thì mà thôi. Lời tán tuy khác nhau, mà ý nghĩa thời in như nhau. Nói thì nghĩa vẫn có dụng, nói thì dụng cũng có nghĩa, nói thì thời nuốt cả nghĩa với dụng vào trong.

Nhưng vì, có quẻ thời chú trọng về phần dụng, có quẻ thời chú trọng về phần nghĩa, chẳng qua tùy thì quẻ mà lời có khác nhau.

Chúng ta nghiên cứu cho đến ý Thánh-nhân, thời tuyển bộ Dịch cốt yếu nhất là chữ Thì. Thánh nhân cử ra mười một quẻ mà tán rằng : Đại hỷ tại, kỳ dư các quẻ có thể suy được.

ĐẠI TƯỢNG-TRUYỆN

Tượng viết, lôi xuất địa phấn, dự, tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức, ân tiến chi thượng đế, dĩ phối tổ khảo.

象曰，雷出地奮，豫先王以作樂崇德，殷薦之上帝，以配祖考.

Chấn lôi ở trên, khôn địa ở dưới, tượng là sấm ra khỏi mặt đất, khí dương ở dưới đất bùng lên, mà thành ra tiếng 雷出地奮.

Vạn vật nhân lúc ấy hấp lấy dương khí mà nảy nở phát sinh. Nên đặt tên quẻ bằng Dự 豫.

Tiên vương xem tượng ấy làm ra nhạc, sẽ để bao sùng công đức 先王以作樂崇德, nhạc đã thịnh, công đức cũng thinh tiến lên thượng đế để phối tổ khảo 殷薦之上帝，以配祖考.

(Ân ; thịnh; Phối : sánh; Dĩ phối tổ khảo : đem ông cha mình, phối với Thượng-đế.)

HÀO-TỪ VÀ TIỂU-TƯỢNG-TRUYỆN

1.—Sơ Lục, minh dự, hung.

初六，鳴豫，凶，

Chữ Dự các hào, với chữ Dự ở quẻ, nghĩa có khác nhau. Dự ở quẻ, thời nghĩa là hòa lạc, cũng như nghĩa chữ Dự ở câu : Nhất du nhất dự vi chư hầu độ 一遊,一豫為諸侯度. ở sách Mạnh-Tử.

Chữ Dự ở các hào thời nghĩa là tự lạc, như nghĩa chữ dật dự. Vui vẻ với thiên hạ thời là dự hay, một mình sung sướng hớn hở thời là dự dở.

Sơ Lục âm nhu cư hạ, vẫn là tiểu nhân bất trung chính, nhờ ở trên có Cửu-Tứ là người có thế-lực ở thì Dự. Sơ được ứng với Tứ, Tứ viện trợ cho Sơ, Sơ là tiểu-nhân, ỷ thế cường viện, đắc ý kiêu nhân, tự khoe cách vui sướng của mình, kêu sướng cho người ta nghe 鳴豫, là thái trạng của tiểu nhân đắc chí, còn gì tốt nữa, kết quả tất nhiên hung 凶.

PHỤ CHÚ.— Cũng đồng một chữ Minh, mà Minh Khiêm thời cát, Minh dự thời hung, há phải đạo lý trái nhau đâu.

Kia thời Khiêm chi cực, mà người ta nghe tiếng là tiếng tự nhiên mà được. Đây thời Dự chi thậm, mà khoe trẻ cho người ta biết, tiếng đó là tự mình minh lên, tình trạng quân-tử tiểu-nhân khác nhau, nên kết quả cũng khác nhau.

Tượng viết, sơ lục minh dự, chí cùng hung dã.

象曰,初六鳴豫,志窮凶也.

Sơ Lục âm nhu cư hạ, mà khí kiêu chí mạn đã đến cùng cực, dật dự tự minh, hung là phải rồi.

2.—Lục Nhị, giới vu thạch, bất chung nhật, trinh cát.

六二,介于石,不終日,貞吉.

Lục Nhị ở về thì Dự, theo như thường tình, thời phần nhiều

người mắc họa lạc cực sinh bi. **Duy Hào-Nhị đắc trung đắc chính, chẳng đùa với thì-tục, tự thủ trong mình bằng một cách kiên-cố vững vàng, lại trì kỷ bằng một cách rất lanh chóng quả quyết. Nên hào từ rất tốt.**

Xem hệ từ giải thích càng rõ lắm.

Tử viết: tri kỵ kỳ thần hồ, quân tử thượng giao bất siểm, hạ giao bất độc, kỳ tri kỵ hồ. Kỵ giả động chi vi, cát hung chi tiên kiến giả dã; quân tử kiến cơ nhi tác, bất sỉ chung nhật. Dịch viết : giới vu thạch, bất chung nhật, trinh cát, giới như thạch yên, minh dụng chung nhật, đoán khả thức hỷ, quân tử tri vi, tri chương, tri nhu, tri cương, vạn phu chi vương.

子曰，知幾其神乎，君子上交不諂，下交不瀆，其知幾乎，幾者動之微，吉凶之先見者也．君子見幾而作，不俟終日，易曰，介于石，不終日，貞吉，介如石焉，寧用終日，斷可識矣君子知微，知彰，知柔，知剛，萬夫之望．

Hệ từ nói rằng 子曰 : ứng sự tiếp vật mà biết được triệu trậm ở khi còn mảy may mới là thần diệu đó rư 知幾其神乎?

Đấng quân-tử sở dĩ giao với bậc trên, cung kính mà chẳng đến nỗi siểm nịnh 君子上交不諂, **giao với bậc dưới thương yêu mà chẳng đến nỗi lờn lã** 下交不瀆, chắc vì đức trí biết được kỵ đó mà 其知幾乎. Kỵ, là nghĩa làm sao ? là cái máy động còn ở lúc mảy may, dầu cát dầu hung chưa rõ mà đã thấy được trước 幾者動之微，吉凶之先見者也.

Quân-tử thấy được việc ở khi kỵ vi mà ứng phó ngay chẳng chờ trọn ngày 君子見幾而，作不俟終日.

Lục-Nhị quẻ Dự nói rằng : 易曰 khi tiết mình bền chắc

như đá, trí khôn soi việc lại lanh, chẳng chờ đến trọn một ngày mà thấy được chắc chắn, thế là vừa chính vừa lành 介于石，不終日，貞吉. Hễ một người trinh tháo đã bền như đá 介如石焉, tinh-thần an định, thời óc nghĩ sáng suốt, cần gì phải chờ đến tối ngày 寧用終日, mà phán đoán đã rành-rỏi rồi 斷可識矣.

Thần-diệu vậy thay! là người quân-tử 君子 biết được việc lúc còn lờ-mờ 知微, biết được việc lúc đã rõ rệt 知彰, biết được lẽ nên nhu mà nhu 知柔, biết được lẽ nên cương mà cương 知剛. Thế mới làm được một người cho muôn chúng trông vào 萬夫之望.

(Vi : đương lờ-mờ ; Chương : đã rõ rệt).

PHỤ CHÚ.— Sách Đại-học có câu : an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc 安而後能慮，慮而後能得.

An : tinh thần an lặng ; Lự : nghĩ tính lo lường.

Tinh thần có an lặng, mà sau mới hay tính toán lo lường. Hay tính toán lo lường mà sau mới hay trúng được sự cơ, ý chính như hào-từ, Lục-Nhị nầy. Giới vu-thạch, là an mà hay lự, bất chung nhật trinh cát là lự mà hay đắc.

Nhưng xem lời Hệ-từ, thời quan-hệ nhất là chữ Tri. Có tri được vi mới tri được chương, có tri được nhu mới tri được cương. Tri, nghĩa là biết, biết được thấu, thời làm được nên. Học-thuyết ông Tôn-Văn có nói rằng : **tri nan hành dị** 知難行易, mà tục ngữ ta có câu : **Khôn chết, dại chết, biết sống.** Cái « **biết** » quan hệ đến như thế, mà biết lại qui nhất là tri kỳ. Đương lúc kỳ vi mà đã biết trước, mới là chân-chính tri. Nhưng khó lắm, nếu chẳng phải bậc người thần trí, làm sao tri được kỳ ?

Tri là một vấn đề rất khó, mà càng khó hơn nữa là tri ky. Nên Dịch nói rằng : Tri ky kỳ thần hồ 知幾其神乎.

Tượng viết, bất chung nhật, trinh cát, dĩ trung chính dã.
象曰,不終日,貞吉,以中正也.

Lục-Nhị vì có đức trung chính, nên thủ tiết kiên tri ky chóng. Vậy nên hay bất chung nhật mà được trinh cát vậy.

PHỤ-CHÚ.— Ở về thì Dự chính là lúc quần chúng đùa sự vui chơi, mà trong quẻ thời duy Cửu-Tứ nhất dương dụng-sự, là một người thế lực lớn nhất ở trong đời ấy.

Những hạng người bất trung bất chính, tất nhiên xu-phụ với Cửu-Tứ, để mua chuộc cái bả vinh-hoa. Duy Lục-Nhị chẳng thèm ứng với Tứ mà những người phe phái với Tứ, Lục-Nhị cũng chẳng dây dưởng vào, thiệt là một người rất cao thượng, chỉ vì có đức trung chính mới được thế.

Kìa như : Sơ ứng với Tứ, thời minh dự mà hung, Tam tỷ với Tứ thời hu dự mà hối ; Ngũ kề trên Tứ, thời mắc trinh lấy tật. Chúng ta mới biết rằng : Theo lý Kinh-Dịch, thời những bọn xu phụ quyền thế, kết quả ích gì.

3.— Lục Tam, hu dự, hối trì, hữu hối.
六三,盱豫,悔遲,有悔.

Lục-Tam vẫn đã bất trung bất chính, mà ở trên Tam lại có một người đại quyền-thế là Cửu-Tứ, Tam vì trọc trùm thân thế của Tứ, mong nhờ Tứ kiếm ăn, lấy làm tự đắc, chỉ ngửa mặt trông lên hào Tứ, mong được phú quý mà vui mầng 盱豫. Như thế tất nhiên kết cục chẳng khỏi ăn năn 悔,

(Hu : nghĩa là dòm lên trên).

Tuy nhiên, lòng ăn-năn đó, nếu biết được sớm, còn có lẽ hay. Nhưng Tam có biết thế đâu, lôi thôi chậm chạp 遲 sụp vào bẫy quyền thế, mà chẳng rút chân ra mau, tất chẳng khỏi được chữ hối 有 悔.

Tượng viết, hu dự, hửu hối, vị bất đáng dã.

象 曰, 盱 豫 有 悔, 位 不 當 也.

Hu dự hửu hối là tội tại tư cách Lục-Tam, chẳng đúng xử hoàn cảnh vậy (chữ Vị nầy có ý nghĩa như chữ hoàn-cảnh).

4.— Cửu-Tứ, du dự, đại hửu đắc, vật nghi, bằng hạp trâm.

九 四, 由 豫, 大 有 得, 勿 疑, 朋 盍 簪,

Cửu-Tứ làm chủ cho tuyền quẻ Dự, tượng là một người chủ động ở trong đời ấy, lại thân cận với Ngũ. Ngũ là bậc người đại Nguyên-thủ, hết lòng tín nhiệm Tứ, như thế hoàn cảnh đã thuận, quyền lực lại lớn, người đời ấy nhờ mình mà vui vẻ.

(Du dự: xã hội bởi mình mà được dự).

Tứ vì có đức dương-cương, mà lại gặp thì gặp thế, chắc đại hửu vi được, phát triển được hoài-bảo của mình 大 有 得.

Nhưng vì Tứ ở gần vị chí tôn, mà kẻ ở trên mình là người nhu nhược. Tứ lấy một mình đang gánh nặng cho thiên hạ, kẻ ở dưới mình rặt là âm nhu. Tứ thường lo không bạn đồng đức. Hoàn-cảnh Tứ như thế, chính là vị nguy nghi. Tuy nhiên, chí lý ở trong thiên hạ, duy chí thành thời thường cảm cách được người, dầu cay co đến thế nào, nhưng mà chí thành cảm cách được lòng người, thời sợ gì thiên hạ không kẻ giúp mình. Vậy nên hào-từ lại răn Tứ rằng: Tứ chỉ nên hết lòng chí thành, chớ để ý hoài-nghi 勿 疑. Mình lấy thành cảm người, thời người cũng lấy thành ứng với mình, tự nhiên thành ứng khi cầu, có bạn tốt nhóm hợp giúp mình đã đông lại chóng 朋 盍 簪.

(Hạp : hợp ; Trâm : nhóm mà chóng ; Hạp cũng có nghĩa là sao chẳng ; bằng hạp trâm, nghĩa là bận bạn sao chẳng chóng nhóm rư ? Giảng như thế cũng thông),

PHỤ CHÚ ;— Chữ Du Dự cũng như chữ Du Di ở quẻ Di. Người thiên-hạ tất thảy du ở mình mà được nuôi, thời là du di, người thiên hạ tất thảy du ở mình mà được hòa duyệt, thời là du dự.

Tượng viết, du dự, đại hửu đức, chí đại hành đã.

象曰，由豫大有得，志大行也.

Thiên-hạ du ở mình mà được sung sướng, là chí mình phát triển được lớn vậy.

5.— Lục Ngũ, trinh tất hằng, bất tử.

六五，貞.疾恆不死.

Đương ở thì Dự mà Lục-Ngũ âm nhu cư tôn, trầm nịch vào cảnh dật dự, bị ở dưới Ngũ có : Cửu-Tứ dương cương đắc chính, được lòng dân chúng, gánh hết việc thiên hạ. Ngũ tuy ở trên Tứ, mà Tứ chuyên hết sự quyền, Ngũ không thể tự lập được, tượng như người mắc bệnh bại già đời, nhưng may nhờ Tứ cũng không quá tay áp bức, mà Ngũ cũng đắc trung, nên công việc thiên hạ, chỉ cậy người làm thay cho, mà Ngũ thời được hưởng hư-vị mãi mãi.

Tượng như là người có tật bệnh luôn luôn 貞 疾, mà sống dai chẳng chết 恆 不 死. Nên hào-từ nói rằng : Trinh tất, hằng bất tử.

PHỤ CHÚ.— Cửu-Tứ chuyên trọng quyền, mà Lục Ngũ thời hưởng nhàn phúc. Theo về sử **nước ta, sau đời Lê-Trung-hưng hơn hai trăm năm, vua Lê nhu- nhược, chúa Trịnh chuyên**

quyền, việc nước hoàn-toàn ở trong tay Trịnh. Mà vua Lê chi là một vị Hoàng đế ngồi không. Đến ngày Trịnh vong thời Lê mới mất.

Nhưng vua Lê đó, chính là trinh tật, hẳng bất tử. (Nghĩa chữ Trinh ở đây khác mọi nơi ; Trinh nghĩa là dai dắc).

Tượng viết, Lục Ngũ trinh tật, thừng cương dã, hẳng bất tử, trung vị vong dã.

象曰，六五貞疾，乘剛也，恆不死，中未亡也.

Lục-Ngũ sở dĩ trinh tật, là vì cưỡi trên hào dương-cương là Cửu-Tứ vậy. Sở dĩ hẳng bất tử, là vì vị trung ở hào Ngũ cũng chưa đến nỗi mất vậy.

6.— Thượng-Lục; minh-dự thành hữu du, vô cựu.

上六，冥豫，成有渝，无咎.

Thượng-Lục đã âm nhu bất trung bất chính, mà lại ở thì dự chi cực, nên nỗi trầm mê vào cảnh dự, chỉ biết vui sướng ở trước mắt, mà chẳng biết ngó tới sau lưng, thiệt là một người dự mà mê túi 冥豫.

Nhưng còn may một tý, hào Thượng là ở về Chấn thể, còn có động ky, mà lại tại dự chi chung. Dự cùng tắc biến, nên thánh-nhân mong cho thiên thiện cải quá, mà nói rằng; Minh dự tuy đã thành chứng nhưng nếu biết phát phận tự cường, mà biến đổi nết xấu 成有渝, thời không đến nỗi tội lỗi 无咎.

Tượng viết, minh dự, tại thượng, hà khả trường dã.

象曰. 冥豫，在上何可長也.

Minh dự mà ở trên hết quẻ, có lẽ mê mẫn hoài được ru ?

PHỤ CHÚ : Chúng ta đọc hết sáu hào quẻ Dự, mới biết câu thầy Mạnh nói : Sinh ư ưu hoạn, nhi tử ư an lạc dã 生於憂患,而死於樂也. Nghĩa là : người ta thường nhờ ở chốn ưu hoạn mà được sống, mà cũng thường vì dật dự đến nỗi phải chết. Dự, nghĩa là hòa dự, cũng nghĩa là dật dự, đáng lẽ là vui vẻ sung sướng ; nhưng trong sáu hào, duy Nhị biết vất bỏ cảnh dật dự, tự thủ lấy một cách trinh, thời được cát ; còn Sơ-Lục thời Minh dự mà hung. Lục Tam thời hu dự mà hối. Cửu-Tứ thời tuy du dự mà còn phải nghi. Lục-Ngũ thời mắc lấy trinh tất.

Thượng-Lục, thời mắc lấy tội minh dự. Thế mới biết rằng : cảnh sung sướng vui vẻ chính là cái cửa vào nguy hiểm chông gai. Người xưa có câu : Yến an trậm độc, bất khả hoài dã 燕安鴆毒,不可懷也.

Nghĩa là : an vui sung sướng, chính là thuốc độc rượu trậm hay giết được người, rất không nên say mê vào nó. Nên nói rằng : Nghĩa ở thì quẻ Dự rất lớn vậy thay ! Nghĩa chữ Dự lại còn có một nghĩa là dự bị. Nếu biết dự bị thời khỏi mắc họa dật dự

Học Dịch càng cần phải biết nghĩa ấy.

o O o

XVII. QUẺ TRẠCH-LÔI-TÙY

澤雷隨

Quẻ nầy là quẻ Trạch-Lôi-Tùy.

Chấn hạ cũng là Nội-Chấn ; Đoài thượng cũng là Ngoại-Đoài.

Đoài là trạch, Chấn là lôi. Nên tên quẻ đọc bằng Trạch-Lôi-Tùy.

兌 上 外兌
震 下 內震

TỰ QUÁI

Tự quái, Dự tất hửu tùy, cố thụ chi dĩ Tùy.

序卦，豫必有隨故受之以隨.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Dự tiếp lấy quẻ Tùy, là vì cớ sao ?

Hễ đã Dự rồi, tất có nhiều người vui theo, nên sau quẻ Dự tiếp lấy quẻ Tùy 豫必有隨故受之以隨.

Dự nghĩa là vui ; Tùy nghĩa là theo.

Quẻ nầy Đoài trên, Chấn dưới, Đoài là hòa duyệt ; Chấn là động, động là hào-duyệt, tất nhiên nhiều người vui theo.

Lại theo về tượng quẻ : Chấn là trưởng-nam, Đoài là thiếu-nữ, thiếu nữ duyệt trưởng-nam mà theo nhau, thảy là nghĩa chữ tùy. Lại một tượng nữa ; Chấn là lôi, Đoài là trạch, lôi nhức động ở trong trạch, trạch tùy mà động theo, cũng là tượng tùy, góp nghĩa hai tượng như thế, nên đặt tên quẻ bằng Tùy.

TIMSACH.COM.VN

SOÁN TỪ

Tùy, nguyên hanh, lợi trinh, vô cựu.

隨, 元亨利貞, 无咎.

Nghĩa tên quẻ đã thích rõ như trên, nay thích quái-từ chỉ nói đạo Tùy.

Tùy, nguyên nghĩa là theo, tức là tùy-tòng. Nhưng ở trọng đạo Tùy. có hai phương diện :

Một phương diện là : mình tùy người ; Một phương diện là : người tùy mình.

Chọn được « Minh sư » « lương hữu » mà tùy, nghe được « trung ngôn » « trực gián » mà tùy, ấy là tùy hay.

Nếu mắc lấy tiểu-nhân gian-ác mà tùy, say lây lời gian miệng ngọt mà tùy, ấy là tùy dở.

Tạo nhân tùy có tốt xấu, thời kết quả tùy có lành dữ. Nên quái-từ răn cho chúng ta rằng : Người trong thiên-hạ chẳng ai tránh khỏi chữ tùy, sự nghiệp lớn như vua Thuấn, cũng phải bỏ ý-kiến mình theo ý-kiến người 舍以從人. Đạo-đức thịnh như đức Khổng cũng phải chọn điều lành mà theo 擇善而從

Nghĩa chữ Tùy lớn đến như thế, nhưng cốt phải tùy cho đắc kỳ đạo. Nếu tùy bất đắc kỳ đạo, thời thành ra uốn cong sở học mình mà a dua với đời, chỉ là một bọn quỉ tùy vô lương 說隨無良, thời đến nỗi vì tùy mà mà táng thân, thất tiết, cái ky tùy lại nguy hiểm đến như thế.

Vậy thời Tùy nên thế nào ?

Tất phải kén chọn làm sao cho được một cách đại-thiện 元, tùy mà được đại-thiện, tất nhiên mình vì đạo phải mà tùy người, người cũng vì đạo phải mà tùy mình. Nhân với quả tương sinh, mình với người thảy tốt, có việc vì mà chẳng thông thuận đâu 亨. Nhưng sở dĩ đại-thiện mà hanh, há phải tạm thì nửa

doạn mà được đâu, lại tất phải thành tâm kiên cố, hửu thỉ hửu chung thời kết-quả của Tùy mới được viên mãn 利貞.

Như thế, thời tùy mới không tội tỗi 无咎.

PHỤ CHÚ :— **Đạo lý trong thiên hạ, rất lớn là chữ Tùy, lớn đến như Vũ trụ, nhưng địa cầu hành tinh phải đi theo nhật luân, nhỏ đến nhất vật, như ong theo con chúa tướng, kiến theo con đầu bầy, chỉ nói giữa một thân người ta, ngũ-quan tứ-chi tất thảy là tùy theo tâm não, tâm não sai khiến đến đâu, thời thể-phách theo đến đấy, nhưng chân lý của Tùy, chẳng phải là nô lệ, chỉ vì công-lý mà tùy, chứ chẳng phải vì thế lực mà tùy ; Vì đại cuộc mà tùy, chứ chẳng phải vì tiểu kỷ mà tùy, vì công ích mà tùy, chứ chẳng phải vì ty lợ mà tùy. Trước khi chưa tùy phải kén chọn cho tinh, sau khi đã tùy phải tiết tháo cho chính. Vậy nên, quái-từ đã nói : Tùy, nguyên hanh, mà lại** nói tất phải **l**ợ trinh mới được vô cựu, **quan hệ nhất là chữ Trinh. Nếu sở tùy** bất trinh, thời tuy nguyên hanh mặc dầu, mà cuối cùng cũng chắc có tội lỗi. Chúng ta nhận kỹ ý quái-từ nầy, thời dầu theo một chủ nghĩa nào, theo một phe phái nào, cũng gọi bằng tùy, mà tùy tất phải trinh mới được.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, tùy cương lai nhi há nhu, động nhi duyệt tùy, đại hanh, trinh, vô cựu, nhi thiên hạ tùy thì (1). Tùy thì chi nghĩa đại hỷ tai.

彖曰，隨，剛來而下柔，動而說．隨，大亨，貞，无咎，而天下隨時，隨時之義大矣哉．

---

(1) Chữ Thì là theo sách xưa, nay đổi làm chữ Chi mới đúng.

Soán viết, tùy cương lai nhi há nhu, động nhi duyệt tùy.

彖曰，隨，剛來而下柔，動而說隨.

Quẻ nầy sở dĩ đặt tên bằng quẻ Tùy, là theo bằng quái biến, hào dương quẻ chấn xuống ở dưới hết quẻ, nhường cho hào âm quẻ Đoài ở trên hết quẻ 剛來而下柔, Chấn ở nội, Đoài ở ngoại, là động mà hòa duyệt 動而說.

Nên tên quẻ đặt bằng Tùy 隨.

Đại hanh, trinh, vô cựu, nhi thiên hạ tùy thì.

大亨，貞，无咎，而天下隨時.

Tùy mà đại hanh lại trinh 大亨貞, thời vô cựu 无咎, mà thiên hạ tất thảy vui theo 而天下隨之.

Xưa nay việc trong thiên hạ thường có một người đề-xướng lên chủ nghĩa gì, hoặc học thuyết gì, mà thiên hạ cũng chỉ vì thì đã đến thế, mà thiên-hạ mới theo. **Tỷ như ; Chính thể quân chủ lập hiến, hoặc chính thể dân-chủ, học thuyết quốc gia hay xã hội, thường có một người thủ xướng, mà muôn ngàn người họa theo, cũng chỉ vì đúng Thì mà thôi.**

Nếu chưa có họa quân-chủ chuyên-chế, như đời Lộ-Địch thập-lục mà xướng dân chủ. Nếu chưa có họa tư-bản chiến tranh như cuối thế kỷ thập cửu, mà xướng xã-hội học-thuyết, thời cọ ai theo đâu. Vậy biết chữ thiên hạ tùy thì rất hay.

Tùy thì chi nghĩa đại hỷ tai.

隨時之義大矣哉.

Tóm xem mấy câu trên ấy, mà ngẫm nghĩ cho sâu, thời biết nghĩa chữ Thì ở quẻ Tùy là lớn lắm vậy thay.

PHỤ CHÚ.— Đức Khổng thích quái-từ quẻ Tùy, mà kết

thúc lấy chữ Thì, lại tán rằng : Đại hỷ tai, ý tứ sâu lắm, vừa tinh lắm.

Dầu thiên đạo, đến nhân sự chẳng bao giờ vượt khỏi chữ Thì.

Nhà lầu, áo gấm, mà chế-tạo ra ở đời dạ cư huyệt xử 夜居穴處, bế quan tỏa cảng 閉關挫港, mà giữ chặt ở đời hoàn hải giao thông 寰海交通, thiệt không thể nào làm được. Bởi vì, thì chưa đến, dầu thánh triết cũng không thể cưỡng bắt thì theo ý riêng mình. Thì đã đến rồi, dầu dung ngu cũng có thể đua thì cạnh tấn. Vậy nên, ở trong nghĩa chữ Tùy lại qui trọng nhất là tùy thì

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, trạch trung hữu lôi, tùy, quân-tử dĩ hướng hối nhập yến tức.

象曰, 澤中有雷, 隨, 君子以嚮晦入宴息.

Đoài Thượng Chấn hạ là tượng ở giữa lòng chằm có tiếng sấm 澤中有雷, nước chằm theo tiếng sấm mà động, ấy là tượng quẻ Tùy 隨. Quân tử xem tượng ấy tùy thì mà động tịnh, thì nên động mà động, là ban ngày ; thì nên tịnh mà tịnh là ban đêm, hướng buổi đêm thời vào an nghỉ, cũng là một việc tùy thì của quân tử 君子以嚮晦入宴息.

(Hướng hối : tới buổi đêm ; yến tức : an nghỉ).

Hướng hối nhập yến tức là chứng vào một việc rất thiển cận, sẽ để cho học-giả suy rộng ra.

PHỤ CHÚ : Trong Dịch thủ tượng theo **lôi**, mà quân-tử bắt chước **lôi** có năm quẻ : **quẻ Dự**, là «lôi xuất địa phấn», thời

bắt chước lôi mà «tác nhạc sùng đức». **Quẻ Đại-tráng** là lôi tại thiên Thượng, thời bắt chước lôi mà phi lễ phất lý ; quẻ **Vô Vọng** là thiên hạ lôi hành, thời bắt chước lôi mà đối thì dục vật. Đó là bắt chước cách động của lôi : **Quẻ Phục** là lôi tại đại trung, thời bắt chước lôi mà bế quan tức lự ; quẻ **Tùy** là trạch trung hữu lôi, thời bắt chước lôi, mà hướng hối yến tức. Đó là bắt chước cách tịnh của lôi.

Tục-ngữ thường nói : tháng mười sấm nạp, tháng chạp sấm ra. Thế là : lôi vẫn có khi động khi tịnh. Xuân hạ thời lôi phát-thanh, thu đông thời lôi thu thanh, cũng là một công dụng, thuộc về đạo trời, quân-tử động tịnh tùy thì, cũng là bắt chước đạo trời vậy.

Còn có một nghĩa : quân-tử tự-cường bất tức, cớ sao lại nói yến tức, chẳng là mâu-thuẫn hay sao ?

Không, không, bất tức là kiêm cả tinh-thần và xác thịt, nên thuộc về ban ngày thời chẳng nghỉ. Yến tức, là an nghỉ cái xác thịt, sẽ để bồi dưỡng phần khỏe bằng tinh thần. Danh tuy yến tức, mà kỳ thực là bất tức, nuôi tinh thần bằng buổi đêm, chính là một cách tự-cường của quân tử. Thử xem như ông Chu Công «tọa dỉ đải đán 坐以待旦» đức Khổng « chung dạ bất tẩm, dỉ tư 終夜不寢以思.» Thế là xác thịt tuy nghỉ mà tinh thần có bao giờ nghỉ đâu, chỉ duy, muốn cho tinh thần khỏe mạnh, tất cũng có khi phải nghỉ xác thịt, hướng hối,nhập yến tức, chính là nghĩa ấy.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, quan hửu dụ, trinh cát, xuất môn giao hửu công.

初九. 官有渝, 貞吉, 出門交有功.

Sơ vẫn hào dương, đáng lẽ làm chủ cho âm, mà âm thì phải tùy dương. Bây giờ Sơ cửu lấy mình là dương, mà trở lại tùy hai âm. Thế là Sơ vẫn làm chủ, mà có lúc biến dịch 官有渝, e chẳng được tốt, nhưng xử Thì buổi Tùy, lại cốt tùy thì biến dịch, chỉ sợ cách biến dịch chẳng được chính mà thôi. Nếu biến dịch mà được chính, ấy là tùy mà trinh, tất được tốt lành 貞吉.

(Quan : chủ ; Du : biến).

Theo lệ Kinh-Dịch, dương làm chủ cho âm, nên gọi bằng quan mà nghĩa làm chủ.

Tuy nhiên, thường tình người ta hễ đã có tùy, thường dây dưới vào vòng ty ái, tức là : tùy nhi bất trinh, đã bất trinh làm sao được cát. Nên tất phải đoạn tuyệt nhất thiết ty ái, tượng như ra ngoài cửa mà giao kết với người 出門交. thời mới có thành công 有功.

Xuất môn giao, nghĩa như câu : Đồng nhân vu môn, ở quẻ Đồng nhân, không giao kết bằng ty tình, mà chỉ giao kết bằng chính lý, thời mới được việc.

PHỤ CHÚ.— Thích hào-từ nầy, Tình truyện có một đoạn nghĩa lý rất hay, tuy chẳng theo hào nghĩa, nhưng cũng biên ra để cống hiến độc giả.

Thường nhân chi tình, ái chi, tắc kiến kỳ thị ; Ố chi, tắc kiến kỳ phi, cố thê noa chi ngôn, tuy thất nhi đa tòng, sở tăng chi ngôn, tuy thiện vi ác dã, 常人之情，愛之，則見其是，惡之，則見其非，故妻孥之言，雖失而多從，所憎之言，雖善爲惡也，

Nghĩa là : Tình của hạng người dung thường : người mình đã

yêu, thời chỉ thấy nó là phải, người mình đã ghét, thời chỉ thấy nó là trái. Vậy nên lời nói của vợ con mình, tuy lầm lỗi mà hay nghe theo. Lời nói của người mình ghét, tuy có lành mà cũng cho là xấu vậy.

Câu thơ của Cụ Uy-Viễn cũng nói rằng :

Lúc ghét dệt thêu ngay hóa vạy, khi ưa tô vẽ méo nên tròn.

Đó rặt là Tùy mà chẳng được chính Tùy mà được chính, có đến nỗi bất cát đâu.

Tượng viết, quau hửu du, tòng chính, cát dã. Xuất môn giao hửu công, bất thất dã.

象曰，官有渝，從正吉也，出門交有功，不失也.

Quan hửu du, nhưng mà theo được chính, thời tốt lành vậy (chính là nghĩa chữ trinh), xuất môn giao, hửu công, là tùy được chính, thời chẳng đến nỗi thất bại vậy.

2.— Lục-Nhị, hệ tiểu-tử, thất trượng phu.

六二，係小子，失丈夫.

Lục-Nhị vẫn có chính-ứng của mình là Cửu-Ngũ, Ngũ dương cương trung chính, là đích đáng một vị trượng phu, nhưng vì Nhị thân cận với Sơ, Nhị đã tinh chất âm nhu, giữ mình chẳng được bền-vững, mà lại xử về thì Tùy, gần đâu tùy đấy, lân la ríu rít với Sơ, nốt tùy quách Sơ, té ra hụt mất Cửu-Ngũ, là chính ứng của mình, ấy là hệ tiểu-tử, mà mất trượng phu đó vậy.

(Tiểu-tử, chỉ vào Sơ dương, trượng phu là chỉ vào Ngũ dương. Hệ, nghĩa là : bìu ríu, ríu rít).

PHỤ CHÚ.— Dương cương biết theo đạo lý chính, mà tùy người, thời gọi bằng Tùy, âm nhu chỉ theo ty tình mà tùy người,

thời gọi bằng hệ.

Vậy nên trong quẻ, ba hào dương không chữ hệ, ba hào âm rặt nới chữ hệ.

Tượng viết, hệ tiểu-tử, phất kiêm dự dã.

象曰, 係小子, 弗兼與也.

Lục-Nhị đã bìu riu lấy Sơ, tất nhiên phải thất Ngũ, không lẽ được cả hai bèn.

Nguyên lai, đạo Tùy, hoặc mình tùy người, hoặc người tùy mình, thân người hiền tất viến người gian, theo lối trái thời mất lối phải, không lẽ lưởng tùy được, nên nói rằng: phất kiêm dữ.

Kiêm dự: tùy cả hai bèn.

3.— Lục-Tam, hệ trượng phu, thất tiểu-tử, tùy hửu cầu đắc, lợi cư trinh.

六三, 係丈夫, 失小子, 隨有求得, 利貞居.

Lục-Tam tính chất cũng như Lục-Nhị, âm nhu không độc-lập nổi, đụng ai thân cận thời tùy ngay. Nhưng Tam nầy may nhờ địa vị mình tiếp cận với Cửu-Tứ, Tứ có tài dương cương, lại ở trên mình, chính là một vị trượng phu, Tam vì thân cận với Tứ, mà bìu riu theo Tứ 係丈夫, tuy ở dưới có Sơ cũng là dương cương, nhưng Tam đã tùy Tứ mà bỏ Sơ, nên Sơ cũng mất lòng với Tam 失小子. Thế là hệ trượng phu, thất tiểu tử.

(Trượng phu, chỉ vào Cửu-Tứ, tiểu-tử cũng chỉ vào Sơ Cửu).

Tứ vì cớ thân cận mà tùy, Tam vẫn chẳng khác gì Nhị, nhưng Nhị thời bỏ chính mà theo tà ; Tam thời bỏ dữ mà theo lành, tùy như mà Tam, là tùy cách khôn khéo. Nên nó cần gì với Tứ, Tứ cũng cung cấp 隨有求得.

Tuy nhiên, hễ mình có sở cầu với người mà người cho mình được, cũng chưa phải là thập phần chính đáng. Nếu chẳng khéo, thời thành ra xu thế trục lợi, nên thánh nhân lại răn cho rằng : Tam đã hữu cầu mà đắc, thời Tam nên tự xử bằng một cách chánh đáng 利居貞, tùy mà được chánh đáng, thời dầu có hệ, cũng chẳng đến nỗi xấu gì.

PHỤ CHÚ.— Lục-Nhị, Lục-Tam, thảy hữu sở hệ, nhưng Lục-Nhị chỉ có thất mà chẳng đắc ; Lục-Tam thời hữu sở thất, mà cũng hữu sở đắc. Bởi vì, thất của Lục-Nhị là thất trượng phu, chính là sở đang đắc mà trở lại thất, còn có đắc gì ? Thất của Lục-tam là thất tiểu tử, thất phía dở, tức là đắc phía hay.

Tượng viết, hệ trượng phu, chí xả hạ dã.

象曰，係丈夫，志舍下也.

Lục-Tam biết hệ với trượng phu là chí ý của Tam bỏ phía ty hạ, mà theo phía cao thượng vậy.

Tùy như thế cũng đúng đạo phải.

4.— Cửu-Tứ, tùy hữu hoạch, trinh hung, hữu phu, tại đạo, dĩ minh hà cựu.

九四，隨有獲，貞凶，有孚，在道，以明何咎.

Cửu-Tứ sẵn có tài dương-cương, xử được vị rất tôn ở trong bọn nhân-thần, trên có Cửu-Ngũ đồng đức với mình, mà hết sức tùy mình. Ở thì Tùy mà có tài lại có vị, tất nhiên thiên hạ theo về với mình cả thảy, sở đắc thiệt rất lớn 隨有獲.

(Hữu hoạch : được lòng cả thiên hạ).

Tuy nhiên, Công cái thiên hạ giả bất thưởng 功蓋天下

者不賞. Nghĩa là : công đã hơn cả thiên hạ, thời chẳng biết lấy gì thưởng ; Uy chấn chúa giả thân nguy 威震主者身危 Nghĩa là : uy danh đã kinh động đến chúa, thời e thân mình nguy. Cửu-Tứ đã lập công bất thưởng, đội uy chấn chúa, xử cảnh như thế nguy nghi biết chừng nào.

Tuy theo về nghĩa lý vẫn là trinh, nhưng theo về sự thế thời có lẽ hung 貞凶.

Quân-tử xử địa vị ấy, hoàn cảnh ấy, thời nên thế nào, tất phải có một phương pháp hoàn thiện, chất chứa lòng chí thành ở phía trong 有孚, trên cảm cách được người nguyên thủ, dưới thiếp phục được cả nhân dân, hành động những việc gì, cử chỉ những cách gì, tất thảy trúng với đạo lý 在道. **Khi việc nước còn rắc rối, thời tận tụy cúc cung, khi việc nước đã an bình, thời công** thành thân thối. Lấy đức minh triết mà ứng phó với cuộc đời, 以明. Như thế, thời vị cực cao, mà chẳng hiềm nghi bằng bức thượng, thế cực trọng, mà chẳng tội lỗi bằng chuyên quyền, trên yêu mà dưới theo, còn có tội lỗi gì 何咎.

PHỤ CHÚ :— Như hào từ Cửu-Tứ nầy, xử vào địa vị khả cát khả hung, chẳng phải bậc Thánh nhân đại hiền, thiệt là : khó xử, hữu phu là đức tin, tại đạo là đức nhân, dĩ minh là đức trí, đủ ba đức ấy mới xử được địa vị hào nầy.

Xem sử nước ta, như Hưng-Đạo Vương Trần-Quốc-Tuấn mới đang được hào nầy. Khi quân Mông cổ ba lần vào đánh nước ta, vua thời thiên đô, Thái-Thượng-Hoàng phải chạy vào Thanh hóa, bao nhiêu quyền quân quốc, phó thác vào một tay Đại-Vương, nhân tâm lúc bấy giờ nghi cho Ngài có thể chuyên quyền cướp nước. Nhưng Ngài vẫn một lòng trung với nước, thù với

giặc, đánh được quân Mông-cổ xong, thời rước Vua với Thái-Thượng-Hoàng về, nước đã nguy, nhờ Đại-vương mà được an, Vua đã bỏ ngôi, nhờ Đại-Vương mà được phục. Đến khi công cao hơn bốn bể, uy chấn trong một đời. Mà Ngài thì chung giữ phận nhân-thần, dầu Vương-phụ khuyên Ngài lấy nước, mà Ngài không nghe lời, dầu vua Trần cho Ngài được quyền phong tước, mà Ngài chung thân vẫn chẳng cho ai một đạo bằng. Như thế là hửu phu, tại đạo, dĩ minh.

Vậy nên, uy quyền thiệt trọng, mà nhân chúa chẳng nghi, công danh thiệt cao, mà đời chẳng ghen ghét, chẳng đúng hào từ quẻ Tùy hay sao ?

Tượng viết, Tùy hửu hoạch, kỳ nghĩa hung dã, hửu phu tại đạo, minh công dã.

象曰，隨有獲，其義凶也，有孚在道，明功也.

Tùy hửu hoạch, là theo như nghĩa quẻ, thời cương hạ với nhu, mà Cửu-Tứ thời minh là dương cương, mà được âm nhu tùy mình, trái với nghĩa quẻ, cũng có lẽ hung vậy.

Nhưng vì hửu phu tại đạo, thời kết quả được vô cựu, đó là công của đức minh triết vậy.

5.— Cửu-Ngũ, phu vu gia, cát.

九五，孚于嘉，吉.

Cửu-Ngũ dương-cương cư-tôn, đắc trung đắc chính, hạ ứng với Lục-Nhị cùng trung chính, ấy là tín thành với đạo đại thiện 孚于嘉.

Tùy thiện mà gốc ở chí thánh, là đạo rất tốt ở trong thì Tùy vậy 吉.

Tượng viết, phu vu gia, cát, vị chính trung dã.

象曰，孚于嘉，吉，位正中也.

Cửu-Ngũ sở dĩ được phu vu gia, cát, là vì ở tôn vị, mà có đức chính trung vậy.

Chính trung kiêm tán cho Lục-Nhị hai bên thảy chính trung, mà theo nhau, còn gì tốt hơn.

6.— Thượng-Lục, câu hệ chi, nải tòng duy chi, vương dụng hanh vu tây sơn.

上六，拘係之，乃從維之，王用亨于西山.

Thượng-Lục ở cuối cùng quẻ Tùy, là Tùy chi cực, mà cũng là đạo Tùy đạt ư cực điểm. Tượng là lòng người tùy mình cố kết triền-miên mà không thể rời nhau được, in như đã nắm tríu, lại còn theo mà chẳng trói 拘係之，乃從維之.

(Câu hệ ; bắt giữ ; Duy ; dẳng trói).

Tùy mà cố kết như thế, nhân tâm đã kiêm cố, đại nghiệp tất cũng phải nên.

Ngày xưa vua Thái-Vương lánh nạn giặc Địch bỏ ấp mân chạy sang Kỳ-Sơn (kỳ sơn tức Tây-Sơn). Người ấp mân già trẻ trai gái dìu dắt nhau đi theo Thái-Vương như người dắt nhau đi chợ.

Nhân tâm tùy mình cố kết đến như thế. Thái-Vương dùng đạo ấy mới hanh thịnh nghiệp vương ở Tây-Sơn 王用亨于西山.

PHỤ CHÚ.— Trong quẻ Tùy ba hào có chữ Hệ. Duy chữ Hệ Thượng-Lục khác với Hệ Lục-Nhị, Lục-Tam. Hai hào kia là hệ vì ty-tình.

Thượng-Lục là hệ theo lý tự nhiên. Thầy Mạnh có câu : Dân chi qui nhân, do thủy chi tựu hạ dã 民之歸人, 由水之就下也. Nghĩa là : lòng dân tất nhiên theo về người có đức nhân, in như nước tất nhiên chảy xuống chốn thấp.

Chữ Hệ ở hào Thượng là theo lý tự nhiên như thế, nên kết quả được hanh.

Tượng viết, câu Hệ chi, thượng cùng dã.

象曰, 拘係之, 上窮也.

Hào-Thượng sở dĩ có lời : câu hệ chi vân vân. Bởi vì, Tùy mà đến hào-Thượng, là đạo Tùy đã đạt tư cực điểm rồi vậy.

(Cùng ; Cực ; cũng nghĩa là tột mực).

PHỤ CHÚ.— Theo thông lệ ở các quẻ, hệ đã cùng thời biến.

Lệ như : hào Thượng quẻ Càn, dương cực thời mắc chữ «Kháng» ; Hào Thượng quẻ Thái thịnh cực, thời mắc chữ «Loạn»; hào Thượng quẻ Dự, vui cực thời mắc chữ « Minh » ; chỉ duy hào Thượng quẻ Tùy, Tùy cực thời được chữ «Hanh». Đó là một lẽ biến hóa ở trong Dịch lý. Vật cực tắc phản, lạc cực sinh bi. Chữ duy Bỉ cực, thời mầng cho gần Thái, Truân cực thời mầng cho gần thông.

Hễ bao nhiêu hoàn cảnh tốt, thời chẳng muốn cho cực, bao nhiêu hoàn cảnh xấu thời lại muốn cho mau cực. Vì đã cực thời cát hóa ra hung, hung hóa ra cát, là chỉ theo hoàn-cảnh mà nói thời thế.

Nhưng đến nghĩa chữ Tùy, thời chẳng nói hoàn cảnh, mà chỉ nói tâm lý, tâm-lý mình vui theo đâu thời Tùy đó. Vợ theo chồng, tớ theo thầy, quân lính theo tướng, cho đến người một đảng theo đảng khôi, người một nước theo quốc trưởng, thảy là nghĩa chữ Tùy, mà lại muốn cho Tùy đến cùng. Nếu Tùy chẳng đến cùng cực, thời thành ra tớ đến giữa đường mà bỏ thầy, quân đến giữa trận mà bỏ tướng v.v...

Vì vậy, quẻ Tùy đến hào Thượng, thời hào từ có chữ Hanh, mà tượng truyện cũng lấy chữ « thượng cùng » mà thích nghĩa chữ Hanh.

Chúng ta phải biết rằng : khi chưa Tùy phải hết sức cẩn thận lựa kén, mà sau khi đã Tùy rồi, tất phải tự thỉ chí chung.

Sử đời xưa, năm trăm nghĩa sĩ chịu chết theo Điền-Hoành, mà chẳng chịu về Hán, ba vạn nghĩa dân ở thành Kim lăng, cam tâm chịu chết với Lý-Tú-Thành, không một người chịu hàng quân Mãn-Thanh, chỉ là Tùy vì tâm-lý, mà chẳng Tùy vì hoàn cảnh, nên tùy đến cùng cực mới là phải đạo. Đó là một biến lệ ở trong Dịch lý vậy. Học giả nên lưu ý.

oOo

TIMSACH.COM.VN

XVIII. QUẺ SƠN-PHONG-CỔ

蠱 風 山

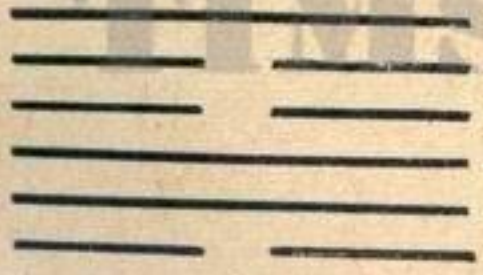

艮 巽
上 下
外 上
艮 巽

Quẻ nầy là quẻ Sơn-Phong-Cổ. Tốn-hạ cũng là Nội-Tốn, Cấn thượng cũng là Ngoại-Cấn.

Cấn vi sơn, Tốn vi phong.

Nên tên quẻ đọc bằng Sơn-Phong-Cổ.

TỰ QUÁI

Tự quái, đi hỷ tùy nhân giả, tất hữu sự, cố thụ chi dĩ Cổ, Cổ giả sự dã.

序卦,以喜隨人者,必有事,故受之以蠱,蠱者事也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tùy tiếp lấy Cổ, là vì cớ sao ?

Tiếp liền nghĩa hai quẻ trước. Dự là vui mầng ; Tùy là theo, vui mầng theo người tất có công việc làm 以喜隨人者必有事.

Vậy nên sau quẻ Dự, quẻ Tùy, tiếp lấy quẻ Cổ 故受之以蠱.

TIMSACH.COM.VN

Cổ có hai nghĩa : một nghĩa là hoại loạn ; một nghĩa là có công việc. Vì đã hoại-loạn mà lo sửa sang, đã sửa sang tất nhiên có công việc. Nên nói tắt rằng : Cổ giả sự dã 蠱者事也. (Cổ : việc).

Khí vật bỏ lâu ngày chẳng dùng, thời sâu mọt sinh, gọi bằng trùng cổ ; người say đắm tửu sắc, mà tật bệnh sinh, gọi bằng bệnh cổ.

Thiên-hạ trị an lâu ngày, mà tệ hại sinh, gọi bằng Cổ-hoại.

Theo về Tượng quẻ, gió ở dưới núi, gió đụng lấy núi, mà quay vấn lại, gái ở dưới trai, gái vì say trai mà mê hoặc, thảy là Tượng cổ-loạn. Đã cổ loạn, thời không thể ngồi yên, tất phải có việc, nên đặt tên quẻ bằng Cổ.

SOÁN TỪ

Cổ, nguyên hanh, lỵ thiệp đại xuyên, tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật.

蠱，元亨，利涉大川，先甲三日，後甲三日.

Theo mặt chữ Cổ, chữ Mạnh ở dưới 皿, ba chữ trùng ở trên 蟲. Mạnh, nghĩa là đồ giống. Một đồ giống gì mà chứa trử đến ba loài sâu, là hoại-loạn đến cực điểm, loạn cực tất phải trị, mà lẽ tự nhiên.

Vì vậy, quái từ chẳng thủ nghĩa bằng chữ Cổ, mà thủ nghĩa bằng tài trì Cổ.

Việc đã hoại loạn rồi, mà chỉnh đốn sửa sang lại cho được trị, ấy là tài trì Cổ ; Có tài trì Cổ, thời làm nên thế đạo được thiên hanh thông 元亨.

Tuy nhiên, sửa sang lúc hoại loạn, phá biết bao chông gai, dẹp biết bao sóng gió, có lẽ nào khoan thai bằng phẳng mà làm được. Nên tất phải xông nguy hiểm, trải gian nan, mới trị xong Cổ. Nên nói rằng : lợi thiệp đại xuyên 利涉大川.

Tuy nhiên, công việc trị Cổ há phải chỉ gan mạo hiểm, hăng hái trắng trợn mà xong đâu, tất phải có kế-hoạch, có qui mô, tính toán cho thiệt sâu xa, sắp đặt cho có thứ tự.

Bây giờ lấy số thập Can, mà giả định làm ra kế hoạch. Tỷ như : ngày bắt tay làm việc, chính là ngày Giáp, thời phải suy nguyên đến trước Giáp ba ngày 先甲三日. Ba ngày trước Giáp, là ngày Tân. Tân nghĩa là đổi cũ sang mới. Thử tính nghĩ việc đổi cũ sang mới, thời nên thế nào ?

Lại phải tính toan đến sau Giáp ba ngày 後甲三日. Ba ngày sau Giáp là ngày Đinh. Đinh nghĩa là đinh ninh,

Đinh ninh tính nghĩ cho đến đoạn sau, thời nên thế nào ?

Nói tóm lại, tiên Giáp là truy cứu cớ sở di nhiên, mà sắp đặt một cách mới cho đúng. Hậu Giáp là ngày tính toan cho đến tương lai, mà sắp đặt một cách phòng bị.

Thánh-hiền hào kiệt sở dĩ phá hoại được cũ, mà kiến thiết được mới, chỉ vì tâm-tỷ-kỹ, kế hoạch tường. Xét hết bệnh chứng từ lúc trước mà lập phương cho hay, là tiên Giáp. Nghĩ cách bồi bổ ở lúc sau, mà chứa thuốc cho sẵn, là hậu Giáp.

Công việc trị cổ mà được như thế, thời nguyên hanh có khó gì.

PHỤ CHÚ.— Cổ là một thì đại rất xấu, mà cớ sao quái-từ lại được hai chữ Nguyên Hanh.

Tùng lai, thiên hạ không lo vì thì đại loạn, mà chỉ lo vì

không người bát loạn, nhân sanh không lo vì cảnh ngộ-hiểm, mà chỉ lo vì không tài tế-hiểm. Nếu những người trì Cổ đó gan lớn, mà kiêm cả tiểu tâm, tài cao mà kiêm cả viển lự, thời thì loạn chính là đường mở ra trị, cảnh hiểm chính là lối đưa đến bình. Quái-từ đã nói rằng : lợ thiệp đại xuyên, lại răn cho Tiên-Giáp, Hậu-Giáp, dạy người ta cách trì cổ, thiệt chẳng sót một tý gì.

Nếu chỉ có tài : thiệp đại xuyên, mà không kế hoạch tiên Giáp, hậu Giáp, hoặc có kế hoạch tiên Giáp, hậu Giáp, mà không gan thiệp đại xuyên, thời thảy chẳng phải là tài trì Cổ, Cổ làm gì mà Nguyên Hanh được.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Cổ cương thượng nhi nhu hạ, tốn nhi chỉ, Cổ. Cổ, Nguyên hanh, nhi thiên hạ trị dã. Lợ thiệp đại xuyên, vãng hửu sự dã. Tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật, chung tắc hửu thỉ, thiên hành dã..

彖曰. 蠱剛上而柔下, 巽而止, 蠱. 蠱元亨, 而天下治也, 利涉大川, 往有事也. 先甲三日, 後甲三日, 終則有始, 天行也.

Soán viết, Cổ cương thượng nhi nhu hạ, tốn nhi chỉ, Cổ.

彖曰, 蠱剛上而柔下, 巽而止, 蠱.

Quẻ Cổ nầy, nguyên hào dương quẻ Càn, lên làm Thượng Cửu, nguyên hào âm quẻ Khôn xuống làm Sơ-Lục 剛上而柔下. Theo về quái biến thời như thế, thành ra người ở trên chỉ một mực cương, mà người dưới chỉ một mực nhu, cương thời hết sức đè nén, nhu thời hết sức thừng thuận, còn thành được sự nghiệp

gì ? Vã lại, theo như đức quẻ. Tốn hạ là thừng thuận, Cấn thượng là đình chỉ 巽而止. Người ở dưới, chỉ thừng thuận, người ở trên chỉ ngồi im, còn làm nên việc gì ? Cứ như thế mãi, tất nhiên hoại loạn. Vì thế, nên đặt tên quẻ bằng Cổ 蠱.

Cổ, Nguyên hanh, nhi thiên hạ trị dã ; lỵ thiệp đại xuyên, vãng hửu sự dã. Tiên Giáp tam nhật, hậu Giáp tam nhật, chung tắc hửu thỉ, thiên hành dã.

蠱元亨，而天下治也，利涉大川，往有事也．先甲三日，後甲三日，終則有始，天行也．

Từ đây sắp xuống, thích nghĩa lời quẻ, Cổ tuy là hoại loạn, nhưng có hoại mới đẻ ra thành, có loạn mới sinh ra trị. Nếu có tài trì Cổ thời nguyên hanh, mà thiên hạ trị cũng chẳng khó gì vậy 蠱元亨．而天下治也．

Lý tưởng vẫn như thế, nhưng có sự thực mới làm nên được. Đương lúc bây giờ tất phải có người chí khí, tài năng can đảm, mưu lược, dầu nguy hiểm gian nan mà cứ vững vàng trực tiến 利涉大川，往有事也，nên nói rằng : lỵ thiệp đại xuyên.

Nhưng lại phải có trí khôn cho sâu xa, xem xét cho kỹ càng, chứng cứ ở đạo trời, mà suy nghĩ đến việc người. Hễ đã có chung, tất phải có thỉ, hoại loạn là việc đã chung, nhưng phải suy cứu cho đến cớ sở dĩ nhiên, mà lo một cách chỉnh đốn canh tân 先甲三日，hiện tại là lúc thỉ, tất phải tính trước lẽ tất nhiên ở tương lai, mà lo sắm sẵn cách bổ cứu 後甲三日．Đó là bắt chước vận trời mà tính suốt cả chung cả thỉ 終則有始．Nên nói rằng : tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật.

PHỤ CHÚ :— Bốn chữ Chung tắc hửu thỉ, hàm súc ý nghĩa

rất nhiều. Hiện tại Cổ là chung, mà xét đến lúc đầu sở dĩ cổ là thỉ. Ấy là thăm bệnh-nguyên mà tìm thuốc trị bệnh, đúng với câu : tiên giáp tam nhật. Hiện tại canh tân là thỉ, mà phải nghĩ đến lúc cuối cùng ra thế nào là chung, ấy là bệnh hậu, mà tìm thuốc bổ nguyên, đúng với câu : Hậu giáp tam nhật. Vô luận việc nhỏ, việc lớn, việc quốc gia, việc xã hội, hễ đã làm người tính việc đời, tất phải biết như thế.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, sơn hạ hữu phong, Cổ, quân tử dĩ chấn dân dục đức.

象曰, 山下有風, 蠱. 君子以振民育德.

Ở dưới Cấn sơn mà có Tốn phong, thế là gió đụng lấy núi, mà gió phải quay vấn. Vật ở trong núi bị tán loạn, ấy là tượng quẻ Cổ 山下有風蠱.

Quân tử xem tượng ấy biết rằng : thì đại nầy cần phải có việc mà kể việc đáng làm thời chẳng việc gì lớn hơn việc giáo-dục, cổ vũ khí dân 振民, nuôi nấng đức dân 育德, ấy là công việc rất lớn, in như lời sách Đại học : Minh 明 minh 明 đức 德 ư 於 thiên 天 hạ 下.

Chấn dân : cổ vũ khí dân, khiến cho hăng-hái, thức tỉnh trí dân khiến cho linh tỉnh, chính là việc trí dục, thể dục ở đời bây giờ.

PHỤ CHÚ : Phép giáo dục ở các nước văn-minh đời nay, đại cương có ba điều.

Một là : đức-dục ; hai là : trí dục ; ba là : thể dục. Ở đây nói chấn dân là công việc trí dục, thể dục. Dục đức là công việc đức dục.

Nhưng ở trong ba điều ấy, thời đức dục là căn bản. Nếu đức dục chẳng hoàn-toàn thời dầu có trí-dục, thể dục, mà chỉ phấn sức ở nơi văn-minh võ, cũng chẳng ra gì. Vì vậy, mà tượng truyện quẻ Cổ, qui kết ở hai chữ dục đức.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG-TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Cán phụ chi cổ, hửu tử, khảo vô cựu, lệ, chung cát.

初六，幹父之蠱，有子，考无咎，厲終吉.

Sơ Lục tuy ở dưới hết quẻ, nhưng ở về Nội-Tốn, thời hào Sơ lại là chủ quẻ. Theo về gia-đình, thời tượng là con đầu, nghĩa là gia chủ. Ở về quẻ Cổ lại tượng là con thừng nghiệp cha, mà phần nhiều việc vì cha mà hoại-loạn, tất phải nhờ con chỉnh đốn kinh dinh, chuyển loạn vi trị, ấy là Cán phụ chi Cổ 幹父之蠱.

(Cán, là ví dụ với cây, cây có cán thời ngành là mới rậm rạp, con cán được việc cho cha, cũng như thế).

Nguyên lai : sở dĩ Cổ, là tội tại cha, bây giờ may nhờ có con bổ cứu mọi điều tệ, kiến thiết mọi việc mới, thời cha cũng nhờ có con mà khỏi được mọi tiếng xấu 有子考无咎.

Tuy nhiên, gặp về thì sau Cổ, mà gánh vác lấy việc nặng nề, há phải dung di đâu. Huống gì Sơ-Lục thể chất vẫn âm-nhu, mà ở trên lại không người ứng-viện. Theo về hoàn-cảnh cũng là đáng nguy, nên tất phải dịch lệ răn đe 厲, mới được chung cát 終吉.

(Lệ là có ý nguy, mà cũng có ý e sợ).

Xử vào địa vị ấy, gánh công việc ấy, biết lấy làm nguy mà để lòng răn sợ, thời kết quả được tốt lành.

Tượng viết, cán phụ chi cổ, ý thừng khảo dã.

象曰, 幹父之蠱, 意承考也.

Hào-từ nói rằng : Cán phụ chi cổ, nghĩa là : những việc hoại-loạn, tuy lỗi tại cha, nhưng tâm lý của cha, cũng trông mong được người con tốt, sẽ để bổ-cứu những điều lỗi cho mình. Sơ-Lục biết lấy nghĩa vụ làm con, mà cán được những việc cổ của cha 幹父之蠱. Tuy việc Cán Cổ vẫn tay con làm, nhưng cũng vâng đở ý-chí của cha đó vậy 意承考也.

PHỤ CHÚ :— Thông lệ ở trong Dịch, mỗi một quẻ là một việc, mỗi một hào là một thì giờ ở trong việc ấy, quẻ cổ nầy chuyên nói về việc nhà, nên thủ tượng bằng con với cha mẹ.

Tuy nhiên, Dịch lý là cốt biến thông, hoặc quốc gia, hoặc xã-hội, hễ đụng thì đại nào, người trước đã làm ra tệ hoại, mà người sau có lẽ sửa sang, thay đổi những việc cổ, để gầy dựng được nền canh tân, cũng có thể gọi bằng cán phụ chi cổ. Phụ là chỉ vào những bậc tiên-nhân, chẳng phải chỉ câu nệ bằng cha con không mà thôi.

2. – Cửu-Nhị, Cán mẫu chi cổ, bất khả trinh.

九二, 幹母之蠱, 不可貞.

Cửu-Nhị dương cương đắc trung, thượng ứng Lục-Ngũ, Ngũ là âm nhu, nên thủ tượng bằng mẹ, hào Nhị vì có tài cương trung, mà dùm giúp việc cho một người nhu thuận, sửa sang được những việc tệ hại, xoay lại làm thành, tượng là cán mẫu chi cổ幹母之蠱.

Nhưng tòng lai, Ngũ âm chất nhu-nhược, mà Nhị thời lại dương-cương, lấy tính dương cương, mà chu hoàn với tính âm-nhu, tất nhiên hai bên thường hay để ngộ 抵牾.

Vậy nên, thánh nhân phải răn cho rằng : cán mẫu chi cổ, há phải câu nệ như cách cán phụ chi cổ đâu, con đối với cha thời lấy cách cương-trực, mà làm tránh tử là hay, còn như đối với mẹ, thường tình phụ nhân phần nhiều ưa cách hòa-duyệt nhu thuận, nên muốn cán mẫu chi cổ, tất phải êm-hòa mát-ngọt mà đối với mẹ, có lúc phải biến-thông ủy khúc mà cũng phải làm, chứ không nên cố chấp một cách kiên trinh 不可貞. Đó là một đạo biến hóa ở trong Dịch học.

Tượng viết, Cán mẫu chi cổ, đắc trung đạo dã.

象曰; 幹母之蠱, 得中道也.

Ở trong Dịch, thường quí trọng chữ Trinh, duy hào từ nầy lại nói : bất khả Trinh, chẳng phải là mâu thuẫn hay sao ? vẫn có thế, mâu thuẫn chẳng phải là Dịch-lý, mà biến hóa chính là Dịch-lý. Vì có biến hóa, nên cũng có lúc như hình mâu thuẫn. Nguyên lai, trinh, nghĩa là chính, cũng nghĩa là bền, mà bền tất phải dụng cương. Còn đối với mẹ, mà hoàn toàn dụng cách cương, e có khi đến nỗi mẫu-tử bất tương đắc, thời công việc cán cổ phải hỏng ngay . Nên tượng truyện nói rằng : muốn chỉnh đốn những việc tệ-hoại của mẹ mình 幹母之蠱, tất phải cốt được đạo trung 得中道也, Nghĩa là không nên quá cương, vừa hợp với đạo trung mới đúng. Đó là : nghĩa chữ bất khả trinh của hào từ.

Suy rộng nghĩa ấy, thời chúng ta xử việc đời, cũng phải tùy thì, tùy địa, tùy nhân, mà liệu cách biến thông, ấy là trung đạo.

3.— Cửu-Tam, cán phụ chi cổ, tiểu hữu hối, vô đại cựu.

九三, 幹父之蠱, 小有悔, 无大咎.

Hào Cửu vị Tam, là quá cương bất trung, người ấy vẫn có

tài, nhưng chẳng khỏi tính-cương táo, nhưng vì Tam ở thể Tốn, Tốn là có tính thuận, tuy cương quá, mà chẳng phải là không tính thuận, nên làm một người chủ cán sửa sang những việc tệ hoại cho cha mình 幹父之蠱. Lúc đầu, vì nóng nảy quá kích, tất phải một phần ít mắc lấy những việc đáng ăn-năn 小有悔. Nhưng cuối cùng không tội lỗi gì lớn 无大咎.

Bởi vì, Cửu-Tam đắc chính, lại có tài dương-cương, tất nhiên cán nổi được việc cổ cho cha, chẳng đến có tội lỗi lớn 无大咎.

Tượng viết, Cán phụ chi cổ, chung vô cựu dã.

象曰，幹父之蠱，終无咎也.

Nghĩa tượng-truyện cũng nói như trên hào từ.

PHỤ CHÚ :— Cửu-Tam là hạng người có tính chất quá cương, chắc là một hạng người hay trung ngôn, trực gián 忠言直諫.

Sách xưa có câu : Phụ hữu tránh tử, gia chi phúc 父有諍子家之福. (tránh : can cại).

Thấy cha làm điều trái đạo lý, mà trực gián cố tranh, khiến cho cha khỏi sụp vào vòng bất nghĩa, chính là một cách cán phụ chi cổ, nên kết quả được vô cựu.

4.— Lục-Tứ, dụ phụ chi cổ, vãng kiến lẫn.

六四，裕父之蠱，往見吝.

Hào âm ở vị âm, tính chất nhu thuận, mà lại nhút-nhát, không thể hữu vi được. Lấy một cách ui dai dùng dằng mà gánh việc trì-cổ, chỉ là kéo dài mối họa-loạn cho cha mà thôi 裕父之蠱.

(Dụ : kéo dài, cũng nghĩa là thủng thẳng).

Thủng-thẳng rù-rờ ngày càng thêm cổ, như thế mà kéo dài hoài 往, chỉ thấy đáng xấu hổ mà thôi 見吝.

Tượng viết, dụ phụ chi cổ, vãng vị đắc dã.

象曰, 裕父之蠱, 往未得也.

Tài quá nhu như Lục-Tứ mà xử vào thì-đại trì-cổ, chỉ là dụ phụ chi cổ mà thôi. Dầu có tấn hành cũng chỉ thất bại vậy. 往未得也, (Vãng : tấn hành ; vị đắc tức là thất bại).

PHỤ CHÚ :— Hào Tam vì quá cương, mà hửu hối, hào Tứ vì quá nhu mà kiến lẫn. Nhưng ở về thì Cổ, tất có tài dương-cương mới hay hửu vi, thì là tiểu hửu hối, như Cửu-Tam chẳng thè vãng, kiến lẫn như Lục-Tứ.

Bởi vì, quá cương còn có vai gánh vác, quá nhu thời chỉ là một hạng người nằm im mà thôi.

5.— Lục-Ngũ, cán phụ chi cổ, dụng dự.

六五, 幹父之蠱, 用譽.

Lục-Ngũ bổn chất âm nhu, mà ở ngôi chí tôn, là một tay chủ cán trọng yếu nhất ở trong thì Cổ. Nhưng vì bổn thân là âm-nhu, nên chẳng làm nổi việc khai ky sáng nghiệp, may nhờ vì có đức trung mà hạ ứng với người có tài dương cương là Cửu-Nhị. Đức trung mà lại tín-nhiệm tôi hiền, làm một người kế nghiệp thủ thành, thật là xứng đáng, chính là cán phụ chi cổ, mà lừng lẫy tiếng khen ở trong đời 幹父之蠱, 用譽.

Dự, nghĩa là tiếng khen ; Dụng dự, nghĩa là dụng người tốt mà được tiếng khen. Hào nầy tượng như Trần-Thái-Tông, Lê Nhân-Tông ở nước ta, thảy dùng được tôi hiền mà có danh dự.

Tượng viết, cán phụ dụng dự, thừng dĩ đức dã.

象曰, 幹父用譽, 承以德也.

Lục-Ngũ có đức nhu trung, nhờ có Cửu-Nhị ở dưới, lấy đức cương trung, mà thừng thuận với Ngũ, mới hay Cán phụ chi Cổ, dụng dự. Đó là kết quả của đức trung vậy.

6.— Thượng-Cửu, bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.

上九, 不事王侯, 高尚其事.

Theo lệ Kinh-Dịch, hào vị đến Ngũ là chí tôn, mà hào Thượng là vô vị, chỉ là một người ở ngoài việc. Thượng-Cửu ở về cuối cùng thì Cổ, bao nhiêu công việc cán cổ, chẳng trách nhiệm gì đến mình.

Tượng là một vị Hiền-nhân quân-tử, cao khiết tự trì, siêu-nhân ở ngoài thế-tục, mặc dầu vương hầu cao qui, mình chẳng thèm xu phụ tới nơi 不事王侯, chỉ là cao thượng lấy việc của mình mà thôi 高尚其事.

Tượng viết, bất sự vương hầu, chí khả tắc dã.

象曰, 不事王侯, 志可則也.

Thượng Cửu bổn thân, đã xử ở ngoài việc đời, thôi thời danh tiết tự trị, chẳng thèm thần sự vương hầu, chí cao thượng được như thế, đáng làm pháp-tắc cho người đời vậy.

PHỤ CHÚ. – Chúng ta đọc đến quẻ Cổ, lại biết thêm một nghĩa biến-hóa ở trong Kinh-Dịch. Hào Thượng theo thông lệ vẫn là vô vị, nhưng ở quẻ Càn thời thánh-nhân lấy nghĩa bằng cương cực, mà bảo rằng : hữu hối. Đến quẻ Cổ, thời chẳng thủ nghĩa bằng cổ-cực, mà lại lấy vô vị làm hay.

Vô vị, nghĩa là không quyền vị, chính như câu nói thầy Mạnh : Ngã vô quan thủ, ngã vô ngôn trách giả, tắc ngô tiến thối, khỉ bất xước xước, nhiên hữu dư dụ tai. 我无官守, 我无言責也, 則吾進退, 豈不綽綽, 然有餘裕哉. (公孫丑下).

Nghĩa là : ta không chức nhậm làm quan, ta không trách nhậm phải nói, thời đường tấn thối của ta, há chẳng tự do tự tại nữa ru ? Thiệt đúng với bổn phận những người vô vị. Nên nói rằng : bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.

Quân-tử ở đời, vẫn ôm một tấm lòng lo gánh vác việc đời, nhưng cũng phải xem ở nơi phận vị mình, nếu phận-vị mình đã xử vào cục ngoại mà hãy còn chui-lòn len-lỏi vì phú quí, mà thất thân, thời còn gì giá-trị nữa.

Ngày xưa, như ông Trần-Hy-Di đời Tống, ẩn cư núi Hỏa-sơn ; Cụ Nguyễn-Thiếp ở đời Tây-sơn, ẩn cư thành Lục-niên, thảy là đúng như hào-từ Thượng-Cửu quẻ Cổ. Hào-từ nói rằng : Cao thượng kỳ sự. Chữ Sự rất có ý nghĩa : hửu sự, vẫn là sự, mà vô sự cũng là sự.

Gặp thì đúng thế thời đem thân ra cống-hiến với đời, trái buổi mất ngôi, thời treo gương danh-tiết với thiên-hạ, quân-tử có bao giờ vô sự đâu. Nên nói rằng : Cao thượng kỳ sự.

oOo

地澤臨

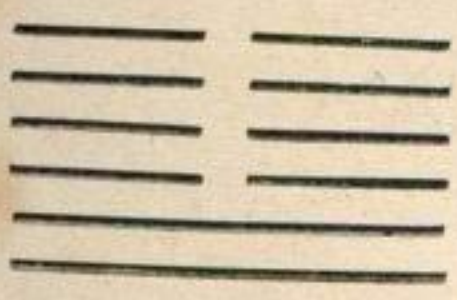

風地觀

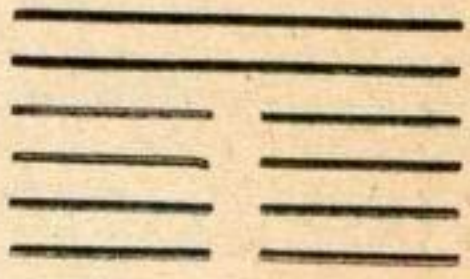

TIMSACH.COM.VN

火雷噬嗑

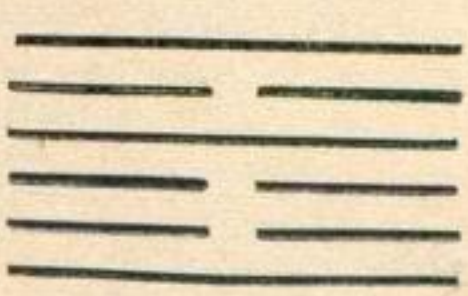

山火賁

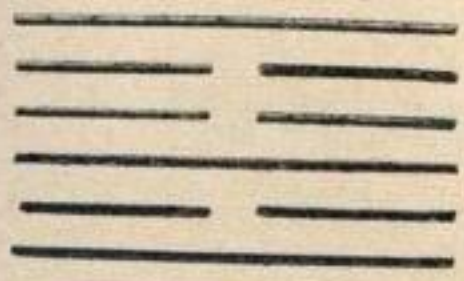

山地剝

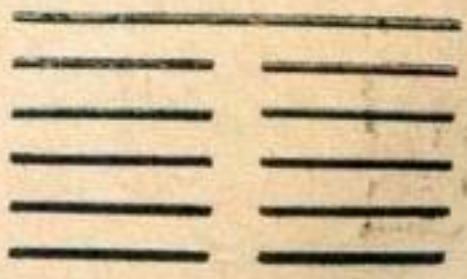

XIX. QUẺ ĐỊA-TRẠCH-LÂM

地 澤 臨

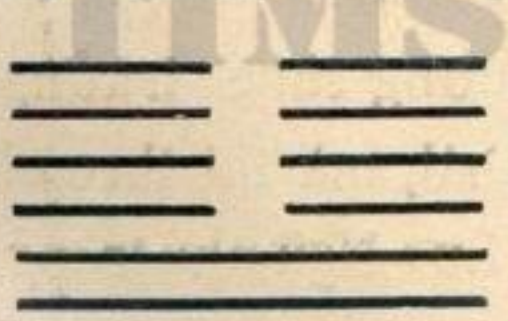

坤 兌
上 下
外 內
坤 兌

Quẻ nầy là quẻ Địa-Trạch-Lâm.

Đoài hạ cũng là Nội-Đoài. Khôn thượng — — Ngoại-khôn, Khôn vi địa, Đoài vi trạch. Nên tên quẻ đọc bằng Địa-Trạch-Lâm.

TỰ QUÁI

Tự quái, Cổ giả sự dã, hữu sự nhi hậu khả đại, cố thụ chi dĩ Lâm. Lâm giả đại dã.

序卦，蠱者事也，有事而後可大，故受之以臨．臨者大也．

Ý sắp đặc thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Cổ tiếp lấy quẻ Lâm, là vì cớ sao ?

Cổ, nghĩa là việc 蠱者事也 hễ có công việc mà sau mới làm đến lớn được 有事而後可大. Đã có công việc thời lớn. Vậy nên sau quẻ Cổ tiếp lấy quẻ Lâm 故受之以臨 Lâm nghĩa là lớn 臨者大也.

Theo về thể quẻ, nguyên đầu là quẻ Khôn, vì đem lại hai nét dương thay vào hào Sơ, hào Nhị, thế là dương cương tiệm trưởng, mà tới ngày thịnh lớn. Nên đặt tên quẻ bằng Lâm.

Lại ở trên Đoài trạch có Khôn địa, tượng là bờ đất bức cận với nước. Nên cũng gọi bằng Lâm.

Lâm, lại nghĩa là bức gần, chúng ta thường hay nói «lâm dân», «lâm hạ», là thuộc về nghĩa ấy.

SOÁN TỪ

Lâm, nguyên hanh, lợi trinh, chí vu bát nguyệt, hữu hung.

臨，元亨，利貞，至于八月，有凶.

Quẻ Lâm nầy là quẻ tháng mười hai, hai hào dương đã trưởng lần, bức áp bốn âm, từ đó sắp đi, dương càng trưởng, âm càng tiêu, là thế đạo đã gần lúc thông thái, mà lại theo về tài quẻ, thời Cửu-Nhị cương trung ứng với Lục-Ngũ nhu trung, quân thần đồng đức, xoay đổi cuộc đời, nhân sự cũng có chiu vui vẻ, nên Thánh-nhân mầng cho Xã-hội đến thì Lâm nầy, chắc được thông thái lớn lắm 臨，元亨.

Tuy nhiên, lẽ trong thiên hạ, có đâu trị mãi mà chẳng loạn, có đâu thịnh mãi mà chẳng suy. Đạo quân-tử tuy đương trưởng, mà đã chắc đâu đạo tiểu-nhân thiệt tiêu hết rư ?

Hễ người ta xử vào thì Lâm, chớ nên kiêu xa, phóng tứ, phải lo vun đắp chính đạo cho thiệt vững bền 利貞.

Nếu chẳng thế, thời e họa loạn chẳng bao lâu tới ngay, ước chừng đến tám tháng nữa, tất có điều hung họa 至于八月有凶.

(Bát nguyệt : có nghĩa học là tám tháng, lại có nghĩa học là tháng tám).

Nguyên nét dương ở quẻ Lâm, bắt đầu sinh từ quẻ Phục là quẻ tháng mười một — 陽 生, bắt đầu kể từ quẻ Phục là một tháng, mới có một nét dương, đến hai nét dương mà thành quẻ Lâm. Lâm là quẻ tháng mười hai, là được hai tháng ; ba dương sinh là quẻ Thái, quẻ tháng giêng, là được ba tháng ; trung gian trải qua, bốn dương là quẻ Đại-tráng, quẻ tháng hai là được bốn tháng. Năm dương là quẻ Quải, quẻ tháng ba, là được năm tháng. Sáu dương là quẻ Càn, quẻ tháng tư là được sáu tháng. Bỗng chốc nhất âm sinh, mà làm quẻ Cấn, quẻ tháng năm thời dương trưởng chỉ mới sáu tháng, mà đã có cơ tiêu.

Lại tấn lên quẻ Độn, quẻ tháng sáu, thời Nhị âm đã trưởng lần mà tứ dương đã có thể nguy.

Kể lại từ tháng nhất dương sinh đến nay, vừa được tám tháng. Thế là dương đã rõ ràng thế tiêu, âm đã rõ ràng thế trưởng, chẳng phải hửu hung hay sao ?

Xem lý tự-nhiên ở trong Kinh-Dịch, thời ky họa phúc thịnh suy, chẳng ghê tởm lắm hay sao ? Thánh-nhân đương lúc dương trưởng mà lo sẵn đến lúc dương tiêu, chính giữa lúc âm tiêu, mà ngừa trước đến lúc âm trưởng, nên có câu : chí vu bát nguyệt hửu hung.

Lại có một nghĩa : bát nguyệt là tháng tám, kể ra cũng thông. Bởi vì, nhất âm sinh tứ quẻ Cấn, là quẻ tháng năm. Đến nhị âm sanh là quẻ Độn, là quẻ tháng sáu. Tam âm địch với tam dương là quẻ Bỉ, là quẻ tháng bảy, âm trưởng đến bốn hào, mà dương chỉ còn hai hào, âm có thể đánh đổ dương, chính là quẻ Quán, là quẻ tháng tám. Dương tiêu đến đó, âm trưởng

đến đó, thế đạo còn gì tốt nữa đâu. Nên nói rằng : đến tháng tám thời hửu hung. Nghĩa ấy cũng thông, nhân vì tháng tám là tháng quẻ Quán vậy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Lâm, cương tẩm nhi trưởng, duyệt nhi thuận, cương trung nhi ứng. Đại hanh di chính, thiên chi đạo dã ; chí vu bát nguyệt hửu hung, tiêu bất cửu dã.

彖曰，臨，剛浸而長．說而順，剛中而應．大亨以正，天之道也，至于八月有凶，消不久也，

Soán viết, Lâm cương tẩm nhi trưởng, duyệt nhi thuận, cương trung nhi ứng.

彖曰，臨，剛浸而長，說而順，剛中而應．

Thông lệ Dịch, âm vá tiểu, dương là đại, âm tính nhu, dương tính cương.

Quẻ nầy, hai nét dương lần lần mà tấn lên hoài, nên nói rằng : cương tẩm nhi trưởng 剛浸而長. Nội Đoài là có đức tính duyệt, Ngoại-Khôn là có đức tính thuận, Nhị dương mầng được tấn là duyệt, tứ âm chẳng dám cự là thuận 說而順. Cửu-Nhị dương-cương đắc trung mà ứng với Lục Ngũ 剛中而應. Đức quẻ thể quẻ như thế. Vậy nên nói rằng : Nguyên Hanh Lỵ Trinh. (Tẩm : lần lần).

Sách Phù-Kinh 符經 có câu : thiên địa chi đạo tẩm 天地之道浸, cũng theo nghĩa Chữ Tẩm nầy.

Đạo lý ở trong trời đất, trưởng không bổng chốc trưởng, tiêu không bổng chốc tiêu, tất phải từ lúc mảy may, mà lần lần tấn đến lúc thực hiện. Đó là nghĩa chữ Tẩm.

Đại hanh di chính, thiên chi đạo dã.

大亨以正，天之道也.

Theo về đức quẻ tốt như thế, nên được nguyên hanh lợi trinh, chính là hợp với đạo trời vậy.

Chí vu bát nguyệt hửu hung, tiêu bất cửu dã.

至于八月有凶，消不久也.

Quẻ Lâm mà lật trái lại là quẻ Quán. Tuy bây giờ dương trưởng, nhưng chẳng bao lâu thời đến quẻ Quán, phút nữa thời là quẻ Bác, quẻ Khôn là dương tiêu hết rồi.

Thánh nhân muốn cho chúng ta phòng bị trước, chớ thấy dương trưởng mà mầng, nên nói rằng : tiêu bất cửu dã.

TIMSACH.COM.VN

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, trạch thượng hửu địa, Lâm, quân-tử dĩ giáo tứ vô cùng, dung bảo dân vô cương.

象曰，澤上有地，臨. 君子以教思无窮，容保民无疆.

Quẻ nầy Khôn trên Đoài dưới, là trên chằm có đất, dưới đất là bờ chằm, bờ chằm áp tận mặt nước thành ra tượng Lâm 澤上有地，臨. Địa lâm với thủy, tượng như kẻ trên lâm với kẻ dưới.

Quân-tử xem tượng ấy đem làm việc lâm dân, việc lâm dân tuy nhiều, nhưng nói tóm lại chỉ cốt giáo với dưỡng, lấy cách giáo hóa mà lâm dân, thời lo cho khai dân trí, hưng dân đức, ý tứ dạy không bao giờ cùng 君子以教思无窮. Lấy cách dưỡng dục làm lâm dân, thời lo bênh vực những người bần cùng, vun đắp ra nền phú thứ, dung nạp bảo tồn hết thảy loài người không ngần nào là đủ 容保民无疆.

PHỤ CHÚ.— Chẳng những nói chữ Giáo mà thôi, lại nói thêm chữ Tứ. Tứ là thuộc về tinh-thần, giáo chẳng những ở hình-thức, mà cốt ở tinh thần, nên nói rằng : giáo tứ. Nghĩa là : dùng ý tứ sâu xa, mà bày đặt ra cách giáo-dục, tượng như đức nước thấm ngấm sâu xa. Đó là thủ tượng bằng hạ-Đoài ; chẳng những nói bảo dân mà thôi, mà nói rằng : dung bảo, là có đức lượng « đại công vô tư », sẽ bao dung cho hết thảy loài người, tượng như lượng đất chở muôn vật. Đó là thủ tượng bằng Thượng Khôn. Nên nói : dung bảo dân vô cương.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, hàm lâm, trinh, cát.

初九，咸臨，貞吉.

Trong quẻ nầy duy hai dương lâm bức một âm, mà Sơ-Cửu bắt đầu vào thì Lâm, dương vừa vùng vụt mà lên, âm vẫn có chiều thối nhượng, nhưng vì số âm còn nhiều hơn, nên hai dương phải hiệp lực với nhau, mới chiến thắng được âm.

Sơ-Cửu, dương cương đắc chính, lại được bạn mình là Cửu-Nhị dương-cương đắc trung, đồng tâm hiệp lực lên mà áp bức quần âm, ấy là hàm lâm 咸臨.

Sơ Cửu rập với Cửu Nhị, mà lâm Tứ âm, vẫn là một việc đáng mầng cho dương loại. Nhưng tòng lai : phân bằng kiết đẳng, thời hay dính vào ty-tà, nên Thánh-nhân mầng cho Sơ Cửu, vì Sơ-Cửu đắc chính tất chẳng đến nỗi vì ty-tà mà mắc tiếng xấu, nên nói rằng : trinh cát 貞吉.

Hàm ; đều, cũng nghĩa là rập nhau ; trinh cát : chính vừa lành) : Bốn chữ ở hào-từ nầy có ý vui mầng cho quân-tử, mà cũng ngậm ý răn cho quân-tử. Hàm lâm mà trinh mới được cát.

Tượng viết, hàm lâm trinh cát, chí hành chính dã.

象曰, 咸臨貞吉, 志行正也.

Hào-từ nói rằng : hàm lâm trinh cát, là chí ý của hào Sơ chỉ cốt ở làm đạo chính, chẳng bao giờ ỷ mình dương trưởng mà quên đạo chính mình vậy.

2.— Cửu-Nhị, hàm lâm cát, vô bất lợi.

九二, 咸臨吉, 无不利.

Chữ hàm lâm ở hào nầy nghĩa cũng giải-thích như Sơ-Cửu. Cửu-Nhị lấy đức dương cương đắc trung, rập sức với Sơ-Cửu, mà lâm áp quần âm. Theo về đạo lý vẫn chính đáng, theo về cơ hội vẫn thuận lợi, gặp thì vận dương trưởng mà tấn hành việc dương thăng, xem như hiện tại vẫn tốt lành 吉, mà tương lai lại chẳng việc gì chẳng thuận lợi 无不利.

PHỤ CHÚ.— Bắt đầu vào thì vận dương trưởng, mà âm có thể tiêu lần. Nhưng xem hào-từ của thánh-nhân : Sơ, Nhị chỉ chung nhau hai chữ hàm lâm. Há phải thánh-nhân sợ tốn chữ mà không làm được chữ khác ru ? Ở trong ngậm có ý tứ rất sâu xa.

Tòng lai, việc trong thiên hạ, tiểu-nhân hại quân-tử thường dễ mà chóng thành, quân-tử ngự tiểu-nhân thường khó mà hay bại. Cũng nhiều lúc quân-tử chia làm hai đảng, nhân đó mà gây nên hoạ tiểu-nhân hại mình.

Tức như đời Đông-Hán : Từ-Tử Trần-Phồn với Khoách-Thái, Lý-Ưng 徐穉, 陳蕃, 廓泰, 李膺, thảy là quân-tử, chỉ vì quần hiền không rập nhau, nên Thập-Thường-Thị mới đắc chí, mà họa đảng 黨 cố 錮 gây nên thiệt lớn.

Lại như đời Tống-Triết-Tôn 宋哲宗 Tô-Đông-Pha 蜀蘇

東坡 với Trình-Y-Xuyên 洛程伊川, thảy là quân-tử, mà té ra lại chia làm Lạc đảng, Thục đảng 洛黨, 蜀黨. Nên nổi chúng quân-tử phải sụp vào tay Thái-Kinh, Thái-Xác 蔡京, 蔡確.

Xem như các gương ấy, thời biết được nghĩa chữ « Hàm lâm » ở hai hào nầy, chính là thủ-đoạn quân tử ngự tiểu-nhân. Ý tứ hay nhất là chữ Hàm, tâm đồng mà lực bất đồng là chẳng phải Hàm, lực đồng mà tâm bất đồng cũng chẳng phải Hàm.

Sơ với Nhị đồng tâm hiệp lực cùng nhau mới là Hàm Lâm. Vì thế mà hai hào thảy được chữ Cát.

Nói tóm lại, hàm thời cát, bất hàm thời hung, là lẽ tất nhiên. Thông lệ Kinh Dịch mỗi một hào có khi chỉ về một người, cũng có khi chỉ về một phe, cũng có khi chỉ về một quốc gia, một xã hội. Tức như : hai hào nầy nếu nhận làm hai phe rập nhau cũng có thể được. Học Dịch phải biến thông rộng lớn như thế. Nếu câu nệ chấp nhất, thời còn gì là học Dịch đâu.

Tượng viết, hàm lâm cát, vô bất lỵ, vị thuận mệnh dã.

象曰, 咸臨, 吉无不利, 未順命也,

Hào-từ Cửu-Nhị tuy nói rằng : Cát, vô bất lỵ, thiệt lấy làm vui mầng, nhưng Thánh-nhân còn lo cho người ỷ vào mệnh trời mà không lo tận nhân sự. Ý ngài nói rằng : tất phải hàm lâm mới được cát, vô bất lỵ là lấy nhân sự để giúp đỡ thiên mệnh, chứ không phải ngồi im mà chờ mệnh trời 未順命也.

Nghĩa chữ Vị đây, cũng như chữ Phi, không học Vị là chưa, mà học Vị là chẳng phải.

Mệnh, là mệnh trời, là lý số tiêu trưởng, thuận mệnh, là chỉ ngồi nghe số trời.

Theo số trời, vẫn đến lúc dương trưởng đáng không phải

lo gì tiểu nhân. Nhưng thiên số cũng cần phải có nhân sự, có lẽ gì thuận thinh mệnh trời mà được rư ? Nên nhị dương phải hàm lâm. Thế là không phải ngồi nghe mệnh trời vậy.

Trên kia đã nói rằng : tiêu bất cửu, là lo sẵn đến ngày dương tiêu. Ở đây lại nói rằng : Vị thuận mệnh, là bảo chớ ỷ thế bằng dương trưởng. Hai ý đó nên đắp đổi mà xem với nhau.

3.— Lục Tam, cam lâm, vô du lợi, ký ưu chi, vô cựu.

六三, 甘臨, 无攸利, 既憂之, 无咎,

Lục Tam âm nhu bất trung chính, là một tay tiểu-nhân ở thì Lâm. Tam ở trên hết Nội quái hạ lâm với Nhị dương. Tam thấy nhị dương đương trưởng, toan dùng cách ngon ngọt a-dua để sập Nhị dương 甘臨.

Nhưng mà nhị dương là quân-tử, có lẽ đâu vì Tam ngon ngọt mà bị sụp. Lục Tam dầu cam lâm đến thế nào, cũng chỉ bày tỏ nết xấu, để thêm người ta ghét mà thôi, có ích lợi gì đâu 无攸利.

Tuy nhiên, Lục Tam mới bắt đầu vào cửa tiểu nhân, thánh nhân chưa nỡ cự tuyệt, nên lại răn nói rằng : Cách cam lâm của Tam vẫn không ra gì.

Nếu Tam biết cải quá thiên thiện, lo bỏ điều xấu mà bỏ một cách thiệt thà 既憂之. Tam hồi tâm như thế, quân-tử cũng không trách móc gì, Tam cũng khỏi tội lỗi 无咎.

Tượng viết, Cam Lâm, vị bất đáng dã, kỳ ưu chi, cựu bất trưởng dã.

象曰, 甘臨, 位不當也, 既憂之, 咎不長也,

Lục Tam cam lâm là vì địa vị Tam bất trung chính, không

đáng với vị ở trên người vậy. Nhưng đã biết lo mà cải quá, thời tội lỗi cũng đến nỗi lớn vậy.

PHỤ CHÚ.— Chỉ một chữ Cam mà vẻ hết tinh thần của tiểu nhân.

Xưa Lý-lâm-Phủ 李 臨 甫 làm Tướng đời Đường là một đứa tiểu-nhân làm hại hết vô số quân tử. Người đời có câu nhạo nó rằng : Khẩu mật phúc kiếm 口 蜜 腹 劍, là miệng nó như mật ngọt, mà trong bụng nó có gươm.

Lại như thằng Lô-Khỉ 盧 杞 hễ nó cười với ai, thời người ấy rồi bị nó ghiết, người ta bảo Lô-Khỉ : tiếu trung hửu đao 笑 中 有 刀, là nói trong miệng cười Lô Khỉ có cái dao. Nên chúng ta phòng bị tiểu-nhân phải phòng bị ở chốn ngon ngọt.

Tiên-triết có câu : Kỳ ngôn thái cam, kỳ trung tất khổ 其 言 太 甘, 其 中 必 苦. Nghĩa là : nghe lời nói quá chừng ngon ngọt, tất nhiên ở trong ấy có cái rất đắng.

5.— Lục Tứ, chí lâm, vô cựu.

六 四, 至 臨, 无 咎.

Lục-Tứ nầy cũng âm nhu, vẫn tiểu-nhân ở thì Lâm, nhưng vì hào Lục ở vị Tứ là đắc chính, lại hạ ứng với Sơ-Cửu là được người bạn hiền, chính với chính giúp nhau, vì hoàn cảnh mà biến hóa được Tứ, nên Tứ biết lấy một cách thành thực thâm thiết, mà lâm với Sơ 至 臨, như thế thời không tội lỗi gì đến Tứ 无 咎.

Tượng viết, chí lâm, vô cựu, vị đáng dã.

象 曰, 至 臨 无 咎, 位 當 也.

Tứ sở dĩ chí lâm vô cựu, là vì vị Tứ xử vào vị đắc chính vậy.

5.— Lục Ngũ, trí lâm, đại quân chi nghi, cát.

六五, 知臨, 大君之宜, 吉.

Ngũ là vị chí-tôn, lại ở vị dương cương. Lục là âm nhu xử vào vị ấy, vẫn là cảnh khó xử. Nhưng vì Ngũ có đức trung lại ở thể Khôn là có tính thuận, ở vị cương nhờ có một bậc hiền-thần cương trung là Cửu-Nhị thượng ứng với mình. Ngũ có đức trí tri nhân, thiện dụng, biết tín nhậm Cửu-Nhị, bao nhiêu việc thiên hạ thảy ký-thác cho Cửu-Nhị, tự mình chỉ lấy đức trí của mình lâm thiên hạ 知臨. Như thế, thời tai mắt của người, tất là tai mắt mình, thông minh của thiên hạ nhóm góp làm thông minh của mình, thiệt đúng tư-cách người nguyên-thủ trong một nước 大君之宜. Kết-quả chắc được tốt lành 吉.

(Đại quân : Nguyên-thủ ; Nghi : đúng tư cách).

PHỤ-CHÚ.— Hào nầy tốt nhất ở trong quẻ, nhưng sở dĩ được tốt nhất thời vì có đức trí (Trí là khôn), mà đức trí lớn nhất là trí hay biết người.

Sách Trung-Dung có câu : Thông-minh duệ trí, túc dĩ hữu lâm 聰明睿智, 足以有臨. Nghĩa là : có đức thông minh khôn sáng mới đủ lâm được người, chính đúng với nghĩa trí-lâm ở Hào nầy.

Tượng viết, đại quân chi nghi, hành trung chi vi dã.

象曰, 大君之宜, 行中之謂也.

Lục-Ngũ âm nhu đắc trung ; Cửu-Nhị dương cương cũng đắc trung, hai bên thảy có đức trung. Vậy nên, thanh ứng khí cầu, chí đồng đạo hợp, chỉ cốt phát triển đức trung mà thôi.

Hào-từ Lục-Ngũ sở dĩ nói rằng : đại quân chi nghi, cũng chỉ nói hành trung đó vậy.

6.— Thượng Lục. đôn lâm, cát, vô cựu.

上六, 敦臨, 吉, 无咎.

Theo thông lệ ở các quẻ, thời hào Thượng thường hay không tốt. Bởi vì, vật cực tất biến, là lẽ tự nhiên. Duy quẻ Lâm nầy thủ nghĩa đặc biệt thời lại lấy cực làm tốt. Bởi vì, thượng ở cuối cùng quẻ Lâm, là Lâm chi chung, lại ở trên hết Ngoại-Khôn là thuận chi cực, xử vào thì đại Lâm chính, là lúc quân tử đạo trưởng, nhưng cứ lẽ việc trong thiên hạ há phải một phía quân-tử mà làm được xong rư ? Chỉ mong cho tiểu nhân phục tòng với quân-tử là được, Thượng-Lục thể Khôn tính thuận, ở cuối cùng thì Lâm, chân tâm phục tòng với Nhị dương, lại ở trên hết bốn âm, chính là anh đầu bầy ở trong tiểu-nhân, dắc cả bầy tiểu nhân mà thành-tâm phục-tòng quân-tử, thiệt là trung hậu rất mực mà lâm với đời, ấy là « đôn lâm 敦臨 ».

(Đôn cũng như nghĩa chữ Hậu 厚 nghĩa là dày dặn)

Âm nhu lâm dương, mà lại hết sức thuận tòng với dương, tượng như đức dày chở được muôn vật, nên nói rằng : đôn lâm ; như thế, thời cát mà vô cựu 吉, 无咎.

Tượng viết, đôn lâm chi cát, chí tại nội dã.

象曰, 敦臨之吉, 志在內也.

Thượng Lục sở dĩ được cát bằng đôn lâm, là vì tinh thần ý chí của Thượng chỉ thuận tòng với hai dương ở Nội quái vậy.

PHỤ CHÚ.— Chữ Lâm có hai nghĩa : một nghĩa là : lâm áp ; một nghĩa là : làm tiếp. Ở trong sáu Hào theo địa vị mà khác nhau.

Chữ Lâm ở hào Sơ, hào Nhị là nhị dương lâm áp tứ âm, trông cho quân-tử đồng chí.

Chữ Lâm ở Tam, Tứ, Ngũ, Thượng là tứ âm lâm tiếp với Nhị dương, lại trông cho tiểu nhân phục tòng với quân-tử. Vậy nên, lời hào Sơ, hào Nhị sợ quân-tử có chia bề mà phải nói hàm lâm. Đến như : Tam, Tứ, Ngũ, Thượng thảy trông cho Tiểu-nhân cảm cách, duy hào Tam cam lâm, là một tay gian-xảo. Nên nói : vô du lỵ.

Hào Tứ : Chi Lâm ; hào Ngũ : trí Lâm, thảy là hạng người biết thân quân-tử, nên được chữ vô cựu, chữ cát.

Đến hào Thượng : « Đôn Lâm », là hết lòng trung hậu mà lâm-tiếp với bậc quân-tử. Trong một nước, một Xã-hội nếu được như thế, thời hạnh phúc không biết bao.

Bởi vì, quân-tử mà quân-tử là sự thường, tiểu-nhân mà hóa ra quân-tử mới là hạnh phục cho nhân-loại. Vì vậy, hào-từ quẻ Lâm không chữ hung, hối, lẫn.

Thì đại ấy, thế giới ấy, chúng ta có bao giờ được thân kiến chăng ?

oOo

XX. QUẺ PHONG ĐỊA-QUÁN

Quẻ nầy là quẻ Phong-Địa-Quán.

風地觀

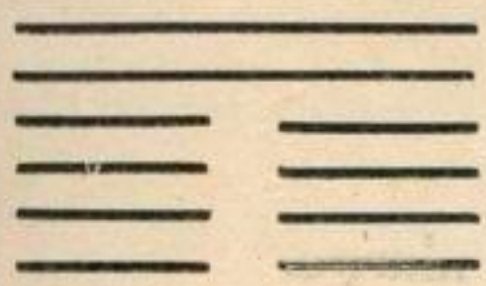

巽 坤
上 下
外 內
巽 坤

Khôn hạ cũng là Nội-Khôn, Tốn thượng — — Ngoại-Tốn. Tốn vi phong, Khôn vi địa, nên tên quẻ đọc bằng Phong-Địa-Quán. Chữ Quán có hai âm.

Âm ở quẻ thời đọc bằng Quán, âm ở sáu hào thời đọc bằng Quan. Nghĩa cũng khác nhau. Quán, nghĩa là biểu-tỏ cho người thấy. Quan, thời nghĩa là dòm xem.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, Lâm giả dại dã, vật đại nhiên hậu khả quan, cố thụ chi dĩ quán.

序卦, 臨者大也, 物大, 然後可觀, 故受之以觀.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Lâm, tiếp lấy quẻ Quán, là vì cớ sao ?

Quẻ trước là quẻ Lâm, Lâm nghĩa là lớn, vật gì cũng đến lớn, vậy sau có thể biểu-thị cho người xem được 物大然後可觀. Vậy nên sau quẻ Lâm, tiếp lấy quẻ Quán 故受之以觀.

Theo về tượng quẻ, gió đi trên đất, vạn vật tất thảy hợp lấy gió. Lại lấy bằng thể quẻ : Hai dương ở trên, bốn âm ở dưới, âm trông nom vào dương, dương biểu-thị cho âm, tất thảy thành được nghĩa quái. Vậy nên đặt tên quẻ bằng Quán.

SOÁN TỪ

Quán, quán nhi bất tiến, hữu phu ngung nhược.

盥, 薦, 而 不 薦, 有 孚 顒 若

Quái-từ ở đây, chuyên chỉ một bậc ở trên người, tượng như Cửu-Ngũ ở trong quẻ nầy.

Đứng vị chí tôn, làm một người Nguyên thủ, đem thân mình làm biểu-nghi cho thiên-hạ, cảm thiên-hạ bằng tinh thần, mà chẳng trau-dồi ở ngoài hình-thức. Tượng như một người chủ-tế chỉ tinh-thành trai-khiết, như lúc bắt đầu tế mới quán thủ 盥, chỉ ngần ấy đủ tỏ với thần-minh, mà không cần phải rượu cơm bàn soạn 而 不 薦.

(Quán, nghĩa là Chủ-tế rửa tay, tục hay nói quán tẩy ; Tiến, nghĩa là bày mâm cỗ dâng lên, như tục ta thường nói : tiến-tửu, tiến soạn v.v chỉ quán thủ, phần hương là được, mà không tiến tửu, tiến soạn, là nói thí dụ : nghĩa là cốt cho trong sạch bằng tinh thần, mà không cần trau dồi bằng vật chất. Người làm bậc trên được như thế, ấy là minh chí thành cảm động được người, tất nhiên người cũng lấy chí-thành tín-ngưỡng mình 有 孚, 顒 若).

(Phu : chí thành ; Ngung : tín ngưỡng).

PHỤ CHÚ.— Câu Quán nhi bất tiến, chúng ta học Dịch nên hội ý, chớ nên câu nệ ở mặt chữ, cốt lấy tinh thành thờ thần,

mà không cần dùng vật chất, chính là một cách cảm thần rất ý nghĩa.

Từ nhân, tiếp vật, vẫn không phải không dùng đến vật chất, nhưng tất phải có tinh thần, mà vật chất chỉ là đồ trang sức. Nếu chỉ vật chất mà thôi, mà không chút gì tinh thần, thời bao nhiêu vật chất rặt là giả dối.

Trên biểu-thị cho dưới, dưới tin ngưỡng vào trên, mà chỉ là giả dối, thời còn gì hay.

Nên ở dưới câu : quán nhi bất tiến, tức tiếp lấy chữ hửu phu. Đó là chú trọng ở tinh thần vậy.

SOÁN TRUYỆN

TIMSACH.COM.VN

Soán viết, đại quán tại thượng, thuận nhi tốn, trung chính dĩ quán thiên-hạ; Quan, quán nhi bất tiến, hửu phu, ngung nhược, hạ quan nhi hóa dã. Quan thiên chi thần đạo, nhi tứ thì bất thắc, thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo, nhi thiên hạ phục hỷ.

象曰，大觀在上，順，而巽，中正以觀天下. 觀，盥而不薦，有孚，顒若. 下觀而化也. 觀天之神道，而四時不忒. 聖人以神道設教，而天下服矣.

Soán viết, đại quán tại thượng, thuận nhi tốn, trung chính dĩ quán thiên hạ.

象曰，大觀在上，順，而巽，中正以觀天下.

Theo như thể quẻ, hào Ngũ ở ngôi Tôn, có đức dương cương trung chính, để cho thiên hạ trông ngóng vào 大觀在上.

Lại theo thể quẻ hạ Khôn, Khôn có tính thuận. Thượng Tốn, Tốn có tính nhu-hòa 順而巽. Cửu Ngũ kiêm cả đức trung

chính tốn thuận, dụng đức ấy mà biểu thị cho thiên hạ 中正以觀天下. Ấy là nghĩa tên quẻ Quán.

Quán, quán nhi bất tiến, hửu phu, ngung nhược, hạ quan nhi hóa dã.

觀, 盥, 而不薦, 有孚, 顒若, 下觀而化也

Theo như Soán-từ, thời chỉ dùng một cách chí-thành nghiêm kính, khiến cho kẻ dưới dòm mình mà cảm-hóa vậy.

PHỤ CHÚ.— Ý nghĩa Soán-từ đây, tượng như câu : thần võ nhi bất sát 神武而不殺. Nghĩa là : dùng uy võ bằng một cách thần diệu, mà không cần phải giết người.

Tòng lai, việc võ tất có giết người, võ mà không giết người mới là thần võ. Tế tất, có tiến, tế không dùng đồ tiến, mới là ý nghĩa thờ thần rất hay. Kinh Phật có câu : « Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất đắc kiến Như-Lai 若以色見我, 以音聲求我, 是人行邪道, 不得見如來. Nghĩa là : Phật lý chỉ ở bản tâm, vô thanh vô sắc, nếu ai lấy thanh âm mà cầu ta ở thanh âm, lấy hình sắc mà cầu ta ở hình sắc, người ấy rặt là làm đạo tà, không được thấy đức Phật Như-Lai. »

Câu kinh ấy ý-tứ cũng như lời Soán đây. Lấy mâm cỗ mà cầu thần, có khác gì lấy thanh-sắc mà cầu Phật.

Quan thiên chi thần đạo, nhi tứ thì bất thắc, thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo, nhi thiên hạ phục hỷ.

觀天之神道, 而四時不忒. 聖人以神道設教, 而天下服矣.

Nói đạo Quán cho cực rộng lớn, thời phải xem ở đạo

trời. Đạo trời rất thần diệu, không nghe nói phô, không thấy làm lụng, mà tự nhiên tứ thì vận hành không bao giờ sai suyễn 觀天之神道,而四時不忒. Thánh-nhân bắt chước thần đạo cho thiên đó, bày đặt ra những việc giáo dục 聖人以神道設教, mà thiên hạ đâu đâu cũng phục theo ngay 而天下服矣.

PHỤ CHÚ.— Chữ Thần đây không phải nghĩa là quỉ thần, chỉ nghĩa là thần-diệu, cũng như nghĩa chữ Thần ở câu : Tri ky kỳ thần hồ 知幾其神乎.

Thánh-nhân có đạo thần diệu, suy ra làm giáo hóa, chẳng những thân có giáo, ngôn có giáo, mà chỉ tâm lý Thánh-nhân khiến cho người cảm cách ở lúc vô hình, vô thanh. Thế là thần đạo thiết giáo. Đời bây giờ, bốn chữ : « thần đạo thiết giáo », thầy bói thầy cúng, với những nhà mê-tín thường ăn cắp bốn chữ ấy phỉnh người, thiệt oan uổng cho thánh nhân quá.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, phong hành địa thượng, quán, Tiên vương di tinh phương, quan dân thiết giáo.

象曰,風行地上,觀. 先王以省方,觀民,設教.

Gió đi trên mặt đất, cỏ động khắp mọi loài, là tượng quẻ Quán 風行地上,觀. Tiên vương bắt chước tượng ấy, mà tuần tỉnh bốn phương 先王以省方. Xem xét tục dân 觀民, đặt ra làm chính giáo 設教.

Tỷ như : xứ nào đua mạt-nghiệp, thời dạy bằng nông-tang, xứ nào có dâm phong, thời dạy bằng lễ nghĩa, dân khiếp nhược, thời dạy bằng thượng võ, dân hiếu dũng, thời dạy bằng thượng văn. Đó là cách quán của tiên vương vậy.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG-TRUYỆN

1.— Sơ-Lục, đồng quan, tiểu-nhân, vô cựu, quân-tử lẫn.

初六，童觀，小人无咎，君子吝.

Nghĩa ở quẻ thời quán là biểu thị cho người, chuyên lấy Cửu-Ngũ làm chủ.

Nghĩa ở hào, thời quan là quan chiêm, chúng thảy dòm vào Cửu Ngũ. Sơ-Lục vẫn là bản chất âm nhu, lại ở vị dưới hết, ngó lên Cửu-Ngũ vì cách nhau quá xa, mà nhãn quang hào Sơ lại không thấy được xa, cách quan của Sơ, tượng như bé con xem dòm 童觀, tiểu-nhân mà như thế thời cũng chẳng bỏ trách gì 小人无咎. Nếu quân-tử mà như thế, thời đáng xấu hổ lắm 君子吝.

Tượng viết, sơ lục đồng quan, tiểu nhân đạo dã.

象曰，初六童觀，小人道也.

Sơ Lục có tượng đồng quan, là đạo của tiểu nhân vậy. (Đồng quan : nghĩa là : xem xét lù mù, in như đồ bé con).

Chữ Đạo nầy như ta thường nói tư-cách.

2.— Lục Nhị, khuy quan, lợi nữ trinh.

六二，闚觀，利女貞.

Lục-Nhị âm nhu, ở quẻ trong mà xem lên quẻ ngoài, tuy vẫn cũng có xem, nhưng mà xem bằng một cách rình lén tò mò 闚觀, chỉ tỏ ra thái độ âm ám nhu nhược, không thể nào soi thấu được đạo-lý dương cương trung-chính của Hào-Ngũ, tượng như con gái đứng trong cửa, mà dòm lén khách ở ngoài, ấy là khuy quan.

Cách quan mà như thế, chỉ thích vào nết trinh của con gái mà thôi 利女貞, (khuy : dòm lén).

Hào-từ nói rằng : Ly nữ trinh, là có ý chê Lục-Nhị quan chiêm không được một cách đường hoàng chính đại, không hợp với tỵ cách đại trượng phu. Duy Nữ tử trinh mà như thế, thời cũng chớ chớ.

Tượng viết, khuy quan nữ trinh, diệc khả xú dã.

象曰, 闚觀女貞, 亦可醜也.

Nhị muốn quan Ngũ, mà vì âm nhu khiếp nhược, chỉ làm cách khuy quan nữ trinh mà thôi. Nếu trượng phu mà như thế, thiệt cũng đáng xấu hổ vậy. Xú như nghĩa chữ Tu 羞 : xấu hổ.

PHỤ CHÚ.— Sơ-Lục, Lục-Nhị ở vào quẻ Quán, thảy có nghĩa tấn quan Cửu-Ngũ, mà cớ sao Sơ mắc chữ Lẫn, Nhị mắc chữ Xú. Bởi vì, Cửu-Ngũ là dương cương quân-tử ; mà Sơ, Nhị là âm nhu tiểu-nhân, nên thái độ hành vi của quân-tử, không bao giờ mắt tiểu-nhân dòm thấu được.

Sơ, thời như đứa bé con dòm đùa. Nhị, thời như gái trinh dòm lén. Quan mà quan như thế, lẫn với Xú là đáng rồi.

3.— Lục-Tam, quan ngã sinh, tiến thối :

六三, 觀我生, 進退,

Lục cư Tam, là ở vị bất chính, lại là vị bán thượng lạc hạ, may ra thời có thể tiến được ; lỡ rủi thời e phải lui ; nhưng ở về thì đại quẻ Quán, nên thánh nhân vẽ cho rằng : Đường tiến thối của Tam, không cần phải xem ở ai, chỉ cốt xem giữa bản thân mình, nhắm cách hành vi của đời mình, mình lượng tài sức của mình đủ ứng phó với hoàn-cảnh, thời mình tiến lên mà theo đòi với Lục-Tứ. Nếu lượng tài sức mình không ứng phó được nổi hoàn-cảnh, thời nên an phận, may mà khỏi trụt lui như Lục-Nhị.

Tiến rư ! thối rư ! chỉ hỏi ở giữa bản thân Tam 觀我生進退. (Chữ Sinh : thân mình, hoặc đời mình, như ta thường nói : bình sinh, nhất sinh là nghĩa ấy).

Tượng viết, quan ngã sinh tiến thối, vị thất đạo dã.

象曰, 觀我生進退. 未失道也.

Hào nầy tuy không được như bậc thánh-nhân, đại hiền, nhưng biết lường xem sức mà tiến thối : Thế thời, quyền tiến thối chỉ tại kỷ, mà bất tại nhân, chưa đến nỗi thất đạo vậy. (Thất đạo : sai đường lối).

4.— Lục-Tứ, quan quốc chi quang, lợi dụng tân vu vương.

六四, 觀國之光, 利用賓于王.

Cửu Ngũ là chữ cho truyền quái, mà bốn hào dưới thảy quan vào Ngũ, quan có được gần, mới được sáng suốt mà thân thiết. Lục Tứ âm nhu đắc chính kề cạnh Cửu Ngũ, quan Ngũ được rất thân thiết, tượng như vị hiền thần gặp được thánh quân, thấy rõ ràng vẻ vang của đời trị, nên rằng: quan quốc chi quang. 觀國之光, nghĩa là : xem được ánh sáng của nước vậy, Quốc chi quang, vẫn chỉ vào Ngũ, nhưng không nói bản thân Ngũ, mà lại nói Chữ quốc, có ý nghĩa hay lắm. Bởi vì, Ngũ là Quốc trưởng, nhất ngôn, nhất động, tất thảy ảnh hưởng đến một nước. Trong nước mà có ảnh hưởng vẻ vang rực rỡ, tuy là văn minh cả một nước, mà thực là nhờ có văn minh của vị Quốc trưởng mà nảy nở ra. Nên nói rằng: quan quốc chi quang. Quan quốc tức là quan Ngũ đó vậy.

Lục Tứ đã quan Ngũ được thân thiết như thế, thời chắc được quốc vương tín nhậm, được hưởng đặc lệ thù vinh 殊榮 làm một vị quí khách ở Vương triều 利用賓于王.

Tượng viết, quan quốc chi quang, thượng tân dã.

象曰, 觀國之光, 尚賓也.

Hào từ là nói một người có bạo phụ, có tài đức, há phải độc thiện kỷ thân mà thôi đâu, vẫn muốn đắc thì hành đạo, đem tài đức mình mà giúp đỡ cho đời, đã gặp được quốc quân như Cửu Ngũ, thời chí Tứ vẫn ưng hiến thân ở vương triều, sẽ để phát triển tài đức của mình vậy. Nên tượng từ có nói rằng : thượng tân 尚賓. Thượng : chí hướng ưng muốn.

5.— Cửu Ngũ, quan ngả sinh quân tử, vô cựu.

九五, 觀我生君子, 无咎.

Cửu Ngũ ở về địa vị Quốc-trưởng, mà lại có đức dương cương trung chính, bốn âm ở dưới, thảy trông ngóng vào mình, người đương quan vào Ngũ, Ngũ càng phải tự quan ở bản thân, là quan ngả sinh, mà cách hành động ở bản thân, xuất hiện thi-lịnh, hành-chánh, lập-giáo, thảy hợp với đạo quân tử 觀我生君子. Như thế, thời vô cựu 无咎.

PHỤ CHÚ.— Nghĩa hào tứ nầy lại có một nghĩa : Bốn chữ : Quân tử vô cựu, đọc làm một câu. Vì ở thì đại quẻ Quán, bốn âm đương trưởng, hai dương lần tiêu, là chính thì tiểu nhân đắc chí, mà nguy hiểm cho quân tử lắm.

Nên hào từ nói rằng : Những người quân tử ở đời nầy tất phải quan ngả sinh, có đức dương cương trung chính như Cửu Ngũ, quân tử có như thế mới khỏi tội lỗi.

Thầy Bình-Am Thích nghĩa Kinh-Dịch theo nghĩa ấy. Tri thì, thức thế, học Dịch chi đại phương 知時識勢. 學易之大方 thời theo nghĩa ấy cũng đúng.

Tượng viết, quan ngả sinh, quan dân dã.

象曰,觀我生觀民也.

Lời tượng truyện lại phát minh thêm nghĩa hào rằng : Hào từ nói : quan ngả sinh, há phải bảo chỉ quan ở giữa mình mà thôi đâu. Bởi vì, Cửu Ngũ là đứng vào địa vị nguyên thủ của một nước, dân trong một nước, đức dân túi hay sáng, tục dân tốt, hay xấu, quan hệ ở bản thân Ngũ. Ngũ tốt thời dân tốt, Ngũ xấu thời dân xấu. Nên Ngũ muốn xem tốt xấu ở bổn thân, tất phải xem gương tốt xấu ở nơi dân.

Sách Trung-Dung có câu : Bản chư thân, trưng chư dân 本諸身徵諸民. Nghĩa là : gốc ở giữa bản thân, mà chứng nghiệm ở nơi nhân dân. (Trưng : nghĩa là chứng).

Kinh Thư có câu : Đang ư dân dám 當於民監. Nghĩa là: muốn biết mình tốt hay xấu, nên soi gương ở nhân dân. Đó là nghĩa chữ quan dân.

6.— Thượng Cửu quan kỳ sinh, quân tử, vô cựu.

上九,觀其生,君子无咎.

Hào từ Thượng Cửu cũng tượng như Cửu Ngũ, khác nhau chỉ chữ Kỳ với chữ Ngã. Vì hào Ngũ đối với Tứ âm mà nói, thời Ngũ là ngã, còn Thượng Cửu thời chỉ nói ở bản thân Thượng Cửu.

Nên nói chữ Kỳ. Kỳ là chỉ Thượng Cửu.

Xem ở đạo đức hạnh nghĩa của mình, mà đúng với quân tử, thế thời vô cựu.

Thượng-Cửu có đức dương cương, ở vào vị trên hết quẻ. Nên hào từ có chữ quân-tử, có ý nói rằng : Nếu tiểu-nhân thời không đang được.

Tượng viết, quan kỳ sinh, chí vị bình dã.

象曰, 觀其生, 志未平也.

Trong quẻ nầy chỉ hai hào dương ở ngôi cao, để cho chúng nhân trông xem vào, hào Thượng Cửu y như hào Ngũ. Nên tượng truyện có nói rằng; quan kỳ sinh, làm phải để ý xem ở bản thân lo cho được nhân cách hoàn toàn, để cho đúng tư cách người ta xem, chí ý mình không lẽ thản nhiên vô sự được. (Bình: im lặng không lo gì).

PHỤ CHÚ.— Nguyên nghĩa quẻ: là bốn âm đuổi hai dương, tượng là người tiểu nhân hại quân tử. Nhưng đến hào từ thời chỉ thủ nghĩa bằng bốn âm xem hai dương, gần hai dương thời được tốt. Nên hào từ Tam, Tứ có chữ Tân, chữ Lỵ. Xa hai dương thời mắc xấu. Nên hào từ Sơ, Nhị có chữ Lẫn, chữ Xú. Đó cũng là ý phù dương ức âm, phù quân tử ức tiểu nhân, mà cũng là lệ biến hóa ở trong Dịch.

oOo

XXI. QUẺ HỎA-LÔI PHỆ-HẠP

火雷噬嗑

離上 外離

震下 內震

Quẻ nầy là quẻ Hỏa-Lôi Phệ-Hạp.

Chấn hạ cũng là Nội-chấn.

Ly thượng cũng là Ngoại-Ly.

Hỏa thượng, Lôi hạ, nên tên quẻ đọc bằng Hỏa-Lôi Phệ-Hạp.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, khả quan nhi hậu hữu sở hợp, cố thụ chi dĩ Phệ-hạp, Hạp giả hợp dã.

序卦, 可觀而後有所合, 故受之以噬嗑, 嗑者合也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Quán, tiếp lấy quẻ Phệ-hạp, là vì cớ sao ?

Hễ vật lý nhân tình tất phải có khả quan, mà sau mới có chốn hợp 可觀而後有所合. Nên sau quẻ Quán, tiếp lấy quẻ Phệ-hạp 故受之以噬嗑. Hạp nghĩa là hợp 嗑者合也.

Khả quan, nghĩa là coi xem được, Hạp nghĩa là hợp ; Phệ, nghĩa là cắn.

Ý nghĩa sắp đặt tên quẻ, sẽ xem ở sau Soán-từ. Soán-truyện, thời hiểu rõ được, đây không phải viết vào.

SOÁN TỪ : **Phệ hạp, hanh, lỵ dụng ngục.**

噬嗑亨利用獄.

(Phệ hạp nghĩa là cắn để cho hợp).

Tòng lai, việc trong thiên hạ, gia đình thời phụ tử, phu phụ, huynh đệ ; Quốc gia thời quân thần, quân dân, thượng hạ ; Xã hội thời bầu bạn, thầy trò, tất thảy trước có hợp được mà sau mới thông.

Phụ tử, phu phụ, huynh đệ hợp thời gia đạo hanh, quân thần, quân dân, thượng hạ hợp, thời Quốc sự hanh ; bạn bầu, thầy trò hợp, thời xã hội hanh ; tuyền loài người hợp, thời thế giới hanh.

Nhưng sở dĩ hợp được rất khó, tuy nguyên nhân phức tạp vẫn rất nhiều, nhưng nói tóm lại, thời chỉ vì ở trung gian có một giống gián cách, hoặc gián cách ở trung gian thượng hạ ; hoặc gián cách ở trung gian nội ngoại. Giống gián cách đó, nếu không trừ khử xong, thời không bao giờ hợp được, mà muốn trừ khử giống gián cách đó, tất phải có một thủ đoạn bằng cắn, tượng như bị giống gián cách mắc ngang ở giữa miệng, mà hàm trên hàm dưới không hợp được với nhau, tất phải dụng đến sức hai hàm răng cắn cho thiệt mạnh, tất nhiên giống gián cách đó phải bể tan, mà hai hàm mới hợp khít được như thường.

Vậy nên đặt tên quẻ bằng Phệ-hạp. Phệ-hạp, nghĩa là cắn tan giống gián cách mà hợp được, hễ đã hợp được thời tất nhiê nhanh thông 噬嗑亨.

Soán từ đây lấy nghĩa bằng một việc rất lớn ; là việc trì thiên hạ. Trì thiên hạ cần phải trừ khử gián, mà những giống gián đó là gì ?

Tức là một bọn gian-tà sàm nịnh, nó thường lọt vào khoảng giữa. Người trên thì bị nó bưng bít, người dưới thời bị nó che lấp. Nên nỗi thượng tình không thông đến hạ, hạ tình không đạt đến thượng. Thượng hạ bất hợp, mà họa loạn mới nảy ra hoài hoài.

Suy cứu cho đến nguyên nhân, thời tội tại những giống gián cách, tức là bọn gian tà sàm nịnh. Vậy nên thánh vương trị thiên hạ, tất phải ra sức cắn những giống ấy.

Cắn thời dụng bằng giống gì ? Tất phải dụng đến hình ngục 利用獄.

Hình ngục, là tài liệu của thánh nhân dùng để cắn gián cách. Vã lại theo ở tượng quẻ. Chấn lôi, ly hỏa chung nhau thành quẻ.

Lôi là uy rất mạnh, hỏa là minh rất sáng. Có uy, có minh, thời làm việc hình phạt mới đúng. Vậy sau trừ khử được bọn gián cách là bọn gian-tà sàm-nịnh.

Sau khi trừ khử được bọn gián-cách rồi, thời gian-tà sàm nịnh không được lọt vào, mà thiên hạ được hòa bình vô sự, ấy là phệ hạp mà hanh, nhưng tất phải lợi dụng ngục mới được.

Trình truyện có câu : Gián cách giả, thiên hạ chi đại hại dã 間隔者，天下之大害也 Nghĩa là : những giống gián cách, là hại rất lớn ở trong thiên hạ đó vậy.

Phệ hạp dã, trì thiên hạ chi đại dụng dã 噬嗑者，治天下之大用矣 Nghĩa là : việc phệ hạp là công dụng lớn ở trong đạo trì thiên hạ đó vậy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, di trung hửu vật, viết Phệ hạp, Phệ hạp nhi hanh ; Cương nhu phân, động nhi minh, lôi điện hợp nhi chương ; Nhu đắc trung nhi thượng hành, tuy bất đáng vị, lợi dụng ngục dã.

彖曰，頤中有物，曰噬嗑．噬嗑而亨，剛柔分，動而明，雷電合而章．柔得中，而上行，雖不當位，利用獄也．

Soán viết, di trung hửu vật, viết Phệ hạp.

彖曰，頤中有物，曰噬嗑．

Đây là xem thể quẻ mà thích nghĩa tên quẻ, quẻ nầy Sơ Cửu, Thượng Cửu, hai hào vạch liền, tượng như hàm trên hàm dưới miệng người ta. Trung gian ba hào vạch đứt đôi, tượng là trong miệng trống không, chét một hào dương vạch liền ở trung gian, cách rẽ trên dưới, tượng là một cái que cản ngang vào giữa miệng 頤中有物. Vì giống gián cách đó, tất phải dùng sức cắn mà trừ khử đi, thời hai hàm mới hợp được với nhau. Thế là Phệ-hạp 曰噬嗑 (Phệ-hạp : có cắn mới hợp được ; di : hai lộ má).

Phệ hạp, nhi hanh.

噬嗑而亨．

Vì có gián cách nên không thông được, cắn giống gián cách thời hợp, hợp thời thông.

Cương nhu phân, động nhi minh, lôi điện hợp nhi chương.

剛柔分，動而明，雷電合而章．

Lại xem về đức quẻ, hào cương hào nhu chia nhau, mà lại cân như nhau.

Cương ba hào, nhu ba hào, là cương nhu phân 剛柔分.

Thế là có đức cương nhu tương tế, Hạ-Chấn, Thượng-Ly, Chấn có tính động, Ly có tính minh là động nhi minh 動而明,

Hễ động làm việc gì, mà minh kiến được việc ấy, là đủ tài xét ngục.

Chấn là lôi, Ly là điện, lôi thời có uy, điện thời hay dọi, Chấn Ly hợp thể, là lôi điện hợp nhi chương 雷電合而章.

Đã có uy lại hay soi dọi, cũng là cái trì ngục, có tài đức như thế đem ra dùng để làm phệ hạp, chắc là tốt lắm.

Nhu đắc trung nhi thượng hành, tuy bất đáng vị, lợi dụng ngục dã.

柔得中而上行,雖不當位:利用獄也.

Lại nói riêng về Lục-Ngũ, Ngũ là một người chủ tể ở trong phệ-hạp, âm nhu đắc trung mà lên ở ngôi cao là thượng hành 柔得中而上行. Tuy hào nhu ở vị dương, theo lệ thường vẫn bất đáng vị 雖不當位. Nhưng nói bằng cách dụng Ngục, thời có cương mà giúp cho nhu, có nhu mà giúp cho cương, lại là thủ đoạn trì ngục rất cao. Nên nói lợi dụng ngục.

PHỤ CHÚ.— Thích ba chữ : Lợi dụng ngục ở Soán-từ, đáng lẽ là chuyên trọng về đức cương. Nhưng Soán truyện đã nói rằng : Cương nhu phân. Lại nói rằng : nhu đắc trung, thời tự hồ lấy nhu làm quý.

Vì sao vậy ? ở trong đạo trì ngục, có minh như điện, có uy như lôi. Nếu chỉ lại chuyên dụng Cương mà thôi, thời không khỏi lạm dụng quyền uy, mà trái hẳn với nghĩa hiếu sinh bất sát 好生不殺. Nên tất phải pha vào một nửa trích nhu, Nhu mà lại đặc trung, vả thêm vào một nửa tính cương, là rất hợp với Tư cách trì ngục.

Kinh-Thư có câu : Cao minh nhu khắc 高明柔克. Nghĩa là : người có tài cao minh, thường sợ quá cương, phải lấy nhu mà chế khắc vào, chính hợp như ý Soán-Truyện đây.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, lôi điện phệ hạp, tiên vương dĩ minh phạt sắc pháp.

象曰, 雷電噬嗑, 先王, 以明罰勅法.

Trên Ly, dưới Chấn, tượng là điện với lôi đồng thì phát hiện, cũng là minh với uy đồng thì tịnh dụng, tượng quẻ Phệ-hạp là như thế 雷電噬嗑.

Tiên vương xem tượng ấy mà biện minh hình phạt, phân biệt cho ra điều gì đáng trọng, điều gì đáng khinh, chỉnh đốn pháp luật, sắp đặt những điều gì đáng bớt, điều gì đáng thêm 先王以明罰勅法. Sắc cũng nghĩa như chữ «Sức», nghĩa là sắp đặt cho có thứ tự, tử tế.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ-Cửu, lý dảo, diệt chỉ, vô cựu.

初九, 履校滅趾, 无咎.

Tuyền quẻ nầy chuyên nói về việc hình ngục, nên trong quẻ sáu hào chia làm hai hạng người. Sơ với Thượng thảy là người không chức vị, tượng là người phải thụ hình ở giữa bốn hào, tượng là người có chức vị, mà được quyền dụng hình. Hào Sơ Cửu nầy ở về đầu thì Phệ hạp, lại ở dưới hết quẻ, là một hạng tiểu dân tại hạ, đương lúc đầu mới dụng hình, vì tội đương nhỏ, nên hình cũng khinh, tượng như đạp lấy cùm chân

mà đứt mất ngón chân cái 履 校 滅 趾. Nhưng cũng may vì thế mà không tội lỗi lớn 无 咎.

(Giảo : cùm chân. Lý giảo : là chân đạp lấy cùm ; Chỉ : ngón chân cái).

Hệ-từ nói rằng: Tử viết: tiểu nhân bất sỉ bất nhân, bất úy bất nghĩa, bất kiến lợi, bất khuyến, bất uy bất trừng, tiểu trừng nhi đại giới, thử tiểu-nhân chi phúc dã 子 曰, 小 人 不 耻 不 仁, 不 畏 不 義. 不 見 利 不 勸, 不 威 不 懲, 小 懲 而 大 誡, 此 小 人 之 福 也. Nghĩa là : mới có tội nhỏ mà trừng trị ngay, thời nó biết răn đe, mà không làm tội lớn. Đó chính là làm phúc cho tiểu nhân vậy. Bởi vì biết răn đe, mà khỏi mắc tội lớn, nên nói rằng : vô cựu. Giệt chỉ, là đau ở hiện tại ; vô cựu, là phúc ở tương lai.

ITMSACH.COM.VN

Tượng viết, lý giảo diệt chỉ, bất hành dã.

象 曰, 履 校 滅 趾, 不 行 也.

Trừng ác ở lúc sơ thỉ, mà phải chịu hình lý giảo diệt chỉ, là cốt cho nó không làm điều ác nữa vậy.

PHỤ CHÚ.— Hào từ đây cốt tỏ rõ ý thánh-nhân dụng hình, không phải vì ghét người mà dụng hình, vì thương người mà dụng hình.

Bởi vì, một hạng ngu ngoan, nó chỉ biết sợ phép, mà không biết phục thiện. Nên muốn cho nó không hành ác, không phạm đại tội, tất phải bắt nó chịu tiểu hình. Vì vậy, nên hào-từ mầng cho nó được vô cựu, mà tượng-từ lại nói bất hành dã.

2 — Lục-Nhị, phệ phu, diệt tỷ, vô cựu.

六 二, 噬 膚, 滅 鼻. 无 咎.

Bốn hào ở giữa quẻ, là hạng người có chức vị được dụng hình, ở vào thì Phệ hạp, thời là những hạng người đó quyền phệ. Nên hào-từ dùng chữ Phệ. Lục-Nhị cư trung đắc chính, mà Lục-Ngũ lại ứng vào với mình, chính là người mà quốc trưởng ủy cho quyền trì ngục.

Nhân vì Nhị cưỡi Hào-Sơ, Sơ dương cương có ý ngoan-ngạnh, nên thi hình với Sơ có ý khó khăn, nhưng Nhị có đức trung chính, thu phục được người.

Sơ tuy cương cường ngoan ngạnh, mà dụng lấy tay Nhị cũng phải phục ngay, tượng như cắn người mà đụng nơi thịt mỏng 噬膚. Duy vì Sơ ngoan-ngạnh, nên dùng hình cũng có hơi mám, tượng như người bị cắn mà đứt mất mũi 滅鼻. (Phệ phu : cắn mảnh thịt mỏng, tỷ : mũi).

Người thụ hình bị diệt tỷ, vẫn cũng khá đau, nhưng đau đó là tội tại người thụ hình, chẳng phải tội tại người dụng hình. Nên nói rằng : vô cựu 无咎. Nghĩa là : Nhị vẫn trung chính không tội lỗi gì.

Tượng viết, phê phu diệt tỷ, thừa cương dã.

象曰，噬膚．滅鼻，乘剛也．

Nhị vì cưỡi lấy Hào Sơ, Sơ là cương cường, dụng hình với người cương cường không nghiêm không được. Vì vậy, nên cắn tuy nhẹ mà thế phải có đau, sở dĩ hào từ nói rằng : phệ phu diệt tỷ đó vậy.

3.— Lục-Tam, phệ tích nhục, ngộ độc, tiểu lẫn, vô cựu.

六三，噬腊肉，遇毒，小吝，无咎．

Lục-Tam, cũng là người có quyền dụng hình, nhưng vì Lục cư Tam xử vào vị chênh lệch, đã bất chính lại bất trung.

Tuy có quyền dụng hình, nhưng hình người mà người không phục, e lại bị người oán hại mình, tượng như cắn đụng phải mảnh thịt tuyền xương lại ngộ độc 噬腊肉遇毒. Như thế thiệt đáng xấu-hổ. Nhưng vì xử vào thì Phệ hạp, cắn để cho hợp, là nghĩa vụ đang nhiên, Tam chỉ là nghĩa vụ của mình, dầu đáng xấu hổ chút đỉnh 小吝, mà kết quả không tội lỗi gì 无咎.

Tượng viết, ngộ bộc, vị bất đáng dã.

象曰，遇毒，位不當也.

Lục-Tam cũng phệ như các hào, vì sao lại ngộ độc ? Bởi vì, địa vị Tam sơ xử đứng vào địa vị khó khăn, nên bắt tay làm việc dụng hình cũng thường gặp khốn nạn. Nên tượng truyện nói rằng : sở dĩ ngộ độc là vì vị bất đáng vậy.

4.— Cửu-Tứ, phệ can trị, đắc kim thi, lỵ gian, trinh, cát.

九四，噬乾胏，得金矢，利艱，貞，吉.

Cửu là dương cương, đã cương thời trực. Tứ là vị gần với chí tôn ở thì Phệ hạp, Tứ là một người có trách nhiệm rất lớn.

Vì có đức cương trực, lại ở vào thể Ly, là có tài minh đoán, lấy bậc người ấy mà trì ngục, tất nhiên giữ được đạo cương-trực, dầu dụng phải hạng người có thế lực ngoan cường, cũng cắn được dễ như chơi, tượng như cắn miếng thịt cứng phơi khô 噬乾胏.

Can : phơi khô ; trị : thịt liền xương.

Thịt liền xương mà lại phơi khô, là giống khó cắn. Nhưng lấy Cửu-Tứ thời cắn xong ngay mà vẫn hoàn toàn được đạo cương trực, tượng như được mũi tên bịt bằng sắt 得金矢. (Thỉ: mủi tên ; Kim : sắt).

Lại vì Cửu Tứ tính cương thể mình, Cương minh thời thường hay quả quyết quá, quả quyết thời e có việc lầm. Nên thánh-nhân lại răn cho chữ gian. (Gian : phải biết khó khăn).

Tứ ở vào vị Nhu, Nhu thời sợ không được bền vững. Nên Thánh-nhân lại răn cho chữ Trinh (Trinh : giữ chính bền vững).

Hễ người trì ngục như Cửu-Tứ, đã có đức cương, tài minh, mà lại tiểu tâm biết khó 艱, giữ chính được bền 貞, thời ở trong đời Phệ-hạp kết quả rất tốt 吉.

Tượng viết, lỵ gian Trinh cát, vị quang dã.

象曰，利艱貞，吉，未光也.

Cửu-Tứ mà phải có lời răn : lỵ gian trinh, là vì địa vị Cửu Tứ dương xử vị âm, có hiềm nghi bằng bất trung chính, thời kể về đạo Phệ hạp chưa lấy gì làm quang đại vậy. Nên tất phải gian trinh mới được cát.

5.— Lục-Ngũ, phệ can nhục, đắc hoàng kim, trinh lệ, vô cựu.

六五，噬乾肉，得黃金，貞，厲，无咎.

Lục-Ngũ tuy thể âm nhu, nhưng mà đắc trung, lại Ngũ là Cương vị, Nhu pha cương vào ở kề bên mình, lại có Cửu-Tứ là một người minh đoán, giúp sức với Ngũ làm công v ệc Phệ-hạp, chắc cắn vào đâu thời nó phải chịu ngay, dầu nó có ngoan cường chút đỉnh, cũng chẳng ngại gì, tượng như cắn miếng thịt khô, vẫn có tý dai, nhưng mà cắn đứt 噬乾肉, (Can nhục : thịt khô).

Vì vị tôn đức trung của Ngũ như thế, nên hình người thời người phải phục, chẳng những cắn được mà thôi, mà lại kết quả được danh dự rất qui báu, tượng như được vàng sắc vàng 得黃金.

Hoàng là sắc trung, hình dung đức trung của Ngũ. Kim là của quý, hình dung vị tôn của Ngũ.

Tuy nhiên, đương thì Phệ hạp, là cốt ở công việc trừ dán, ở cao chừng nào, thời những giống làm gián cách càng lớn chừng nấy. Nếu thị thường khinh dị, tất gián cách dễ sinh ra, nên thánh-nhân lại răn cho rằng: phải trinh lệ mới được vô cựu 貞厲, 无咎.

(Trinh : giữ chính bền vững; Lệ : lòng thường lo sợ).

Tượng viết, trinh lệ, và cựu, đắc đáng dã.

象曰, 貞厲, 无咎, 得當也.

Ngũ sở dĩ được vô cựu, vì công việc Cửu-Ngũ làm được đúng, mà da dỉ trinh lệ, thời càng đắc đáng, nên kết-quả được vô cựu.

PHỤ CHÚ.— Bốn hào ở giữa quẻ, rặt là người có quyền dụng hình, chính là người phệ ở đời Phệ-hạp. Nhưng hào-từ vì mỗi hào khác nhau, nên thánh-nhân cũng theo tài với vị mà cân lượng khác nhau. Vị Ngũ với vị Nhị tuy in nhau, nhưng Nhị thời nhu cư Nhu, mà Ngũ thời nhu cư cương. Nhị thuần nhu, mà ngũ thời pha vào đức cương. Thế là tài Ngũ hơn tài Nhị. Nên hào Ngũ phệ được can nhục ; Nhị chỉ phệ phu mà thôi. Hào-Ngũ thể nhu. Hào Tam cũng thể nhu, tài tuy in nhau, nhưng nhu ở hào Tam là nhu bất trung, nhu ở hào Ngũ là nhu đắc trung. Thế là vị Ngũ hơn vị Tam. Nên Ngũ thời đắc hoàng kim, mà Tam thời ngộ độc. Trong bốn hào, duy Cửu Tứ tốt nhất. Vì Cửu là tài cương, mà Tứ lại vị nhu, so với Ngũ thời hơn bằng phần tài, so với Tam lại hơn bằng phần vị. Tài với vị giúp đỡ cho nhau, nên giống gián cách gì cũng cắn được nổi, mà ở trong thì Phệ hạp duy Cửu Tứ được chữ Cát.

Chúng ta mới biết, làm người một đời, biện việc một đời, được vị mà không tài, vẫn không tạo nổi thì thế, nhưng nếu có tài, mà không vị cũng phải đợi có thì cơ, huống gì trừ gián là việc rất khó rất lớn ở trong đời, bảo không tài lại không vị, mà làm được nên ru ?

6.— Thượng Cửu, hạ giảo diệt nhi, hung.

上九, 何校滅耳, 凶.

Thượng Cửu vượt qua Ngũ lại ở cuối cùng quẻ, vẫn là người vô vị, mà lại ở cuối đời Phệ-hạp, là một người thụ hình, chính là một tay làm gián rất lớn, cùng hung cực ác, tất phải bị cắt rất đau, tượng như một người cuối cùng ra giữa tòa án, mà bị án cực trọng, da gông vào cổ, xát đứt mất lỗ tai 何校滅耳.

(Hạ : đội, cũng nghĩa là gánh ; Nhỉ : lỗ tai).

Hệ từ có nói rằng : Thiện bất tích, bất túc dĩ thành danh, ác bất tích, bất túc dĩ diệt thân ; tiểu nhân dĩ tiểu thiện vi vô ích, nhi phất vi dã ; dĩ tiểu ác vi vô thương, nhi phất khử dã. Cố ác tích nhi bất khả yểm, tội đại nhi bất khả giải 善不積, 不足以成名. 惡不積, 不足以滅身, 小人以小善為无益, 而弗為也, 以小惡為无傷, 而弗去也. 故惡積而不可揜, 罪大而不可解.

Ác chứa chồng mà không thể che bịt được, tội lớn mà không thể dung thứ được 惡積而不可揜, 罪大而不可解. Thế tất phải hung.

Tượng viết, hạ giảo diệt nhỉ, thông bất minh dã.

象曰, 何校滅耳, 聰不明也.

Vì sao Thượng-Cửu phải chịu hình đứt lỗ tai, là tại lỗ tai mình nghe không được thông hiểu vậy. (Thông là nghe tỏ).

Nguyên lai, những người sở dĩ phạm vào tội ác, phần nhiều bởi vì nhỉ-quan không linh-giác, nghe lời nói phải mà chống cự, nghe lời nói quấy thời lại manh tòng, kết quả thời bị hình đến nỗi mất tai là đáng kiếp.

oOo

TIMSACH.COM.VN

XXII. QUẺ SƠN-HỎA-BÍ

山火賁

Quẻ nầy là quẻ Sơn-Hỏa-Bí.
Ly hạ cũng là Nội-Ly ;
Cấn thượng cũng là Ngoại-Cấn.
Cấn sơn, Ly hỏa. Nên tên quẻ đọc bằng Sơn-Hỏa-Bí.

艮 上 外 卦
離 下 內 卦
艮 上 外 卦

TỰ QUÁI

Tự quái, hạp giả hợp dã, vật bất khả di cầu hợp nhi di. Cố thụ chi di Bí. Bí giả sức dã.

序卦，嗑者合也，物不可以苟合而已，故受之以賁，賁者飾也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Phệ-hạp tiếp lấy quẻ Bí, là vì cớ sao ?

Trên ấy là quẻ Phệ-hạp, hạp nghĩa là hợp 嗑者合也. Vật không thể xoàng-xoàng chạ-chạ mà hợp được 物不可以苟合而已. Hễ đã hợp, tất phải có văn sức. Vậy nên sau quẻ Phệ hạp tiếp lấy quẻ Bí. 故受之以賁. Bí, nghĩa là văn sức 賁者飾也. Người nhóm họp tất phải trật-tự uy nghi,

vật nhóm họp tất phải có thứ tự hàng liệt. Bí ở sau Phệ-hạp là nghĩa ấy. Theo về tượng quẻ, Hỏa ở dưới sơn, tượng là ở dưới núi có lửa soi dọi lên, thời chây cỏ bách vật ở trên núi, tất thảy nhờ tia sáng soi dọi, mà hình hiện ra quang thái, ấy là lấy hỏa mà bí sức cho sơn. Vậy nên đặt tên quẻ bằng Bí.

SOÁN TỪ

Bí hanh, tiểu lỵ, hửu du vãng.

賁亨，小利有攸往.

Đạo-lý trong thiên hạ, vô luận vật gì, tất phải trước có bản chất, mà sau mới có văn thái giúp vào. Nên đời xưa có câu rằng : Vô bản bất lập, vô văn bất hành 無本不立，無文不行. (Bản là thuộc về tinh thần ; Văn là thuộc về hình thức).

Có bản chất rồi, mà lại gia vào văn sức, tất nhiên được hanh thông 賁亨.

Tuy nhiên, theo về tên quẻ, thời chỉ Bí mà thôi. Ở trước khi chưa Bí nếu không được cội gốc cho dày dặn, thời cũng không đại hửu vi được. Dầu có Bí mà hanh, cũng tiểu lỵ hửu du vãng mà thôi. Nghĩa là có làm việc gì mà chỉ nhờ ở văn-sức, thời ở thành-tựu cũng chỉ bé nhỏ mà thôi 小利有攸往.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Bí hanh, nhu lai nhi văn cương, cố hanh ; phân cương thượng nhi văn nhu, cố tiểu lỵ hửu du vãng ; cương nhu giao thác, thiên văn dã ; Văn-minh dĩ chỉ, nhân văn dã ; quan hồ thiên văn dĩ sát thì biến ; quan hồ nhân văn, dĩ hóa thành thiên hạ.

彖曰,賁,亨,柔來而文剛,故亨.分剛上而文柔,故小利有攸往.剛柔交錯,天文也.文明以止,人文也.觀乎天文以察時變.觀乎人文,以化成天下.

Soán viết, Bi hanh, nhu lai nhi văn cương, cố hanh ; phân cương thượng nhi văn nhu, cố tiểu lỵ hửu du vãng.

彖曰,賁,亨,柔來而文剛,故亨.分剛上而文柔,故小利有攸往.

Đây là lấy quái biến, thích quái từ. Nguyên hào nhu ở quẻ Khôn, lại làm văn-sức cho quẻ Càn thành ra Ly, là nhu lại mà làm văn cho cương vậy 柔來而文剛. Nên được hanh 故亨.

Lại vì thể trên, gốc vẫn là Khôn, chia hào dương của Càn, để sức cho Khôn, thành ra Cấn, ấy là dương cương lên làm văn cho nhu 剛上而文柔. Nên tiểu lỵ hửu du vãng 小利有攸往.

Bởi vì, bản chất là nhu, nhờ cương văn vào, mới được lỵ hửu du vãng, nhưng vì nhu là chủ, cương là khách, nên tiểu lỵ mà thôi.

Cương nhu giáo thác, thiên văn dã.

剛柔交錯,天文也.

Theo quái biến như trên ấy nói, thế là âm với dương, cương với nhu, giao trộn với nhau mà thành ra thiên văn vậy.

(Thác : trộn ; thiên-văn : văn lý của trời).

Tỷ như : nhật nguyệt giao thác với nhau mà thành ra trú dạ ; hàn-thử giao thác với nhau mà thành ra tứ thì v.v. Ấy là cương nhu giao thác, thiên văn dã.

Văn minh dĩ chỉ, nhân văn dã.

文明以止,人文也.

Lại theo về tượng hai quẻ, nội Ly là minh, ngoại Cấn là chỉ, Ly minh thời hiện ra cách văn minh, Cấn chỉ thời có một cách hạn-chế. Văn minh mà lại có hạn chế, ấy là văn lý của người vậy.

PHỤ CHÚ.— **Bốn chữ : Văn-minh dĩ chỉ, rất có ý vị ; văn-minh vẫn có điều hay, nhưng nếu không hạn-chế thời thường đến nỗi văn diệt kỳ chất, nên văn minh mà phải có hạn-chế, chính là văn minh dĩ chỉ.**

Khổng-Tử có nói rằng : chất thắng văn, tắc dạ, văn thắng chất tắc sử, văn chất bân bân, nhiên hậu quân-tử 質，勝文則野，文，勝質則史，文質彬彬，然後君子. Nghĩa là : Chất phác nhiều hơn văn, thời thành người quê mùa, văn hoa nhiều hơn chất, thời thành ra bọn viết sử ; chỉ duy : chất vừa xứng với văn, văn vừa xứng với chất, lấy chất làm thể, lấy văn làm dụng, văn chất trộn trạo với nhau. Vậy mới là quân-tử. Câu : Văn chất bân bân với câu : văn-minh dĩ chỉ, đắp đổi xem với nhau, thời càng rõ lắm.

Quan hồ thiên văn dĩ sát thời biến ; quan hồ nhân văn, dĩ hóa thành thiên hạ.

觀乎天文.以察時變，觀乎人文，以化成天下.

Bây giờ lại nói về đạo Bí của Thánh nhân, xem ở nơi thiên văn 觀乎天文 mà xét được thì tự biến cải 以察時變. Tỷ như ; xem tuế tinh mà đặt ra mỗi năm mười hai tháng, xem thái dương mà đặt ra lịch ngày, xem thái âm mà đặt ra lịch tháng v.v.

Lại xem ở nơi nhân văn 觀乎人文, mà giáo hóa thành tựu cho thiên hạ 以化成天下.

Tỷ như : nhân trật tự ở triều đình mà đặt ra lễ chế, nhân tập tục ở xã hội mà đặt ra chương trình v.v...

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, sơn hạ hửu hóa, Bí, quân tử di minh thứ chính, vô cảm chiết ngục.

象曰，山下有火，賁．君子以明庶政，无敢折獄．

Tượng truyện đây là thủ nghĩa bằng thể hai quẻ : Cấn thượng là sơn, Ly hạ là hỏa, ở phía dưới núi, có lửa dọi lên, lửa làm sáng cho núi, nên gọi bằng Bí 山下有火，賁. Vì lửa ở dưới núi, tuy có minh, mà minh không được xa lớn, nên quân tử dùng minh đó chỉ vừa tu minh được những chính sự nhỏ mà thôi 庶明政.. (Thứ chính : mỗi việc chính-trị nhỏ). Đến như việc chiết ngục, là quan hệ đến sinh mệnh của nhân dân. Nếu chỉ dùng tiểu minh, hoặc dùng bằng cách bi-sức, thời nguy hiểm cho nhân dân lắm. Vậy nên, gặp việc chiết ngục, thời không giám quả cảm mà xử đoán 无敢折獄.

Cảm : quả quyết tự dũng ; chiết ngục : phán đoán việc hình ngục ; Chữ Vô nầy : chớ ; vô cảm : chớ giám quả quyết.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ-Cửu, Bí kỳ chỉ, xã xa nhi đồ.

初九，賁其趾，舍車而徒．

Sơ-Cửu dương cương ở vào thể Ly, lại ở dưới hết quẻ, tượng là một người có đức minh mà tại hạ. Cách bí của người ấy, chỉ tu sức phẩm hạnh của mình, cốt cho hoàn toàn bổn phận người ở dưới, tượng là bí kỳ chỉ 賁其趾. (Bí : trau dồi : chỉ : ngón chân cái, là giống ở dưới hết thân người. Bí kỳ chỉ : trau dồi phần tại hạ của mình).

Bởi vì, quân tử an phận vô cầu như thế, nên không tham

bả vinh hoa của người, dầu ai đem phú qui cho mình mặc lòng, mà mình chỉ an bằng cách bần tiện. Tượng là bỏ cách sung sướng bằng cách đi xe, mà an cách khó nhọc bằng đi bộ 舍車而徒. (Xa : đi xe, tỷ dụ : bằng cách phú qui ; Đồ : đi chân, tỷ dụ bằng cách bần tiện).

PHỤ CHÚ.— **Xa vẫn là vinh, đồ vẫn là nhục. Nhưng vinh nhục của quân-tử khác với vinh nhục của thế tục. Quân-tử lấy đạo nghĩa làm vinh, lấy bất đạo nghĩa làm nhục. Nếu đi chân mà hợp với đạo nghĩa, thời còn vinh gì hơn.**

Cao sĩ ở đời chiến quốc là ông Vương-Chúc 王蠋 có câu rằng : Hoãn bộ dĩ đương xa 緩步以當車. Nghĩa là : đi chân thủng thẳng để địch với ngồi xe, là đúng với nghĩa ở hào nầy.

Tượng viết, xã xa nhi đồ, nghĩa phất thừa dã.

象曰，舍車而徒，義弗乘也.

Theo mắt thế tục thời xa là sang, đồ là hèn, cớ sao bỏ xe mà đi chân.

Bởi vì, theo ở đạo nghĩa, thời nghĩa Sơ-Cửu không nên cưỡi xe vậy. Đó là đạo Bí của quân-tử tại hạ. (Thừa : cưỡi).

PHỤ CHÚ.— Đại xa dĩ tải ở quẻ Đại hữu, với xã xa nhi đồ ở quẻ Bí, chính là thì nghĩa của quân-tử, ở về thì Bí Sơ, thời xã xa nhi đồ, là trọng về phần tiết nghĩa, ở về thì Đại hữu Nhị, thì đại xa dĩ tải, lại trọng về phần công nghiệp ; quân-tử dĩ tùy ở hợp đạo mà thôi, chứ không phải ghét phú qui mà khinh bần tiện, nên nói rằng : nghĩa phất thừa dã.

2.— Lục-Nhị, Bí kỳ tu.

六二，賁其須.

Quẻ nầy vì có thể Ly minh, mới thành ra Bí, mà Lục-Nhị lại làm chủ quẻ Ly.

Bởi vì, có hào Nhị mới thành được quẻ Ly. Vậy nên ở thì đại Bí. Lục-Nhị thành ra một người trọng yếu, nên thánh-nhân chỉ vẻ đạo Bí cho Lục-Nhị rằng : Hễ vật lý giống gì tốt, giống gì xấu, gốc ở nơi bản chất của vật ấy. Nếu có bí sức cũng chỉ tùy ở nơi bản chất sẽ gia vào văn mà thôi.

Tỷ như : Chất gỗ vẫn tốt, gia vào chạm trổ sơn tô, thời thành ra đồ đẹp. Nếu chất gỗ đã hủ xốp, thời chạm trổ sơn tô mà làm gì.

Xem thế thời biết rằng : hễ làm bí sức cho người hoặc vật, tất phải nhờ bản chất nó tốt sẵn, mà mình gia thêm văn sức vào, không thể nào chất xấu mà biến ra tốt được.

Tượng như bộ râu vẫn làm tốt cho cằm, nhưng trước tất có bộ cằm rộng nở phương phi, thời gia bộ râu vào mới thêm đẹp. Nếu bộ cằm sứt móm, thời dầu có sức râu vào càng thêm khó coi.

Cách bí sức phải tùy ở bản chất là thế. Nên nói rằng : Bí kỳ tu 賁其須. (Tu : râu ở dưới cằm, văn sức bộ râu cho cằm, là bí kỳ tu). Nhưng sở dĩ đẹp gốc nhờ cằm, nếu không cằm thời râu biết bí vào đâu.

Hào-từ nầy chỉ dạy cách bí cho Nhị, vì Lục-Nhị là âm nhu trung chính, tượng như bộ cằm đã tốt, duy thêm râu vào là thêm đẹp.

Tượng viết, bí kỳ tu, dự thượng hưng dã.

象曰，賁其須，與上興也.

Tượng truyện nầy lại bổ túc ý nghĩa hào-từ. Nhị là âm nhu, phụ vào Cửu-Tam mà hành động, tượng như Tam là cằm, mà

Nhị là râu. Nhị có động tác gì, cũng kèm vào hào trên mình mà động tác vậy.

3.— Cửu-Tam, bí như, nhu như, vĩnh trinh, cát.

九三, 賁如, 濡如, 永貞. 吉.

Hào Cửu vị Tam là dương cương đắc chính, lại ở cuối cùng Nội-Ly là văn minh chi cực. Chính là một người có tài học đu bi sức cho người. Vì trên dưới có Nhị Tứ hai âm, hai âm đó nhờ Tam bi sức cho, mà Tam cũng sẵn lòng bi sức cho nó 賁如. Vì cương nhu tương bi càng lâu càng nhuần nhả vẽ vang. Tượngnhư lấy thuốc sơn mà dầm tưới vào các thức vật, ngày càng màu mở mịn màng 濡如. (Nhu : dầm tưới).

Tuy nhiên, Tam với Tứ vẫn không phải chính ứng, vì gần gủi với nhau, mà bi sức cho nhau, lấy nhất dương mà bi cho nhị âm e có lúc mê vào tư tình, mà sai đường chính đạo chăng ? Nên Thánh-nhân lại răn cho rằng : Bi với Nhị âm tất phải giữ chính đạo cho lâu dài, mới được tốt lành 永貞. 吉.

PHỤ CHÚ.— Thâm ý hào-từ nầy cốt ở hai chữ ; vĩnh Trinh.

Bởi vì, lẽ trong thiên hạ phấn sức thời không bao giờ được lâu dài, nước sơn lâu ngày tất cũng phải nhã, sắc thuốc lâu ngày tất cũng phải phai. Nếu chỉ một mực văn-sức mà thôi, thời dầu gia đình nào, xã-hội nào, cũng không gì tốt. Nên thánh nhân bảo cho phải vĩnh trinh. Nghĩa là : bi sức mà phải lâu dài giữ đạo chính mới được cát. (Trinh, nghĩa là chất tốt).

Tượng viết, vĩnh trinh chi cát, chung mạc chi lăng dã.

象曰, 永貞之吉, 終莫之陵也.

Bi sức mà lại vĩnh trinh thời được cát, kết quả không ai lăng vủ được mình vậy.

4.— Lục-Tứ, bí như, ba như, bạch mã hàn như, phỉ khấu hôn cấu.

六四, 賁如, 皤如, 白馬翰如, 匪寇, 婚媾.

Lục Tứ âm nhu, hạ ứng với hào dương cương là Sơ Cửu, vẫn hai bên thảy đắc chính, nên sẵn lòng bí sức cho nhau, nhưng vì ở khoảng giữa có Cửu Tam, Tứ với Sơ bị Cửu Tam gián cách, nên hai bên không được bí sức cho nhau, mà chỉ thấy trắng túa 賁如, 皤如. (Ba ; sắc trắng lột).

Vì không bí sức được nên cứ ba như. Tuy nhiên, Tứ với Sơ là chính ứng, dầu bị hoàn cảnh trở cách mặc lòng, mà ý chí của Tứ càng gấp muốn theo Sơ, tượng như cưỡi ngựa trắng mà chạy như bay 白馬翰如. (Hàn : bay).

Vì không được bí, bèn nói rằng : bạch mã. Vì theo Sơ quá gấp, nên nói rằng hàn như.

Nhưng Cửu-Tam là cương chính, không phải hạng người khấu thù. Lúc đầu tuy có cách trở, nhưng Tam không bao giờ làm hại cảm tình của Sơ với Tứ, chẳng bao lâu thấy Cửu-Tam cũng vô sự, mà Sơ với Tứ làm thân quyến với nhau. Nên nói rằng : phỉ khấu hôn cấu. (Hôn cấu : kết hôn với nhau làm vợ chồng).

Tượng viết, Lục Tứ đang vị nghi dã, phỉ khấu hôn cấu, chung vô vưu dã.

象曰, 六四當位, 疑也, 匪寇婚媾, 終无尤也.

Lục Tứ vì địa-vị sở xử bị gián cách vì Cửu Tam, có tình thế phải nghi đó vậy 當位疑也.

Tam tuy gián cách, nhưng Sơ với Tứ vẫn chính ứng, lý trực khí tráng, Tam có giám làm khấu đâu, kết quả Sơ với

Tứ không điều gì oán hận, mà Tứ hôn cấu đó vậy 匪寇婚媾终无尤也.

(Vưu : oán hận).

5.— Lục Ngũ, Bí vu khưu viên, thúc bạch tiên tiên, lẫn, chung cát.

六五, 賁于丘園, 束帛戔戔, 吝, 終吉.

Lục Ngũ có đức tính nhu trung, lại làm chủ ở thì đại bí, vì có đức đắc trung, nên trau chuốt bằng việc gốc 農桑事 chăm chỉ về cách thực thà, rất đúng với đạo bí ; tượng như bí thức mà chỉ ở ruộng vườn 賁于丘園. Vả lại tính âm nhu thường hay tẳn-tiện mà không ham khoa trương, dầu có bí sức chút đỉnh cũng không gì văn hoa, tượng như có dụng đến bó lụa mà chỉ nhỏ nhen ít ỏi, thiệt là một hạng người quá chừng tiết kiệm 束帛戔戔. Ở vào thì đại Bí, mà có hơi keo sẻn, thường bị mắt tục chê cười, tuy như hình đáng xấu thẹn 吝. Nhưng mà người đương trục mạt, mà mình thời đôn bản, người đương xa hoa, mà mình thời kiệm-phác, so về đạo lý cũng không phải quá đáng, mà kể về lợi hại, thời cuối cùng chắc cũng được tốt lành 終吉.

PHỤ CHÚ.— Tên quẻ là Bí, nhưng trong nghĩa sáu hào, thời không thấy quí trọng bằng cách văn-sức, đến Lục-Ngũ lại lấy chất-phác, kiệm ước làm hay, đó là thâm ý của Thánh-nhân cứu thì.

Lễ Ký có câu : Tục xa, tắc thị chi dĩ kiệm 俗奢, 則示之以俭. Nghĩa là : thì tục đã đến lúc xa hoa, thời phải bảo cho nó lấy cách kiệm, người ở thì đại Bí không sợ người ta không biết văn sức, mà chỉ sợ người ta văn sức quá tay, e cuối cùng thành ra dâm thanh tệ tục. Nên hào từ Lục Ngũ nói rằng : **Bí vu khưu viên, thúc bạch tiên tiên,**

Bởi vì, hào Ngũ đã gần đến hồi Bí chi cực, Thánh-nhân muốn Cứu thì kiền tục 救時矯俗. Nếu phải qui kết bằng cách kiệm phác.

Tượng viết, Lục Ngũ chi cát, hửu hỷ dã.

象曰，六五之吉，有喜也.

Tượng truyện sở dĩ có chữ « Hửu-Hỷ », là vì hào Ngũ làm chủ tể cho đời Bí, nhất ngôn nhất động, thảy nhân chúng trông vào. Bây giờ bản thân Ngũ bỏ xa hoa mà sùng kiệm phác, thời công dụng chuyển di phong hóa, làm lợi ích cho đời rất lớn, sở dĩ tượng truyện nói rằng : Lục Ngũ chi cát, hửu hỷ dã. Nghĩa là : tốt của Lục Ngũ chính là hạnh phúc cho đời Bí vậy.

6.— Thượng Cửu, bạch bí, vô cựu.

上九，白賁，无咎.

Thượng Cửu, ở cuối cùng quẻ Bí, theo về thì nghĩa là Bí sức đã cùng cực rồi. Tòng lai, vật cực tắc phản 物極則返, Bí cực rồi tất quay lại bản chất.

Bản chất là nguyên-tố 原素. Bây giờ trừ hết nhất thiết phấn sức, y nhiên như chất tố lúc xưa, ấy là bạch bí.

Bạnh bí, nghĩa là : lấy nguyên bạch làm bí sức, thiệt là một cách phản, bản qui chân 返本歸真, mà lại hợp với lẽ Dịch cùng tắc biến, nên không tội lỗi gì 无咎.

Tượng viết, bạch bí vô cựu, thượng đắc chí dã.

象曰，白賁无咎，上得志也.

Thượng Cửu mà được bạch bí vô cựu, chính là xử vào thì văn cực sinh chán, mà mình lại lấy bạch bí làm thích, ý chí mình rất tự đắc vậy.

PHỤ CHÚ.— Bí, nghĩa là văn sức ; bạch, nghĩa là sắc trắng ; bạch mà nói rằng : bí chẳng là trái nghĩa lý lắm hay sao ? Nhưng mà vẫn rất có ý nghĩa. Bởi vì, năm sắc, nguyên chỉ sắc trắng là bản chất thiên nhiên, đầu có sắc trắng, mà sau mới gia vào thái sắc, nên có câu rằng : Bạch thụ thái 白受彩. Bây giờ lấy bạch làm Bí, chính là một cách bí bằng tự nhiên, nên tạp quái truyện lại có câu rằng : Bí vô sắc dã 賁无色也.

oOo

TIMSACH.COM.VN

XXIII. QUẺ SƠN-ĐỊA-BÁC

山地剝

Quẻ nầy là quẻ Sơn-Địa-Bác.

Khôn hạ cũng là Nội-Khôn.

Cấn thượng cũng là Ngoại-Cấn.

Cấn là sơn, Khôn là địa. Nên tên quẻ đọc bằng Sơn-Địa-Bác.

艮 坤
上 下
外 內
艮 坤

TỰ QUÁI

Tự quái, Bí giả sức dã, chí sức nhiên hậu hanh tắc tận hỷ, cố thụ chi dĩ Bác, Bác giả Bác dã.

序卦，賁者飾也，至飾然後亨則盡矣故受之以剝剝者剝也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Bí tiếp lấy quẻ Bác, là vì cớ sao ?

Trên ấy là quẻ Bí, Bí nghĩa là trau dồi 賁者飾也. Trau dồi đã đạt tư cực điểm 至飾然後亨 tất nhiên phải mòn hết 則盡矣. Vậy nên sau quẻ Bí tiếp lấy quẻ Bác 故受之以剝. Bác nghĩa là mòn hết 剝者剝.也. Gí cực tắc Bác, chính là lẽ tự nhiên.

Theo về tượng quẻ, năm hào âm, âm trưởng dần mà dã

đến lúc thịnh cực. Một hào dương ở trên, chốc nữa là tiêu bác hết. Nên đặt tên quẻ bằng Bác.

SOÁN TỪ

Bác, bất lợi, hửu du vãng.

剝, 不 利 有 攸 往.

Quẻ Bác là quẻ âm trưởng cực, dương tiêu cực, âm là tiểu nhân, dương là quân tử ở thì đại ấy, tiểu nhân đắc chí hoành hành quân tử không chốn nào mà hành động được nữa, chỉ nên nấp nép chờ thì, may khỏi bị tiểu nhân hảm hại, nên nói rằng : bất lợi hửu du vãng.

PHỤ CHÚ.— Đương hồi âm thịnh dương suy, tiểu-nhân tráng, quân tử bệnh. Soán-từ nói rằng : bất lợi hửu du vãng. Thế thời quân tử ở thì ấy, không việc làm hay sao ? Không phải. Theo ý Kinh-Dịch, cơ suy thường nấp ở lúc thịnh, cơ thịnh thường nấp ở lúc suy. Bác nghĩa là rụng, trái cây rụng xuống đất, tuy là bác lạc, nhưng mà hạt cây chẳng bao lâu ngầm ngầm mọc lên. Quân-tử ở thì-đại ấy, không phải không việc làm, nhưng làm bằng cách tinh-thần, nên âm thầm chớ nên lòe loẹt, nên kín đáo chớ nên nhố nhăng. Sách Lão-Tử có câu : Đại trí nhược ngu, đại dũng nhược khiếp, đại xảo nhược chuyết, đại trực nhược khúc 大 智 若 愚, 大 勇 若 怯, 大 巧 若 拙. 大 直 若 曲. Nghĩa là : có óc khôn rất lớn, mà làm như hình người ngu, có sức mạnh rất lớn, mà làm như hình người nhác, có mưu khéo rất lớn, mà làm như hình người vụng, có đức thẳng rất lớn, mà làm như hình người cong.

Lão-Tử lại có câu : Tri kỳ hùng, thủ kỳ thủ, tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc 知 其 雄, 守 其 雌, 知 其 白, 守 其 黑. Nghĩa là : biết

cho thấu cách trống, mà giữ lấy cách mái, biết cho thấu cách trắng, mà giữ lấy cách đen. Những câu ấy, chính là thủ đoạn tác dụng của quân tử ở đời Bác vậy.

Ở thì năm âm tịnh tấn, một dương thế cô, mà năm âm xu sức đánh đổ một dương, thời quân-tử nguy hiểm biết dường nào ! Nếu lúc ấy mà còn hửu du vãng, thời không phải là người biết học Dịch. Soán-từ rằng ; bất lợi hửu du vãng, là đau đớn cho quân-tử đó vậy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Bác, Bác dã nhu biến cương dã ; bất lợi hửu du vãng, tiểu nhân trưởng dã ; thuận nhi chỉ chỉ, quan tượng dã, quân tử thượng tiêu tức dinh hư, thiên hành dã.

彖曰，剝，剝也．柔變剛也．不利有攸往，小人長也．順而止之，觀象也．君子，尚消息盈虛，天行也．

Soán viết, Bác, Bác dã, nhu biến cương dã.

彖曰，剝，剝也，柔變剛也．

Nguyên nhất âm sinh từ quẻ Cấn, là quẻ tháng năm, bắt đầu nhất dương biến làm nhất âm ; Nhị dương biến thời thành quẻ Độn, là quẻ tháng sáu ; Tam dương biến, thời thành quẻ Bỉ, là quẻ tháng bảy ; Tứ dương biến, thời thành quẻ Quán, là quẻ tháng tám. Ngũ dương biến thời thành quẻ Bác, là quẻ tháng chín ; chốc nữa biến thêm một nét, thời thành quẻ Bát-Thuần-Khôn, là quẻ thuần âm vô dương. Ghê gớm thay nên Soán-truyện nói rằng : Bác, bác nghĩa là tiêu hết, cũng nghĩa là rụng hết 剝 剝 也, dượng tiêu rụng hết là vì âm nhu quá mạnh, khiến cho biến đổi hết dương cương vậy 柔 變 剛 也.

Bất lợi hửu du vãng, tiểu nhân trưởng dã.

不 利 有 攸 往，小 人 長 也．

Đương lúc ấy bao nhiêu địa vị của quân tử, tất thảy bị tiểu nhân chiếm sạch ráo, nên Soán truyện lại có câu : bất lỵ hửu du vãng, tiểu nhân trưởng dã. Quân-tử xử thì đại ấy chỉ nên tiềm tàng nấp lén, không hành động được việc gì. Bởi vì, tiểu nhân đạo trưởng, thời quân tử phải tiêu ; nên bất lỵ hửu du vãng.

PHỤ CHÚ.— Quẻ Quải là quẻ ngũ dương nhất âm, thời Soán-truyện nói rằng : cương quyết nhu dã ». Quẻ Bác là quẻ ngũ âm nhất dương thời Soán-truyện nói rằng :« Nhu biến cương dã ». Chữ Quyết với chữ Biến, hai chữ khác nhau, một phương diện thời miêu tả tình trạng tiểu-nhân hại quân-tử, mà nói chữ biến. Một phương diện thời miêu tả thủ đoạn quân tử trừ tiểu nhân, mà nói chữ quyết. Bởi vì, quân tử thường hay mắc bệnh nhân từ do dự. Nếu không quyết thời không trừ nổi tiểu nhân, tất phải dùng cách nhất đao lưỡng đoạn. Nên nói chữ quyết. Chỉ còn nhất âm mà phải dùng chữ quyết, mới biết tiểu nhân là một giống khó trừ, nên lấy chữ quyết dạy quân tử, chứ như tiểu nhân thời thường dùng âm mưu quỉ kế khiến cho quân tử ngày mòn tháng rụng, mà thường đến nổi quân tử phải biến cách theo nó, tượng như lửa hao mòn dần, mà dầu không biết, tằm ăn hết lá mà lá không hay. Đến khi quân tử hết sạch rồi, mà truyền xã-hội chỉ thấy tiểu nhân, chính là thủ đoạn tiểu nhân hại quân tử. Thánh nhân ghê gớm cho thủ đoạn ấy. Nên nói chữ biến. Chỉ hai chữ khác nhau mà ý nghĩa rất vi diệu, chúng ta há nên đọc qua mà không nghĩ rư ?

Thuận nhi chỉ chi, quan tượng dã, quân tử thượng tiêu tức dinh hư, thiên hành dã.

順而止之，觀象也，君子，尚消息盈虛，天行也.

Quân tử xử vào thì đại Bác, thời nên thế nào ? Tất phải

xem ở tượng quẻ Bác. Quẻ Bác nội Khôn có tượng là thuận, ngoại Cấn có tượng là Chỉ, quân tử thuận theo đạo trời, nên chỉ mà chỉ 順而止之. Chỉ xem ở tượng quẻ Bác vừa đúng rồi 觀象也. Nhưng quân tử sở dĩ biết thuận nhi chỉ, há phải chờ vận Bác tới nơi mới biết được đâu? Ư trước khi chưa tới Bác, mà quân tử đã để lòng nghiên cứu đến đạo trời, biết vận trời lưu hành âm tiêu, tất có hồi tức, dương dinh tất có lúc hư, vận trời đi thế vậy. Vì quân tử đã biết trước, nên sùng thượng lẽ ấy 君子, 尚消息盈虛. Nghĩa chữ thượng, có ý như tín ngưỡng. Vì tín ngưỡng đạo trời nên tùy thì xử thế, khả chỉ tắc chỉ. Dầu thì vận Bác tới, mà quân-tử có bao giờ sụp vào tay tiểu nhân đâu!

Tiêu, nghĩa là hao mòn; tức, nghĩa là đẻ nở; dinh, nghĩa là đầy tràng; hư, nghĩa là trống không. Bốn chữ ấy chỉ chuyên nói về phía dương, phía quân-tử. Chữ tiêu, chữ hư, là nói quẻ Cấn đến quẻ Khôn, là dương tiêu mà đến hư. Chữ tức, chữ dinh, là nói quẻ Phục đến quẻ Càn, là dương tức mà đến dinh.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, sơn phụ ư địa, Bác, thượng, dĩ hậu hạ, an trạch.

象曰, 山附於地, 剝, 上以厚下, 安宅.

Tượng truyện không theo nghĩa quẻ, mà chỉ theo tượng quẻ, phát minh ra một nghĩa khác mà nói rằng: Ngoại thể Cấn là sơn, nội thể Khôn là địa. Núi y phụ với đất, mà thành ra tượng quẻ Bác 山附於地, 剝.

Tượng là muốn làm cao, trước phải nương dựa vào thấp; núi vẫn cao, nhưng nhờ có đất dày, đất ở dưới, nếu không

dày thời núi phải đổ, người ở bậc trên dân, xem vào tượng ấy, biết nền móng ở dưới không dày vững, thời địa vị mình không an. Nên phải vun đắp cho người ở dưới mình, lo cho nhân dân được hậu sinh lợi dụng, lạc nghiệp an cư 上以厚下, 安宅.

Trạch, là chốn ở của dân, dân cư được an ổn thái bình, chính là đạo duy trì ở thì Bác vậy.

Thượng là thủ tượng vào Sơn ; hạ là thủ tượng vào Địa. Đất dày thời núi càng vững, dưới dày thời trên càng bền.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, bác sàng di túc, miệt, trinh, hung.

初六, 剝牀以足, 蔑貞, 凶.

Sơ Lục ở đầu hết thì-đại Bác, âm vừa bắt đầu bác dương, chính là tiểu nhân bắt đầu bác quân-tử. Bác từ dưới bác lên. Sơ chính xử vào địa vị ấy, tượng như phá hoại bộ dầng, mà Sơ là người bắt đầu cắt chân dầng 剝牀以足.

Sàng là cái giường nằm, để cho người an.

Thí dụ bằng địa-vị quân-tử ; túc, là chân giường, là chỉ vào địa-vị ở dưới, bác quân tử từ dưới bác lên, ấy là bác sàng dĩ túc. Nếu như thế mà bác lần lên mãi, tất đến nỗi diệt mất chính đạo 蔑貞. Miệt : tiêu diệt ; Trinh : đạo chính của quân tử. Thế đạo đến lúc đó chắc phải hung 凶.

Tượng viết, bác sàng dĩ túc, dĩ diệt hạ dã.

象曰, 剝牀以足, 以滅下也.

Bác sàng dĩ túc, là âm diệt dương, tà diệt chính, mà diệt từ dưới thấp diệt lên vậy. Chữ hạ là thay chữ túc.

2.— Lục Nhị, bác sàng di biện, miệt, trinh, hung.

六二, 剝牀以辨, 蔑貞, 凶.

Bác tới Lục Nhị là âm bác dương đã tiến lên lần lần. Nhị vẫn một bầy với Sơ, đồng ác với nhau mà hại quân tử, tượng như hai anh chung sức với nhau phá hoại bộ giường, Sơ mới bác ở chân, đến Nhị đã bác tới then giường 剝牀以辨 (Biện : then giường).

Tuy chưa bác đến mặt giường, mà đã lên quá chân giường, chính là địa-vị Lục Nhị. Như thế mà bác lần lần mãi tới diệt mất chính đạo 蔑貞 phải hung 凶.

Hào từ Lục-Nhị cũng in như Sơ-Lục, duy địa vị khác nhau chút đỉnh, nên chữ Túc với chữ Biện khác nhau, mà phần hung thuộc về quân-tử, lại thảm hại hơn thì-đại hào Sơ vậy.

Tượng viết, bác sàng dĩ biện, vị hữu dự dã.

象曰, 剝牀以辨, 未有與也.

Bác sàng mà đã bác tới biện 剝牀以辨, thời quân-tử đã nguy lắm rồi.

Nhưng sở dĩ nguy đến thế, là vì phe tiểu nhân quá đông, mà quân-tử thời chưa có phe mình 未有與也.

(Dự : đảng dự). Nếu quân tử ở thì Bác, mà biết đoàn kết lấy đồ-đảng mình, còn có thể chống lại với tiểu nhân được. Nên tượng truyện nói rằng : Vị hửu dự, là lời thương tiếc cho quân tử vậy.

3.— Lục Tam, Bác chi vô cựu.

六三, 剝之无咎.

Quẻ Bác năm âm rặt là bè tiểu nhân ; Lục Tam ở trên

hết Nội-quái ; dưới có Sơ Lục, Lục Nhị, trên có Lục-Tứ, rặt là bè với Tam. Nhưng Tam lại tách riêng một mình, bỏ bè mình mà thượng ứng với Thượng-Cửu. Thượng-Cửu là quân tử ở-thì Bác. Lục-Tam ứng với Thượng-Cửu, chính là tiểu nhân, mà chịu theo quân tử. Thánh nhân nhân tượng ấy mà tỏ-tán cho Lục-Tam rằng : tâm-sự được như Tam, chính là một người không tội lỗi ở trong thì Bác 剝之无咎. Ý như nói rằng : trên dưới bốn hào rặt là tội lỗi, duy hào Tam mới không tội lỗi, chính là ý nghĩa : dịch vị quân-tử mưu đó vậy 易爲君子謀,

Tượng viết, Bác chi vô cựu, thất thượng hạ dã.

象曰,剝之无咎,失上下也.

Lục Tam ở chung một hoàn cảnh với bốn hào âm mà Tam chịu ly quần độc vãng, lên ứng với Thượng-Cửu, nên trên dưới Tam thảy mất lòng với Tam 失上下也. Tam chịu mất đảng tiểu nhân mà làm bạn với quân tử. Như thế mới là Bác chi vô cựu.

4.— Lục Tứ, Bác sàng dĩ phu, hung.

六四剝牀以膚凶.

Âm tiến đến Lục-Tứ, xử địa vị thượng quái, thế là quân-tử bị bác, không chốn nào trốn tránh được nữa ; tượng như giường nằm bị phá hoại, chẳng những phá hoại hết giường, mà lại xẻo lấy đến thịt người nằm trên giường 剝牀以膚.

(Phu : thịt mỏng ở trong da). Bác sàng mà đã đến phu, là tiểu nhân vào đã quá mám, quân tử bị hại đã quá đau, nên không cần nói miệt trinh, mà nói ngay chữ hung 凶.

Tượng viết, bác sàng dĩ phu, thiết cận tai dã.

象,曰剝牀以膚,切近災也,

Quẻ nầy chỉ một hào dương ở Thượng Cửu là quân tử, bác đã đến Tứ, chốc phút nữa vượt qua Ngũ, thời đánh đổ cả Thượng Cửu là quân tử xong đời. Nên nói rằng : Bác sàng dĩ phu, thiết cận tai dã. Nghĩa là : tai họa đã bức thiết gần mình rồi đó.

5.— Lục Ngũ, quán ngư, dĩ cung nhân sủng, vô bất lợi.

六五，貫魚，以宮人寵，无不利.

Lục Ngũ ở trên bốn hào âm, lại ở Ngũ là vị chí tôn, chính là làm chủ cho bầy âm, tượng là một người đại thủ-lịnh ở trong bầy tiểu nhân.

Thánh-nhân hệ hào-từ đến đó, nguy cho quân tử mà còn hy vọng ở nơi tiểu nhân, muốn mở đường lối cho tiểu nhân, khử tà quy chính, nên bỏ chữ Bác không nói,mà đặt riêng ra nghĩa khác nói rằng : Ngũ ơi ! Ngũ đã làm chủ cho bầy âm, thế lực vẫn mạnh, đồ đảng vẫn đông, nhưng Ngũ lại thân cận với Thượng Cửu là quân tử ở đời Bác. Nếu Ngũ biết thể thiện tâm phù thế đạo. Ngũ thống suất cả bầy âm, mà lên thuận tòng quân tử, tượng như đem cả xâu cá. 貫魚.

(Quán : xâu ; Ngư : cá là giống thuộc về loài âm, tượng như bầy tiểu nhân). Lại thí dụ như bà Hoàng-Hậu dắc cả tụi cung-nhân, mà được vua yêu sủng 以宮人寵(Cung nhân : là chúng thiếp ở trong cung vua. Sủng: thân yêu). Quán ngư dĩ cung nhân sủng, chỉ là nói thí dụ, chính ý là nói dắc bầy tiểu nhân lên theo quân-tử. Tiểu nhân có thế lực như Lục-Ngũ, mà lại biết thiên thiện tòng chính như thế, tất nhiên thiện loại nhờ Ngũ mà được bảo toàn. Bác vẫn nhờ Ngũ mà có cơ chuyển Bác, chắc không việc gì không lợi tiện 无不利

Tượng viết, dĩ cung nhân sủng, chung vô vưu dã.

象曰，以宮人寵，終无尤也.

Lục Ngũ là một hào tôn ở trong quần âm. Nếu biết đem dắc cả bầy âm mà thuận thinh với Thượng-Cửu, tượng như bà Hậu phi dắc cung-nhân lên hầu vua, là một việc đáng hân hạnh cho thế-đạo không biết chừng nào. Thánh-nhân vì thế mà tán cho rằng : tiểu-nhân bác quân-tử vẫn là tội lỗi.

Trái lại tiểu-nhân mà biết thuận thừa quân tử, thời kết quả không tội lỗi gì 終无尤也.

Vưu : tội lỗi, cũng nghĩa là oán trách.

PHỤ CHÚ.— Chúng ta đọc hào từ nầy, nên biết khổ tâm của thánh nhân vì thế-đạo,

Quẻ Bác nầy dương tiêu gần hết, âm trưởng gần cực. Theo về thiên đạo thời lúc ấy quyền tại âm, theo về nhân sự thời lúc ấy quyền tại tiểu nhân.

Tuy nhiên, ở thiên đạo vẫn không một ngày nào là không dương, mà thế đạo cũng không một ngày nào là không quân-tử, còn dương thời mới thành được quốc-gia xã-hội. Vậy nên, đến Lục-Ngũ thánh nhân bỏ nghĩa âm bác dương, mà đặt ra nghĩa âm thừa dương, Ở trên quái từ thời nói rằng : bất lợi hửu du vãng, là hết sức lo cho quân tử. Ở Lục-Ngũ lại nói rằng : vô bất lỵ, là hết sức khuyến miễn cho tiểu nhân.

Ở trên mặt chữ tuy là khuyến miễn cho tiểu nhân, mà trong thâm ý chỉ cốt phù trì cho quân-tử, một tấm lòng ủy-khúc vị quân-tử-mưu đến như thế.

6.— Thượng Cửu, thạc quả bất thực, quân tử đắc dư, tiểu nhân bác lư.

上九，碩果不食，君子得輿，小人剝廬.

Thương-Cửu là nhất dương ở quẻ Bác, dương bị bác đã gần hết, chỉ còn một hào nầy. Vận hội dương tuy cực suy, mà hạt mộng dương còn tươi tốt, Thánh-nhân mới thủ tượng bằng trái cây.

Thí dụ như : cả cây trái rụng đã gần hết, duy còn một trái lớn, hãy y nguy ở đầu cây 碩果不食 (Quả : trái ; thạc quả : trái rất lớn ; thực : hái xuống ăn).

Trái lớn mà không hái xuống ăn, thời nòi giống trái vẫn còn, mà lại có ngày gieo mộng mọc cây. Nên thánh-nhân mầng mà nói : thạc quả bất thực. Là bảo dương không bao giờ hết, mà cũng là đạo quân-tử không bao giờ tiêu hết. Theo về thể quẻ ; Bác vẫn là quẻ tiểu-nhân. Theo về tượng hào, thời Thượng-Cửu là hào quân-tử. Nên thánh nhân lại thiết ra hai nghĩa : phân biệt quân-tử tiểu nhân làm hai đường mà nói rằng : Hễ quân-tử ở về cuối cùng Bác, là đương hồi âm thịnh cực, thời có thể suy, đời loạn cực thời có cơ trị. Nên nhân tình tất thảy trông mong vào quân-tử. Quân-tử tới đâu chắc được chúng hoan-nghinh 君子得輿.

(Chữ Dư đây khác chữ Dư mọi nơi. Dư : quần chúng ; Đắc dư : được lòng quần chúng).

Trên ấy là nói về phần quân-tử, bây giờ lại nói về phần tiểu nhân. Theo về thể quẻ, nhất dương ở trên ngũ âm, tượng như một dương là nhà che trùm năm âm.

Kìa bọn tiểu-nhân ở đời Bác, nó lại bác cho đến nơi, nó đánh đổ cả nhất dương ở trên, té ra tự mình nó trúc đổ nhà nó; nó có biết nhất dương ở trên, chính là nhà của nó đâu, nhất dương trúc, chính là nhà nó trúc 小人剝廬. (Lư : cái nhà để che mình, nhất dương che ngũ âm, nên gọi bằng lư ; Bác lư : trúc đổ cái nhà mình ở). Câu : tiểu-nhân bác lư, không

theo như nguyên nghĩa quẻ Bác, chỉ lấy bản thân Thượng-Cửu mà đặt riêng một nghĩa.

Theo nghĩa quẻ, thời phần xấu thuộc về quân-tử, chính là lúc quân-tử bị bác. Theo nghĩa hào thượng thời phần xấu thuộc về tiểu-nhân. Tuy tiểu-nhân bác được quân-tử, nhưng cuối cùng thời quân-tử hết, mà tiểu nhân cũng không còn. Nên nói rằng : tiểu nhân bác lư.

Thử xem từ xưa đến nay, trải bao nhiêu cuộc biến loạn, thiên loại điêu linh, quân-tử tuyệt tích, làm nên cuộc bác, chính là tay tiểu nhân. Mà đến khi bác chung, quốc vong chủng diệt, thời tiểu nhân cũng xong đời, chẳng bao giờ thấy những tay làm bác mà còn mãi được, ấy mới biết câu : tiểu nhân bác lư, thiệt có sự thực, chứ không phải lý luận suông.

Thử xem Sử Tàu, khi Hán vong, thời những bọn tiểu-nhân như Thập-thường-Thị 十常侍 cũng không còn. Sử nước ta, khi Lê vong, thì những bọn tiểu nhân như Hoàng Phúc 黃福 Ngô-thì-Nhậm 吳時任 cũng không anh nào có chốn dung thân. Đó là tự bác kỳ lư vậy.

Trên kia, ba hào dụng chữ **Bác Sàng**, sàng là chốn quân-tử an thân, mà bị tiểu nhân bác. Đến hào Thượng thời dụng chữ **Bác Lư**, lư là chốn tiểu-nhân dung thân, mà tiểu nhân tự mình nó ra tay bác. Lòng thánh-nhân thương quân-tử mà ghét tiểu nhân, xem ở lời thí dụ lại càng minh bạch lắm.

也, Tượng viết, quân tử đắc dư, dân sở tái dã, tiểu nhân bác lư, chung bất khả dụng dã.

象曰，君子得輿，民所載也。小人剝廬，終不可用也

Thế đạo đã đến hồi bác cực, là loạn đã cực rồi, thời nhân

tình trông mong trị, vì lòng người tự trị, nên khuynh hướng vào quân tử 君子得輿 Quân tử là chỉ vào nhất dương, đắc dư là nhân dân vui lòng chở đỡ người ấy 民所載也 (Tái: chở)

Còn như tiểu nhân thời bác đã cùng, mà kiếp cùng cũng đến giữa thân tiểu nhân 小人剝盧 kết quả thời tiểu nhân cũng chẳng làm nên việc gì 終不可用也. Chung: bác chi cực; bất khả dụng: bọn tiểu nhân kia, không ai ngó tới nó nữa.

PHỤ CHÚ.— Đọc hết quẻ nầy mà phát minh một nghi nghĩa.

Nguyên đầu hết thuần dương là quẻ Càn, biến một nét dưới hết, thành ra quẻ Cấn; lại lần biến hết 4 dương: Độn, Bỉ, Quán; biến đến năm dương thành quẻ Bác, chốc nữa biến hết sáu dương thành quẻ Bát-thuần Khôn. Thế thời trải đoạn Bác qua Khôn, mà nhất là trong lúc quẻ Khôn, chẳng phải là không dương hay sao? Đạo-lý đó tiên nho trình, Chu giải thích rất phân minh, nay dịch ra như sau nầy:

Nguyên lai, có cả âm dương, mới thành được Vũ-trụ, thiên đạo có bao giờ không dương hay không âm đâu? Chỉ tranh nhau ở chốn nhất tiêu, nhất tức, nhưng mà tiêu tức đã hiện ra ở chốn hữu hình, thời chúng ta thấy được, tiêu tức còn nấp nép ở chốn vô hình, thời chúng ta không thấy được.

Dịch có bao giờ bảo: dương hết đâu, bác hết ở trên, thời đẻ ngầm ở dưới, chính ở giữa quẻ Khôn là dương đương đẻ ngầm mà vô hình, chốc đến quẻ Phục, thời dương đã xuất hiện mà hữu hình. Nhất dương ở dưới quẻ Phục, cũng chỉ là nhất dương ở trên quẻ Bác. Duy trung gian ở quẻ Khôn là dương đương kết thai, kết thai đủ chín tháng mười ngày mà sinh ra ở quẻ Phục, chúng ta vì không thấy ở lúc kết thai; nên nghi là

không dương, mà về phần âm cũng thế. Chính giữa quẻ Càn cũng không phải là không âm.

Bây giờ thử lấy mỗi quẻ mà phối hợp với mỗi tháng, mỗi một tháng chỉ sinh được có một nét, tức là một hào, nhưng mà một hào đó há phải đột nhiên mà sinh ra đâu.

Tỷ như : Quẻ khôn là quẻ tháng mười, theo trên mặt quẻ, tay là thuần âm. Nhưng ở trong một tháng ba mươi ngày, mỗi một ngày thời dương đã sinh ngầm một phân, chưa đủ ba mươi phân thời bào thai nhất dương chưa hoàn mãn. Đến cuối tháng vừa đủ ba mươi ngày, thời khí dương cũng sinh đầy ba mươi phân, vừa bắt đầu vào tháng mười một, thời thấy một hào dương xuất hiện mà thành quẻ Phục. Nhưng một hào dương đó, vẫn phôi thai ở lúc còn trong tháng mười, có bao giờ vô dương đâu. Chúng ta hiểu được đạo-lý ấy, thời biết được đương giữa lúc thiên-hạ cực loạn, chính là con nhà trị đã sinh ngầm rồi.

Vì mắt chúng ta chỉ thấy được ở chốn hữu hình, mà không ai để mắt đến chốn vô hình. Than ôi! thiên đạo quá bất trắc, nhân sự quá vô thường. Vậy nên chúng ta càng nên nghiên cứu Dịch-lý.

oOo

地雷復

天雷无妄

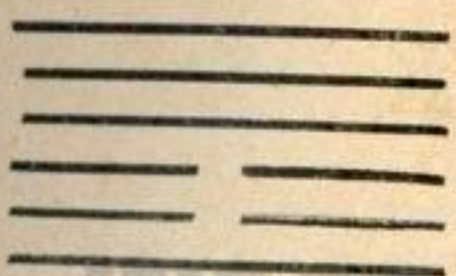

山天大畜

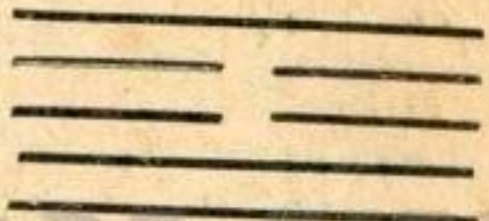

TIMSACH.COM.VN

山雷頤

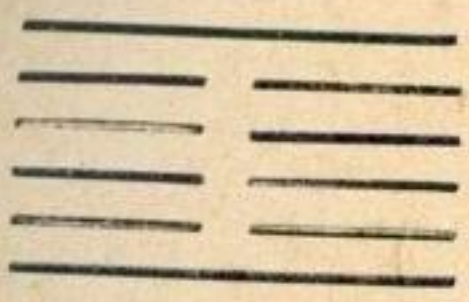

澤風大過

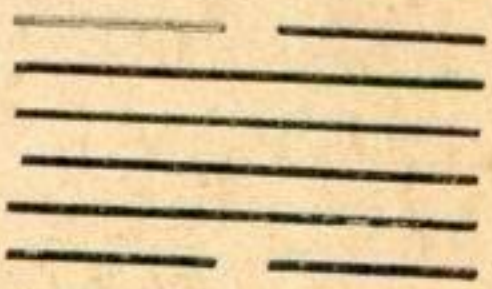

八純離

八純坎

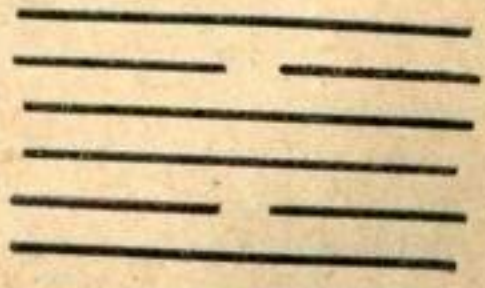

XXIV. QUẺ ĐỊA-LÔI-PHỤC

地雷復

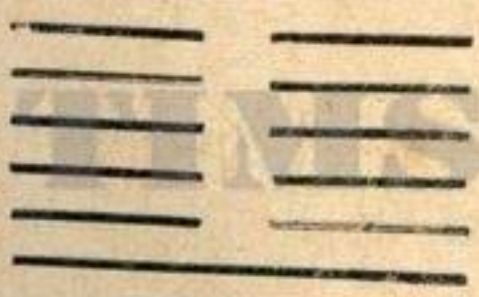

坤 上外坤 震 下內震

Quẻ nầy là quẻ Địa-Lôi-Phục Chấn hạ cũng là Nội Chấn ; Khôn thượng cũng là Ngoại-Khôn.

Khôn vi địa, Chấn vi lôi.

Nên tên quẻ đọc bằng Địa-Lôi-Phục.

TỰ QUÁI

Tự quái, Bác giả bác dã, vật bất khả dĩ chung tận ; Bác cùng thượng phản hạ, Cố thụ chi dĩ Phục.

序卦，剝者剝也，物不可以終盡，剝窮上反下，故受之以復.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦 Sau quẻ Bác tiếp lấy quẻ Phục, là vì cớ sao ?

Vật lý không bao giờ tuyệt đối cùng tận 物不可以終盡 Bác đến hào Thượng là cùng cực ở trên, tất quay trở lại ở dưới 剝窮上反下 Nghĩa là : bác cùng thượng phản hạ.

Vậy nên sau quẻ Bác, tiếp lấy quẻ Phục 故受之以復.

Quẻ nầy nhất dương ở dưới ngũ âm, là âm thịnh cực ở trên, mà dương phục sinh ở dưới. Mà cũng là đạo tiểu nhân

thịnh cực. Thịnh chi cực thời phải tiêu, đạo quân tử tiêu cực, tiêu chi cực thời lại trưởng. Nên đặt tên quẻ bằng Phục.

Phục : trở lại, cũng nghĩa là hoàn phản.

PHỤ CHÚ.— Quẻ Bác vừa rồi, thời bắt vào quẻ Phục ngay, đảo ngược quẻ Bác thời thành quẻ Phục, chính là biến dịch ở trong Dịch-học.

Tuy nhiên, bảo rằng biến dịch, há phải chốc phút mà biến dịch ngay đâu ? Âm âm, trầm trầm, ngầm ngầm, nghĩ nghĩ, mà cái máy biến dịch vẫn quay luôn, không quay đủ mười hai giờ, thời ngày không biến được ra đêm, nhưng cái cơ sở dỉ biến dịch vẫn có luôn luôn.

Liệt-tử có câu rằng : Vận chuyển bất dỉ, thiên địa mật di, trù giác chi tai 運轉不已，天地密移，疇覺之哉. Nghĩa là : vận chuyển không một phút nghỉ, trời đất vẫn ngầm ngầm dời đổi luôn, đố ai biết được (Trù : nghĩa là ai).

Kinh Phật, đoạn thứ nhất, quyển thứ nhì, ở trong Kinh Lăng-Nghiêm có nói rằng : kỳ biến minh duy nhất kỷ, nhị kỷ, thực duy niên biến, khỉ duy niên biến, diệc kiêm nguyệt hóa, hà trực nguyệt hóa, kiêm hửu nhật thiên 楞嚴經云，其變寧唯一紀二紀，實唯年變. 豈唯年變，亦兼月化，何直月化，兼有日遷.

Nghĩa là : đạo lý ở trong đời phải có biến đổi, há những một kỷ hai kỷ có biến đổi, mà năm cũng vậy. Chẳng những năm có biến đổi, mà tháng cũng vậy, chẳng những tháng có biến đổi, mà ngày cũng vậy. Nhưng vì người ta không biết mà thôi. Đoạn kinh-văn trên ấy, tuy chỉ nói Phật lý, mà Dịch-lý cũng như thế.

SOÁN TỪ

Phục, hanh, xuất nhập vô tật, bằng lai vô cựu ; phản phục kỳ đạo, thất nhật lai phục, lỵ hửu du vãng.

復，亨 出 入 无 疾，朋 來，无 咎．反 復 其 道，七 日 來 復，利 有 攸 往．

Quẻ nầy là dương đi đã lâu ngày, mà bây giờ vừa trở lại, tượng như quân-tử nấp đã lâu ngày, mà bây giờ lại trở lên, dương trở lại, thời thiên đạo có tượng hồi xuân, quân tử lên trở lại, thời thế đạo có cơ khai thái. Nên nói rằng : Phục hanh 復 亨. Nghĩa là : dương đã phục, thời có lý hanh thịnh. Bởi vì, loài dương từ đó tiệm tiệm sinh trưởng hoài, loài quân-tử từ đó tiệm tiệm dắt lên mãi. Nên chắc được hanh thịnh. Đến bây giờ giữa bản thân quân-tử đã ra vào tự do, mà không việc gì khốn nạn 出 入 无 疾. Nhập, nghĩa là sinh nở ở trong ; xuất : phát triển ở ngoài ; vô tật : không tai nạn.

Xuất nhập mà được vô tật, tức là hanh, chẳng như thế mà thôi, mà lại từ đó sắp đi, quần dương lần lượt kéo về, bầy quân-tử lần lượt dắt đến, 朋 來, còn có điều gì lầm lỗi nữa đâu 无 咎. Chỉ giữa bản thân nhất dương, thời vừa được xuất nhập vô tật, tất đến bằng lai là quần dương về cả, mới được vô cựu, ý nghĩa có thiển thâm. Vô-tật, là thân thể được kiện tuyền ; vô cựu là sự nghiệp được hoàn thiện.

Xem như quẻ nầy thời biết lẽ tiêu trưởng của vận trời, tráo đi trở lại, trưởng rồi quay lại tiêu, tiêu rồi quay lại trưởng 反 復 其 道 (Phản phục ; trở tráo).

Dương bắt đầu tiêu từ quẻ Cấu, nhất âm thi sinh, trải qua bảy hào, tới đây âm biến ra dương, mà nhất dương lại phục,

nên nói rằng : thất nhật lai phục 七日來復. **(Thất nhật : bảy ngày)**. Lấy chữ nhật thay chữ hào, đổi thay bảy hào mà dương sinh, ấy là thất nhật.

Dương tiến, thời âm thối, quân tử đạo trưởng, thời tiểu-nhân đạo tiêu. Vậy nên lỵ hửu du vãng. Nghĩa là : quân tử tới lúc bây giờ có hành động những việc gì, tất cũng thuận lợi 利有攸往.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Phục hanh, cương phản ; động nhi dỉ thuận hành, thị dỉ xuất nhập vô tật, bằng lai vô cựu. Phản phục kỳ đạo, thất nhật lai phục, thiên hành dã. Lỵ hửu du vãng, cương trưởng dã. Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ.

彖曰，復亨，剛反．動而以順行，是以出入无疾，朋來无咎．反復其道，七日來復，天行也，利有攸往，剛長也，復其見天地之心乎．

Soán viết, Phục hanh, cương phản.

彖曰，復亨，剛反．

Sỡ dĩ phục mà hanh 復亨, bởi vì, dương cương đã quay trở về 剛反, thời chắc được hanh.

(Chữ Phản là thích nghĩa chữ Phục).

Trước kia, là nhất dương ở trên cùng quẻ Bác, bây giờ nhất dương trở lại mà sinh vào dưới quẻ Phục, ấy là cương phản.

Động nhi dỉ thuận hành, thị dỉ xuất nhập vô tật, bằng lai vô cựu.

動而以順行，是以出入无疾，朋來无咎．

Lại xem bằng đức quẻ, Nội-Chấn là tính động, Ngoại-Khôn là tính thuận. Thế là hoạt-động mà chỉ thuận theo bằng đạo trời 動而順行.

Bởi vì, động là thuận, nên được xuất nhập vô tật, bằng lai vô cựu.

Phản phục kỳ đạo, thất nhật lai phục, thiên hành dã.

反復其道, 七日來復, 天行也.

Âm dương tiêu trưởng phản phục tuần hoàn 反復其道, trải qua bảy hào biến động, nhất dương lại sinh 七日來復. Đó cũng là vận trời lưu hành như thế 天行也.

Lỵ hửu du vãng, cương trưởng dã.

TIMSACH.COM.VN

利有攸往, 剛長也.

Dương cương đã sinh, thời trưởng thịnh lần lần, **Phục** rồi thời **Lâm**, thời **Thái**, thời **Đại tráng**, thời **Quải**, trưởng mãi cho đến lúc **thuần Càn**, tấn hành chắc được thuận lợi lắm. Nên nói rằng : Lỵ hửu du vãng, cương trưởng dã.

PHỤ CHÚ.— **Soán-từ quẻ Bác, bất lỵ hửu du vãng**, truyện thích rằng : **tiểu nhân trưởng dã. Soán-từ quẻ Phục, lỵ hửu du vãng**, truyện thích rằng : **cương trưởng dã.**

Chữ **tiểu-nhân** ở quẻ **Bác**, cũng có thể thay làm **chữ nhu ; chữ cương** ở quẻ **Phục**, cũng có thể thay làm **chữ quân-tử ;** Kinh văn đắp đổi cho rõ ý, học giả cũng nên đắp đổi xem cả hai bên, thời biết **cương** với **nhu, quân-tử** với **tiểu nhân**, thường tráo nhau mà tiêu trưởng.

Phục kỳ kiên thiên địa chi tâm hồ.

復其見天地之心乎.

Ở thì Phục nầy là thấy được tâm của trời đất đó mà.

PHỤ CHÚ.— Một câu nầy ý nghĩa cực kỳ hay, đạo lý cực kỳ rộng, mà giải thích lại cực kỳ khó.

Thiên địa chi tâm, vẫn cắt nghĩa là lòng của trời đất, nhưng theo mắt tục ta mà xem, thời thiên chỉ là không khí bung lung, địa chỉ là mắt trái cù đất, làm gì mà có tâm. Mà tâm thời ở chốn nào? Cớ sao Dịch lại nói rằng : **thiên địa chi tâm.** Cớ sao lại nói ở chốn Phục thời thấy được. Muốn giải quyết nghi nghĩa ấy, phải đặt ra ba câu đoán ngữ :

Một là : Phải đoán định rằng : thiên địa vận có tâm ; Hai là : tâm của thiên địa tất có chốn mà ta tìm thấy ; Ba là : muốn thấy được tâm của thiên địa, tất phải xem ở nơi múi động. Bây giờ xin trục thứ giải thích cho kỹ càng :

Hễ giống hửu sinh ở trong Vũ-trụ, không giống gì là không tâm. Tỷ như : Cây phải có hạt trấy, hoa phải có nhụy hoa, nhất thiết động vật tất phải có ruột. Có giống gì là giống không tâm đâu, há có lẽ rất cao rất lớn rất bao bọc vô cùng như thiên địa mà lại không tâm ru ?

Tứ-thì vì cớ sao mà vận hành không nghỉ, vạn vật vì cớ sao mà sinh dục không thôi, các tinh-cầu vì cớ sao mà luân chuyển không dừng, là chỉ vì thiên địa có tâm mà tác dụng được như thế. Tâm thiên địa ở chốn nào? Chỉ ở chốn khí cơ thường hoạt động. Nếu một ngày cái động cơ nó chết, tức là tâm của thiên địa chết. Trình tử có câu : Động chi đoan nải thiên địa chi tâm 動之端乃天地之心. Câu ấy rất hay, nên muốn tìm cho được thiên địa chi tâm, tất phải tìm ở nơi múi động, tìm được múi động, thời thấy được thiên địa chi tâm.

Múi động thời tìm ở chốn nào? Tất phải tìm ở nơi quẻ

Phục. Lý do như thế nầy, trước kia còn quẻ Khôn thuần âm, bao nhiêu sinh khí đương âm trầm lặng lẻ, giống gì, giống gì tất thảy cơ hồ chết ngắt ; bỗng chốc, mà một nét hào Sơ biến động ở dưới hết, mà hóa ra nhất dương, lòng sinh vật của thiên địa bây giờ mới trình-lộ, nên nói rằng : phục kỳ kiến thiên địa chi tâm.

Nguyên lai, tâm của thiên địa, chỉ cốt ở sinh ra vạn vật, muốn cho vạn vật sinh sinh mãi mà không bao giờ cùng. Nhưng vật sở dĩ sinh được, là cốt nhờ ở dương khí, nếu nhất đán dương khí chết, thời vạn vật cũng chết, còn gì là thiên địa chi tâm.

Chúng ta thử xem bao nhiêu động vật, thực vật. Nếu một giờ, không không khí, không nhật-quang, thời chẳng bao lâu mà chết ngột, không-khí với nhật-quang chính là dương khí làm ra, nên xem ở quẻ **nhất dương phục sinh**, thời thấy được thiên địa chi tâm.

Tuy nhiên, tới Phục mới thấy được thiên địa chi tâm hay sao ? Thế thời ở ngoài Phục không thấy được thiên địa chi tâm hay sao ?

Không phải thế, tuyền Vũ-trụ từ vô thỉ đến vô chung, có bao giờ thiên địa chi tâm chết đâu, mà thiên địa chi tâm cũng không bao giờ thay đổi. Nhưng chỉ vì thì gian quá chừng dài, không gian quá chừng rộng, vạn tượng quá chừng phức tạp. Chúng ta biết lấy đâu làm manh múi mà tìm ra được thiên địa chi tâm. Duy ở trong lúc nhất dương sơ động, chính như ở lúc trong đêm tối, mà bỗng chốc có một tia sáng lòe ra, chúng ta mới bắt manh múi đó, mà tìm được thiên địa chi tâm, chẳng những thiên địa chi tâm mà nhân tâm cũng vậy. Tỷ như : lúc chúng

ta ứng sự tiếp vật, lộn nhộn lao nhao, thời tâm chúng ta thiện hay ác, vẫn không múi manh gì mà tìm cho ra. Nhưng đến lúc đêm khuya thanh vắng, giấc ngủ đương say, khi ngủ rồi thột nhiên tỉnh dậy, tinh thần lúc đó vừa mới manh động, mà cái cơ tinh thiện mới phát hiện ra, chỉ trong một lúc khoảnh khắc đó, cũng tất là nhất dương sơ sinh có thể nói rằng : Động chi đoan là thấy được nhân chi tâm, mà nhân chi tâm cũng là thiên địa chi tâm. Duy những **hạng người trầm-mê vì vật dục, trốt một đời người chỉ làm tôi tớ cho vật chất**, thời không thấy được nhân chi tâm mà thôi.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, lôi tại địa trung, phục, tiên vương dĩ chí nhật bế quan, thương lữ bất hành, hậu bất tỉnh phương.

象曰，雷在地中，復，先王以至日閉關，商旅不行，后不省方.

Chấn ở dưới, Khôn ở trên, tượng là sấm nấp ở dưới đất 雷在地中, là tượng quẻ Phục 復 Tiên vương xem tượng quẻ ấy, thấy được nhất dương mới sinh ở phía dưới, măng mậm còn non, nên yên lặng êm đềm, sẽ để nuôi lấy khí dương đương còn bé. Vậy nên ngày Đông-chí là ngày dương thỉ sinh, ư ngày ấy đóng các cửa quan khách buôn bán nghỉ không đi 先王以至日閉關，商旅不行.

Vị Quốc-trưởng nghỉ không đi xem xét các địa phương 后不省方.

Chí nhật, nghĩa là ngày Đông chí ; bế quan, nghĩa là đóng cửa ; Thương là người đi buôn ; Lữ là khách đi đường ; Tỉnh nghĩa là xem xét ; Phương, nghĩa là các địa phương ; Hậu nghĩa là người Quốc-trưởng.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ-Cửu, bất viễn phục, vô kỳ hối, nguyên cát.

初九，不遠復，无祗悔，元吉.

Sơ Cửu ở đầu hết quẻ Phục có đức dương cương, lại ở đầu quẻ, là phục được trước nhất ở trong thì Phục. Tuy có lầm lỗi nhưng trải qua thì gian chẳng xa mà đã trở lại tốt lành 不遠復, phục được mau chóng thế, thời không đến nỗi ăn-năn lớn 无祗悔, (Chữ Kỳ như nghĩa chữ Đại, vô Kỳ hối, nghĩa là không ăn năn lớn).

Như thế, thời được đạo lành lớn mà tốt 元吉. Xưa thầy Nhan bất nhị quá 不貳過, nghĩa là : dầu có điều lỗi, nhưng chỉ lỗi một lần mà thôi, không bao giờ lầm lỗi đến hai lần.

Đức Khổng tán cho thầy Nhan rằng : có điều gì chẳng lành, tức khắc biết ngay ; đã biết tức khắc đổi ngay 有不善.未嘗不知，知之未嘗復行也.

Chóng cải quá được như thầy Nhan, chính đúng với hào-từ Sơ-Cửu nầy.

Tượng viết, bất viễn chi phục, dĩ tu thân dã.

象曰，不遠之復，以修身也.

Công phu Phục nên chóng gấp ư khi còn bất viễn. Nếu đã viễn rồi mới phục, thời phục đâu kịp, nên công phu tu thân của quân-tử, không gì quí hơn chóng đổi điều lỗi. Nên nói rằng : bất viễn chi phục, dĩ tu thân dã.

2.— Lục-Nhị, hưu phục, cát.

六二，休復.吉.

Hào Lục-Nhị là âm nhu đắc trung đắc chính, mà thân cận

với hào Sơ là dương hào, là một người quân-tử ; Nhị biết thân cận với quân-tử, mà hạ với hào Sơ, ấy là phục mà tốt đẹp đó vậy 休 徧. (Hưu : tốt), Đức Khổng có câu nói : Khắc kỷ phục lễ vi nhân 克 己 徧 禮, 爲 仁. Nghĩa là : khắc khử được lòng riêng mình, hồi phục lại được lẽ trời, thời là nhân ; Nhị nầy được như thế, nên được cát 吉.

Tượng viết, hưu phục chi cát, dĩ hạ nhân dã.

象 曰, 休 徧 之 吉, 以 下 仁 也.

Lục-Nhị mà được hưu phục cát ; bởi vì hay thân hạ với người nhân vậy.

(Nhân, là chỉ vào hào Sơ ; há nhân, là thân hạ với hào Sơ).

PHỤ CHÚ.— Tuyền bộ Dịch ba trăm sáu mươi tư hào, không tượng từ nào nói chữ **nhân**, chữ **nhân chỉ nói ở hào nầy Thánh-nhân nghĩ rằng : nguyên đặt ra chữ nhân, bên tả chữa nhân là người, bên hửu hai nét ngang cân bằng nhau, rất có ý nghĩa. Bởi vì, nhân là bản tâm của người, khi đầu ở trong bụng mẹ vẫn sẵn** có bản tâm ấy, có bản tâm ấy mới gọi là người, nên sách Trung Dung có câu : nhân 仁 giả 者 nhân 人 dã 也, nghĩa là : gọi bằng nhân, chỉ có chân lý sở dĩ làm người mà thôi ; lòng của trời đất sở dĩ sinh ra người, cũng chỉ ở đức nhân, người có lòng tốt ấy, thời muốn việc lành từ đó mà nảy ra, tượng như trái có hạt mộng mới sinh nở ra cây, tục ta thường gọi hạt cây bằng nhân, như **đào nhân, qua tử-nhân, hạnh nhân**, v.v... cũng là lẽ ấy.

Quẻ Phục nầy là quẻ miêu tả tâm sinh vật của thiên địa, mà tâm sinh vật của thiên địa, chính là đức nhân.

Sơ Cửu quẻ Phục chính là nhất dương làm gốc cho thiên

địa sinh vật. Nên thánh nhân lấy chữ nhân đặt vào hào nầy, muốn cho chúng ta biết đúng cách làm người, tất phải giữ đức nhân, mà muốn giữ đức nhân tất phải đại công vô ty, không chia người, không chia mình.

Phật gia cũng có câu : Vô ngã tưởng, vô nhân tưởng 無我相, 無人相, là gọi bằng nhân. Thầy Trình thích nghĩa chữ nhân có nói rằng : Nhân giả thiên hạ chi công, thiện chi bản dã 仁者天下之公, 善之本也. Nghĩa là : đức nhân là lẽ công của thiên hạ, cội gốc của muôn điều lành, rất hợp với lý thánh-nhân.

Hai nét ngang ở bên hửu chữ Nhân, bằng cân như nhau, nghĩa là người với người phải nhất thị đồng nhân 一視同人, không riêng với ai, cũng không riêng với mình, có như thế mới làm được người, chỉ xem ở mặt chữ chữ Nhân, mà nghiền cho ra ý, thời cũng hiểu.

3.— Lục-Tam, tần phục, lệ, vô cựu.

六三, 頻復, 厲, 无咎.

Hào Lục vị Tam, bất trung bất chính, lại ở về cuối cùng thể Chấn, là động chi cực, chính là một hạng người trì thủ bất kiên 持守不堅. theo điều lành mà không được chắc chắn, biết chừa lỗi mà lại thường mắc lấy lỗi, thất đi, phục lại, phục lại, thất đi 頻復. (Tần, nghĩa là hằng hằng).

Vì hằng hằng thất, nên thánh-nhân răn cho rằng : như thế, thời cũng nguy đó 厲. May cho Tam hằng hằng thất, mà lại hằng hằng phục, thời kết quả cũng không lỗi 无咎.

(Lệ : là tội tại tần thất ; vô cựu, là may vì hay tần phục).

Tượng viết, tần phục chi lệ, nghĩa vô cựu dã.

象曰, 頻復之厲, 義, 无咎也.

Lục-Tam vì hay quá thất, tuy có nguy lệ, nhưng mỗi lần thất, thời hay mỗi lần phục, ư nghĩa phục thiện, cũng là vô cựu.

4. – Lục-Tứ, trung hành, độc phục.

六四. 中行獨復.

Chữ Trung nầy chỉ nghĩa là giữa, không phải nghĩa là đắc trung.

Nguyên quẻ Phục nầy năm hào âm là năm tiểu-nhân, chỉ một hào Sơ dương là quân-tử.

Lục-Tứ tuy cũng cư âm, nhưng mà đắc chính, Tứ đi vào chính giữa năm hào âm, dưới có Nhị, Tam, trên có Ngũ, Thượng, mà một mình Tứ chính ứng với hào Sơ. Thế là bỏ vất cả bầy tiểu-nhân, để theo với một bậc quân-tử. Nên hào từ rằng : trung hành độc phục 中行獨復. Nghĩa là : đi giữa bầy ác, mà một mình phục theo thiện nhân.

PHỤ CHÚ.—**Theo như lệ các hào, thời Lục-Tứ đáng được nói chữ cát, cớ sao hào từ không nói** cát, mà cũng không nói vô cựu. Đó là thâm-ý của thánh nhân chính hay ở nơi không chữ. Bởi vì, một mình Tứ theo Sơ, mà thế lực **quần âm thời còn mạnh, thế lực Sơ dương thời còn hèn. Một con phượng ở giữa bầy cú, một** hòn ngọc ở giữa chòm đá, đã chắc gì thay đổi được hoàn cảnh mà vội dám nói cát. **Nếu nói hung, thời không phải là hung, nên thánh-nhân chỉ khen cho hai chữ độc phục.**

Chữ độc phục nầy in như câu của ông Khuất-Nguyên, chúng nhân đai trọc, ngã độc thanh, chúng nhân đai túy, ngã độc tỉnh 衆人皆濁我獨清, 衆人皆醉我獨醒. Chỉ một chữ Độc là giá trị của Tứ rất cao, còn như không nói cát, hung, lại in như câu của ông Khổng-Minh.

Thành, bại, lỵ, độn, phi sở năng nghịch đồ 成敗利鈍，非所能逆覩. (Nghĩa là : nên hay thua, sắc hay lụt, không thể thấy trước được), hiền nhân quân-tử chỉ cốt làm điều phải mà thôi.

Tượng viết, trung hành độc phục, dĩ tòng đạo dã.

象曰，中行獨復，以從道也.

Hào-từ sở dĩ lấy chữ độc phục khen cho Lục-Tứ, là vì Tứ biết phục theo đạo dương cương của quân-tử vậy. (Chữ Đạo là chỉ vào Sơ Cửu, cũng như chữ Nhân ở tượng-từ Lục-Nhị).

5.— Lục-Ngũ, đôn phục, vô hối.

六五，敦復，无悔.

TIMSACH.COM.VN

Hào Lục ở vị Ngũ là nhu thuận đắc trung, lại ở vị tôn. Đương ở thì Phục lại ở giữa thể Khôn là có đức dày, chính là một người phục thiện lại rất dày bền. (Đôn là dày bền). Nên rằng : đôn phục vô hối ; phục thiện mà dày bền thời chắc vô hối.

Tượng viết, đôn phục vô hối, trung dĩ tự khảo dã.

象曰，敦復无悔，中以自考也.

Lục-Ngũ lấy đạo trung tự thành lấy mình, hay phục thiện bằng một cách dày bền, nên tượng truyện khen cho rằng : trung dĩ tự khảo. Khảo, cũng nghĩa như chữ thành. Tự khảo, nghĩa là mình tự thành mình mà không chờ ai dạy bảo.

Trong bốn hào, Nhị còn phải **há nhân**. Tứ còn phải **tòng đạo**, là phải nhờ thầy là Sơ dạy bảo, duy Ngũ thời **tự khảo** lấy mình mà thôi, thiệt là chất tốt hơn Nhị, Tứ nhiều lắm, mà căn bản ại cốt ở chữ trung. Kinh Thư có câu rằng : duy trinh duy nhất,

doản chấp quyết trung 惟精惟一，允執厥中. Nghĩa là : xem xét đạo lý cho rất tinh, giữ gìn đạo lý cho chuyên nhất, tin hay cầm được đạo trung, chính là nghĩa tượng hào nầy, tinh nhất, là công phu tự khảo ; chấp trung là nghĩa chữ trung ở tượng hào nầy.

6.— Thượng-Lục, mê phục, hung : hửu tai sảnh, dụng hành sư, chung hửu đại bại ; dĩ kỳ quốc, quân hung, chí vu thập niên, bất khắc chinh.

上六，迷復，凶. 有災眚，用行師，終有大敗. 以其國君凶，至于十年，不克征.

Thượng-Lục ở cuối cùng quẻ Phục, mà lại ở trên hết năm âm, chính là một đứa tiểu-nhân, từ đầu chí cuối ở giữa thì Phục. Phục mà hôn mê đến thế, tượng là một người đi lầm đường cho đến cuối cùng, có gì không xấu nữa đâu 迷復，凶, chắc kiết quả hào nầy e có cả tai vừa sảnh 有災眚. (Tai, là vạ tự ngoài đưa đến ; Sảnh là lỗi tự mình làm ra).

Vì Thượng Lục là một người có thế lực nhất ở trong bầy tiểu nhân, Thượng không chịu thấy tai sảnh mà cải hối. Thượng lại toan cậy võ lực mà sinh quyền uy, đem quân gia súng đạn mà áp phục người ta, nhưng cuối cùng Thượng tất đại bại 用行師，終有大敗. Khi Thượng đã đại bại, thời nước của Thượng, vua của Thượng, tất thảy vì Thượng mà khốn nạn cả 以其國君凶.

Nếu Thượng mà không mê phục, họa may giữa đường mà biết quày lại chăng, nhưng Thượng không mong được thế, điên cuồng hoài, bể đổ hoài, đến lúc số đã cùng, vận đã kiệt, mà không một bước nào tấn lên được 至于十年，不克征. Thập niên là lấy số chung mà nói, Hễ kể số nhất là thỉ, thập

là chung. Thập niên bất khắc chính, chỉ nghĩa là chung cục không ra gì, chứ không phải hạn định là mười năm.

Tượng viết, Mê phục chi hung, phản quân đạo dã.

象曰，迷復之凶，反君道也.

Chữ quân không phải nghĩa là vua mà nghĩa là Chủ. Hễ làm chủ trong một đám, thời gọi bằng quân được, cha mẹ gọi bằng nghiêm quân, vợ trong nhà gọi bằng tế quân, thầy quân nghĩa là chủ. Quẻ Phục nầy, nếu không hào Sơ Dương, thời chỉ là quẻ Khôn, nến hào Sơ là chủ quẻ Phục. Bây giờ Thượng-Lục hôn mê, mà không phục với dương, là trái mất đạo dương cương của Sơ-Cửu. Nên nói rằng : Phản quân đạo dã.

Chữ Quân là chỉ vào Sơ dương, vì Sơ dương làm chủ ở quẻ Phục, Thượng-Lục tuyệt với Sơ dương, là trái với đạo chủ.

PHỤ CHÚ.— Xem suốt quái-từ, hào-từ thời biết rằng : khí số với nhân sự thường tương phản, mà lại tương thành, quái từ chỉ nói bằng khí số thời âm đã đến lúc tiêu, dương đã đến lúc trưởng. Nên nói rằng : **phục hanh, vô tật, vô cựu** ; tuy là khí số vẫn đến hồi tốt, nhưng có lẽ đâu ở trong thiên hạ chỉ có khí số mà không nhân sự ru ? Nếu khí số thuận mà nhân sự nghịch thời khí số cũng không uy quyền gì. Nếu khí số nghịch mà nhân sự thuận, thời nhân sự cũng có thế lực lắm. Vậy nên hào-từ ở sáu hào, bỏ quách khí số mà chuyên nói nhân sự. Hào Sơ vì thiên thiện lanh chóng, thời được nguyên cát; hào Nhị vì biết thân hiện lạc thiện, thời được cát, đó là nhân sự ưu, thời thắng, có ỷ lại khí số đâu ? Tam hay tần phục, thời được vô cựu ; Tứ hay độc phục, cũng được khỏi hung, hối, lẫn ; Ngũ vì đôn phục, mà được vô hối, đó là lấy nhân sự thắng được khí số.

Duy Thượng-Lục thời vì mê phục mà đến nỗi hung vừa tai sảnh.

Xem hết sáu hào thời biết rằng: cũng chung một vận hội, chung một thời thế, mà lành dữ trái nhau, như thế mới biết cát, hung cốt ở nhân sự có phải, chăng, hay, quấy; chứ khí số bao giờ hạng định được đâu.

Tả truyện có câu: thiên định năng thắng nhân, nhân định diệc năng thắng thiên 天定能勝人,人定亦能勝天. Nghĩa là: thiên số nhất định vẫn hơn được người, nhưng nhân sự đến khi nhất định, cũng hơn được trời, chính là đạo lý của Dịch vậy.

oOo

TIMSACH.COM.VN

XXV. QUẺ THIÊN-LÔI VÔ-VỌNG

天雷无妄

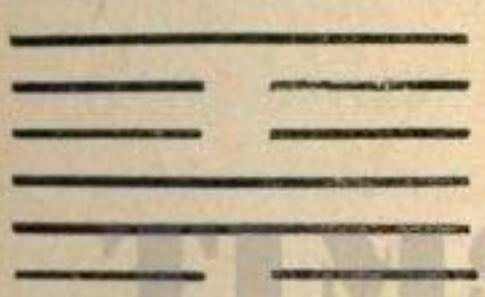

乾 上 外 乾

震 下 內 震

Quẻ nầy là quẻ Thiên-Lôi Vô-Vọng. Chấn hạ cũng là Nội-Chấn; Càn thượng cũng là Ngoại-Càn.

Càn thiên, Chấn lôi, nên tên quẻ đọc bằng Thiên-Lôi Vô-Vọng.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, Phục, tắc bất vọng hỷ, cố thụ chi dĩ Vô-Vọng.

序卦，復則不妄矣，故受之以无妄.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Phục, tiếp lấy quẻ Vô Vọng, là vì cớ sao ?

Bởi vì, đã Phục rồi thời không càn, nên sau quẻ Phục tiếp lấy quẻ Vô-Vọng.

Vọng, nghĩa là : càn, người ta sở dĩ làm càn, là vì quên mất thiên-lý ; Hễ đã biết trở lại theo thiên lý, thời có làm càn nữa đâu 復，則不妄矣. Vậy nên sau quẻ Phục, tiếp lấy quẻ Vô-Vọng 故受之以无妄.

Theo về tượng quẻ, Càn trên, Chấn dưới ; Chấn nghĩa là động ; Càn nghĩa là trời ; phát động bằng tư tưởng, hoạt động bằng hành vi, mà tất thảy hợp với lẽ trời, ấy là vô-vọng. Nếu có mảy may vì nhân dục mà động, thời là vọng.

SOÁN TỪ

Vô vọng, nguyên hanh, lỵ trinh, kỳ phi chính, hửu sảnh, bất lỵ hửu du vãng.

无妄，元亨，利貞．其匪正，有眚，不利有攸往．

Nghĩa hai chữ vô vọng giải thích cho đến nơi, thời chỉ duy thiên đạo với thánh nhân mới đúng được hết. Nguyên lai, ở trong Vũ-trụ, sẵn có lý tự nhiên, theo ở lý tự nhiên, không cần phải tạo tác, đó là vô vọng thuộc về thiên đạo. Đến như các sự vật, thời có lý đang nhiên, không pha vào tư ngụy. Đó là vô vọng thuộc về thánh đức.

Nhưng mà ; vì có tự nhiên mới đẻ ra đang nhiên, lại lấy đang nhiên mà hợp với tự nhiên, ấy là thánh tức thiên, thiên tức thánh, mà tổng chi gọi bằng vô vọng.

Ở trong Phật học rất ghét là chữ vọng, mà Dịch rất quí là vô vọng, người ta nếu làm đến vô vọng, thời đạo hợp với trời, đức hợp với thánh, chắc được Đại hanh. Vô-vọng là tạo nhân, đại hanh là kiết quả. Nên nói rằng : Vô vọng nguyên hanh 无妄，元亨. Tuy nhiên, thường tình người ta, phần nhiều là có tư dục tà-tâm, họa may trong một đời người có một tư-tưởng gì, một hành-vi gì, tình cờ mà hợp được vô vọng, chốc phút thoảng qua lại vọng ngay, thế không phải là vô-vọng. Hễ đã vô-vọng tất phải vô-vọng hoài hoài, tự tiểu chí đại, tự thỉ chí chung,

không một tý gì không hợp với chính lý, nên thánh nhân lại dạy cho hai chữ lỵ trinh 利貞. Nghĩa là : vô-vọng là cốt hợp với chính lý. Tà-tâm tức là vô-vọng. Nên lại tiếp lấy câu : Kỳ phỉ chính, hửu sảnh, bất lỵ hửu du vãng. Nghĩa là : có việc gì không phải chính lý 其匪正, tất nhiên có tội lỗi 有眚, mà không lỵ ư làm mỗi việc 不利有攸往.

PHỤ CHÚ.— **Theo về bản dịch đời sau thời chữ Vọng, Vọng là Càn, theo về bản cổ-dịch thời chữ Vọng, Vọng là trông.** Nghĩa là : việc gì chính đạo, chính lý thời cứ làm, không kỳ vọng sở đắc, hoặc vì danh dự mà làm, hoặc là vì công-lý mà làm, tổng chi hửu sở kỳ vọng mà làm. Đã hửu sở kỳ vọng, thời không phải là vô-vọng, tất phải vô sở kỳ vọng mà cứ làm, mới là vô vọng.

Thầy Trương có câu : vô sở vị nhi vi giả, quân-tử dã 無所爲而爲者，君子也. Nghĩa là : đã làm điều phải, tự nhiên mà làm, ấy là quân-tử ; câu vô sở vị nhi vi, là đúng với nghĩa chữ vô vọng.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, vô vọng, cương tự ngoại lai, nhi vi chủ ư nội ; động nhi kiến, cương trung nhi ứng, đại hanh dỉ chính, thiên chi mệnh dã ; kỳ phỉ chính hửu sảnh, bất lỵ hửu du vảng, vô vọng chi vảng, hà chi hỷ, thiên mệnh bất hựu, hành hỷ tai.

彖曰，无妄，剛自外來，而爲主於內. 動而健，剛中而應，大亨以正，天之命也. 其匪正，有眚，不利有攸往. 无妄之往，何之矣，天命不祐，行矣哉.

Soán viết, vô-vọng cương tự ngoại lai, nhi vi chủ ư nội.

彖曰，无妄，剛自外來，而爲主於內.

Quẻ vô-vọng nầy 无妄 sở dĩ thành quẻ, gốc ở nội Chấn, Chấn nguyên là Khôn, hào sơ Khôn biến ra nhất dương mà làm Chấn. Thế là hào dương tự ngoại lai mà làm chủ cho nội quái 剛自外來,而爲主於內. Chữ vi chủ, ngậm có hai nghĩa : Chấn động thể làm chủ cho vô vọng, mà hào Sơ lại làm chủ cho Chấn, có hào Sơ mới thành được quẻ Chấn, lại có Chấn mới thành được quẻ Vô-Vọng, nên hào Sơ làm chủ cho quẻ Vô-Vọng.

Động nhi kiện, cương trung nhi ứng, đại hanh di chính, thiên chi mệnh dã.

動而健,剛中而應,大亨以正,天之命也.

Thể dưới là Chấn động, thể trên là Càn kiện, thế là động bằng một cách cương kiện 動而健.

Ngũ có đức dương cương ở vị trung chính. Nhị cũng lấy trung chính ứng với Ngũ 剛中而應. Như thế là hợp với đạo vô vọng, đã vô vọng tất được đại hanh mà chính 大亨以正. Đó há phải khôn riêng của người mà làm nên đâu, vẫn chân-lý tự nhiên của trời là như vậy 天之命也.

Kỳ phỉ chính hửu sảnh, bất lỵ hửu vu vảng, vô vọng chi vảng, hà chi hỷ, thiên mệnh bất hựu, hành hỷ tai.

其匪正,有眚,不利有攸往.无妄之往,何之矣.天命不祐,行矣哉,

Quái-từ lại có câu : Kỳ phỉ chính hửu sảnh, bất lỵ hửu du vãng. Bởi vì, hễ vô-vọng tất là chính, đã chính rồi thời không nên tha thích. Nếu bỏ chính mà tha thích 无妄之往, thời còn đi vào đâu được 何之矣.

(Chi nghĩa là đi ; hà chi, nghĩa là đi đâu được).

Bởi vì, trái với chính lý, tức là trái với đạo trời, tất nhiên trời không bênh vực, trời không bênh vực, mà còn đi được hay sao? 天命不祐, 行矣哉. Chữ hỷ tai, ý là không đi được, chữ hỷ, cắt nghĩa theo chữ hồ 乎.

PHỤ CHÚ.— Câu vô-vọng chi vãng, khó giải thích lắm, vì văn lý thừa tiếp câu : phỉ chính hửu sảnh. Nếu ở dưới chữ vô vọng thêm hai chữ phỉ chính vào mà đọc rằng : phỉ chính chi vãng thời thông ngay, ý nói rằng : ở giữa thì vô vọng, mà mình lại lấy phỉ chính mà vãng, thời đi đâu được. Nhưng vì Kinh-văn quá giản tắt, chúng ta nên hội ý, không nên nệ vào chữ. Nếu đọc suông vô vọng chi vãng, thời không chạy xuống được mấy câu dưới. Đó cũng là cách học nghĩa Kinh.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên hạ lôi hành, vật dữ vô vọng, tiên vương di mậu đối thì, dục vạn vật.

象曰, 天下雷行, 物與无妄, 先王, 以茂對時, 育萬物.

Đây cũng là một cách biến hóa ở trong tượng truyện. Mỗi nơi, chữ tên quẻ thời cắt nghĩa bằng tên quẻ ; Nhưng tượng truyện đây thời chữ vô vọng lại không cắt nghĩa bằng tên quẻ, mà cắt nghĩa bằng đạo lý quẻ. Nên tượng nói rằng : ở dưới trời mà có sấm đi 天下雷行. Thế là : Nhị khí hòa hợp, âm dương xát nhau mà thành ra tiếng. Lúc bây giờ giống trập-trùng kinh động, giống cây có mầm măng, vật nào vật nấy tất thảy phú dự cho nó một cái vô vọng, tức là tinh mệnh của nó 物與无妄.

Tiên vương xem tượng ấy, thể đạo trời mà sắp đặt một cách nhân dân ái vật, mậu đối thiên thì, dưỡng dục khắp vạn vật.

(Mậu : thịnh ; Đối : thuận hợp ; Dục : nuôi nấng, chữ Mậu trùm cả năm chữ : «Đối thì, dục vạn vật».

Đối phó với thì trời, trưởng dục được vạn vật,mà công nghiệp lại cực kỳ thịnh. Đó là vô-vọng của thánh-nhân, mà in như vật dự vô-vọng của thiên đạo. Đối thì, tỷ như : mùa Xuân thời dạy dân cày ; mùa thu thời dạy dân gặt, vì phòng ngự nước lụt, mà dạy dân làm kiều-lương, vì phòng ngự đông hàn, mà dạy dân tàm tang trừ súc, thất thảy là đối thì dục vật.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, vô-vọng, vãng cát.

初九，无妄，往，吉.

Sơ Cửu có đức dương cương, làm chủ cho nội quái, chính là một hạng người có đức chí thành, trong lòng hồn-nhiên thiên lý, thiệt là vô vọng 无妄 vô vọng mà tấn hành 往, thời không chốn nào không tốt 吉.

Tượng viết, vô vỏng chi vãng, đắc chí dã.

象曰，无妄之往，得志也.

Cửu gốc là thể Càn, Sơ lại về thể Chấn, ấy là động mà hợp đạo trời. **Có đức chí thành vô vọng như thế, thời tu thân chắc thân phải chính, xử sự chắc sự phải thuận, cảm hóa người thời người phải hóa, có đi đâu mà không thuận thỏa chí mình nữa ru ?**

2.— Lục Nhị, bất canh hoạc, bất tri dư, tắc lỵ hửu du vãng.

六二；不耕獲，不菑畬，則利有攸往.

Lời hào Lục-Nhị là mượn việc người cày để hình dung tâm lý vô vọng.

Canh : cày, là việc bắt đầu của nhà nông ; hoạc ; gặt lúa, là việc thành công của nhà nông ; Tri : ruộng mới phá được một năm, là việc bắt đầu của nhà khẩn ruộng. Dư : ruộng thuộc đã ba năm, là việc thành công của nhà khẩn ruộng.

Tòng lai, sự lý trong thiên hạ, đã có tạo nhân, tất có kiết quả, mà kiết quả việc trước, tức là tạo nhân cho việc sau.

Hễ đã canh, tất nhiên có hoạc, hễ đã tri, tất nhiên có dư. Đó là sự lý tự nhiên, mà cũng là công việc đang nhiên ; thuận lý ứng sự không đặt tự ý mình vào.

Tỷ như : một nhà nông phu, lúc đương nên canh mà canh, không cần nghĩ đến canh để mà hoạc 不耕獲, gặp lúc đương tri mà tri, không để ý đến tri để mà dư 不菑畬. Nghĩa là thuận lý tự nhiên mà làm, nhân việc đang nhiên mà làm, bề ngoài hình thức vẫn có tạo tác, mà bề trong tinh thần thời in như một cách vô vi, tâm lý người vô vọng là như thế. Lục Nhị cư trung đắc chính lại ứng với hào Ngũ cũng trung chính, ở vào động thể mà có tính thuận, là động mà hay thuận với trung chính, thiệt là một hạng người vô vọng, thánh nhân lấy lời tỷ dụ mà hình dụng cho đến tâm lý, nên nói rằng : bất canh hoạc, bất tri dư, giảng nghĩa vắn tắt thời chỉ nói rằng : chẳng ư lúc canh mà nghĩ đến hoạc, chẳng ư lúc tri mà nghĩ đến dư. Hễ nghĩa lý đáng làm mà làm, mà không kể công mưu lợi. Thế là vô vọng. Đã vô vọng thời lợi hửu du vãng 則利有攸往.

PHỤ CHÚ-— Xem như nghĩa hào nầy cũng có thể gọi bằng vô vọng chi phúc, canh tất nhiên được hoạc, tri tất nhiên được dư, không phải cần bo bo cầu phúc, mà phúc tự nhiên đến, cũng là ý nghĩa hào-từ nầy.

Tượng viết, bất canh hoạc, vị phú dã.

象曰,不耕獲, 未富也,

Hào-từ sở dỉ nói rằng : bất canh hoạc, v.v... nghĩa là : dầu có canh có tri, mà không phải để ý đến hoạc dư cho được giàu vậy.

Canh tri, là công việc làm; hoạc dư, là hiệu quả lợi, không phải nghĩ được hoạc dư mà làm, nên tượng truyện nói rằng : vị phú.

Chữ vị như nghĩa chữ phi, như nghĩa chữ vị ở câu : vị thuận mệnh quẻ Lâm, vị là chẳng phải. Chữ phú nầy, như nghĩa chữ Phú ở câu : phi phú thiên hạ dã 非富天下也 ở sách Mạnh-tử.

TIMSACH.COM.VN

3.— Lục-Tam, vô-vọng chi tai, hoặc hệ chi ngưu, hành nhân chi đắc, ấp nhân chi tai.

六三, 无妄之災, 或繫之牛, 行人之得, 邑人之災.

Trước hãy thích nghĩa đen theo câu theo chữ.

Tai thuộc về vô-vọng 无妄之災, thí dụ có kẻ cột trâu cạnh đường 或係之牛, người đi đường được lấy 行人之得, mà người trong ấp đó trở lại bị tai hại 邑人之災, là vì người mất trâu nghi oan cho ấp nhân trộm trâu.

Nói cho đúng, thời ấp nhân bị tai ách, giữa đường quàng vào cổ, nhưng tai đó vẫn là thình lình tự nhiên đưa đến, nên nói rằng : vô-vọng chi tai.

Nguyên theo thông lệ trong Kinh-Dịch ; hễ sáu hào ở quẻ nào, mỗi một hào xử mỗi một địa-vị hào ấy, mà cũng tất thảy xử chung vào thì đại quẻ ấy. Sáu hào ở quẻ Vô-vọng, là ở vào

thì vô-vọng, vị vô-vọng, tất thảy là vô-vọng cả. Duy tùy giữa bản thân hào mà khác nhau : hào Lục vị Tam vẫn bất trung bất chính, chính là một người vọng. Ở thì Vô-vọng, mà mình lại vọng, tất phải mắc tai, nhưng tai đó cũng là vô cố mà mắc. Nên nói rằng : vô-vọng chi tai.

Tượng như người đi đường thời được trâu, mà những người ở chốn mất trâu đó, lại bị hiềm nghi vì tội dấu trâu, thiệt là tai vô vọng ló vậy. Bởi vì, tai đó không tưởng có mà có, ở vào thì vô vọng, thời như thế cũng là vô vọng.

Tượng viết, hành nhân đắc ngưu, ấp nhân tai dã.

象曰，行人得牛，邑人災也.

Trần thời người đi đường được, mà tai thời khiến cho ấp nhận chịu. Ở vào đời vô-vọng, thế chẳng phải là tai vô-vọng, hay sao ?

4.— Cửu Tứ, khả trinh, vô cựu.

九四，可貞，无咎.

Cửu Tứ dương cương ở về Càn thể, trên dưới không ứng dự với ai, là một hạng người cảnh giới vô tư 耿介無私, thiệt là một người vô vọng đó vậy, nên bền chặt giữ lấy tư cách ấy 可貞, tự nhiên được vô cựu 无咎.

PHỤ CHÚ.— Chữ Trinh thường thích có hai nghĩa. Một nghĩa trinh là chính ; Một nghĩa trinh là bền.

Hễ chữ ly trinh thời kiêm cả hai nghĩa, chính và bền, như chữ Khả trinh thời trọng về nghĩa bền, cũng nghĩa là cố thủ, như chữ **bất khả trinh ở quẻ Cổ**, thời chỉ thích nghĩa là bền, mà không nghĩa trinh là chính. Nếu trinh mà chính, thời không bao giờ bất khả.

Xem Văn-Kinh chớ nhận lầm những chốn ấy.

Tượng viết, khả trinh vô cựu, cố hửu chi dã.

象曰, 可貞无咎, 固有之也.

Khả trinh vô cựu là bảo phải bền giữ nguyên sở hửu của mình vậy.

(Chữ hửu, như nghĩa chữ thủ 守 là giữ).

5.— Cửu Ngu, vô vọng chi tật, vật dược hửu hỷ.

九五, 无妄之疾, 勿藥有喜.

Cửu Ngũ dương cương ở chính giữa thể Càn, đủ đức trung chính, lại ở tôn vị, dưới có hào Nhị ứng với mình cũng trung chính, thiệt là vô vọng đến cực điểm, ở thì vô-vọng thiệt không còn gì hơn nữa.

Nếu chẳng may có đụng phải tật bệnh gì, cũng chẳng qua tai bay vạ bốc, thời chỉ nên bình tâm thuận lý, yên xử như thường, mà tai họa tự nhiên tiêu tán. Nên nói rằng : vô vọng chi tật, vật được hửu hỷ. Nghĩa là : đã vô vọng rồi, nếu tình cờ mà có tật cũng là tật vô-vọng 无妄之疾, chớ dùng đến thuốc 勿藥, mà tự nhiên mầng được bệnh lành 有喜.

Chữ Vật, có nghĩa là cấm chỉ. Bởi vì : vô vọng mà được tật, là tật vô vọng. Nếu đưa thuốc vào té ra vọng. Vậy nên cấm chỉ dùng thuốc.

PHỤ CHÚ.— Hào từ Cửu Ngũ nầy, tỷ như đại thánh đại hiền ngày xưa, rủi gặp hoạn nạn, hoặc bị sàm báng, các ngài cũng chỉ tố vi nhi hành, mà tự nhiên sàm báng hoạn nạn tiêu diệt hết.

Như vua Văn-Vương bị tù ở Dửu-lý, như đức Khổng-Tử

tuyệt lương ở Trần thái, chi có vô vọng chi tất, có cần dùng đến thuốc đâu.

Phương thư 方書 có câu nói rằng: Kiến quái, bất quái, Kỳ quái tự diệt 見怪不怪, 其怪自滅, cũng tương tự như nghĩa hào nầy.

Tượng viết, vô vọng chi dược, bất khả thi dã.

象曰, 无妄之藥, 不可試也.

(Thí: thử nếm, cũng nghĩa là nếm chút đỉnh).

Hễ thuốc là dùng để chửa bệnh vọng, bây giờ vô vọng mà lại dùng thuốc 无妄之藥, thời lại hóa ra vọng. Vậy nên tật vô vọng chớ nên nếm thử thuốc 不可試也.

6.— Thượng-Cửu, vô-vọng hành, hửu sảnh, vô du lỵ.

上九, 无妄行有眚, 无攸利.

Thượng Cửu ở cuối cùng quẻ Vô-Vọng là vô-vọng chi cực 无妄. Tuy vẫn vô-vọng, nhưng đã cùng cực thời cũng chẳng hành động gì được nữa, ư lúc đó chỉ nên an lặng chờ trời, như nghĩa câu Trung-Dung: Cư dị dỉ sỉ mệnh 居易以俟命.

Nghĩa là: cư xử bằng một cách thản dị, để mà chờ mệnh trời: Nếu không biết lẽ ấy, mà toan vọng động vọng hành, tất nhiên có tai sảnh 行有眚, mà cũng chẳng làm gì lỵ 无攸利.

Tượng viết, vô-vọng chi hành, cùng chi tai dã.

象曰, 无妄之行, 窮之災也.

Vô-Vọng đã cực rồi, mà còn muốn tấn hành, tất nhiên bị tai hại vì cùng cực vậy.

PHỤ CHÚ.— Thầy Hồ-văn-Phong có nói rằng: người khéo học Dịch quí nhất là biết chữ thì 善學易者, 貴識時. Hễ mỗi

một quẻ, tức là một thì đại, mà một hào ở trong quẻ, tức là những hạng người ở thì đại ấy.

Xem như quẻ Vô Vọng, tuyền quẻ là thuộc về thì đại vô-vọng. Nhưng mỗi hào tất lại có thì đại riêng của mỗi hào ; hào Sơ với hào Nhị vì sao mà vãng cát, mà lỵ hửu vu vãng ?

Là vì : thì nên động mà động, thời động là vô vọng. Tứ, sở dĩ khả trinh. Ngũ sở dĩ vật dược, là thì nên Tịnh mà Tịnh, thời Tịnh là vô vọng. Đến như Thượng-Cửu thời sao mà hành hửu sảnh, là vì : thì nên Tịnh mà lại động, thời động là vọng. Tổng chi, ở một thì đại chung là vô vọng, mà té ra lành dữ, hay dở khác nhau, thời lại về thì đại riêng của từng người.

Hiểu được lẽ ấy, thời chúng ta ở đời phải có bộ óc xét thì, lại phải có cặp mắt xem thì, **một phương diện thời soi thấu thì đại chung của đời ; một phương-diện thời cân lường thì-đại riêng của mình.** Làm thế nào cho hai phương diện đó, điều hòa thích hợp được, ấy mới là thức thì, mà cũng là biết học Dịch.

oOo

XXVI. QUẺ SƠN-THIÊN ĐẠI-SÚC

山天大畜

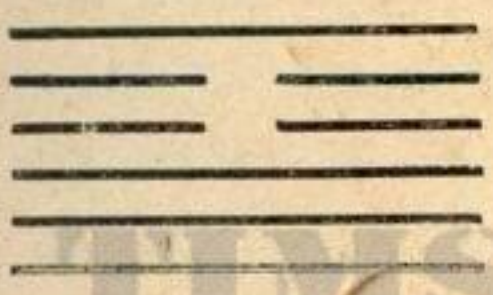

艮 上 外 艮

乾 下 內 乾

Quẻ nầy là quẻ Sơn-Thiên Đại-Súc. Càn hạ cũng là Nội Càn, Cấn thượng cũng là Ngoại Cấn.

Cấn là sơn, Càn là thiên ; Nên tên quẻ đọc bằng Sơn-Thiên Đại-súc.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, hửu vô vọng, nhiên hậu khả súc, cố thu chi dĩ Đại-súc.

序卦, 有无妄, 然後可畜, 故受之以大畜.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Vô-Vọng tiếp lấy quẻ Đại-súc, là vì cớ sao ?

Bởi vì, trong mình trước có Vô-Vọng, vậy sau mới súc tụ được 无妄然後可畜. Vậy nên sau quẻ Vô-Vọng, tiếp lấy quẻ Đại-súc 故受之以大畜. Chữ Súc có ba nghĩa : Súc là nhóm chứa, như ta thường nói súc tích ; súc là nuôi nấng, như ta thường nói súc dưỡng ; Lại một nghĩa súc là ngăn đón. Theo về nghĩa trong Kinh, thời súc là chỉ, còn như nghĩa quẻ, thời súc là súc Tụ (Theo về tượng quẻ, Cấn ở trên, Càn ở dưới,

tượng là trời lọt vào ở trong núi. Thế là sức núi súc chỉ được trời, mà cũng là súc tụ trời vào trong núi, sức súc thiệt là lớn, nên tên quẻ đặt bằng Đại-súc.

SOÁN TỪ

Đại súc, lỵ trinh, bất gia thực, cát, lỵ thiệp đại xuyên.

大畜,利貞不家食,吉,利涉大川.

Ý soán-từ nói rằng : Hễ người muốn ra làm việc đời, tất trước phải có uẩn súc ở trong mình, hoặc chứa trử bằng món đạo đức hoặc chứa trử bằng món học-thức, hoặc chứa trử bằng món tài-trí, gồm đủ cả các món ấy, mới là uẩn-súc được rất lớn. Tuy nhiên, chứa trử vẫn phải nhiều, mà đã nhiều tất phải kén cho tinh, nhóm góp vẫn phải rộng, mà đã rộng lại tất phải có ước ; nếu bất tinh, bất ước, thời những giống sở-súc thành ra hỗn-tạp xẳng xiên, ấy là bất trinh, mà cũng là bất lỵ,nên nói rằng : đại súc lỵ trinh. Nghĩa là : súc vẫn là lớn 大畜, mà cần phải cho được chính 利貞. Hễ **những người súc đã lớn mà lại chính, tất nhiên đạo-đức chất chứa ở bề trong, danh-dự tràn khắp ở bề ngoài, tự nhiên xã-hội phải hoan nghinh, quốc gia phải tín dụng ; vị trời cho mình chung, lộc trời cho mình hưởng, thân mình là thân chung cả thiên hạ, có cần gì phải ăn cơm nhà nữa đâu. Nên nói rằng : bất gia** thực 不家食. Ý nói rằng : sở súc đã lớn thời nên làm việc thiên hạ, không nên ăn của nhà làm việc nhà, thế mới được cát 吉.

Chẳng những lúc thiên hạ vô sự mà thôi, dầu có khi thiên hạ có việc gian hiểm, mình càng nên ỷ sinh tư súc của mình, gánh vác việc đời đở gian hiểm cho thiên hạ, đó lại là lỵ thiệp đại xuyên nữa vậy.

Đem thân mà qua sông lớn 利涉大川, là việc gian hiểm. Có cứu được việc gian hiểm cho thiên hạ, mới là tài đại súc ở trong thiên hạ.

PHỤ-CHÚ.— Nghĩa ở soán-từ, thời chỉ lấy nghĩa súc, là uẩn-súc, cũng là trừ súc.

Đến các hào-từ như sau, thời lại lấy nghĩa súc, là súc chỉ. Dịch đạo tùy thì biến hóa, không bao giờ chấp nhất bằng trên mặt chữ.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Đại-súc, cương kiện, đốc thực, huy quang, nhật tân kỳ đức ; cương thượng nhi thượng hiền, năng chỉ kiện, đại chính dã, bất gia thực cát, dưỡng hiền dã ; lỵ thiệp đại xuyên, ứng hồ thiên dã.

彖曰，大畜，剛健，篤實，輝光，日新其德，剛上，而尚賢，能止健，大正也．不家食，吉，養賢也．利涉大川，應乎天也．

Soán viết, đại súc, cương kiện, đốc thực, huy quang, nhật tân kỳ đức.

彖曰，大畜，剛健，篤實，輝光，日新其德．

Soán từ thích nghĩa chữ Đại-súc, ý nghĩa rất bao-hàm rộng lớn. Theo về đức Càn thời là cương kiện, theo về đức Cấn thời là đốc thực, huy quang. Uẩn-súc những đức ấy, không bao giờ thôi, thời là nhật tân Kỳ đức. Hễ tài sức của một người có tính chất cương kiện như đức Càn 剛健, ở trong chất chứa lấy thành thực 篤實, ở ngoài nảy nở làm văn chương 輝光, mà lại hằng ngày hằng ngày đức mình thường mới hoài hoài 日新其德. Như thế, là uẩn súc rất lớn. Thủ tượng vào

Càn, nên nói rằng : cương kiện ; thủ tượng vào Cấn, nên nói rằng : đốc thực huy quang. Vì đã cương kiện, thời không bao giờ mỏi, vì huy quang mà gốc ở đốc thực thời không bao giờ mờ. Nên nói rằng : nhật tân kỳ đức.

Cương thượng nhi thượng hiền, năng chi kiện, đại chính dã.

剛上，而尚賢，能止健，大正也.

Hào dương cương ở trên hết quẻ, có tượng là : tôn thượng bậc hiền 剛上而尚賢.

Lại theo về thể hai quẻ. Càn là kiện, Cấn là chỉ. Nghĩa là hay chỉ ở nơi Kiện 能止健 như thế duy có đại chính mới hay được 大正也.

Chữ Chỉ đây, nghĩa như chữ Chỉ ở Đại-học 在止於至善.

Bất gia thực, cát, dưởng hiền dã,

不家食，吉，養賢也.

(Chữ Dưởng đây là thủ nghĩa bằng súc dưởng).

Hễ đã là người hiền, thời Quốc-gia xã-hội nuôi cho. Nên nói bất gia thực cát.

Lỵ thiệp đại xuyên, ứng hồ, thiên dã.

利涉大川，應乎天也.

Đây là lấy nghĩa bằng quái thể. Lục-Ngũ ở ngôi tôn, hạ ứng với Nhị giữa quẻ Càn, tượng là ứng với trời. Nên Soán truyện lại nói rằng : sở dĩ hay lỵ thiệp đại xuyên 利涉大川, là vì có tài có đức thuận ứng với trời 應乎天也, thời thiên hạ dầu có gian hiểm đến đâu, cũng cứu-tế được cả.

PHỤ CHÚ.— Chúng ta đọc lời Soán-truyện, nên để ý vào

bốn chữ : Đốc, Thực, huy quang. Người trong thiên hạ, nhiều hạng người thấy có huy quang mà không phải đốc thực, chứ không hạng người nào, đã đốc thực, mà không huy quang.

Huy quang mà không đốc thực, thời chỉ là lòe loẹt ở bề ngoài, trau chuốt những văn minh vỏ. Thế là chẳng phải chân-chính huy-quang, chính như câu Trung-Dung « Tiểu nhân chi đạo, đích nhiên nhi nhật vong 小人之道, 的然而日亡.

Nghĩa là : đạo của tiểu nhân, tuy rực rở vậy, mà ngày càng lần lần mất. Đó là tệ-bệnh vì huy-quang mà không đốc thực, huy quang mà không đốc thực, thời là huy quang giả. Đến như đốc thực mà nảy ra huy quang, thời đạo-đức chứa ở trong, mà văn thái hiện ở ngoài, chính như câu ở sách Trung-dung : Thành tắc hình, hình tắc trứ, tức tắc minh 誠則形, 形則著, 著則明 Nghĩa là chí thành ở trong, thời hình hiện ra ngoài, đã hình hiện thời rõ rệt, rõ rệt thời sáng láng.

Vậy nên, muốn thấy cho được chân chính huy-quang, thời trước phải căn cứ ở nơi đốc thực.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên tại sơn trung, đại súc. quân tử dĩ đa thức tiền ngôn vãng hành, dĩ súc kỳ đức.

象曰, 天在山中, 大畜, 君子以多識前言往行, 以畜其德.

Cấn trên, Càn dưới, tượng là trời lọt vào giữa núi 天在山中. Quân tử xem tượng ấy, thời lo cho uẩn súc trong mình được thiệt lớn. Muốn uẩn súc cho được thiệt lớn, cần thứ nhất, trước phải súc dưỡng đức mình cho thiệt lớn 大畜. Nhưng mà công phu súc đức, trước hết phải góp hết cả tri với hành,

(Tri, nghĩa là phải biết cho đến nơi; hành, nghĩa là phải làm cho đến nơi).

Trước có tri, mà sau mới hay hành, nên quân tử cần phải dụng công phu bằng học vấn, tìm tòi nghiên cứu những lời xưa nết cũ của thánh hiền, mà biết cho nhiều 君子, 以多識前言往行, khiến cho chân tri mình được đầy đủ, tri đến bao nhiêu, thời hành đến bấy nhiêu, sẽ để nuôi chứa lấy đức mình 以畜其德, Đó là căn bản làm nên đại-súc.

PHỤ CHÚ.— Trên Soán-truyện kiêm nói cả thể dụng của đại-súc. Tượng truyện thời chuyên nói về công phu làm nên Đại-súc, nhưng sợ phần tri chẳng đầy đủ, thời phần hành chẳng được vững bền. Nên phải chú trọng bằng học-vấn. Đó lại là ý nghĩa đặc biệt của tượng truyện đó vậy.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TRƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, hửu lệ, lỵ dĩ.

初九, 有厲, 利已.

Nguyên tuyền quẻ nầy, ba dương nội Càn bị Ngoại-Cấn chỉ súc lại, nên ba hào Nội-quái, thảy thủ nghĩa bằng súc chỉ.

Sơ Cửu đã dương cương lại kiện thể, nhưng vì ở dưới tất muốn thượng tấn, mà bị ở trên có Lục-Tứ ngăn đón Sơ. Thế lực Sơ vẫn không địch lại Tứ. Nếu không biết chỉ, mà cố tiến liều, tất làm nguy cho Sơ 有厲. Nên tính một cách an tuyền cho Sơ, thời chỉ nên thôi mà đừng tiến 利已.

PHỤ CHÚ.— Theo như quẻ khác, thời Tứ với Sơ là chính ứng, đáng viện trợ cho nhau, nhưng ở quẻ Đại-súc thời trái thế. Hễ ứng vớt nhau, thời là chỉ súc nhau, mà lại hào ở trên

chỉ súc được hào ở dưới. Duy hào Thượng với hào Tam thảy là dương hào, nên mới lấy nghĩa bằng bạn đồng chí, mà không lấy nghĩa bằng súc chỉ nhau.

Chữ Chỉ đây, nghĩa là ngăn cản không cho lên, bị động mà chỉ, không phải tự động mà chỉ.

Tượng viết, hửu lệ, lỵ dỉ, bất phạm tai dã.

象曰, 有厲, 利已, 不犯災也.

Tiến thời có nguy, nguy là tai đó. Nếu biết đình chỉ mà không tiến, thời không phạm đến tai. Nên nói rằng : hữu lệ, lỵ dỉ.

Phạm, nghĩa là xông vào ; không phạm vào đám tai, nghĩa là : tri thối nhi thối.

9.— Cửu Nhị, dư thoát phúc.

九二, 輿說輹.

Dự, nghĩa là : cỗ xe ; phúc, là cốt bánh xe.

Cửu-Nhị dương cương đắc trung, vẫn có tài tiến được, nhưng ở thì đại súc, bị Ngũ ở trên có thế lực súc-chỉ được Nhị. Nhị xử vào hoàn-cảnh nầy, cũng in như hào Sơ, nhưng vì Nhị là đắc trung, nên tự mình biết nên chỉ mà chỉ, tượng như mình có xe toan ra đi, nhưng tự đạc thế lực mình chưa đi được, thoát quách cốt bánh xe mà không cần đi nữa 輿說輹. Cửu-Nhị tự xử như thế, rất hợp với thì nghĩa thì Đại-súc, chính như sách Lão-Tử có câu rằng : tri chỉ bất đải 知止不殆. Nghĩa là : biết đường lối chỉ, thời khỏi mắc lấy nguy. (Đại nghĩa là nguy).

Tượng viết, dư thoát phúc, trung vô cựu dã.

象曰, 輿說輹中, 无尤也.

Cửu Nhị vẫn có tài dương cương tiến được, vì khuất ở thì

thế, mà đành chịu dư thoát phúc. Đó là Nhị có đức trung, nên biết tùy thì mà chỉ, không điều gì lầm lỗi.

(Vưu, nghĩa là tội lỗi).

PHỤ CHÚ.— Thông lệ Kinh Dịch, dương thời cường, âm nhược. Nhưng quẻ Đại súc nầy, hào Sơ, hào Nhị thuộc về thể Càn trở lại chịu lút với hào Ngũ, hào Tứ, té ra dương cương, mà bị âm nhu chỉ súc. Sơ thối mà không tiến, Nhị dừng mà không đi. Thế mới biết : thịnh suy trái nhau vì thì, cường nhược khác nhau vì thế, chứ không phải dương nhất định là cường, âm nhất định là nhược.

Trung trí như Địch-nhân-Kiệt 狄人傑, mà phải làm tôi với Vũ Hậu 武后. Tài năng như Viên-thế-khải 袁世凱 mà trót đời phải làm tôi với Na-lạp Thái hậu 那拉太后.

Nhưng kiết cuộc đánh đổ Vũ-thị rặt là đồ đảng Địch. Đánh đổ Mãn-Thanh hơn nữa là tay chân họ Viên. Mới biết rằng : thì chưa nên tiến mà tiến, dầu anh hùng đến thế nào, cũng khó chống thì được. Đó chính là thì nghĩa đại-súc, mà cũng là lệ biến hóa ở trong Dịch học.

3.— Cửu-Tam, lương mã trục, lợi gian trinh, nhật nhàn dư vệ, lợi hửu du vãng.

九三, 良馬逐, 利艱貞, 日閑輿衛, 利有攸往.

Theo lệ quẻ Đại-súc, hào trên súc chỉ được hào dưới. Duy Cửu-Tam với Thượng Cửu thời trái hẳn thế. Cửu-Tam với Thượng Cửu là dương cương đồng đức với nhau.

Tam ở vào kiện chi cực, Thượng ở vào súc chi cực. Cực thời phải thông, nên hai hào đồng chí với nhau, dắc nhau mà

tiến, tinh thần hăng hái, chi khí đua lên, tượng như một cặp ngựa hay, chạy đua, vừa lanh vừa rập 良馬逐. Nhưng vì hai dương đồng tiến, sợ có khi ỷ tài nhuệ tiến, mà quên sự phòng bị, thời chưa chắc tấn đã vạn tuyền. Nên Thánh nhân lại răn cho rằng : Lợi gian trinh 利艱貞. Nghĩa là : nên biết việc đời khó khăn, đường đời trắc trở, phải tìm một lối đường cho trung chính, và lại ngày ngày dự bị, luyện tập những các đồ đi đường, với các thức phòng vệ 日閑輿衛. (Dư : đồ đi đường. Vệ : đồ để hộ thân).

Khi tiến hành mà đã đủ tài liệu với kế hoạch như thế, thời đi đâu chắc cũng lợi tiện 利有攸往.

PHỤ CHÚ.— Quẻ Đại súc nầy là thuộc về thì đại âm súc dương, duy hào Tam với hào Thượng là dương hào cả đôi. Nên không súc nhau, mà lại đồng loại tương trợ. Đó tuy trái với thì đại chung quẻ Đại-súc, mà lại đúng với thì đại riêng ở trong quẻ Đại-súc. Nên hào-từ hai hào thảy được lợi hanh.

Tượng viết, lợi hữu du vãng, thượng hợp chi dã.

象曰，利有攸往，上合志也.

Cửu-Tam sở dĩ lợi hữu du vãng là vì ở trên có Thượng-Cửu hợp chí với mình, tuy thế-lộ gian nan mặt dầu, nhưng có người chí đồng đạo hợp, dắc nhau mà lên, tất cũng được thản thuận.

4.— Lục Tứ, đồng ngưu chi cốc, nguyên cát.

六四，童牛之牿，元吉.

Theo như vị các hào ở quẻ Đại súc, thì Tứ nầy vẫn súc chỉ được Sơ. Nhưng bản thân Tứ là âm nhu, mà súc chỉ hào dương cương, không phải việc dung dị. Song may thay ! Sơ

ở về đầu hết quẻ, vả lại, đương tính hãy còn ấu trỉ, đương lúc còn ấu trỉ, mà Lục-Tứ đã tìm phương súc chỉ ngay, thời sức đề-phòng hạn-chế, không đến nỗi tốn công, tượng như con trâu mới mớm sừng, mà đã gác gông vào 童牛之牿. (Đồng nguru, là trâu vừa mọc sừng ; Cốc, cái gông chẳng lấy sừng.)

Như thế thời tốt lành hung 元吉.

PHỤ CHÚ.— Hào từ nầy tuy chuyên nói Tứ với Sơ, nhưng lấy ý thánh-nhân mà suy ra, thời hệ làm vua dạy dân, làm thầy dạy trò, làm cha dạy con, làm chồng dạy vợ, cho đến làm bạn muốn trung cáo với nhau, thảy nên học ý nghĩa hào nầy.

Muốn ngăn cấm điều ác, muốn bế tắc điều tà, tất phải gấp lo ở lúc mới manh nha, mà cẩn thận một cách phòng vi đậu tiệm 防微杜漸. Tà ác chưa kịp bùng, mà giáo hóa còn dễ tiệm ma tẩm nhuận 漸磨浸潤 từ đầu sắp đi, thời ác nhân cũng có thể hóa làm thiện nhân. Nếu chờ khi tà ác đã phát hiện, măng đã thành tre, mà lúc đó mới lo cấm chỉ, thời tuy có thánh-nhân dạy nó, cũng khó khiến cho nó cách tâm biến chất được. Câu đồng nguru chi cốc, chính là nghĩa ấy. Tục ngữ có câu : dạy con dạy thuở đương thơ, dạy vợ dạy thuở mới đưa vợ về, ý nghĩa tuy chưa hoàn toàn, cũng là ý trâu non mang gông vào sừng vậy.

Tượng viết, Lục Tứ, nguyên cát, hửu hỷ dã.

象曰，六四，元吉，有喜也.

Lẽ trong thiên hạ, ác đã thịnh rồi, mới tìm phương cấm chỉ, thời công lao quá nhọc, mà hiệu quả chẳng bao làm. Duy cấm chỉ ở lúc mới manh nha, thời người dạy không phải quá lao, mà người bị hóa cũng có thể sự bán nhi công bội. Lục Tứ súc Sơ cũng được như thế. Nèn nói rằng : Nguyên cát hửu hỷ.

PHỤ CHÚ.— Đồng ngưu chi cốc, chỉ nói bằng cách thí dụ, ngưu còn đồng, thời sừng chưa mọc ra, cốc để vào đâu?

Nếu bảo là sự thực thời ra vô lý, nhưng ý thánh- nhân cốt bảo cho ta cấm điều ác ư khi chưa phát lộ, tượng như trâu chưa có sừng, mà dự bị cốc cho sẵn. Sách Học-ký có câu : Cấm ư vị phát chi vị dự 禁於未發之謂豫, chính là nghĩa hào nầy. Học giả chớ nên câu nệ ở mặt chữ.

5.— Lục Ngũ, phần thỉ chi nha, cát.

六五,豶豕之牙, .

Hào-từ nầy theo giữa mặt chữ thời chỉ thiển, mà theo ý nghĩa thời chỉ thâm.

Thỉ : heo ; phần thỉ : heo thiến ; nha : nanh. Thỉ, thí dụ, bằng người cương táo ; Nha, thí dụ bằng sức làm ác ; Phần, thí dụ bằng cơ cảnh của người trì ác. Hễ người ác trong thiên hạ, nó vẫn có sức cương cường, tượng như heo có sức nanh sắc ; tiểu nhân vì có sức cương cường, mới nảy ra thủ đoạn làm ác. Nếu ta chỉ theo thủ-đoạn nó mà trừng trị, nhưng sức cương cường nó vẫn y nhiên, thời nó hết thủ-đoạn nầy, nó lại nảy ra thủ đoạn khác, biết bao giờ trì cho nó xong. Tượng như heo hay cắn người, là nhờ sức nanh sắc. Nếu ta phòng bị nó, mà bẻ nanh nó được rồi, nhưng tính cương táo của nó vẫn y nhiên, còn khiến cho nó trầm phục. Thánh nhân vì thế nên dùng cách cấm chỉ ác nhân ở trong thiên hạ không cần trì ở nơi thủ-đoạn của nó, mà cốt trì ở nơi nguyên động-lực của nó, lựa cho được cơ-hội, nắm cho được mấu chốt, khiến cho nó mất sức cương-cường, thời dầu nó có thủ đoạn nữa, mà cũng vô sở Thi. Tượng như trì heo không cần trì ở nơi nanh, mà cốt trì ở nơi thế của nó. Nó sở dĩ cương táo là vì nó có cái thế,

đã cắt được cái thế của nó rồi, thời dầu còn nanh cũng không hay cắn nữa. (Thế 勢 : cái dái của giống vật)

Trừ người ác mà dùng bằng một cách lén cơ hội, ngự heo mạnh mà dùng bằng một cách thiến dái, thực sự tuy khác nhau xa, mà diệu dụng vẫn in như nhau, chỉ là có cơ-quyền, có thì hội, tìm cho được cội gốc, mà cắt cho hết rễ, thời công phu khỏe, mà hiệu quả lớn. Nên hào-từ nói rằng : Phần thỉ chi nha.

Lục Ngũ súc chỉ được Cửu Nhị cũng như thế.

Tượng viết, Lục Ngũ chi cát, hửu khánh dã.

象曰，六五之吉，有慶也.

Tòng lai, những việc trì ác, thường chỉ dùng uy hình, lấy cách chết dọa dân, mà dân không sợ chết, ông Lão-Tử có câu : Dân bất úy tử, nại hà dỉ tử cụ chi. Nghĩa là : dân vẫn không sợ chết, mà hay gì cứ đem cách chết dọa dân (民不畏死，奈何以死懼之).

Trì ác mà chỉ như thế, thời càng trì càng vô công. Duy như Lục Ngũ biết rình cơ hội mà trì cho đến căn bản, thời người trên không mệt, người dưới không đau, mà tự nhiên phong di tục cách, chính là hạnh phúc cho thiên hạ vậy.

6.— Thượng Cửu, hà thiên chi cù hanh.

上九，何天之衢亨.

Hào nầy cũng lấy nghĩa bằng tuyền quẻ, thì đại thuộc về Đại-súc, súc từ hào Sơ súc lên, súc đến Thượng Cửu là súc chi cực, súc đã cực rồi, tức nhiên phải tán, tán cho đến cực kỳ rộng, thời rất hanh thông, nên hào-từ nói rằng hà thiên chi cù hanh 何天之衢亨.

(Cù : đường ; thiên cù : đường trời). Ở giữa chốn hư không

bát ngát, mây bay chim liệng, cực kỳ tự do, nên nói rằng: thiên cù hanh.

Chữ Hà, là lời than tán, cũng là lời mầng, ý như nói rằng: chà chà ! sao mà đường trời thông thái đến thế ru !

Hào nầy là đạo súc chi biến. Súc nguyên nghĩa là chỉ, chỉ chi cực tất nhiên lưu thông ; lưu thông đến vô cùng, tất nhiên thiên cù hanh.

Tượng viết, hà thiên chi cù, đạo đại hành dã.

象曰何天之衢道大行也.

Sao lại nói bằng thiên chi cù, là mặt trước không ai đón ngăn, mặt sau không ai xô đẩy, tứ bề thông suốt, đường lối đi rất rộng lớn đó vậy.

PHỤ CHÚ.— Tuyền sáu hào quẻ Đại-súc, chiếu ứng với nhau, là một lệ đặc biệt ở trong Kinh-Dịch. Ba hào Cấn Thượng là người có thế lực, mà súc chỉ được người ; ba hào Càn hạ là người thế lực non, mà bị người súc chỉ.

Hào Sơ bị hào Tứ súc, nên Sơ nói lỵ dỉ, mà Tứ nói đồng ngưu chi cốc ; hào Nhị bị hào Ngũ súc, nên hào Nhị nói dư thoát phúc ; mà hào Ngũ nói phần thỉ chi nha.

Lỵ dỉ, thoát phúc, là bị súc mà chịu thối bộ. Cốc ngưu phần thỉ, là súc người mà được thành công. Bốn hào ấy là ở trong thì Đại còn súc.

Duy đến hào Tam với hào Thượng thời hợp-chí đồng-tiến đã đành, mà lại gặp thì vừa nhịp, súc cực tất thông, nên « lương mà trục » ở hào Tam ; « thiên cù hanh » ở hào Thượng, cặp đôi lương mã, mà dong ruổi ở đường trời.

Súc đạo đến đây, thời bao nhiêu những khí uất tích ở

ngày xưa, đến bây giờ tứ thông bát đạt hết cả. Nên tượng truyện kiết thúc lấy một câu : Đạo đại hành dã 道大行也, ngó lại câu : lỵ thiệp đại xuyên 利涉大川 ở trên Soán-từ thời biết rằng : vượt qua sông lớn tất bước lên đường trời dó vậy, ý nghĩa thủ vị chiếu ứng nhau như thế.

oOo

TIMSACH.COM.VN

XXIII. QUẺ SƠN-LÔI-DI

Quẻ này là quẻ Sơn-Lôi-Di.

山 雷 頤

Chấn hạ cũng là Nội-Chấn, Cấn thượng cũng là Ngoại-Cấn. Cấn vi sơn, Chấn vi lôi. Nên tên quẻ đọc bằng Sơn-Lôi-Di.

THMSACH.COM.VN

艮 震
上 下
外 內
艮 震

TỰ QUÁI

Tự quái, vật súc nhiên hậu khả dưỡng, cố thụ chi dĩ Di, Di giả dưỡng dã.

序卦, 物畜然後可養, 故受之以頤, 頤者養也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Đại-súc tiếp lấy quẻ Di, là vì cớ sao ?

Súc, nghĩa là súc tụ, hễ vật đã súc tụ, thời tất phải tính đến cách di.

(Di : nuôi ; Súc-tụ : chứa nhóm), vả lại trước có chứa nhóm rồi. Vậy sau mới nuôi được 物畜然後可養. Vậy nên sau quẻ Đại-súc tiếp lấy quẻ Di 故受之以頤.

Chữ Di có hai nghĩa : một nghĩa thuộc về động-từ, thời di là nuôi, cũng nghĩa như chữ dưởng ; dưởng tâm, dưởng đức, dưởng sinh, dưởng nhân 養心, 養德, 養生, 養人, tất thảy thuộc về nghĩa ấy. Lại một nghĩa thuộc về danh từ, thời di là tuyền bộ cằm miệng : Theo về tượng quẻ, dưới Chấn, trên Cấn một nét dương đở được hết, một nét dương trùm trên hết, chính giữa ngậm bốn hào âm, ngoài đặc mà chính giữa trống không ; trên chỉ, dưới động, in như bộ miệng mép của người, thủ tượng bằng miệng người mà đặt tên quẻ bằng Di. Vì miệng người dùng để ăn uống mà nuôi người cho sống. Nên lại có nghĩa Di là nuôi.

SOÁN TỪ

Di, trinh cát, quan di, tự cầu khẩu thực.

頤, 貞 吉. 觀 頤, 自 求 口 實.

Chữ Di ở đây, chỉ có nghĩa Di là nuôi, tất thảy loài người không một hạng người nào mà không cần sự nuôi ; nói riêng từ mỗi hạng người thời nuôi có hai phương diện khác nhau. Một phương diện là nuôi về phần hồn ; một phương diện là nuôi về phần xác.

Nuôi đạo đức, nuôi tinh thần, nuôi tâm-thuật, nuôi trí-thức, nuôi chí-khí, v.v. Tổng chi là nuôi về phần linh-hồn.

Nuôi thân thể, nuôi vật chất, nuôi khẩu phúc, nuôi hình thức, tổng chi là nuôi về phần xác thịt. Nói chung cả thảy loài người : thời một hạng người, là nuôi được người, một hạng người thời người nuôi mình.

Nhưng vô luận hạng người nào, tổng chi thảy phải có hai phần nuôi như trên nói.

Tỷ như : nhà Tôn-giáo, nhà học-vấn, nhà mỹ-thuật, vẫn chú trọng về nuôi linh-hồn, mà **cũng không bỏ được nuôi xác thịt. Nhà lao-động, nhà nông công, vẫn chú về nuôi xác-thịt,** mà cũng phải nuôi cả linh-hồn. Công dụng của chữ Di là rộng lớn đến thế.

Tuy nhiên, cũng là nuôi cả, nhưng mà trong phương pháp nuôi, với qui-mô nuôi, có đường lối chính, với đường lối bất chính.

Giả như : nuôi linh-hồn, mà theo bằng lối mê-tín huyền hoặc, ấy là bất chính ; nuôi xác thịt mà theo bằng cách nô-lệ tỵ tiện, hủy hoại lương tâm, ấy là bất chính.

Vậy nên, Thánh-nhân dạy cho rằng : Di trinh, cát 頤 貞 吉. Nghĩa là công việc **nuôi, vô luận thuộc về phần nào, cũng tất phải được chính mới lành. Hễ cách nuôi được chính, thời chắc là người có nhân cách.**

Hễ nuôi không được chính, tất là người không nhân cách, chẳng những mình tự nuôi mình mà thôi, dầu đến nuôi người cũng phải cho chính ; nuôi mình mà không chính, là sụp mình vào hầm tiểu-nhân ; nuôi người mà không chính, là dắc người vào vòng tiểu-**nhân. Nên Thánh-nhân lại bảo rằng : chỉ xem ở cách nuôi người, với cách tự cầu nuôi** mình 觀 頤, 自 求 口 實 thời thiện, ác, cát, hung, có thể đoán trước được.

Quan di, nghĩa là xem ở cách nuôi người. Tự cầu khẩu thực, nghĩa là : xem ở cách tự nuôi mình ; Khẩu thực, nghĩa là miệng ăn mình cho đầy đủ ; một chữ quan bao bọc cả năm chữ dưới.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Di, trinh cát, dưởng chính tắc cát dã ; quan Di, quan kỳ sở dưởng dã ; tự cầu khẩu thực, quan kỳ tự dưởng dã ; thiên địa dưởng vạn vật, thánh nhân dưởng hiền di cập vạn dân, Di chi thì, đại hỷ tai.

彖曰，頤，貞，吉，養正則吉也．觀頤，觀其所養也．自求口實，觀其自養也．天地養萬物，聖人養賢，以及萬民．頤之時大矣哉．

Soán viết, Di, trinh, cát, dưởng chính, tắc cát dã ; quan Di quan kỳ sở dưởng dã, tự cầu khẩu thực, quan kỳ tụ dưởng dã.

彖曰，頤，貞，吉．養正則吉也．觀頤，觀其所養也．自求口實，觀其自養也．

Lời Soán nói rằng : Di, trinh, cát, là nói chung cả thảy cách nuôi. Nếu nuôi hợp với chính đạo thời được lành 養正則吉也. Quan Di, là xem những phương pháp thuộc về cách nuôi người vậy 觀頤，觀其所養也, tự cầu khẩu thực, là xem những cách tự nuôi mình vậy 自求口實，觀其自養也. Sở dưởng, là phương pháp nuôi người ; tự dưởng là nuôi mình, tất thảy có được chính, mới cát.

PHỤ CHÚ.— Đọc Soán truyện nầy, nên tham khảo với chữ dưởng ở sách Mạnh-tử. Thầy Mạnh có nói rằng : « Ngã thiện dưởng ngô hạo nhiên chi khí 我善養吾浩然之氣 Nghĩa là : ta khéo nuôi lấy chí rất lớn rất cứng của ta.

Lại có câu nói rằng: dưởng kỳ đại thể vi đại nhân, dưởng kỳ tiểu thể vi tiểu-nhân 養其大體爲大人，養其小體爲小人. Nghĩa là : nuôi lấy phần thể lớn của mình là đạo nghĩa, thời làm đại nhân, nuôi lấy phần thể nhỏ

của mình là khẩu-phúc, thời làm tiểu-nhân. **Lấy những lời thầy Mạnh, mà thích vào nghĩa chữ quan di, thời biết rằng : sở dưởng mà hợp với đạo Đại-nhân, thời khẩu phúc là phần nhẹ, đạo nghĩa là phần nặng ; sở dưởng mà chỉ theo cách tiểu nhân, thời khẩu phúc quá chừng trọng, mà đạo-nghĩa quá chừng khinh. Sở dưởng khác nhau chỉ ngần ấy, mà kiết quả xa nhau đến như một vực một trời.**

Vậy nên, quan kỳ sở dưởng, quan kỳ tự dưởng, chính là dạy khuôn mẫu quan nhân cho chúng ta đó vậy.

Thiên địa dưởng vạn vật, thánh nhân dưởng hiền, dĩ cập vạn dân, di chi thì, đại hỷ tai.

天地養萬物，聖人養賢，以及萬民. 頤之時大矣哉.

Trên ấy đã thích xong quái từ, nay lại nói rộng đạo Di, mà tán cho đến cực lớn.

Đạo Di chẳng những mình với người tương đối mà thôi, lớn đến như trời đất, trời có đức Nguyên mà sinh nở được vạn vật ; đất có đức dày mà dung chở được vạn vật, vạn vật tất thảy nhờ trời đất nuôi, mà phát dục được vô cùng 天地養萬物. Đó là Di Trinh của thiên địa.

Thánh nhân cũng vậy, vì tấm lòng dân đai ngô bào, nên thường lo nuôi khắp cả vạn dân, nhưng thánh-nhân có lẽ đâu từ người mà nuôi được cả ru ? Nên phải kén chọn những người tài đức hơn trong một đời, chung ngôi trời với người hiền, lấy lộc trời nuôi người hiền, mà những người hiền đó, gánh thay những trách nhiệm giáo dưởng vạn dân cho thánh nhân 聖人養賢，以及萬民. Vậy sau đức trạch nhân ân của thánh nhân tuyên bố đẫm thắm khắp thiên hạ, như thế thời vạn dân thảy nhờ ơn thánh nhân nuôi. Đó là Di trinh của

thánh nhân Đạo Di rộng lớn đến như thế, dầu thiên địa với thánh nhân, cũng chỉ là công dụng của đạo Di. Thế thời thì ở quẻ Di chẳng lớn lắm hay sao ? 頤之時大矣哉.

PHỤ CHÚ.— Xem tán từ quẻ Di thời biết đạo lý Dịch, lời lẽ rất giản tắt, ý nghĩa rất bao la, chỉ một chữ Di là nuôi, mà thiên địa thánh nhân cũng bao bọc vào trong chữ ấy. Nếu không phải dưỡng vạn-vật, thời có gì là thiên địa. Nếu không phải dưỡng hiền dỉ cập vạn dân, thời có gì là thánh nhân ; mở rộng ra đành như thế, mà thắt nhỏ lại cũng chỉ như thế.

Người ở đời vì có xác thịt mà cần phải sống, đã cần phải sống, tất cần có nuôi, nhưng nuôi tất phải cho chính. Nếu làm đạo tặc để mà nuôi, làm gian ác để mà nuôi, làm trâu ngựa cho người để mà nuôi, té ra chỉ vì một sự nuôi, mà hủy hoại hết lương tâm của trời đất phú cho mình. Ấy là Di bất trinh, thời chắc phải hung ; chúng ta đọc ba chữ **Di bất trinh**, mà xét cho đến phản diện thời rõ thâm ý của Thánh-nhân lắm.

Tượng viết, sơn hạ hửu lôi, Di ; quân-tử dỉ thuận ngôn ngữ, tiết ẩm thực.

象曰，山下有雷，頤．君子以慎言語，節飲食．

Tượng truyện đây, không lấy nghĩa bằng hình quẻ, mà chỉ lấy bằng tượng quẻ. (Cấn sơn, chấn lội), ở dưới núi có tiếng sấm chấn động 山下有雷, thời giống sinh vật ở trong núi, nhờ được dương khí mà nứt mấm mọc chồi. Đó là tượng quẻ Di 頤. (Di có nghĩa là nuôi, lại có nghĩa là mép miệng).

Quân-tử xem tượng quẻ Di, mà nghĩ ra được cách nuôi thân, nuôi thân cần nhất là hai việc : **Một là dưỡng đức, hai là dưỡng thể. Vì muốn dưỡng đức, thời cần phải cẩn thận ở nơi nói phô** 慎言語. **Vì muốn dưỡng thể, thời phải dè dặt ở nơi ăn uống**

節 飲食, **ngôn ngữ, thời làm sao cho được chính đáng, ẩm thực thời làm sao cho vừa thích nghi. Đó là đạo Di của quân-tử.**

PHỤ CHÚ.— Thận ngôn ngữ, tiết ẩm thực, là việc cần thiết nhất ở trong đạo dưỡng thân. Tục ngữ Tàu có câu : Họa tòng khẩu xuất, bệnh tòng khẩu nhập 禍從口出, 病從口入. Nghĩa là : tai vạ theo từ trong miệng phun ra, tật bệnh theo ở ngoài miệng nuốt vào.

Là vì, ngôn ngữ bất thuận, thời tai họa dễ sinh, ẩm thực bất tiết, thời tật bệnh dễ sinh.

Nhưng mà : chữ tiết, chữ thận, ý nghĩa rất sâu xa, bảo rằng thận, há phải là câm miệng không nói **đâu ! Nói mà phù thế đạo, chính nhân tâm, thời mới nói, nói mà như bài Sơ xin chém bảy người** tôi nịnh của thầy Chu-văn-Trinh (朱文貞) (七斬疏). Đó là thận rất mực.

Bảo rằng tiết, há phải bảo người ta kén ăn lựa uống đâu. Vì ăn mà hoại danh tiết, hoạ nước nhà, thời không thèm ăn. Như ông Di, Tề không ăn lúa của nhà Chu, ông Châu-Cày không ăn cộ của Tây-sơn. Đó là tiết rất mực.

Cậu Chiêu-Cày 陳芳曷 là con cháu Duy-thần đời Lê, gặp lúc Tây sơn cướp Lê, cậu khỉ binh đánh Tây-sơn, sau Tây sơn đánh bắt sống được Cậu, đem thịnh soạn đải Cậu toan dỗ Cậu, Cậu đập đổ đồ ăn của Tây-sơn. Tây-sơn bắt Cậu bỏ ngục, Cậu tuyệt thực đến bảy ngày mà không chết, sau người nhà Cậu đưa khoai vào cho Cậu Cậu, mới ăn Cậu ở trong ngục có câu thơ rằng : thượng hỷ hửu thân trinh khổ tiết, bất sầu vô mễ chữ cam chư 尚喜有身貞苦節, 不愁無米煮甘藷. Nghĩa là : May hảy có thân dành tiết đắng, sợ gì không gạo sẵn khoai nhà.

Sau khi Tây-sơn bắt cậu ra chém, lâm hình, cậu có thơ tuyệt mạng rằng : Báo quốc vô trường sách, tùy thân hửu đoản đao, cử đầu Hồng lĩnh thượng, cửu thập cửu phong cao.

Nghĩa là: Roi dài đau nước hụt, dao vắn quyết thân liều, ngấc đầu trên núi Hồng, chín chục chín hòn cao. (報國無長策, 隨身短有刀, 舉頭鴻嶺上, 九十九峯高).

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, xả nhi linh qui, quan ngã đóa di hung.

初九, 舍爾靈龜, 觀我朶頤凶.

Xả : bỏ ; Linh qui : con rùa thiêng ; Đóa : dủ thọng ; Di : cằm mép ; Đóa di : dủ thọng cằm mép. Linh qui : giống chỉ nuốt hơi mà không ăn, ví dụ bằng linh trí của người minh. Đóa di : tượng người thấy đồ ăn mà thèm, nên dủ thọng cằm mép xuống.

Sơ Cửu thể dương tài cương, vẫn có bộ óc khôn sáng, đáng lẽ lấy mình nuôi được mình, mà không cần trông ai nuôi mình, chẳng dè Sơ lại trái thế. Vì ở trên có Lục Tứ âm nhu mà có thế lực. Sơ thượng ứng với Tứ, vì tư tình bắt buộc, lấy mình là dương mà hăm hở theo âm, ấy là nhân dục thắng, đến nỗi thiên lý vong, thành ra một cách cầu dưỡng không chính đáng, nên Thánh-nhân quá ghét Sơ, mà giả thiết ra lời Lục Tứ nhiếc Sơ. Nói rằng : xả nhỉ linh qui, quan ngã đóa di. Nhỉ : chỉ bản thân Sơ. Ngã : chỉ hào Tứ. Ý như Tứ nhiếc Sơ rằng : Sơ ơi, mầy bỏ óc khôn linh qui của mầy 舍爾靈龜, cứ dòm vào ta mà thọng cằm xuống 觀我朶頤, thiệt là quá xấu 凶. Nghĩa hào từ nầy, chỉ thích mặt chữ thời như thế, nhưng lấy nghĩa mà nói tắt lại, thời là tức giận cho Sơ mà trách rằng : Bỏ linh hồn-khôn của

mầy, mà chỉ chăm chỉ ở phần nuôi xác thịt, có gì là tốt dâu. Hễ nghiên cứu hào từ Kinh-Dịch, thảy nên ý hội như thế, mới là biết học Dịch.

Tượng viết, quan ngã đóa di, diệc bất túc quí dã.

象曰, 觀我朶頤, 亦不足貴也.

Sơ Cửu dương cương, dương vẫn đáng quí, nhưng mê hoặc vì tư dục, mà đến nỗi quan ngã đóa di 觀我朶頤, dầu có tài dương cương, cũng không gì đáng quí 亦不足貴也.

PHỤ CHÚ.— Thầy Mạnh có câu : ẩm thực chi nhân, tắc nhân tiện chi hỷ 飲食之人, 則人賤之矣. Nghĩa là : người mà chỉ chăm chỉ bằng ăn uống, thời người ta khinh tiện mình vậy.

Tục ngữ cũng có câu . miếng ăn là miếng nhục, cũng là nghĩa hung ở hào nầy.

2.— Lục-Nhị, điên di, phật kinh, vu khưu di, chinh hung.

六二, 顛頤, 拂經, 于丘頤, 征凶.

Lục-Nhị bản thân âm nhu, không tài độc lập mà tự dưỡng lấy mình, nên phải cầu dưỡng với hai hào dương. (Trong quẻ chỉ có hai hào dương là Sơ với Thượng). Nhị đã âm nhu phải cầu dưỡng với Sơ dương cương.

Nhưng khổ vì Sơ là hào ở dưới mình. Nhị ở trên Sơ, mà trở lại xuống cầu dưỡng với Sơ, thời té ra trái mất lý thường trong thiên hạ.

Bởi vì, lẽ thường chỉ có kẻ trên, nuôi kẻ dưới, không bao giờ bắt kẻ dưới nuôi kẻ trên, nên nói rằng : điên di phật Kinh.

(Điên : đảo lộn ; Phật : trái ; Kinh : lẽ thường ; Vu : Nghĩa đi lên).

Nhị ở trên, mà lại đảo lộn xuống cầu dưởng với Sơ, tức là trái mất lẽ thường.

Đến như hào dương cương ở trên cao là Thượng Cửu. Nhị đã không lẽ cầu dưởng với Sơ, thời tất phải cầu dưởng với Thượng.

Nhưng Thượng có phải chính ứng của Nhị đâu, người đã không phải đồng đức đồng chí với mình, mà qua cầu người dưởng, tất nhiên bị người khinh nhục, kiết quả là xấu mà thôi.

Nên lại nói rằng : vu khưu di, chinh hung 于丘頤，征凶.

Khưu : cồn cao mà ở ngoài xa, tỷ dụ bằng Thượng Cửu, ý nói rằng : cầu dưởng ở Thượng Cửu trên cao, thời tiến lên mà mắc lấy xấu.

TIMSACH.COM.VN

Thích tóm lại, tuyền cả chín chữ có hai câu : nghĩa là cầu dưởng với Sơ thời điên đảo mà trái lẽ thường, cầu dưởng với Thượng thời bước lên mà mắc lấy xấu đó vậy.

PHỤ CHÚ.— Chúng ta đọc hào-từ nầy, thời biết rằng : **nhân cách rất quí hóa là có tài năng tự dưởng, tức là cá nhân độc lập. Nếu mình không sức tự dưởng, mà phải đi cầu dưởng ở người, thời cầu với kẻ dưới mình, đã không gì làm quí trọng, mà cầu với kẻ trên mình, cũng chỉ tỏ rõ ra cách hư hèn, nên Kinh Thi quí trọng thơ Phạt-đàn 伐檀, mà có câu : Bỉ quân tử hề, bất tố xan hề 彼君子兮，不素餐兮. Nghĩa là : người quân-tử kia, chỉ tự nuôi bằng sức của mình, mà không chịu ăn cơm không của ai bao giờ.**

(Tố xan, nghĩa là ăn cơm không).

Đến như câu : bất lao động giả, bất đắc thực 不勞動者，不得食 cũng là thế.

Tượng viết, Lục-Nhị, chinh hung, hành thất loại dã.

象曰，六二，征凶，行失類也.

(Hành là thích nghĩa chữ chinh ; thất loại, nghĩa là âm dương khác loại).

Lục Nhị đi theo Thượng mà mắc lấy hung 六二征凶 Vì Thượng vẫn không phải bè bạn với Nhị, mà Nhị qua cầu dưỡng, hung là phải rồi 行失類也,

PHỤ CHÚ.— Lục-Nhị âm nhu trung chính, theo thường lệ ở quẻ khác, phần nhiều được cát, mà sao ở đây thời lại hung. Đó là thì nghĩa của Dịch phải như thế. Ở về thì đại quẻ Di thời qui trọng nhất là hay dưỡng nhân hoặc-là hay tự dưỡng. Nhị âm nhu không tài dưỡng nhân, lại không đủ sức tự dưỡng. Theo về thì nghĩa Di, tất nhiên phải hung. Đó cũng là một lẽ tùy thì ở Dịch.

3.— Lục-Tam, phật đi, trinh hung, thập niên vật dụng, vô du lợi.

六三，拂頤貞，凶. 十年勿用，无攸利.

Trên Soán-từ đã có câu : Di trinh cát. Vậy thời đạo Di tất phải chính mới được cát.

Lục Tam bản chất đã âm nhu mà xử vào vị Tam lại bất trung bất chính. Vã lại ở cuối cùng thể chấn là động chi cực, một hạng người bất trung chính, mà lại hý động 喜動 không chịu ngồi an, thấy đâu có ăn thời đâm đầu vào đó. Thế là trái hẳn đạo chính của Di, nên hào-từ rất xấu 拂頤貞，凶.

(Phật di trinh, nghĩa là cách nuôi của Tam trái hẳn với đạo chính). Như thế tất phải hung.

Mà kiết quả trót đời người của Tam không bao giờ tốt, vả cũng không làm gì nên 十年勿用，无攸利.

Chữ thập là kể số chi chung, không phải hạn định mười năm mà thôi.

Tượng viết, thập niên vật dụng, đạo đại bội dã.

象曰，十年勿用，道大悖也

Hào-từ sở dĩ nói rằng: thập niên vật dụng, là vì đường lối của Lục-Tam đi đó, quá chừng trái nghĩa-lý vậy.

(Bội: trái ; đại bội : trái hung).

PHỤ CHÚ.— Ba hào ở nội quái quẻ Di, vì cớ sao thảy mắc lấy hung. Vì ba hào nầy thuộc về Chấn thể, nên có tính hay động, mà tất thảy có ý cầu dưởng với người. Thế là trọng khẩu phúc mà khinh đạo nghĩa. Vậy nên Thánh nhân răn cho chữ hung. Thế thời chúng ta cầu dưởng nên thế nào, thời nên ngần nghĩ ở ba chữ Di trinh cát.

4.— Lục Tứ, điên di, cát, hổ thị đam đam, kỳ dục trục trục, vô cựu.

六四，顛頤，吉，虎視眈眈，其欲逐逐，无咎.

Tòng lai, người trên cầu nuôi với người dưới; theo về thường lý vẫn có thể điên đảo, trước kia hào Nhị điên di mà hung, vẫn vì trái với đạo thường. Nhưng Dịch đạo là cốt biến hóa tùy thì tùy địa mà khác nhau.

Lục-Tứ tuy bản chất âm nhu, nhưng sở xử đắc chính, nguyên là một người tốt. Lại được ở vào vị Thượng quái, được hào Ngũ đồng đức tương tín, lại là một người có địa vị tôn-qui. Thế là đã có đức tốt, lại ở vị tôn, đương thì đại Di gặp được người chính ứng với mình là Sơ Cửu, có đức dương cương ở hạ vị. Tứ ứng với Sơ biết trọng đạo nghĩa mà quên thế vị mình, hay ty hạ mình mà cầu dưởng với hào Sơ. Thế là điên

di. Nhưng vì Tứ biết khuất kỷ há hiền, nên Sơ cũng đem hết tài đức của Sơ mà giúp nuôi cho Tứ, Tứ nhờ Sơ mà công thành danh lập, kiải quế được cát 顛 頤, 吉.

Tuy nhiên, Tứ là địa-vị đại thần cận quân, sở dỉ cầu dưỡng chẳng phải cầu dưỡng một mình mà thôi, còn mong dưỡng được cả thiên hạ nữa vậy. Phạm vi cầu dưỡng đã rộng lớn như thế, thời tất phải cầu dưỡng cho đến chốn đến nơi. Tượng như hổ thị đam đam, kỳ dục trục trục.

(Đam đam : chăm chăm, hình dung tinh thần của hào-Tứ dòm xuống hào Sơ), tượng như hổ thời dòm xuống mà lại dòm thời chuyên 虎 視 眈 眈.

Trục trục : tiếp tục luôn, hình dung tâm chí Tứ cầu với Sơ luôn luôn, mà không chán 其 欲 逐 逐,

Nhưng vì địa vị Tứ là qui, địa vị Sơ là tiện, dỉ qui há tiện, thường sợ chí hướng không được chuyên, nèn nói rằng : hổ thị đam đam, là bảo cho phải hạ mà chuyên nhất, nhân tổn cầu ích, thường sợ vì cầu có gián đoạn, nèn nói rằng : kỳ dục trục trục, là dặn cho cầu phải thường tiếp tục. Tứ nếu được như thế thời vô cựu 无 咎.

Tượng viết, điên di chi cát, thượng thí quang dã.

象 曰, 顛 頤 之 吉, 上 施 光 也.

Lục-Tứ điên di mà được cát, là bởi vì âm nhu ở ngôi trên, lại được bậc dương cương ở dưới giúp công việc nuôi dân cho mình, thời ơn đức của người trên, càng tràn trề rực rở khắp thiên hạ 上 施 光 也.

PHỤ CHÚ.— Nhị điên di, Tứ cũng điên di, thảy là kẻ trên cầu nuôi với người dưới mà cát hung lại khác nhau là cớ sao ? Bởi vì, Nhị sở cầu là cầu nuôi về phần khẩu phúc, Tứ sở cầu

là cầu nuôi về phần đức nghĩa ; Nhị sở cầu là như cách Ngu-Công cầu ngọc với Ngu-Thúc 虞叔有玉，虞公求前. Tứ sở cầu như vua Thành-Thang cầu tài đức với ông Y-Doản, thảy là kẻ trên cầu với người dưới mà cát hung khác nhau vậy.

Đó là chân lý của Dịch-học.

5.— Lục Ngũ, phật kinh, cư trinh, cát, bất khả thiệp đại xuyên.

六五，拂經，居貞，吉，不可涉大川.

Lục-Ngũ ở về thì đại Di, xử vào vị Nguyên-thủ ở trong một nước, chính là có trách nhậm phải nuôi người một nước. Nhưng vì tài chất âm nhu, không thể lấy sức một mình mà gánh nổi trách nhậm, tất phải nhờ cậy vào thầy hiền bạn tốt, lấy tài đức người mà giúp đỡ thêm cho mình. Như thế, theo về thường lý thời như có lẽ trái. Bởi vì, mình là người có quyền nuôi người, mà trở lại nhờ người nuôi mình, chẳng phải trái thường hay sao ? Nên nói rằng : Phật kinh. Tuy vậy mặc dầu, nhưng không ngại gì, lấy thế vị quốc trưởng mà hay tôn đức lạc đạo cầu nuôi với thầy hiền bạn tốt, vẫn là đạo lý đương nhiên.

Lục-Ngũ cầu dưỡng với Thượng Cửu, chính hợp với đạo lý ấy, nên Thánh-nhân lại dặn cho rằng : đã biết tín nhậm hiền thần, tất phải cầm lòng kiên-cố, một mực tín nhậm tự thỉ chi chung 居貞.

Cư trinh, nghĩa là cố giữ được chính mà bền, thời tốt lành 吉. Nhưng còn sợ có một lẽ lấy mình là người Nguyên thủ ở trong một nước, mà tài nhu sức yếu, phải ỷ lại vào bậc cương hiền, gặp lúc thiên hạ thái bình vẫn có lẽ nhờ người nên việc. Nếu

gặp lúc gian nan biến cố, thời e không khỏi nguy, nên lại nói rằng : bất khả thiệp đại xuyên 不可涉大川. Nghĩa là : tài hèn như Lục-Ngũ không thể trụ nổi lúc gian hiểm.

PHỤ CHÚ.— Chữ phật kinh nầy với chữ phật kinh ở hào Nhị khác nhau, hào Nhị là kẻ trên cầu nuôi với kẻ dưới, nên trái với lẽ thường. Hào Ngũ là có thế-lực nuôi người mà trở lại nhờ người nuôi, cũng là trái với lẽ thường ; nhưng Nhị phật kinh mà hung, là vì cầu nuôi với kẻ dưới, mà chỉ cầu nuôi một mình thế thời hung. Ngũ phật kinh mà cát là vì cầu nuôi với người đạo đức, mà lại cầu nuôi cả thiên hạ, thế thời cát.

Vậy mới biết, tư với công khác nhau, thời họa với phúc cũng xa nhau. Đó là thâm ý của Thánh-nhân.

Tượng viết, cư trinh chi cát, thuật dĩ tòng thượng dã.
象曰，居貞之吉，順以從上也.

Nghĩa câu : cư trinh cát, là bảo cho hào Ngũ phải kiên cố thuận tòng với Thượng-Cửu vậy.

6.— Thượng-Cửu, do di, lệ cát, lợi thiệp đại xuyên.

上九，由頤，厲吉，利涉大川.

Thượng-Cửu có đức dương cương, mà ở vị trên hết quẻ Di, chính là một bậc người làm thầy cho vị Quốc trưởng, hào Ngũ có thế lực Quốc trưởng, mà một mực nhu thuận theo Thượng Cửu, ỷ lại vào Thượng-Cửu sẽ nuôi thiên hạ, ấy là Thượng-Cửu đem thân gánh việc nuôi thiên hạ, thiên hạ ai nấy cũng bởi nhờ Thượng Cửu mà được đầy đủ sự nuôi 由頤.

Tuy nhiên, trách nhậm ngần ấy lớn, địa vị ngần ấy cao, danh vọng ngần ấy trọng, há phải ăn ngon ngồi khỏe mà làm được xong đâu ! Nên Thánh-nhân lại có lời răn cho rằng : lệ,

cát. Lệ, cát nghĩa là xử vào địa vị như Thượng-Cửu tất phải thường lo lắng sợ hại, xem bằng nguy lệ, thời mới được cát.

Hễ mình tự nguy bao nhiêu, thời thiên hạ càng được yên bấy nhiêu, dầu khi bình yên vô sự, đành nhờ mình sắp đặt đã xong, rủi có khi nội loạn ngoại ưu, thình lình phát hiện, tất cũng phải tự hy sinh thân mình, để chống chỏi cho được an tuyền. Tượng như vượt qua sông lớn, mà vẫn được thản thuận 利涉大川.

Tượng viết, do di, lệ cát, đại hữu khánh dã.

象曰, 由頤, 厲吉, 大有慶也.

Thượng Cửu gánh trách nhậm nuôi thiên hạ, mà lại hay tiểu tâm kính úy, trải qua lệ mà đến chốn cát. Lúc bây giờ chẳng những Lục-Ngũ được nhờ mà thôi, mà lại khắp cả thiên hạ thảy được nhờ, phúc khánh như thế, thiệt lớn lắm vậy.

PHỤ CHÚ.— Bàn tóm lại, sáu hào quẻ Di, ba hào dưới là nhờ người nuôi cho mình, ba hào trên là có tránh nhậm phải nuôi người. Vì thế, nên ba hào trên thảy được cát.

Lục-Ngũ sở dĩ được cát, là đúng với câu : Dưỡng hiền dĩ cập vạn dân.

Nhưng Lục-Ngũ nhờ Thượng Cửu mà được cát, nên đến hào Thượng Thánh nhân tán cho rằng : Đại hữu khánh dã.

Tòng lai, tâm sự thánh hiền, lấy họa phước thiên hạ làm họa phước giữa mình.

Xưa ông Phạm-văn-Chinh có câu rằng : Sĩ đương tiên thiên hạ chi ưu, nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc 士當先天下之憂而憂, 後天下之樂而樂.

Nghĩa là : bản phận của một người sĩ, nên trước khi thiên hạ chưa biết lo, mà mình lo sẵn cho thiên hạ, đó là đúng với chữ lệ ở hào-từ Thượng-Cửu. Sau khi thiên hạ đã vui vẽ rồi, mà mình mới vui chung với thiên hạ, đó là đúng với chữ «Khánh» tượng từ Thượng-Cửu.

Chúng ta đọc Dịch, nên khâm hoài mở cho rộng, nhãn-quang phóng cho xa, chớ nên bo bo cầu dưỡng khẩu phúc với người, như ba hào dưới quẻ Di, dầu thánh nhân không nói hung, chúng ta cũng nên nhận làm xấu hổ.

oOo

TIMSACH.COM.VN

XXVIII. QUẺ TRẠCH-PHONG ĐẠI-QUÁ

澤風大過

Quẻ nầy là quẻ Trạch-Phong Đại-quá. Tốn hạ cũng là Nội-tốn ; Đoài thượng cũng là Ngoại Đoài. Đoài trạch Tốn phong. Nên tên quẻ đặt bằng Trạch Phong Đại-quá.

ITMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

兌 巽
上 下
外 內
兌 巽

Tự quái, Di giả dưỡng dã, bất dưỡng tắc bất khả động, cố thụ chi dĩ Đại-quá.

序卦，頤者養也，不養則不可動，故受之以大過.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Di tiếp lấy quẻ Đại-quá, là vì cớ sao ?

Trên ấy là quẻ Di, Di nghĩa là nuôi, tất nhiên thành, sau khi thành rồi tất nhiên động, động thời nảy ra quá 頤者養也. Hễ vật đã được nuôi.

Đại-quá là việc lớn quá ; vì có nuôi rồi, vậy sau mới có việc lớn quá. Vậy nên sau quẻ Di tiếp lấy quẻ Đại-quá 故受之以大過. Đại-quá có hai nghĩa :

Một nghĩa là : phần đại nhiều quá. Theo như thể quẻ, dương đến bốn hào, âm chỉ hai hào. Dương là đại, dương nhiều hơn âm, thế là đại quá.

Lại một nghĩa là lớn quá. Tỷ như : đạo đức, công nghiệp của thánh hiền lớn quá hơn người, thảy là đại quá.

Chữ Quá, phản đối với chữ bất cập. Đại quá là công việc quá chừng lớn.

Sử-ký có câu : Duy phi thường chi nhân, nải hửu phi thường chi sự, phi thường chi sự dỉ đải phi thường chi nhân, phi thường chi sự, phi thường nhân chi sở năng biện dã, 惟非常之人, 乃有非常之事, 非常之事, 以待非常之人, 非常之事, 非常人之所能辨也.

Nghĩa là : tất có người phi thường, mới làm nên việc phi thường, mà những việc phi thường tất phải chờ đến người phi thường. Bởi vì, những việc phi thường, quyết không phải những hạng người thường làm nổi. Đó chính là nghĩa chữ Đại quá.

Nhưng hễ việc mà gọi bằng Đại quá, theo về đạo lý vẫn không phải quá, chỉ vì việc đó, người trong đời ít khi thấy, vả lại ít người làm nên, nên gọi bằng Đại quá.

PHỤ CHÚ. - Quẻ Đại-quá ở sau quẻ Di, rất có ý hay. Xưa nay thánh hiền hào kiệt, trước khi chưa làm việc đại quá, tất phải tiềm tàng ẩn súc, trải biết bao nhiêu thì giờ súc dưỡng. Súc dưỡng có đầy đủ. Vậy sau phát triển mới được lớn lao.

Xưa nay tuyệt chưa thấy ai không súc dưỡng mà làm nên đại quá. **Ông Y-Doản cày ở Hửu-sằn, hơn nữa đời người tụng thi độc thư vui đạo Nghiêu Thuấn. Vậy** sau giúp vua. Thang đánh Kiệt an dân.

Ông Da-Phú-Nhi (Camillo Beuso di cavour) cũng cày ruộng đọc sách, âm thầm nghiên cứu lẽ xưa việc nay hơn mười năm. Vậy sau làm nên sự nghiệp thống nhất Ý-Đại-Lợi.

SOÁN TỪ

Đại quá, đống nạo, lỵ hửu du vãng, hanh.

大 過, 棟 橈, 利 有 攸 往, 亨.

Soán-từ đây chỉ lấy nghĩa bằng thể quẻ.

Tuyền quẻ bốn dương ở chính giữa, hai âm ở hai đầu. Dương quá ư cường, âm quá ư nhược, tượng như cây gỗ làm cột, chính giữa quá lớn, mà cội ngọn quá bé, thành ra trung cường, mà bản mạt nhược, tất nhiên đứng không thẳng mà cong ẹo, nên thủ tượng bằng đống nạo 棟 橈.

(Đống, nghĩa là cây cột ; nạo : nghĩa là cong ẹo) Thủ tượng tuy như thế, nhưng mà âm nhược dương cường, chính là quân tử thịnh, tiểu nhân suy, thế đạo đương lúc bây giờ chính là cơ hội làm nên sự nghiệp lớn. Nên nói rằng : lỵ hửu du vãng hanh.

PHỤ CHÚ.— Soán-từ quẻ nầy, hai câu lấy hai nghĩa, câu đống nạo lấy riêng một nghĩa, chỉ nói trung cường mà bản mạt nhược, tất nhiên gánh không nổi nặng. Còn như câu : lỵ hửu du vãng, hanh, lại lấy riêng một nghĩa, chỉ nói âm nhược dương cường, thời là quân tử đạo trưởng, nên lỵ hửu du vãng mà lại hanh ; ở trong thiên hạ đã có người tài khả hửu vi, thời chẳng việc gì là bất khả vi. Đó chính là nghĩa Đại-quá.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, đại quá, đại giả quá dã ; đống nạo, bản mạt nhược

dã, cương quá nhi trung, tốn nhi duyệt hành, lỵ hửu du vãng, nải hanh ; đại quá chi thì đại hỷ tai.

彖曰，大過．大者過也．棟橈，本末弱也．剛過而中．巽而說行，利有攸往，乃亨．大過之時大矣哉．

Soán viết, đại quá, đại giả quá dã.

彖曰，大過，大者過也．

Đây là lấy thể quẻ, thích nghĩa tên quẻ. Đại giả là chỉ vào bốn hào dương, dương hào quá nhiều, nên nói rằng : đại giả quá dã.

Đống nạo, bản mạt nhược dã.

棟橈，本末弱也．

Bản là hào dưới hết quẻ, tức là Sơ-Lục ; mạt là hào trên hết quẻ, tức là Thượng-Lục. Sơ, Thượng hai hào thảy là hào âm, âm thời hèn yếu, tượng như một cây gỗ, dưới gốc trên ngọn hèn yếu, nên đở không được cột đứng, thế là bản mạt nhược, sở dỉ đống nạo.

Cương quá nhi trung, tốn nhi duyệt, hành, lỵ hửu du vãng, nải hanh.

剛過而中．巽而說行，利有攸往，乃亨．

Ở đây lại nói bằng đức quẻ. Hai hào ở chính giữa nội quái. Ngoại-quái là hào Nhị hào Ngũ. Ở về thì Đại quá, vẫn là dương cương có thịnh quá, nhưng mà Nhị, Ngũ thảy đắc trung, ấy là cương quá nhi trung 剛過而中. Lại theo về thể hai quẻ : Tốn hạ, là có tính tốn thuận, Đoài thượng, là có tính hòa duyệt, ấy là dùng bằng cách tốn thuận vừa hòa-duyệt mà đi làm việc đời 巽而說行. Về đời Đại quá, mà đủ cả ngần ấy đức như

trên ấy nói, nên lỵ hửu vu vãng, mà được hanh thông 利有攸往，乃亨.

PHỤ CHÚ.— Câu : lỵ hửu du vãng, nải hanh, chữ **Nải** rất có ý nghĩa.

Ý thánh-nhân nói rằng : tuy ở vào thì Đại-quá, nhưng không phải ngồi nghe khí số mà thôi, tất phải đem những tài đức như trên kia, mà thi thố phát triển có một cách hành động cho lớn vừa xa, mới hanh thông được.

Chữ Nải nầy cũng nghĩa như chữ Nải ở câu : Hửu dung đức nải đại 有容，德乃大.

Đại quá chi thì, đại hỷ tai.

大過之時大矣哉.

Chữ đại quá bao bọc rất lớn.

Tức như trải qua đời ấp-tốn, mà đổi làm cuộc chinh-tru như đời Thang Vỏ, trải qua đời quân-chủ, mà đổi ra làm dân-chủ, như cuộc Cách mệnh ở nước Pháp. Ở giữa nước Bà-la môn-giáo, mà đặt lập nên Phật giáo như đức Thích-Ca ; ở giữa nước Đế-quốc, quốc-gia chủ nghĩa, mà lập thành Chính-phủ Xã-hội như ông Liệt-Ninh (Lenine, vladimiri lịch 原名 ouliauod) thảy là công việc đại quá nhân mà cũng duy một bực người tài đại-quá nhân mới làm nên. Nhưng tất cũng phải đúng thì tiết nếu có tài đại-quá nhân, mà chưa gặp thì đại-quá, tất nhiên cũng làm không xong.

Duy có gặp thì Đại quá, thời người có tài đại-quá, mới làm được nên những công việc Đại-quá.

Xưa nay những người toàn Càn chuyển Khôn, hân thiên yết địa 旋乾轉坤，掀天揭地，có ai không đúng vừa thì mà làm

được đâu. Nên Thánh-nhân có lời tán rằng : To lớn rồi vậy thay ! thì của Đại-quá 大過之時，大矣哉.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, trạch diệt mộc, đại quá ; Quân tử dĩ độc lập bất cụ, độn thế vô muộn.

象曰，澤滅木，大過. 君子，以獨立不懼，遯世无悶.

Theo như thể quẻ, ngoại Đoài tượng là nước chằm, Nội-Tốn tượng là cây gỗ, trạch ở trên mộc, tượng là nước chằm ngập lút cây 澤滅木, ấy là tượng quẻ Đại-quá 大過. Quân tử xem tượng ấy 君子 nên phải có đức nghiệp hành vi cho đại-quá nhân. Hễ việc gì đúng với đạo nghĩa mà bản phận mình phải làm, thời dầu thiên hạ xô đổ về một phe, mà quân tử đứng trơ một mình, cũng không sợ hại 獨立不俱.

Hễ việc gì trái với đạo nghĩa, dầu có hợp mắt thế tục, nhưng quân tử chẳng thèm làm, âu là tránh quách đời mà không chút buồn bã 遯世无悶 được như thế, mới là phẩm hạnh khí-tiết trác tuyệt trong một đời. Đó là đại quá của Quân-tử.

PHỤ CHÚ.— **Tám chữ : Độc lập bất cụ, độn thế vô muộn, vẫn chung một hạng quân-tử, mà thủ đoạn có khác nhau ; việc gì đáng làm, dầu tuyền thiên hạ không ai làm, mà mình cứ làm, xông vào nguy hiểm mà chẳng kinh, mắc lấy dèm chê mà chẳng quản. Đó là một cách độc lập mà bất cụ.**

Việc gì không đáng làm, dầu tuyền thiên hạ thảy làm, mà mình không chịu làm, mình đã trái với mắt thế tục, thời âu là bỏ tục trốn đời, mà tinh thần được tự do tự tại. Đó là một cách độn thế vô muộn.

Đức Khổng-Tử có nói rằng: dũng giả bất cụ, nhân giả bất ưu 勇者不懼,仁者不憂. Mạnh-Tử có nói rằng: Uy vũ bất năng khuất, bần tiện bất năng di 威武不能屈,貧賤不能移. Chính đúng với nghĩa tượng truyện đây.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, tạ dụng bạch mao, vô cựu.

初六,藉用白茅,无咎,

Quẻ nầy thuộc về thì Đại-quá, sáu hào trong quẻ, tất thảy người ở vào thì đại ấy.

Ở thì Đại-quá ai cũng muốn làm việc đại quá, nhưng Sơ-Lục mới bắt đầu vào thì Đại-quá, vả lại âm nhu tốn thể, xử vào địa vị dưới hết, đức đã mỏng, sức lại hèn, mà lại vô vị, dầu muốn làm việc Đại quá, nhưng lực bất tòng tâm, miễn cưỡng mà làm, tất nhiên đổ bể, nên thánh-nhân răn cho rằng: Sơ ơi! Sơ có muốn ra gánh việc lớn, Sơ trước hảy lo lấy tiểu-tâm làm cơ sở, dưỡng cho nên đức kính cẩn. Ví như có một giống đồ không dám đặt suông xuống dưới đất, mà dụng mao trắng kê lót nó 藉用白茅, biết kính cẩn như thế, may khỏi tội lỗi 无咎.

(Tạ: kê lót; Bạch mao: là chùm săng trắng).

Hệ từ thích nghĩa hào nầy rất rõ. Xin dịch ra đây:

Hệ từ nói rằng: Nếu đặt giống nó ở giữa đất, cũng đã được rồi, mà còn dùng bạch mao kê lót nó, có sợ gì đổ bể nữa đâu, kính cẩn rất mực là như thế.

Ôi! giống mao kia, vật tuy bạc, mà biết dùng cho đúng, thời cũng đáng trọng, người ta ra làm việc đời, mà kính cẩn

như cách ấy, thời chắc không lỗi.苟錯諸地，而可矣，藉之用茅.何咎之有.慎之至也.夫茅之爲物薄，而用可重也.慎斯術也以往.其无所失矣.

Tượng viết, tạ dụng bạch mao, nhu tại hạ dã.

象曰，藉用白茅，柔在下也.

Sơ Lục sở dĩ quá ư cẩn thận như thế, bởi vì bản thân mình âm nhu, lại ở vị ty hạ, nên phải cẩn thận như cách tạ dụng bạch mao vậy.

2.— Cửu Nhị, khô dương sinh đề, lão phu đắc kỳ nử thê, vô bất lợ.

九二，枯楊生梯，老夫得其女妻，无不利.

Cửu-Nhị là hào dương cương mà ở vào vị Nhị, thời là dụng nhu mà đắc trung, có tài đắc trung dụng nhu. Nên biết mướn nhu giúp cho cương.

Ở vào thì Đại-quá, nếu quá ư cương, tất nhiên thái cương tắc chiết. Duy hào Nhị biết dụng nhu, mà lại thân cận với Sơ âm, dương hợp với âm, thành ra cương nhu tương tế, khỏi mắc hại bằng quá cương, tượng như ngành dương đã khô mà sinh được rễ mới 枯楊生梯.

Rễ mới đã nảy nở ở dưới, thời nhành lá cũng vinh thịnh ở trên.

Lại còn có một tượng nữa, Cửu-Nhị là cương hào, mà kiết hợp với Sơ nhu, tượng như người trai đã già, mà lấy được người vợ còn trẻ tuổi.

Nếu cô dương thời bất năng sinh, bây giờ lão phu, mà đắc nữ thê, thời chắc nên công sinh-dục, đủ cả hai tượng ấy, thời

là rể nứt nở mà ngành tươi, âm dương giao mà sinh-dục thỏa, không điều gì bất lợi 无不利.

Tượng viết, lão phu nữ thê, quá dĩ tương dự dã.

象曰, 老夫女妻, 過以相與也.

Cửu-Nhị là cương quá, mà làm thân với Sơ âm, Sơ là âm còn non, tượng như chồng già, mà lấy được vợ quá trẻ, tương dự với nhau, bằng một cách quá vậy.

(Quá, nghĩa là : khác thường).

Tòng lai, chồng già vợ cũng già, vợ trẻ chồng cũng trẻ, đó là lẽ thường. Bây giờ chồng già, mà vợ còn con gái, là khác với lẽ thường. Nên nói rằng : Quá.

(Tương dự : thân thiết với nhau).

TIMSACH.COM.VN

3.— Cửu-Tam, đống nạo, hung.

九三, 棟橈, 凶.

Hễ ở vào thì đại quá, lấy công nghiệp đại quá, tất phải hạng người cương nhu đắc trung, mà lại có người giùm giúp với mình, thời mới làm nổi.

Kìa Cửu-Tam đã dương cương, lại xử vào vị dương cương, là một hạng người cương cường chi quá, lấy tính cương cường tự dụng, mà ở vào đời đại quá, toan làm công việc đại quá, chắc phải hỏng ngay. Nên hào từ rằng : Đống nảo, hung. Nghĩa là : không thể gánh nổi việc nặng, tượng như cây cột yếu, thế tất cong ẹo.

Nguyên lai, đạo lý trong thiên hạ, hễ đã quá cương, tất nhiên gảy, quả cương như Cửu-Tam, mà đem ra gánh việc nặng ở thì đại Quá, tất nhiên mắc họa cột xiêu nhà đổ. Nên đoán rằng hung 凶.

PHỤ CHÚ.— Chung hai chữ đống nạo, soán từ với Cửu-Tam in nhau, nhưng Soán từ thủ nghĩa bằng tuyền quẻ, Cửu-Tam thủ nghĩa riêng bản hào, nên tốt xấu khác nhau.

Tượng viết, đống nạo chi hung, bất khả dĩ hửu phụ dã.

象曰，棟橈之凶，不可以有輔也.

Cửu-Tam sở dĩ mắc đống nạo chi hung, là vì Cửu-Tam cương cường thái quá dụng lấy việc, tất nhiên tự thầu, tự thánh không biết đón lựa thì thế, cầu người giúp mình. Nếu có ai giúp nó, cũng không thế nào giúp được.

PHỤ CHÚ.— Theo về thông lệ ở trong Dịch, thời Tam với Thượng là ứng với nhau, Tam cương, Thượng nhu, đáng lẽ giúp đở cho nhau, cớ sao ở Cửu-Tam lại bỏ nghĩa tương ứng với Thượng mà không nói đến.

TIMSACH.COM.VN

Đó chính là nghĩa biến hóa ở Kinh Dịch, ở thì Đại quá là có lẽ đại đã quá rồi, bây giờ Cửu dương mà Tam lại cương là quá ư cương, thế là ở trong thì quá, mà lại đại quá nữa.

Người đã quá chi quá, thời ai giúp được, vả nó cũng có chịu nghe ai đâu, nên kiết quả chỉ là đống nạo, hung.

Trình truyện có câu rằng : Hễ học Dịch cần thứ nhất là biết thì thế, thế có nặng nhẹ, thì có thay đổi 言易者，貴乎識夫之輕重時之變易.

4.— Cửu-Tứ, đống long, cát, hửu tha, lẫn.

九四，棟隆，吉. 有它，吝.

Cửu Tứ dương hào cư âm vị, là cương mà không quá cương, nhu mà không quá nhu, cương nhu tương tế như thế, thời làm việc ở thì đại-quá, chắc đở nổi gánh nặng, không lo, gì thất bại, tượng như cây cột lớn, đở nổi được nhà lên. Nên

nói rằng : đống long, cát. (Long : vững vàng ; mà lại lớn trổi).

Tuy nhiên, ở thì Đại-quá, chỉ cốt cương nhu đắc trung là hay.

Bây giờ Cửu-Tứ đã cương nhu thích trung mà lại còn hạ ứng với Sơ Lục, thành ra đã nhu mà lại thêm nhu vào, thế là nhu mà quá ư nhu. Nên thánh-nhân răn cho rằng : Tứ chớ nên bìu ríu với Sơ mà có tư tưởng khác nữa 有它. Nếu hửu tha là việc đáng xấu đó vậy 吝.

PHỤ CHÚ.— Cửu-Tứ đống long cát, vẫn có lẽ được hoàn toàn, nhưng hiềm vì hạ ứng với Sơ, nên có lời răn rằng : hửu tha lẫn. Vì Sơ âm là tiểu-nhân, hễ ở thì Đại-quá làm việc Đại-quá, mà trộn tiểu nhân vào, thời việc phải hỏng. Đó là thâm ý của thánh-nhân, xem tượng truyện lại càng rõ lắm.

Tượng viết, đống long chi cát, bất nạo hồ hạ dã.

象曰，棟隆之吉，不橈乎下也.

Cửu-Tứ sở dĩ được cát bằng đống long, là vì giữ được tính dương cương của mình, chẳng nao lòng mà xuống theo hào Sơ ở dưới vậy 不橈乎下也. (Hạ, là chỉ vào Sơ-Lục).

5.— Cửu Ngũ, khô dương sanh hoa, lão phụ đắc kỳ si phu, vô cựu, vô dự.

九五，枯楊生華，老婦得其士夫，无咎，无譽.

Cửu Ngũ vẫn dương cương trung chính, lại ở vị tôn, đáng lẽ cũng làm được việc đại quá, nhưng vì ở thì Đại-quá, thời dương cư dương là dương quá chi cực, ở gần Thượng Lục tượng như một người quá cương, mà đụng một người quá nhu, không thể giúp nhau làm nên việc gì, tượng như cây dương đã khô mà còn sinh búp hoa ở cuối mùa 枯楊生華. Thế là : vinh hoa sắp hết, tiều tụy gần đến nơi.

Lại tượng như người đàn bà già, mà đụng được chồng trai tráng, tuy có tiếng vợ chồng, mà thực chẳng mong gì có sinh dục. Nên thủ tượng bằng khô dương sinh hoa, lão phụ đắc kỳ sĩ phu. (Lão phụ, chỉ vào Thượng-Lục).

Công việc Cửu-Ngũ chỉ như thế, tuy không tội lỗi gì 无咎, nhưng cũng không danh dự gì 无譽.

Tượng viết, khô dương sinh hoa, hà khả cửu dã, lão phụ sĩ phu, diệc khả xú dã-

象曰，枯楊生華，何可久也。老婦，士夫，亦可醜也，

Dương đã khô mà sinh rễ, thời còn mong tươi tốt lại, bây giờ không sinh rễ mà sinh hoa 枯楊生華 là có thể khô kiệt, còn mong gì được lâu dài nữa đâu 何可久也. Lão phụ dầu có lấy được sĩ phu 老婦士夫, Chỉ đáng xấu mà thôi 亦可醜也.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ nầy nên tham khảo với Cửu-Nhị. Hễ ở thì đại-quá, theo về hoàn-cảnh, thời dầu ai cũng đã có một phần quá. Vậy nên bản thân các hào, tất phải cốt cho cương nhu đắc trung, mới chữa được bệnh quá. Nếu cương quá ư cương, nhu quá ư nhu, té ra đã quá rồi mà lại thêm quá, hào Sơ sở dĩ vô cựu, hào Tứ sở dĩ được cát, chỉ vì cư nhu, nhu cư cương, cương nhu điều tệ với nhau mà làm nên việc.

Còn như Cửu-Nhị với Cửu-Ngũ thời lại lấy nghĩa khác. Nhị thời dương cương cư nhu, lại đắc trung, nên được vô bất lợi. Cửu Ngũ ở địa vị trung, cũng như Cửu Nhị, nhưng vì Cửu cương. Ngũ lại cương là cương chi quá, lại làm bạn với Thượng Lục là âm nhu chi cực. Hai bên thất chi quá cả, mà ở vào thì đại quá, thời làm gì xong, nên hai hào thảy xấu cả. Tên quẻ gọi bằng Đại quá, mà hào từ lại ghét những người quá, mới biết

rằng : Dịch lý qui đắc trung, vả lại công việc Đại quá chẳng phải ai cũng làm được cả.

6.— Thượng Lục, quá thiệp, diệt đính, hung, vô cựu.

上六，過涉，滅頂，凶，无咎.

Thượng Lục xử vị trên hết quẻ, lại ở vào thì Đại quá đã đến cùng cực, đại quá mà đã cùng cực rồi, thời dầu có tài đức giỏi đến thế nào, cũng khó tránh khỏi làn sóng nguy hiểm.

Huống gì Thượng-Lục bản chất âm nhu, tài hèn sức yếu, mà ở vào thì đại quá cực, tất nhiên bị làn sóng cuối cùng của Đại-quá xua đuổi, mà chôn thân vào vũng ba-đào, tượng như lội nước quá sâu, bị nước ngập mất đầu 過涉滅頂 như thế vẫn là hung 凶.

Nhưng mà thì thế sử nhiêu, chứ suy đến tâm lý cũng chẳng gì phải trách lỗi 无咎. Đính, là ở trên đầu, là chỉ hào Thượng ; quá thiệp, nghĩa là lội nước quá sâu, Diệt đính, nghĩa là lút mất sọ.

Hào-từ nầy tượng như hạng người quân tử gặp buổi gian nguy phải sát thân thành nhân. Cứ theo giữa việc mà nói thời vẫn hung tai, nhưng theo nghĩa lý mà nói thời là vô cựu.

Tượng viết, quá thiệp chi hung, bất khả cựu dã.

象曰，過涉之凶，不可咎也.

Hung bằng quá thiệp, chỉ là mình làm mình chịu, còn có thán oán đến ai đâu.

Lời tượng truyện đây, cũng in như lời Khổng Tử : cầu nhân nhi đắc nhân, hựu hà oán 求仁而得仁，又何怨. Nghĩa là cầu làm điều nhân, mà được nhân, lại oán gì nữa đâu.

XXIX. QUẺ BÁT THUẦN-KHẢM

八 純 坎

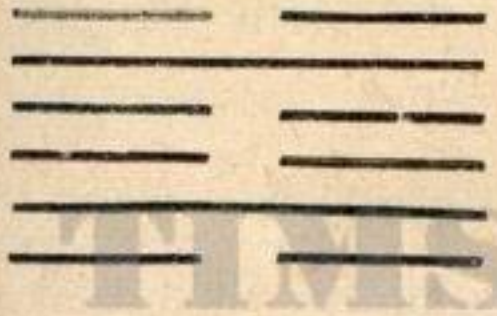

坎 坎
上 下
外 內
坎 坎

Quẻ nầy là quẻ Bát-Thuần-Khảm. Khảm hạ cũng là Nội-Khảm. Khảm thượng cũng là Ngoại-Khảm. Trên dưới trong ngoài thảy khảm. Nên tên quẻ đọc bằng Bát-Thuần-Khảm.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, vật bất khả dĩ chung quá, cố thụ chi dĩ Khảm. Khảm giả hãm dã.

序 卦, 物 不 可 以 終 過, 故 受 之 以 坎, 坎 者 陷 也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 卦. Sau quẻ Đại-quá tiếp lấy quẻ Khảm, là vì cớ sao?

Vật lý không thể quá được mãi 物 不 可 以 終 過, hễ quá rồi tất nhiên sụp vào hiểm. Vậy nên sau quẻ Đại-quá tiếp lấy quẻ Khảm 故 受 之 以 坎. Khảm, nghĩa là sụp, cũng nghĩa là hiểm 坎 者 陷 也.

Theo về thể quẻ, trên dưới hai âm, một hào dương ở chính giữa, thành ra nhất dương hảm vào giữa nhị âm, nên lấy nghĩa bằng khảm hảm, mà đặt tên quẻ bằng Khảm.

Lại một nghĩa : Khảm là nước, hiểm sâu không gì hơn nước, nên Khảm cũng có tượng hiểm.

SOÁN TỪ

Tập Khảm, hữu phu, duy tâm hanh, hành hữu thượng.

習坎, 有孚, 維心亨, 行有尚.

Các quẻ Bát-thuần khác, tên quẻ chỉ có một chữ, duy quẻ Khảm nầy Soán-từ thêm vào chữ «**Tập**», mà đọc bằng **Tập Khảm** nghĩa là : trên dưới thảy là Khảm, Khảm vẫn là hiểm, hiểm đến hai lần, muốn cho rõ ý nghĩa hiểm trung hữu hiểm, nên gọi bằng **Tập Khảm**. Tập, nghĩa là lần lớp, cũng như nghĩa chữ trùng, Tập Khảm, tức là trùng hiểm.

Người xử vào thì đại trùng hiểm, là hoàn cảnh rất nguy, nhưng xem tượng quẻ mà tìm ra một cách xử hiểm, thời vẫn không sợ gì hiểm. Vì tượng Khảm nhất dương ở chính giữa, dương vi thực, chính giữa là tâm người ta ; dương thực ở chính giữa, là sẵn có lòng tín thực 有孚, tín thực tức là chí thành, tuy hoàn cảnh thời hiểm, mà tâm mình vẫn hanh thông 維心亨. Lòng chí thành của mình tới đâu cảm động đó, chẳng những không lo gì hiểm nạn, mà lại tiến hành chắc hữu công 行有尚 (Hành, đi. Hữu thượng : có công).

PHỤ CHÚ.— Vì sao Khảm lại tượng bằng thủy, nguyên lai, chân tính của thủy, tất ở chính giữa lòng nước. Trên mặt nước không khỏi pha vào cặn bã, dưới đáy nước không khỏi trộn vào chất bùn đất ; nên muốn tìm chân tính thủy, tất phải xem xét ở giữa lòng nước.

Quẻ Khảm nhất dương ở giữa, dương là minh, dương là thực, thực với minh ở chính giữa lòng, ấy là thủy. Vậy nên Khảm tượng bằng thủy.

Lại vì sao mà Khảm là hiểm. Bởi vì, nhất dương sụp vào giữa nhị âm, dương dầu muốn thoát ra đường nào cũng khó thoát cả, nên tượng là hiểm hảm.

Quái từ hửu phu, duy tâm hanh, là dạy cho người ta bằng đạo xử hiểm ; hoàn cảnh tuy hiểm mặc dầu, nhưng có lòng chí thành chất chứa ở trong, thời tinh thần vẫn hanh thông.

Tống nhân có câu thơ : Bình sinh tượng trung tín, kim nhật thiệp phong ba 平生仗忠信，今日涉風波. Nghĩa là : ngày thường giữ chất trung tín, ngày nay dầu xông pha sóng gió chẳng sợ gì.

Người Nhật-bổn có câu : tinh thành sở chí, kim thạch năng khai 精誠所至，金石能開 Nghĩa là ; những chốn tinh thành thấu tới nơi, thời đá vàng cũng phải nứt nở, chính là dùng đạo hửu phu duy tâm hanh, mà bước qua được hồi khảm hiểm vậy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, tập khảm, trùng hiểm dã ; thủy lưu nhi bất dinh, hành hiểm nhi bất thất kỳ tín ; duy tâm hanh, nải dì cương trung dã. Hành hửu thượng. vãng hửu công dã. Thiên hiểm, bất khả thăng dã, địa hiểm, sơn xuyên khưu lăng dã. Vương công thiết hiểm, dì thủ kỳ quốc. Hiểm chi thì dụng, đại hỷ tai.

彖曰，習坎，重險也. 水流而不盈，行險而不失其信. 維心亨，乃以剛中也. 行有尚往有功也. 天險，不可升也. 地險，山川丘陵也. 王公設險. 以守其國，險之時用，大矣哉.

Soán viết, tập khảm, trùng hiểm dã.

彖曰，習坎，重險也.

Sở dỉ gọi bằng tập Khảm, là vì hai lần hiểm vậy.

Thủy lưu nhi bất dinh, hành hiểm nhi bất thất kỳ tín.

水流而不盈，行險而不失其信.

Đây là lấy tượng quẻ thích hai chữ hửu phu. Theo như tượng khảm thời tượng là thủy.

Hễ tính thủy vẫn thường chảy luôn, mà không bao giờ ứ lại 流而不盈. Đổ vào vực sâu, tràn đầy bể rộng, vẫn đi giữa chốn hiểm, nhưng mà đêm đêm ngày ngày như thế, năm năm tháng tháng như thế, không bao giờ mất tính tin thật 行險而不失其信. Đó là đức tính khảm, mà in như khảm trung thực, nên Soán-từ nói rằng : hửu phu.

Duy tâm hanh, nải dĩ cương trung dã.

維心亨，乃以剛中也.

Duy có chí thành, thời trong lòng thường được thư thái, là vì có đức dương cương ở trong lòng vậy.

Hành hửu thượng, vãng hửu công dã.

行有尚，往有功也.

Hành hửu thượng, nghĩa là đi tiến lên, thời thoát khỏi hiểm, mà có công vậy.

Thiên hiểm, bất khả thăng dã, địa hiểm, sơn xuyên khưu lăng dã, vương công thiết hiểm, dĩ thủ kỳ quốc, hiểm chi thì dụng, đại hỷ tai.

天險，不可升也. 地險，山川丘陵也. 王公設險，以守其國，險之時用大矣哉.

Trên ấy đã nói : Khảm tượng là hiểm, nhưng hiểm có hai phương diện. Một là hiểm thuộc về phần vô hình, là hiểm của trời. Hai là : hiểm thuộc về phần hửu hình, là hiểm của đất.

Trời chỉ là không khí vô hình, mà người không thể nào lên tới trời được 天險不可升也. Đó là thiên hiểm.

Đất có núi sông, cồn gò, chốn cao thời khó thể trèo, chốn sâu thời khó thể dò 地險山川丘陵也. Đó là địa hiểm.

Thánh nhân bắt chước hiểm của trời đất, mà đặt ra một cách bằng nhân hiểm, dùng để hạn ngự ngoại vụ, thời có : « câu » « hào » « thành » « khoách » 溝濠城廓 ; dùng để kiên cố nhân tâm, thời có : « chính », « hình », « uy », « thưởng » 政刑威賞 ; dùng những cách hiểm đó, sẽ để giữ nước nhà 設險以守其國. Thế là : thì dùng của hiểm, rất lớn rồi vậy thay 險之時用大矣哉.

PHỤ CHÚ.— Lời Soán-truyện tán các quẻ, chỉ tán bằng một chữ Thì, mà ở quẻ Khảm thời lại thêm vào chữ Dụng.

Bởi vì, hiểm có **Thì** có **Dụng**. Tỷ như : trong nước gặp lúc họa loạn, trong nhà gặp lúc tai biến, là hiểm chi Thì. Những việc binh hình chính giáo để ngăn ngừa họa-loạn. Những việc trừ súc dự bị tiền gạo thuốc thang v.v. để phòng-bị tai nạn, thảy là hiểm chi Dụng.

Tổng chi, hiểm thuộc về thì, là cảnh ngộ vô thường, hiểm thuộc về Dụng, là công việc hữu thường. Như câu sách nói : Hữu bị vô hoạn 有備無患, với câu phòng họa ư vị nhiên 防患於未然, thảy là hiểm chi Dụng ; hiểm chi Thì chắc không bao giờ không, hiểm chi Dụng chắc lúc nào cũng phải có ; Nên nói : hiểm chi Thì, Dụng, đại hỷ tai.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thủy tấn chí, tập khảm ; quân-tử dĩ thường đức hạnh, tập giáo sự.

象曰，水洊至，習坎.君子，以常德行，習教事.

Theo như tượng quẻ Khảm, Khảm trên chuyền xuống Khảm dưới, Khảm dưới hấng đở Khảm trên, nước lần lượt chảy tới mãi mà không cùng 水洊至. Đó là tượng tập Khảm 習坎.

Quân-tử xem tượng ấy, học theo cách tập Khảm, dùng để mà tu thân, thời thường thường tu tỉnh đức hạnh của mình, một ngày như vậy, một năm như vậy, một đời cũng như vậy 君子以常德行. Dùng để mà trì nhân, thời thục tập các việc giáo dục, dạy cho nó tất phải chuyện luyện cho nó tất phải kỷ 習教事. Đó là bắt chước theo tượng Khảm vậy.

PHỤ CHÚ.— Chữ Tập trên chữ Khảm, thủ nghĩa rất hay. Tập có hai nghĩa ; một nghĩa là : lần lượt, ôn đi tập lại không bao giờ quèn. Đức Khổng có câu : Học nhi thì tập chi 學而時習之. Nghĩa là : đã bắt chước được rồi, thời phải buổi buổi ôn tập luôn. Quân-tử dụng nghĩa ấy mà thường đức hạnh. Một nghĩa là : tập quán, ngày ngày đêm đêm, rót sâu đúc chín, khiến cho tai quen mắt luyện mà thành ra tập quán.

Quân tử có câu : tập nhi an yên, bất kiến dị vật nhi thiên yên 習而安焉, 不見異物而遷焉, nghĩa là : tập mãi thành quen mà an trí vào óc, chẳng bao giờ thấy cách khác mà dời đổi. Quân-tử dùng nghĩa ấy mà tập giáo sự, chỉ một chữ Thường là bao nuốt hết nghĩa tu thân, chỉ một chữ Tập là bao nuốt hết nghĩa dạy dân ; nước từ một giọt suối mà chảy hoài, thời có ngày thành sông thành biển. Người ta cứ từ một việc tốt mà làm hoài hoài, thời có ngày nên thánh hiền ; ý nghĩa chữ **Thường**, chữ **Tập**, của Thánh-nhân, sâu xa như thế.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, tập Khảm, nhập vu khảm hạm, hung.

初六, 習坎, 入于坎窞, 凶.

Sơ Lục là bản chất âm nhu, mà lại ở dưới hết địa vị trùng hiểm, tượng như người sẩy chân xuống việc hiểm, càng quạy cựa thời sụp càng sâu, nên nói rằng : tập khảm 習坎, 入于坎窞.

Chữ tập nầy nghĩa khác chữ tập ở trên quẻ, tập khảm, nghĩa là : quen thục cách vào hiểm ; Khảm hạm, nghĩa là vũng sâu nhất ở trong chốn hiểm.

Vì có tinh chất nhu ám, thấy Khảm hiểm mà không biết đường tránh, ỷ mình quen hiểm, vào càng mám thời sụp càng sâu, nên đến nỗi nhập vu Khảm hạm. Thế tất nhiên hung 凶.

Cổ-ngữ có câu : Thiện du giả, tất tử ư thủy 善游者, 必死於水. Nghĩa là : những người hay nghề bơi, tất chết với vạ nước, hay nghề bơi, tức là tập Khảm, chết với vạ nước tức là nhập vu Khảm hạm mà hung. Tục ngữ có câu : Cơ thâm, họa chuyển thâm, cũng là nghĩa ấy.

Tượng viết, tập khảm, nhập khảm, thất đạo hung dã.

象曰, 習坎, 入坎, 失道凶也.

Tượng truyện thích hào từ lại càng minh bạch lắm. Bởi vì, tập khảm mà mắc họa nhập khảm, thế là cách sở tập trái mất đường lối, nên mắc hung đó vậy 失道凶也.

(Thất đạo : sai mất đường lối).

2.— Cửu Nhị, Khảm hữu hiểm, cầu tiểu đắc.

九二, 坎有險, 求小得.

Cửu Nhị có đức dương cương, mà lại đắc trung, đã dương cương thời tài đủ hộ thân, đắc trung, thời trí đủ biết tính việc, đáng lẽ không sợ gì hiểm nạn ; nhưng vì hoàn cảnh của Nhị, chính đương ở giữa trùng hiểm, gặp lấy thì Khảm, chẳng cách

gì tránh khỏi hiểm, nên nói rằng : Khảm hữu hiểm.

Tòng lai, anh hùng tuy có sức đủ chống với thì thế, nhưng thì thế cũng có sức làm khốn được anh hùng, có tài cương trung như Cửu Nhị, mà bị trên dưới Nhị âm vây bọc, muốn làm được sự nghiệp lớn có dễ dưng đâu, nên phải tích ngày lụy tháng, từ một phân một tấc gây lên, miễn cho được đôi tý cỏn con, năm chồng tháng chất, tượng như nước chảy từ một giọt bắt đầu, nên nói rằng : cầu tiểu đắc.

Tiểu đắc, nghĩa là chỉ vừa được chuyện nhỏ mà thôi, nhưng mà tích lụy nghìn muôn cái nhỏ, thời thành được một cái rất lớn, chính là một phương pháp rất hay cho quân tử ở thì Khảm.

PHỤ CHÚ.— Cửu Tứ quẻ Dự, với Cửu-Nhị quẻ Khảm, hai hào thảy dương cư âm vị. Duy Khảm Nhị có tài cương trung, đáng lẽ thời Khảm nhị thành tựu, hơn Dự Tứ. Nhưng mà hào từ Dự Tứ thời nói rằng : Đại-hữu đắc, hào-từ Khảm-Nhị thời chỉ cầu tiểu đắc mà thôi. Đó mới biết : chữ «Thì» là ghê gớm thiệt.

Dự Cửu-Tứ là ở thì đại vui vẽ, thuận thì thuận thế mà làm nên đại anh hùng.

Khảm Cửu Nhị ở thì đại nguy hiểm, nên trái thì trái thế, may chỉ làm nên một bậc quân-tử, hai bên tài dương cương in nhau, mà sở thành tựu thời đại tiểu khác nhau.

Dịch tùy thì tùy đạo là như thế.

Tượng viết, cầu tiểu đắc, vị xuất trung dã.

象曰，求小得，未出中也.

Có tài cương trung như Cửu-Nhị, cớ sao chỉ cầu tiểu đắc đắc mà thôi. Bởi vì, địa vị của Cửu-Nhị chưa ra khỏi giữa Khảm hiểm vậy 未出中也. Chữ Trung, nghĩa là chính giữa Khảm,

3.— Lục Tam, lai chi khảm khảm, hiểm thả chẩm, nhập vu khảm hạm, vật dụng.

六三，來之坎坎，險且枕，入于坎窞，勿用.

Lục Tam bản chất đã âm nhu, mà sở xử lại bất trung chính, lấy tư-cách một người như thế, mà ở vào thì Khảm hiểm, ngó lên trước mặt thấy Khảm, quay lại sau lưng cũng thấy Khảm, tài đã hèn, mà cảnh lại nghịch, lên lui chẳng đường nào xong, chỉ duy sụp vào bông Khảm mà thôi, nên hào từ nói rằng : lai chi khảm khảm.

Lại, nghĩa là lại, là lui lại xuống dưới ; chi, nghĩa là đi, là đi lên phía trên, lui lại thấy Khảm, bước lên cũng thấy Khảm. Thế là : lai chi Khảm Khảm, hiểm thả chẩm.

Hiểm, là mặt trước ở hiện tại, chẩm là gốc kê ở phía sau, trước mặt đã hiểm, sau lưng lại kê vào chốn hiểm.

Thế là : hiểm thả chẩm 險且枕.

Cảnh ngộ của Lục-Tam đã như thế, thời chỉ càng sụp càng sâu mà thôi 入于坎窞.

Tuy nhiên, cảnh ngộ là thuộc về phần trời, mà chống chèo với cảnh ngộ lại thuộc về phần người.

Nếu sức người đủ tranh lại với trời, thời còn có thể dùng được. Kìa bất trung chính mà lại âm nhu như Lục Tam, dầu có gặp cảnh ngộ gì khác nữa, cũng chẳng làm gì xong. Nên hào-từ lại nói: Vật dụng. Chữ vật dụng là bảo cho những người ở đời Khảm, chớ dùng Lục-Tam nầy.

Tượng viết, lai chi khảm khảm, chung vô công dã.

象曰，來之坎坎，終无功也.

Cảnh ngộ và tính chất như Lục-Tam, thời chẳng những lai chi khảm khảm mà thôi, mà kiết quả chỉ là thất bại vậy. Bởi vì, âm nhu lại bất trung chính, còn làm nên việc gì.

4.— Lục-Tứ, tôn tửu qui, nhị dụng phẩu, nạp ước tự dủ, chung vô cựu.

六四, 樽酒簋, 貳用缶, 納約自牖. 終无咎.

Lục-Tứ ở vào quẻ trên, là được ở ngôi cao, lại thân cận với Cửu-Ngũ là một vị Quốc-trưởng, tượng như một bậc đại thần cận quân. Duy ở thì khảm hiểm, mà bản thân lại âm nhu, bảo Tứ làm những việc lỗi lạc quan minh mà tế hiểm cứu đời, thiệt Tứ không làm được, may nhờ Tứ là người đắc chính, mà Cửu-Ngũ với Tứ cương nhu tương đắc, nên Thánh nhân lại dạy cho Tứ một phương pháp rằng : ở đời hiểm nạn, mà mình đã đứng ở vị đại thần, chỉ duy kiết nạp quốc-trưởng bằng chí thành, mà lại phải ủy-khúc bằng cách cơ-trí mới xong, lấy chí thành mà kiết nạp, thời không nên sùng thượng phiền-văn, lấy cơ trí mà chu-hoàn, thời bất tất câu chấp chính đạo. Như thế, thời mới mong khai phát được chốn bế tắc cho kẻ trên, giúp đở được cuộc gian nguy cho thiên hạ, kiết quả cũng không tội lỗi gì. Vậy nên, hào-từ nói rằng : tôn tửu quỉ, nhị dụng phẩu, nạp ước tự dủ, chung vô cựu.

Trên ấy là thích tóm đại ý, đây trở xuống, thời thích nghĩa đen từ câu một. Tôn là hủ đựng rượu ; Quỉ là đồ đựng đồ ăn ; Phẩu là ve sành, nhỏ hơn tôn ; Nhị ; thêm vào, như tục ta thường nói ông Nhì hoặc thầy Nhì, v.v... Ý nghĩa cũng giống như chữ Phó 副. Chánh là phần nhiều ; Phó là phần ít. Tôn tửu quỉ, nhị dụng phẩu, nghĩa là : chỉ dùng bằng cách giản đơn

chất phác, mà không cần vật tốt đồ nhiều, tượng như rượu chỉ một tôn, đồ ăn chỉ một quỉ, mà dồn thêm vào chỉ dùng một phẩu mà thôi, câu ấy là nói : cốt trọng tinh thần mà không cần vật chất, chỉ lấy chí thành cảm động mà thôi. Nạp ước, nghĩa là nộp lời tin vào ; Ước, có nghĩa như khế-ước, là giống để làm tin ; Dụ, là cửa sổ, cốt để lọt bóng sáng vào ; Dụ vẫn không được chính đại như cửa lớn, mà có thể vừa lọt được bóng sáng. « Nạp-ước tự-dủ », nghĩa là : đương lúc lòng người còn bế tắc. Nếu mình cứ giữ một cách đường ngay mực thẳng, nhè giữa chốn bế tắc của người mà công kích hoài, tất nhiên lời nói mình khó vào, mà việc cũng hỏng, âu là chịu khó mất công, rình chờ đến khi nhất điểm minh của người vừa phát hiện mà thừa cơ khai đạo, tượng như nạp khế-ước, mà không nạp ở cửa chính, lại từ cửa sổ đút vào.

TIMSACH.COM.VN

Theo về sự thực, tuy không được chính đại quang minh, nhưng cốt cho lời nói mình lọt vào tai người, mà người chịu nghe, thời dầu có uốn đường, tắt lối chút đỉnh cũng không ngại gì. Hào từ đây chỉ nói bằng thí dụ, hai câu trên, hai câu trên là hình dung tinh thần chân thực cảm nhân ; Câu-nạp ước tự dủ, là hình dung phương pháp đi tắt được việc, chỉ là thủ đoạn xử về thì Khảm, lòng vẫn thành thực, mà thủ đoạn cũng cần có cơ quyền, chính là ý thánh-nhân vạn bất đắc dĩ mà phải ủy khúc chu toàn như thế.

Tượng viết, tôn tửu quỉ, cương nhu tế dã.

象曰，樽酒簋，剛柔際也.

Tượng truyện đây chỉ cứ một câu đầu mà quán luôn tuyền hào từ, thông lệ trong Dịch nhiều như thế.

Tứ với Ngũ cương nhu giao tế với nhau, nên chỉ dùng bằng cách chân thành tương đại mà tìm cho đến lúc khai minh, sẽ để thâu nạp thành ý của mình, cũng có thể được chung vô cựu vậy.

(Tế : giao tế). Cương chỉ vào hào Ngũ, Nhu chỉ vào hào Tứ.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ đây với câu : ngộ chủ vu hạng 遇主于巷 ở quẻ Khuê, đồng một ý tứ. Khảm là buổi Khảm hiểm, khuê là buổi khuê ly, thảy là thì-đại gay go, tình cảnh khốn nạn, dầu có dụng cơ-quyền mà không hại đến nghĩa lý, thời tuy sở do bất chính, cũng không đến tội lỗi gì. « Nạp ước tự dủ », Dủ : thời không phải cửa chính ; «Ngộ chủ vu hạng », Hạng : thời không phải đường chính. Duy vì gặp ở thì đại gian nan, nên phải do đường tắt mà đạt được chí mình, chính đúng với câu : Thánh-nhân bất đắc dĩ nhi dụng quyền 聖人不得已而用權.

Nếu ở về đời trị bình, thời có cần gì phải do đường tắt, cách do đường tắt đó, duy ở thì **Khảm Khuê** mới phải dùng mà thôi.

5. — Cửu Ngũ, Khảm bất dinh, kỳ ký bình, vô cựu.

九五, 坎不盈, 祇既平, 无咎.

Cửu Ngũ có tài dương cương mà lại trung chính, ở vào vị tôn, mà lại đã trải qua nửa thì Khảm, cũng có thể gần ra khỏi hiểm, nhưng vì ở giữa ngoại quái. Thế là hiểm còn chưa đầy 坎不盈.

Tuy nhiên, thì đại hiểm gần lúc cuối cùng, mà tài đức Cửu Ngũ cũng có thể cạy lật cho ra khỏi hiểm, chắc chẳng bao lâu thời Khảm dinh mà bình. Đến lúc Khảm đã bình 祇既平, thời mình ra khỏi hiểm, sẽ dắc thiên hạ ra khỏi hiểm. Thế thời vô cựu. (Kỳ nghĩa là bệnh).

Tượng viết, Khảm bất dinh, trung vị đại dã.

象曰，坎不盈，中未大也.

Cửu Ngũ có tài cương trung, mà ở vào vị tôn, vẫn có sức cứu tế được hiểm nạn, nhưng vì Khảm còn bất dinh, nên đức cương trung của mình, chưa đến lúc quang đại vậy.

6.— Thượng Lục, hệ dụng huy mặc, chí vu tùng cức, tam tuế bất đắc, hung.

上六，係用徽纆，寘于叢棘，三歲不得凶.

Thượng Lục bản thân âm nhu, nguyên là một người nhu ác, mà lại ở vị hiểm cực, hiểm chi cực tất nhiên sụp vào hiểm rất sâu, tượng như một người bị tội nặng mà vào lao, đã trói tay bằng huy mặc 係用徽纆 lại đặt chân vào tùng cức 寘于叢棘 (Huy mặc : giây nhạc ; hệ : trói ; tùng cức : đống gai ; chí : đặt).

Thượng Lục như ác mà sụp vào hiểm, nếu biết hối tội cải quá, thời còn mong được ra, nhưng Thượng nầy đã không tài xuất hiểm, lại không đạo hối quá, đến nỗi lâu đã ba năm mà không được ra, thôi thời xấu quá 三歲不得凶.

Tượng viết, Thượng Lục thất đạo, hung tam tuế dã.

象曰，上六失道，凶三歲也.

Thượng Lục đã âm nhu mà lại hiểm cực, là đi sai mất đường lối đã lâu 失道, thời hung đến tam tuế cũng là đáng rồi 凶三歲也.

PHỤ CHÚ.— Quẻ Khảm nầy Tứ âm vây bọc lấy nhị dương, tượng như tứ tiểu-nhân vây bọc lấy nhị quân tử. Nên hào từ ở trong sáu hào. Nhị thời cầu tiểu đắc. Ngũ thời kỳ ký bình, là trông mong cho quân tử được mau xuất hiểm ;

hào Sơ, Hào Thượng thời hung, hào Tam thời vật dụng, hào Tứ thời chỉ được vô cựu, là đau đớn cho tiểu nhân hay hành hiểm mà vô ích. Ý Thánh-nhân phù Quân-tử ức tiểu nhân là như thế. Nên hào từ Sơ Thượng, thảy có chữ hung, mà tượng từ thảy có chữ thất đạo, cứ hai hào đầu cuối mà hai hào ở giữa cũng đủ biết.

TIMSACH.COM.VN

XXX. QUẺ BÁT-THUẦN-LY

八 純 離

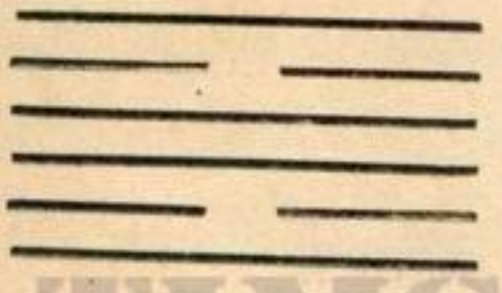

離上外離　離下內離

Quẻ nầy là quẻ Bát-Thuần-Ly. Ly hạ cũng là nội-Ly. Ly-thượng cũng là ngoại-Ly.

Trên dưới trong ngoài thảy Ly, nên tên quẻ đọc bằng Bát-Thuần-Ly.

TIMSACH.COM.VN

TỰ QUÁI

Tự quái, hạm tất hửu sở lệ, cố thụ chi di Ly, Ly giả lệ dã.

序卦，陷必有所麗，故受之以離，離者麗也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Khảm tiếp lấy quẻ Ly, là vì cớ sao ?

Khảm, nghĩa là hạm, đã hạm rồi, tất phải có chốn nương dựa 陷必有所麗. Nên sau quẻ Khảm tiếp lấy quẻ Ly 故受之以離. Ly nghĩa là Lệ 離者麗也. Chữ Ly có hai nghĩa:

Một nghĩa Ly là Lệ : Theo về thể quẻ một nét âm ở giữa, nương dựa vào hai nét dương ở trên dưới, nên học nghĩa Ly là lệ. Lại một nghĩa Ly là minh. Vì chính giữa nét đứt đôi, tức là giữa trống không, tượng là trung hư, hư thời sáng.

Lại tượng là mặt trời, là lửa, thảy là giống sáng soi. Nên học nghĩa Ly là minh.

PHỤ CHÚ.— Dịch đến quẻ Khảm, Ly là cuốc cùng Thượng Kinh, chúng ta nên nhận cho ra ý Thánh-nhân sắp thứ tự quẻ.

Vì sao mà sáu mươi tư quẻ. Càn, Khôn ở đầu hết ; Khảm, Ly ở trung gian. Ngầm nghĩ cho đến nơi, thời có ý nghĩa rất hay. Càn, Khôn là chân thể của trời đất, mà làm nguyên tổ cho âm dương, nên đặt đầu hết Kinh.

Khảm, Ly là trung-tâm điểm của Càn, Khôn, mà làm nên công dụng thủy hỏa, bao nhiêu công dụng tạo hóa ở trong lưởng gian, rặt là phát nguyên ở thủy hỏa, thủy hỏa thiệt là đắc thiên địa chi trung, nên đặt Khảm, Ly chính giữa Kinh.

Nguyên Dịch lý chỉ có **nhất âm nhất dương**, thuần âm thành ra **Khôn**, thuần dương thành ra **Càn**. Lấy nét chính giữa Càn, mà trao đổi cho Khôn thành ra **Khảm**, lấy nét chính giữa Khôn, mà trao đổi cho Càn thành ra **Ly**. Nên nói rằng : **Khảm, Ly là thiên địa chi trung**. Theo về phương hướng thời **Khảm ở Chính Bắc, Lý ở chính Nam**. Theo về thì gian, thời **Khảm là giờ Tý**, đúng giữa nửa đêm. **Ly là giờ Ngọ**, đúng giữa nửa ngày.

Theo về nhân tâm, thời **Khảm** trung thực là chữ **Thành**. **Ly** trung hư là chữ **Minh**.

Trung thực, nghĩa là trong lòng chắc đặc, ấy là thành. Trung hư, nghĩa là trong lòng trống không, ấy là Minh. Thành, Minh thảy khỉ tự trong lòng mà ra. Đó chính là diệu dụng của Khảm Ly. Vì chân lý là vô hình, nên thánh-nhân phải mượn vạch quẻ là hửu hình, mà phát minh cho ta hiểu. Càn, Khôn ở đầu Kinh, Khảm, Ly ở giữa Kinh, là bao hàm chân lý như thế.

SOÁN TỪ

Ly, lỵ trinh, hanh, súc tẩn ngưu, cát.

離, 利 貞, 亨, 畜 牝 牛, 吉.

Nguyên lai, chữ Ly có nghĩa chính, phản.

Nghĩa chính chữ Ly, Ly là dếnh dựa ; nghĩa phản chữ Ly, Ly là rời lìa.

Nhưng ở đây chỉ lấy bằng nghĩa chính, thời Ly nghĩa là dếnh dựa. Vạn vật không vật gì không chốn dếnh dựa. Tỷ như : loài chim dếnh dựa vào rừng, cá dếnh dựa vào nước, mà đến loài người cũng thế, hoặc bạn hửu dếnh dựa nhau mà nên đức nghiệp, hoặc cha con, vợ chồng, anh em dếnh dựa nhau mà nên gia đình, hoặc loài người dếnh dựa nhau mà nên dân tộc, hay xã-hội, tất thảy gọi bằng hửu sở lệ.

Nói cho đến rất nhỏ, thời dếnh dựa vào đường lối nào mà đi, dếnh dựa vào nghệ nghiệp nào mà sống, thảy là hửu sở lệ.

Nghĩa chữ Ly lệ bao hàm rất rộng lớn, nhưng mà hễ đã có dính dựa, thời trong lúc dếnh dựa có hai phương diện. Một, thời dếnh dựa vào lối chính. Một, thời dếnh dựa vào lối tà.

Tỷ như : dếnh dựa vào quân tử thánh hiền v.v... thời là chính ; dếnh dựa vào tiểu nhân đạo tặc v.v... thời là tà. Dếnh dựa vào chính, thời dếnh dựa mà hay ; dếnh dựa vào tà thời dếnh dựa mà dở. Vì cách dếnh dựa phức tạp mà lại quan hệ nhân sinh như thế, **nên quái-từ nói rằng : Lỵ, ly trinh hanh.** Nghĩa là : người tất phải có chốn dếnh dựa, mà cốt nhất là dếnh dựa cho được chính, thời mới hanh.

Quái từ lại lấy thêm vào một nghĩa mà thí dụ bằng súc tẩn ngưu. Nghĩa là : Ly vẫn đã minh rồi, nếu minh thái quá, thành

ra nước trong quá thời không cá, người minh sát quá thời không bầy 水至清則無魚，人至察則無徒. Nên lại phải hết sức thu liễm đức minh của mình, mà nuôi chứa lấy đức thuận của mình. Ví như : nuôi con trâu cái, thời được lành 畜牝牛，吉.

(Ngưu là thuận vật, mà lại tẩn ngưu là thuận chi chí, súc tẩn ngưu, là tỷ dụ bằng nuôi đức thuận). Quái-từ thêm vào tượng ấy là sợ người ta quá dụng tài minh sát vậy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Ly lệ dã, nhật nguyệt lệ hồ thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ ; Trùng minh dĩ lệ hồ chính, nải hóa thành thiên hạ. Nhu lệ hồ trung chính, cố hanh, thị dĩ súc tẩn ngưu, cát dã.

彖曰，離，麗也，日月麗乎天，百穀草木麗乎土. 重明以麗乎正，乃化成天下. 柔麗乎中正，故亨，是以畜牝牛，吉也.

Soán viết, Ly lệ dã, nhật nguyệt lệ hồ thiên, bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ.

彖曰，離麗也，日月麗乎天，百穀草木麗乎土.

Ly, nghĩa là : dếnh dựa 離麗也. Tỷ như : mặt trăng mặt trời, thời dếnh dựa vào thiên không 日月麗乎天, trăm giống lúa cây cỏ, thời dếnh dựa vào trái đất 百穀草木麗乎土. ở trong lưỡng gian không một giống gì không dếnh dựa.

Nhưng Soán truyện chỉ cử vào giống rất lớn mà nói.

PHỤ CHÚ.— Thầy Qui-Sơn có câu rằng : Hỏa vô thường hình, lệ vật nhi hửu hình 火無常形，麗物而有形. Nghĩa là : lửa vẫn không hình nhất định (Ly nguyên là lửa). Vì có chốn dếnh dựa ta mới thấy được hình ; chính giữa bản thân của

người được Khảm thủy làm tinh, được Ly hỏa làm thần. Vì khí âm dương kiết hợp mà thành ra hình. Khi sống thời tinh thần dếnh dựa vào hình. Đó cũng là nghĩa ly lệ.

Trùng minh dĩ lệ hồ chính, nải hóa thành thiên hạ.

重明以麗乎正，乃化成天下.

Đây là lấy đức quẻ, thích nghĩa tên quẻ, Ly có tượng là minh, trên Ly dưới Ly là có tượng trùng minh.

Nhưng quẻ Ly sở dĩ thành quẻ, là cốt ở hào Nhị hào Ngũ, nên chỉ nói riêng về Nhị Ngũ. Nhị Ngũ thảy xử vào vị trung. Thế là trên dưới thảy có đức minh, mà lại xử vào vị trung chính, là trùng minh dĩ lệ hồ chính, mới hóa được thiên hạ mà thành ra đời văn minh.

Nhu lệ hồ trung chính, cố hanh, thị dĩ súc tẩn ngưu, cát dã.

柔麗乎中正.故亨，是以畜牝牛，吉也.

Hào Nhị, hào Ngũ có tính chất nhu thuận, mà dếnh dựa ở đạo trung chính 柔麗乎中正. Sở dĩ được hanh 故亨. Bởi vì thế, nên nuôi đức chí thuận mà được cát vậy 是以畜牝牛吉也.

(Súc tẩn ngưu, ý là nuôi đức chí thuận, vì chí thuận nên tỷ dụ bằng tẩn ngưu, chớ nhận thực rằng : tẩn ngưu là trâu cái,

PHỤ CHÚ.— Chữ trung chính ở đây, nói góp cả Nhị Ngũ, nhưng theo thường lệ ở mỗi quẻ.

Lục cư Nhị vẫn trung chính đã đành. Còn Lục cư Ngũ thời trung mà bất chính, cớ sao lại nói luôn chữ trung chính. Đó chính là thì nghĩa của Kinh-Dịch. Ở vào thì Ly chỉ cốt xem ở nơi phụ lệ, phụ lệ vào chốn trung, tức thị chính ; đạo Dịch quí trọng nhất là chữ trung ; thiên hạ thường có chính mà không trung, hễ đã trung, tất nhiên chính đó vậy.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, Minh lưởng tác Ly, đại nhân dĩ kế minh, chiếu vu tứ phương.

象曰，明兩作，離，大人以繼明，照于四方.

Minh lưởng tác ở quẻ Ly, cũng như «thủy tấn chi» ở quẻ Khảm. Ly là hỏa, là nhật ; đây chuyên chỉ bằng mặt trời, mặt trời ngày nay sáng, ngày mai sáng, đức sáng trùng điệp phát khỉ hoài 明兩作. Đó là tượng Ly 離.

Bậc đại nhân xem tượng ấy sẽ tiếp tục đức minh, soi dọi ư bốn phương 大人以繼明照于四方. (Kế : nối tiếp ; Kế minh : nối tiếp đức minh).

Tỷ như : đời trước minh, đời sau cũng minh, hoặc việc trước minh, việc sau cũng minh, thảy gọi bằng kế minh được cả. Nhưng cớ sao chuyên thuộc về đại nhân. Bởi vì : có đức như Thánh nhân, có vị như bậc Nguyên thủ, mới có thể chiếu lâm được khắp bốn phương.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.– Sơ Cửu. lý thác nhiên, kính chi, vô cựu.

初九，履錯然，敬之无咎.

Xử vào thể Ly, sự vật vẫn là phân tạp, mà Sơ Cửu dương cương cư hạ, vả lại có tính lửa, càng nóng nảy muốn bùng lên, Tượng như người nóng nảy muốn ra đi, xâu giày nhố nhăng 履錯然.

(Lý : xâu chân vào giày ; Thác nhiên : có ý lốp xốp).

Thành nhân thấy ở đầu thì Ly, sự tình còn lộn nhộn, mà tính chất Sơ-Cửu lại nóng nảy cầu tiến quá hăng, e không

tránh khỏi tội lỗi, nên lại răn cho rằng : Kính chi vô cựu 敬之无咎. Nghĩa là : phải kính cẩn đặm đà, thời mới khỏi tội lỗi.

PHỤ CHÚ.— Chữ Kính đây cũng như chữ giới thận khủng cụ 戒慎恐懼 ở sách Trung dung, dương cương mà lại ly minh, vẫn là chất tốt, nhưng bắt đầu vào thì Ly, trí thức chưa được giàu, duyệt lịch chưa được rộng. Nếu Khinh táo vọng động, mà không biết giới thận khủng cụ, thời tội lỗi đến ngay. Chữ Kính chi ở hào từ chính là một vị thuốc chữa bệnh táo-tiến cho người đời vậy.

Tượng viết, lý thác chi kính, dĩ tỵ cựu dã.

象曰，履錯之敬，以辟咎也.

Đức Kính ở trong lúc lý thác, cốt để tránh điều lỗi lầm vậy.

Tòng lai, tri bất minh, thời hành bất thận 知不明，行不慎, lý thác nhiên, mà biết kính chi ; nhân vì tường-thẩm ở lúc tri, mà khỏi sai suyện ở lúc hành, nên được vô cựu.

2.— Lục-Nhị, hoàng ly, nguyên cát.

六二，黃離，元吉.

Lục-Nhị là hào tốt nhất ở trong quẻ. Ly, vị Nhị đã đắc trung, Lục cư Nhị lại đắc chính, ở vào thể Ly lại có đức Văn-minh. Bản thân Nhị đã có đức văn-minh trung chính, mà trên ứng với Ngũ cũng văn minh trung thuận ; minh được như thế, mà sở lệ lại đúng như thế, thiệt tốt lớn không ai bằng, nên hào từ nói rằng : hoàng ly nguyên cát 黃離元吉. Hoàng là sắc trung, mà lại có vẽ đẹp, hình dung đức văn minh trung chính của Nhị sở lệ được đúng, nên dùng chữ hoàng ly.

Tượng viết, hoàng ly nguyên cát, đắc trung đạo dã

象曰，黃離元吉，得中道也.

Hoàng ly sở dĩ nguyên cát. Bởi vì : được đạo chính trung vậy. Hào Nhị vẫn kiêm cả trung chính, nhưng không cần nói chính, là bởi vì có Nhị mới thành ra Ly, có trung mới thành được văn minh.

Trung là chú trọng ở quẻ Ly, chữ chính đã nuốt vào trong chữ trung.

3.– Cửu-Tam, nhật trắc chi ly, bất cổ phẩu nhi ca, tắc đại điệt chi ta, hung.

九三, 日昃之離, 不鼓缶而歌, 則大耋之嗟, 凶.

Quẻ Ly nầy hai thể, thảy là tượng mặt trời. Cửu Tam ở về cuối cùng hạ thể, tượng là mặt trời ngày nay sắp lặn, mà mặt trời ngày mai chưa mọc lên, nên nói rằng : nhật trắc chi Ly. 日昃之離.

Trắc là mặt trời gần lặn, nhật trắc là buổi gần hoàng hôn. Tỷ dụ vào tâm lý người ta thời vật dục đã có hơi bịt bùng, mà bản thể quang minh hầu đến ngày mờ mịt, người đến lúc ấy, tất nhiên ăn ở không nhằm lẽ, ưu lạc thảy thất thường, khi không đáng vui mà vui, khi không đáng buồn mà buồn, chẳng đập trống mà hát, thời khóc than vì già lận quá chừng 不鼓缶而歌, 則大耋之嗟. Như thế chẳng hung còn gì nữa 凶.

PHỤ CHÚ.– Đường Thi có câu : Ngô ca Sở vủ hoan vị tất, Tây sơn dục hàm bán biên nhật 吳歌楚舞歡未畢, 西山欲啣半邊日. Nghĩa là : Hát Ngô múa Sở giỡ dang, mặt trời đã nửa ngậm gương non đoài.

Lại có câu : *Thương nữ bất tri vong quốc hận,*

商女不知亡國恨.

Cách giang do xướng hận đình hoa.

隔江猶唱後庭花.

Con buôn biết nước mất đâu,

Cách sông hát bướng mấy câu hận đình.

Cổ phẩu nhi ca ở hào này là nghĩa như thế. Sách tả truyện: Triệu Mạnh thấy bóng mặt trời chiếu, mà than rằng: Buổi mai không kịp tính đến buổi hôm, có hơi sức gì chờ được năm năm 趙孟視陰，曰，朝夕不相及，誰能待五. Triệu Mạnh thị âm, viết: triêu tịch bất tương cập, thùy năng đãi ngũ.

Đó chính như câu: đại điệt chi ta, chữ bất với chữ tắc hô ứng với nhau, nghĩa là chẳng vui tàm vơ, thời buồn tàm bậy. Tổng chi, ưu lạc giai thất kỳ thường, hình dung một hạng người tâm tình hôn ám, không khác gì ly ở lúc nhật trắc.

Tượng viết, nhật trắc chi ly, hà khả cửu dã.
象曰，日昃之離. 何可久也.

Ly mà đụng lúc mặt trời đã xế rồi. Thế là đức minh đã đến lúc hôn, còn lấy gì lâu đặng.

4.— Cửu Tứ, đột như, kỳ lai như, phần như; tử như, khí như.

九四，突如，其來如，焚如，死. 如，棄如.

Cửu Tứ vượt qua quẻ dưới, mà bắt đầu bước vào quẻ trên, chính vừa lúc tiền minh đã tắt, mà hậu minh sắp sửa tới, đương thì đại ấy, nếu được người kế thừa cho tốt vẫn có nhịp hay.

Nhưng Cửu Tứ thời trái hẳn, bản thân là dương cương, sẵn có tính táo, mà lại ở vị Tứ, đã bất chính lại bất trung, thấy Lục Ngũ âm nhu ở trên mình, toan thả ngón cương cường của mình ra mà lăng bức Ngũ, tượng như thình lình chạy tới trước mặt Ngũ, khí thế lồng loạt như toan đốt người 突如，其來如，焚如.

Một người ở vào thì đại thừa kế, mà láu táu vụng về, cương cường thủ họa, như cửu Tứ ấy, còn làm sao khỏi mình chết, chúng bỏ được đâu 死如, 棄如.

Cửu Tứ tương tự như Đổng-Trác ở đời Hán, Nguyễn-Chỉnh ở triều Tây-sơn.

Tượng viết, đột như, kỳ lai như, vô sở dung dã.

象曰, 突如, 其來如, 无所容也.

Uy bức kẻ trên như Cửu Tứ, thời thiên hạ không chốn nào dung nó được vậy.

Đột như, kỳ lai như, là hình dung cách táo bạo, phần như, là hình dung khi nóng sốt; vô sở dung, là kiết quả phải tử khí.

TIMSACH.COM.VN

5.— Lục Ngũ, xuất thế đà nhược, thích ta nhược cát.

六五, 出涕沱若, 戚嗟若吉.

Lục-Ngũ có đức văn minh của Ly, sở xử lại đắc trung, vẫn sẵn có thể tốt, nhưng vì bản chất âm nhu, đứng vào chính giữa hai hào dương, trên ép dưới đẩy, là mắc vào hoàn cảnh khó khăn, duy hào Ngũ có đức minh hết sức phòng ưu lự hoạn, sẽ chống chỏi với hoàn cảnh nổi, nên kiết quả được tốt lành. Vậy nên hào-từ nói rằng: xuất thế đà nhược, thích ta nhược. Nghĩa là: lo sợ quá riết, tượng như nước mắt sụt sùi 出涕沱若, tính nghĩ quá sâu, tượng như thở vắn than dài mà không nghỉ 戚嗟若. Lục Ngũ vẫn có đức đáng được tốt, mà hào-từ chỉ tỏ ra một cách ưu cụ, cũng chỉ vì thì thế bắt buộc nên thế.

(Xuất thế, nghĩa là: nước mủi chảy ra, Đà là có ý chảy dầm dề; Thích, nghĩa là lo hung; Ta, nghĩa là than thở).

PHỤ CHÚ.— Chữ ta ở hào Ngũ, với chữ ta ở hào Tam

tuy nghĩa đen in nhau, nhưng ta ở hào Tam là một hạng người mê mẩn tâm thần mà thở than, ta ở hào Ngũ lại một hạng người tri-cơ úy cụ mà thở than.

Tượng viết, Lục Ngũ chi cát, ly vương công dã.

象曰，六五之吉，離王公也.

Lục-Ngũ sở dĩ được cát. Bởi vì: cách sở lệ của Ngũ, xứng được Vương-Công vậy.

6.— Thượng-Cửu, vương dụng xuất chinh, hữu gia, chiết thủ, hoạch phỉ kỳ xú, vô cựu.

上九，王用出征，有嘉，折首，獲匪其醜，无咎.

Thượng Cựu ở trên cùng nhị thể trùng minh, mà lại bản chất dương cương, chính là cương minh đến cực điểm, có đức minh thời hay soi dọi, có đức cương thời hay quyết đoán.

Vương giả nên dụng tài cương minh ấy, sẽ đề đi trừng ác trừ tà mà ra làm việc chinh phạt 王用出征, thời tất có công tốt đẹp 有嘉.

Tuy nhiên, vì cương minh quá, sợ có khi dựa vào cách tàn bạo, nên lại phải uy cho vừa đắc trung, hình cho vừa đúng tội, không nên quá tay, khi ra đánh giặc dẹp loạn, chỉ bắt lấy những tay khôi thủ mà thôi 折首.

Chiết thủ : chỉ bắt những anh đầu bầy.

Còn như những phe tụi nó, chẳng qua là bị hiếp tùng, thời ta chẳng bắt buộc nó làm gì 獲匪其醜. Hoạch : bắt sống được ; Xú : loài tụi).

Như thế thời vô cựu 无咎.

Tượng viết, vương dụng xuất chinh, dĩ chính bang dã.

象曰，王用出征，以正邦也.

Vương giả dụng lấy tài đức Thượng Cửu, sẽ đề xuất chinh, cốt để trì ác cho thiên hạ, chính lý được bang quốc là thôi.

Chinh, nguyên có nghĩa là Chính.

Mạnh-Tử có câu : Chinh chi vi ngôn chính dã 征之爲言正也. Nghĩa là : chính được những hạng người bất chính ấy là chinh.

Từ đây sắp lên, cọng ba mươi quẻ, là dịch xong Chu-Dịch Thượng Kinh.

oOo

TIMSACH.COM.VN

Mục Lục

Lời giới thiệu . . . . . 5.

Phát Đoan Từ

發端辭 11

Phàm - Lệ

凡例 15

Bản Đồ Thứ Tự Bát-quái của Văn-Vương

文王八卦次序 35

Phàm - Lệ Cuối Cùng

最終之凡例 37

Chu-Dịch Chính-Văn Diễn-giải

周易正文演解 41

Quẻ Bát-Thuần-Càn

八純乾 45

TIMSACH.COM.VN

Quẻ Bát-Thuần-Khôn
八 純 坤 103

Quẻ Thủy-Lôi-Truân
水 雷 屯 133

Quẻ Sơn-Thủy-Mông
山 水 蒙 149

Quẻ Thủy-Thiên-Nhu
水 天 需 167

Quẻ Thiên-Thủy-Tụng
天 水 訟 183

Quẻ Địa-Thủy-Sư
地 水 師 205

Quẻ Thủy-Địa-Tỷ
水 地 比 221

Quẻ Phong-Thiên Tiểu-Súc
風 天 小 畜 235

Quẻ Thiên-Trạch-Lý
天 澤 履 249

Quẻ Địa Thiên-Thái
地 天 泰 265

TIMSACH.COM.VN

Quẻ Thiên-Địa-Bĩ

天 地 否 287

Quẻ Thiên-Hỏa Đồng-Nhân

天 火 同 人 303

Quẻ Thiên-Hỏa Đại-Hữu

天 火 大 有 321

Quẻ Địa-Sơn-Khiên

地 山 謙 337

Quẻ Lôi-Địa-Dự

雷 地 豫 351

Quẻ Trạch-Lôi-Tùy

澤 雷 隨 365

Quẻ Sơn-Phong-Cổ

山 風 蠱 381

Quẻ Địa-Trạch-Lâm

地 澤 臨 397

Quẻ Phong-Địa-Quán

風 地 觀 411

Quẻ Hỏa-Lôi Phệ-Hạp

火 雷 噬 嗑 423

TIMSACH.COM.VN

Quẻ Sơn-Hỏa-Bí

山火賁 437

Quẻ Sơn-Địa-Bác

山地剝 449

Quẻ Địa-Lôi-Phục

地雷復 465

Quẻ Thiên-Lôi Vô-Vọng

天雷无妄 481

TIMSACH.COM.VN

Quẻ Sơn Thiên Đại-Súc

山天大畜 493

Quẻ Sơn-Lôi-Di

山雷頤 507

Quẻ Trạch-Phong Đại-Quá

澤風大過 525

Quẻ Bát Thuần Khảm

八純坎 539

Quẻ Bát Thuần-Ly

八純離 553

Sách triết học

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Đại lộ Lê-Lợi, SAIGON

TÂM LÝ HỌC

Tâm lý học	*Phạm-xuân-Độ*
Tâm lý học ứng dụng	—
Tâm lý học	*Cao-văn-Luận*
Luận triết học: Tâm lý học	*Nguyễn-hữu-Trọng*

LUẬN LÝ HỌC

Luận lý học	*Phạm-xuân-Độ*
Luận lý học	*Cao-văn-Luận*
Luận lý học	*Nguyễn-văn-Trung*
Luận lý học	*Trần-trọng-San*
Luận lý học	*Trần-bích-Lan*
Luận triết học: Luận lý học	—

ĐẠO ĐỨC HỌC

Đạo đức học	*Phạm-xuân-Độ*
Đạo đức	*Nguyễn-văn-Trung*
Đạo đức học tổng quát	*Trần-trinh-Khiết*
Luận triết học: Đạo đức học	*Trần-bích-Lan*

TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG

Lịch sử triết học Đông phương I, II, III, IV	*Nguyễn-đăng-Thục*
Tư Tưởng Việt-Nam	—
Triết lý văn hóa khái luận	*Trần-trọng-Kim*
Nho giáo I và II	*Ngô-tất-Tố*
Lão tử	—
Mặc tử	*Tạ-thanh-Bạch*
Đại học	—
Trung dung	*Nguyễn-duy-Cần*
Lão tử Đạo đức Kinh I và II	—
Trang tử Nam hoa Kinh I, II, III	—
Lão tử tinh hoa	—
Trang tử tinh hoa	—
Phật học tinh hoa	*Nhượng-Tống*
Nam hoa kinh	*Nguyễn-văn-Hầu*
V. N. Tam giáo sử đại cương	*Tuệ-Quang*
Phật giáo	

TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG

Triết học nhập môn	*K. Jaspers*
Học thuyết Bergson	*Lê-chí-Thiệp*
Phương pháp luận	*Descartes*
Ý thức luận	*Bergson*
Vật chất và ký ức	—
Năng lực tinh thần	—

GPKD số 1951 BTT/NHK/PHNT ngày 12-5-69

GIÁ : 35

3.20